

ĐIỀU TA NÊN BIẾT VỀ NHỮNG NGƯỜI
KHÔNG QUEN BIẾT

Malcolm Gladwell

Talking To Strangers

ĐỌC VỊ NGƯỜI LẠ
LAN DAO dịch

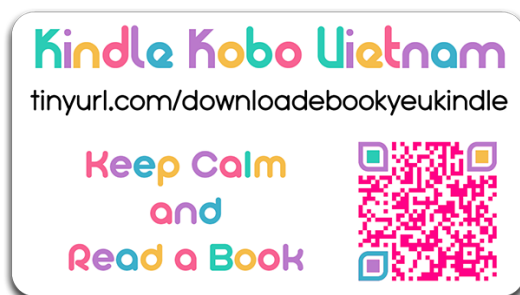


TO CAPPUCCINO
EBO



SCAN ME

THÔNG TIN EBOOK



Độc Vị Người Lạ - Talking To Strangers

Malcolm Gladwell

Alphabooks - Lan Dao Dịch

Nhà Xuất Bản Thế Giới

More Books At

fb.com/groups/yeukindlevietnam

Notion Ebook Member

tinyurl.com/downloadebookyeukindle



Mục lục

Lời nhắn của tác giả

Mở đầu: Hãy bước ra khỏi xe

PHẦN MỘT - TÌNH BÁO & NGOẠI GIAO

Chương một: Sự đáp trả của Fidel Castro

Chương hai: Để hiểu về Quốc Trưởng

PHẦN HAI - MẶC ĐỊNH VỚI SỰ THÀNH THẬT

Chương ba: Nữ hoàng Cuba

Chương bốn: Chàng thậm ngọc

Chương năm: Nghiên cứu tình huống: Cậu bé trong phòng tắm

PHẦN BA - TÍNH TƯƠNG ƯNG

Chương sáu: Ngụy biện "Những người bạn"

Chương bảy: Một giải thích "ngắn gọn" về trường hợp của Amanda Knox

Chương tám: Nghiên cứu tình huống: Bữa tiệc sinh viên

PHẦN BỐN - NHỮNG BÀI HỌC

Chương chín: KSM: Chuyện gì xảy ra khi người lạ là một tên khủng bố

PHẦN NĂM - GHÉP CẶP

Chương mười: Sylvia Plath

Chương mười một: Nghiên cứu tình huống: Thử nghiệm ở thành phố Kansas

Chương mười hai: Sandra Bland

Lời cảm ơn

Ghi chú

LỜI NHẮN CỦA TÁC GIẢ

Nhiều năm trước, trong một lần cha mẹ xuống thăm tôi ở thành phố New York, tôi quyết định đặt phòng cho họ ở khách sạn Mercer. Việc này có chút đùa giỡn của tôi. Khách sạn Mercer là một nơi lịch thiệp và sang chảnh, chỗ mà những người nổi tiếng và lầy lùng chọn ở. Cha mẹ tôi - đặc biệt là cha tôi - thì lại chẳng màng đến mấy chuyện như thế. Cha tôi không xem truyền hình, không đến rạp chiếu phim, không nghe nhạc đại chúng. Hẳn là ông sẽ nghĩ tạp chí People là một tờ chuyên về nhân học. Các lĩnh vực chuyên biệt của ông rất cụ thể: toán học, làm vườn và Kinh Thánh.

Lúc đến đón cha mẹ đi ăn tối, tôi có hỏi cha xem ngày hôm ấy của ông như thế nào. “Tuyệt vời!” ông đáp. Thì ra ông đã dành cả buổi chiều trò chuyện với một người đàn ông trong sảnh khách sạn. Đó là kiểu hành vi khá đặc trưng của cha tôi. Ông thích trò chuyện với những người lạ.

“Cha nói chuyện với người ta về cái gì?”

“Làm vườn!” cha tôi trả lời.

“Tên của người ấy là gì?”

“Ồ, cha chịu. Nhưng suốt cả buổi mọi người đến xếp hàng để được chụp ảnh với ông ấy và đề nghị ông ấy ký tên vào những mảnh giấy nhỏ”.

Vậy nếu người nổi tiếng Hollywood nào đọc cuốn sách này mà nhớ ra là đã từng trò chuyện với một người Anh có râu quai nón từ dạo lâu lắm rồi trong sảnh chờ của khách sạn Mercer, xin hãy liên hệ với tôi.

Đối với mọi người khác, hãy coi đây là một bài học. Đôi khi những cuộc trò chuyện thú vị nhất giữa những người lạ cho phép người lạ hãy cứ là một người lạ mặt.

Mở đầu

HÃY BƯỚC RA KHỎI XE

1 . Tháng 7 năm 2015, một phụ nữ trẻ người Mỹ gốc Phi tên là Sandra Bland đang lái xe từ quê nhà ở Chicago đến một thị trấn nhỏ cách phía tây thành phố Houston, Texas một giờ lái xe. Cô đang phỏng vấn tìm việc tại Đại học Prairie View A&M, ngôi trường mà cô đã tốt nghiệp vài năm trước. Cô cao ráo và nổi bật, với một cá tính phù hợp với vẻ bề ngoài. Cô tham gia hội nữ sinh Sigma Gamma Rho khi còn ở trong trường, và chơi trong ban nhạc giễu hành. Cô tham gia tình nguyện giúp một nhóm người cao tuổi. Cô thường xuyên đăng những đoạn video ngắn, truyền cảm hứng trên YouTube dưới cái tên “Tiếng nói Sandy”, hay mở đầu bằng “Chào buổi sáng, những Ông Vua và Bà Chúa xinh đẹp của tôi”.

Hôm nay con ở đây chỉ để ngợi ca Chúa, cảm tạ nhân danh Ngài. Con biết ơn Ngài không chỉ bởi hôm nay là sinh nhật của con, mà con tạ ơn Ngài vì sự trưởng thành, vì những ân điển mà Ngài đã ban cho cuộc đời con trong một năm qua. Chỉ để nhìn lại hai mươi tám năm con được sống trên trái đất này, với tất cả những điều kỳ diệu mà Ngài đã chỉ cho con thấy. Ngay cả khi con từng mắc lỗi, con chắc chắn đã có lúc phạm sai lầm, Ngài vẫn luôn yêu thương con, và con chỉ muốn tất cả những Ông Vua, Bà Chúa ở ngoài kia biết rằng Ngài cũng yêu thương cả họ nữa.

Bland nhận được việc ở Prairie View. Cô quá sức vui sướng. Kế hoạch của cô sau này sẽ là vừa làm vừa học tiếp bằng thạc sĩ ngành khoa học chính trị. Vào buổi chiều ngày 10 tháng 7, cô rời khỏi trường đại học để đi mua thực phẩm, và khi rẽ phải vào đường cao tốc nằm cạnh vòng xuyên của khuôn viên trường Prairie View, cô bị cảnh sát ra hiệu dừng xe. Tên của anh ta là Brian Encinia: da trắng, tóc ngắn tối màu, ba mươi tuổi. Anh ta lịch sự - ít nhất là lúc đầu. Anh ta cho cô biết cô đã không bật đèn xi nhan khi chuyển làn. Anh ta hỏi cô vài câu. Cô trả lời. Rồi Bland châm một điếu thuốc, và Encinia yêu cầu cô vứt điếu thuốc đi.

Cuộc trao đổi tiếp sau của họ được ghi lại bởi camera nằm ở đầu xe của anh ta và đã có vài triệu lượt xem trên YouTube, ở dạng thức này hoặc dạng thức khác.

Bland: Tôi ngồi trong xe của tôi, sao tôi phải vứt điếu thuốc của mình đi?

Encinia: Được rồi, cô bước ra khỏi xe ngay.

Bland: Tôi không việc gì phải ra khỏi xe.

Encinia: Bước ra khỏi xe.

Bland: Tại sao tôi...

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Không, anh không có quyền. Không, anh không có quyền.

Encinia: Bước ra khỏi xe.

Bland: Anh không hề có quyền. Anh không có quyền yêu cầu thế.

Encinia: Tôi có quyền, nào, bước ra khỏi xe không tôi sẽ kéo cô ra.

Bland: Tôi từ chối nói chuyện với anh ngoại trừ xưng danh tính của mình. [*cắt ngang*] Tôi buộc phải ra khỏi xe chỉ vì quên không bật đèn xi nhan?

Encinia: Bước ra nếu không tôi sẽ buộc cô phải ra.

Bland: Còn tôi sẽ gọi điện cho luật sư.

Bland và Encinia tiếp tục cuộc giằng co khó chịu một lúc lâu. Cảm xúc tăng vọt.

Encinia: Tôi sẽ kéo cô ra khỏi đây. [*Vươn tay vào trong xe*]

Bland: Anh định kéo tôi ra khỏi xe của tôi á? OK, được rồi.

Encinia: [*Gọi hỗ trợ*] 2547.

Bland: Thử cùng làm xem sao.

Encinia: Phải, chúng ta sẽ làm thế. [*Tóm lấy Bland*] Bland: Đừng có động vào tôi!

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Đừng động vào tôi. Đừng động vào tôi! Tôi không bị bắt - anh không có quyền kéo tôi ra khỏi xe.

Encinia: Cô bị bắt!

Bland: Tôi bị bắt á? Vì tội gì? Tội gì? Tội gì?

Encinia: [*Với bộ đàm*] 2547 Hạt FM 1098 [*câm tiếng*] Cử đội hỗ trợ. [*Với Bland*] Bước ra khỏi xe! Bước ra khỏi xe ngay!

Bland: Tại sao tôi lại bị bắt? Anh đang định ghi phiếu phạt vì tôi quên... Encinia: Tôi nói bước ra khỏi xe!

Bland: Tại sao tôi lại bị bắt? Anh vừa mở cửa xe--

Encinia: Tôi đang yêu cầu cô tuân thủ luật pháp. Tôi sẽ kéo cô ra khỏi đây.

Bland: Thế ra anh đang dọa sẽ kéo tôi ra khỏi chính xe của tôi?

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Và rồi anh sẽ [*câm tiếng*] tôi?

Encina: Tôi sẽ làm cho cô sáng mắt! Bước ra! Ngay bây giờ!
[*Rút súng ngắn ra và nhắm vào Bland*]

Bland: Ấy khoan! Khoan! [*Bland ra khỏi xe.*]

Encinia: Bước ra. Ngay. Ra khỏi xe!

Bland: Chỉ vì quên xi nhan? Anh làm tất cả những việc này chỉ vì tôi quên xi nhan?

Bland bị bắt giữ và tạm giam. Ba ngày sau, cô tự tử chết trong buồng giam.

2. Trường hợp Sandra Bland xảy ra giữa một quãng ngừng lạ lùng trong đời sống cộng đồng Mỹ. Sự ngắt quãng bắt đầu vào cuối mùa hè năm 2014, khi một thanh niên da đen mười tám tuổi tên là Michael Brown bị một cảnh sát bắn tới chết ở Hạt Ferguson, Missouri. Cậu này bị cho là vừa “thó” một bao thuốc trong một cửa hàng tiện dụng. Vài năm tiếp theo lần lượt diễn ra các trường hợp nghiêm trọng khác liên quan đến bạo lực cảnh sát đối với người da đen. Các cuộc tuần hành và biểu tình diễn ra trên khắp đất nước. Phong trào nhân quyền có tên gọi Black Lives Matter (*Sinh mạng Da đen Đáng giá*) ra đời. Trong một khoảng thời gian, người Mỹ không ngớt nói về chuyện này. Có thể bạn vẫn nhớ một vài cái tên từng được nhắc đến trong các bản tin. Ở Baltimore, một thanh niên da đen tên là Freddie Gray đã bị bắt giữ vì mang bên mình một con dao bấm và rơi vào hôn mê trong thùng xe cảnh sát. Bên ngoài Minneapolis, một thanh niên da đen tên là Philando Castile bị cảnh sát ra hiệu dừng xe trên đường và rồi bị bắn bảy phát liên tiếp không thể lý giải nổi sau khi đưa cho viên cảnh sát giấy chứng nhận bảo hiểm. Ở thành phố New York, người đàn ông da đen có tên Eric

Garner bị một toán cảnh sát tiếp cận vì nghi ngờ anh ta bán thuốc lá trái phép, sau đó bị bóp cổ đến chết trong cuộc giằng co. Ở Bắc Charleston, bang Nam Carolina, người đàn ông có tên Walter Scott bị cảnh sát dừng xe vì đèn chiếu hậu không hoạt động, đã chạy ra khỏi ô tô và bị viên cảnh sát da trắng bắn chết từ phía sau. Scott bị giết vào ngày 4 tháng 4 năm 2015. Sandra Bland đã dành riêng một tập để nói về anh ta trên kênh “Tiếng nói Sandy”.

Chào buổi sáng, các Ông Vua, Bà Chúa xinh đẹp... Tôi không phân biệt chủng tộc. Tôi lớn lên ở Villa Park, Illinois. Tôi là cô bé da đen duy nhất trong đội nhảy cổ động toàn da trắng... Hỡi những người da đen, các bạn sẽ không thể thành công trong thế giới này cho đến khi học được cách làm việc với người da trắng. Tôi muốn người da trắng thực sự hiểu được rằng trong cuộc sống ở ngoài kia, những người da đen cũng đang làm hết mức có thể... và chúng tôi không thể ngăn nỗi cảm giác phẫn nộ khi nhìn ra những tình cảnh mà rõ ràng ở đó sinh mạng người da đen không có nghĩa lý gì. Còn đối với những người đặt câu hỏi tại sao anh ta lại bỏ chạy, ôi khốn nạn, cứ đọc những tin tức gần đây thì biết, người ta cứ việc đứng im, tuân lệnh cảnh sát và vẫn bị giết chết đó thôi.

Ba tháng sau, chính cô cũng chết.

Cuốn sách này là một nỗ lực để hiểu điều gì đã thực sự diễn ra bên lề đường cao tốc ngày hôm ấy ở vùng nông thôn Texas.

Tại sao tôi lại viết một cuốn sách về một vụ dừng giao thông chuyển hướng tội tệt? Bởi vì cuộc tranh luận bùng nổ sau một dây các trường hợp như thế thực sự không khiến người ta tâm phục khẩu phục. Một bên thì đẩy cuộc thảo luận theo hướng phân biệt chủng tộc - kể cả nhìn xuống từng trường hợp từ độ cao ba nghìn

mét. Một phía thì dò xét từng chi tiết trong từng trường hợp với một chiếc kính lúp. Viên cảnh sát ấy *giống* kiểu người nào? Chính xác thì anh ta đã làm gì? Một bên nhìn thấy cánh rừng nhưng không thấy cây. Phía còn lại thì nhìn thấy cây nhưng không thấy rừng.

Mỗi bên đều đúng, theo lý lẽ của riêng họ. Định kiến và yếu kém đã được mang ra để giải thích rõ ràng cho sự lệch lạc xã hội trong lòng Hoa Kỳ. Nhưng ta phải làm gì với chẩn đoán hay bất bệnh của mỗi trường hợp, ngoài thề nguyện, với tất cả lòng thành thực, rằng sẽ cố gắng hơn trong lần tiếp theo? Có những tay cóm bản. Có những tay cóm thiên kiến. Những người bảo thủ thích cách hiểu trước, người ủng hộ tự do thích cách hiểu sau. Rốt cuộc thì cả hai bên triệt tiêu lẫn nhau. Những viên cảnh sát vẫn tiếp tục giết người ở đất nước này nhưng những cái chết ấy không còn thu hút sự chú ý của báo chí nữa. Tôi đồ rằng chính bạn lúc này cũng có thể phải ngừng lại một chút để nhớ xem Sandra Bland là ai. Chúng ta đã đặt những tranh cãi ấy sang một bên sau một quãng thời gian kha khá và rời dịch chuyển qua những vấn đề khác.

Tôi không muốn dịch chuyển sang các vấn đề khác.

3. Vào thế kỷ XVI, có gần bảy mươi cuộc giao tranh giữa các quốc gia và lãnh địa ở châu Âu. Đan Mạch chiến đấu với Thụy Điển. Ba Lan giao chiến với các Hiệp sĩ Teuton. Đế quốc Ottoman chống lại Đế chế Venetian. Người Tây Ban Nha đánh nhau với người Pháp - vân vân và vân vân. Nếu có một mẫu số chung cho mỗi bất hòa bất tận ấy, thì đó là các trận chiến, hải hùng thay, đều liên quan đến những người láng giềng với nhau. Bạn chiến đấu với người ở ngay bên kia chiến tuyến, vốn là những người vẫn ở ngay bên kia biên giới của bạn từ đời nào tới giờ. Hoặc bạn đánh nhau với người ở

trong cùng đường biên: Chiến tranh Ottoman năm 1509 là cuộc tranh chấp giữa hai anh em ruột. Xuyên suốt phần lớn lịch sử loài người, các cuộc đối đầu - đấu thù nghịch hay là loại khác - thường hiếm khi xảy ra giữa những người xa lạ. Những người bạn gặp và giao tranh thường cũng tin vào vị Chúa của bạn, xây dựng nhà cửa và sắp đặt thành trì giống như cách bạn làm, và họ cũng mang vào trận mạc cùng loại vũ khí và cùng tuân thủ những luật lệ chiến tranh như bạn.

Nhưng cuộc đao binh đẫm máu nhất thế kỷ XVI lại không hề mang bất cứ một nét mẫu hình nào như thế. Khi vị tướng xâm lược người Tây Ban Nha Hernán Cortés lần đầu tiên gặp thủ lĩnh của người Aztec Montezuma II, cả hai người họ đều không biết tí gì về đối phương, không một chút nào.

Tướng Cortés đặt chân lên bờ cõi Mexico vào tháng 2 năm 1519 và từ từ từng bước tiến vào nội địa, hướng về phía Aztec, thủ phủ của vùng Tenochtitlán. Khi Cortés và đạo quân tới nơi, họ thực sự sửng sốt. Tenochtitlán là một vùng rộng lớn kỳ vĩ và tráng lệ hơn bất cứ thành phố nào mà Cortés và đoàn tùy tùng từng biết đến khi còn ở Tây Ban Nha. Đó là một thành phố nằm trên một hòn đảo, liên kết với đại lục bằng những cây cầu và những con kênh bắc ngang. Nơi đây có những đại lộ rộng lớn, hệ thống cống dẫn nước liên thông, những khu chợ sầm uất, những đền đài được xây dựng trát vữa trắng bóc sáng lấp lánh, những khu vườn công cộng, thậm chí còn có cả sở thú. Còn một điều nữa, ấy là nơi đây sạch bong không một vũng bẩn - đối với người từng lớn lên trong bùn đất bẩn tưới của các thành phố châu Âu thời trung cổ thì ắt hẳn đây gần như một điều kỳ diệu.

“Khi được tận mắt chứng kiến những phố thị và làng mạc được dựng trên mặt nước cùng những thị trấn trù phú trong đất liền, chúng tôi cảm thấy ngỡ ngàng tột độ và bảo nhau rằng những gì trông thấy như được phù phép vậy”, một trong những tướng lĩnh của Cortés là Bernal Díaz del Castillo hồi tưởng. “Và thậm chí vài chàng lính còn thốt lên không biết những gì hiện ra trước mắt có phải là một giấc mơ?... Tôi cũng không biết phải miêu tả như thế nào khi nhìn thấy những thứ mà từ thuở cha sinh mẹ đẻ chúng tôi chưa từng được thấy, thậm chí còn chẳng nằm mơ được”.

Những người Tây Ban Nha được một hội đồng tướng lĩnh người Aztec chào đón ở cổng thành Tenochtitlán, sau đó họ được dẫn đến gặp Montezuma. Vị thủ lĩnh với vẻ uy nghi siêu thực của một bậc quân vương, ngồi trên kiệu thêu thùa vàng, bạc, gắn tràng hoa và đá quý. Một kẻ hầu cận trong triều đình đi trước cử lễ, quét sạch đường. Cortés bước xuống ngựa. Kiệu của Montezuma hạ thấp xuống. Cortés, theo thói quen của người Tây Ban Nha, bước tới ôm hôn thủ lĩnh của người Aztec - nhưng bị những người hầu cận của Montezuma chặn lại. Không ai được phép *ôm hôn* Montezuma. Thay vào đó, hai bên chấp tay cúi đầu chào nhau.

“Phải Ngài đó không? Ngài là Montezuma?”

Montezuma đáp lời: “Phải, chính ta”.

Chưa từng có người châu Âu nào đặt chân tới Mexico. Chưa hề có người Aztec nào từng gặp một người Âu châu. Cortés không biết gì về Aztec ngoài cảm giác sững sờ trước sự tráng lệ và trù phú của thành phố mà người Aztec đã gây dựng. Montezuma cũng không biết gì về Cortés, ngoài việc thấy ông tướng này tiến về phía vương quốc của người Aztec với vẻ liêu lĩnh đường hoàng, được võ trang

bởi những món vũ khí kỳ lạ và mang theo một giống loài to lớn, bí hiểm - ngựa chiến - mà người Aztec chưa từng trông thấy bao giờ.

Ai mà không băn khoăn tự hỏi tại sao cuộc gặp gỡ giữa Cortés và Montezuma cho đến nay vẫn làm kinh ngạc biết bao nhà sử học trong suốt nhiều thế kỷ đã qua? Vào đúng khoảnh khắc ấy - hơn 500 năm về trước - khi những nhà thám hiểm bắt đầu vượt các đại dương và tiến hành những cuộc chinh phục táo tợn đến những miền đất chưa từng biết tới trước đó, đã có một kiểu đối đầu hoàn toàn mới mẻ nổi lên. Cortés và Montezuma muốn đối thoại với nhau, ngay cả khi họ không biết gì về người còn lại. Khi Cortés hỏi Montezuma “Phải Ngài đó không?” ông ta không trực tiếp nói ra những từ ấy. Cortés chỉ biết tiếng Tây Ban Nha. Ông mang theo hai thông dịch viên đi cùng. Một người là cô gái Anh-điêng bản địa có tên là Malinche, bị lính Tây Ban Nha bắt vài tháng trước đó. Cô biết tiếng Nahuatl và tiếng Maya của người Aztec, đó là các ngôn ngữ được sử dụng trên lãnh thổ Mexico, nơi Cortés bắt đầu hành trình chinh phạt. Cortés còn có một thầy tu người Tây Ban Nha tên là Gerónimo del Aguilar, ông này bị đắm tàu ở Yucatán và học được tiếng Maya trong thời gian lưu trú ở đó. Thế là Cortés nói với Aguilar bằng tiếng Tây Ban Nha. Aguilar dịch sang tiếng Maya cho Malinche. Và Malinche dịch từ tiếng Maya sang tiếng Nahuatl cho Montezuma - và khi Montezuma trả lời, “Phải, chính ta”, thì đường dây thông dịch dài dằng dặc lại chạy theo chiều ngược lại. Phương thức tương tác dễ dàng mặt-đối-mặt mà mỗi bên vẫn từng quen thuộc từ thuở lọt lòng đột nhiên trở nên phức tạp một cách tuyệt vọng.^[1]

[1] . Ý tưởng Montezuma coi Cortés là một vị thần đã được sử gia Camilla Townsend, trong số những người khác, lý giải khá hợp lý. Townsend lập luận rằng có thể đó chỉ là một sự hiểu lầm, bởi vì thực tế trong tiếng Nahuatl, từ teotl được dùng để chỉ Cortés và đoàn tùy tùng, khi dịch sang tiếng Tây Ban Nha sẽ thành vị thần. Nhưng Townsend cho rằng người Aztec sử dụng từ đó chỉ bởi vì họ “cần phải gọi những người Tây Ban Nha này bằng một cái gì đó, và rõ ràng là họ hoàn toàn không biết cái gì đó nên là cái gì... Trong vũ trụ của người Nahuatl hiện hữu cho đến thời điểm ấy, một người luôn được gắn với một làng mạc cụ thể hoặc một trấn, phủ, hoặc, cụ thể hơn nữa, là một người đảm nhiệm một vị trí xã hội (người cống nạp, hoàng thân, hay người hầu). Những người mới này không phù hợp với bất cứ vị trí nào hết.

Cortés được đưa đến một trong những cung điện của Montezuma - nơi mà Aguila về sau đã miêu tả là có “vô số phòng ở bên trong, có những phòng chờ và những đại sảnh lộng lẫy, có những giường nệm phủ dài, gối làm từ lông vũ và sợi bông, chăn phủ lông vũ và những chiếc áo choàng lông trắng tinh đáng thèm muốn”. Sau bữa tối, Montezuma nhập cuộc với Cortés cùng đoàn tùy tùng và trình trọng phát biểu. Ngay lập tức sự bối rối xuất hiện. Theo như những gì mà người thông dịch Tây Ban Nha truyền đạt lại lời của Montezuma, thì thủ lĩnh của người Aztec đang bày tỏ một sự hàng phục gây sửng sốt: ông ta tin rằng Cortés chính là một vị thần, xuất hiện theo đúng lời tiên tri cổ xưa rằng có một đấng thần linh bị lưu đày sẽ quay trở lại từ phương đông. Và kết quả là ông ta đã chấp nhận hàng phục trước Cortés. Bạn có thể hình dung ra phần

ứng của Cortés: thành phố huyền diệu này giờ đây chính thực thuộc về ông ta.

Nhưng có đúng thực đó là điều mà Montezuma muốn nói? Nahuatl, ngôn ngữ của người Aztec có một kiểu nói ngược. Một nhân vật hoàng gia như Montezuma sẽ nói chuyện bằng mật mã, mà theo truyền thống văn hóa, những người quyền cao vọng trọng thể hiện vị thế của mình bằng cách nói khiêm tốn giả hiệu. Như nhà sử học Matthew Restall đã chỉ ra, trong tiếng Nahuatl, từ có nghĩa *quý tộc* không gì khác chính là từ có nghĩa tương ứng là *trẻ ranh*. Khi một bậc quân vương như Montezuma nhắc đến bản thân bằng một sự nhún nhường và yếu thế, thì nói cách khác, ông ta thực ra đang muốn thể hiện rằng ông ta đầy tự tin và uy quyền.

“Để dịch được chính xác một thứ ngôn ngữ như thế rõ ràng là một sự bất khả”, Restall viết:

Người diễn thuyết thường buộc phải nói ngược lại với những gì anh ta thực sự muốn nói. Ý nghĩa thực sự được gói ghém trong cách sử dụng ngôn ngữ đảo chiều. Bỏ qua những mập mờ sắc thái trong dịch thuật và tam sao thất bản khi sử dụng nhiều thông dịch viên... thì không chỉ những bài phát biểu như của Montezuma khó có khả năng được thông hiểu chính xác, mà ý nghĩa của nó còn có thể hoàn toàn bị đảo lộn. Trong trường hợp này, bài diễn thuyết của Montezuma không hề là lời đầu hàng; nó là lời phát biểu chấp thuận sự hàng phục của người Tây Ban Nha.

Có thể bạn vẫn nhớ bài học lịch sử trong trường trung học về cuộc đối đầu giữa Cortés và Montezuma kết thúc như nào.

Montezuma bị Cortés bắt giữ và sau đó bị sát hại. Hai bên nổ ra chiến tranh. Có đến hai mươi triệu người Aztec bị xóa sổ, bị giết dưới tay của người Tây Ban Nha hoặc bị chết do dịch bệnh mà họ mang theo. Tenochtitlán bị phá hủy. Cuộc xâm chiếm của Cortés vào Mexico đánh dấu một kỷ nguyên chinh phục mở mang bờ cõi tàn bạo. Và nó đồng thời cũng giới thiệu một hình mẫu mới mẻ và khác biệt trong tương tác xã hội. Ngày nay con người liên tục ném mình vào quan hệ tương tác với những người mang những giả định, viễn kiến và nền tảng hoàn toàn khác biệt với chúng ta. Thế giới hiện đại không còn là chuyện cừu hận giữa hai anh em tranh giành quyền cai quản Đế chế Ottoman nữa. Mà là chuyện của những Cortés và Montezuma xoay xỏa để hiểu được nhau thông qua muôn tầng thông dịch. Cuốn sách này giúp tìm hiểu tại sao chúng ta lại kém cỏi đến thế trong nghệ thuật diễn dịch này.

Mỗi một chương sách tiếp theo sẽ dành trọn vẹn để thấu hiểu một khía cạnh khác nhau trong vấn đề kỳ lạ này. Bạn sẽ được nghe kể rất nhiều ví dụ - tất cả đều được trích xuất từ tin tức báo chí. Tại đại học Stanford ở bắc California, cậu sinh viên năm nhất có tên Brock Turner gặp gỡ cô gái trong một bữa tiệc, và đến đêm hôm ấy, cậu ta bị cảnh sát bắt giữ. Ở Đại học Bang Pennsylvania, cựu trợ lý huấn luyện viên của đội bóng bầu dục của trường, Jerry Sandusk, bị kết án tội ấu dâm, và hiệu trưởng của nhà trường cùng hai trợ lý đặc lực của ông bị kết án đồng lõa với tội ác trên. Bạn sẽ đọc câu chuyện về một điệp viên nằm vùng nhiều năm, đã leo lên những tầng cao nhất của Lầu Năm Góc mà không bị phát hiện, về người đã lật tẩy bộ mặt của nhà quản lý quỹ đầu tư Bernie Madoff, về án lệ

của sinh viên Mỹ Amanda Knox trong chương trình trao đổi du học sinh, và về vụ tự tử của nhà thơ Sylvia Plath.

Trong tất cả các trường hợp, các bên liên quan đều trông cậy vào một bộ chiến lược diễn giải từ ngữ và ý định của đối phương. Và trong từng trường hợp, đều có một điều gì đó chệch hướng xảy ra. Trong cuốn sách này, tôi muốn hiểu những chiến lược ấy - phân tích chúng, chỉ trích chúng, xác định xem chúng đến từ đâu, và tìm ra cách để sửa chữa chúng. Đến cuối cuốn sách tôi sẽ quay trở lại với Sandra Bland, bởi vì có một điều gì đó trong cuộc chạm trán bên lề đường cao tốc ấy hẳn vẫn ám ảnh chúng ta. Hãy nghĩ xem nó *khó khăn* tới mức nào. Sandra Bland không phải là người mà Brian Encinia quen biết trong khu dân cư hoặc ở ngay con phố bên cạnh. Đáng lẽ mọi sự có thể dễ dàng thế này: *Sandy! Chị khỏe không? Lần sau nhớ lái xe cẩn thận hơn chút nhé.* Nhưng thay vào đó, bạn có một Bland đến từ Chicago và một Encinia đến từ Texas, một người là đàn ông, người còn lại là phụ nữ, một người da đen và một người da trắng, một nhân viên cảnh sát và một thường dân, một người được trang bị vũ khí, một người thì không. Họ là những người lạ với nhau. Nếu xã hội của chúng ta biết nghĩ thấu đáo hơn một chút - nếu chúng ta sẵn lòng tự vấn lương tâm hơn một chút khi tiếp cận và lý giải những người xa lạ với mình - thì có lẽ cô ấy đã không phải chịu kết cục bỏ mạng trong một phòng giam của bang Texas.

Nhưng để bắt đầu, tôi có hai câu hỏi - hai bài toán hóc búa về những người xa lạ - từ câu chuyện do một người đàn ông tên là Florentino Aspillage kể cách đây nhiều năm trong một phòng thẩm vấn ở nước Đức.

PHẦN MỘT
TÌNH BÁO & NGOẠI GIAO

Chương một

SỰ ĐÁP TRẢ CỦA FIDEL CASTRO

1 . Nhiệm vụ cuối cùng của Florentino Aspillaga là ở Bratislava, nước Tiệp Khắc thời bấy giờ. Đó là vào năm 1987, hai năm trước khi Bức màn sắt sụp đổ. Aspillaga điều hành một công ty tư vấn có tên Cuba Tecnica, nơi đáng lẽ phải làm gì đó liên quan đến thương mại. Nhưng không. Đó chỉ là vỏ bọc. Aspillaga là sĩ quan cao cấp của Cơ quan Tình báo Cuba.

Aspillaga từng nhận danh hiệu nhân viên tình báo của năm trong ngành phục vụ tình báo Cuba năm 1985. Ông từng nhận được thư khen ngợi do chính tay Fidel Castro viết. Ông đã phụng sự đất nước bằng sự xuất sắc ở Moscow, Angola và Nicaragua. Ông là một ngôi sao sáng. Từ Bratislava, ông điều hành toàn bộ mạng lưới tình báo Cuba trong khu vực.

Nhưng vào một lúc, trên con đường đi lên vũng vàng trong sự nghiệp tình báo Cuba của mình, ông dần thay đổi... Ông lên kế hoạch đào tẩu vào ngày 6 tháng 6 năm 1987. Đó là một trò đùa láu cá chỉ người trong cuộc mới hiểu. Ngày 6 tháng 6 là ngày kỷ niệm thành lập Sở Nội Vụ Cuba - cơ quan nắm toàn quyền điều hành hoạt động tình báo quốc gia. Nếu anh làm việc cho Cơ quan Tình báo Quốc gia Cuba thì hẳn là sẽ thường kỳ tham dự lễ chào mừng ngày 6 tháng 6 hằng năm. Sẽ có những bài diễn văn, các buổi tiệc

mừng, các lễ kỷ niệm nhằm tôn vinh bộ máy tình báo Cuba. Aspillaga muốn sự phản bội của mình *nhói buốt*.

Ông hẹn gặp bạn gái Marta trong một công viên ở trung tâm Bratislava. Hôm ấy là chiều thứ bảy. Cô này cũng là người Cuba, một trong hàng ngàn công nhân nước ngoài làm việc trong các công xưởng của Tiệp Khắc. Giống như tất cả những người Cuba ở địa vị ấy, hộ chiếu của cô bị giữ trong văn phòng của chính phủ Cuba ở Praha. Chắc hẳn là Aspillaga đã lén đưa được cô qua biên giới trót lọt. Ông có một chiếc Mazda công vụ. Ông đã tháo bỏ lớp dự phòng trong cốp xe, đục một lỗ thông khí trên sàn và bảo cô trèo vào nằm trong đó.

Đông Đức, thời điểm ấy, vẫn đang ngăn cách với phần còn lại của châu lục bởi Bức tường. Di chuyển giữa hai bờ Đông và Tây bị kiểm soát chặt chẽ. Nhưng Bratislava chỉ cách thành phố Vienna có một quãng lái xe, và Aspillaga trước đó đã từng qua lại chặng đường này. Ông đã được quen mặt ở biên giới và lại có hộ chiếu ngoại giao trong tay. Lính gác chỉ việc vẫy tay cho xe qua.

Đến Vienna, ông và Marta vứt bỏ chiếc Mazda, gọi taxi và trình diện trước cửa Đại sứ quán Hoa Kỳ. Lúc đó là tối thứ bảy. Tất cả nhân viên cao cấp đều đã ở nhà. Nhưng Aspillaga chẳng cần cố gắng cũng có được sự chú ý của lính gác: “Tôi là một nhân viên thuộc Tình báo Cuba. Tôi là một *sĩ quan chỉ huy tình báo*”.

Trong nghề điệp viên, sự xuất hiện của Aspillaga trước cửa đại sứ quán ở Vienna được gọi là *vãng lai*. Một nhân viên thuộc một cơ quan tình báo của một quốc gia đột nhiên xuất hiện, bất ưng, trước cổng cơ quan tình báo của một quốc gia khác. Và Florentino “Tí hon” Aspillaga là một trong những nhân vật *vãng lai* vĩ đại nhất trong

Chiến tranh Lạnh. Những gì ông ta biết về Cuba - và đồng minh thân cận, Liên Xô - thì nhạy cảm tới mức ông ta bị các sếp cũ ở cơ quan tình báo Cuba truy tìm và ám sát hụt đến hai lần sau cuộc đào tẩu. Cả hai lần ông đều chuội thoát. Kể từ đó, chỉ có duy nhất một lần Aspillaga lộ diện. Người gặp được là Brian Latell, từng phụ trách điều hành văn phòng CIA Mỹ Latinh trong rất nhiều năm.

Latell nhận được tin báo từ một điệp viên ngầm, người này hoạt động trong vai trò là trung gian của Aspillaga. Ông gặp nhân vật trung gian này trong một nhà hàng ở Coral Gables, ngay rìa Miami. Ở đó, ông được hướng dẫn đến một điểm hẹn khác gần nơi Aspillaga sinh sống dưới danh tính mới. Latell thuê một phòng khách sạn, ở một nơi vô danh và chờ Tí hon tới.

“Ông ta trẻ hơn tôi. Tôi bảy mươi lăm tuổi. Ông ta khi ấy chắc chỉ tầm ngoài sáu mươi”, Latell kể, hồi tưởng lại cuộc gặp. “Nhưng ông ta có vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe. Ý tôi là, một kẻ phản quốc, ẩn mình với danh tính mới, rất là nhọc”.

Nhưng ngay cả trong tình trạng xuống cấp, dẫu vậy, người ta vẫn cảm nhận được một Aspillaga trẻ tuổi hẳn sẽ như thế nào, Latell kể: quyến rũ, mảnh dẻ và có một chút gì đó kịch sĩ về người này - một kiểu khát thèm ném trái những thử thách và những hành động long trời lở đất. Khi đến khách sạn, Aspillaga mang theo một chiếc hộp. Ông ta đặt nó xuống bàn và quay về phía Latell.

“Đây là bản thảo hồi ký mà tôi đã viết không lâu sau khi bỏ trốn”, ông ta nói. “Tôi muốn ông có nó”.

Bên trong chiếc hộp, trên những trang hồi ký của Aspillaga, là một câu chuyện hoàn toàn vô lí.

2. Sau sự xuất hiện kịch tính trước đại sứ quán Hoa Kỳ ở Vienna, Aspillaga được hộ tống bay tới một trung tâm thẩm vấn nằm trong căn cứ Quân sự Hoa Kỳ ở Đức. Trong những năm ấy, tình báo Hoa Kỳ hoạt động trong Khu Lợi Ích Hoa Kỳ ở Havana, dưới quốc kỳ Thụy Sĩ. (Tổ chức Cuba cũng có một trụ sở tương tự như thế trong nước Mỹ). Trước khi buổi thẩm vấn bắt đầu, Aspillaga có một yêu cầu: ông ta muốn CIA mời đến vị cựu đội trưởng trạm Havana, một người đàn ông được tình báo Cuba biết đến với cái tên “el Alpinista” - Người Leo Núi.

Người Leo Núi đã tham gia công tác tình báo ở khắp các mặt trận trên toàn thế giới. Sau khi Bức tường Berlin sụp đổ, các tài liệu lưu trữ từ KGB và cảnh sát mật Đông Đức tiết lộ họ đã tổ chức hẳn một khóa giảng dạy về Người Leo Núi cho các đặc vụ của mình. Nghiệp vụ tình báo của ông ta hoàn hảo không tì vết. Một lần, các sĩ quan tình báo Liên Xô đã cố tuyển mộ ông: họ đã đặt hàng bao tải tiền, theo nghĩa đen hẳn hoi, trước mặt ông ta. Ông ta phẩy tay đuổi đi và chế nhạo họ. Người Leo Núi không thể bị mua chuộc. Ông ta nói tiếng Tây Ban Nha như người Cuba. Đó chính là hình mẫu lý tưởng của Aspillaga. Aspillaga mong muốn được gặp mặt đối mặt với ông.

“Khi ấy tôi đang làm nhiệm vụ ở một quốc gia khác thì nhận được tin nhắn giục giã quay trở lại Frankfurt”, Người Leo Núi nhớ lại. (Mặc dù đã giải nghệ khỏi CIA từ rất lâu, ông vẫn muốn được nhận diện bằng bí danh của mình.) “Frankfurt có một trung tâm xử lý đào ngũ. Họ cho tôi biết có một nhân vật vừa tới đại sứ quán ở Vienna. Ông ta trốn khỏi Tiệp Khắc với cô bạn gái giấu trong cốp xe, trình diện và đòi được nói chuyện với tôi. Tôi nghĩ điều đó thật điên rồ”.

El Alpinista đến thẳng trung tâm thẩm vấn. “Tôi thấy có bốn sĩ quan chỉ huy đã ngồi sẵn trong phòng khách”, ông kể. “Họ bảo tôi là Aspillaga đang ở trong phòng ngủ làm tình với cô bạn gái, ông ta liên tục làm việc này kể từ khi được đưa đến căn nhà trú ẩn. Sau đó tôi bước vào nói chuyện với ông ta. Ông ta cao lêu nghêu, ăn vận xuềnh xoàng, đúng kiểu thường thấy ở những người Đông Âu và Cuba hồi ấy. Hơi luộm thuộm. Nhưng ngay tức thì người ta có thể nhận ra đó là một gã rất thông minh”.

Khi bước vào, Người Leo Núi không cho Aspillaga biết mình là ai. Ông cố tỏ ra bí hiểm; Aspillaga là một ẩn số. Nhưng chỉ trong vòng vài phút Aspillaga đã nhận ra. Đó là một khoảnh khắc của kinh ngạc và vỡ òa. Hai người đàn ông ôm chầm lấy nhau, một phong cách Cuba.

“Chúng tôi trò chuyện chừng năm phút trước khi bắt đầu đi vào công việc. Bất cứ khi nào bạn thẩm vấn một trong những người này, bạn cần một ai đó chứng minh tính xác tín của họ”, Người Leo Núi nói. “Vì thế, về căn bản, tôi hỏi ông ta xem ông ta có thể nói những gì về tổ chức [tình báo Cuba]”.

Chỉ đến lúc ấy Aspillaga mới hé lộ quả bom tấn mà ông ta mang theo, thông tin đã mang ông ta từ phía sau Bức màn sắt đến trước cửa đại sứ quán ở Vienna. CIA có một mạng lưới điệp viên trong lòng Cuba, những người có nhiệm vụ chuyển báo cáo cho các sĩ quan phụ trách của họ nhằm định hình sự thấu hiểu của người Mỹ đối với kẻ thù của họ. Aspillaga đọc tên một trong số họ và nói, “Anh ta là điệp viên hai mang. Anh ta làm việc cho chúng tôi”. Cả phòng sững sờ. Họ không hề có chút manh mối nào. Aspillaga tiếp tục nói. Ông ta đọc tên một điệp viên khác. “Anh ta cũng là hai mang”. Một

người nữa, và lại một người nữa. Ông ta biết đầy đủ tên họ, các chi tiết, nhiệm vụ và ám hiệu. *Người đó các ông tuyển mộ trên một tàu thủy ở Antwerp. Gã béo tí hon với râu quai nón kia ư? Cũng là hai mang. Còn người kia, bị thọt chân, làm việc trong bộ quốc phòng ấy hả? Hẳn là hai mang.* Ông ta tiếp tục như thế cho đến khi liệt kê ra hàng tá cái tên - về cơ bản là toàn bộ điệp viên mật của Mỹ cắm rễ trong lòng Cuba. Tất cả bọn họ đều làm việc cho Havana, mớm cho CIA những thông tin đã được chế biến kỹ càng bởi các đầu bếp Cuba.

“Tôi ngồi đó và ghi chép”, Người Leo Núi nói. “Tôi cố không để lộ chút cảm xúc nào. Đó là những gì chúng tôi đã được đào tạo. Nhưng tim của tôi đập thành thịch”.

Aspillaga đang nói chuyện với Người Leo Núi về những đồng đội của ông, những điệp viên cộng tác với ông khi ông còn làm nhiệm vụ ở Cuba, trong vai trò là một sĩ quan tình báo trẻ tuổi và tham vọng. Khi lần đầu đặt chân tới Havana, Người Leo Núi đã quyết định chọn cách tiếp cận với các nguồn tin của mình một đòn dập, liên tục đào xới để kiếm thông tin từ họ. “Vấn đề là, nếu anh có một điệp viên làm việc trong văn phòng tổng thống của một quốc gia nào đó, nhưng anh không thể giao tiếp với anh ta, thì gã đặc vụ ấy là vô dụng”, Người Leo Núi nói. “Cảm giác của tôi là được rồi, cứ trò chuyện và thu được một chút giá trị, còn hơn là ngồi chờ đợi sáu tháng hay cả năm trời, lỡ mà anh ta lại bị điều chuyển sang bộ phận khác thì công toi”. Nhưng giờ đây tất cả những mảnh lời ấy trở thành quả đắng. “Tôi phải thừa nhận là tôi không ưa nổi Cuba, đến độ tôi đã thấy thật thỏa mãn khi qua mặt được họ”, ông nói, giọng

rầu rĩ. “Nhưng hóa ra kẻ dùng vải thưa che mắt thánh ở đây lại là họ, chứ nào phải là tôi. Thật là một cú trời giáng”.

Người Leo Núi lên một chiếc máy bay quân sự cùng với Aspillaga bay thẳng tới Căn cứ Quân sự Không quân Andrews bên ngoài Washington, DC. Ở đó, họ được dẫn tới gặp những nhân vật “tai to mặt lớn” của nhánh châu Mỹ Latinh. “Ở tiểu ban Cuba, phản ứng là tuyệt đối bàng hoàng và kinh hãi”, ông nhớ lại. “Họ không thể tin nổi là họ đã bị dắt mũi tẹt hại đến thế, trong quá nhiều năm. Nó tạo ra một làn sóng kích động”.

Tình hình còn trở nên tồi tệ hơn nữa. Khi Fidel Castro biết tin Aspillaga đã cho CIA biết được nỗi hổ thẹn của họ, ông quyết định xát thêm muối vào vết thương hở. Đầu tiên ông cho triệu tập toàn bộ đội ngũ giả danh đặc vụ CIA và tổ chức cho họ diễu hành khắp nước Cuba để biểu dương thắng lợi. Sau đó ông cho phát trên truyền hình Cuba những thước phim tài liệu đầy sừng sốt gồm mười một phần có tựa đề *La Guerra de la CIA contra Cuba - Cuộc chiến chống lại CIA của Cuba*. Tình báo Cuba té ra là đã quay phim và ghi âm lại *toàn bộ* hoạt động của CIA, từng đường đi nước bước của họ trong lòng Cuba trong vòng ít nhất mười năm - như thể họ đang dựng một chương trình truyền hình thực tế vậy. *Sống sót: Phiên bản Havana*. Thật kinh ngạc là bộ phim có chất lượng rất cao. Có những cảnh quay cận và những góc quay đầy tính điện ảnh. Âm thanh thì trong như pha lê: hẳn là người Cuba đã phải biết trước đầy đủ các địa điểm gặp gỡ bí mật, và cử nhân viên kỹ thuật đến gần thiết bị nghe lén khắp các phòng để thu âm.

Trên màn hình, các nhân viên CIA, đáng lẽ phải là những điệp viên nằm vùng bí mật, lần lượt được chỉ mặt đặt tên. Có cả đoạn

phim quay toàn bộ những thiết bị tối tân của CIA: những chiếc giỏ giã ngoại hay va ly chứa thiết bị giấu kín. Còn có những giải thích chi tiết cho biết nhân viên CIA sẽ sử dụng chiếc ghế băng nào trong công viên để trao đổi thông tin với các nguồn tin và cách CIA sử dụng màu áo làm ám hiệu bí mật cho đầu mối của họ như thế nào. Một cảnh quay dài cho thấy một đặc vụ CIA nhét tiền mặt và chỉ dẫn vào ruột một “hòn đá” giả làm bằng nhựa cỡ bự; một cảnh khác bắt gặp cảnh một nhân viên CIA nhét tài liệu bí mật cho đặc vụ của mình bên trong một chiếc xe hư hỏng trong bãi rác thải xe cộ ở Pinar del Rio; và trong một cảnh khác nữa, một nhân viên CIA đang tìm kiếm một gói hàng giấu trong bãi cỏ rậm rì bên lề đường trong khi vợ anh ta bồn chồn hút thuốc lá chờ đợi trong xe. Người Leo Núi cũng xuất hiện thoáng qua trong bộ phim tài liệu. Người kế nhiệm của ông còn thảm hại hơn. “Khi người ta trình chiếu chương trình ti vi ấy”, Người Leo Núi kể, “có cảm giác như họ cử riêng một người vắc máy quay trên vai đi theo anh ta khắp chốn cùng nơi vậy”.

Khi lãnh đạo đầu não văn phòng FBI ở Miami được báo cáo về bộ phim tài liệu, ông liền gọi điện thoại cho tiểu ban Cuba và yêu cầu gửi cho ông một bản sao. Ngay lập tức một tập băng ghi hình được nhanh chóng gửi đến, còn cẩn thận lồng phụ đề tiếng Anh đầy đủ. Tổ chức tình báo tinh nhuệ nhất thế giới đã bị quay như quay dế.

3. Và đây chính là điều khiến cho câu chuyện về Florentino Aspillaga trở nên vô nghĩa lí. Nếu Cuba qua mặt được một nhóm các ông già bà cả, theo cách mà các nghệ sĩ ảo thuật vẫn làm, thì là bình thường. Nhưng đằng này người Cuba đã phỉnh lừa được cả CIA, một tổ chức vốn coi trọng những vấn đề như là thấu hiểu những người lạ một cách nghiêm túc.

Còn có tài liệu đầy đủ về từng người trong số những điệp viên hai mang. Người Leo Núi nói ông đã kiểm tra họ kỹ càng. Không hề có bất cứ dấu hiệu cò đò nào phát lên. Giống như tất cả những cơ quan tình báo khác, CIA cũng có một phân nhánh - tiểu ban phản gián - mà nhiệm vụ của họ là điều tra chính tổ chức của mình để tìm ra những dấu hiệu phản bội. Thế họ tìm được gì? Không gì cả.^[2] Nhiều năm sau, khi nhìn lại quãng thời gian này, tất cả những gì Latell có thể làm là một cái nhún vai và nói rằng người Cuba thật sự tài ba. “Họ làm điều đó một cách điêu luyện”, ông nói.

^[2] . CIA thường xuyên thực hiện một hoạt động đó là yêu cầu các đặc vụ làm bài kiểm tra trên máy nói dối - nhằm chống lại chính xác kiểu phản bội mà Aspillaga đã miêu tả. Bất cứ khi nào một trong số các điệp viên Cuba rời khỏi đảo, CIA sẽ bí mật gặp họ trong một phòng khách sạn và bắt họ ngồi chạy máy nói dối. Một số lần một số người Cuba sẽ vượt qua bài kiểm tra; lãnh đạo của phân nhánh kiểm tra nói dối sẽ trực tiếp trao cho họ giấy chứng nhận tình trạng trong sạch cho sáu đặc vụ Cuba khác, những người mà kết quả cuối cùng đều là những điệp viên hai mang. Có những lần thì họ trượt bài kiểm tra. Nhưng chuyện gì xảy ra khi họ trượt? Những người điều hành tiểu ban Cuba sẽ chối bỏ kết quả. Một trong số cựu nhân viên phòng kiểm tra nói dối, John Sullivan, nhớ lại một lần ông được triệu tập đến một cuộc họp sau khi nhóm của ông đánh trượt quá nhiều nhân sự thuộc tiểu ban Cuba. “Họ đánh úp chúng tôi”, Sullivan nói. “Chúng tôi bị mắng nhiếc không ra gì... Tất cả các các sĩ quan đều bảo, ‘Các anh đúng là chả biết mình đang làm cái gì’, vân vân và vân vân. ‘Đến Mẹ Theresa hẳn cũng sẽ bị các anh đánh trượt’. Ý tôi là, họ thực sự rất, rất, rất khinh bỉ chuyện này”.

Nhưng liệu ai có thể trách được họ? Trong các sĩ quan phụ trách lựa chọn thay thế phương pháp lý giải những người lạ mặt (buộc họ vào chiếc máy dò nói dối) bằng một phương pháp khác: sự phán xét của chính họ. Và điều này hoàn toàn hợp lô-gic.

Máy nói dối, nói theo cách giảm nhẹ nhất, là một nghệ thuật thiếu chính xác. Các sĩ quan phụ trách đã có rất nhiều năm kinh nghiệm với một điệp viên cụ thể: đã gặp gỡ, trò chuyện với họ và phân tích chất lượng các bản báo cáo họ gửi về. Những đánh giá của một tay chuyên nghiệp được đào tạo, đã lăn lộn trong nghề bao nhiêu năm, hẳn là phải chính xác hơn kết quả của một cuộc gặp vội vã trong một phòng khách sạn chứ, phải không? Ngoại trừ câu trả lời là không.

“Rất nhiều sĩ quan phụ trách của chúng tôi đã nghĩ rằng, “Tôi là một sĩ quan phụ trách giỏi, họ không thể qua mặt tôi được,” Sullivan nói. “Ngay lúc này tôi đang nghĩ đến một nhân vật cụ thể - một người sĩ quan phụ trách rất, rất giỏi - mọi người cho rằng ông ấy là một trong những sĩ quan phụ trách tài giỏi nhất trong cả văn phòng”. Rõ ràng là anh này đang ám chỉ đến Người Leo Núi. “Họ để ông ta trao đổi với những điệp viên “trong sạch” kia. Thực tế là họ đã đẩy ông ta vào phục vụ bộ phim chết tiệt. Chuyện ấy thật điên rồ”.

Ý tôi là Fidel Castro đã lựa chọn những điệp viên hai mang mà ông có thể chi phối. Ông đã tuyển lựa bọn họ bằng sự tài tình thật sự... Một số người được đào tạo rất tốt. Một số khác lại tỏ ra ngây thơ, cái kiểu anh biết rồi đấy... Thực ra người đó rất xảo trá, một sĩ quan tình báo lão luyện... Nhưng sao nhỉ, người đó tỏ ra ngốc nghếch. Một người như thế làm sao là điệp viên hai mang cho

được? Fidel điều khiển tất cả những màn kịch này. Ý tôi là, Fidel quả thật mới là đạo diễn tài ba hạng nhất trong tất cả.

Về phần mình, Người Leo Núi lập luận rằng chẳng qua là nghiệp vụ tình báo của bộ phận CIA Cuba kém cỏi. Ông từng làm việc cùng đội Tây Đức, chống lại Đông Đức, và ở đó CIA chần chừ hơn rất nhiều.

Thế nhưng thành tích của CIA Tây Đức thì thế nào? *Cũng tệ chẳng kém gì thành tích của CIA Cuba.* Sau khi Bức tường Berlin sụp đổ, điệp viên Đông Đức Markus Wolf đã viết trong hồi ký vào cuối những năm 1980:

Chúng tôi ở vào một tình thế cực kỳ đáng thém muốn khi biết rằng không có lấy một đặc vụ CIA nào từng làm việc cho Tây Đức mà không biến thành điệp viên hai mang hoặc không làm việc cho chúng tôi ngay từ đầu. Theo lệnh của chúng tôi, tất cả bọn họ đều thận trọng trao cho người Mỹ những thông tin được chọn lọc và những thông tin sai lệch.

Trên thực tế, bộ phận Tây Đức vốn được coi là chần chừ lại phải nhận một phát bắn đau đớn nhất trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Aldrich Ames, một trong những sĩ quan cao cấp nhất phụ trách điều tra hoạt động phản gián Xô Viết đến cuối cùng lại làm việc cho Xô Viết. Sự phản bội của ông ta đã dẫn đến những cuộc bắt giữ - và xử tử - vô số điệp viên người Mỹ ở Nga. El Alpinista biết ông này. Tất cả các sĩ quan cấp cao trong cơ quan đều biết. “Tôi không đánh giá cao ông ta lắm”, Người Leo Núi nói, “bởi vì tôi biết ông ta làm một gã bọm lười nhác”. Nhưng ông và các đồng nghiệp không bao giờ nghi

ngờ Ames là một kẻ phản bội. “Đối với những tay kỳ cựu, thì thật khó mà tin nổi chuyện một người của phe ta như Ames lại có thể bị đối phương lôi kéo”, ông nói. “Tất cả chúng tôi đều chết điếng khi biết rằng một đồng đội có thể phản bội chúng tôi như thế”.

Người Leo Núi là một trong những nhân vật tài cán nhất trong một tổ chức tinh vi nhất trên thế giới. Ấy thế mà có đến ba lần ông bị đáp trả một cách tức tưởi - đầu tiên là bởi Fidel Castro, tiếp đến là những người Đông Đức, và cuối cùng, là ngay chính trong đại bản doanh của CIA, bởi một tên bợm rượu biếng nhác. Và nếu như người giỏi nhất của CIA còn có thể lừa mị hoàn toàn như thế, nhiều lần như thế, thì tất cả những người còn lại như chúng ta sẽ thế nào?

Câu đố số một: Tại sao chúng ta không thể nói khi nào một người lạ ngay trước mặt đang nói dối trắng trợn vào mặt ta?

Chương hai

ĐỂ HIỂU VỀ QUỐC TRƯỞNG

Buổi tối ngày 28 tháng 8, 1938, Nevill Chamberlain gọi biên cố vấn thân cận nhất tới số 10 Phố Downing để bàn thảo chiến lược vào lúc tối muộn. Chamberlain khi ấy giữ chức Thủ tướng Anh mới được hơn một năm. Trước đó ông là một doanh nhân, một người đàn ông thực tế và bộc trực, và mối quan tâm cùng kinh nghiệm của ông chủ yếu là về các vấn đề trong nước. Nhưng giờ đây ông phải đối mặt với khủng hoảng chính trị đối ngoại đầu tiên. Chuyện liên quan đến Adolf Hitler, gần đây ông ta liên tục đưa ra những tuyên bố hiếu chiến đe dọa tấn công Sudentenland là một vùng nói tiếng Đức thuộc Tiệp Khắc.

Nếu Đức tấn công Tiệp Khắc thì chiến tranh thế giới chắc chắn nổ ra, điều mà Chamberlain muốn tránh bằng mọi giá. Nhưng trong những tháng gần đây Hitler đặc biệt tỏ ra cô lập, và rất khó dò xét các ý đồ của nước Đức, điều đó khiến các nước còn lại ở châu Âu bắt đầu cảm thấy căng thẳng. Chamberlain quyết tâm xử lý thế bế tắc. Ông mân mê ý tưởng của mình, và bàn bạc với các cố vấn buổi tối hôm đó, Kế hoạch Z. Kế hoạch tuyệt mật. Về sau Chamberlain đã viết về ý tưởng ấy là “rất bất thường và và liều lĩnh đến mức làm cho [Bộ trưởng Ngoại giao, Ngài] Halifax chết sững”. Chamberlain muốn bay tới Đức và đề nghị gặp trực tiếp mặt-đối-mặt với Hitler.

Một trong những điều lạ lùng nhất trong những thời khắc tuyệt vọng của những năm cuối thập kỷ 1930, khi mà Hitler kéo lê thế giới về phía chiến tranh, là rất hiếm vị lãnh đạo thế giới nào thực sự hiểu biết về kẻ cầm đầu nước Đức này.^[3] Hitler là một bí ẩn. Franklin Roosevelt, tổng thống Mỹ trong suốt thời kỳ Hitler trỗi dậy, chưa từng gặp mặt ông ta. Joseph Stalin, lãnh đạo Xô Viết cũng không. Winston Churchill, người kế nhiệm của Chamberlain, từng có dịp tiến sát gần Hitler khi đi thu thập tài liệu nghiên cứu cho một cuốn sách của ông ở Munich năm 1932. Sau này, ông và Hitler có hai lần lên kế hoạch gặp gỡ dùng trà, nhưng cả hai lần Hitler đều đánh tháo.

[3] . Một trường hợp ngoại lệ là Thủ tướng Canada William Lyon Mackenzie King. Ông này đã gặp Hitler năm 1937. Ông yêu thích Hitler và còn so sánh Hitler với Joan d'Arc.

Những người duy nhất ở Anh từng có dịp tiếp xúc thực với Hitler thời kỳ trước chiến tranh là một số quý tộc người Anh ủng hộ lý tưởng Nazi, từng vài lần vượt đường hầm eo biển sang tận Đức để bày tỏ lòng ngưỡng mộ hoặc tham dự các bữa tiệc có sự hiện diện của Quốc trưởng. (“Tùy theo cảm hứng, ông ta có thể rất hài hước”, nữ quý tộc theo chủ nghĩa phát xít người Anh Diana Mitford đã viết như vậy trong hồi ký. Bà là người thường xuyên dùng bữa tối với Hitler ở Munich. “Ông ta bắt chước những tay hề thật tài tình”. Nhưng đó là những cảm nhận mang tính xã hội. Chamberlain đang cố gắng đảo ngược một cuộc đại chiến, và dường như đối với ông, hẳn là ông sẽ đạt được những lợi ích khi tự mình đưa ra những đánh giá về Hitler. Liệu Hitler là một nhân vật có thể nói chuyện phải trái đúng sai? Tin cậy được? Chamberlain muốn tìm ra câu trả lời.

Sáng ngày 14 tháng 9, đại sứ Anh gửi một bức điện đến bộ trưởng ngoại giao của Hitler, Joachim von Ribbentrop. Liệu Hitler có đồng ý gặp mặt? Von Ribbentrop đáp từ trong cùng ngày: có. Chamberlain là một chính khách tài tình cùng tài năng trình diễn thiên bẩm, ông ta liền khéo léo mớm tin cho báo chí. Thủ tướng Anh chuẩn bị sang Đức để ngăn chặn chiến tranh. khắp nước Anh rộ lên những tiếng hò reo kêu gọi ăn mừng. Thăm dò cho thấy 70% người dân trên khắp đất nước nghĩ rằng chuyến đi của Thủ tướng là “một điều tốt lành cho hòa bình”. Các tờ báo ủng hộ ông. Ở Berlin, một phóng viên thường trú nước ngoài đưa tin khi đang ngồi ăn trong một nhà hàng thì tin tức lan đến khiến cả căn phòng đồng loạt đứng bật dậy, như một khối, và tất cả đều nâng ly chúc sức khỏe Chamberlain.

Chamberlain rời London vào sáng ngày 15 tháng 9. Trước đó ông chưa từng đi máy bay, nhưng ông vẫn cố gắng giữ bình tĩnh khi phi cơ bay vào vùng thời tiết xấu gần Munich. Hàng ngàn người đã tụ tập ở sân bay để chào đón ông. Ông được một đoàn xe 14 chiếc Mercedes hộ tống tới ga tàu, sau đó dùng bữa trưa trong chính khoang tàu của Hitler, trong lúc đoàn tàu hỏa xinh xắn đưa đoàn lên núi, hướng về phía khu nghỉ dưỡng của Hitler ở Berchtesgaden. Ông đến nơi vào lúc năm giờ tối. Hitler ra đón chào và bắt tay ông. Sau này, Chamberlain tường thuật chi tiết những ấn tượng đầu tiên của mình trong một bức thư gửi em gái là bà Ida:

Đứng ở lưng chừng bậc tam cấp là Quốc trưởng, ông ta để đầu trần và vận một chiếc áo choàng màu kaki bằng vải len dệt chặt với một tấm băng tay màu đỏ có thêu chữ thập ngược, trên ngực

có đeo một tấm huân chương chữ thập ngoặc. Ông ta mặc quần dài màu đen, giống loại chúng ta hay mặc vào buổi tối và mang một đôi giày tây bằng da có vân đen. Tóc của ông ta màu nâu, không phải màu đen, đôi mắt màu xanh, biểu cảm của ông ta hơi có vẻ cảm cầu, đặc biệt là vào những lúc nghỉ, nhìn tổng thể ông ta trông hoàn toàn mờ nhạt. Sẽ chẳng ai chú ý đến ông ta trong đám đông và hẳn sẽ đoán ông ta chỉ là thợ sơn tường.

Hitler dẫn đường đưa Chamberlain lên trên lầu vào thư phòng của ông ta, đi kèm chỉ có thêm một phiên dịch. Họ trò chuyện, đôi lúc căng thẳng. “Tôi sẵn sàng đối mặt với một cuộc thế chiến!” Đến một thời điểm, Hitler tuyên bố với Chamberlain như vậy. Hitler thẳng thừng khẳng định ông ta sẽ chiếm Sudetenland bất chấp thế giới nghĩ gì về điều đó. Chamberlain muốn biết liệu đó có phải là *tất cả* những gì Hitler muốn. Hitler trả lời đúng như vậy. Chamberlain quan sát Hitler tỉ mỉ, kỹ càng và quyết định tin ông ta. Cũng trong bức thư gửi em gái, Chamberlain viết rằng ông đã nghe thấy những người thân cận của Hitler nói lại rằng lãnh đạo của nước Đức cảm thấy ông ta đã có một cuộc trò chuyện “với một người đàn ông thực thụ”. Chamberlain tiếp tục:

“Nói ngắn gọn, ta đã thiết lập được một niềm tin chắc chắn rằng mọi việc nằm trong tầm ngắm, và về chủ quan mà nói, bỏ qua sự cứng rắn và yêu sách mà ta nghĩ là mình đã thấy được trên khuôn mặt ông ấy, ta có ấn tượng rằng đây là người đàn ông có thể tin cậy được một khi ông ta đã đưa ra lời hứa”.

Chamberlain bay trở lại nước Anh vào buổi sáng hôm sau. Ở sân bay Heston, ông có bài phát biểu ngắn trên đường băng. “Buổi chiều hôm qua tôi đã có cuộc trò chuyện dài với Quốc trưởng Hitler”, ông nói. “Tôi cảm thấy vui mừng vì giờ đây mỗi người chúng tôi đã hoàn toàn hiểu được điều gì nằm trong đầu óc của đối phương”. Hai người chúng tôi sẽ còn gặp lại, ông hứa hẹn, chỉ có điều lần tới sẽ ở một địa điểm gần Anh Quốc hơn. “Mục đích là để xá cho ông già này một chuyến bay dài nữa”, Chamberlain phát biểu, trước đám đông được mô tả là “òa lên reo hò và chúc tụng”.

2. Các thỏa thuận giữa Chamberlain với Hitler sau này được nhìn nhận rộng rãi là một trong những thất bại điên rồ nhất trong Thế chiến Thứ hai. Chamberlain đã bị rơi vào bẫy của Hitler. Ông ta hoàn toàn nằm ở chiếu dưới trên bàn đàm phán. Ông ta đã hiểu sai hoàn toàn ý đồ của Hitler, và đã thất bại khi không đưa ra được lời cảnh báo rằng nếu Hitler nuốt lời thì sẽ phải hứng chịu những hậu quả nghiêm trọng. Lịch sử đã không hề nương nhẹ với Neville Chamberlain.

Nhưng ẩn sâu bên dưới những lời chỉ trích này là một câu đố hóc búa. Chamberlain đã bay trở lại Đức thêm hai lần nữa. Ông ta đã ngồi nói chuyện với Hitler nhiều giờ đồng hồ. Hai người họ đã trò chuyện, tranh luận, dùng bữa và đi dạo lòng vòng với nhau. Chamberlain là lãnh đạo duy nhất của phe Đồng Minh thời kỳ đó đã dành một khoảng thời gian đáng kể với Hitler. Ông ta đã cẩn thận ghi lại những hành vi của người đàn ông này. “Về bề ngoài cũng như cử chỉ của Hitler khi tôi nhìn thấy ông ta xuất hiện là những tín hiệu của một cơn bão tố sắp đến”, Chamberlain nói với chị gái Hilda sau một chuyến viếng thăm khác đến Đức. Nhưng rồi “Ông ta đưa

cả hai tay ra để bắt tay, cử chỉ mà ông ta chỉ dành để biểu lộ tình bằng hữu đặc biệt thân tình”. Quay trở lại London, ông nói với nội các của mình rằng Quốc trưởng “không có dấu hiệu điên loạn mà rất nhiều hứng khởi”. Hitler không điên loạn. Ông ta tỉnh táo và quyết tâm: “Ông ta hẳn đã nghĩ ra điều ông ta muốn và quyết phải đạt cho được, ông ta sẽ không dung thứ khi chưa đạt đến một điểm nhất định”.

Chamberlain đã hành động dựa trên cùng một giả định rằng tất cả chúng ta đều nghe theo những nỗ lực của mình nhằm lý giải về những người xa lạ. Chúng ta tin rằng thông tin thu thập được từ một cuộc tiếp xúc cá nhân có giá trị rất lớn. Bạn sẽ không bao giờ tuyển một vú em trông nom con cái của mình mà không gặp gỡ người ấy trước. Các công ty không bịt mắt tuyển nhân viên. Họ gọi ứng viên đến và phỏng vấn kỹ càng, đôi khi kéo dài hàng giờ đồng hồ, và phỏng vấn không chỉ một cuộc. Họ làm đúng như những gì Chamberlain đã làm: họ nhìn thẳng vào mắt ứng viên, quan sát thái độ và cử chỉ của ứng viên, và rút ra các kết luận. Ông ta đưa cả hai tay ra để bắt tay. Vậy nhưng tất cả những thông tin bổ sung mà Chamberlain thu thập được từ những cuộc tiếp xúc trực tiếp với Hitler đã không giúp đỡ ông ta nhìn nhận Hitler được rõ nét hơn. Nó còn làm điều ngược lại.

Chuyện này xảy ra phải chăng vì Chamberlain quá ngây thơ? Có thể vậy. Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngoại giao của ông là rất ít. Về sau, một trong những người chỉ trích đã so sánh ông ta với một ông thầy tu lần đầu bước vào một quán rượu và chịu chết không phân biệt được sự khác nhau giữa “một cuộc tụ tập xã hội và một cuộc ẩu đả”.

Nhưng hình mẫu này không bó hẹp với mỗi Chamberlain. Nó cũng tác động lên Ngài Halifax, người mà về sau tiếp tục làm bộ trưởng ngoại giao cho Chamberlain. Halifax là một nhà thông thái, một sinh viên siêu đẳng ở trường Eton và Oxford. Ông từng đảm nhiệm vai trò Phó vương Ấn Độ giữa thời chiến, ông từng đạt được thỏa thuận xuất sắc với Mahatma Gandhi. Ông có tất cả những gì Chamberlain thiếu hụt: xảo ngôn, thời thượng, cực kỳ quyến rũ, và trí giả - một người đàn ông trí tuệ thượng thừa đáng ngưỡng vọng đến độ Churchill đặt cho ông cái tên “Thánh Cáo”.

Halifax tới Berlin vào mùa thu năm 1937 và gặp gỡ với nhà cầm quyền Đức ở Berchtesgaden: ông là thành viên duy nhất còn lại trong số những người nắm quyền ở nước Anh từng gặp Quốc trưởng. Cuộc gặp của họ không phải cuộc gặp gỡ ngoại giao vô bổ. Nó bắt đầu bằng việc Halifax nhằm lẫn Hitler là một người hầu cận và suýt nữa đưa áo khoác cho ông ta. Rồi sau đó Hitler hiện nguyên hình là Hitler trong năm tiếng đồng hồ liền: hăm hè, gào thét, lơ đãng, hăm dọa. Ông ta nói về chuyện ông ta ghét báo chí đến mức nào. Ông ta nói về những “hiểm ác” của cộng sản. Halifax ngồi nghe màn trình diễn với thái độ mà một nhà ngoại giao Anh Quốc thời đó đã gọi là một “thái độ hòa trộn giữa kinh ngạc, ghê tởm và cảm thông”.

Halifax dành năm ngày ở Đức. Ông gặp gỡ hai bộ trưởng cấp cao của Hitler - Hermann Göring và Joseph Goebbels. Ông tham dự một tiệc tối ở Đại sứ quán Anh, ở đó ông gặp một đầu mối của các nhà chính trị và doanh nhân kỳ cựu của Đức. Khi trở về nhà, Halifax nói rằng chuyến đi “toàn những cuộc gặp gỡ tốt đẹp” với lãnh đạo Đức, và đó là điều khó lòng tranh cãi. Đúng là việc mà một nhà

ngoại giao phải làm. Điều ông đạt được là sự thấu hiểu đáng giá, từ cuộc gặp mặt-đối-mặt với Hitler, về thái độ hung hăng và thù nghịch của ông ta. Nhưng cuối cùng thì kết luận tối thượng của Halifax là gì? Rằng Hitler không hề muốn tham chiến, và ông ta để ngỏ ý tưởng đàm phán hòa bình. Không một ai dám nghĩ rằng Halifax là một người ngây thơ, càng không thể nói ông ta bị lừa mị sau cuộc gặp với Hitler như cái cách mà Chamberlain đã bị sập bẫy.

Một nhà ngoại giao Anh quốc có rất nhiều thời gian với Hitler là ngài đại sứ Anh ở Đức, ông Neville Henderson. Ông thường xuyên gặp mặt Hitler, tham dự các đại hội của ông ta. Hitler thậm chí còn đặt biệt danh cho Henderson là “Người đàn ông hoa cẩm chướng”, bởi vì Henderson thường xuyên đeo một chiếc ve cài áo hình hoa cẩm chướng. Sau khi tham dự Đại hội Nuremberg tai tiếng vào đầu tháng 9 năm 1938, Henderson viết trong báo cáo gửi về London rằng Hitler có vẻ rất bất thường, rằng “ông ta có thể sẽ phá rào và trở nên điên loạn”. Henderson không hề bị Hitler điều khiển. Nhưng liệu ông có nghĩ rằng Hitler có những ý định đê tiện đối với Tiệp Khắc? Không. Ông ta tin rằng Hitler “cũng ghét chiến tranh như bất cứ người nào”. Cả Henderson nữa cũng lại đọc vị Hitler sai hoàn toàn^[4].

[4] . Một nhân vật Nazi mà Henderson còn hiểu kỹ càng hơn là Göring, phó tướng của Hitler. Henderson từng đi săn hươu với Göring. Họ có những cuộc đối thoại dài với nhau. Henderson bị thuyết phục rằng chính Göring cũng muốn hướng tới hòa bình, và rằng bên trong bộ quân phục Phát xít kia cũng là một con người tử tế. Trong hồi ký về thời gian ở Berlin, được viết vào đúng lúc chiến tranh nổ ra, Henderson nói Göring “yêu động vật và trẻ em; và, trước

cả khi ông ta có con cái, thì tầng cao nhất ở Karinhall đã được biến thành một phòng riêng dành cho trẻ em, trong đó đầy ắp các món đồ chơi cơ khí mà bất cứ đứa trẻ thời hiện đại nào cũng thích mê. Không gì mang lại cho ông ta cảm giác hạnh phúc tốt độ hơn là được lên trên đó và chơi đùa với trẻ con. Những đồ chơi, nếu như chúng tồn tại, bao gồm cả những mô hình máy bay ném bom hạng nặng, nổ ngay trên đầu những làng mạc và thành phố đầy dân thường yếu ớt, không chút phòng vệ; nhưng, khi tôi đề cập về vấn đề này thì ông ta tỏ ra chăm chú và giải thích đó không phải là một phần trong quan niệm của Đức Quốc xã về cuộc sống văn minh để có thể tiếp cận rộng rãi hoặc để dạy dỗ cho trẻ nhỏ”. (Trong trường hợp bạn vẫn băn khoăn, đó chính xác là điều mà chủ nghĩa phát xít Đức hướng tới: nuôi dạy những đứa trẻ đầu óc lạnh lùng, cứng rắn.)

Sự mù quáng của Chamberlain và Halifax và Henderson không hề giống với những gì trong Câu đố số một ở chương trước. Mà nó là sự bất lực của những người có thể được coi là thông thái và chuyên chú, những người hiểu được khi nào thì con người sẽ bị lừa gạt. Đây là tình huống mà một số người sẽ bị Hitler làm cho mù mịt và một số người thì không. Và câu đố ở đây là nhóm những người bị lừa gạt lại là những người bạn kỳ vọng sẽ không rơi vào bẫy dễ dàng, trong khi những người nhìn ra sự thật lại là những người bạn nghĩ là sẽ bị thôi miên.

Ví dụ như Winston Churchill, ông không bao giờ tin, dù chỉ thoáng qua, rằng Hitler là bất cứ cái gì khác ngoài một tên khốn lá mặt lá trái. Churchill gọi chuyến viếng thăm của Chamberlain là “hành động xuẩn ngốc nhất từng được thực hiện”. Nhưng Hitler chỉ là người mà ông chỉ từng biết qua các tài liệu đọc được. Duff

Cooper, một thành viên nội các của Chamberlain cũng có cái nhìn thấu tỏ tương đương. Ông lắng nghe quan điểm của Chamberlain về cuộc gặp với Hitler với sự kinh hãi. Sau này, ông đã từ chức, không làm cho chính quyền của Chamberlain để bày tỏ sự phản đối. Liệu Cooper có biết Hitler? Không. Chỉ có duy nhất một người thuộc hàng cao cấp của ngạch ngoại giao Anh quốc - Anthony Eden, giữ chức bộ trưởng ngoại giao trước Halifax - là từng gặp mặt Hitler và nhìn ra bản chất của ông ta. Còn đối với những người khác? Những người hiểu đúng về Hitler nhất là những người ít tiếp xúc cá nhân với ông ta nhất. Những người hiểu sai về Hitler là những người đã trò chuyện với ông ta hàng giờ đồng hồ.

Tất nhiên, tất cả những điều này có thể chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Có thể Chamberlain và phái đoàn của ông ta, vì một lý do riêng tư nào đó, đã quyết định nhận Hitler theo cách mà họ muốn nhìn nhận, bất chấp những chứng cứ rành rành mà họ mắt thấy tai nghe. Chỉ có điều hình mẫu hóc búa thế này xuất hiện nhan nhản ở mọi nơi.

3. Vị thẩm phán chạc tuổi ngũ tuần, cao ráo, đầu bạc có thỏ âm của người sinh trưởng ở quận Brooklyn. Hãy gọi ông ấy là Solomon. Ông đã ngồi trên ghế quan tòa của Bang New York được hơn một thập kỷ. Ông không có vẻ cửa quyền, cũng không có vẻ hù dọa. Ông chừng mực, và ngạc nhiên thay, có cử chỉ rất hiền từ.

Hôm đó là một ngày thứ năm, đối với phòng xử án của ông, thì đó thường là một ngày bận rộn dành để nghe cáo trạng. Bị can là những người vừa bị bắt giữ trong vòng hai mươi tư giờ qua với cáo buộc đã thực hiện một hành vi phạm tội nào đó. Họ vừa trải qua một đêm mất ngủ trong phòng tạm giam và giờ đây lần lượt từng người

một, bị còng tay, được dẫn tới phòng xử án. Họ sẽ ngồi trên một chiếc ghế băng thấp phía sau một tấm ngăn, ngay phía bên trái thẩm phán Solomon. Khi một trường hợp được kêu tên, thư ký sẽ chuyển cho Solomon một tập tài liệu chứa các thông tin về bị can, và ông sẽ bắt đầu lật giở một lượt để nắm bắt thật nhanh tình hình. Nghi phạm có thể đứng ngay trước mặt Solomon, một bên là luật sư của anh ta, bên còn lại là công tố viên của quận. Hai luật sư sẽ tranh luận. Solomon sẽ lắng nghe. Sau đó ông ta sẽ quyết định xem liệu bị can này có được quyền nộp tiền bảo lãnh không, và nếu có, thì số tiền bảo lãnh là bao nhiêu. *Liệu con người hoàn toàn xa lạ này có xứng đáng với sự tự do?*

Sau này ông kể, những trường hợp khó nhất đều liên quan đến trẻ em. Một cậu nhóc mười sáu tuổi đầu bước vào phòng với cáo buộc đã thực hiện một tội ác khủng khiếp. Và ông đương nhiên biết rằng nếu ông nâng mức tiền bảo lãnh đủ cao thì rốt cuộc cậu ta sẽ bị “cho vào lồng” của nhà tù Đảo Rikers của thành phố, là nơi mà - ông đã cố gắng nói giảm nói tránh hết mức có thể - về cơ bản là bạo loạn rình rập nổ ra bất cứ lúc nào”.^[5] Những trường hợp này còn đặc biệt trở nên khó khăn hơn nếu ông nhìn quanh phòng xử án và trông thấy mẹ đưa trẻ ngồi trên ghế dự thính. “Ngày nào tôi cũng có những ca như vậy”, ông nói. Ông phải tập ngồi thiền. Ông cảm thấy thiền định giúp xoa dịu mọi thứ.

[5] . Đến nay luật pháp đã được điều chỉnh. Một bị can phải đủ mười tám tuổi trở lên mới bị chuyển đến Rikers.

Ngày lại ngày, Solomon đều phải đối mặt với một vấn đề là một phiên bản của câu đố mà Neville Chamberlain và các nhà ngoại giao Anh Quốc đã phải đối mặt vào mùa thu năm 1938: ông được yêu

cầu phải đánh giá tính cách của một người xa lạ. Và hệ thống tư pháp xét xử tội phạm cũng giả định giống như cách Chamberlain đã làm, đó là đối với những loại quyết định khó khăn như thế tốt hơn hết là phải được thực hiện khi người đánh giá và người bị đánh giá gặp nhau trước đã.

Rồi đến buổi chiều hôm đó, ví dụ thế, Solomon đối diện với trường hợp của một người đàn ông lớn tuổi có mái tóc thưa, mỏng, ép tẹt vào đầu. Ông ta mặc một chiếc quần bò màu xanh, một chiếc áo sơ mi cộc tay và chỉ nói tiếng Tây Ban Nha. Ông ta bị bắt giữ vì một “sự cố” liên quan đến một cậu bé sáu tuổi, là cháu của bạn gái ông ta. Cậu bé kể chuyện với bố ngay lập tức. Công tố viên quận đề nghị mức bảo lãnh 100.000 đô-la. Rõ ràng người đàn ông vừa bị bắt giữ sẽ không đời nào gom được đủ số tiền bảo lãnh trên. Nếu Solomon đồng tình với công tố viên quận, thì người đàn ông mặc chiếc áo sơ mi kiểu Mẽ kia chắc chắn sẽ đi thẳng vô khám.

Mặt khác, người đàn ông phủ nhận mọi cáo buộc. Trước đó ông từng có hai lần vi phạm luật pháp - nhưng đều là những lỗi nhỏ, từ rất nhiều năm trước. Ông ta làm nghề thợ máy, nếu phải vào tù thì chắc chắn sẽ mất việc, ông còn có một người vợ đã ly dị và một cậu con trai mười lăm tuổi phải chu cấp. Solomon phải nghĩ đến cậu bé mười lăm tuổi vẫn đang phụ thuộc vào tiền lương tháng của bố. Đồng thời ông cũng biết chắc chắn một đứa trẻ sáu tuổi không phải là nhân chứng đáng tin cậy nhất. Vì thế không có cách nào để Solomon có thể chắc chắn được rằng tất cả những chuyện này chỉ là một sự hiểu nhầm tai hại hay là một phần của tội ác đã thành vết. Nói cách khác, quyết định xem liệu có nên thả tự do cho người đàn ông mặc áo sơ mi kiểu Mẽ - hay là giữ ông ta trong trại giam để chờ

ngày xét xử là quyết định khó khăn không tưởng. Và để giúp đưa ra được quyết định đúng đắn, Solomon đã làm điều mà tất cả chúng ta đều sẽ làm trong tình huống này: ông nhìn thẳng vào mắt người đàn ông trước mặt và cố gắng lý giải xem rốt cuộc ông ta thực sự là người như thế nào. Vậy hành động ấy có giúp ích gì không? Hay là các thẩm phán cũng chỉ là một đối tượng của cùng một câu đố hóc búa giống như của Chamberlain?

4. Lời giải đáp chính xác nhất mà chúng ta có thể có được cho câu hỏi trên đến từ nghiên cứu do một nhà kinh tế học Harvard, ba nhà khoa học máy tính cao cấp và một chuyên gia về bảo lãnh từ Đại học Chicago thực hiện. Nhóm này - để giản tiện, tôi sẽ lấy tên của nhà kinh tế học Sendhil Mullainathan làm đại diện khi nhắc đến họ - quyết định chọn thành phố New York làm nơi tiến hành thử nghiệm. Họ thu thập dữ liệu của 554.689 bị can từng được dẫn ra phòng trình bày cáo trạng ở New York từ năm 2008 đến năm 2013 - 554.689 bị can cả thảy. Trong tất cả số này, họ ghi nhận con số mà các thẩm phán của New York đã thả tự do là hơn 400.000 một chút.

Sau đó Mullainathan xây dựng một hệ thống trí tuệ nhân tạo, nạp cho nó tất cả các thông tin mà các công tố viên chuyển cho các thẩm phán về từng trường hợp cáo trạng (tuổi của bị can và lịch sử phạm tội), đặt lệnh cho máy tính chạy chương trình qua 554.689 trường hợp này và tự tạo một danh sách 400.000 người được thả của riêng nó. Đó là một cuộc chạy đua: con người đấu với máy móc. Bên nào sẽ cho ra những quyết định tốt nhất? Danh sách của bên nào ít người phạm tội nhất trong số những người được tại ngoại hầu tra và nhiều khả năng sẽ có mặt trong ngày tòa mở phiên xét xử nhất? Các kết quả thậm chí còn không gần nhau. Những người

trong danh sách của máy tính có ít hơn 25% khả năng phạm tội trong khi chờ đợi phiên tòa so với 400.000 người được tại ngoại nhờ phán quyết của Thành phố New York. 25%! Trong trận đấu một-một, máy móc *hủy diệt* con người. (*)

(*) . Hai điểm kỹ thuật của các danh sách song song về 400.000 bị can: Khi Mullainathan kết luận rằng danh sách bị can của máy tính phạm tội ít hơn 25% so với danh sách bị can của thẩm phán, ấy là vì ông đếm số người không có mặt vào ngày diễn ra phiên tòa dành cho họ. Thứ hai, tôi chắc rằng bạn đang băn khoăn làm thế nào mà Mullainathan có thể đo đếm được, và đưa ra con số chắc chắn những người bị kết tội hoặc không bị kết tội trong thời gian được tại ngoại tại phiên đọc cáo trạng. Con số này được xác định không phải vì Mullainathan có quả cầu tiên tri. Mà đó là một con số ước lượng được đưa ra dựa trên cơ sở căn bản của một quá trình phân tích thống kê tinh vi cao cấp. Sau đây là một cách giải thích ngắn gọn. Các thẩm phán ở thành phố New York luân phiên ngồi nghe cáo trạng. Các bị can, về căn bản, là được chỉ định ngẫu nhiên cho các thẩm phán xem xét. Giữa các thẩm phán ở New York (cũng như ở tất cả các cơ quan xét xử khác) có một độ chênh đáng kể trong cách thức họ đưa ra quyết định thả tự do cho một người cũng như trong cách họ xác định số tiền bảo lãnh cao đến mức nào. Một số thẩm phán rất dễ dãi. Số khác rất nghiêm khắc. Vì thế hãy tưởng tượng là một loạt các thẩm phán nghiêm khắc ngồi nghe 1.000 cáo trạng và giải phóng cho 25% số đó. Một số các thẩm phán dễ dãi gặp 1.000 bị can khác, tính chất không khác gì với 1.000 bị can trước, và giải phóng cho 75% số đó. Bằng cách so sánh tỉ lệ phạm tội của những bị can được thả ra trong mỗi nhóm, bạn có thể có được hình dung

sơ bộ có bao nhiêu người vô tội gặp phải ông thẩm phán nghiêm khắc nên bị bỏ tù, và bao nhiêu kẻ hiểm ác gặp được ông thẩm phán dễ tính nên được sống thoát. Sự ước đoán này, sau đó, cũng được áp dụng đối với dự đoán của máy tính. Sau khi máy tính thực hiện phán xét của riêng nó đối với 1.000 bị can, thì một mặt, thử tính xem máy tính làm tốt hơn thế nào so với các vị thẩm phán nghiêm khắc, và mặt khác, so với các vị thẩm phán dễ dãi? Tiến trình nghe rất phức tạp và đúng là như vậy. Nhưng đó là một phương pháp đã được xác lập cẩn thận. Để hiểu cặn kẽ hơn về giải thích này, tôi khuyến khích bạn tìm đọc nghiên cứu của Mullainathan.

Để giúp bạn cảm nhận được một phần sự cao thủ của máy tính của Mullainathan, nó đã đánh dấu 1% tất cả các bị can với nhãn “nguy cơ cao”. Đây là những người mà máy tính cho rằng tuyệt đối không được phép cho tại ngoại trước phiên xét xử. Theo các tính toán của máy tính, quá nửa số người nằm trong nhóm nguy cơ cao sẽ tiếp tục gây tội ác khác nếu họ được bảo lãnh tại ngoại hầu tra. Dẫu vậy, khi các thẩm phán là người trần mắt thịt nhìn vào nhóm “táo tời” này, họ không thể xác định được là những thành phần này có thể gây nguy hiểm cho xã hội. Họ giải phóng tới 48,5% người trong số này! “Rất nhiều bị can được thuật toán máy tính gán cờ đỏ chỉ báo nguy cơ cao nhưng vẫn được các thẩm phán đối xử như những người có nguy cơ phạm tội thấp”, Nhóm Mullainathan đưa ra kết luận trong một đoạn viết đặc biệt chấn động. “Kết quả của bài tính này gợi ý rằng các thẩm phán đơn giản là không thiết lập một ngưỡng cao đối với những người đáng ra phải bị giam giữ, mà còn xếp hạng nhằm cho các bị can... Các bị can cận biên mà họ chọn để giam giữ được rút ra xuyên suốt trong toàn thể quá trình phân phối

rủi ro được dự đoán trước”. Dịch ra là: các quyết định tại ngoại hầu tra của các thẩm phán diễn ra tràn lan ở khắp mọi nơi chốn.

Tôi cho là bạn cũng sẽ đồng ý rằng chuyện này thật bẽ tắc. Khi các thẩm phán đưa ra quyết định tại ngoại, họ phải truy cập ba nguồn thông tin. Họ có hồ sơ của bị can - tuổi của anh ta, lịch sử phạm tội, chuyện gì xảy ra lần trước khi anh ta được tại ngoại, anh ta sống và làm làm việc ở đâu. Họ có bản cáo trạng của công tố viên quận và luật sư của bị can: bất cứ thông tin nào được trao đổi trong phòng xử án. Và họ có chứng cứ từ chính đôi mắt của họ. *Cảm giác* của tôi đối với người đàn ông đứng trước mặt mình là gì?

Ngược lại, máy tính của Mullainathan không nhìn thấy bị can và cũng không thể nghe thấy bất cứ điều gì xâm phạm nào trong phòng xử án. Tất cả những dữ liệu máy tính có được là tuổi của bị can và các tờ ghi cáo trạng. Nó có được một phần thông tin mà thẩm phán có được - *và nó đưa ra các quyết định tại ngoại tốt hơn so với các thẩm phán.*

Trong cuốn sách thứ hai của tôi, *Trong chớp mắt*, tôi đã kể câu chuyện các dàn nhạc giao hưởng có thể đưa ra các quyết định tuyển dụng thông minh hơn khi họ để ứng viên tiềm năng biểu diễn phía sau một bức màn như thế nào. Loại bỏ bớt thông tin cấp cho ban tuyển dụng giúp họ đưa ra những đánh giá chuẩn xác hơn. Đó là bởi vì các thông tin thu thập được khi nhìn một người chơi nhạc rất không phù hợp. Nếu bạn muốn đánh giá một người có phải là một nghệ sĩ vĩ cầm tài ba hay không thì việc họ béo hay gầy, xinh xắn hay kém ưa nhìn, da trắng hay da đen sẽ chẳng giúp ích gì. Trên thực tế, những điều đó có thể sẽ chỉ châm mồi định kiến khiến cho quyết định của bạn trở nên khó khăn hơn.

Nhưng khi bàn đến quyết định cho một bị can tại ngoại, thông tin bổ sung mà thẩm phán có được nghe có vẻ như nó đáng ra phải rất hữu ích. Ví dụ một trường hợp trước đó trong phòng xử án của Solomon, một thanh niên trẻ mặc quần thể thao bóng rổ và áp phông màu ghi bị cáo buộc tham gia vào cuộc ẩu đả với một người, sau đó dùng thẻ tín dụng ăn cắp được của người này đi mua ô tô. Khi đề cập đến điều kiện tại ngoại, công tố viên quận chỉ ra rằng cậu này đã không có mặt tại tòa vào ngày xử án sau hai lần bị bắt giữ trước đó. Đó là một chỉ báo cờ đỏ rõ ràng. Nhưng không phải tất cả các tội không hầu tòa (FTA) đều giống hết nhau. Ngộ nhớ bị can bị thông báo nhằm ngày hầu tòa? Ngộ nhớ bị can sẽ mất việc nếu anh ta xin nghỉ ngày hôm đó, và quyết định rằng đi hầu tòa là không đáng? Lỡ đâu con của anh ta hôm đó phải nhập viện? Đó chính là điều mà luật sư của bị can đã nói với thẩm phán: Khách hàng của bà có một lý do chính đáng. Máy tính không biết điều đó, nhưng vị thẩm phán biết. Thế nào mà thông tin ấy lại không giúp ích được gì?

Tương tự, Solomon nói một thứ khiến ông cảnh giác nhất trong các trường hợp quyết định tại ngoại hầu tra là khi bị can “có bệnh lý tâm thần viện có bạo lực”. Những trường hợp này là ác mộng tồi tệ nhất đối với các thẩm phán. Họ để một người được bảo lãnh tại ngoại, rồi người đó ngừng uống thuốc và ra ngoài thực hiện một tội ác kinh hoàng. “Đó là bản một cảnh sát”, Solomon nói.

Đó là đâm thẳng ô tô vào một chiếc minivan, giết chết một người phụ nữ đang mang thai và chồng của cô ta. Đó là làm hại một đứa trẻ. [Đó] là đẩy một ai đó đứng trước xuống đường ray tàu điện ngầm và giết chết họ. Đó là những tình huống khiếp đảm nhìn từ

bất cứ góc độ nào... Không một thẩm phán nào muốn trở thành người đưa ra quyết định tại ngoại trong trường hợp đó.

Một vài dấu hiệu chỉ báo cho kiểu tình huống đó đã nằm sẵn trong hồ sơ của bị can: các bệnh án, những lần nhập viện trước, một vài thông tin đề cập đến việc bị can được cho là không có đủ năng lực hành vi. Những dấu hiệu khác chỉ được phát hiện trong một vài khoảnh khắc.

“Bạn có thể nghe được loáng thoáng đâu đó trong phòng xử án từ ‘EDP’ - người mắc chứng rối loạn cảm xúc”, Solomon nói.

Thông tin đó có thể đến từ nhân viên cảnh sát áp giải bị can và chuyển cho bạn tập phong bì chứa hồ sơ bệnh án từ một bác sĩ trong một bệnh viện mà bị can vừa được kiểm tra tâm thần trước cuộc trình bày cáo trạng... Những lần khác, thông tin có thể được chuyển vào hồ sơ của uỷ viên công tố quận và vị này sẽ đặt ra những câu hỏi... Đó là một hiện thực khiến tôi phải suy nghĩ.

Ông thẩm phán sẽ nhìn vào bị can, và trong các trường hợp cụ thể này - ông sẽ nhìn họ một cách cẩn thận, kỹ càng, lục tìm điều gì đó, như ông mô tả là: một ánh mắt lạnh lẽo, không có khả năng nhìn thẳng vào mắt người đối diện. Và không phải kiểu một thiếu niên không dám nhìn thẳng vào mắt người đối diện bởi vì phần thùy trán chưa phát triển hết. Tôi đang nói đến những người trưởng thành trong cơn đối thuốc.

Trong khi đó chiếc máy của Mullainathan không thể nghe lỏm được chuyện các công tố viên to nhỏ về một người mắc chứng EDP,

và nó cũng không thể nhìn thấy những ánh mắt lạnh lẽo lộ lộ. Yếu tố đó đáng lẽ phải được diễn dịch thành một lợi thế lớn cho Solomon và các đồng nghiệp của ông. Nhưng vì một vài lý do nào đó, nó lại không thể.

Câu đố số 2: Làm sao cuộc gặp gỡ với một người xa lạ đôi khi lại khiến chúng ta trở nên tệ hơn khi tìm cách lý giải một người so với khi *không* trực tiếp gặp gỡ họ?

5. Neville Chamberlain thực hiện chuyến thăm viếng thứ ba và cũng là cuối cùng đến Đức vào cuối tháng 9 năm 1938, hai tuần sau chuyến thăm đầu tiên. Cuộc gặp diễn ra ở Munich trong văn phòng của Đảng Phát xít Đức - tòa nhà Quốc trưởng. Nhà lãnh đạo Ý Benito Mussolini và Thủ tướng Pháp Édouard Daladier cũng được mời tới dự họp. Bốn người, cùng với các trợ lý, gặp nhau trong phòng làm việc riêng của Hitler. Buổi sáng ngày thứ hai, Chamberlain đề nghị gặp riêng Hitler. Đến thời điểm này, Chamberlain cảm thấy ông ta đã đánh giá được tương đối đầy đủ đối phương.

Khi Hitler tuyên bố rằng tham vọng của ông ta chỉ giới hạn ở Tiệp Khắc, Chamberlain đã tin tưởng rằng “Quốc trưởng Hitler đang nói thật”. Giờ vấn đề chỉ còn là biến lời nói của ông ta thành chuyện giấy trắng mực đen.

Hitler đưa Chamberlain đến căn hộ của mình ở Prinzregentenplatz. Chamberlain rút từ túi áo một tờ giấy trong đó đã thảo sẵn một bản cam kết đơn giản và hỏi liệu Hitler có sẵn lòng ký vào bản cam kết không. Trong khi thông dịch viên phiên dịch nội dung câu hỏi sang tiếng Đức: “Hitler liên tục hét lên, ‘Ja! Ja!’ Và cuối cùng, ông ta nói: ‘Có, chắc chắn là tôi sẽ ký’”, Chamberlain sau này

kể lại với một người chị em. “Khi nào thì nên tiến hành?’ Ta hỏi, ‘ngay bây giờ’, và thế là bọn ta cùng ngồi xuống bàn giấy, mỗi người ký tên vào hai bản thỏa thuận mà ta mang theo”.

Buổi chiều hôm đó, Chamberlain trở về cố hương trong sự đón chào nồng nhiệt dành cho người hùng. Một đám đông các nhà báo đôn đáo chạy về phía ông ta. Ông rút tờ giấy ở túi áo ngực và vẫy vẫy đám đông. “Sáng nay, tôi đã có một cuộc nói chuyện nữa với Quốc trưởng Hitler, và đây, tờ giấy có cả chữ ký tên ông ấy và tên của tôi”.

Sau đó tất cả quay trở về trước tư dinh Thủ tướng ở số 10 Phố Downing.

“Các bạn hữu thân mến, đây là lần thứ hai trong lịch sử của đất nước chúng ta, hòa bình có được từ chuyến đi Đức trở về Phố Downing trong niềm hân hạnh. Tôi tin rằng đó chính là hòa bình cho thời đại chúng ta. Chúng tôi xin được cảm ơn các bạn từ đáy lòng”.

Đám đông hò reo.

“Giờ tôi khuyến khích các bạn nên trở về nhà và lên giường ngủ một giấc thật bình an”.

Tháng 3 năm 1939, Hitler xâm lược phần còn lại của Tiệp Khắc. Ông ta chỉ mất chưa tới sáu tháng để phá vỡ thỏa thuận đã ký với Chamberlain. Vào ngày 1 tháng 9 năm 1939, Hitler xâm lược Ba Lan, và cả thế giới chìm vào cuộc đại chiến.

Nói cách khác, chúng ta có những sĩ quan CIA không tài nào hiểu nổi điệp viên của mình, những vị thẩm phán không thể lý giải các bị can đứng trước mặt mình, và các vị thủ tướng không cách nào nắm bắt được các đối thủ đồng cấp. Chúng ta có những người vật lộn với những ấn tượng đầu tiên của họ về một người lạ. Chúng

ta có những người bối rối ngay cả khi họ có rất nhiều tháng để hiểu một người lạ. Chúng ta có những người loay hoay khi họ chỉ gặp một ai đó có duy nhất một lần, và những người mắc mớ khi gặp lại một người lạ hết lần này tới lần khác. Họ gặp rắc rối trong việc đánh giá sự thành thực của một người lạ. Họ gặp khó khăn khi nhận định tính cách của một người lạ. Họ chịu chết không hiểu được ý đồ của một người lạ.

Thật là một mớ rối nùi.

6. Một điều cuối:

Hãy nhìn vào những chữ cái sau đây và điền các chữ cái vào hai chỗ trống. Làm thật nhanh, không ngẫm nghĩ.^[6]

^[6] . Xin phép để nguyên các từ vựng tiếng Anh (kèm dịch nghĩa) trong phần chơi chữ này để giữ nguyên ý đồ của tác giả (ND).

G L _ _

Đây là trò chơi có tên là điền chữ ghép từ vựng. Các nhà tâm lý học thường dùng cách này để thử nghiệm một số thứ, ví dụ như là thử trí nhớ.

Tôi điền thêm chữ cái ghép thành GLUM (BUỒN BÃ). Hãy nhớ từ này nhé. Từ tiếp theo là:

_ _ TER

Tôi điền các chữ cái ghép thành từ HATER (NGƯỜI CĂM GHÉT).

Hãy nhớ cả từ này nữa. Đây là các chữ cái còn lại trong danh sách:

S _ _ RE

STER _ _

B _ _ T

P__N
GO__
PO____
TOU__
CHE__
BA__
ATT____
__OR
_RA
BO__
SL____
____EAT
FL__T
SC____
SL_T
__NNR

Tôi bắt đầu bằng hai từ GLUM (BUỒN BÃ) và HATER (NGƯỜI CĂM GHÉT) và kết thúc trò chơi bằng các từ SCARE (SỢ HÃI), ATTACK (TẤN CÔNG), BORE (CHÁN NẢN), FLOUT (COI THƯỜNG), SLIT (CHẶT/ CHẼ), CHEAT (GIAN LẬN), TRAP (BÃY), và DEAFEAT (ĐÁNH BẠI). Đó quả là một danh sách các từ khá buồn nản và sâu bi. Nhưng tôi không nghĩ danh sách ấy nói lên bất cứ điều gì đen tối trong tâm hồn tôi. Tôi không phải người sâu lụy. Tôi là một người lạc quan. Tôi nghĩ rằng từ đầu tiên, GLUM (BUỒN BÃ) đã nảy ra trong đầu óc tôi và sau đó chỉ là tôi cứ tiếp tục theo mạch suy nghĩ ấy.

Vài năm trước, một nhóm các nhà tâm lý học do bác sĩ Emily Pronin dẫn đầu đã giao bài tập này cho một nhóm người. Pronin yêu cầu họ điền các chữ cái vào chỗ trống để tạo thành các từ. Sau đó bà hỏi nhóm đó cùng một câu hỏi: Bạn có nghĩ những từ ngữ mà các bạn lựa chọn *nói lên* điều gì đó về bạn không? Ví dụ, nếu như bạn điền từ TOU__ thành TOUCH (XÚC CẢM), thì điều đó có gợi ý rằng bạn là một kiểu người khác so với nếu bạn điền từ đó thành TOUGH (CỨNG RẮN)? Những người được hỏi cũng trả lời y như tôi đã nói. *Chúng chỉ là các từ vụng.*

“Tôi không đồng tình với việc sử dụng các từ vụng này như một thước đo tính cách của tôi”, một trong những chủ thể tham gia thử nghiệm của Pronin viết. Và những người khác trong nhóm cũng đồng tình:

“Những từ vụng đầy đủ này không thể hiện điều gì về tôi cả... Chỉ là những từ vụng được hoàn thành ngẫu nhiên”.

“Một số từ vụng tôi viết ra đối lập với cách tôi nhìn nhận thế giới. Ví dụ, tôi cho rằng mình không phải kiểu người luôn tỏ ra STRONG (MẠNH MẼ), BEST (GIỎI NHẤT), hay một WINNER (NGƯỜI THẮNG CUỘC)”.

“Tôi không nghĩ những từ mà tôi hoàn thành lật mở điều gì về tôi... Chúng xuất hiện vì chúng nảy ra trong đầu thế thôi”.

“Không thể hiện được điều gì về con người... Chúng chỉ thể hiện vốn từ vụng”.

“Tôi không nghĩ có bất kỳ mối liên hệ nào... Các từ này chỉ là ngẫu nhiên”.

“Các từ PAIN (ĐAU ĐÓN), ATTACK (TẤN CÔNG), VÀ THREAT (ĐE DỌA) nghe có vẻ tương đương, nhưng tôi không chắc là chúng

nói lên điều gì về tôi”.

Nhưng rồi câu chuyện trở nên thú vị hơn. Pronin đưa cho nhóm này các từ vựng do một nhóm khác hoàn thành. Họ là những người hoàn toàn xa lạ. Bà đặt ra cùng một câu hỏi. Các bạn nghĩ những lựa chọn từ ngữ của những người này nói lên điều gì? Và lần này, toàn bộ hội đồng tham gia trả lời đối ý 180 độ.

“Anh này có vẻ không đọc sách nhiều lắm, bởi vì dường như (với tôi) khi điền từ B__K thì tự nhiên mà nói sẽ phải là BOOK (CUỐN SÁCH). BEAK (MỎ CHIM) có vẻ hơi ngẫu nhiên, và có thể là dấu hiệu của một đầu óc hơi thiếu tập trung”.

“Tôi có cảm giác là bất kể danh sách từ vựng này của ai thì người ấy cũng khá tự mãn, nhưng về cơ bản là một người tốt”.

Hãy nhớ rằng đây chính xác là những người mà chỉ vừa vài phút trước khẳng định rằng trò chơi này không hề có chút ý nghĩa nào.

“Người này có vẻ hiếu thắng và luôn suy nghĩ về chuyện hơn thiệt thắng thua”.

“Tôi có cảm giác rằng nhân vật này có thể rất thường thấy chán nản trong cuộc sống. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng họ có thể sẽ hứng thú với những tương tác cá nhân gần gũi với người khác giới. Người này cũng có thể sẽ thích thú với các trò chơi”.

Cũng chính người vừa mới nói “Những từ vựng này không thể hiện điều gì về tôi cả” thì nay quay ngoắt 180 độ và nhận xét thế này về một người hoàn toàn xa lạ:

“Tôi nghĩ cô gái này đang đến tháng hay sao... Tôi cũng nghĩ hình như trong mối quan hệ cá nhân, cô ấy đang cảm thấy một trong hai người, hoặc là cô ấy hoặc là nửa kia đang che giấu điều gì đó,

bởi vì cứ nhìn những từ mà cô ấy hoàn thành thì biết: WHORE (GÁI ĐIẾM), SLOT (tương tự như slut - đĩ điếm), CHEAT (PHẢN BỘI)”.

Những câu trả lời cứ tiếp tục tuôn ra như thế. Và không một ai, dù chỉ một thoáng, nhận ra rằng chính họ đang rơi vào cái bẫy mâu thuẫn.

“Tôi đoán có một vài liên hệ... Anh ta nói rất nhiều về tiền bạc và nhà băng (BANK). Có rất nhiều tương đồng ở đây”.

“Anh ấy có vẻ như quá chú trọng vào ganh đua và chiến thắng. Người này chắc là vận động viên hoặc một người rất hiếu thắng”.

“Có vẻ như nhân vật này thường có cái nhìn lạc quan đối với những thứ mà anh ta thích thú. Hầu hết các từ như là WINNER (NGƯỜI CHIẾN THẮNG), SCORE (THÀNH TÍCH), GOAL (MỤC TIÊU) đều cùng một kiểu thuộc tính cạnh tranh, kết hợp với một số ngữ cảnh, cho thấy anh này có bản tính cạnh tranh tự nhiên.

Nếu hội đồng này nhìn thấy các từ vựng mà tôi hoàn thành GLUM (BUỒN BÃ) và HATER (NGƯỜI CĂM GHÉT) và kết thúc trò chơi bằng các từ SCARE (SỢ HÃI), ATTACK (TẤN CÔNG), BORE (CHÁN NẢN), FLOUT (COI THƯỜNG), SLIT (CHẶT/CHẼ), CHEAT (GIAN LẬN), TRAP (BÃY) và DEAFEAT (ĐÁNH BẠI), hẳn họ sẽ rất lo lắng cho tâm hồn đen tối của tôi.

Pronin gọi hiện tượng này là “ảo giác ngầm hiểu bất cân xứng”. Bà viết:

Niềm tin vững chắc rằng chúng ta hiểu thiên hạ hơn là họ hiểu ta - và rằng chúng ta có thể “đi guốc trong bụng” người khác, nhìn ra thiếu sót của họ (nhưng không theo chiều ngược lại) - đã khiến ta nói khi đáng lẽ nên nghe cho kỹ và trở nên thiếu kiên nhẫn khi

đáng ra nên nhấn nạt khi những người khác bày tỏ đích xác rằng chính họ là những người bị hiểu lầm hoặc bị phán xét thiếu công bằng.

Đây chính là vấn đề trọng tâm của cả hai câu đố đầu tiên này. Những sĩ quan phụ trách khu vực Cuba trong CIA dám chắc là họ có thể đánh giá được lòng trung thành của các điệp viên trong mạng lưới. Các thẩm phán không giơ cả hai tay đầu hàng khi đứng trước nhiệm vụ phải đánh giá tính cách của các bị can. Họ dành ra cho mình một đến hai phút suy tính rồi đưa ra phán quyết đầy thẩm quyền. Neville Chamberlain không bao giờ hoài nghi tính khôn ngoan trong kế hoạch táo bạo chặn đứng chiến tranh của ông ta. Nếu những ý đồ của Hitler là không rõ ràng, thì việc của ông ta, với tư cách thủ tướng, đó là đi sang tận nước Đức để làm rõ trắng đen.

Chúng ta nghĩ rằng có thể dễ dàng nhìn thấu tâm can người khác dựa trên những manh mối lỏng lẻo nhất. Chúng ta chớp ngay lấy cơ hội để phán xét người lạ mặt. Tất nhiên, chúng ta sẽ không bao giờ làm như thế với chính mình. Chúng ta tinh tế, phức tạp và bí ẩn. Còn người lạ mặt thì dễ đoán.

Nếu chỉ có một điều mà tôi có thể thuyết phục bạn trong cuốn sách này, thì đó sẽ là: Những kẻ xa lạ không hề dễ đoán.

PHẦN HAI

MẶC ĐỊNH VỚI SỰ THÀNH THẬT

Chương ba

NỮ HOÀNG CUBA

1 . Hãy cùng nhìn vào một câu chuyện tình báo Cuba khác.

Vào đầu những năm 1990, hàng ngàn người Cuba bắt đầu di tản khỏi đất nước. Họ chen chúc trên những chiếc thuyền tự chế - làm từ sấm lốp và thùng phuy, cánh cửa gỗ và vô số những bộ phận chấp vá khác - và giông thuyền ra khơi trong một hành trình gian khó dài 90 dặm qua Eo biển Florida để tới Hoa Kỳ. Ước tính có đến 24.000 người đã bỏ mạng trong hành trình mạo hiểm này. Đó là một sự cố nhân đạo. Để ứng phó, một nhóm người Cuba nhập cư ở Miami đã sáng lập ra nhóm *Hermnos al Rescate* - Hội Anh em Cứu trợ. Họ cùng nhau đưa vào vận hành tạm thời một chiếc máy bay một động cơ Cessna Skymasters có nhiệm vụ bay lượn trên khắp vùng trời eo biển Florida, tìm kiếm những thuyền nhân và báo tọa độ thuyền về cho Đội Tuần duyên Hoa Kỳ. Hội Anh em Cứu trợ đã cứu được hàng ngàn mạng sống. Họ trở thành những anh hùng.

Một thời gian sau, hội những người nhập cư ngày càng trở nên táo tợn hơn. Họ bắt đầu bay vào không phận của Cuba, thả tờ rơi xuống Havana xúi giục người dân Cuba đứng lên chống lại chế độ. Chính phủ Cuba, vốn đã nóng mặt vì những chuyến bay giải cứu người tị nạn, nay càng giận dữ. Căng thẳng leo thang, mà đỉnh điểm diễn ra vào ngày 24 tháng 2 năm 1996. Buổi chiều hôm đó, ba chiếc

máy bay của Hội Anh em Cứu trợ cất cánh rời khỏi eo biển Florida. Khi họ tiến sát bờ vịnh Cuba thì bị hai chiếc máy bay chiến đấu MiG của Cuba bắn trúng, hai trong số ba máy bay của Hội Anh em Cứu trợ bị bắn hạ, giết chết cả bốn người trên khoang điều khiển.

Phản ứng với cuộc tấn công ngay lập tức bùng lên. Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa kỳ đưa ra tuyên bố chỉ trích chính quyền Cuba. Tổng thống Clinton tổ chức một cuộc họp báo chia buồn... Hai chiếc máy bay đã bị bắn hạ trong khu vực không phận quốc tế, sự việc này không khác gì một hành động châm ngòi chiến tranh. Đoạn radio trao đổi giữa các phi công Cuba sau đó được đăng tải trên báo chí:

“Bắn trúng rồi, *mẹ kiếp*, trúng rồi”.

“Hạ chúng rồi, *mẹ kiếp*”.

“Ta bắn trúng rồi”.

“Mẹ kiếp”.

“Đánh dấu tọa độ nơi chúng bị bắn hạ”.

“Nào còn dám nhìn với tụi bố nữa không”.

Và rồi, một trong hai chiếc MiG lại tiếp tục bắn trúng vào chiếc Cessna thứ hai:

“Tổ quốc hay là chết, lũ khốn nạn”.

Nhưng ngay giữa bầu không khí tranh luận căng thẳng, câu chuyện đột ngột chuyển hướng. Một cựu Chuẩn Đô đốc Hoa kỳ tên là Eugen Carroll trước đó vừa trả lời một cuộc phỏng vấn trên kênh CNN. Carroll là một nhân vật có tầm ảnh hưởng với Washington. Ông từng giữ chức giám đốc toàn thể các lực lượng quân đội của Hoa Kỳ ở châu Âu, nắm trong tay 7.000 lính tinh nhuệ. Ngay trước vụ bắn hạ đội tàu bay của Hội Anh em Cứu trợ, Carroll cho biết ông

và một nhóm nhỏ các nhà phân tích chiến lược quân sự vừa gặp gỡ các quan chức hàng đầu của Cuba.

CNN: Thưa Đô đốc, ông có thể cho biết mục đích chuyến đi của ông tới Cuba, ông đã gặp gỡ những ai và nội dung cuộc gặp là gì?

Carroll: Chúng tôi được Bộ trưởng Quốc phòng Cuba, Tướng Rosales del Toro đón tiếp... Chúng tôi đã có các cuộc viếng thăm các căn cứ của Cuba, trường học và một phần nhà máy hạt nhân đã hoàn thiện của họ, vân vân. Trong cuộc trao đổi kéo dài với Tướng Rosales del Toro và cấp dưới của ông ta, một câu hỏi được đặt ra liên quan đến các máy bay xuất phát từ phía Hoa Kỳ - không phải không lực chính phủ, mà là những chiếc máy bay dân sự xuất phát từ Miami. Họ hỏi chúng tôi là: "Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi bắn hạ một trong số những chiếc máy bay này? Chúng tôi hoàn toàn có thể, ông biết rồi đấy".

Carroll cho rằng câu hỏi này từ phía Cuba là một lời cảnh báo. Cuộc phỏng vấn tiếp tục:

CNN: Vậy thế khi các ông quay trở về, ông chuyển thông tin này cho ai?

Carroll: Ngay khi chúng tôi đặt được lịch hẹn, chúng tôi đã trao đổi tình hình... với các thành viên Bộ Ngoại giao và các thành viên của Cục Quân báo Hoa Kỳ.

Cục Quân báo Hoa kỳ (DIA) là cánh tay thứ ba trong bộ tam đầu chế của chính phủ Hoa Kỳ, bên cạnh CIA và Cục An ninh Quốc gia (NSA). Nếu Carroll gặp được Bộ Ngoại giao và Cục Quân báo Hoa Kỳ, ông ta đã phải chuyển lời cảnh báo của Cuba đến cấp cao nhất có thể trong chính phủ Mỹ. Thế Bộ Ngoại giao và DIA có xem xét cảnh báo này một cách nghiêm túc? Liệu họ có can thiệp và yêu cầu

đội bay Đội Anh em Cứu trợ ngừng bay lượn bất cẩn vào không phận Cuba không? Rõ ràng câu trả lời là không.^[7]

^[7] . *Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã cung cấp thông tin cho Đội Anh em Cứu trợ qua các kênh chính thức, cho biết bất cứ chuyến bay nào có điểm đến là Cuba đều không được chấp nhận. Nhưng rõ ràng là các cảnh báo này không hiệu quả.*

CNN: Thưa Đô đốc, Bộ Ngoại giao đã phát những cảnh báo này cho Đội Anh em Cứu trợ, có phải vậy không?

Carroll: Nhưng không phải là những cảnh báo hiệu quả... Họ biết rằng [Đội Anh em] thường khai man lịch trình bay rồi vẫn bay hướng Cuba, đây là phần khiến Cuba không hài lòng vì cho rằng chính phủ không kiểm soát được quy định của chính mình.

Những bình luận của Carroll bắt từ phía trong các bàn tròn chính sách ở Washington, DC. Đây là một tiết lộ đáng xấu hổ. Vụ bắn hạ của Cuba xảy ra vào ngày 24 tháng 2. Carroll chuyển cảnh báo tới Bộ Ngoại giao và DIA vào ngày 23 tháng 2. Một nhân vật nội bộ uy tín ở Washington gặp gỡ các nhân viên chính phủ Mỹ *một ngày trước* cuộc khủng hoảng, cảnh báo rành rọt rằng người Cuba đã hết kiên nhẫn với Đội Anh em Cứu trợ, và lời cảnh báo của ông bị phớt lờ. Chuyện bắt đầu bằng hành động tàn bạo từ phía Cuba giờ biến thành câu chuyện về năng lực ngoại giao yếu kém của người Mỹ.

CNN: Thế nhưng ông bình luận thế nào về việc đó là những chiếc máy bay dân sự không được trang bị vũ khí?

Carroll nhắc lại những gì ông được nghe ở Havana.

Carroll: Đó là một câu hỏi vô cùng nhạy cảm. Vị thế của họ là gì? Họ đang làm gì? Tôi so sánh thế này cho dễ hiểu. Giả sử chúng ta

thấy có những chiếc máy bay từ Mexico bay về về trên bầu trời San Diego, thả tờ rơi và kêu gọi chống lại Thống đốc [California] Wilson. Chúng ta sẽ để yên cho những chiếc máy bay do thám ấy được bao lâu sau khi đã cảnh báo là ta sẽ ra tay?

Fidel Castro không được mời lên trả lời phỏng vấn trên đài CNN để bào chữa cho vụ việc này. Nhưng ông không cần làm thế. Ông đã có một chuẩn đô đốc trả lời thay.

2. Ba chương tiếp theo của cuốn sách này sẽ dành trọn vẹn cho những ý tưởng của một nhà tâm lý học có tên Tim Levine, ông đã dành nhiều công sức cho vấn đề tại sao chúng ta lại nhận định sai lầm về những người lạ như bất cứ người nào làm việc trong ngành khoa học xã hội. Chương thứ hai sẽ nhìn sâu vào các giả thuyết của Levine qua câu chuyện về Bernie Madoff, nhà đầu tư đã thực hiện cú lừa đảo theo mô hình Ponzi lớn nhất trong lịch sử. Chương thứ ba xem xét trường hợp lạ lùng của Jerry Sandusky, huấn luyện viên bóng bầu dục của Đại học Tiểu bang Pennsylvania bị kết án lạm dụng tình dục. Và đây, câu chuyện đầu tiên, là về sự thất bại tính từ thời điểm khủng hoảng giữa Hoa Kỳ và Cuba vào năm 1996.

Có điều gì trong câu chuyện của Đô đốc Carroll và cuộc tấn công của Cuba khiến bạn thấy lạ lùng? Có quá trời sự trùng hợp ở đây.

1. Người Cuba lập một kế hoạch tấn công có chủ đích đối với công dân Mỹ bay trong không phận quốc tế.

2. Chỉ một ngày trước khi diễn ra cuộc tấn công, một nhân vật có máu mặt phía nội bộ Mỹ đã chuyển lời cảnh báo cứng rắn đến quan chức của Hoa Kỳ về khả năng xảy ra đích xác vụ tấn công.

3. Và, thật tình cờ, một ngày sau vụ tấn công, cũng chính nhân vật trên tiếp tục truyền tin, đưa lời cảnh báo của phía Cuba, lên một

trong những mạng lưới tin tức được tin cậy nhất thế giới.

Thời điểm diễn ra cả ba sự kiện trên đều có vẻ quá hoàn hảo, có phải vậy không? Nếu bạn là một công ty truyền thông đang tìm cách xử lý khủng hoảng từ một hành động gây tranh cãi, thì đây chính xác là kịch bản bạn cần dựng nên. Có ngay một chuyên gia dường như trung lập xuất hiện - ngay lập tức - để nói: “Tôi đã cảnh báo họ rồi đấy chứ!”

Đây chính là điều mà một nhà phân tích phản gián tên là Reg Brown đã nghĩ vào những ngày sau khi xảy ra sự vụ trên. Brown làm việc cho phòng Châu Mỹ Latinh của Cục Quân báo Hoa Kỳ. Nhiệm vụ của ông ta là tìm hiểu những cách gây ảnh hưởng của tinh báo Cuba lên các tổ chức quân sự của nước Mỹ. Nói cách khác, công việc của ông ta là cảnh giác với tất cả những kiểu tình cờ lập lờ, tình vi và khó lý giải mà hầu hết những người thường chúng ta đều bỏ qua, và Brown không thể giữ bỏ được cảm giác rằng, bằng một cách nào đó người Cuba đã hành động như một nhạc trưởng điều khiển toàn bộ cuộc khủng hoảng này.

Sau này người ta mới biết rằng người Cuba có nguồn tin bên trong Đội Anh Em Cứu trợ - một phi công tên là Juan Pablo Roque. Vào ngày trước khi xảy ra vụ tấn công, anh ta đột nhiên biến mất và xuất hiện bên phía Castro ở Havana. Rõ ràng là Roque đã báo cáo với các sếp của anh ta nơi quê nhà rằng Đội Anh em Cứu trợ sẽ có một kế hoạch gì đó vào ngày 24. Điều đó khiến Brown khó lòng tin được ngày mà Carroll báo cáo tình hình lại được lựa chọn một cách tình cờ. Để đẩy mức ảnh hưởng tối đa lên truyền thông, người Cuba sẽ muốn lời cảnh báo của họ được chuyển đi trước một ngày, không phải vậy sao? Theo cách đó Bộ Ngoại giao và DIA sẽ không thể phủi

tay giữ vấn đề bằng việc nói rằng lời cảnh báo quá mông lung hoặc từ quá lâu. Lời của Carroll phải được nói ra ngay trước mặt họ vào một ngày trước khi các phi công cất cánh từ Miami.

Vậy thì ai là người sắp xếp cuộc gặp đó? Brown tự hỏi. *Ai là người chọn ngày 23 tháng 2?* Chỉ đào bới thông tin chút đỉnh, ông ta đã có câu trả lời và cái tên khiến ông ta giật nảy. Chính là một đồng nghiệp của ông tại DIA, một chuyên gia về Cuba có tên là Ana Belen Montes. Ana Montes là một ngôi sao. Cô ta liên tục được lựa chọn để thăng chức và nhận được những cơ hội nghề nghiệp đặc biệt, được khoản đãi bằng khen ngợi và tiền thưởng. Các bản đánh giá về cô đều sáng ngời. Cô ta được chuyển từ Bộ Tư pháp về DIA, và thư giới thiệu của một trong những cựu quản lý của cô thì mô tả đây là một trong những nhân viên xuất sắc nhất mà ông ta từng có. Cô ta còn từng được nhận huân chương từ George Tenet, giám đốc của CIA. Biệt danh của cô ta trong giới tình báo là “Nữ hoàng Cuba”.

Nhiều tuần trôi qua. Brown vật vã. Buộc tội một đồng nghiệp vào tội danh phản quốc cơ bản dựa trên một nghi vấn nửa hoang tưởng là một nước cờ táo bạo khủng khiếp, đặc biệt là đối với một đồng nghiệp có vị thế như Montes. Cuối cùng Brown cũng nghĩ thông suốt và quyết định trình bày mối ngờ vực của mình với một sĩ quan phản gián của DIA tên là Scott Carmichael.

“Anh ta ghé qua và chúng tôi đi dạo một lúc trong giờ ăn trưa”, Carmichael nhớ lại cuộc gặp đầu tiên với Reg Brown. “Và anh ta thậm chí còn chưa nhắc được đến Montes. Ý tôi là phần lớn thời gian gặp chỉ là nghe anh ta kêu lên, ‘Ôi, Chúa ơi!’ Anh ta nắm chặt hai bàn tay và nói: ‘Tôi không muốn làm một việc sai trái.’”

Dần dà, Carmichael cũng khơi gợi để anh ta trút hết nỗi lòng. Tất cả những người từng làm việc về Cuba đều nhớ quả bom tấn mà Florentino Aspillaga thả xuống đầu họ. Người Cuba rõ là *giỏi*. Và Brown cũng đã có chứng cứ của riêng mình. Vào cuối những năm 1980, ông ta đã viết một bản báo cáo liệt kê tường tận sự can thiệp của những quan chức cấp cao Cuba trong mạng lưới buôn lậu ma tuý quốc tế. “Anh ta chỉ đích danh cán bộ cấp cao nào của Cuba đã trực tiếp dính líu trong vụ đó”, Carmichael nói, “và tiếp theo đã cung cấp đầy đủ các chi tiết. Ý tôi là thông tin các chuyến bay, ngày tháng, giờ, địa điểm, ai làm gì với ai, toàn bộ miếng bánh, không sót phần nào”. Sau đó chỉ vài ngày trước khi bản báo cáo của Brown được công khai, phía Cuba tóm toàn bộ những nhân vật được nhắc đến trong điều tra của ông ta, xử lý một số người và cho thông cáo bác bỏ sự việc. “Và Reg kiểu, “Cái con khỉ gì thế này? Có người làm lộ tin”.

Điều đó khiến Brown bị ám ảnh. Năm 1994, có hai nhân viên tình báo Cuba đào ngũ và khai một câu chuyện tương tự: Người Cuba có gài được một nhân vật cao cấp bên trong tình báo Hoa Kỳ. Vậy thì ông ta phải nghĩ gì bây giờ? Brown nói với Carmichael. Chẳng phải ông ta có lý do để nghi ngờ đó sao?

Sau đó ông ta kể cho Carmichael một chi tiết khác đã xảy ra trong thời gian khủng hoảng Hội Anh em Cứu trợ. Montes làm việc tại văn phòng DIA ở Khu căn cứ Quân sự Không quân Bolling, trong khu vực Anacostia ở Washington, DC. Khi những chiếc máy bay bị bắn hạ, cô ta được mời đến Lầu Năm Góc: nếu anh là một trong những chuyên gia hàng đầu của chính phủ về Cuba, anh nhất thiết

phải có mặt tại đó. Cuộc bắn hạ diễn ra vào ngày thứ bảy. Tối hôm sau Brown vô tình gọi điện thoại, hỏi gặp Montes.

“Anh ta nói rằng một người phụ nữ đã trả lời điện thoại và cho biết Ana đã về rồi”, Carmichael nói. Trước đó trong ngày, Montes có nhận được một cuộc điện thoại - và sau đó cô ta có vẻ bồn chồn. Rồi cô ta bảo tất cả mọi người trong phòng tình huống rằng mình bị mệt, và rằng nếu không có gì nữa, thì cô ta về nhà.

Reg đúng thật là hoàn toàn không thể tin nổi. Có điều gì đó đơn giản là quá trái ngược với văn hóa của chúng tôi khiến anh ta thấy thật khó tin. Tất cả mọi người đều hiểu rằng khi một cuộc khủng hoảng nổ ra, anh được gọi đến bởi vì anh có những hiểu biết của một chuyên gia có thể đóng góp cho quá trình nhào nặn để đưa ra quyết định. Và ở Lầu Năm Góc, anh sẽ luôn sẵn sàng cho đến khi anh được phép cho lui. Điều đó ai cũng hiểu. Nếu có ai đó ở cấp độ đó gọi anh đến, bởi vì đột nhiên người Bắc Hàn quyết định bắn tên lửa sang San Francisco, thì anh không thể cứ thế mà rời đi khi anh thấy mệt và đói được. Tất cả mọi người đều hiểu điều đó. Ấy thế mà cô ta lại hành động như vậy. Và Reg phản ứng, kiểu như là, “Chuyện quái gì thế này?”

Trong suy nghĩ của Brown, nếu cô ta thực sự làm việc cho Cuba, hẳn là họ đang rất nóng lòng muốn nghe tin từ phía cô ta: họ muốn biết chuyện gì đang diễn ra bên trong phòng tình huống. Hay cô ta có cuộc họp vào buổi tối hôm đó với chỉ huy của mình? Tất cả suy diễn dường như đang đi hơi quá xa, đó cũng chính là điều khiến Brown cảm thấy đầy mâu thuẫn. Nhưng đã *từng* có những gián điệp

Cuba. Ông ta biết điều đó. Và ở đây có một người phụ nữ, nhận một cuộc điện thoại cá nhân và đi thẳng ra khỏi cửa giữa một sự vụ - nhất là đối với một chuyên gia Cuba - được coi là khủng hoảng lớn nhất trong cả một thế hệ. Và trên hết, cô ta lại chính là người đã sắp xếp cuộc họp quá sức thuận lợi cho phía Cuba với Đô đốc Carroll?

Brown nói với Carmichael rằng người Cuba đã muốn bán hạ máy bay của Hội Anh em Cứu trợ từ nhiều năm rồi. Nhưng họ không thực hiện, bởi vì họ biết hành động đó sẽ kích hoạt điều gì. Nó có thể biến thành một cái cớ mà Mỹ cần để hạ bệ Fidel Castro hoặc tiến hành một cuộc xâm lăng. Đối với người Cuba thì như thế là không đáng - trừ phi họ vẽ ra được một cách nào đó làm đảo chiều ý kiến dư luận theo hướng có lợi cho họ.

Và thế là anh ta khám phá ra được rằng Ana không chỉ là một người ở trong phòng họp với Đô đốc Carroll, mà cô ta còn chính là người tổ chức cuộc họp đó. Anh ta nhìn vào chi tiết đó và nói kiêu, “Chó chết, tôi đang lần theo dấu vết của một tổ chức phản gián Cuba đóng vai trò xoay chuyển câu chuyện như thế nào, và Ana là một trong những người dẫn đầu nỗ lực sắp xếp cuộc gặp với Đô đốc Carroll. Tất cả chuyện này là thế quái nào?”

Nhiều tháng trôi qua. Brown vẫn kiên định. Cuối cùng, Carmichael cũng lôi hồ sơ của Montes ra xem. Cô ta vượt qua hầu hết các bài kiểm tra nói dối gần đây với thành tích vang dội. Cô ta không có rắc rối bí mật với ma men, hoặc không có những khoản tiền bất thường trong tài khoản. Không có cớ đở nghi vấn nào đối với cô ta. “Sau khi nghiên cứu hồ sơ an ninh và hồ sơ cá nhân về cô

ta, tôi đã nghĩ, *cậu Reg này quá nhâm rồi*”, Carmichael nói. “Người phụ nữ này khéo sẽ trở thành Giám đốc Tình báo của DIA. Cô ấy thật sự quá xuất sắc”. Ông biết rằng để có thể lý giải một cuộc điều tra chỉ dựa trên sự ngờ vực cơ bản, ông cần phải cực kỳ tỉ mỉ. Reg Brown, ông ta nói, đang “tan rã”. Ông phải xóa nhòa nghi ngờ của Brown, bằng cách này hay cách khác - như cách ông ta giải thích, bởi vì nếu để lọt ra ngoài chuyện Montes nằm trong diện nghi ngờ thì “tôi biết tôi sẽ phải hứng rất nhiều cà chua và trứng thối”.

Carmichael gọi Montes đến. Họ gặp nhau trong một phòng họp ở căn cứ Bolling. Cô ta là một phụ nữ hấp dẫn, thông minh, thanh mảnh với mái tóc ngắn và gọn gàng, toát lên vẻ cứng rắn. Carmichael nghĩ thầm, *Người phụ nữ rất ấn tượng*. “Khi cô ta ngồi xuống, cô ta gần như ngồi cạnh tôi, chỉ cách xa chừng này” - ông giơ hai tay ký hiệu khoảng cách chừng 1 mét - “ngồi cùng phía. Cô ta vắt chéo chân. Tôi nghĩ cô ta không cố tình làm thế, tôi nghĩ cô ta chỉ đang lấy tư thế thoải mái. Tình cờ tôi lại là một người dễ bị hấp dẫn bởi đôi chân - cô ta không thể biết điều đó, nhưng tôi thích đôi chân và tôi biết mình đã liếc mắt xuống nhìn”.

Ông hỏi cô ta về cuộc gặp của Đô đốc Carroll. Cô ta có câu trả lời. Đó không hề là ý tưởng của cô ta. Con trai của một nhân vật mà cô ta quen biết ở DIA là người tháp tùng Carroll đến Cuba và cô ta chỉ nhận được cuộc gọi sau đó.

Cô ta nói: “Tôi biết cha của người đó, cha của người đó gọi cho tôi và bảo, ‘Này, nếu cô muốn lên “chuyến tàu vét” sang Cuba kỳ này thì cô nên gặp Đô đốc Carroll,’ thế là tôi gọi cho Đô đốc Carroll và chúng tôi nhìn vào lịch làm việc của cả đôi bên rồi quyết định rằng

ngày 23 tháng 2 là ngày phù hợp nhất với lịch trình cho cả hai, chuyện là thế”.

Hóa ra là Carmichael biết nhân viên DIA mà Montes nhắc đến là ai. Ông bảo cô ta là ông sẽ gọi điện cho người đó để kiểm chứng câu chuyện. Và cô ta bảo, “Vâng, xin hãy làm thế”.

Thế còn chuyện có một cuộc điện thoại gọi đến khi cô ở trong phòng tình huống thì sao, Carmichael hỏi Montes? Cô ta nói không nhớ là có nhận một cuộc điện thoại, và với Carmichael thì dường như cô ta nói thật. Hôm ấy là một ngày điên cuồng, căng thẳng cách đây đã chín tháng trời. Thế còn chuyện về sớm?

Cô ta nói, “À, đúng là tôi về sớm”. Ngay lập tức, cô ta thừa nhận chuyện đó. Cô ấy không hề chối tránh, điều đó có thể hơi khả nghi. Cô ta bảo, “Vâng, hôm ấy tôi về sớm thật. Ông biết đấy, hôm đó là chủ nhật, quán cà phê đóng cửa. Tôi là người rất khản ăn, tôi bị dị ứng, vì thế tôi không ăn được đồ từ máy bán hàng tự động. Tôi đến đó vào sáu giờ sáng, còn khi ấy đã là tám... tám giờ tối. Tôi đói gần chết, mọi việc cũng đã xong xuôi, mọi người không thực sự cần tôi nữa, thế nên tôi quyết định là sẽ đi ra khỏi đó. Về nhà và ăn cái gì đó”.^[8] Tôi nghe thấy hợp lý. Thật thế.

^[8] . Đây là một chi tiết chính xác. Montes cực kỳ nghiêm ngặt với chế độ ăn uống của mình, có lúc cô ta “chỉ ăn khoai tây luộc không tẩm ướp”. Sau này, các nhà tâm lý học của CIA kết luận Montes có triệu chứng của OCD. Cô ta có thói quen tắm rất lâu với các loại xà phòng tắm khác nhau và luôn đeo găng tay khi lái xe. Trong một số

hoàn cảnh, sẽ không có gì lạ nếu một ai đó sẽ vin vào đó để đập tan sự hoài nghi với cô ta bởi những hành vi thường xuyên lạ lùng ấy.

Sau cuộc phỏng vấn, Carmichael tiến hành kiểm tra chéo các câu trả lời của Montes. Ngày diễn ra cuộc họp *đúng thực* dường như là một sự tình cờ. Con trai của bạn ông ta *đúng thực* là có đi Cuba với Carroll.

Tôi được biết rằng cô ta bị dị ứng thức ăn, cô ta không bao giờ ăn đồ ở máy bán hàng tự động, cô ta rất cẩn thận với đồ ăn thức uống. Tôi nghĩ cô ta đã ở đó cả ngày chủ nhật. Tôi cũng ở đó, quán cà phê không mở cửa. Cô ta đã làm việc cả ngày mà không có gì bổ bụng nên cô ta về nhà. Tôi nghĩ, “Ừm, nghe ra cũng không bắt bẻ được gì”.

Cho đến một ngày vào năm 2001, năm năm sau đó, khi mọi việc vỡ lở ra rằng mỗi một ngày từ cơ quan trở về nhà, Montes đều ngồi gõ lại từ trong trí nhớ tất cả những thông tin và các am hiểu mà cô ta biết được trong ngày làm việc, và gửi cho những chỉ huy của cô ta ở Havana.

Ngay từ ngày đầu tiên bước chân vào DIA, Montes đã là một điệp viên của Cuba.

3. Trong tiểu thuyết tình báo kinh điển, điệp viên thường là những người giáo quyết, khôn lường. Chúng ta bị đánh lừa bởi vì kẻ thù quá xuất sắc. Đó chính là cách mà rất nhiều người trong cuộc ở CIA chữa ngược khi Florentino Aspillaga tiết lộ bí mật động trời: *Castro là một thiên tài. Các điệp viên là những diễn viên siêu hạng.* Tuy nhiên, trên thực tế, những gián điệp nguy hiểm nhất hiếm khi là

những kẻ hiểm ác. Aldrich Ames, được coi là một trong những kẻ phản bội tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ, chỉ được xếp hạng đánh giá trung bình, có vấn đề với ma men, và thậm chí ông ta chẳng buồn giấu giếm tiền bạc mà ông ta nhận được từ Liên Xô cho hoạt động gián điệp của mình.

Ana Montes cũng không mấy khá khẩm hơn. Ngay trước khi bị bắt giữ, DIA tìm thấy mật mã mà cô ta sử dụng để chuyển tin cho cấp trên ở Havana nằm ngay... trong túi xách tay của cô ta. Và trong căn hộ của cô ta, có một chiếc đài sóng ngắn để trong một hộp giày nằm ngay trong tủ quần áo.

Brian Latell, chuyên gia Cuba của CIA là người đã chứng kiến thảm họa Aspillaga cũng biết Montes rất tường tận.

“Cô ta thường ngồi ngay phía bên kia bàn đối diện với tôi trong các cuộc họp mà tôi triệu tập, khi ấy tôi là [Sĩ quan Tình báo Quốc gia]”, Latell nhớ lại. Cô ta không hề bóng bẩy hay điêu luyện. Ông biết cô ta có danh tiếng khá nổi trong nội bộ DIA nhưng đối với ông thì cô ta luôn có vẻ gì đó kỳ quặc.

Mỗi lần tôi cố gắng gợi chuyện thì cô ta luôn khiến tôi cảm thấy những phản ứng rất khác thường... Khi tôi cố hỏi dồn cô ta ở một trong số những cuộc họp do tôi triệu tập - “Cô nghĩ gì về động cơ của Fidel trong vụ này?” - cô ta sẽ lúng búng, hình ảnh thì giống hệt con nai bị đèn pha chiếu vào mắt. Cô ta lập bập. Ngay cả hành vi bên ngoài của cô ta cũng cho thấy một kiểu phản ứng khiến tôi nghĩ, “Ôi, cô ta căng thẳng bởi vì cô ta chẳng qua là một nhà phân tích tệ hại. Cô ta chẳng biết phải nói gì”.

Latell kể tiếp, có một năm, Montes được tuyển lựa vào Chương trình Nhà phân tích Xuất sắc của CIA, được trao một cơ hội nghiên cứu “nghỉ dưỡng” dành cho các sĩ quan tình báo trong chính phủ. Cô ta xin đi nghỉ ở đâu? Cuba, tất nhiên rồi.

“Cô ta tới Cuba bằng tiền dự án của chương trình này. Anh có tưởng tượng nổi không?” Latell kể lại. Nếu anh là một điệp viên của Cuba, anh đang cố gắng che giấu thân phận và ý đồ của mình, liệu anh có đề xuất một kỳ nghỉ được trả tiền ở Havana không? Latell kể lại chuyện này sau gần 20 năm diễn ra sự việc, nhưng sự trơ tráo trong hành vi của cô ta vẫn khiến ông nổi da gà.

Ả đến Cuba trong vai trò là một nhà phân tích tình báo xuất sắc của CIA. Tất nhiên, bọn họ phải phấn khởi lắm khi được đón tiếp ả, đặc biệt là khi chuyển đi được chi trả bằng đồng xu các bạc của chúng ta, và tôi chắc chắn là họ sẽ trang bị cho cô ả đủ loại chiến thuật đào tạo bí mật khi cô ả ở đó. Tôi ngờ rằng - mặc dù không chứng minh được, nhưng tôi dám chắc là cô ta có đến gặp Fidel. Fidel rất thích gặp gỡ trực tiếp các điệp viên chủ chốt của ông ta, để động viên họ, để chúc mừng họ và để ăn mừng thành công mà họ đã cùng nhau đạt được trong cuộc chiến chống lại CIA.

Khi trở về Lầu Năm Góc, Montes viết một bản báo cáo trong đó cô ta còn chẳng buồn che giấu các định kiến cá nhân.

Đáng lẽ phải có đủ các loại cờ đả phát lên và súng bắn đùng đoàng khi các cấp trên của cô ta đọc bản báo cáo, bởi vì cô ta nói những thứ hoàn toàn vô nghĩa về quân đội Cuba, chúng chỉ hợp lý khi đứng từ góc độ [của người Cuba].

Nhưng có ai nhận thấy những tín hiệu cờ đờ đáng ngờ không? Latell thừa nhận ông chưa từng một lần nghi ngờ cô ta là gián điệp. “Có những sĩ quan CIA ngang hàng với tôi hoặc rất gần cấp bậc của tôi nghĩ rằng cô ta là một trong những nhà phân tích Cuba tài giỏi nhất mà ta có”, ông nói. Vì thế ông tự hợp lý hóa những cảm giác gờn gợn của mình về cô ta. “Tôi chưa bao giờ tin cô ta, nhưng là vì những lý do sai lầm khác, và đó là một trong những điều hối hận nhất của tôi. Tôi đã bị thuyết phục rằng cô ta là một nhà phân tích về Cuba tệ hại. Ừm, đúng là như vậy. Bởi vì cô ta có làm việc cho chúng ta đâu. Cô ta làm việc cho Fidel. Nhưng tôi không bao giờ kết nối các điểm lại với nhau”.

Cũng như không có bất cứ người nào làm việc đó. Montes có một người em trai tên là Tito, là đặc vụ FBI. Cậu này không biết tí gì. Chị gái của cô ta cũng là một đặc vụ FBI, và trên thực tế, nhiệm vụ chính của cô này là vạch mặt một mạng lưới những tên gián điệp của Cuba ở Miami. Cô ta cũng mù tịt. Bạn trai của Montes cũng làm việc cho Lầu Năm Góc. Chuyên ngành của anh ta, thật không thể tin nổi, là tình báo khu vực châu Mỹ Latinh. Nghề của anh ta là chống lại những gián điệp *như bạn gái của anh ta*. Anh ta cũng không hề có chút manh mối nào. Khi cuối cùng Montes cũng bị bắt giữ, trưởng bộ phận của cô ta tập hợp toàn bộ đồng nghiệp của cô ta lại và báo tin cho họ. Mọi người bật khóc vì không thể tin nổi. DIA đã phải mời các nhà tâm lý học lữ lượt kéo đến để cung cấp dịch vụ tư vấn tại chỗ cho nhân viên của văn phòng. Cấp trên của cô ta tan nát cõi lòng. Không một ai trong số họ có gợn chút nghi ngờ. Trong ô làm việc của mình, cô ta dán một câu trích dẫn của Shakespear trong vở

kịch *Henry V* ngay trên vách ngăn ở đúng tầm nhìn - để cả thế giới cùng đọc.

Nhà Vua đã biết hết thảy những gì họ định liệu

Bằng cách nào,

Dẫu nằm mơ họ cũng không sao biết được.

Hoặc, nói một cách rõ ràng hơn thì là: Nữ hoàng Cuba đã ghi lại toàn bộ ý đồ của phía Mỹ bằng những cách mà tất cả mọi người xung quanh có nằm mơ cũng không thể nghĩ ra được.

Chuyện về các gián điệp không nằm ở chỗ họ xuất sắc đến mức nào. Mà là chuyện có gì không ổn trong cách nhìn nhận *của chúng ta*.

4. Trong suốt sự nghiệp nghiên cứu, nhà tâm lý học Tim Levine đã tiến hành hàng trăm phiên bản khác nhau của cùng một thí nghiệm đơn giản. Ông mời các sinh viên đến phòng thí nghiệm và bảo họ làm một bài kiểm tra kiến thức vui. Ngọn núi cao nhất ở châu Á là gì? Kiểu câu hỏi như vậy. Nếu người tham gia trả lời chính xác, họ sẽ giành được một phần thưởng bằng tiền mặt.

Để hỗ trợ người chơi, mỗi người sẽ được ghép đôi với một bạn chơi khác. Một người họ chưa từng gặp bao giờ, nhưng họ không được biết một điều, rằng tất cả những người này đều làm việc cho Levine. Trong phòng kiểm tra có một giám thị tên là Rachel. Giữa cuộc kiểm tra, đột nhiên Rachel bị gọi ra ngoài có việc. Cô rời khỏi phòng và đi lên lầu. Lúc này thì màn kịch đã được lên cẩn thận trước đó mới bắt đầu. Người bạn chơi sẽ bảo: “Tớ không biết cậu thế nào, nhưng nếu có tiền thì tớ đã nghĩ ra khối thứ phải tiêu. Tớ nghĩ là các câu trả lời nằm ngay trên bàn kia kìa”. Sau đó anh ta chỉ về phía chiếc phong bì nằm lộ liễu trên bàn giám thị. “Chuyện quyết

định có gian lận hay không hoàn toàn tùy thuộc vào họ”, Levine giải thích. Khoảng 30% trường hợp là người chơi gian lận. “Sau đó”, Levine tiếp tục, “chúng tôi sẽ phỏng vấn họ, câu hỏi là, ‘Bạn có gian lận không?’”

Số lượng các học giả trên khắp thế giới đang nghiên cứu về hành vi lừa gạt của con người là khổng lồ. Số lượng các giả thuyết về việc tại sao chúng ta nói dối, và làm thế nào để phát hiện được những người nói dối còn nhiều hơn cả các giả thuyết về vụ ám sát Kennedy. Trong lĩnh vực đông đúc đó, Levine vẫn nổi trội. Ông đã cẩn trọng thiết lập được một học thuyết chặt chẽ về sự lừa gạt.^[9] Và điểm cốt lõi của học thuyết này chính là những sự thật ngầm hiểu mà ông đúc rút được từ chính nghiên cứu đầu tiên về bài đồ vui trên.

^[9] . *Các giả thuyết của Levine được trình bày trong cuốn Duped: Truth-Default Theory and the Social Science of Lying and Deception (Bản Nhái - Học thuyết Mặc định vào sự thành thật và Khoa học Xã hội về Dối trá và Lừa gạt) (Tuscaloosa, AL: University Alabama Press, 2019). Nếu bạn muốn hiểu được sự lừa gạt hoạt động như thế nào thì nên đọc bắt đầu từ cuốn sách này.*

Tôi đã xem các đoạn video quay hơn một chục cuộc phỏng vấn hậu thí nghiệm với Levine trong văn phòng của ông tại Đại học Alabama ở Birmingham. Đây là một đoạn video điển hình, nhân vật chính là một chàng trai trẻ có vẻ hơi lơ ngơ. Hãy gọi cậu ta là Philip.

Người hỏi: Rồi, thế nào... đã bao giờ cậu chơi trò Đồ vui Có thưởng kiểu này chưa?

Philip: Không nhiều lắm, nhưng tôi nghĩ là rồi.

Người hỏi: Khi tham gia trả lời ban nãy, cậu thấy các câu hỏi có khó không?

Philip: Có, một số câu khó. Tôi đã kiểu như là, “Ừa, cái gì ấy nhỉ?”

Người hỏi: Nếu xếp hạng từ 1 tới 10, trong đó 1 là dễ và 10 là khó, thì cậu nghĩ cậu chấm trò chơi này mấy điểm?

Philip: Tôi sẽ chấm điểm tám.

Người hỏi: Tám điểm. Phải, các câu hỏi khá là lắt léo.

Sau đó Philip được thông báo là cậu và bạn chơi đã làm rất tốt trong bài kiểm tra. Người phỏng vấn đặt câu hỏi tại sao.

Philip: Làm việc nhóm.

Người hỏi: Làm việc nhóm á?

Philip: Vâng.

Người hỏi: OK, được rồi. Vừa nãy, tôi có gọi Rachel ra ngoài một lúc. Trong khi cô ấy đi vắng, cậu có ăn gian không?

Philip: Chắc thế. Không.

Philip lẩm bẩm câu trả lời. Rồi đưa mắt nhìn đi chỗ khác.

Người hỏi: Cậu có đang nói thật không?

Philip: Có.

Người hỏi: Được rồi. Nếu tôi phỏng vấn bạn chơi của cậu và hỏi cô ấy, theo cậu cô ấy sẽ nói gì?

Ở thời điểm này trong đoạn băng ghi hình, có một khoảng lặng không dễ chịu, như thể cậu sinh viên đang kiểm điểm lại câu chuyện của mình. “Rõ ràng là cậu ta đang suy nghĩ rất lung”, Levine nói.

Philip: Không.

Người hỏi: Không à?

Philip: Vâng.

Người hỏi: OK, được rồi. Ừm, đó là tất cả những gì tôi cần ở cậu.

Liệu Philip có đang nói thật? Levine đã chiếu đoạn video của Philip cho hàng trăm người và gần như tất cả mọi người đều đoán chính xác Philip là người gian lận. Đúng như “bạn chơi” đã khẳng định với Levine, Philip đã nhìn vào các tờ đáp án trong phong bì lúc Rachel rời khỏi phòng kiểm tra. Trong đoạn phỏng vấn cuối bài, cậu ta đã nói dối. Và điều đó quá hiển nhiên. “Cậu ấy không thể chối cãi được”, Levine nói.

Tôi cũng cảm nhận tương tự. Trên thực tế, khi Philip được hỏi, “Cậu có gian lận không?” và câu trả lời “Chắc thế. Không”, tôi đã không kiềm chế được bản thân mà kêu lên, “Ôi, cậu này kém quá”. Philip đã nhìn đi nơi khác. Cậu ấy căng thẳng. Cậu ấy còn không giữ được bộ mặt tỉnh bơ. Khi người phỏng vấn hỏi tiếp câu sau “Cậu có đang nói thật không?” Philip đã dừng hẳn lại, như thể cậu ấy phải nghĩ về điều đó.

Cậu ấy quá nhát. Nhưng càng xem nhiều đoạn băng, thì càng lúc lại càng khó đoán hơn. Đây là trường hợp thứ hai. Hãy gọi cậu ta là Lucas. Cậu này đẹp trai, chín chu, tự tin.

Người hỏi: Tôi phải hỏi câu này, khi Rachel ra khỏi phòng, có chuyện gian lận xảy ra không?

Lucas: Không.

Người hỏi: Không á? Cậu đang nói thật đấy chứ?

Lucas: Phải, tôi nói thật.

Người hỏi: Nếu tôi phỏng vấn bạn chơi của cậu, và tôi cũng hỏi cô ấy câu này, cậu nghĩ câu trả lời của cô ấy sẽ là gì?

Lucas: Giống tôi.

“Tất cả mọi người tin cậu ta”, Levine nói. *Chính tôi cũng tin cậu ta.* Nhưng Lucas nói dối.

Levine và tôi đã dành gần hết buổi sáng để xem các đoạn băng quay thí nghiệm đó vui. Cho đến cuối buổi, tôi chỉ biết giơ hai tay đầu hàng. Tôi chịu chết không biết phải đoán ai vào với ai.

Luận điểm nghiên cứu của Levine là cố gắng tìm câu trả lời cho một trong những bí ẩn lớn nhất trong tâm lý học con người: tại sao chúng ta lại kém tệ đến thế khi xác định sự dối trá? Hẳn là bạn nghĩ chúng ta giỏi việc này lắm. Logic là sẽ thật hữu dụng nếu con người biết được khi nào thì họ đang bị đánh lừa. Tiến hóa, qua bao nhiêu triệu năm, *hẳn là* phải ban tặng cho con người khả năng nhận ra những dấu hiệu mơ hồ của sự gian trá. Tiếc là không.

Trong một lần lặp lại thí nghiệm, Levine chia các đoạn ghi hình ra làm hai phần: 22 người nói dối và 22 người nói thật. Tính trung bình, 56% những người được ông cho xem tất cả 44 đoạn băng đã nhận diện được chính xác những người nói dối. Các nhà tâm lý học khác đã thử nghiệm các phiên bản tương tự của cùng một nghiệm. Con số trung bình những người đoán đúng là bao nhiêu? 54%. Chỉ là tất cả mọi người đều tệ như nhau: nhân viên cảnh sát, thẩm phán, nhà tâm lý trị liệu - ngay cả các nhân viên CIA điều hành những mạng lưới điệp viên rộng lớn ở nước ngoài. *Tất cả mọi người.* Tại sao?

Câu trả lời của Tim Levine được gọi là “Lý thuyết mặc định với sự thành thật” - “Truth-Default Theory”, viết tắt là TDT.

Luận cứ của Levine khởi nguồn từ một phát hiện sâu sắc thuộc về một trong những nghiên cứu sinh của ông, Hee Sun Park. Thời điểm là ngay trước khi bắt đầu nghiên cứu của mình, Levine cũng như các đồng nghiệp khác của ông đều đang bế tắc không hiểu vì

sao tất cả chúng ta đều tỏ ra kém cỏi đối với một việc mà đáng lí ra chúng ta đều có thể làm tốt.

“Phát hiện lớn của cô ấy, đầu tiên, đó là con số 54% phát hiện chính xác người nói dối là con số trung bình *gần ngang nhau* giữa nói thật và nói dối”, Levine nói. “Bạn sẽ đi đến một kết luận thấu hiểu rất khác nếu bạn xác định được... có bao nhiêu người đúng khi xác định sự thật, và có bao nhiêu người đúng khi xác định sự dối trá”.

Ý của ông là thế này. Nếu tôi nói cho bạn biết rằng tỉ lệ chính xác của bạn khi xem các đoạn ghi hình của Levine là 50%, thì một cách tự nhiên người ta sẽ giả định rằng bạn đang chỉ đoán mò - tức là bạn không hề biết mình đang làm gì. Nhưng quan sát của Park cho thấy giả định đó không đúng. Chúng ta *khá hơn* rất nhiều khi xác định chính xác những sinh viên nói thật. Nhưng chúng ta *tệ hơn* khi xác định chính xác những sinh viên nói dối. Chúng ta xem hết một lượt tất cả các đoạn ghi hình đó, và chúng ta đoán, “thật, thật, thật” - nghĩa là chúng ta đoán đúng hầu hết những đoạn phỏng vấn thành thật, và đoán sai hầu hết với những đoạn ghi hình kẻ nói dối. Chúng ta có một sự *mặc định với sự thành thật*: chúng ta hoạt động dựa trên giả định rằng chúng ta đang đối mặt với những người trung thực.

Levine nói rằng thí nghiệm của ông mình chứng gần như hoàn hảo cho hiện tượng này. Ông mời mọi người đến tham gia trò chơi đồ vui có thưởng. Đột nhiên vị giám thị bị gọi ra khỏi phòng. *Và thật tình cờ cô ấy bỏ quên các đáp án của trò chơi ngay trên mặt bàn?* Levine nói rằng, theo logic, đáng ra những người chơi phải trợn mắt nghi ngờ ngay tại thời điểm đó. Họ là những sinh viên đại học. Họ đâu có ngốc. Họ đăng ký tham gia một thí nghiệm tâm lý học. Họ

được chỉ định một “bạn chơi” cùng, người mà họ không quen biết, và cũng chính người này xúi giục họ gian lận. Bạn sẽ nghĩ hẳn là những sinh viên này phải ngờ ngợ có điều gì không bình thường ở đây. Nhưng không!

“Đôi khi họ đoán được rằng việc giám thị phải rời khỏi phòng là sự dàn dựng”, Levine nói. “Nhưng vấn đề là họ hầu như không bao giờ nghĩ ra cả những người chơi cùng cũng là giả mạo... Vì thế họ cho là có thể có những kế hoạch ẩn giấu nào đó. Họ nghĩ có thể nó được dàn dựng bởi vì tất cả các thí nghiệm đều là dàn dựng, phải vậy không? Thế còn người bạn chơi dễ mền mà họ đang trò chuyện và tán gẫu cùng này thì sao? Ồ không”. Họ không bao giờ thắc mắc điều này.

Để nhảy ra khỏi cơ chế mặc định với sự thành thật cần một thứ mà Levine gọi là “lấy kích hoạt”. Một cái lấy kích hoạt không giống một sự ngờ vực, hay một thoáng nghi ngờ. Chúng ta chỉ rời khỏi trạng thái mặc định với sự thành thật trong trường hợp liên tục có những đối lập với giả định ban đầu của chúng ta xuất hiện. Nói cách khác, chúng ta không ứng xử như những nhà khoa học có đầu óc phân tích tinh táo, từ từ thu thập các chứng cứ để chứng minh một điều gì là đúng hoặc sai rồi mới đưa ra kết luận. Chúng ta làm điều ngược lại. Chúng ta bắt đầu bằng việc tin tưởng. Và chúng ta chỉ *ngừng* tin tưởng khi những nghi ngờ và sai lệch nổi lên rõ nét ở một thời điểm mà chúng ta không thể tự hợp lý hóa chúng được nữa.

Mệnh đề này khi vừa nêu lên nghe đúng kiểu “chẻ sợi tóc ra làm tư” mà các nhà khoa học xã hội rất thích tham gia vào. Nhưng không phải thế. Nó là một luận điểm sâu sắc giải thích cho rất nhiều hành vi khó hiểu khác của con người.

Ví dụ, hãy thử xem xét một trong những phát hiện nổi tiếng nhất của ngành tâm lý học: Thí nghiệm tuân lời của Stanley Milgram. Năm 1961, Milgram tuyển một số tình nguyện viên ở thành phố New Haven tham gia vào một thử nghiệm mà ông gọi là thí nghiệm trí nhớ. Mỗi người sẽ được gặp cậu thanh niên trẻ lăm lì, có vóc dáng lực lưỡng tên là John Williams, anh này giải thích cho những người tham gia biết họ sẽ chơi trò nhập vai “giáo viên” trong thí nghiệm. Williams giới thiệu họ với một tình nguyện viên khác, một người đàn ông trung niên, dễ chịu tên là Ông Wallace. Ông Wallace sẽ đóng vai “học trò”. Ông sẽ ngồi ở phòng bên cạnh, được gắn một thiết bị điện phức tạp có khả năng truyền sốc điện lên tới 450 vôn. (Nếu bạn tò mò muốn biết cảm giác bị điện 450 vôn giật như thế nào thì cứ hình dung nó sẽ nhẹ hơn một chút so với lượng điện năng làm cháy tờ giấy ăn.)

Tình nguyện viên giáo viên được hướng dẫn giao cho học trò một loạt các nhiệm vụ đòi hỏi ghi nhớ, và mỗi lần người học trả lời sai, giáo viên sẽ phạt bằng cách tăng dần mức chích điện, mục đích là để xem sự trừng phạt có giúp một người tăng cường khả năng ghi nhớ hay không. Khi nguồn điện mỗi lúc một tăng, Wallace có thể sẽ rú lên đau đớn, hoặc kịch tính nữa thì ông sẽ đâm mạnh vào tường. Nhưng khi “giáo viên” lắc đầu, người hướng dẫn lực lưỡng sẽ hối thúc họ tiếp tục:

“Xin hãy tiếp tục”.

“Thí nghiệm yêu cầu bạn tiếp tục”.

“Điều hoàn toàn cần thiết là bạn hãy tiếp tục”.

“Bạn không có lựa chọn nào khác, bạn phải tiếp tục”.

Lí do khiến thí nghiệm này trở nên rất nổi tiếng đó là gần như tất cả các tình nguyện viên đều tuân theo chỉ dẫn. 65% người tham gia cuối cùng đã đẩy mức xóc điện kịch trần đối với người học trò đáng thương. Trong sự thức tỉnh đối với Chiến tranh Thế giới thứ Hai - cùng với những tiết lộ về những việc mà lính Đức đã được ra lệnh thực hiện trong các trại tập trung của Phát xít - thì khám phá của Milgram là rất nhạy cảm.

Nhưng đối với Levine, còn có bài học thứ hai rút ra được từ thí nghiệm này. Tình nguyện viên có mặt và gặp chàng thanh niên lực lưỡng John Williams. Theo mô tả của Milgram, anh ta thực ra là một giáo viên môn sinh ở một trường trung học địa phương, được lựa chọn là bởi vì anh ta “có vẻ ngoài cứng nhắc, khô cằn, loại người mà nếu bạn nhìn thấy trên ti vi thì sẽ nghĩ ngay tới chương trình thiên văn”. Tất cả những gì Williams nói trong suốt thí nghiệm đều được học thuộc lòng từ một kịch bản do chính Milgram tự tay chấp bút.

“Ông Wallace”, trên thực tế là một người đàn ông có tên Jim McDonough. Ông làm việc cho ngành hỏa xa. Milgram thích vai nạn nhân của ông bởi vì ông có vẻ “hiền lành và cam chịu”. Tiếng kêu khóc đau đớn của ông được ghi âm và bật qua một chiếc loa phóng thanh. Thí nghiệm là một sản phẩm kịch nghệ hơi nghiệp dư. Và chính từ *nghiệp dư* ở đây đóng vai trò tối quan trọng. Thí nghiệm của Milgram không được sản xuất để trình diễn trên sân khấu kịch Broadway. Ông Wallace, theo chính mô tả của Milgram, là một diễn viên tệ hại. Và toàn bộ mọi thứ về thí nghiệm này, nói một cách tế nhị, chỉ hơn vở kịch xóm chửi chút xíu. Chiếc máy sốc điện trên thực tế không hề có điện. Có vài người tham gia thí nghiệm trông thấy chiếc

loa phóng thanh ở góc phòng và thắc mắc tại sao tiếng kêu của Wallace lại vọng ra từ đó chứ không phải từ phía sau cánh cửa phòng bên cạnh nơi Wallace bị trói chặt. Và nếu như mục đích của thí nghiệm là để kiểm chứng khả năng học hỏi, thì thế quái nào mà Williams lại dành toàn bộ thời gian với giáo viên chứ không phải là phía sau cánh cửa với người học trò? Chẳng lẽ họ không nhận ra một điều rõ ràng là anh ta thực sự muốn quan sát người tạo ra sự đau đớn, chứ không phải là người nhận sự tổn thương sao? So với các trò chơi khăm lường gạt, thí nghiệm của Milgram phơi bày khá khá lỗ hổng. Và cũng giống như thí nghiệm đổ vui của Levine, mọi người vẫn bị rơi vào bẫy. Họ mặc định tin vào sự thật.

“Tôi thực sự đã kiểm tra các bản cáo phó đăng trên báo *New Haven Register* trong vòng ít nhất hai tuần sau thí nghiệm để biết liệu mình có liên can và là một nhân tố góp phần vào cái chết của một người được gọi là người học hay không - tôi đã thờ phào nhẹ nhõm khi không tìm thấy tên của ông ta trên báo”, một đối tượng tham gia thí nghiệm viết thư cho Milgram sau khi trả lời câu hỏi. Một người khác viết, “Tin tôi đi, khi không nghe thấy câu trả lời từ Ông Wallace cộng với mức điện năng lớn hơn thế, tôi thực sự cho rằng người đàn ông có khi đã tử vong”. Ở đây là những người trưởng thành - không phải sinh viên choai choai - những người rõ ràng là bị thuyết phục rằng một học viện cao học danh tiếng lại thực hiện một thí nghiệm tra tấn có thể gây chết người ngay tại tầng hầm của mình. “Thí nghiệm đã để lại tác động lớn đối với tôi”, một người khác viết, “tôi đã trải qua những đêm lạnh toát sống lưng và gặp ác mộng vì sợ rằng có lẽ nào mình đã giết chết người đàn ông ngồi trên chiếc ghế đó”.

Nhưng đây là một chi tiết tối quan trọng. Các đối tượng của Milgram không hoàn toàn ngây thơ nhẹ dạ. Họ có những nghi ngờ - rất nhiều hoài nghi! Trong cuốn sách *Phía sau máy sốc điện* kể về lịch sử của những thí nghiệm tuân lời, tác giả Gina Perry đã phỏng vấn một thợ làm dụng cụ đã nghỉ hưu tên là Joe Dimow, đây là một trong số những đối tượng nguyên bản của Milgram. “Tôi nghĩ, ‘Chuyện này kỳ thật,’ “ Dimow kể với Perry. Dimow đã nhận ra rằng Wallace đang đóng kịch.

Tôi đã nói là tôi không biết đích xác chuyện gì đang xảy ra, nhưng tôi có nghi ngờ. Tôi đã nghĩ, “Nếu nghi ngờ của mình mà đúng, thì ông ta [người học] là kẻ đồng lõa với họ; nhất định là thế. Và bản thân mình không hề truyền điện giật ông ta. Ông ta chỉ thi thoảng lại rú lên một chặp mà thôi”.

Thế rồi Ông Wallace bước ra khỏi căn phòng khóa trái vào cuối buổi thí nghiệm và diễn thêm một chút cho tròn vai. Ông ta nhìn có vẻ, Dimow nhớ lại, “tả tơi” và run lẩy bẩy. “Ông ta tiến lại phía tôi với chiếc khăn mùi xoa nắm chặt trong tay, lau trán. Ông ta lại gần, giơ tay ra để bắt tay với tôi và bảo, ‘Tôi muốn cảm ơn ông vì đã ngừng lại’.... Khi ông ta đi rồi, tôi đã nghĩ, “Ôi trời. Có thể chuyện này thực sự là thật.” Dimow vừa mới chắc chắn là mình bị gạt. Nhưng tất cả những gì họ cần chỉ là kịch sĩ diễn thêm một phân cảnh nữa - giả bộ tiều tụy và lau mồ hôi trán bằng một chiếc khăn tay - thế là Dimow lại đầu hàng vô điều kiện.

Chỉ cần nhìn vào thống kê tổng thể từ thí nghiệm của Milgram:

Tôi hoàn toàn tin rằng người học đã bị chích điện đau đớn.	56,1%
Mặc dù có đôi chút nghi ngờ, nhưng tôi tin rằng người học có khả năng là bị chích điện.	24%
Tôi không dám chắc là người học có bị chích điện hay không.	6,1%
Mặc dù có đôi chút nghi ngờ, nhưng tôi nghĩ rằng người học khả năng là không bị chích điện.	11,4%
Tôi chắc chắn là người học không bị chích điện.	2,4%

Trên 40% người tình nguyện nhận ra một số dấu hiệu bất thường - một điều gì đó gợi ý rằng thí nghiệm không giống như những gì nó thể hiện. Nhưng những nghi ngờ ấy không đủ để kích hoạt và đẩy họ ra khỏi trạng thái mặc định với sự thành thật. Đó chính là luận điểm của Levine. Bạn tin vào một người nào đó không phải vì bạn không có những hoài nghi đối với họ. Tin cậy không phải là thiếu vắng nghi ngờ. Bạn tin một người nào đó bởi vì bạn không có đủ những nghi ngờ về họ.

Tôi sẽ quay trở lại với sự phân biệt giữa *một số* nghi ngờ và *đủ* nghi ngờ, bởi vì tôi nghĩ điều này là cốt yếu. Hãy thử nghĩ xem đã có bao nhiêu lần bạn chỉ trích một ai đó, sau khi sự việc đã xảy ra, bởi vì họ thất bại trong việc phát hiện ra một kẻ nói dối. *Đáng lẽ cậu phải biết chứ. Có đủ các loại cò đò đấy còn gì. Cậu đã nghi nghi rồi đấy thôi.* Levine sẽ nói rằng đó là cách sai lầm khi nghĩ về vấn đề này. Câu hỏi đúng phải là: khi ấy có đủ cò đò để đẩy bạn sang bờ bên kia của niềm tin không? Nếu không có đủ, thì việc bạn mặc định với sự thành thật chỉ đơn giản vì bạn cũng là một người trần mắt thịt.

5. Ana Belen Montes trưởng thành ở một khu ngoại ô khá giả của thành phố Baltimore. Cha của cô ta là một nhà tâm thần học. Cô

ta tốt nghiệp Đại học Virginia, sau đó nhận bằng cao học chuyên ngành ngoại giao của trường Đại học Johns Hopkins. Cô ta ủng hộ cuồng nhiệt chính phủ Mác-xít Sandinista ở Nicaragua, chế độ mà thời đó chính phủ Mỹ đang cố gắng tìm mọi cách để lật đổ, và các hoạt động xã hội của cô ta thu hút sự chú ý của một nhà tuyển mộ tình báo Cuba. Năm 1985, cô ta bí mật đến thăm Havana. “Cùng với sự tự nguyện của cô ta, những chỉ huy của cô, đã đánh giá các khả năng thương tổn và khai thác các nhu cầu tâm lý, ý thức hệ và con đường phát triển cá nhân của cô ta để tuyển mộ và tạo động lực để cô ta làm việc cho Havana”, đó là kết luận của CIA khi mổ xẻ con đường sự nghiệp của Montes. Những đồng chí mới của cô ta khuyến khích cô ta nộp hồ sơ xin làm việc cho cơ quan tình báo Hoa Kỳ. Cùng năm đó, cô ta gia nhập DIA - và từ đó nấc thang danh vọng của cô ta rộng mở.

Mỗi buổi sáng, Montes là người đầu tiên đến văn phòng, ăn trưa ngay tại bàn làm việc, và lặng lẽ làm việc của mình. Cô ta sống một mình trong một căn hộ hai phòng ngủ trong khu dân cư Công viên Cleveland ở Washington. Cô ta không kết hôn. Trong quá trình điều tra, Scott Carmichael - cán bộ phản gián của DIA - đã thu thập tất cả những tính từ mà đồng nghiệp của Montes dùng để mô tả về cô ta. Đó quả là một danh sách ấn tượng: *rụt rè, lặng lẽ, lãnh đạm, lạnh lùng, độc lập, tự chủ, xa cách, thông minh, nghiêm túc, tinh tế, tập trung, chăm chỉ, sắc sảo, nhanh nhẹn, thao túng, ghê gớm, khó gần, tham vọng, quyến rũ, tự tin, thực dụng, không xâm xí, quả quyết, thận trọng, bình thản, chững chạc, điềm tĩnh, có năng lực, và cạnh tranh.*

Ana Montes chỉ nghĩ rằng lý do của cuộc gặp giữa cô ta và Carmichael là vì ông ta cần thực hiện bản đánh giá an ninh thường kỳ. Tất cả mọi nhân viên tình báo đều thi thoảng được kiểm tra để đảm bảo là họ vẫn tiếp tục giữ được trạng thái đã kiểm tra an ninh. Cô ta tỏ ra hồi hải.

“Khi vừa bước vào, cô ta cố tình tung đòn phủ đầu bằng cách nói với tôi rằng - và sự thật đúng như thế - cô ta mới được chỉ định là Quyền Trưởng Đơn vị”, Carmichael nhớ lại. “Cô ta có hàng tấn trách nhiệm, các cuộc hội họp và các việc phải làm, và cô ta không có nhiều thời gian rảnh”. Carmichael là kiểu đàn ông với vẻ thanh niên tính và vô tư, tóc vàng và bụng phệ. Theo như ông tự đánh giá, ông trông giống nghệ sĩ, diễn viên hài quá cố Chris Farley. Hẳn là cô ta đã nghĩ cô ta có thể bắt chẹt người này. “Tôi ứng phó với tình huống theo cách mà người ta vẫn hay làm”, ông nhớ lại:

Đầu tiên là anh ghi nhận điều đó. Anh bảo: “Ồ, tôi hiểu. Vâng, tôi có nghe nói, xin chúc mừng, thật tuyệt. Tôi hiểu rằng cô chỉ có một chút thời gian cho tôi”. Và sau đó anh chỉ kiểu như là lờ nó đi, bởi vì nếu việc này cần đến 12 ngày, thì phải ngồi với nhau đủ 12 ngày thôi. Anh không thả họ đi được. Nhưng rồi cô ta lại tấn công tôi bằng cách đó... Cô ta thể hiện rất rõ luận điểm của mình. Tôi vẫn còn chưa sửa soạn xong thì cô ta lại nói, “Ồ, nhưng nghiêm túc đấy, tôi có việc phải đi lúc 2 giờ”, hoặc kiểu như là, “bởi vì tôi có rất nhiều việc phải làm”.

Tôi nghĩ “Cái của nợ gì thế?” Đúng đó là điều mà tôi đã nghĩ... Tôi không mất bình tĩnh, nhưng tôi mất kiên nhẫn. “Nghe này, Ana.

Tôi có lý do để nghi ngờ rằng có thể cô có dính líu đến một tổ chức phản gián có tầm ảnh hưởng. Chúng ta cần phải ngồi lại và nói về chuyện này”. Bam! Một phát giọng thẳng vô mặt.

Tính cho tới thời điểm đó Montes đã làm gián điệp của Cuba được gần như toàn bộ gian trong sự nghiệp làm cho chính phủ. Cô ta đã gặp chỉ huy Cuba ít nhất 300 lần, chuyển giao biết bao bí mật quốc gia khiến cô ta được xếp hạng là một trong những gián điệp gây hại nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Cô ta đã bí mật viếng thăm Cuba trong vài dịp. Sau khi bị bắt, người ta mới phát hiện ra rằng Fidel Castro đã trực tiếp trao huy chương ghi công cho cô ta. Trải qua tất cả những chuyện đó, không hề có lấy một chút nghi ngờ. Và ngay khi bắt đầu một cuộc họp mà cô ta chỉ nghĩ là buổi kiểm tra an ninh thường kỳ, đột nhiên một nhân vật có vẻ ngoài buồn cười như diễn viên hài Chris Farley bỗng thẳng tay chỉ vào mặt cô ta. Cô ta ngồi đó trong cơn choáng váng.

“Cô ta trợn tròn mắt nhìn tôi như thể một con nai nhìn thẳng vào cặp đèn pha ô tô, chờ đợi tôi nói thêm một lời khác, ngồi im chờ đợi”.

Sau này khi Carmichael nhớ lại cuộc gặp nhiều năm trước đó, ông nhận ra rằng đó chính là dấu hiệu đầu tiên mà ông đã bỏ lỡ: phản ứng của cô ta không hợp lý một chút nào.

Tôi đã không nhận ra một chi tiết đó là cô ta không hề nói, “Ông đang nói cái quái gì vậy?” Không hề như thế. Cô ta không hề nói một từ chó chết nào. Cô ta chỉ ngồi đó và lắng nghe. Nếu tôi tỉnh hơn, tôi phải tóm được chi tiết ấy. Không chối tội, không thừa

nhận, không giận dữ. Bất cứ ai khi nghe người khác nói rằng anh ta là nghi phạm của một vụ giết người hay vụ gì tương tự... Nếu họ hoàn toàn vô tội, họ sẽ nói, “Ý ông là gì?” Họ sẽ nói, “Ơ khoan đã, ông vừa buộc tội tôi làm cái gì cơ... Tôi muốn biết tất cả chuyện này là cái quái gì vậy”. Rồi dần dần, họ sẽ nhảy bổ vào mặt anh, họ sẽ thực sự nhảy bổ vào mặt anh. Ana không hề làm bất cứ một hành động điên loạn nào ngoại trừ ngồi im ở đó.

Carmichael có những nghi ngờ, ngay từ khi mọi việc bắt đầu. Nhưng các nghi ngờ chỉ kích hoạt sự bất tín khi anh không còn tìm được lý lẽ để thanh minh cho chúng nữa. Và ông đã dễ dàng tìm ra lý lẽ để xua đi những nghi ngờ. Cô ta là Nữ hoàng Cuba cơ mà, trời ạ. Làm sao mà Nữ hoàng Cuba có thể là gián điệp cho được? Ông đã nói thẳng câu này với cô ta: “Tôi có lý do để nghi ngờ cô dính líu đến một tổ chức phản gián có tầm ảnh hưởng” - nhưng đó chỉ là vì ông muốn cô ta đánh giá nghiêm túc cuộc họp này. “Tôi cảm thấy căng thẳng khi bắt đầu cuộc gặp và đang chuẩn bị cho bước tiếp theo. Như tôi đã nói, tôi đã tự vỗ vào vai mình và tự nhủ: ‘Câu này sẽ hiệu quả, sẽ khiến cô ta cảm mồm lại. Mình sẽ không phải nghe mấy cái lý do quàn què của cô ta nữa. Giờ thì hãy bắt tay vào việc và xử lý nó cho xong nào.’ Đó là lý do vì sao tôi bỏ lỡ dấu hiệu cờ đỏ”.

Họ nói chuyện về cuộc gặp với Đô đốc Carroll. Cô ta có câu trả lời thỏa đáng. Họ nói chuyện về việc tại sao cô ta lại đột ngột rời khỏi Lầu Năm Góc vào ngày hôm đó. Cô ta có câu trả lời. Cô ta hơi tỏ ra ỡm ờ, hơi bỡn cợt một chút. Ông dần dần thư giãn trở lại. Ông nhìn xuống đôi chân của cô ta một lần nữa.

Ana bắt đầu làm trò này. Cô ta bắt chéo chân và đung đưa ngón chân cái, kiểu như thế. Tôi không biết hành động đó có cố tình hay không... nhưng một điều tôi biết đó là nó rất hút mắt... Chúng tôi trở nên thoải mái hơn, và cô ta hơi đong đưa hơn một chút. Cô ta đang tán tỉnh? Tôi không chắc nhưng rất đa tình trong một số câu trả lời của cô ta.

Họ nói chuyện về cuộc điện thoại. Cô ta nói không hề nhận cuộc điện thoại nào, hoặc ít ra là cô ta không nhớ mình đã nhận điện. Đó đáng ra phải là một cờ đờ nữa ở đây: ngày hôm đó trong phòng tình huống, những người làm việc với cô ta đều nhớ một cách rõ ràng việc cô ta có nhận một cuộc điện thoại. Nhưng rồi lại một lần nữa ông lại tự lý giải, đó là một ngày dài dằng dặc và đầy căng thẳng. Tất cả đều đang ở trong một cuộc khủng hoảng tầm cỡ quốc tế. Có lẽ bọn họ cũng bị nhầm lẫn cô ta với một ai khác.

Và còn một chuyện nữa - một khoảnh khắc khác khi Carmichael nhận thấy một điều gì đó trong phản ứng của cô ta khiến ông băn khoăn. Gần cuối cuộc phỏng vấn, ông hỏi Montes một loạt câu hỏi về việc gì đã diễn ra sau khi cô ta rời khỏi Lầu Năm Góc ngày hôm ấy. Đó là một quy trình điều tra chuẩn mực. Ông chỉ cần phác họa được một bức tranh hoàn chỉnh nhất có thể về hoạt động của cô ta vào buổi tối hôm đó.

Ông hỏi cô ta làm gì sau khi rời khỏi văn phòng. Cô ta bảo cô ta lái xe về nhà. Ông hỏi cô ta đỗ xe ở đâu. Cô ta bảo trong một ô đậu xe bên kia đường. Ông hỏi thế cô ta có nhìn thấy ai khi đậu xe vào bãi không? Cô có chào hỏi ai không? Cô ta bảo không.

Tôi bảo, “OK, rồi, thế cô đã làm gì? Cô đậu xe và đi bộ băng qua đường” - và khi tôi hỏi câu này là lúc có sự thay đổi trong thái độ của cô ta. Hãy nhớ rằng, tôi đã nói chuyện với cô ta gần hai tiếng đồng hồ, và đến lúc ấy, Ana và tôi gần như bạn bè, không thân tới mức ấy, nhưng chúng tôi có một bản báo cáo tuyệt vời ở đây. Thực tế, cô ta còn đùa cợt về chuyện này hay chuyện khác, thi thoảng còn đưa ra vài nhận xét hài hước về một số thứ - kiểu tự nhiên và gần gũi, có thể nói là vậy.

Thế rồi, đột nhiên, sự thay đổi khủng khiếp này ập tới. Anh có thể nhận ra, chỉ một phút trước cô ta còn như là đang tán tỉnh các thứ, kiểu thư giãn vui vẻ... Đột nhiên, cô ta thay đổi. Giống như một đứa trẻ đang cầm lọ bánh bích quy trên tay thì mẹ xuất hiện làm nó phải giấu vội lọ bánh ra sau lưng, và mẹ hỏi, “Con đang cầm cái gì đó?” Cô ta nhìn tôi và phủ nhận, nhưng... ánh mắt thì như kiểu, “Ông đã biết cái gì rồi? Làm sao ông biết? Ông sẽ bắt tôi phỏng? Tôi không muốn bị bắt đâu”.

Sau khi cô ta bị bắt giữ, các nhà điều tra khám phá ra được điều gì thực sự đã diễn ra vào buổi tối hôm ấy. Người Cuba đã có một cuộc hẹn với cô ta: cứ khi nào cô ta phát hiện ra một trong số những người chỉ huy cũ của mình trên phố, điều đó có nghĩa là các chỉ huy gián điệp của cô ta đang cấp thiết muốn gặp và trao đổi trực tiếp với cô ta. Cô ta cứ tiếp tục đi và sẽ gặp họ vào buổi sáng hôm sau tại một địa điểm hẹn trước. Tối hôm đó, khi cô ta trở về nhà từ Lâu Năm Góc, cô ta trông thấy một chỉ huy cũ của mình đứng ngay cạnh tòa nhà căn hộ của cô ta. Vì thế khi Carmichael hỏi cô ta, chỉ hẳn ra,

“Cô đã nhìn thấy ai? Cô có nhìn thấy ai khi về nhà không?” hẳn cô ta phải nghĩ rằng ông đã biết được sự sắp đặt này - rằng ông đã tóm được cô ta tại trận.

Cô ta thực sự sợ chết khiếp. Cô ta nghĩ tôi biết điều gì đó mà tôi thì chẳng biết gì. Tôi chẳng có chút manh mối nào, tôi không biết là tôi có gì trong tay. Tôi biết tôi nắm được một điều gì đó, khi ấy tôi đã nghĩ thấy có một cái gì đó. Sau cuộc phỏng vấn, tôi đã ngồi ngẫm nghĩ lại... và tôi đã làm gì? Tôi làm cái việc mà tất cả những con người bình thường đã làm... Tôi hợp lý hóa mọi chuyện.

Tôi nghĩ, Ủm, có thể cô ta đang tăng tịu với một gã đã có gia đình... và cô ta không muốn nói cho tôi biết. Hoặc có khi cô ta đồng tính, đại loại thế và cô ta đang cặp kè với một ả mà không muốn chúng tôi biết [về mối quan hệ này], và cô ta lo lắng về điều đó. Tôi đã bắt đầu nghĩ đến tất cả những giả thiết và đại loại là tôi chấp nhận, vừa đủ để tôi không cần phải quá điên đầu về chuyện này. Tôi chấp nhận.

Ana Montes chẳng phải bậc thầy gián điệp. Cô ta chẳng cần phải thế. Trong một thế giới mà các bộ máy phát hiện dối trá của chúng ta đã được đặt sẵn ở chế độ “tắt”, thì một gián điệp sẽ luôn được ăn ngon ngủ yên. Và có khi nào Scott Carmichael làm ăn kiểu tặc trách? Không hề. Ông đã làm đúng như những gì lý thuyết mặc định với sự thành thật đã dự đoán hành vi mà bất cứ người nào cũng sẽ làm theo: ông hành động dựa trên giả định rằng Ana Montes đang nói sự thật - và hầu như không nhận ra rằng ông đã nấn mọi điều cô ta nói cho thẳng hàng với giả định đó. Chúng ta cần một cái lẫy kích

hoạt để đánh bật ra khỏi trạng thái mặc định với sự thành thật, nhưng ngưỡng của cái lầy ở rất cao. Carmichael còn xa mới với được tới điểm ấy.

Một sự thật đơn giản, Levine lập luận, đó là bộ máy dò tìm dối trá không hoạt động - đúng ra là không thể hoạt động như cách chúng ta kỳ vọng. Trên phim ảnh, viên thám tử tài ba đối đầu với một đối tượng và tóm sống hắn ta trong một câu nói dối. Nhưng ở đời thực, việc thu thập cho đủ chứng cứ cần thiết để thổi bùng sự nghi ngờ tốn rất nhiều thời gian. Bạn hỏi chồng xem anh ta có ngoại tình không, anh ta bảo không, và bạn tin. Bạn mặc định rằng anh ta đang nói sự thật. Và với bất cứ điểm bất nhất nào bạn tóm được trong câu chuyện của anh ta, bạn sẽ tìm được lý lẽ để thanh minh cho nó. Nhưng ba tháng sau bạn vô tình phát hiện khoản tiền thuê khách sạn bất thường trong hóa đơn thẻ tín dụng của chồng, kết hợp điều đó với những tuần vắng mặt không lý giải được của anh ta, cộng với những cuộc điện thoại bí ẩn đẩy bạn qua bờ vực bên kia. Khi đó những lời nói dối mới bị phơi bày.

Điều này giải thích cho câu đố đầu tiên trong số những câu hỏi hóc búa, tại sao người Cuba có thể dùng vải thưa che được mắt thánh của CIA lâu đến như vậy. Câu chuyện không phải để chỉ ra năng lực của các điệp viên. Nó chỉ phản ánh một sự thật là các sĩ quan CIA là - như tất cả chúng ta - những con người bình thường, được trang bị với cùng một bộ giả định vào sự thành thật như bất cứ người nào khác.

Carmichael quay trở lại gặp Reg Brown và cố gắng giải thích với ông ta.

Tôi bảo, “Reg, tôi biết chuyện này thật tệ với anh, tôi hiểu suy luận của anh về điều mà anh cho là giống với việc một tổ chức tình báo giật dây. Trông có vẻ thế. Nhưng nếu đúng như vậy, tôi vẫn không thể chỉ thẳng vào mặt cô ta và kết luận cô ta dự phần vào một tổ chức như thế. Nó không hợp lý chút nào... Nói đến cùng, tôi đành phải đóng hồ sơ trường hợp này lại”.

6. Bốn năm sau cuộc phỏng vấn của Scott Carmichael với Ana Montes, một đồng nghiệp của ông ở DIA gặp một nhà phân tích của Cục An ninh Quốc gia trong cuộc họp liên cục. Cục An ninh Quốc gia (NSA) là cánh tay thứ ba trong mạng lưới tình báo Hoa Kỳ, bên cạnh CIA và DIA. Họ là những nhà giải mật, và nhà phân tích đó cho biết cục của cô ta đã giải mã thành công một số mật mã mà phía Cuba sử dụng để giao tiếp với các điệp viên.

Mật mã là những hàng dài các con số, được phát sóng thường xuyên ngắt quãng trên đài phát thanh tần số ngắn, và NSA đã xoay xoả để giải mã được một vài đoạn. Họ đã chuyển một danh sách tệp tin như thế cho FBI vào khoảng hai năm rưỡi trước đây, nhưng không nhận được phản hồi nào. Bực quá, nhà phân tích của NSA quyết định chia sẻ một vài chi tiết với một đồng nghiệp ở DIA. Cuba đã cài được một một gián điệp cao cấp ở Washington mà họ gọi là “Đặc vụ S”, cô ta nói. Đặc vụ S có mối quan tâm tới một thứ gọi là hệ thống “an toàn” - “safe”. Và có vẻ như Đặc vụ S đã từng tới thăm căn cứ của Mỹ ở Vịnh Guantánamo trong khoảng thời gian hai tuần từ 4 tháng 7 đến 18 tháng 7 năm 1996.

Nhân viên của DIA lập tức thấy báo động. “SAFE”^[10] là tên gọi của bộ lưu trữ thông tin máy tính nội bộ của DIA. Điều đó gợi ý rõ

ràng rằng Đặc vụ S thuộc DIA, hoặc ít nhất có mối liên hệ mật thiết với DIA. Ông ta quay trở về và báo cáo với cấp trên. Họ báo tin cho Carmichael. Ông giận điên người. Bên FBI đã điều tra về một trường hợp có khả năng là gián điệp liên quan đến nhân viên của DIA trong suốt hai năm rưỡi, vậy mà họ không thèm nói cho ông ta biết? Ông chính là cán bộ điều tra phản gián của DIA chứ ai!

[10] . SAFE là từ viết tắt của Security Analyst File Environment - Môi trường Dữ liệu Phân tích An toàn. Tôi thích cái cách người ta bắt đầu bằng từ viết tắt các chữ cái đầu sau đó lần ngược lại để đặt tên đầy đủ cho một tổ chức.

Ông lập tức biết chính xác mình phải làm gì - tìm kiếm trong hệ thống máy tính của DIA. Bất cứ nhân viên nào của Bộ Quốc phòng muốn đến Vịnh Guantánamo đều cần được phê duyệt. Họ cần gửi hai tin nhắn qua hệ thống Lầu Năm Góc, đầu tiên là đề nghị cho phép di chuyển, sau đó là đề nghị cho phép nói chuyện với người nào mà họ có nhu cầu phỏng vấn ở căn cứ.

“Được rồi, vậy là hai tin nhắn”, Carmichael nói.

Ông đoán rằng bất cứ người nào muốn đi công tác đến Vịnh Guantánamo sớm nhất trong tháng 7 thì phải đăng ký kiểm tra an ninh từ tháng 4. Vì thế ông giới hạn phạm vi tìm kiếm: đề xuất đi công tác và đề xuất kiểm tra an ninh từ nhân viên của DIA liên quan đến Vịnh Guantánamo được thực hiện từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 18 tháng 7, năm 1996. Ông ta đề nghị một đồng nghiệp, “Cá Sấu” Johnson, cùng song song chạy chương trình tìm kiếm. Hai cái đầu bao giờ cũng hơn một.

Cách [hệ thống máy tính] hoạt động vào thời đấy là nó sẽ cho ra một tập tin gồm các kết quả tìm kiếm. Nó sẽ tự động rà soát tất cả các thông điệp của bạn và cho bạn biết, “Bạn có X kết quả tìm kiếm”. Tôi có thể nghe thấy tiếng “Cá Sấu” ở góc phòng đằng kia... Tôi có thể nghe thấy tiếng anh ta gõ máy tính và tôi biết là anh ta còn chưa gõ xong câu lệnh, còn phía tôi tập tin kết quả đã hiện ra trước mắt, vì thế tôi nhìn lướt một lượt kết quả xem có [cái tên] gì đập vào mắt không, và đó chính là lúc dòng thứ hai mươi một táng mạnh một cú vào đầu tôi. Đó là Ana B. Montes. Trò chơi kết thúc, ý tôi là nó kết thúc trong vòng một nốt nhạc... Tôi thực sự sửng sờ - chết đứng như Từ Hải. Tôi hẳn đã ngã khỏi ghế. Tôi phải đứng dậy theo nghĩa đen - vì tôi đang ngồi phịch xuống cạnh bánh xe của ghế ngồi - tôi phải đẩy mình tránh xa khỏi cái tin tồi tệ, theo nghĩa đen... Tôi đứng dậy và đi tuốt về góc xa nhất của khoang làm việc... trong khi Cá Sấu vẫn còn đang gõ *tạch tạch tạch tạch* ở đằng kia.

Tôi lẩm bẩm, “Chết bỏ cụ”.

Chương bốn

CHÀNG THẬM NGỐC

1 . Tháng 11 năm 2003, Nat Simons, một giám đốc danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư phòng hộ có trụ sở tại Long Inland, Renaissance Techlogies, đã viết một email đầy lo lắng gửi cho vài đồng nghiệp. Thông qua một loạt các hợp đồng tài chính phức tạp, Renaissance bỗng nhận ra họ đang có cổ phần trong một quỹ được điều hành bởi một nhà đầu tư ở New York có tên là Bernad Madoff, và Madoff khiến Simons cảm thấy không an tâm.

Nếu bạn làm việc trong giới tài chính New York vào những năm 1990, đầu 2000, khả năng cao là bạn có nghe nhắc đến Bernard Madoff. Ông ta làm việc trong một tòa văn phòng lịch lãm ở Trung tâm Manhattan có tên là tòa nhà Son môi. Ông ta có tên trong hội đồng quản trị của một số hiệp hội quan trọng trong ngành công nghiệp tài chính. Ông ta hoạt động qua lại trong các vòng có tầm ảnh hưởng ở khu Hamptons và Palm Beach. Ông ta có phong thái độc đoán đi kèm với mái tóc bạc trắng bông bênh. Ông ta tách biệt và kín đáo. Và điểm cuối cùng khiến Simons cảm thấy không ổn. Ông nghe được những tin đồn. Ông viết trong bức thư gửi cả nhóm, một người mà ông tin cậy “đã cam đoan với chúng tôi rằng Madoff sẽ gặp phải một vấn đề nghiêm trọng trong vòng một năm tới”.

Simons tiếp tục: “Thêm vào đó ông ta để anh rể làm kiểm toán viên, còn con trai giữ vị trí cao trong tổ chức và chúng ta có nguy cơ

đối mặt với những vụ kiện tụng mệt mỏi, đóng băng tài khoản, vân vân..”.

Ngày hôm sau Henry Laufer, một lãnh đạo cấp cao của công ty, viết thư hồi đáp. Ông ta đồng tình. Ông ta viết thêm, Renaissance có “chứng cứ độc lập” cho thấy có điều gì đó không ổn với Madoff. Sau đó giám đốc rủi ro của Renaissance, Paul Broder - người chịu trách nhiệm đảm bảo quỹ đầu tư không bỏ tiền vào chỗ nào nguy hiểm - cân nhắc tất cả những phân tích dài và chi tiết về chiến lược cổ phiếu mà Madoff tuyên bố là đang sử dụng. “Không có gì bất ổn”, ông ta kết luận. Họ quyết định tự mình thực hiện một cuộc điều tra nội bộ. Sự nghi ngờ của họ càng sâu sắc hơn. “Tôi đi đến kết luận là chúng ta không hiểu hẳn ta đang làm gì”, Broder viết. “Chúng ta không hiểu tí ti nào về việc gã đó làm gì để ra tiền. Tỉ trọng các con số mà ông ta gợi ý đó là những việc ông ta đang làm không hề được hỗ trợ bởi bất kỳ chứng cứ nào mà chúng ta có thể tìm được”. Renaissance có những nghi ngờ.

Vậy Renaissance có bán phát số cổ phiếu mà họ có từ Madoff không? Không hẳn. Họ chia lượng cổ phiếu ra làm đôi. Họ phòng hộ mức cược của mình. Năm năm sau, sau khi Madoff bị vạch trần là kẻ lừa đảo - bậc thầy lừa đảo theo mô hình Ponzi đa cấp lớn nhất trong lịch sử - các nhà điều tra liên bang mới ngồi xuống với Nat Simons và đề nghị ông giải thích tại sao. “Với tư cách là nhà quản lý, tôi không bao giờ lại nghĩ rằng ông ta thực sự là một kẻ lừa đảo”, Simons nói. Ông thừa nhận rằng ông không hiểu được Madoff có những thủ đoạn gì, và có “ngươi” thấy ở Madoff có điều gì kỳ quái. Nhưng ông không dễ tin rằng hẳn là một kẻ nói dối như trở bàn tay.

Simons có những nghi ngờ, nhưng chưa đủ nghi ngờ. Ông ta mặc định tin vào sự thành thật.

Các email trao đổi giữa Simons và Laufer được phát hiện trong thời gian kiểm toán định kỳ của Ủy ban Giao dịch Chứng khoán (SEC), đơn vị chịu trách nhiệm rà soát hoạt động của quỹ phòng hộ. Đó không phải là lần đầu tiên SEC nảy sinh nghi ngờ đối với hoạt động của Madoff. Madoff tuyên bố theo đuổi một chiến lược đầu tư liên kết với thị trường chứng khoán, điều đó có nghĩa là giống như bất cứ chiến lược đầu tư thị trường chứng khoán nào, lợi nhuận thu về cũng phải lên xuống đồng dạng với đồ thị lên xuống của thị trường. Nhưng lợi nhuận của Madoff cứ tăng dần đều như tên lửa - điều đó phản lại tất cả các logic. Một nhà điều tra của SEC tên là Peter Lamore đã có lần tìm gặp Madoff để nghe ông ta giải thích. Câu trả lời của Madoff là, về cơ bản, ông ta sẽ nhìn xung quanh tứ phía; ông ta có một “dự cảm” không sai về việc khi nào thì phải rút chân ra khỏi thị trường trước khi nó lao dốc, và quay trở lại thị trường ngay trước lúc nó vọt tăng. “Tôi đã hỏi đi hỏi lại ông ta”, Lamore sau này nhớ lại:

Tôi đã nghĩ thế thì dự cảm của ông ta quả là kỳ lạ, đáng ngờ. Anh biết đấy, tôi cố gắng hỏi dồn ông ta. Tôi nghĩ sẽ phải có một cái gì khác... Tôi đã nghĩ là ông ta có được một kiểu am hiểu thị trường tổng thể thế nào đấy mà những người khác không nhìn ra được. Vì thế tôi cứ cố dồn ép hỏi ông ta về điều đó. Tôi hỏi đi hỏi lại Bernie, hết lần này tới lần khác, và đến một thời điểm, ý tôi là, tôi chịu chết không biết phải làm gì nữa.

Lamore mang những nghi ngờ của mình đến hỏi sếp, Robert Sollazzo, ông này cũng thấy đáng ngờ. Nhưng *không đủ* nghi ngờ. Thế nên sau này khi nhìn lại trường hợp của Madoff, SEC kết luận rằng, “Sollazzo không thấy rằng tuyên bố của Madoff về chuyện giao dịch dựa trên “dự cảm” là một điều gì ‘quá... nực cười.’” Ủy ban Giao dịch Chứng khoán đã mặc định với sự thành thật, và kẻ lừa đảo tiếp tục lừa đảo. Thực tế, trên khắp Phố Wall, có không biết bao nhiêu người từng đối phó với Madoff cũng nhận thấy có điều gì đó sai sai ở gã này. Vài ngân hàng đầu tư đã né làm ăn với ông ta. Thậm chí tay môi giới nhà đất cho ông ta thuê văn phòng cũng nghĩ lão này có gì đó kỳ kỳ. Nhưng không ai đi tìm lời giải, hoặc nhảy cóc tới kết luận rằng ông ta là một gã lừa đảo khủng nhất trong lịch sử. Trong trường hợp của Madoff, *tất cả mọi người* đều mặc định với sự thành thật - *tất cả mọi người*, chỉ trừ một người.

Đầu tháng 2 năm 2009 - chỉ chừng hơn một tháng sau khi Madoff ra đầu thú với nhà chức trách - một người đàn ông tên Harry Markopolos đã ra đối chất trong phiên điều trần trước Quốc hội được truyền hình trực tiếp trên truyền hình quốc gia. Ông là một nhà điều tra gian lận độc lập. Ông ta mặc một bộ suite bó sát rạt màu xanh lá. Ông nói năng căng thẳng và dè dặt, với thỏ âm vùng ngoại ô phía Bắc New York. Chưa ai từng nghe tiếng ông.

“Nhóm của tôi và tôi đã cố gắng hết sức để báo cho SEC nhằm điều tra và ngăn chặn mô hình Ponzi của Madoff, rất nhiều cảnh báo liên tục và đáng tin đã được gửi đến cho SEC bắt đầu từ tháng 5 năm 2000”, Markopolos làm chứng trước sự bàng hoàng của khán giả. Markopolos nói ông ta và vài đồng nghiệp đã tập hợp các biểu đồ và bảng biểu, chạy các mô hình máy tính, và chọc ngoáy vào

khấp chón ở châu Âu, nơi Madoff kiếm được hàng tấn hàng tỷ đô-la: “Chúng tôi khi ấy đã cung cấp đủ số lượng cờ đỏ và các bằng chứng tính toán cụ thể cho SEC để họ có thể ngăn chặn ông ta luôn và ngay lúc ấy, khi mà con số mới dừng ở 7 tỷ đô-la”. Khi SEC không nhấc chân động tay, Markopolos tiếp tục trở lại vào tháng 10 năm 2001. Sau đó tiếp tục vào các năm 2005, 2007 và 2008. Lần nào ông cũng đều va đầu vào đá. Chậm rãi đọc từ sổ tay, Markopolos miêu tả rất nhiều năm trong sự thất vọng.

Tôi đóng gói và gửi đến cho họ mô hình Ponzi lớn nhất trong lịch sử, thế mà bằng cách nào đó họ không buồn thực hiện một cuộc điều tra đầy đủ và tử tế bởi vì họ quá bận rộn với những vấn đề có mức ưu tiên cao hơn. Nếu một mô hình gian lận 50 tỷ đô-la vẫn không lọt được vào danh sách ưu tiên của SEC, thì tôi rất muốn biết ai là người đặt ra các cấp độ ưu tiên cho bọn họ.

Harry Markopolos, đơn độc trong số những người từng dấy lên nghi ngờ về Bernie Madoff, đã không hề mặc định vào sự thành thật. Ông ta nhìn ra bản chất nguyên hình của một kẻ lạ mặt. Đến quãng giữa của cuộc điều trần, một nghị sĩ hỏi Markopolos rằng liệu ông có muốn đến Washington điều hành SEC không. Cảm giác sau chót khi trải qua một trong những vụ bê bối tồi tệ nhất trong lịch sử tài chính, đó là một người như Harry Markopolos lại là người mà tất cả chúng ta đều có thể học hỏi được một điều gì đó. Mặc định với sự thành thật là một vấn đề. Nó khiến các gián điệp và nghệ sĩ lừa đảo mặc sức tung hoành.

Có đúng không nhỉ? Giờ chúng ta sẽ đến với thành tố thứ hai, cốt yếu trong các ý tưởng của Tim Levine về lừa bịp và sự mặc định với sự thành thật.

2. Harry Markopolos rắn rỏi và nhiệt huyết. Ông đã vào tuổi ngũ tuần nhưng trông rất trẻ trung. Ông là người hấp dẫn, đáng mến, khéo ăn nói - dù đôi khi cũng kể những câu chuyện cười vô duyên khiến mọi người ngưng bật. Ông miêu tả bản thân là một người ám ảnh: kiểu người sẽ lau toàn bộ bàn phím bằng giấy khử khuẩn sau khi dùng xong máy tính. Ông được biết đến trên Phố Wall với tên gọi một tay *toán học*, một người của các con số. “Với tôi, toán học là sự thật”, ông nói. Khi ông phân tích cơ hội đầu tư hoặc một công ty, ông không thích gặp gỡ trực diện bất cứ thành phần chủ chốt nào; ông không muốn mắc lại sai lầm của Chamberlain.

Tôi muốn nghe thấy và nhìn thấy những gì họ đang nói từ xa thông qua những lần xuất hiện trước công chúng của họ, qua những báo cáo tài chính, và tôi muốn phân tích thông tin đó trên phương diện toán học, sử dụng những thuật toán đơn giản đó... Tôi muốn tìm ra sự thật. Tôi không muốn có thiên kiến với bất cứ người nào hồ hởi bắt tay tôi, bởi vì điều đó chỉ gây ảnh hưởng tiêu cực đến các trường hợp tôi đang nghiên cứu.

Markopolos lớn lên ở Erie, Pennsylvania, trong một gia đình bố mẹ là người Hy Lạp nhập cư. Gia đình ông điều hành một chuỗi cửa hàng thuộc thương hiệu Cá & Khoai tây tấm bột rán của Arthur Treacher. “Các chú tôi chẳng ngại ngần mà đuổi theo những gã đến

ăn rồi lẫn mất. Họ sẽ đuổi theo, tóm cổ những kẻ định ăn không và bắt họ trả tiền”, ông nhớ lại.

Tôi đã chứng kiến cha tôi lao vào ẩu đả với khách hàng, rượt đuổi khách hàng. Tôi đã trông thấy nhiều người thó những món đồ dao đĩa. Chẳng phải là dao đĩa bằng bạc gì cho cam - chỉ là thìa đĩa bình thường... Tôi nhớ có một gã to vật vã đến lượm đồ thừa trên đĩa của những thực khách khác bỏ lại trên bàn để ăn, và chú tôi bảo, “Này, ông không làm thế được đâu”. Gã kia đáp, “sao lại không, đồ ăn này người ta có cần nữa đâu”. Thế là chú tôi sẽ bước ra khỏi quầy, túm râu của gã ta mà nâng lên, và tiếp tục nâng gã lên... Lúc ấy tôi chỉ nghĩ, thôi tiêu đời ông chú mình rồi. Gã này khéo phải cao mét tám. Hắn sẽ giết chết chú tôi mất. May thay những khách thực khác trong nhà hàng đã kịp thời bênh vực. Nếu không tôi nghĩ chú tôi hẳn đã biến thành cái thây ma.

Câu chuyện đậm chất người nhập cư dựng nghiệp đó nói lên rất nhiều điều về sức mạnh giải thoát của sự bền trí và tài khéo. Trực tiếp nghe Markopolos kể câu chuyện này sẽ thấy những trải nghiệm thời trẻ trong doanh nghiệp gia đình đã dạy cho ông biết thế giới thực ngoài kia đen tối và nguy hiểm thế nào:

Tôi chứng kiến rất nhiều kẻ cắp trong các nhà hàng Arthur Treacher. Và thế là tôi trở thành người săn-bắt-trộm thời thanh thiếu niên. Và tôi nhận ra những gì con người có khả năng thực hiện, bởi vì khi bạn điều hành một doanh nghiệp, thì có 5-6% doanh thu của bạn sẽ “cống” cho lũ trộm cắp. Đó là con số thống kê của Hiệp hội Các nhà điều tra Gian lận Mỹ (Association of

Certified Fraud Examiners - ACFE). Tôi không biết gì về thống kê. Tổ chức đó khi ấy còn chưa tồn tại. Nhưng tôi được tận mắt chứng kiến. Tôi thường xuyên gặp cảnh gà què và tôm cá của nhà tôi mọc chân và đi ra khỏi nhà bằng cửa sau. Bọn chúng sẵn sàng quăng mấy thùng đồ ăn cấp vào ghế sau xe ô tô. Đó toàn là những *nhân viên cửa hàng*.

Khi Markopolos còn theo học trong trường kinh doanh, một thầy giáo chấm cho ông điểm A. Nhưng khi Markopolos kiểm tra chéo công thức mà giáo sư sử dụng để tính điểm thì nhận ra có một lỗi sai. Ông đáng ra chỉ đạt được điểm A trừ. Ông liền đến gặp giáo sư và khiếu nại xin hạ điểm. Công việc đầu tiên của ông sau khi tốt nghiệp trường kinh doanh là làm cho một công ty môi giới bán cổ phiếu chưa niêm yết, và một trong những điều luật của thị trường này là nhà môi giới phải báo cáo bất cứ giao dịch nào trong vòng chín mươi giây. Markopolos nhận thấy ông chủ luôn chờ lâu hơn chín mươi giây. Ông lập tức tố giác các sếp lên nhà chức trách. *Không ai ưa tên chỉ điểm*, chúng ta đã học được điều đó khi còn là những đứa trẻ, hiểu rằng đôi khi theo đuổi một cái gì có vẻ công bằng và đạo đức thì sẽ đi kèm với một cái giá là không được xã hội chấp nhận. Nếu Markopolos từng nghe ai đó nói với mình điều đó khi còn nhỏ, thì hẳn ông cũng đã không nghe theo.

Lần đầu tiên Markopolo nghe nói về Madoff là vào cuối những năm 1980. Quỹ phòng hộ mà ông đang làm việc khi ấy đã để ý thấy mức lợi nhuận kinh khủng của Madoff. Markopolos cố thử. Nhưng ông không thể nào xác định được chiến lược của Madoff là gì. Madoff tuyên bố rằng lão ta làm ra tiền chủ yếu dựa trên một công

cụ tài chính được biết đến với tên gọi phái sinh. Nhưng thực tế là không có một dấu vết nào của Madoff trong những thị trường ấy.

“Tôi đã thực hiện khối lượng lớn giao dịch thị trường phái sinh mỗi năm, vì thế tôi có nhiều mối quan hệ với các ngân hàng đầu tư lớn nhất chuyên giao dịch phái sinh”, Markopolos nhớ lại.

Vì thế tôi gọi điện cho những người quen biết ở các sàn chứng khoán: “Các cậu có đang giao dịch với Madoff không?” Tất cả bọn họ đều trả lời không. Ừm, nếu như anh đang giao dịch phái sinh, khả năng rất lớn là anh phải đi qua năm ngân hàng lớn nhất giao dịch ở quy mô mà ông ta đang giao dịch. Nếu cả năm ngân hàng lớn nhất ấy đều không biết những giao dịch của anh và không thấy anh đang làm ăn, thì đương nhiên anh chỉ có thể là mô hình Ponzi. Dễ thế thôi. Đây không phải là một ca khó. Tất cả những gì tôi cần làm là nhắc điện thoại lên, thật tình.

Vào thời điểm đó, Markopolos đã đứng ở chính xác vị trí của những người ở Renaissance vài năm sau này. Ông đã làm phép toán, và ông đã có những nghi ngờ. Việc kinh doanh của Madoff là rất vô lý.

Tuy vậy, điểm khác biệt giữa Markopolos và Renaissance là Renaissance thì tin vào hệ thống. Madoff là một phần của một trong những lĩnh vực được kiểm soát chặt chẽ nhất trong toàn bộ thị trường tài chính. Nếu ông ta thực sự đang làm trò, chẳng lẽ không có bất cứ ai trong số rất nhiều thành phần tai mắt nào của chính phủ phát hiện ra sao? Giống như Nat Simons, lãnh đạo của Renaissance đã nói về sau: “Ta lại cứ giả định là phải có ai đó để ý rồi”.

Cần phải nói thêm, Renaissance Technologies là quỹ được thành lập từ những năm 1980 bởi một nhóm các nhà toán học và giải mã. Trong lịch sử phát triển, quỹ này có lẽ đã mang lại lợi nhuận nhiều hơn bất cứ quỹ phòng hộ nào khác trong lịch sử. Laufer, một nhà điều hành của Renaissance, người được Simons tìm đến để xin tư vấn, có bằng Tiến sĩ chuyên ngành toán học của Đại học Princeton và đã viết nhiều cuốn sách, bài báo với những tựa đề như *Normal Two-Dimensional Singularities* (Những Đơn trạng Hai chiều Tiêu chuẩn) và *On Minimally Elliptic Singularities* (Về những Đơn trạng Đường cong Elip Tối thiểu). Những người ở Renaissance đều xán lạn. Ấy vậy mà ở đúng một khía cạnh trọng yếu, thì họ lại hành xử y hệt các sinh viên trong thí nghiệm của Levine, những người trông thấy giám thị rời đi, phát hiện tập phong bì chứa đáp án nằm chình ình trên bàn, vậy mà không hề mảy may nghĩ rằng tất cả chỉ là dàn dựng.

Nhưng Markopolos thì không. Ông cũng được trang bị những thông tin như tất cả mọi người nhưng không có cái gọi là niềm tin vào hệ thống trong số đó. Đối với ông, sự dối giả và ngu xuẩn hiện diện ở khắp mọi nơi. “Mọi người đặt quá nhiều niềm tin vào các tổ chức lớn”, ông nói. “Họ tin vào các công ty kiểm toán, mà đáng ra bạn không bao giờ nên tin bởi vì họ thiếu năng lực. Vào ngày tử tế nhất thì họ được coi là thiếu năng lực, còn vào những ngày tồi tệ thì họ là đồ bỏ đi, luôn hỗ trợ và khuyến khích tội phạm, bằng cách nhìn đi hướng khác”.

Ông nói tiếp, “Tôi nghĩ rằng ngành bảo hiểm hoàn toàn bị lũng đoạn. Từ thời nào tới giờ họ chưa từng bao giờ có tầm nhìn, và họ đang phải xử lý cả ngàn tỉ tài sản và trách nhiệm”. Ông nghĩ rằng 20-

25% công ty đại chúng đang cung cấp các báo cáo tài chính gian lận. “Anh muốn nói về một cuộc gian lận khác không?” đột nhiên không rõ ý tưởng từ đâu, ông hỏi và đổi hướng câu chuyện. Ông vừa mới xuất bản một cuốn hồi ký và giờ đang có thói quen rà soát lại những tuyên bố đặc quyền của mình. Ông gọi họ là “những gã Ba Tàu rô đại”. Như ông nói, những kẻ lừa đảo mà ông ta đang điều tra có những bản báo cáo tài chính “thậm chí còn đáng tin hơn cả các xuất bản phẩm của tôi”.

Ông nói có một sự thật mà ông luôn nhắm trong đầu mỗi khi bước chân vào phòng khám bác sĩ là có đến 45 xu trong mỗi một đô-la được chi ra ở đây hoặc là rơi vào túi bọn lừa đảo hoặc là bị lãng phí.

Với bất cứ người nào khám chữa cho tôi, tôi đều phải nói cho họ biết rằng tôi là một nhà điều tra tội phạm bàn giấy, và tôi cho họ biết rằng có rất nhiều lừa đảo trong ngành y tế. Tôi cho họ biết các con số thống kê. Tôi làm như thế để họ đừng có mà rầy rà với tôi hay gia đình tôi.

Không có bậc thềm ngưỡng cửa nào trong đầu óc của Markopolos để cho những nghi ngờ biến chuyển thành lòng bất tín. Ngay từ đầu, ông đã không đặt ra bất cứ một ngưỡng giới hạn nào.

3. Trong các câu chuyện dân gian của Nga có một kiểu nhân vật đặc trưng được gọi là *yurodivy*, hay là “Thánh Ngốc”. Thánh Ngốc là kiểu nhân vật lập dị lạc loài, lệch chuẩn xã hội, thậm chí đôi lúc còn điên rồ - nhưng chẳng hiểu thế nào lại luôn là người nắm được sự thật. *Chẳng hiểu thế nào* là một cách diễn đạt không chính xác.

Thánh Ngốc là người chuyên nói sự thật *bởi vì* anh ta khác người. Những người không thuộc thành phần nào trong một chuẩn mực xã hội đã tồn tại thì được tự do bật ra những sự thật hoặc đặt ra câu hỏi về những thứ mà tất cả những thành phần còn lại như chúng ta vốn coi là điều tất lẽ dĩ ngẫu. Trong một truyện ngụ ngôn của Nga, một Thánh Ngốc nhìn hình ảnh nổi tiếng của Mẹ Đồng Trinh Mary và tuyên bố đó là sản phẩm của ác quỷ. Thật là báng bổ, một tuyên bố dị giáo. Nhưng chợt có một người ném một hòn đá vào bức ảnh và bề mặt của bức tranh vỡ tan, lộ ra phía sau là gương mặt của quý Sa-tăng.

Mọi nền văn hóa đều có một phiên bản tương tự như Thánh Ngốc. Trong câu chuyện thiếu nhi nổi tiếng của Hans Christian Andersen “Bộ quần áo mới của Hoàng đế”, nhà vua đã diễu hành xuống phố trong trang phục mà người ta nói với ông là bộ hoàng bào thần diệu. Không ai dám mở miệng nói lời nào chỉ trừ một thằng nhóc, vừa nhìn thấy đã hét toáng lên: “Ô nhìn kìa, Nhà Vua cởi truồng!” Thằng nhóc trong câu chuyện đó là một Thánh Ngốc. Ông thợ may bán cho nhà vua bộ quần áo và bảo với ông ta rằng bộ quần áo đó sẽ vô hình trong mắt của những kẻ không xứng đáng với địa vị của họ. Người lớn chẳng dám nói gì bởi vì họ sợ bị gắn mác yếu kém. Chỉ trừ có thằng nhóc con, nó chẳng thèm quan tâm. Phiên bản gần nhất với Thánh Ngốc mà chúng ta có ở thời hiện đại là những “người thổi còi”. Họ sẵn sàng hy sinh lòng trung thành với tổ chức của mình - và trong rất nhiều trường hợp, sự ủng hộ của đồng sự - nhằm tố giác, lật tẩy sự gian lận và lừa đảo.

Điều khiến Thánh Ngốc khác biệt đó là một cảm nhận khác đối với khả năng lừa bịp. Trong đời thực, Tim Levine đã nhắc nhở chúng

ta rằng dối trá rất hiếm hoi. Và những lời dối trá đó đều do một số thành phần không đáng kể thực hiện. Đó là lý do tại sao hầu như chúng ta rất kém cỏi trong việc phát hiện ra những lời dối trá trong cuộc sống đời thực thì cũng không phải là chuyện gì quá to tát. Trong một số trường hợp, trên thực tế, mặc định tin vào sự thật khiến các logic trở nên có lý. Nếu một người đứng sau quầy bán cà phê nói với bạn rằng tổng số tiền phải trả gồm thuế là 6,74 đô-la, bạn hoàn toàn có thể đòi kiểm tra lại phép tính của họ, khiến hàng chờ dài hơn và tiêu phí mất 30 giây cuộc đời. Hoặc bạn đơn giản là giả định người bán hàng đang nói thật, bởi vì về cơ bản, hầu hết mọi người đều nói sự thật.

Đó chính là những gì Scott Carmichael đã làm. Ông đối mặt với hai tình huống. Reg Brown nói rằng Ana Montes có hành vi đáng ngờ. Trái lại, Ana Montes lại có những giải thích hoàn toàn trong sáng cho những hành động của mình. Một mặt là một khả năng hiếm có khó tìm trong đó có gương mặt được kính trọng nhất tại cơ quan DIA là một gián điệp. Mặt khác là một cảnh huống hoàn toàn nhiều khả năng xảy ra hơn là Brown đang hơi bị ám ảnh thái quá. Carmichael đã đi theo số đông: đó cũng chính là việc chúng ta làm khi ta mặc định với sự thành thật. Nat Simons cũng đi cùng số đông. Madoff *có thể* là một thầy phù thủy vĩ đại nhất trong lịch sử lừa đảo tài chính, nhưng có bao nhiêu cơ hội cho điều đó xảy ra?

Thánh Ngốc là người không suy nghĩ theo lối thông thường đó. Các thống kê cho biết kẻ nói dối và tên lừa đảo là hiếm hoi. Nhưng trong mắt Thánh Ngốc, bọn chúng có mặt ở khắp mọi nơi.

Chúng ta cần nhiều Thánh Ngốc trong xã hội, lúc này hay lúc khác. Họ thực hiện những vai trò đáng giá. Đó là lý do khiến chúng

ta lãng mạn hóa vai trò của họ. Harry Markopolos là vị anh hùng trong thiên truyện của Madoff. Những người thổi còi được dựng thành phim kể về cuộc chiến của họ. Nhưng ý tưởng thứ hai, phần lập luận tối quan trọng của Levine đó là chúng ta không thể tất cả đều là Thánh Ngọc. Nếu thế sẽ là một thảm họa.

Levine lập luận rằng trong lịch sử tiến hóa, loài người chưa bao giờ tiến hóa những kỹ năng tinh tế và chính xác để phát hiện sự lừa đảo bởi vì chẳng ích lợi gì mấy khi dành thời gian tỉ mỉ phân tích lời nói và hành vi của những người xung quanh bạn. Lợi thế dành cho con người nằm ở chỗ giả định rằng những người xa lạ là đáng tin cậy. Như cách lập luận của ông, sự đánh đổi giữa mặc định với sự thành thật và nguy cơ bị lừa đảo đó là:

một vấn đề quan trọng đối với chúng ta. Điều chúng ta nhận lại khi đánh đổi khả năng bị tổn thương bởi một lời nói lúc này hay lúc khác là sự hiệu quả trong giao tiếp và hợp tác xã hội. Lợi ích đó rất lớn và cái giá phải trả là không đáng kể nếu mang ra so sánh. Đương nhiên, sẽ có một vài lúc chúng ta bị mắc lừa. Nhưng đó chỉ là cái giá phải trả khi làm ăn kinh tế.

Lập luận này xem ra tàn khốc, bởi vì rất dễ nhìn thấy tất cả những tác hại mà những người như Ana Montes và Bernie Madoff gây ra. Bởi vì chúng ta ngấm tin cậy, nên gián điệp không bị lật tẩy, tội phạm nghênh ngang ngoài đường, và cuộc sống bị tàn phá. Nhưng quan điểm của Levine là cái giá cho sự đánh đổi việc sử dụng chiến lược đó còn cao hơn rất nhiều. Nếu tất cả mọi người ở Phố Wall đều hành xử như Harry Markopolos, thì sẽ không có

những gian dối trên Phố Wall - nhưng bầu không khí sẽ đặc quánh lại với những hoài nghi và ám ảnh, và vì thế sẽ đồng thời *không* còn Phố Wall nữa^(*).

^(*). Nhưng khoan. Chúng ta không muốn có những sĩ quan phản gián là những Thánh Ngọc hay sao? Chẳng phải đó là một loại nghề nghiệp mà chuyện một người có trách nhiệm nghi ngờ tất cả là một việc bình thường đó ư? Không hề. Một trong những người tiên nhiệm khét tiếng của Scott Carmichael là James Angleton, người đảm nhiệm các chiến dịch phản gián của CIA trong vài thập kỷ cuối của Chiến tranh Lạnh, bị thuyết phục để tin rằng có một con “chuột chũi” - gián điệp Xô-việt cao cấp trong cục. Ông ta tiến hành một cuộc điều tra không bỏ sót một ai trong số 120 sĩ quan CIA. Ông ta không thể tìm ra tên gián điệp. Thất vọng, Angleton ra lệnh cho rất nhiều người trong chi cục Xô-việt phải cuốn gói ra đi. Hàng trăm người - những chuyên gia người Nga với khối kiến thức hiểu biết khổng lồ và kinh nghiệm hiểu biết về đối thủ chính của người Mỹ - đã được điều chuyển đi khắp nơi. Tinh thần tụt giảm. Các tình báo điều hành ngừng tuyển dụng thêm những điệp viên mới.

Cuối cùng, một trong những sĩ quan lão luyện trong cơ quan nhìn lại những tổn thất ghê gớm của hơn một thập kỷ lùng sục đầy ám ảnh của Angleton rồi đi đến một kết luận sau chót và cũng hoang đường không kém: nếu anh là một người thuộc Xô-việt và anh muốn phá hủy tổ chức CIA, thì cách hiệu quả nhất à biến con chuột chũi của anh trở thành người cầm đầu một chiến dịch lâu dài, tổn hại và kiệt sức để săn lùng chuột chũi. Điều đó có nghĩa là con chuột cần truy đuổi phải là Angleton.

Kết quả cuối cùng của cuộc săn lùng phù thủy do James Angleton cầm đầu là gì? James Angleton. Ông ta bị đuổi ra khỏi CIA vào năm 1974, sau 31 năm hoạt động. Không chừng nếu Scott Carmichael hành xử như James Angleton, chĩa mũi dùi vào tất cả mọi người và nghi ngờ họ là điệp viên, thì DIA hẳn đã bị sụp đổ trong màn sương hoang tưởng và nghi ngại như chi cục Xô-viết của CIA.

4. Vào mùa hè năm 2002, Harry và một đồng nghiệp khi ấy đang tìm kiếm các nhà đầu tư cho một quỹ mà họ mới thành lập. Ông gặp gỡ các nhà quản lý tài sản ở Paris, Geneva và ở tất cả các trung tâm thủ đô trên khắp khu vực Tây Âu, và ông phát hiện ra một điều vô cùng kinh ngạc. Tất cả mọi người đều đầu tư cùng với Madoff. Nếu bạn ở New York và nói chuyện với mọi người ở Phố Wall, sẽ rất dễ dàng nghĩ rằng Madoff là một hiện tượng đặc biệt, một trong rất nhiều nhà quản lý tiền tệ đang làm việc cho giới tài phiệt ở khu Bờ Đông. Nhưng như Markopolos nhận ra, Madoff nổi danh trên trường quốc tế. Tầm cỡ của đế chế lừa đảo của ông ta đã lớn hơn rất, rất nhiều so với những gì Markopolos từng hình dung trước đó.

Chính vào lúc đó Markopolos đi tới một niềm tin rằng mạng sống của mình đang gặp nguy hiểm. Không thể đếm hết bao nhiêu người quyền lực và giàu có ở ngoài kia có lợi ích gắn chặt với việc làm sao giữ cho Madoff phải nổi chứ không được chết chìm. Liệu đó có phải là lý do cho những lần liên tục tố cáo của ông lên tới các nhà chức trách luôn đi vào ngõ cụt? Cái tên của Markopolos được những người chủ chốt ở SEC nắm được. Chừng nào mô hình Ponzi còn chưa bị vạch rõ bộ mặt, thì chừng ấy ông chưa thể được an toàn.

Ông quyết định bước đi logic tiếp theo là tiếp cận Tổng trưởng lý New York, Eliot Spitzer, là một trong số ít cán bộ được bầu chọn có

mối quan tâm tới việc điều tra Phó Wall. Nhưng ông cần phải cẩn trọng. Spitzer xuất thân từ một gia đình giàu có của thành phố New York. Liệu có khi nào cả ông ta nữa cũng đang đầu tư cùng với Madoff? Markopolos biết được tin rằng Spitzer sẽ có mặt ở Boston và có bài phát biểu tại Thư viện John F. Kennedy. Ông liền in ấn các tài liệu mà ông thu thập được lên các tờ giấy trắng, loại bỏ tất cả các yếu tố có thể làm ra danh tính của mình, sau đó bỏ chúng vào một phong bì cỡ A5 màu nâu thông thường, trắng trơn, không lộ chút thông tin nào. Sau đó, để cho an toàn, ông lại cho phong bì ấy vào một chiếc phong bì màu nâu đại trà, loại to hơn. Ông cẩn thận đeo găng tay không để lại dấu vân tay trên hồ sơ. Ông mặc bộ đồ to sù sụ, và choàng bên ngoài chiếc áo khoác to nặng nhất mà mình có. Ông không muốn bị nhận ra. Ông lên đường đến thẳng Thư viện JFK và ngồi lặng lẽ ở một góc. Sau đó, đến cuối buổi nói chuyện, ông tiến lên nhằm trao tận tay tập tài liệu tận tay cho Spitzer. Nhưng ông không thể tiến lại đủ gần - vì thế ông đành đưa nó cho một người phụ nữ làm việc trong tổ chức của Spitzer với lời hướng dẫn là hãy chuyển cho sếp của bà ta.

“Tôi ngồi đó, và tôi có trong tay hồ sơ”, Markopolos nhớ lại.

Tôi đã định đưa tận tay tập tài liệu cho ông ta, nhưng sau sự kiện, tôi đành đưa nó cho một người phụ nữ nhờ bà ta chuyển cho Eliot Spitzer bởi vì tôi không thể tiếp cận ông ta được. Có quá nhiều người vây quanh ông ta. Sau đó ông ta đi thẳng ra cửa sau. Tôi nghĩ ông ta đi vào nhà vệ sinh và có thể sẽ dùng bữa tối ở đâu đó quanh đây. Tôi tất nhiên không được mời tới bữa tối ấy. Ông ta đi

về phía cửa sau, trèo lên một chiếc limo rồi ra thẳng sân bay để bắt chuyến bay cuối cùng trở về New York... Eliot không bao giờ nhận được hồ sơ của tôi.

Có một chi tiết đáng phải nhắc đến là thời điểm đó Markopolos là Chủ tịch của Hiệp hội Phân tích Chứng khoán Boston, một nhóm có lượng thành viên lên tới 4.000 tay giao dịch chuyên nghiệp. Ông không cần phải xuất hiện ẩn danh trong buổi nói chuyện của Spitzer, mặc áo choàng to sụ, bọc hồ sơ vào hai lớp phong bì nâu và cố gắng chuyển cho Spitzer. Lẽ ra ông chỉ cần gọi điện thẳng đến văn phòng của Spitzer và đề nghị một cuộc gặp.

Tôi đã hỏi ông về điều đó:

Markopolos: Đó lại là một điều hối tiếc khác của tôi. Tôi tự thấy mình có trách nhiệm ở chỗ đó. Spitzer cũng là một con người. Đáng ra tôi chỉ việc gọi cho ông ta. Có thể người ta sẽ tiếp tôi, có thể không, nhưng tôi nghĩ là tôi sẽ gặp được.

MG: Ông có vị thế. Ông khi ấy là...

Markopolos: Chủ tịch của những nhà phân tích chứng khoán... Nếu như cựu chủ tịch hoặc chủ tịch đương thời... gọi điện cho ông sếp trưởng và bảo: "Tôi có trong tay một vụ lừa thế kỷ. Nằm ở ngay sân sau nhà ông", thì tôi nghĩ tôi sẽ được mời đến ngay.

MG: Thế tại sao ông lại không nghĩ đến việc đó?

Markopolos: Đáng lẽ, có lẽ, giá như. Tiếc nuối, anh biết đấy. Không có cuộc điều tra nào hoàn hảo và tôi cũng góp phần vào các lỗi lầm. Đáng ra tôi nên gọi điện.

Markopolos giờ đây đã nhìn ra lỗi lầm, với lợi thế của hơn một thập kỷ nhìn lại. Nhưng trong thời điểm mọi thứ còn đang sương

khói mờ nhân ảnh, thì cũng bộ óc sáng chói ấy chỉ có thể phát hiện ra sự lừa đảo của Madoff mà không có cách nào khiến những người có vai trò trách nhiệm phải suy nghĩ về cảnh báo của ông một cách nghiêm túc. Đó chính là hậu quả của việc không mặc định với sự thành thật. Nếu bạn không bắt đầu bằng một trạng thái tin cậy, bạn không thể có được những cuộc chạm trán xã hội đầy ý nghĩa.

Giống như Levine đã viết:

Việc chấp nhận đôi lúc bị lừa gạt sẽ không cản trở chúng ta truyền gen cho thế hệ kế cận hoặc đe dọa nghiêm trọng sự sống còn của giống loài. Mặt khác, giao tiếp hiệu quả lại có ảnh hưởng sâu sắc đến sự tồn tại của chúng ta. Sự đánh đổi đơn giản là không hoàn toàn đánh đổi lắm.

Cuộc giao tiếp của Markopolos trong thư viện hồi ấy, nói một cách nhẹ nhàng, là không hiệu quả. Người phụ nữ mà ông chuyển tập phong bì vào tay là ai, nhân tiện bạn có muốn biết luôn? Bà ta không phải là trợ tá của Spitzer. Bà làm việc trong Thư viện JFK. Bà ta cũng không có khả năng tiếp cận Spitzer hơn so với ông. Và ngay cả khi có thể, hẳn bà ta sẽ nghĩ trách nhiệm của mình là bảo vệ một người của công chúng như Spitzer khỏi những người đàn ông bí ẩn trong hai lần áo khoác dày sự kẹp nách một tập phong bì nâu dây cộc trắng trơn.

5. Sau thất bại với SEC, Markopolos bắt đầu mang theo mình một khẩu súng gắn Smith & Wesson. Ông đến gặp cảnh sát trưởng địa phương trong thị trấn nhỏ ở Massachusetts nơi ông sinh sống. Markopolos cho ông ta biết việc mình đang làm chống lại Madoff.

Ông nói, tính mạng của ông đang bị đe dọa, nhưng ông khẩn thiết đề nghị cảnh sát không ghi chi tiết đó vào biên bản. Cảnh sát trưởng hỏi liệu ông có muốn mặc áo chống đạn không. Markopolos từ chối. Ông đã có 17 năm tham gia đội Dân quân Dự bị và có những hiểu biết về các chiến thuật gây chết người. Các sát thủ, theo như lập luận của ông, hẳn sẽ là những tay chuyên nghiệp. Nếu cần ra tay thì họ sẽ bắn thẳng vào sọ ông hai phát từ sau gáy. Áo chống đạn chẳng có tác dụng gì. Markopolos lắp đặt một hệ thống báo động công nghệ cao trong nhà mình. Ông thay khóa cửa. Mỗi ngày ông sẽ chọn một đường khác nhau để trở về nhà vào buổi tối. Ông liên tục kiểm tra gương chiếu hậu.

Khi Madoff ra đầu thú nhà chức trách, Markopolos đã nghĩ - trong một khoảnh khắc - rằng có thể ông đã có được an toàn. Nhưng rồi ông nhận ra rằng chỉ là thay thế một mối đe dọa này bằng một mối đe dọa khác. Chẳng phải giờ đây SEC sẽ lần theo tài liệu của ông sao? Sau tất cả, ông đã có trong tay nhiều năm tỉ mẫn góp nhặt tài liệu bằng chứng để nhẹ nhất là chứng minh năng lực yếu kém của họ, mà nặng nhất là sự dung túng cho tội phạm của họ. Ông kết luận, nếu họ tìm đến ông thì niềm hy vọng duy nhất của ông là giữ chân họ được càng lâu càng tốt, cho đến khi có người đến giúp. Ông lên đạn cho khẩu súng trường 12 gauge và bỏ thêm vào 6 lượt đạn dự phòng. Ông treo một túi dự phòng đựng thêm 20 lượt đạn trong tủ súng. Sau đó ông còn chuẩn bị sẵn mặt nạ khí ga lấy từ hồi còn trong quân ngũ. Lỡ may họ ập đến và sử dụng khí ga thì sao? Ông ngồi trong nhà, súng đạn sẵn sàng - trong khi tất cả chúng ta bình thản ra ngoài tiếp tục công việc của mình.

Chương năm

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: CẬU BÉ TRONG PHÒNG TẮM

1 . Công tố viên: Khi anh còn là trợ lý sinh viên cao học vào năm 2001, có điều gì bất thường đã xảy ra phải không?

McQueary: Phải.

Công tố viên: Anh có thể kể cho hội đồng nghe chuyện gì đã xảy ra?

Ngày 21 tháng 3 năm 2017. tòa án Hạt Dauphin ở Harrisburg, Pennsylvania. Nhân chứng là Michael McQueary, cựu tiền vệ chuyển sang làm trợ lý huấn luyện cho đội bóng bầu dục của Đại học Tiểu bang Pennsylvania: vạm vỡ, tự tin, với mái tóc cắt ngắn ốp sát đầu màu đỏ nâu đậm. Công tố viên là Phó Trưởng lý của bang Pennsylvania, Laura Ditka.

McQueary: Một buổi tối tôi đang trên đường đến tòa nhà Bóng Bầu Dục Lash và tiến về phía phòng thay đồ... Tôi mở cửa phòng thay đồ. Tôi nghe thấy tiếng nước từ vòi hoa sen chảy, nghe thấy những tiếng vỗ, và tôi đi tiếp qua một cánh cửa khác, đã mở sẵn. Tủ đồ của tôi nằm ở dãy bên phải. Đến tủ đồ của mình, tôi nhận ra rõ ràng là có ai đó đang tắm trong phòng thay đồ. Và những tiếng vỗ cảnh báo cho tôi biết có điều gì đó hơn thế đang diễn ra chứ không chỉ là tắm rửa.

Ở điểm đó, Ditka ngắt lời anh ta. Lúc đó là mấy giờ? McQueary nói, 8:30 tối thứ sáu. Góc ấy trong khu trường tĩnh lặng. tòa nhà Lash không có gì khác ngoài sự vắng vẻ tịch mịch. Tất cả các cửa đều khoá.

Công tố viên: OK. Tôi xin cắt ngang chút. Tôi muốn hỏi anh một câu hỏi khác. Anh vừa mô tả là có tiếng gì như tiếng vỗ. Có phải là anh đang nói đến tiếng vỗ, kiểu như vỗ tay?

McQueary: Không, không.

Công tố viên: Anh đang nói đến một kiểu vỗ khác?

McQueary: Phải.

McQueary nói anh ta ngoái lại phía vai phải nhìn vào chiếc gương treo tường, mà từ đó anh ta có thể nhìn được một góc trong phòng tắm. Anh ta trông thấy một người đàn ông, trần truồng, đứng phía sau một ai đó mà anh ta gọi là “một người chưa thành niên”.

Công tố viên: Liệu anh có thể nói rõ - anh nói một người chưa thành niên. Ta đang hiểu là một người tầm mười bảy - mười sáu tuổi, hay trẻ hơn?

McQueary: Ồ, trẻ hơn.

Công tố viên: OK. Anh ước đoán tuổi của cậu bé mà anh trông thấy là bao nhiêu?

McQueary: Tầm 10 đến 12 tuổi là cùng.

Công tố viên: OK. Họ có mặc quần áo hay không mặc quần áo?

McQueary: Không mặc quần áo, trần truồng.

Công tố viên: Anh có trông thấy chuyển động nào không?

McQueary: Chuyển động chậm, rất nhẹ, nhưng gần như không.

Công tố viên: OK. Nhưng chuyển động chậm, nhẹ mà anh trông thấy ấy, đó là kiểu chuyển động nào? Cái gì chuyển động?

McQueary: Đó là Jerry đứng phía sau cậu bé, sát rạt vào người cậu ta.

Công tố viên: Da áp da?

McQueary: Phải, chính xác.

Công tố viên: Bụng áp lưng?

McQueary: Phải.

Cái tên “Jerry” mà McQueary nhắc tới ở trên là Jerry Sandusky, một nhân vật vừa nghỉ hưu trong vai trò trợ lý huấn luyện của đội bóng bầu dục trường Penn State. Sandusky là một gương mặt được yêu mến tại ngôi trường Penn State nổi danh với tình yêu dành cho môn bóng bầu dục. McQueary đã biết ông ta nhiều năm.

McQueary chạy lên phòng của anh ta ở lầu trên và gọi điện thoại cho bố mẹ. “Con tôi là một người cao lớn, và nó là một người khá lực lưỡng, và chắc chắn không phải là loại mèo nhát. Nhưng hôm ấy nó đã run bắn lên”, cha của McQueary đã nói vậy trước tòa sau khi con trai ông ta hoàn thành phần làm chứng. “Rõ ràng là nó đã run bắn. Giọng nói của nó không bình thường. Đủ để mẹ của nó nhận ra điều đó qua điện thoại ngay cả khi không trông thấy nó. Mẹ nó bảo, ‘Có điều gì đó không ổn ở đây, John.’”

Sau khi McQueary trông thấy Sandusky trong phòng tắm vào tháng 2 năm 2001, anh ta đến gặp sếp của Sandusky, Joe Paterno, vị huấn luyện viên trưởng huyền thoại của đội bóng Penn State.

Công tố viên: Anh có trình bày với ông ta là anh trông thấy Jerry Sandusky trần truồng trong phòng tắm không?

McQueary: Có, chắc chắn rồi.

Công tố viên: Anh có giải thích với ông ta rằng có cảnh da-kề-da với cậu bé không?

McQueary: Tôi tin là thế, có, thưa bà.

Công tố viên: Và anh có giải thích với ông ta là anh nghe thấy những tiếng vỗ không?

McQueary: Có.

Công tố viên: Được rồi. Ông ta đã... Tôi sẽ không hỏi anh việc ông ta nói gì. Phản ứng của ông ta là gì? Cử chỉ của ông ta là gì?

McQueary: Buồn thỉu. Ông ta buông thõng người xuống ghế và úp tay lên mặt, đôi mắt ông ta rất buồn bã.

Paterno báo cáo chuyện này với sếp của ông ta, giám đốc thể thao của trường Penn State, Tim Curley. Curley báo cáo với một lãnh đạo cấp cao khác của trường đại học, Gary Schultz. Sau đó, Curley và Schultz báo cáo với hiệu trưởng của trường, Graham Spanier. Một cuộc điều tra diễn ra sau đó. Rồi cũng đến lúc Sandusky bị bắt giữ, và trong phiên tòa xét xử ông ta, một câu chuyện không thể tin nổi đã bật ra. Tám thiếu niên làm chứng buộc tội Sandusky đã xâm hại các em hàng trăm lần trong suốt nhiều năm, trong phòng khách sạn và trong các phòng thay đồ, thậm chí là ngay trong tầng hầm nhà ông ta khi mà vợ ông ta ở ngay trên lầu. Sandusky bị kết tội 45 lần xâm sỡ trẻ em. Penn State phải trả trên 100 triệu đô-la tiền thỏa thuận cho các nạn nhân^[11]. Ông ta trở thành - như tiêu đề một cuốn sách về vụ này đã viết - “người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ”.

[11] . Vào thời điểm ấy, đây là con số kỷ lục mà một trường đại học Mỹ phải bồi thường trong một vụ lạm dụng tình dục. Tuy nhiên, chỉ ít lâu sau kỷ lục trên bị phá vỡ với vụ Larry Nassar ở Đại học Tiểu bang Michigan, trong đó số tiền bồi thường mà trường họ phải trả cho các nạn nhân lên tới 500 triệu đô-la.

Tuy vậy, sự thật rúng động nhất trong vụ án Sandusky lại là cụm từ “Rồi cũng đến lúc”. McQueary trông thấy Sandusky trong phòng tắm vào năm 2001. Cuộc điều tra nhắm vào hành vi của Sandusky chỉ bắt đầu gần một thập kỷ sau đó, và Sandusky không bị bắt giữ cho đến tận tháng 11 năm 2011. Tại sao lại lâu như thế? Sau khi Sandusky bị tống vào nhà giam, mọi sự chú ý dồn vào đầu tàu lãnh đạo của Đại học Penn State. Joe Paterno, huấn luyện viên của đội bóng, từ chức trong tủi hổ và qua đời không lâu sau đó. Một bức tượng của ông ấy được dựng lên vài năm trước bị kéo đổ. Tim Curley và Gary Schultz, hai quản lý cốt cán của trường mà McQueary đã gặp bị kết tội thông đồng, cản trở công lý và không tố cáo xâm hại trẻ em^[12]. Cả hai cùng bị vào tù. Và cho đến đoạn cuối cùng, các công tố viên chuyển hướng sự chú ý sang hiệu trưởng của trường, Graham Spanier. Ông là người đã lãnh đạo ngôi trường trong vòng 16 năm và tạo ra sự chuyển đổi danh tiếng của ngôi trường. Ông được yêu mến. Tháng 11 năm 2011, ông bị sa thải. Sáu năm sau, ông bị buộc tội gây nguy hiểm cho trẻ em^[13].

[12] . Tội danh còn bao gồm khai man (sau đó nhanh chóng được bỏ qua) và tội gây nguy hiểm cho trẻ em. Sau cùng, cả hai người đều chỉ bị kết tội “gây nguy hiểm cho trẻ em” để được bỏ qua tất cả các tội trạng khác.

[13] . Vào thời điểm cuốn sách này được mang đi in, cáo trạng của Spanier được một thẩm phán liên bang tuyên không đủ chứng cứ, chỉ một ngày trước khi ông ta đáng lẽ bị chuyển sang giam giữ. Liệu các công tố viên có tiếp tục kháng cáo hay không - vào thời điểm in sách - thì chưa rõ.

Vào giữa lúc cao điểm của vụ việc gây tranh cãi, Sandusky đã trả lời phỏng vấn biên tập viên thể thao của đài NBC Bob Costas.

Costas: Ông nói rằng ông không phải là một kẻ ấu dâm.

Sandusky: Phải.

Costas: Nhưng chính ông từng thừa nhận từng tắm chung với các cậu bé nhỏ tuổi. Rất không đứng đắn... Đã có rất nhiều báo cáo cho thấy ông lên giường với các bé trai, những cậu bé ở lại nhà ông trong một căn phòng dưới tầng hầm. Ông đánh giá thế nào về những việc này? Và nếu ông không phải là một kẻ ấu dâm, thì ông là gì?

Sandusky: Ừm, tôi là người có mối quan tâm mạnh mẽ... Tôi là người đam mê nhiệt huyết với việc tạo ra sự thay đổi trong cuộc sống của những thanh niên trẻ. Tôi đã cố gắng rất nhiều để có thể kết nối với các em...

Costas: Nhưng chẳng phải những gì ông vừa mô tả là thói quen của rất nhiều kẻ ấu dâm?...

Sandusky: Ừm - ông có thể suy nghĩ theo hướng ấy. Tôi không biết.

Sandusky cười một cách gượng gạo, cố đưa ra một lời giải thích tự bào chữa dài. Và rồi:

Costa: Ông có bị hấp dẫn giới tính với các cậu bé chưa thành niên?

Sandusky: Ý ông là tôi có bị hấp dẫn giới tính với các trẻ trai chưa thành niên không?

Một quãng ngừng.

Costas: Phải.

Lại một quãng ngừng nữa.

Sandusky: Hấp dẫn giới tính, ông biết đấy, tôi - tôi thích những người trẻ tuổi. Tôi - tôi thích gần gũi chúng. Tôi - tôi - nhưng không, tôi không bị hấp dẫn giới tính với các trẻ trai thiếu niên.

Graham Spanier đã đề một gã như *thế* đi lại tự do trong khuôn viên trường Penn State.

Nhưng đây là câu hỏi của tôi, sau khi đã biết đến các trường hợp của Ana Montes, Bernie Madoff, Harry Markopolos và từng chi tiết bằng chứng được Tim Levine bày biện cho thấy sự thể khó khăn đến thế nào khi chúng ta muốn vượt qua tâm lý mặc định với sự thành thật của mình: bạn có nghĩ rằng nếu mình là hiệu trưởng của Penn State, khi đối diện với cùng một bộ thông tin và câu hỏi, bạn sẽ hành xử khác đi chút nào không?

2. Jerry Sandusky lớn lên ở Washington, Pennsylvania. Bố ông ta là người đứng đầu một trung tâm thể thao cộng đồng địa phương, chuyên tổ chức các chương trình thể thao cho trẻ em. Gia đình Sandusky sống ở lầu trên. Nhà của họ ngập đầy các loại bóng chày, bóng rổ và bóng bầu dục. Trẻ con ở khắp mọi nơi. Khi trưởng thành, Sandusky đã tái tạo lại thế giới tuổi thơ của mình. Con trai của Sandusky là E.J từng có lần mô tả cha là “một giám đốc sân chơi kiệt sức”. Sandusky thường tổ chức những trận đấu bóng đá trong vườn nhà và E.J kể rằng: “Cha sẽ lôi kéo từng đứa trẻ vào tham gia. Chúng tôi từng có những trận bóng đá lớn nhất nước Mỹ - những trận cầu có đến 40 cầu thủ”. Sandusky và vợ, Dottie, nhận sáu đứa trẻ làm con nuôi và tình nguyện nuôi dưỡng rất nhiều trẻ khác. “Họ nhận đỡ đầu rất nhiều trẻ em đến nỗi ngay cả những người bạn thân nhất của họ cũng không thể nhớ hết được đứa nào với đứa nào”, Joe Posnanski viết như vậy trong một cuốn tiểu sử về sếp của

Sandusky, Joe Paterno. “Lúc nào cũng có trẻ em bao quanh Sandusky, nhiều đến nỗi trẻ em đã trở thành một phần danh tính của ông ta”.

Sandusky là người nhắng nhít và láu lỉnh. Phần nhiều trong cuốn tự truyện của Sandusky - mà tiêu đề, thật kỳ lạ, có tên là *Touched* (Cảm động/Động chạm) - dành để kể những câu chuyện khôi hài của ông ta: như lần ông ta bôi muội than lên bàn phím điện thoại của thầy giáo dạy hóa học, lần ông ta cãi cọ với nhân viên cứu hộ vì thô bạo với các con của ông ta ở bể bơi công cộng. Cuốn sách dành bốn trang rưỡi để kể về chuyện ông ta đứng ra tổ chức trò chiến đấu bóng nước thời đại học. “Tôi cứ đi đến đâu thì chắc chắn là rắc rối theo đến đấy”, Sandusky viết. “Tôi dành một phần đáng kể của cuộc đời mình để sống trong thế giới tưởng tượng”, ông ta tiếp tục. “Tôi thích đóng giả là một đứa trẻ, và tôi thích chơi đùa, dẫu đã là một người trưởng thành, với những đứa trẻ ấy. Nhập vai đã luôn là một phần của con người tôi”.

Vào năm 1977, Sandusky thành lập một quỹ từ thiện có tên Second Mile. Đó là một chương trình văn thể mỹ dành cho những cậu bé cần trợ giúp. Trong nhiều năm, hàng ngàn đứa trẻ từ những khu vực nghèo khổ hoặc gia đình không ổn định trong khu vực đã tham gia chương trình. Sandusky đưa những đứa trẻ Second Mile của mình đến các trận đấu bóng bầu dục. Ông ta vật nhau với chúng. Ông ta tặng chúng quà cáp, viết thư cho chúng, đưa chúng đi chơi, và mời chúng đến nhà. Rất nhiều đứa trẻ trong số này là con của những người mẹ đơn thân. Ông ta cố gắng trở thành người cha mà chúng không bao giờ có.

“Nếu Sandusky không có khía cạnh đầy tính con người như thế, thì hẳn là xung quanh [Penn State] sẽ muốn được phong thánh cho ông”, một cây bút của tờ *Sport Illustrated* đã nói nhân dịp Sandusky nghỉ hưu và thôi làm trợ lý huấn luyện đội bóng bầu dục của trường Penn State. Đây là một phần của một bài báo, cùng thời điểm trên tờ *Philadelphia Inquirer*:

Hơn một lần gặp gỡ trong hành lang nhà nghỉ, bất cứ khi nào bạn bắt gặp ông và mở lời nói điều gì như một lời khen ngợi xa xôi nhất, ông sẽ đổ mắt lúng túng và một sự khiêm nhường thể hiện qua cái nhíu mắt sẽ ôm trọn gương mặt của ông. Ông dấn thân vào việc này không phải để được ghi nhận. Ông chơi ở vị trí phòng ngự trước hàng nghìn người. Nhưng khi ông mở cánh cửa và đón những đứa trẻ lang thang cơ nhỡ vào nhà, không có khán giả nào ở đó. Phẩm hạnh của người đàn ông này được đo bằng việc ông đã chọn làm những việc được hoàn thành khi không có những cặp mắt công chúng nhìn vào.

Câu hỏi đầu tiên về hành vi của Sandusky dấy lên vào năm 1998. Một cậu bé Second Mile trở về nhà sau một ngày ở cùng Sandusky, và mẹ cậu bé trông thấy tóc tai của cậu ướt sượt. Cậu bé nói em đã tập luyện với Sandusky, và sau đó cả hai đã vào tắm trong phòng thay đồ. Cậu bé kể rằng Sandusky đã vòng tay ôm cậu vào lòng và bảo, “Ta sẽ ghì chặt cho ruột gan con phòi cả ra”, Sau đó bé xúc cậu lên để “rũ dầu gội ra khỏi tóc cậu bé”, hai chân của em tì lên đùi của Sandusky^[14].

[14] . Đây không phải hành động bất thường đối với Sandusky. Ông ta toàn tắm chung với những đứa trẻ ở Second Mile sau mỗi lần tập luyện, và rất thích chơi các trò chơi trong phòng thay đồ. “Chuyện diễn ra là... đùa giỡn qua lại sẽ dẫn đến đoạn ông ấy bắt đầu trò chơi kiểu xà phòng đánh lộn”, một thành viên Secon Mile làm chứng tại phiên tòa Sandusky. “Trong mỗi khoang tắm đều có một lọ dầu gội, sữa tắm, và ông ấy sẽ bơm đầy vào tay rồi xoa lên nhau”.

Mẹ cậu bé nói chuyện với bác sĩ tâm lý Alycia Chambers về những gì đã xảy ra. Nhưng bà không biết phải lý giải sự việc đó như thế nào. “Liệu tôi có đang làm quá lên không?” bà hỏi Chambers. Trong khi đó, con trai bà lại không thấy có gì bất thường. Cậu bé tự mô tả mình là “đứa trẻ may mắn nhất trên thế giới” bởi vì khi cậu đi chơi với Sandusky, cậu được ngồi ở ngay đường biên trong một trận cầu của đội Penn State.

Trường hợp đó khép lại.

Sự vụ tiếp theo diễn ra mười năm sau đó, liên quan đến một cậu bé tên là Aaron Fisher, cậu bé này đã tham gia chương trình Second Mile từ hồi học lớp bốn. Cậu xuất thân trong một gia đình phức tạp. Cậu biết Sandusky rất rõ và đã có nhiều tối ngủ lại nhà ông ta. Mẹ cậu bé coi Sandusky như “một thiên thần”. Nhưng đến tháng 11 năm 2008, khi cậu được mười lăm tuổi, Fisher có nói với mẹ về chuyện cậu cảm thấy không thoải mái với hành vi của Sandusky. Sandusky đã ôm cậu rất chặt khiến lưng cậu kêu răng rắc. Ông ta sẽ vật nhau với cậu theo một kiểu rất khó tả.

Fisher được giới thiệu đến gặp một bác sĩ tâm lý trẻ em có tên là Mike Gillum, người tin rằng các nạn nhân bị lạm dụng tình dục đôi khi sẽ đào sâu chôn chặt những trải nghiệm của mình đến mức phải

cần rất nhiều săn sóc và kiên nhẫn thì họ mới chịu hé lộ. Ông tin rằng Sandusky đã lạm dụng tình dục đối với Fisher, nhưng Fisher không thể nhớ nổi điều đó. Fisher đã gặp bác sĩ tâm lý rất nhiều lần, đôi khi là hàng ngày, trong nhiều tháng liền, và được Gillum động viên, xoa dịu. Như một cảnh sát điều tra vụ này đã nói: “Cần phải mất hàng tháng trời để đưa trẻ đầu tiên [chịu nói ra]. Đầu tiên sẽ là, ‘Vâng, ông ấy sờ vai cháu’, sau đó cứ phải lặp đi lặp lại quá trình, và mãi cuối cùng mới đi được đến đoạn cậu bé kể cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra”. Tháng 3 năm 2009, Fisher mới nhận được cái gậy đầu thay cho câu trả lời khi được hỏi liệu cậu bé có quan hệ tình dục bằng miệng với Sandusky không. Đến tháng 6, cuối cùng cậu bé mới trả lời, “Có”.

Ở đây chúng ta có hai khiếu nại chống lại Sandusky trong một khoảng thời gian trải dài một thập kỷ. Tuy vậy, không vụ nào dẫn đến bắt giữ Sandusky. Tại sao? Một lần nữa, bởi do tâm lý mặc định với sự thành thật.

Liệu sự hoài nghi và ngờ vực có được đẩy lên đến mức độ người ta không thể giải thích qua loa như trường hợp đưa trẻ trong phòng tắm năm 1998? Không phải tất cả. Bác sĩ tâm lý của cậu bé đã viết một bản báo cáo về trường hợp này, lập luận rằng hành vi của Sandusky phù hợp với định nghĩa của một kẻ “giống kiểu mẫu của những kẻ ấu dâm xây dựng lòng tin và dần tiến tới các tiếp xúc thể xác được bọc trong bối cảnh một mối quan hệ ‘tình cảm’, ‘đặc biệt’”. Chú ý đến từ *giống kiểu*. Sau đó một nhân viên của Phòng Sức khỏe Cộng đồng ở Harrisburg được chỉ định điều tra trường hợp này, và ông này thậm chí còn ít dám chắc hơn. Ông ta nghĩ sự cố này được liệt vào khu vực “xám” liên quan tới “vấn đề giới hạn”.

Sau đó cậu bé được đánh giá lần hai bởi một nhà cố vấn tâm lý tên là John Seasock, người đã kết luận, “Dường như không có sự cố nào có thể được định danh là lạm dụng tình dục, cũng như không thấy xuất hiện hình mẫu logic liên tục và hành vi thường xuất hiện nhất quán ở những người trưởng thành có vấn đề liên quan đến lạm dụng tình dục trẻ em”. Seasock không nhìn ra vấn đề chút nào. Ông ta cho rằng nên có ai đó nói chuyện với Sandusky về việc làm sao để “tránh xa những tình huống nằm trong khu vực xám như thế về sau”.

Nhân viên xã hội và viên cảnh sát điều tra địa phương đến gặp Sandusky. Sandusky bảo rằng ông ta có ôm cậu bé nhưng “không có chút tính dục nào trong hành động đó”. Ông ta thừa nhận có tấm chung với các cậu bé khác trong quá khứ. Ông ta nói: “Thành thật với Chúa là không có gì xảy ra hết”. Và hãy nhớ, chính bản thân cậu bé cũng nói không có gì xảy ra. Vậy thì bạn làm gì? Bạn mặc định lời nói đó là thành thật.

Câu chuyện của Aaron Fisher chỉ là mơ hồ^[15]. Những gì Fisher nhớ được, trong suốt những cuộc trò chuyện với bác sĩ tâm lý và trong các phiên xét xử với bồi thẩm đoàn, liên tục đổi. Một lần cậu bé nói ngừng quan hệ tình dục bằng miệng vào tháng 11 năm 2007; lần khác cậu bảo việc đó bắt đầu vào mùa hè năm 2007 và kéo dài đến tháng 9 năm 2008; một lần khác cậu bảo việc đó bắt đầu vào năm 2008 và kéo dài đến năm 2009. Cậu nói đã thực hiện giao hợp bằng miệng cho Sandusky rất nhiều lần. Một tuần sau cậu lại phủ nhận chưa từng làm việc đó. Fisher làm chứng về Sandusky trước bồi thẩm đoàn hai lần vào năm 2009, nhưng dường như bồi thẩm

đoàn không cảm thấy cậu bé đáng tin cậy. Họ phủ quyết việc kết tội Sandusky.

[15] . Ý tưởng cho rằng những ký ức thương tổn bị đè nén và chỉ có thể được khơi dậy dưới sự hướng dẫn của liệu pháp - nói một cách giảm nhẹ nhất - gây tranh cãi. Xem phần Ghi chú với phần thảo luận sâu hơn về vấn đề này.

Cảnh sát bắt đầu tiến hành phỏng vấn một cách hệ thống những cậu bé khác trong chương trình Second Mile nhằm tìm kiếm những nạn nhân. Họ không thu được kết quả gì. Chuyện này diễn ra trong vòng *hai năm*. Công tố viên đảm nhiệm trường hợp này đã sẵn sàng đầu hàng. Bạn có ở đây một người đàn ông trưởng thành rất hay đùa giỡn với các cậu bé nhỏ tuổi. Một vài người có hoài nghi về Sandusky. Nhưng hãy nhớ, những hoài nghi không phải là kẻ thù của sự tin tưởng, mà là bạn đồng hành của nó.

Thế rồi, từ trên trời rơi xuống, vào tháng 11 năm 2010, văn phòng công tố viên nhận được một email nặc danh: “Tôi liên hệ với ông vì liên quan đến cuộc điều tra Jerry Sandusky”, bức thư viết. “Nếu ông vẫn chưa khép lại vụ này, thì ông cần liên hệ và phỏng vấn trợ lý huấn luyện viên bóng bầu dục của trường Penn State, Mike McQueary. Anh ta có thể đã chứng kiến một việc gì đó liên quan đến Jerry Sandusky và một đứa trẻ”.

Không phải những đứa trẻ tuổi teen hoảng loạn với ký ức nhạt nhòa. Với Michael McQueary, công tố viên cuối cùng cũng có được những phương tiện để biến chúng thành vũ khí chống lại Sandusky và ban lãnh đạo trường đại học. Một người đàn ông đã trông thấy vụ hiếp dâm, báo cho sếp của anh ta, và im phăng phắc, lặng như tờ - *trong mười một năm ròng*. Nếu bạn từng đọc về

trường hợp của Sandusky vào thời điểm đó, thì đó là phiên bản của câu chuyện bạn từng được nghe, loại bỏ đi tất cả những mơ hồ và hoài nghi.

“Các bạn biết đấy, có câu quyền lực tuyệt đối thì lũng đoạn một cách tuyệt đối”, công tố viên Laura Ditka đã nói trong lập luận khép lại phiên tòa của Spanier. “Và tôi muốn nói với các bạn rằng Graham Spanier đã bị lũng đoạn bởi chính quyền lực của ông ta, ông ta bị mờ mắt bởi sự chú ý của giới truyền thông và danh tiếng của ông ta; ông ta là một nhà lãnh đạo nhưng đã thất bại trong lãnh đạo”. Ở Penn State, kết luận cuối cùng là tất cả những tội lỗi của Sandusky là lỗi của hệ thống từ trên xuống dưới. Spanier đã đưa ra một lựa chọn, Ditka nói: “Thôi chúng cứ giữ bí mật”, bà tưởng tượng ông ta có thể nói thế với Curley và Schultz. “Ta sẽ không báo cáo. Ta sẽ không nói với nhà chức trách”.

Giá mọi sự đơn giản như thế.

3. Michael McQueary cao 1m95. Khi bắt đầu chơi vị trí phòng thủ cho đội Penn State, cân nặng của anh ta đăng ký là 102kg. Vào thời điểm sự cố trong phòng tắm diễn ra, anh ta 27 tuổi, đang vào thời kỳ sung sức nhất của tuổi trẻ. Sandusky nhiều hơn anh ta 30 tuổi, với một danh sách thuốc men dài như tờ sớ.

Câu hỏi đầu tiên: Nếu McQueary chắc chắn là tận mắt chứng kiến một vụ hiếp dâm, tại sao anh ta không nhảy vào và ngăn lại?

Trong phần ba của cuốn sách này, tôi sẽ kể câu chuyện về trường hợp tấn công tình dục tai tiếng ở trường đại học Stanford. Nó bị vỡ lở khi hai sinh viên cao học đạp xe qua khuôn viên trường lúc nửa đêm và bắt gặp một chàng trai và một cô gái trẻ nằm trên mặt đất. Người đàn ông ở trên, hi hục chuyển động. Người phụ nữ

nằm bất động phía dưới. Hai sinh viên tiến lại gần cặp đôi. Gã trai bỏ chạy. Hai sinh viên đuổi theo. Tình huống này có đủ dữ liệu ngờ vực khiến cho những sinh viên cao học này bật ra khỏi trạng thái giả định mặc nhiên rằng những gì đang diễn ra trên mặt đất là vô hại.

McQueary đối mặt với một tình huống ẩn chứa nhiều điều đáng ngờ hơn thế. Đó không phải là hai người trưởng thành. Đó là một người đàn ông và *một cậu bé*, cả hai cùng trần truồng. Nhưng McQueary không hề dấn tới. Anh ta trở lui, chạy lên lầu và gọi điện thoại cho bố. Bố anh ta bảo anh ta hãy về nhà. Sau đó, bố anh ta gọi cho một người bạn của gia đình, bác sĩ Jonathan Dranov, đến nhà để nghe câu chuyện của Michael.

Đây là Dranov, đã tuyên thệ trước tòa, tường thuật lại những gì McQueary đã kể cho ông ta:

Cậu ấy nói rằng nghe thấy những tiếng động, âm thanh tình dục. Tôi hỏi ý của cậu muốn nói tới điều gì. Và cậu ấy chỉ bảo, “Ừm, ông biết đấy, tiếng động, tiếng động tình dục”. Tôi không biết chính xác cậu ấy đang nói đến cái gì. Cậu ấy không miêu tả rõ hơn hay chi tiết hơn, nhưng khi tôi hỏi dồn, thì thấy rõ một điều là cậu ấy cũng không biết gì hơn so với những gì đã nói vào thời điểm ấy. Tôi hỏi cậu ấy đã nhìn thấy gì. Cậu ấy nói không nhìn thấy gì cả, nhưng đúng là cậu ấy đã run lên và căng thẳng.

Dranov là một bác sĩ khám chữa bệnh. Ông ta có trách nhiệm báo cáo bất cứ trường hợp lạm dụng trẻ em nào mà ông biết. Câu hỏi thứ hai: Vậy tại sao Dranov không trình báo nhà chức trách khi

nghe được câu chuyện của McQueary? Ông ta cũng được hỏi câu này trong phiên tòa.

Luật sư bào chữa: Giờ, ông đã hỏi đồn cậu ấy vào buổi tối hôm ấy và ông muốn biết chính xác cậu ấy đã nhìn thấy điều gì, nhưng theo tôi hiểu thì cậu ấy không nói cho ông biết cậu ấy đã nhìn thấy gì. Chính xác chứ?

Dranov: Chính xác.

Luật sư: Được rồi. Cậu ấy kể với ông - nhưng là khi rời khỏi cuộc gặp đó - và ông đã có ấn tượng rằng cậu ấy nghe thấy âm thanh tình dục. Chính xác chứ?

Dranove: Điều mà cậu ấy diễn giải giống như là âm thanh tình dục.

Điều mà *cậu ấy diễn giải* giống như là âm thanh tình dục.

Luật sư: Còn ông - kế hoạch mà ông vạch cho cậu ấy hoặc đề nghị cậu ấy báo cáo cho cấp trên của ông ta, Joe Paterno. Chính xác chứ?

Dranov: Đúng thế.

Luật sư: Ông không bảo cậu ta báo cáo lên Hội Bảo vệ Trẻ em và Thanh thiếu niên. Chính xác chứ?

Dranov: Điều đó chính xác.

Luật sư: Ông không bảo cậu ta nên báo cho cảnh sát. Chính xác chứ?

Dranov: Điều đó chính xác.

Luật sư: Ông không bảo cậu ta nên báo cho đội an ninh của trường?

Dranov: Điều đó chính xác...

Luật sư: Ông nghĩ rằng sẽ không hợp lý cho ông nếu báo cáo việc này dựa trên những gì được nghe. Chính xác chứ?

Dranov: Điều đó chính xác.

Luật sư: Và thực tình, lý do khiến ông không báo Mile McQueary báo cáo lên Hội Bảo vệ Trẻ em và Thanh thiếu niên hoặc báo cho cảnh sát là vì ông nghĩ rằng những gì Mike McQueary báo cho ông là chưa đủ chính đáng dành cho hạng mục báo cáo ấy. Chính xác chứ?

Dranov: Điều đó chính xác.

Dranov trực tiếp ngồi nghe câu chuyện của McQueary, vào *buổi tối xảy ra sự việc*, và ông ta không bị thuyết phục.

Sự việc còn trở nên rối rắm hơn thế. Đầu tiên McQueary nói rằng anh ta trông thấy Sandusky trong phòng tắm vào thứ sáu ngày 1/3/2002... Lúc ấy là kỳ nghỉ xuân. Anh ta nhớ rằng khuôn viên trường vắng hoe. Anh ta đã đến gặp Paterno vào ngày hôm sau - thứ bảy ngày 2/3. Nhưng khi các nhà điều tra quay lại lục tìm trong thư điện tử của trường đại học, họ phát hiện ra McQueary đã có sự nhầm lẫn ở đây. Ngày anh ta gặp gỡ với Paterno thực ra là một năm trước đó - thứ bảy ngày 10/2/2001 - nếu thế thì cho thấy sự cố trong phòng tắm phải diễn ra vào buổi tối hôm trước: thứ sáu ngày 9/2.

Nhưng điều này không hợp lý chút nào. McQueary nhớ rằng khuôn viên trường rất vắng vẻ vào buổi tối hôm anh ta trông thấy Sandusky trong phòng tắm. Nhưng vào tối thứ sáu tháng 2 hôm ấy thì khuôn viên trường Penn State không hề vắng vẻ. Hôm ấy đội khúc côn cầu của Penn State đấu với đội West Virginia tại sân băng Greenberg Pavilion ngay bên cạnh, trong một trận đấu bắt đầu vào lúc 9:15 phút. Chắc chắn là có rất nhiều đám đông tụ tập trên vỉa hè,

tràn về phía sân đấu. Và chỉ cách đó năm phút đi bộ là Trung tâm Bryce Jordan, nơi ban nhạc rock nổi danh Barenaked Ladies của Canada đang biểu diễn. Vào buổi tối đặc biệt đó, ở góc đó của Penn State là đám đông cuồng nhiệt.

John Ziegler, một phóng viên đeo bám vụ việc được dư luận quan tâm ở Penn State này đã lập luận rằng chỉ có một khả năng khả dĩ giải thích cho thời điểm tối thứ sáu hôm vắng vẻ đó là ngày mà McQueary chứng kiến sự việc thực ra là thứ sáu ngày 29/12/2000 - trong kỳ nghỉ Giáng sinh. Nếu giả thiết của Ziegler là đúng - và các lập luận của anh ta cũng rất thuyết phục - thì sẽ dẫn đến câu hỏi thứ ba: Nếu McQueary chứng kiến một vụ hiếp dâm, vậy tại sao anh ta lại đợi đến năm tuần sau - từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 2 - mới trình báo sự việc cho một cán bộ nào đó của trường đại học?^[16]

[16] . Chứng cứ mà Ziegler thu thập được về điểm này rất lý thú. Ví dụ, khi Dranov làm chứng trong phiên tòa xử Spanier, ông ta nói về sau ông đã gặp gỡ Gary Schulzt vào tháng 2, liên quan đến một vụ việc hoàn toàn khác và có nhắc đến sự vụ của Sandusky, “bởi vì việc này xảy ra trước sự cố kia chừng ba tháng và chúng tôi không nghe được thêm thông tin gì sau đó”. Liệu chúng ta có biết được chắc ngày tháng chính xác? Có lẽ không.

Ziegler là người lớn tiếng nhất trong số những người tin rằng Sandusky bị kết tội sai. Xem thêm: Mark Pendergrast, Người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ. Một số lập luận của Ziegler đưa ra được một số lý lẽ thuyết phục. Tìm hiểu cuộc tranh luận về những hoài nghi trong trường hợp của Sandusky, xin xem phần Ghi chú.

Công tố viên trong vụ Sandusky giả vờ như tất cả những chi tiết không rõ ràng và mập mờ này không hề tồn tại. Họ công bố với công chúng như thể tất cả mọi sự đều rõ ràng trắng đen. Bản cáo trạng dài 23 trang đầy bức xúc đưa ra vào tháng 11 năm 2011 đã cho thấy “người trợ lý đó” - tức McQueary - “đã trông thấy một cậu bé trần truồng... hai tay giơ lên chống tường, là đối tượng quan hệ tình dục qua hậu môn mà Sandusky trần truồng thực hiện”. Rồi ngay ngày hôm sau McQueary “đã đến nhà Paterno để trình báo những gì anh ta trông thấy”. Nhưng cả hai tuyên bố này đều không trùng khớp với hiện thực, đúng không?

Khi McQueary đọc được những lời này trong bản cáo trạng, anh ta gửi email cho Jonelle Eshbach, công tố viên của vụ này. Anh ta rất thất vọng. “Tôi cảm thấy các từ ngữ của mình đã bóp méo đi và không hoàn toàn thể hiện chính xác sự việc trong bản cáo trạng”, anh ta viết. “Tôi muốn đảm bảo rằng ông nhận được những sự thật thêm một lần nữa trong trường hợp tôi không nói rõ trước đó”. Và: “Tôi không thể nói 1000 phần trăm chắc chắn rằng đó khai man. Tôi không nhìn thấy hành động giao hợp. Đó là một hành động mang tính tính dục/hoặc vượt trên giới hạn cho phép theo quan điểm của tôi, bất kể đó là gì”. Anh ta muốn sửa lại bản ghi. “Tôi có những lựa chọn nào đối với lời phát biểu của tôi?” anh ta hỏi Eshbach.

Hãy thử nghĩ xem McQueary phải cảm thấy như thế nào khi đọc những lời lẽ đã bị Eshbach bóp méo. Anh ta đã chứng kiến một sự việc mà anh ta cho rằng nó rất bất ổn. Suốt năm tuần, trong khi anh ta vật lộn với lương tâm của mình, hẳn là anh ta cảm thấy rất căng thẳng. *Mình đã nhìn thấy cái gì? Liệu mình có nên nói gì không? Ngộ nhờ mình làm?* Rồi anh ta đọc được bản cáo trạng, và nhận ra

điều gì? Rằng các công tố viên, để phục vụ cho mục đích phía họ, đã đổi “vùng xám” thành trắng và đen. Và điều đó biến anh ta thành cái gì? Một kẻ hèn nhát đã chứng kiến vụ cưỡng hiếp, bỏ chạy về kẻ với bố mẹ, và không bao giờ báo cảnh sát.

“Cuộc sống của tôi đã thay đổi hoàn toàn, một cách khủng khiếp”, anh ta viết cho Eshbach. Người đàn ông tên Sandusky, người đã tắm với các bé trai nhỏ tuổi vào buổi tối muộn là một người lạ đối với McQueary, và Eshbach đã từ chối thừa nhận rằng thật khó khăn biết mấy khi cố gắng lý giải một người xa lạ. “Cuộc sống của gia đình tôi đã thay đổi chóng mặt”, McQueary viết tiếp. “Truyền thông quốc gia và ý kiến cộng đồng đã bám vằm, hủy hoại tôi bằng đủ mọi cách có thể. Để làm gì?”

4. Sẽ rất hữu ích nếu ta so sánh vụ bê bối của Sandusky với vụ thứ hai, một vụ quấy rối trẻ em thậm chí còn khủng khiếp hơn nổ ra mấy năm sau đó. Vụ này liên quan đến một bác sĩ ở Đại học Michigan có tên là Larry Nassar. Nassar là bác sĩ của đội tuyển Thể dục dụng cụ quốc gia Mỹ. Ông ta đeo mực kính, lẩm lờn và có chút gì kỳ quặc. Ông ta có vẻ vô hại. Ông ta tận tụy với bệnh nhân. Ông ta là kiểu người mà bạn có thể gọi lúc 2 giờ sáng và ông ta sẽ hộc tốc chạy tới. Các phụ huynh yêu mến ông ta. Ông ta chuyên trị các chấn thương liên quan đến hông, ống đồng, gót chân và vô số những chấn thương khác, hệ quả của việc tập luyện cao độ mà các cơ thể non trẻ của các vận động viên thể dục dụng cụ chuyên nghiệp phải gánh chịu.

Chuyên ngành của Nassar là điều trị một triệu chứng được biết đến với tên gọi “rối loạn chức năng sàn chậu”, việc điều trị này liên quan đến chuyện ông ta phải thò ngón tay vào bên trong âm đạo

của bệnh nhân để mát-xa các khối cơ và cân sàn chậu khi chúng bị sa xuống trong quá trình tập luyện thể dục dụng cụ. Ông ta đã thực hiện thủ thuật sàn chậu một cách liên tục và nhiệt tình. Ông ta tiến hành thủ thuật mà không cần sự đồng ý của phụ huynh, không đeo găng tay và khi không cần thiết. Ông ta sờ nắn bầu ngực của bệnh nhân. Ông ta dùng ngón tay xâm nhập vào hậu môn của họ mà không hề có lý do chính đáng. Ông ta sử dụng quy trình y khoa như một vỏ bọc cho ham muốn tình dục của riêng mình. Ông ta đã bị tòa án liên bang kết tội vào mùa hè năm 2017 và sẽ dành toàn bộ phần đời còn lại ở trong tù.

So với các vụ điều tra bê bối lạm dụng tình dục khác, thì trường hợp của Nassar trắng đen rõ ràng một cách đáng kinh ngạc. Đây không phải là cuộc giằng co kiểu “ông nói gà, bà nói vịt”. Cảnh sát khôi phục ổ cứng máy tính của Nassar và tìm được một thư viện ảnh trẻ em đồi trụy - 37.000 hình ảnh tất cả, trong đó có những hình ảnh trực quan không thể tưởng tượng nổi. Hắn ta có ảnh của các bệnh nhân trẻ tuổi, chụp cảnh các em ngồi trong bồn tắm của hắn để ngâm nước đá trước khi điều trị. Hắn không chỉ bị một người buộc tội, kể một câu chuyện gây tranh cãi. Mà hắn bị hàng trăm người buộc tội, kể những câu chuyện tương tự đáng kinh ngạc. Đây là Rachael Denhollander, người đưa ra những cáo buộc chống lại Nassar, chứng minh những luận điểm quan trọng dẫn đến kết tội hắn ta.

Mười lăm tuổi, tôi mắc chứng đau bụng dưới mãn tính, Larry đã tấn công tình dục tôi liên tục với danh nghĩa điều trị y khoa trong gần một năm. Ông ta làm điều đó ngay cả khi mẹ tôi có mặt

trong phòng khám, che chắn cẩn thận và hoàn hảo góc nhìn của bà để bà không biết ông ta đang làm gì.

Denhollander có bằng chứng, được ghi lại bằng văn bản.

Khi tôi quyết định ra mặt vào năm 2016, tôi đã mang toàn bộ hồ sơ bằng chứng theo mình... Tôi đã mang hồ sơ bệnh án do y tá điều trị ghi lại bằng đồ họa vạch trần sự lạm dụng... Tôi mang theo các cuốn nhật ký cho thấy nỗi đau tinh thần mà tôi đã phải chịu đựng kể từ khi bị tấn công... Tôi mang theo một nhân chứng mà tôi đã thổ lộ câu chuyện với họ... Tôi mang theo bằng chứng của thêm hai cô gái khác không có liên hệ quen biết với tôi, họ cho biết cũng bị tấn công tình dục.

Trường hợp của Nassar rõ như một cộng một bằng hai. Vậy nhưng phải mất bao lâu hẳn ta mới bị đưa pháp luật trừng trị? *Nhiều năm trời*. Larissa Boyce, một nạn nhân khác cho biết Nassar đã lạm dụng cô vào năm 1997, khi cô mười sáu tuổi. Và chuyện gì đã xảy ra? Không gì cả. Boyce nói chuyện với huấn luyện viên thể dục dụng cụ của trường Michigan State, Kathie Klages. Klages đối đầu trực diện với Nassar. Nassar phủ nhận tất cả. Klages tin Nassar, chứ không tin Boyce. Lời buộc tội làm dấy lên những nghi ngờ, nhưng không đủ nghi ngờ. Lạm dụng tiếp tục diễn ra. Trong phiên tòa xử Nassar, trong một khoảnh khắc đau đớn rớt nước mắt, Boyce trực tiếp nói với Nassar: “Tôi sợ rúm người khi nghĩ đến buổi khám tiếp theo bởi vì tôi sợ rằng Kathie sẽ nói với ông những lo ngại của tôi”, cô kể.

Và tiếc thay, tôi đã đúng. Tôi cảm thấy hổ thẹn và choáng ngợp vì tôi đã phải nói chuyện này với Kathie. Tôi vẫn nhớ như in lúc ông

bước vào phòng khám, khép cánh cửa lại, kéo ghế ngồi xuống trước mặt tôi và bảo: “Rồi, ta đã nói chuyện với Kathie”. Ngay khi nghe thấy những lời này, trái tim tôi rớt xuống. Lòng tin của tôi đã bị phản bội. Tôi chỉ muốn chui xuống một cái hố sâu nhất, tối tăm nhất và trốn đi.

Trong suốt sự nghiệp với vai trò là kẻ tấn công tình dục của Nassar, đến mười bốn lần những người có thẩm quyền được cảnh báo có điều gì đó không ổn với ông ta: các phụ huynh, huấn luyện viên, nhà chức trách. Không có gì diễn ra. Vào tháng 9 năm 2016, tờ *Indianapolis Star* đăng một tài liệu tội tộ về Nassar, đi kèm với các cáo buộc của Denhollander. Rất nhiều người thân cận với Nassar vẫn bảo vệ ông ta. Sếp của Nassar, Chủ nhiệm khoa Y học Chính hình của Đại học Michigan được cho là đã phát biểu trước các sinh viên rằng, “Điều này chứng tỏ không một ai trong số các bạn được học những bài cơ bản nhất trong y khoa, Y khoa Nhập môn... Đừng tin bệnh nhân. Bệnh nhân dối trá để đẩy bác sĩ vào vòng lao lý”. Kathie Klages đã yêu cầu các vận động viên thể hình trong nhóm ký tên vào một tấm thiệp gửi cho Nassar: “Nhớ đến ông”.

Chỉ đến khi người ta khám phá ra ổ cứng của Nassar có một kho hình ảnh kinh tởm thì cuối cùng suy nghĩ của mọi người mới thay đổi.

Khi những vụ bê bối như thế này nổ ra, hướng suy nghĩ đầu tiên của chúng ta là buộc tội những người chịu trách nhiệm vì đã bao che cho tội ác - đã bảo vệ ông ta, có mắt như mù, đã đặt lợi ích tiền bạc và danh tiếng của tổ chức lên trên sự thật. Chúng ta tìm kiếm những thuyết âm mưu đứng sau sự căm lạng. Nhưng trường hợp

của Nassar nhắc nhở chúng ta rằng thực tế cách phán đoán như vậy không chuẩn xác chút nào. Rất nhiều người bảo vệ Nassar là phụ huynh của các bệnh nhân của ông ta. Họ không hề tham gia vào bất cứ thuyết âm mưu im lặng nào để bảo vệ lợi ích tài chính hay danh tiếng của tổ chức nào. *Những đứa trẻ đó là con đẻ của họ.*

Đây là mẹ của một vận động viên thể dục dụng cụ - bản thân bà, thật trùng hợp, cũng là một bác sĩ y khoa - trong một cuộc phỏng vấn với tờ *Believed*, một chương trình truyền thanh trực tuyến (podcast) tuyệt vời về vụ bê bối Nassar. Người phụ nữ đó ngồi trong phòng khi Nassar chữa trị cho con gái của bà, cách bàn khám bệnh có vài mét.

Tôi nhớ rằng, từ chỗ tôi ngồi, tôi đã nhìn thấy cái gì rất có vẻ là cương dương. Tôi đã nghĩ: “Thật kỳ quặc. Điều này rất kỳ quặc. Tôi nghiệp ông này”. Tôi đã nghĩ, đại loại là thật lạ khi một bác sĩ lại cương dương trong phòng bệnh nhân, khi đang khám xét... Nhưng cùng lúc ấy, khi bạn cũng đang có mặt trong phòng khám, và ông ta đang thực hiện thủ thuật, bạn chỉ nghĩ rằng ông ta là một bác sĩ giỏi và ông ta đang làm hết khả năng cho con bạn. Ông ta tron tru đến thế. Ông ta thản nhiên đến thế.

Một ví dụ khác, một cô gái nhỏ tuổi đến gặp Nassar cùng với cha của mình. Nassar thò những ngón tay vào trong mình cô, trong khi bố cô cũng ngồi đó. Tối hôm ấy, nữ vận động viên kể chuyện với mẹ. Và đây là những gì người mẹ nhớ lại thời khắc ấy.

Tôi nhớ chuyện đó như thể nó vừa diễn ra cách đây năm giây đồng hồ. Tôi đang lái xe, con bé ngồi bên cạnh và bảo, “Larry đã

làm cái gì với con hôm nay khiến con cảm thấy không thoải mái”.

Và tôi hỏi: “Gì cơ, ý con là sao?”

“Ông ta... chạm vào con”.

Tôi hỏi: “Ừm, chạm vào chỗ nào con?”

Và con bé nói: “Dưới đây”. Và trong suốt thời gian bạn biết con mình đang nói đến điều gì nhưng bạn cũng đang cố lý giải rằng không thể nào có chuyện đó được.

Người mẹ gọi điện thoại cho chồng mình để hỏi xem liệu có lúc nào ông ấy bước ra khỏi phòng trong suốt cuộc khám chữa không? Ông ấy bảo rằng không hề.

Và... xin Chúa tha lỗi, tôi đã bỏ qua chuyện đó. Tôi cất chuyện đó vào tủ đựng giấy tờ của cha mẹ cho đến tận năm 2016.

Sau này, tất cả các câu chuyện đều bắt đầu cùng một kiểu. Đây là một phụ huynh khác:

Con bé ngồi trong xe rất lặng lẽ, căng thẳng và bảo: “Ba ơi, ông ta không giúp con đỡ đau lưng. Thôi mình đừng đến đây nữa”. Nhưng đây là Larry cơ mà. Đây là bác sĩ thể dục dụng cụ. Nếu ông ta không thể chữa cho con bé, thì không ai có thể làm được điều đó. Chỉ Chúa mới có nhiều tài năng hơn Larry. “Hãy kiên nhẫn, con yêu. Việc này cần thêm thời gian. Việc gì tốt cũng cần thời gian”. Đó là những điều chúng tôi luôn dạy con cái mình. Vì thế, tôi lại bảo, “Được rồi. Chúng ta sẽ quay trở lại đó vào tuần sau. Và cả tuần sau nữa. Rồi thế nào con cũng thấy tiến triển”.

Con bé bảo: “Vâng ạ. Ba hiểu chuyện mà. Con tin nhận định của ba”.

Sự thật là điều kinh khủng khiếp mà Nassar đã làm chính đặt các phụ huynh ở vào vị trí vô cùng khó khăn. Nếu Nassar tỏ ra thô lỗ với con gái họ, họ sẽ lên tiếng ngay lập tức. Nếu trên đường về, các cô bé kể với bố mẹ rằng các em người thấy mùi rượu trong hơi thở của Nassar, hầu hết các phụ huynh sẽ nhảy dựng lên chú ý. Không phải là không có những bác sĩ đôi lúc thô lỗ hoặc có hơi men khi làm việc. Mặc định với sự thành thật đã trở thành một vấn đề khi chúng ta bị buộc phải lựa chọn giữa hai khả năng, một là rất có thể và hai là không thể tưởng tượng nổi. Liệu Ana Montes có phải là gián điệp Cuba leo lên vị trí cao nhất trong lịch sử hay là do Reg Brown bị ám ảnh thái quá? Mặc định với sự thành thật làm chúng ta thiên kiến ưu tiên cách diễn giải phù hợp nhất. Scott Carmichael tin Ana Montes, cho đến tận giờ phút mà sự tin tưởng ấy trở thành một khả năng hoàn toàn bất khả dĩ. Các bậc cha mẹ cũng tương tự, không phải do họ xao lãng cầu thả mà bởi vì đó là cách tạo hóa sinh ra của hầu hết những con người bình thường.

Trên thực tế, rất nhiều cô gái bị ông ta lạm dụng đã bảo vệ Nassar. Họ cũng không thể vượt qua được sự mặc định với sự thành thật. Trinea Gonczar đã được Nassar điều trị tổng cộng 856 lần trong suốt sự nghiệp thể dục dụng cụ của mình. Khi một đồng đội của Gonczar nói chuyện rằng Nassar đã thò tay vào trong cơ thể cô, Gonczar đã cố gắng trấn an bạn: “Ông ấy cũng làm thế với tớ suốt mà!”

Khi tờ *Indianapolis Star* vạch trần bộ mặt của Nassar, Gonczar vẫn đứng về phía ông ta. Cô ấy nghĩ rằng ông ta bị đổ tội oan. Tất cả trở thành một đống rối mù. Vậy khi nào thì cô ấy mới nhận ra sự thật? Chỉ khi những bằng chứng chống lại Nassar trở nên quá sức

choáng váng. Tại phiên tòa xử Nassar, khi Gonczar hòa chung tiếng nói với các nạn nhân khác để làm chứng chống lại ông ta, cuối cùng cô ấy cũng từ bỏ những nghi ngờ của mình:

Tôi đã phải đưa ra một lựa chọn cực kỳ khó khăn trong tuần này, Larry. Tôi đã phải chọn có nên tiếp tục ủng hộ ông vượt qua chuyện này hay là ủng hộ họ: các cô gái. Tôi chọn họ, Larry. Tôi chọn yêu thương và bảo vệ họ. Tôi chọn ngừng lo lắng cho ông và ủng hộ ông. Tôi chọn nhìn thẳng vào mặt ông và cho ông biết rằng ông đã làm chúng tôi đau đớn, ông đã làm tôi đau đớn... Tôi hy vọng ông sẽ nhìn thấy điều đó ở trong mắt tôi ngày hôm nay, rằng tôi đã luôn tin tưởng ông cho đến khi tôi không thể tin được nữa. Tôi hy vọng ông phải khóc như chúng tôi đã khóc. Tôi hy vọng ông cảm thấy tội tệ vì những việc ông đã làm. Tôi hy vọng rằng mỗi ngày qua đi những cô gái này sẽ cảm thấy bớt đau đớn hơn một chút. Tôi hy vọng ông cũng mong muốn điều đó cho chúng tôi, nhưng đây là lời vĩnh biệt đến ông, Larry, và lần này, đã đến lúc tôi phải đóng cánh cửa lại. Đã đến lúc tôi phải đứng về phía những cô gái bé nhỏ này và không thể đứng cạnh ông thêm một chút nào nữa, Larry.

Vĩnh biệt, Larry. Cầu Chúa tha thứ cho tâm hồn đen tối và đổ vỡ của ông.

Tôi đã tin ông cho đến khi tôi không còn có thể tin ông được nữa.
Đó chẳng phải là tuyên bố gần như hoàn hảo nhất cho sự mặc định đối với sự thật?

Mặc định với sự thành thật hiện diện ngay cả trong những trường hợp mà kẻ thủ ác có 37.000 hình ảnh trẻ em đòi truy trong ổ cứng, và hẳn ta từng bị cáo buộc không biết bao nhiêu lần, bởi biết bao nhiêu người, trong suốt sự nghiệp của mình. Vụ Nassar là một ca trắng đen rõ ràng - ấy thế mà vẫn còn có những hoài nghi. Giờ hãy thử tưởng tượng cùng một tình cảnh, chỉ có điều trường hợp này *không* trắng đen rõ ràng. Đó chính là trường hợp của Sandusky.

5. Sau khi những buộc tội chống lại Sandusky được đăng tải công khai, một trong những nhân vật trung thành bảo vệ cho Sandusky nhất là cựu thành viên của Second Mile có tên Allan Myers. Khi cảnh sát Pennsylvania phỏng vấn những đứa trẻ từng tham gia chương trình Second Mile nhằm tìm kiếm bằng chứng chống lại Sandusky, họ đã liên hệ với Myers, và anh ta cứng rắn phủ định. “Myers nói rằng anh ta không tin những cáo buộc đưa ra, và rằng những người buộc tội... chỉ làm thế để kiếm chác”, báo cáo của cảnh sát ghi. “Myers vẫn tiếp tục giữ liên lạc với Sandusky một hoặc hai lần mỗi tuần qua điện thoại”. Myers nói với cảnh sát rằng anh ta đã tắm chung với Sandusky trong phòng thay đồ rất nhiều lần sau khi tập luyện và không hề có gì bất nhã từng xảy ra.

Hai tháng sau, Myers còn đi xa hơn. Anh ta bước vào văn phòng luật sư được ủy quyền của Sandusky và tiết lộ một sự thật đáng kinh ngạc. Sau khi đọc các chi tiết trong câu chuyện của McQueary, anh ta nhận ra chính *anh ta* là cậu bé trong phòng tắm tối hôm ấy. Curtis Everhart, một nhân viên điều tra làm việc cho luật sư của Sandusky đã viết bản tường thuật cuộc phỏng vấn của ông ta với Myers. Đây là đoạn trích dẫn nguyên văn:

Tôi câu hỏi rõ ràng: “Jerry có bao giờ chạm vào anh theo cách khiến anh cảm thấy thiếu đứng đắn, hoặc tạo cho anh cảm giác gợn gợn vì ông ta xâm lấn không gian riêng tư của anh?” Myers trả lời rành rẽ từng từ một, “Chưa bao giờ xảy ra chuyện như thế”.

Myers tuyên bố: “Tôi chưa có lúc nào ở gần Jerry mà lại từng [cảm thấy] khó chịu hay bị đe dọa. Tôi coi Jerry như một người cha mà tôi không bao giờ có”.... Myers tiếp tục kể rằng vào trận đấu cuối cùng trên sân nhà của học sinh năm cuối ở trường Trung học West Branch: “Tôi đã đề nghị Jerry bước ra sân thể thao cùng với mẹ của tôi. Loa phóng thanh thông báo ‘Cha Jerry Sandusky’ đi kèm với tên của mẹ tôi.

“Tôi đã mời Jerry và Dottie đến dự đám cưới của mình. Tại sao tôi lại mời Jerry, người cha tượng trưng của tôi đến trận đấu cuối cùng trên sân nhà, và khi trường nhờ tôi mời Jerry đến nói chuyện tại lễ tốt nghiệp, mà ông ấy đã nhận lời, nếu như có vấn đề gì đó... Tại sao tôi lại đi xem các trận đấu, đến nhà của ông ấy, và thực hiện tất cả những chuyến đi ấy nếu như Jerry đã lạm dụng tôi? Nếu chuyện đó từng xảy ra, tôi hẳn sẽ phải muốn tránh xa ông ta hết mức có thể”.

Myers miêu tả cái đêm đang được nhắc đến một cách sáng rõ:

Myers cho biết anh ta và Jerry vừa hoàn thành xong một bài tập luyện và vào khu vực thay đồ để tắm. “Tôi thường tập luyện một hoặc hai lần một tuần, nhưng buổi tối hôm đó đặc biệt đáng nhớ trong tâm trí tôi. Chúng tôi cùng tắm, Jerry và tôi vừa quật khăn tắm vào người nhau vừa cố gắng chọc ghẹo người còn lại. Tôi quật khăn lên tường và sẽ trượt dưới sàn tắm, mà tôi tin chắc là

người khác có thể nghe thấy những tiếng động ấy từ khu vực tủ đồ bên ngoài. Trong khi chúng tôi đang trêu đùa vui vẻ như tôi vừa miêu tả, tôi nghe thấy tiếng động từ cánh cửa tủ đồ, tiếng động mà tôi chưa từng nghe thấy trước đó. Tôi không hề trông thấy ai đóng cánh cửa đó. Biên bản của bồi thẩm đoàn nói McQueary nói là trông thấy Jerry và tôi đã thực hiện một hoạt động tình dục. Điều này không đúng sự thật và McQueary đang không nói sự thật. Không có chuyện gì xảy ra vào buổi tối hôm đó trong phòng tắm”.

Tuy vậy, vài tuần sau, Myers ký kết với một luật sư đại diện cho một số nạn nhân tố cáo Sandusky. Myers sau đó đến khai báo với cảnh sát và thay đổi hoàn toàn giọng điệu. Anh ta *từng là* một trong những nạn nhân của Sandusky, giờ anh ta lại nói như vậy.

Sẽ không ai trách cứ bạn nếu như bạn cũng thấy câu chuyện này rối rắm khó hiểu. Cậu bé trong phòng tắm là nhân chứng quan trọng nhất của toàn bộ vụ việc. Các công tố viên hối hả tìm kiếm cho được người này, bởi vì nhân vật này sẽ là chiếc đinh cuối cùng đóng vào quan tài của Sandusky. Vì thế, khi cậu ta xuất hiện, phủ nhận không có gì diễn ra, và rồi ngay lập tức thay đổi 180 độ lời khai, nói rằng có chuyện gì đó *đã xảy ra*. Vậy Myers có trở thành nhân chứng chủ chốt khép tội tại phiên tòa của Sandusky không? Điều đó nghe rất hợp lý. Anh ta là mảnh ghép quan trọng nhất trong toàn bộ bài toán đố. Không! Bên công tố đã để anh ta ngồi nhà bởi vì họ thấy không đủ tin cậy trong câu chuyện của anh ta^[17].

[17] . Báo cáo của bên công tố về Allan Myers rất lạ lùng. Một nhân viên điều tra tên là Michael Corricelli đã nói chuyện với luật sư

của Myers, và được luật sư của Myers cho biết thân chủ của ông ta giờ đây tuyên bố rằng anh ta đã liên tục bị Sandusky cưỡng hiếp. Luật sư trình ra một văn bản dài ba trang được cho là do chính Myers viết, trong đó miêu tả chi tiết việc anh ta bị Sandusky lạm dụng như thế nào. Nhóm công tố đã đọc bản báo cáo và nghi ngờ rằng nó hoàn toàn không phải do Myers viết mà do luật sư của anh ta viết. Cuối cùng, bên công tố từ bỏ, và bỏ qua một trong những nhân vật quan trọng nhất trong toàn bộ vụ án.

Lần duy nhất mà Myers từng xuất hiện trước tòa là để làm chứng trong phiên kháng cáo của Sandusky. Sandusky đã đề nghị anh ta đến làm chứng, với hy vọng mong manh rằng Myers quay lại lời khai ban đầu và nói rằng không có gì xảy ra trong phòng tắm. Myers không nói như vậy. Khi luật sư của Sandusky đọc lại cho Myers nghe lời khai của anh ta trước đó hơn một năm, nói rằng Sandusky vô tội, Myers chỉ ngồi đó, mặt lạnh băng và lặng thinh với tất cả, với cả tấm ảnh của anh ta đứng vui vẻ bên cạnh Sandusky. Những người trong bức ảnh này là ai? Luật sư của Sandusky hỏi.

Myers: Là chính tôi và khách hàng của ông.

Luật sư biện hộ: Và tấm ảnh này được chụp vào lúc nào? Nếu ông còn nhớ.

Myers: Điều đó thì tôi không nhớ.

Đó là bức ảnh của Myers và Sandusky trong đám cưới của Myers. Tổng cộng anh ta nói anh ta không nhớ gì tất cả 34 lần.

Sau đó là Brett Swisher Houtz, một đứa trẻ thuộc chương trình Second Mile rất gần gũi thân thiết với Sandusky. Anh ta có lẽ là nhân chứng đáng thương nhất trong phiên tòa của Sandusky. Houtz nói rằng đã thường xuyên bị tấn công và lạm dụng - trong đó hàng

tá lần bị ép vào những trò tình dục tởm lợm với Sandusky suốt những năm mới lớn, trong phòng tắm, phòng xông hơi và cả phòng khách sạn.

Công tố viên: Ông Houtz, ông có thể cho các quý bà và quý ông trong bồi thẩm đoàn biết có khoảng bao nhiêu lần, trong khu vực tử đồ phía Tây hoặc trong phòng tắm của tòa nhà Lasch, bị can... đã nhét dương vật của ông ta vào miệng ông?

Houtz: Ít nhất là 40 lần.

Công tố viên: Ông có muốn ông ta làm thế không-Houtz: Không.

Công tố viên: -- một lần nào trong số đó?

Houtz: Không.

Sau đó vợ của Sandusky, Dottie được gọi lên bục nhân chứng. Bà ta được hỏi lần cuối bà ta và chồng gặp Brett Houtz là khi nào. D. Sandusky: Tôi nghĩ là ba năm trước, hoặc hai năm trước. Tôi không chắc.

Câu chuyện mà Houtz kể về kẻ lạm dụng được cho là xảy ra vào những năm 1990. Theo như Dottie Sandusky nói, thì sau hai thập kỷ là nạn nhân bị lạm dụng tàn bạo và liên tục, Houtz bắt chợt quyết định ghé thăm.

Luật sư bào chữa: Bà có thể kể cụ thể hơn về lần ghé thăm đó?

D. Sandusky: Vâng. Jerry nhận được một cuộc điện thoại. Đó là Brett. Cậu ấy bảo, cháu muốn ghé thăm. Cháu muốn dẫn bạn gái và em bé đến thăm ông bà. Đưa bé chừng hai tuổi. Họ đến chơi, và bạn của tôi là Elaine Steinbacher cũng có mặt ở đó. Chúng tôi đi ra ngoài, mua gà rán Kentucky, và ăn tối cùng nhau. Đó là một cuộc thăm viếng rất vui vẻ.

Trong vụ của Nassar, đây là một ví dụ phức tạp hơn rất nhiều so với Trineea Gonczar. Gonczar luôn thấy có điều gì đó trong các buổi khám chữa của cô với Nassar. Cô đã lựa chọn cách diễn giải hành động của ông ta là bình thường - với những lý do hoàn toàn có thể hiểu được - cho đến khi cô nghe những lời làm chứng của các vận động viên đồng đội trong phiên tòa xử Nassar. Ngược lại, Sandusky không thực hành bất cứ hoạt động y khoa nhập nhằng nào. Ông ta đã thực hiện những hành vi bạo hành tình dục lặp đi lặp lại. Và những người được cho là nạn nhân không diễn giải sai những gì ông ta làm với họ. Họ hành động như thể không có gì xảy ra. Họ không hé một lời nào với bạn bè. Họ không viết ra những lời buộc tội giận dữ trong nhật ký. Họ ghé thăm, sau nhiều năm, để khoe con cái với người đàn ông đã cưỡng hiếp họ. Họ mời kẻ cưỡng hiếp đến dự đám cưới của mình. Một nạn nhân tầm chung với Sandusky và tự nhận mình là “đứa trẻ may mắn nhất trên thế giới”. Một cậu bé khác xuất hiện với một câu chuyện, sau nhiều tháng được một nhà tâm lý trị liệu đồng viên, thì không thể thuyết phục được bồi thẩm đoàn.

Các vụ lạm dụng tình dục là cực kỳ *phức tạp*, được bọc gói trong tầng tầng lớp lớp của sự hồ thẹn, chối bỏ và ký ức mù sương; một số ít những trường hợp có sự phức tạp vô cùng như trong vụ án của Jerry Sandusky. Giờ hãy nghĩ xem những thứ phức tạp như thế có ý nghĩa thế nào đối với những người buộc phải lý giải tất cả những sự đối ngược lộn tùng phèo ấy. Luôn luôn tồn tại những nghi ngờ đối với Sandusky. Nhưng làm thế nào bạn có được *đủ* nghi ngờ khi mà các nạn nhân đang cùng ăn món gà rán Kentucky vui vẻ với chính kẻ đã lạm dụng họ?

6. Vậy là: McQueary tới gặp cấp trên của ông ta, Joe Paterno vào một ngày thứ bảy. Một Paterno đầy nghi ngại ngồi xuống với Tim Curley và Gary Schultz vào ngày hôm sau, Chủ Nhật. Họ lập tức gọi cho hội đồng trường đại học và sau đó báo cáo lên hiệu trưởng, Graham Spanier, vào thứ hai tuần sau. Sau đó Curley và Schultz gọi Mike McQueary tới.

Bạn có thể tưởng tượng những gì Curley và Schultz đã nghĩ gì khi họ lắng nghe McQueary nói: Nếu đó thật sự là một vụ cưỡng hiếp, tại sao cậu không nhảy vào ngăn cản? Nếu điều mà cậu trông thấy thực sự có vấn đề, tại sao không một ai - bao gồm cả bạn của gia đình cậu, một bác sĩ - không báo cảnh sát? Và nếu cậu - Mike McQueary - cảm thấy bực bội đến thế về những gì cậu chứng kiến, tại sao cậu lại phải chờ đợi lâu như vậy rồi mới báo cho chúng tôi?

Sau đó Curley và Schultz hỏi ý kiến một nhóm tham vấn bên ngoài trường đại học. Nhưng McQueary cũng không cung cấp cho họ thêm mấy thông tin. Họ đi đến kết luận theo bản năng - như tất cả chúng ta đều thế - bằng cách giải thích ngây ngô nhất trong tất cả: Có lẽ chỉ đơn giản là Jerry cợt nhả. Luật sư của Penn State, Wendell Courtney, nhớ lại cuộc trò chuyện với Gary Schultz.

Courtney: Tôi hỏi rằng liệu trò cợt nhả liên quan đến Jerry và cậu bé nhỏ tuổi có khi nào ẩn chứa tính dục trong bản chất không. Và ông ta cho tôi biết rằng không phải như thế, theo hiểu biết của ông ta... Góc nhìn của tôi, ít nhất là khi nó được miêu tả cho tôi nghe và khi tôi nói chuyện với ông Schultz, thì nó đúng như nó là, anh biết đấy, một cậu bé trong phòng tắm, nước từ vòi sen vẫn chảy, có rất nhiều nước ở xung quanh, một khu vực tắm công cộng chỉ như là, anh biết đấy, kiểu chạy nhảy nô đùa trượt trên sàn nhà tắm...

Công tố viên: Ông có chắc là ông ta không nói đến âm thanh vỗ âm ĩ hoặc bất cứ điều gì có tính dục, không một chút nào?

Courtney: Tôi chắc chắn là ông ta không bao giờ nói với tôi về âm thanh vỗ hoặc bất cứ cái gì có bản chất tính dục diễn ra trong phòng tắm.

Courtney nói rằng ông ta nghĩ về điều đó và cân nhắc đến tình huống xấu nhất. Chuyện này, rốt cục, là một người đàn ông và một đứa trẻ trong phòng tắm ngoài giờ. Nhưng rồi ông ta nhớ lại những gì ông ta biết về Jerry Sandusky - “một người lúc nào cũng đùa giỡn với những đứa trẻ Second Mile ở nơi công cộng” - và ông ta mặc định với ấn tượng ấy^[18].

[18] . Courtney đã có những nghi ngờ về Sandusky. Nhưng cuối cùng Sandusky lại có câu chuyện nguy trang quá thuyết phục. Một người lúc nào cũng đùa giỡn với những đứa trẻ Second Mile ở nơi công cộng. Sau đó Curley đã gọi cho giám đốc điều hành của trung tâm Second Mile, John Raykovitz. Raykovitz hứa là sẽ chuyển lời cho Sandusky và bảo ông ta đừng có đưa thêm cậu bé nào vào trường nữa. “Tôi không nói hộ người khác mà chỉ nêu ý kiến của mình, nhưng tôi nghĩ Jerry có vấn đề về ranh giới, về đánh giá, cần phải được đưa ra thảo luận”, Curley giải thích. Ông ta cảm nhận, Sandusky cần phải cẩn thận hơn hoặc không người ta sẽ nghĩ ông ấy là một kẻ ấu dâm. “Tôi đã bảo ông ta”, Raykovitz nói, “rằng sẽ là phù hợp hơn - nếu ông ta có đi tắm chung với ai sau giờ tập luyện thì ông nên mặc quần bơi vào. Tôi nói thế bởi vì... đã có những chuyện nhộn nhạo xảy ra với các cậu bé Hướng Đạo Sinh và nhà thờ và nhiều việc khác”.

Sau đó Schultz và đồng nghiệp Tim Curley đến gặp hiệu trưởng trường đại học Spanier.

Công tố viên: Ông đã báo cáo với Graham Spanier rằng đó là chuyện “đùa giỡn”?

Schultz: Vâng.

Bên công tố: Ông bảo với ông ta như vậy vào lúc nào?

Schultz: Ừm, đầu tiên - báo cáo đầu tiên mà chúng tôi nhận được là “đùa cợt nhả nhót”. Jerry Sandusky được trông thấy trong phòng tắm đùa cợt nhả nhót với một đứa trẻ... Và tôi nghĩ từ đó cũng đã được lặp lại với Hiệu trưởng Spanier rằng, ông biết đấy... rằng ông ta đùa cợt.

Spanier lắng nghe Curley và Schultz và hỏi hai câu hỏi. “Các ông có chắc là các ông được nghe chuyện như là ‘đùa cợt nhả nhót’?” Họ trả lời đúng. Rồi Spanier hỏi lại: “Các ông có chắc đó là tất cả những gì được báo cáo cho các ông?” Họ trả lời đúng. Spanier gần như không biết Sandusky. Penn State có hàng nghìn nhân viên. Một trong số họ - giờ đã nghỉ hưu - được trông thấy trong nhà tắm?

“Tôi nhớ, vào một khoảnh khắc tôi đã gãi gãi trong đầu và nghĩ cách thức xử lý phù hợp tiếp theo sau câu chuyện ‘đùa giỡn nhả nhót’”, Spanier sau này kể lại. “Tôi chưa bao giờ nhận là nghe một bản báo cáo như thế”.

Nếu Harry Markopolos mà là hiệu trưởng của Penn State trong vụ Sandusky, đương nhiên, ông ta sẽ không bao giờ mặc định câu chuyện này cho cách giải thích ngây thơ nhất trong số tất cả. Một người đàn ông trong phòng tắm? Với một cậu bé? Kiểu người có thể nhìn ra sự lừa lọc trước cả thập kỷ trước bất cứ ai như Madoff hẳn sẽ lập tức nhảy ngay tới kết luận khốc liệt nhất: *Đứa nhỏ bao nhiêu*

tuổi? Họ làm gì ở đó vào buổi tối ấy? Chẳng phải đã từng có một ca kỳ cục liên quan đến Sandusky một vài năm trước sao?

Nhưng Graham Spanier không phải là Harry Markopolos. Ông ta nghiêng theo cách lý giải có vẻ phù hợp nhất - rằng Sandusky là con người như ông ta tự nhận. Liệu ông ta có ân hận vì không hỏi thêm những câu hỏi tiếp theo, vì đã không lặng lẽ đi hỏi thêm những ý kiến khác? Tất nhiên là ông ta có ân hận. Nhưng mặc định với sự thành thật không phải là một tội ác. Nó là xu hướng căn bản của con người. Spanier hành xử không khác gì Người Leo Núi, Scott Charmichael, Nat Simons, Trinea Gonczar và hầu hết phụ huynh của các vận động viên thể dục dụng cụ được Larry Nassar điều trị. Chẳng phải chính những phụ huynh đó cũng có mặt trong phòng khi Nassar lạm dụng con cái họ đó sao? Chẳng phải chính những đứa trẻ ấy đã nói rằng có điều gì đó sai trái ở đây? Tại sao họ vẫn mang con quay trở lại phòng khám của Nassar hết lần này tới lần khác? Vậy tại sao không ai trong vụ Nassar đưa ra ý kiến rằng phụ huynh của những vận động viên này cũng đáng bị vào tù vì đã thất bại trong việc bảo vệ được con mình trước một kẻ tấn công tình dục. Chúng ta chấp nhận sự thật là làm cha mẹ đòi hỏi ở chúng ta một mức độ tin cậy căn bản đối với cộng đồng những người ở xung quanh con cái mình.

Nếu tất cả các huấn luyện viên đều bị coi là kẻ ấu dâm, thì sẽ chẳng có cha mẹ nào dám để con mình rời khỏi nhà, và chẳng có phụ huynh tinh táo nào dám tình nguyện trở thành huấn luyện viên thể thao. Chúng ta mặc định với sự thành thật - ngay cả khi quyết định đó có thể mang đến những nguy cơ tệ hại - bởi vì chúng ta không có lựa chọn nào khác. Xã hội không thể vận hành theo một

cách khác. Và trong những khoảnh khắc hiếm hoi khi lòng tin lại bị bực đãi bằng sự phản bội, những nạn nhân của mặc định với sự thành thật đáng nhận được sự cảm thông của chúng ta, chứ không phải sự khiển trách.

7. Tim Curley và Gary Schultz bị kết tội trước tiên. Hai nhân viên quan trọng nhất của một trong những trường đại học danh tiếng nhất nước Mỹ đã bị bắt giữ. Spanier mở một cuộc họp xúc động với toàn thể nhân viên trong trường. Ông coi Penn State là một gia đình lớn. Họ là bạn bè của ông. Khi họ báo cáo với ông rằng sự cố trong nhà tắm có thể chỉ là trò đùa giống, ông tin rằng họ đang thành thật.

“Các bạn sẽ thấy rằng tất cả mọi người sẽ đều tìm cách tránh xa Gary và Tim”, ông nói. Nhưng ông sẽ không như thế.

Tất cả các bạn ở đây đều đã làm việc với Tim và Gary trong nhiều năm. Với một số người, là 35 hoặc 40 năm, bởi vì đó chính là quãng thời gian mà Tim và Gary làm việc tại trường này... Các bạn đã làm việc với họ tất cả các ngày trong cuộc đời của mình, và tôi thì là trong suốt 16 năm qua.... Nếu bất cứ ai trong số bạn hành xử như cách chúng ta đã luôn thống nhất tại trường đại học này - trung thực, cởi mở, chính trực, và luôn làm những gì tốt nhất cho lợi ích của trường - nếu các bạn bị kết tội oan vì một điều gì, tôi cũng sẽ làm điều tương tự. Tôi muốn bạn biết rằng... Không một ai [trong số các bạn] có lúc nào đó phải sợ hãi vì làm việc đúng, hoặc sợ bị kết tội làm sai khi [bạn] biết rằng [bạn] đang làm điều đúng đắn... bởi vì ngôi trường này sẽ luôn ở bên cạnh bạn^[19].

[19] . Đoạn này không phải được chép nguyên xi những gì Spanier đã nói, mà chỉ là diễn đạt lại, dựa trên những gì ông ấy nhớ được.

Đó là lý do vì sao mọi người yêu mến Graham Spanier. Đó là lý do vì sao ông ấy lại có một sự nghiệp rạng rỡ ở Penn State. Đó là lý do vì sao bạn và tôi sẽ muốn làm việc cho một người như ông. Chúng ta *muốn* Graham Spanier là hiệu trưởng của mình - không phải Harry Markopolos, một người trang bị vũ khí đến tận răng, ngồi nhà chờ đội đặc nhiệm của chính phủ ập vào cửa.

Đây chính là ý tưởng đầu tiên trong số những ý tưởng cần phải nhớ trong đầu khi nghĩ đến cái chết của Sandra Bland. Chúng ta *nghĩ rằng* chúng ta muốn những người bảo vệ phải cảnh giác trước tất cả mọi nghi phạm. Chúng ta trách cứ họ khi họ mắc định với sự thành thật. Khi chúng ta cố gắng buộc tội để đẩy những người như Graham Spanier vào trại giam, chúng ta đã gửi một thông điệp đến tất cả những người có thẩm quyền về cách chúng ta muốn họ lý giải những người xa lạ - mà không hề ngừng lại để cân nhắc hậu quả của việc gửi đi những thông điệp ấy.

Nhưng chúng ta đang cầm đèn chạy trước ô tô.

PHẦN BA
TÍNH TƯƠNG ƯNG

Chương sáu

NGỤY BIỆN "NHỮNG NGƯỜI BẠN"

1 . Tính đến mùa chiếu thứ năm, show truyền hình *Friends* (*Những người bạn*) đang đang hoàng tiến bước trở thành show hài kịch thành công nhất mọi thời đại. Đây là một trong những chương trình “hài kịch hội bạn thân” xuất sắc đầu tiên. Sáu người bạn - Monica, Rachel, Phoebe, Joey, Chandler và Ross - sống và làm việc tại thành phố Manhattan bận rộn và náo nhiệt, yêu nhau rồi bỏ nhau, tán tỉnh và cãi cọ nhưng chủ yếu vẫn là trò chuyện, bắt tặc và hài hước.

Mùa năm bắt đầu với sự kiện Ross đang chuẩn bị làm đám cưới với một người “ngoài cuộc”, một nhân vật không thuộc nhóm bạn thân. Đến giữa mùa năm thì mối quan hệ này kết thúc, và đến cuối mùa thì anh chàng quay trở lại vòng tay yêu dấu của Rachel. Phoebe đẻ sinh ba và bắt đầu hẹn hò với một viên cảnh sát. Quan trọng nhất, Monica và Chandler bắt đầu mối quan hệ yêu đương - một tình huống lập tức tạo vấn đề, bởi vì Monica là em gái của Ross còn Chandler là bạn thân của Ross, và cả hai đều không có can đảm nói cho Ross biết chuyện gì đang xảy ra.

Ở đoạn đầu tập 15 - tiêu đề “Tập phim với Cô gái tặc Joey” - màn kịch của Chandler và Monica bị bại lộ. Ross nhìn qua khung cửa sổ căn hộ của mình sang nhà Monica và trông thấy em gái đang ôm hôn Chandler. Anh chàng như thấy sét đánh giữa trời quang.

Anh ta vội chạy sộc sang căn hộ của Monica và cố gắng xô vào, nhưng bị sợi dây xích gài cửa chặn lại. Thế là anh chàng cố dí mặt nhìn qua khe hở chừng một gang tay.

“Chandler! Chandler! Tớ đã trông thấy cậu làm cái trò gì qua cửa sổ rồi nhé. Tớ đã trông thấy cậu làm gì với em gái tớ, ra đây mau!”

Chandler hốt hoảng, định tháo chạy ra phía cửa sổ. Monica giữ anh chàng lại. “Đề yê, em xử lý được Ross”, cô bảo. Nói rồi cô ra mở cửa cho anh trai. “Ê, Ross. Có chuyện gì thế, ông anh?”

Ross chạy sộc vào, sấn sổ về phía Chandler và đuổi bắt cậu bạn thân quanh bàn bếp, miệng hét toáng lên: “Cậu đang làm cái quái quỷ gì thế hả?”

Chandler nấp sau lưng Monica. Joey và Rachel chạy sang.

Rachel: Này, có chuyện gì thế?

Chandler: À, tớ nghĩ - tớ *nghĩ là* - Ross biết chuyện tớ và Monica.

Joey: Ở cái thằng, nói khẽ chứ, hấn đang đứng ngay kia mà.

Ross: Tớ vẫn tưởng cậu là bạn thân nhất của tớ! Đây là em gái tớ! Bạn thân và em gái! Thật không thể tin nổi.

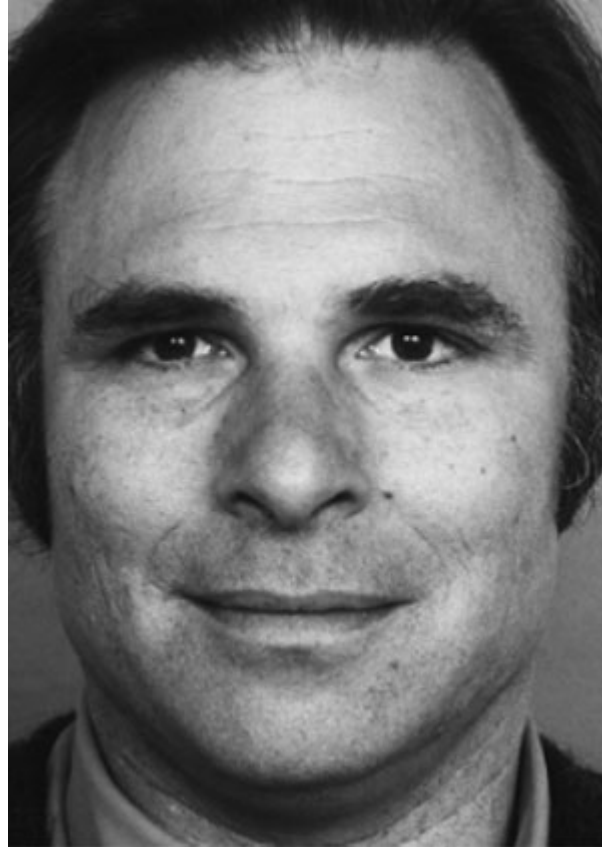
Bạn có hiểu mạch truyện không? Một mùa phim diễn hình của *Những người bạn* với rất nhiều tình tiết xoắn vặn, bẻ quặt - và những biến đổi của cốt truyện, cảm xúc - khiến người ta có cảm giác khán giả phải cần cả một bảng biểu để theo dõi mạch truyện. Tuy nhiên, trên thực tế, không có chuyện gì khó hiểu hết. Nếu bạn đã từng xem một tập phim của *Những người bạn*, bạn sẽ biết rằng gần như không thể nhầm lẫn. Chương trình này sáng tỏ, trong suốt như pha lê. Rõ tới mức nào? Tôi nghĩ bạn có thể hiểu nội dung ngay cả khi bạn bật chế độ không âm thanh.

Câu đố thứ hai trong phần mở đầu cuốn sách này là vấn đề cho phép tại ngoại hay không. Làm sao các thẩm phán lại đánh giá các bị cáo tệ hơn một chương trình máy tính, ngay cả khi các thẩm phán biết nhiều thông tin về bị cáo hơn máy tính? Phần nội dung này cố gắng trả lời câu hỏi đó, bắt đầu bằng một thực tế điển hình về tính tương ứng trong các chương trình truyền hình, ví dụ như show *Những người bạn*.

2. Để thử nghiệm ý tưởng tính tương ứng trong chương trình *Những người bạn*, tôi liên hệ với một nhà tâm lý học tên là Jennifer Fugate, Giáo sư giảng dạy tại Đại học Massachusetts ở Dartmouth. Fugate là một chuyên gia trong lĩnh vực FACS, viết tắt của Facial Action Coding System (Hệ thống Mã hóa Hành động Khuôn mặt)^[20]. Trong FACS, mỗi một điểm trong tổng số 43 cơ vận động trên khuôn mặt đều được chỉ định một con số, gọi là một “đơn vị hành động”. Những người như Fugate được đào tạo về FACS nhờ đó có thể nhìn vào biểu hiện khuôn mặt của một người và chấm điểm, giống như một nhạc sĩ có thể nghe một đoạn nhạc và chép được các nốt nhạc vào khuôn nhạc trên giấy.

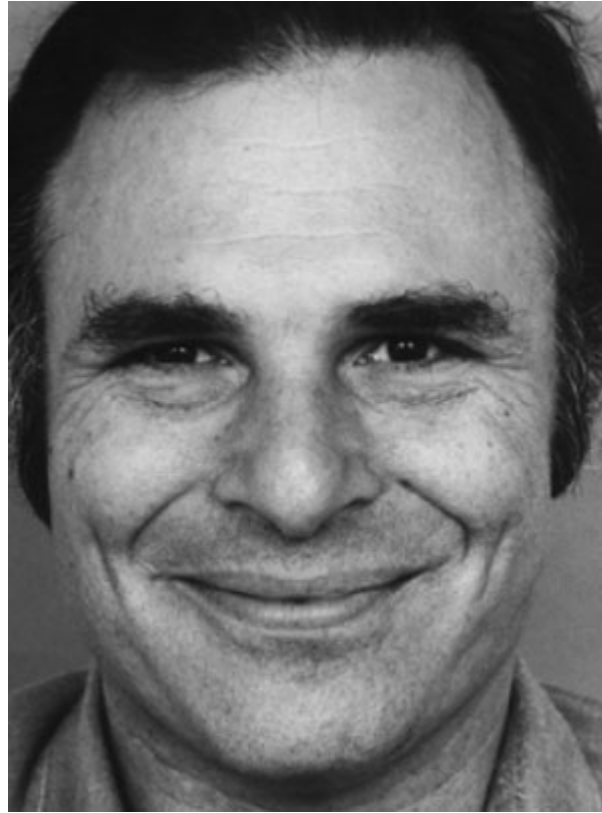
^[20] . FACS là hệ thống được nhà tâm lý học huyền thoại Paul Ekman phát triển. Tôi từng viết về ông trong cuốn sách *Trong chớp mắt*. Mời xem mục Ghi chú, phần giải thích về góc nhìn của tôi đối với hệ thống của Ekman đã phát triển từ đó tới nay.

Nào, hãy cùng nhìn vào bức ảnh này:



Đây được gọi là nụ cười Pan-Am - kiểu cười mà tiếp viên hàng không dành cho bạn khi muốn tỏ ra lịch thiệp. Khi bạn cười với ai bằng nụ cười này, bạn kéo hai góc mép nhếch lên, sử dụng phần cơ có tên là cơ gò má lớn, nhưng giữ toàn bộ các phần còn lại của khuôn mặt thụ động. Đó là lý do vì sao nụ cười trông giả tạo: Đó là nụ cười không có bất cứ sự phối hợp khuôn mặt nào. Trong FACS, nụ cười Pan-Am sử dụng cơ gò má lớn được chấm điểm là AU 12.

Giờ hãy nhìn bức ảnh này:



Đây được gọi là nụ cười Duchenne. Một nụ cười chân thực trông sẽ như thế này. Theo thuật ngữ kỹ thuật, nụ cười này là AU 12 + AU 6 - nghĩa là có sự tham gia chuyển động khuôn mặt của phần ngoại biên cơ vòng mắt, khiến phần má nâng lên và tạo ra những vết chân chim xung quanh mắt.

FACS là một công cụ cực kỳ tinh tế. Nó có thể phân loại - phân mảnh chi tiết - hàng ngàn các chuyển động cơ, trong đó một vài cơ có thể chỉ xuất hiện trên khuôn mặt thoáng qua không đến một phần mấy giây. Sổ tay hướng dẫn sử dụng FACS dài hơn 500 trang. Nếu Fugate phải ngồi làm bản phân tích FACS cho toàn bộ tập phim "Cô gái tần Joey", chắc hẳn bà phải mất đến vài ngày, vì thế tôi chỉ đề nghị bà tập trung vào đúng phân cảnh mở đầu: Ross nhìn thấy

Chandler và Monica ôm hôn nhau, sau đó họ tốc chạy sang trong giận dữ.

Đây là kết quả mà bà tìm ra.

Khi Ross nhìn qua ô cửa và trông thấy em gái đang ôm ấp tình tứ với người bạn thân nhất, khuôn mặt anh ta thể hiện đơn vị hành động $10 + 16 + 25 + 26$: Nghĩa là môi trên nâng lên (cơ nâng môi trên, chòm cơ dưới ổ mắt), môi dưới hạ xuống (cơ hạ môi dưới), miệng há ra (cơ hạ môi dưới, cằm thả lỏng hoặc cơ vòng môi), và hàm hạ xuống (cơ thái dương thả lỏng và cơ chân bướm trong).

Trong hệ thống FACS, các cơ vận động còn được đo bằng độ căng cứng từ A tới E, trong đó A là thả lỏng nhất và E là căng cứng nhất. Trong đó tất cả bốn cơ vận động của Ross, tại thời điểm đó, đều được chấm mức độ E. Nếu bạn xem lại tập phim *Những người bạn*, và dừng hình ở đúng thời điểm Ross nhìn qua khe cửa, bạn sẽ nhìn thấy chính xác những mật mã FACS đang miêu tả điều gì. Về mặt của anh ta thể hiện một sự giận dữ và kinh tởm không hề che giấu.

Sau đó Ross sấn sổ bước vào căn hộ của Monica. Sự căng thẳng trong cảnh phim tăng cao, cũng như cảm xúc của Ross. Giờ đây khuôn mặt của anh ta được thể hiện bằng: $4C + 5D + 7C + 10E + 16E + 25E + 26E$. Một lần nữa, có đến 4 điểm E!

“[AU] 4 tương ứng với lông mày hạ xuống”, Fugate giải thích.

Đó là thể hiện khuôn mặt khi bạn nhíu mày. Số 7 là liếc mắt. Nó được gọi là “trùng mắt”. Anh ta vừa có vẻ mắng mỏ vừa nhiu mắt lại cùng một lúc, đó là thể hiện điển hình của giận dữ. Số 10 trong trường hợp này là biểu hiện rất căn bản của ghê tởm. Kiểu như

bạn nâng môi trên lên, nhưng mũi gần như không dịch chuyển, nhưng lại tạo cảm giác là mũi cũng đang vênh lên. Số 16 đôi khi xảy ra trong tình huống này. Đó là hạ môi dưới. Đó là khi bạn đẩy môi dưới thấp xuống làm cho răng hàm dưới lộ ra.

Monica, chặn ở cửa, đang cố tỏ ra như không có chuyện gì. Cô mỉm cười với ông anh trai. Nhưng đó là nụ cười Pan-Am, không phải nụ cười Duchenne: số 12 và biểu hiện mơ hồ nhất, thoáng qua nhất của tiếng thì thầm, số 6.

Ross đuổi theo Chandler vòng quanh bàn bếp. Chandler nấp phía sau lưng Monica và khi Ross trở tới, anh ta nói: “Nghe này, đây không phải là kiểu yêu đương vớ vẩn. Tớ yêu cô ấy. OK? Tớ yêu cô ấy thật lòng”.

Sau đó Monica lại gần và cầm tay Ross. “Em rất xin lỗi vì để anh phát hiện ra theo cách này. Em xin lỗi. Nhưng đó là sự thật, em cũng yêu anh ấy”.

Một khoảng im lặng kéo dài trong khi Ross vừa nhìn chăm chăm vào hai người trước mặt vừa xử lý cơn cuồng phong của các loại cảm xúc đan xen. Thế rồi anh ta bất chợt nhoẻn miệng cười, quàng tay ôm lấy cả hai, và tự nhắc lại lời mình, chỉ có điều lần này bằng giọng nói vui vẻ: “Bạn thân nhất của mình và em gái mình! Tôi hạnh phúc làm sao!”

Khi Monica báo tin cho anh trai, Fugate chấm điểm cho cô là 1C + 2D + 12D. Đơn vị 1 và 2, khi kết hợp lại, là nỗi buồn: Cô ấy nâng cả phần đầu và phần đuôi lông mày. 12D, tất nhiên, là nụ cười Pan-Am ngượng ngịu, cảm xúc không trọn vẹn.

“Dường như cô ấy đang đưa ra tín hiệu - nghe thì rất lạ lùng - cho thấy một sự buồn bã”, Fugate nói, “nhưng rồi sau là hạnh phúc. Tôi nghĩ cũng khá hợp lí, bởi vì cô ấy đang xin lỗi, nhưng rồi cô ấy lại cho Ross thấy rằng thật ra cô ấy rất hài lòng với điều này».

Ross chăm chăm nhìn em gái một lúc lâu. Khuôn mặt của anh ta ghi điểm nỗi buồn kinh điển. Sau đó khuôn mặt ấy đột ngột chuyển qua 1E + 12D. Anh ta đang hồi đáp cô em gái bằng chính hỗn hợp cảm xúc mà cô vừa trao: sự buồn bã kết hợp với sự khởi đầu của hạnh phúc. Em gái của anh ta đang rời khỏi vòng tay anh. Nhưng cùng lúc, anh ta cũng muốn cô biết rằng anh trân trọng niềm vui của cô.

Bản phân tích FACS của Fugate cho ta biết các diễn viên trong phim *Những người bạn* đảm bảo rằng từng cảm xúc mà nhân vật của họ cảm nhận được trong tim phải được thể hiện ra, một cách hoàn hảo, trên gương mặt họ. Đó là lý do vì sao bạn có thể xem lại phân cảnh, không cần bật âm thanh nhưng vẫn có thể hiểu. Những lời nói khiến chúng ta buồn cười, hoặc thể hiện chính xác sắc thái mà cốt truyện muốn giải thích. Nhưng biểu cảm khuôn mặt mà các diễn viên thể hiện mới là cái truyền tải tình tiết. Màn trình diễn của các diễn viên trong *Những người bạn* là rất tương ứng.

Tương ứng là ý tưởng mà hành vi và cử chỉ của con người - cách họ biểu đạt bản thân *ra bên ngoài* - cung cấp một cửa sổ xác thực và đáng tin cậy để nhìn vào cách họ cảm nhận *từ bên trong*. Chúng ta chỉ có thời gian tính bằng giây để sử dụng bộ công cụ cốt yếu đó mà lý giải những người lạ. Khi chúng ta không biết một ai đó, hoặc không thể giao tiếp với họ, hoặc không có thời gian để thấu

hiểu họ, chúng ta tin rằng mình có thể giải mã họ thông qua hành vi ứng xử và cử chỉ của họ.

3. Ý tưởng về sự tương ứng đã có lịch sử dài. Năm 1872, mười ba năm sau khi luận thuyết nổi tiếng về tiến hóa ra đời, Charles Darwin cho xuất bản cuốn *Sự Biểu lộ cảm xúc ở con người và loài vật (The Expression of the Emotions in Man and Animals)*. Ông lập luận, mỉm cười, cau mày và chun mũi kinh tởm là những biểu cảm mà tất cả mọi người đều làm như một phần của quá trình thích nghi tiến hoá. Sự trao đổi chính xác và hiệu quả các cảm xúc của chúng ta với người khác là một điểm tối quan trọng đối với sự sinh tồn của loài người, khuôn mặt đã được phát triển trở thành một dạng biển báo của trái tim.

Ý tưởng của Darwin mang tính bản năng sâu sắc. Trẻ em ở khắp mọi nơi mỉm cười khi hạnh phúc, cau mày khi buồn bã, và khúc khích khi thích thú, chẳng phải thế sao? Đâu phải chỉ có những người ngồi xem *Những người bạn* trong phòng khách ở Cleveland, Toronto hay Sydney mới có thể lý giải được cảm xúc mà Ross và Rachel đang cảm nhận; mà là tất cả mọi người.

Các buổi nghe đọc cáo trạng được mô tả ở chương hai cũng là một bài thực hành tương tự về tính tương ứng. Thẩm phán không đưa ra phán quyết với các đối tượng hầu tòa bằng cách gửi thư điện tử hay gọi điện thoại cho họ. Các thẩm phán tin rằng *nhìn thấy* đối tượng mà họ cần phán xét là một điều tiên quyết. Cách đây vài năm, một người phụ nữ Hồi Giáo ở Michigan là bên nguyên trong một vụ kiện tụng, và bà đến tòa trong trang phục niqab truyền thống, với khăn quấn đầu kín mít chỉ trừ đôi mắt. Thẩm phán yêu cầu bà cởi khăn ra. Bà từ chối. Vì thế thẩm phán bác bỏ đơn kiện. Thẩm phán

cho rằng không thể xét xử mối bất hòa giữa hai bên khi mà ông không thể nhìn thấy một trong hai bên. Ông bảo:

Một trong những điều kiện cần để tôi có thể xử án là khi nghe bà trình bày là tôi phải được nhìn thấy khuôn mặt của bà, và tôi cần nhìn thấy chuyện gì đang xảy ra. Nếu bà không đồng ý bỏ khăn che mặt, tôi không thể nhìn thấy mặt bà và tôi không thể biết là bà có đang nói sự thật hay không; tôi không thể nhìn thấy hành vi và và biểu cảm của bà mà đó lại là những điều tôi cần phải được nhìn thấy trong một phiên pháp đình^[21].

[21] . Bên nguyên đơn ở đây là Ginnah Muhammad. Bà trả lời: “Ừm, trước tiên, tôi là một tín đồ Hồi giáo, và đó là cách sống của đời tôi, tôi tin tưởng Kinh Koran, và Chúa Trời là đáng tối thượng của cuộc đời tôi. Tôi không phiền phải cởi mạng che mặt miễn là trước một nữ thẩm phán, vì thế tôi muốn biết, liệu ông có thể bố trí một nữ thẩm phán để tôi đối diện mà không cần che mạng? Nếu được thế thì không có vấn đề gì. Còn nếu không, tôi không thể làm theo yêu cầu của ông được”.

Bạn có nghĩ yêu cầu của vị thẩm phán này là đúng không? Tôi đoán rằng rất nhiều người cho rằng có. Chúng ta sẽ không dành nhiều thời gian để nhìn vào khuôn mặt của người khác nếu như chúng ta nghĩ rằng không có mấy điều đáng giá được tìm thấy trong đó. Trong tiểu thuyết, chúng ta đọc rằng “đôi mắt của anh tròn tròn vì hốt hoảng” hoặc “khuôn mặt của cô ấy chảy dài về thất vọng”, chúng ta chấp nhận và không thắc mắc khuôn mặt ấy có thật chảy dài hay đôi mắt ấy có thật tròn tròn để thể hiện cảm giác kinh hãi

hay thất vọng. Chúng ta có thể nhìn thấy gương mặt của Ross 4C + 5D + 7C + 10E + 16E + 25 E + 26E và biết được ý nghĩa của nó - ngay cả khi đã tắt tiếng - bởi vì hàng ngàn năm tiến hóa đã biến 4C + 5D + 7C + 10E + 16E + 25 E + 26E thành biểu cảm khuôn mặt của con người chứa đầy kinh hãi và giận dữ. Chúng ta tin rằng thái độ cử chỉ của một người là cửa sổ tâm hồn của họ. Nhưng điều đó dẫn chúng ta trở lại với Câu đố số hai. Các thẩm phán trong buổi đọc cáo trạng tại ngoại có cơ hội nhìn vào một mảnh tâm hồn của bị cáo. Ấy vậy mà dự đoán của họ về những người tái phạm lại tệ hơn so với máy tính của Sendhil Mullainathan vốn không được mở cánh cửa tâm hồn của bất cứ ai.

Nếu đời thực giống như trên phim *Những người bạn*, các thẩm phán sẽ phải đánh bại máy tính. Nhưng họ lại thua. Vậy thì có lẽ đời thực *không giống như Những người bạn*.

4. Cụm đảo được biết với tên gọi Trobriand nằm cách 100 dặm về phía tây của đất nước Papua New Guinea, nằm giữa Biển Solomon. Quần đảo tí hon này là nơi trú ngụ của 40.000 dân. Một quần đảo tách biệt và nhiệt đới. Người dân ở đây làm nghề đánh cá và trồng trọt giống như tổ tiên của họ từ hàng ngàn năm trước, và những phong tục cổ xưa của họ đã tồn tại bền vững một cách đáng nể ngay cả khi đối diện với sự xâm lấn không thể tránh khỏi của thế kỷ XXI. Cũng giống như cách những người sản xuất ô tô mang những mẫu xe mới đến Bắc Cực để chạy thử dưới các điều kiện cực đoan nhất, các nhà khoa học xã hội đôi khi cũng muốn “thử độ căng” của các giả thiết ở những địa điểm như là quần đảo Trobriand. Nếu một thứ hoạt động được ở London hoặc New York và cũng chạy tốt ở Trobriand, thì bạn có thể khá chắc chắn là bạn đang tạo

ra một cái gì đó mang tính toàn cầu - đó chính là lý do khiến hai nhà khoa học xã hội người Tây Ban Nha đến quần đảo Trobriand vào năm 2013.

Sergio Jarillo là nhà nhân chủng học. Trước đây, Jarillo từng làm việc tại Trobriand, hiểu biết ngôn ngữ và văn hóa ở đây. Carlos Crivelli là nhà tâm lý học. Anh đã dành phần lớn thời gian khởi đầu sự nghiệp của mình để thử nghiệm các giới hạn của tương ứng. Có lần anh xem xét hàng tá đoạn phim quay cảnh các đấu sĩ judo khi họ vừa giành phần thắng để xác định xem chính xác thì khi nào họ mỉm cười. Liệu có phải vào giây phút giành chiến thắng? Hay là họ thắng, *rồi mới* cười? Lại có lần anh nghiên cứu các đoạn phim quay cảnh các đối tượng thủ dâm để tìm hiểu khuôn mặt của họ trông như thế nào vào giây phút lên đỉnh. Với giả định rằng cực khoái là khoảnh khắc của hạnh phúc đích thực. Có khi nào bằng chứng của niềm hạnh phúc có thể quan sát được cùng lúc? Trong cả hai trường hợp, câu trả lời là không - điều này thật vô lý nếu như cảm xúc của chúng ta thực sự là tấm biển báo của trái tim. Những nghiên cứu này khiến Crivelli trở nên hoài nghi, vì thế anh và Jarillo quyết định đưa ý tưởng của Darwin vào thử nghiệm.

Jarillo và Crivelli bắt đầu bằng sáu bức ảnh chụp chân dung của những người có biểu hiện khuôn mặt hạnh phúc, buồn bã, giận dữ, sợ hãi và ghê tởm - cùng với bức ảnh cuối cùng chụp một người có biểu hiện trung lập. Trước khi khởi hành đến Trobriand, họ mang ảnh tới một trường tiểu học ở Madrid và thử nghiệm với một nhóm trẻ em. Họ bày ra tất cả sáu bức ảnh trước mặt một đứa trẻ và hỏi, “Em hãy chỉ xem đâu là khuôn mặt buồn bã?” Sau đó họ chuyển sang em bé thứ hai và hỏi, “Đâu là khuôn mặt giận dữ?”, cứ thế,

quay vòng tất cả sáu bức ảnh và lại hỏi tiếp. Dưới đây là kết quả. Các em bé tham gia thí nghiệm không gặp khó khăn nào với những câu hỏi này:

Nhân cảm xúc	"Vui vẻ": Mím cười	"Buồn bã": Xị mặt	"Giận dữ": Cau mày	"Sợ hãi": Há hốc	"Ghê tởm": Chun mũi	Trung lập
<i>Người Tây Ban Nha (n = 113)</i>						
Vui vẻ	1.00	.00	.00	.00	.00	.00
Buồn bã	.00	.98	.00	.00	.00	.02
Giận dữ	.00	.00	.91	.00	.09	.00
Sợ hãi	.00	.07	.00	.93	.00	.00
Ghê tởm	.00	.02	.00	.15	.83	.00

Sau đó Jarillo và Crivelli bay đến quần đảo Trobriand và lặp lại thí nghiệm.

Người Trobriand rất thân thiện và hợp tác. Họ có ngôn ngữ giàu có và đầy sắc thái, điều đó khiến cho họ trở thành đối tượng kiểm nghiệm lý tưởng cho nghiên cứu về cảm xúc. Jarillo giải thích,

Để nói về một điều thực sự khiến bạn ngạc nhiên thích thú, họ nói như sau, điều đó "làm tôi mê mẩn cả đầu óc", hoặc nó "bất hồn tôi mất rồi". Thế rồi khi bạn xác nhận lại điều đó: "Có phải cái đó đã bất hồn anh rồi phải không?" Thì họ sẽ bảo: "À không, cái đó khiến tôi thổn thức như rút hết gan ruột thì đúng hơn".

Nói cách khác, đó không phải là những người sẽ đờ đẫn kinh ngạc khi được đề nghị lý giải những cảm xúc chân thực về một thứ gì đó. Nếu Darwin nói đúng thì những người Trobriand sẽ phải nhận biết cảm xúc trên khuôn mặt con người giỏi không kém gì những học sinh tiểu học ở Madrid. Cảm xúc là thứ đã được cài đặt trong bộ não nhờ tiến hoá. Điều đó có nghĩa là những người sống giữa vùng Biển Solomon mênh mông hẳn là phải có hệ thống hoạt động như những người sống ở Madrid. Phải vậy không?

Nhằm to.

Xin hãy nhìn vào bảng biểu so sánh tỉ lệ đoán đúng sắc thái khuôn mặt của người Trobriand với tỉ lệ đoán đúng của các bé 10 tuổi tại một trường tiểu học ở Madrid. Những người Trobriand *loay hoay như gà mắc tóc*.

Nhân cảm xúc	"Vui vẻ": Mím cười	"Buồn bã": Xị mặt	"Giận dữ": Cau mày	"Sợ hãi": Há hốc	"Ghê tởm": Chun mũi	Trung lập
<i>Người Trobriand (n = 68)</i>						
Vui vẻ	.58	.08	.04	.08	.00	.23
Buồn bã	.04	.46	.04	.04	.23	.19
Giận dữ	.20	.17	.07	.30	.20	.07
Sợ hãi	.08	.27	.04	.31	.27	.04
Ghê tởm	.18	.11	.08	.29	.25	.11
<i>Người Tây Ban Nha (n = 113)</i>						
Vui vẻ	1.00	.00	.00	.00	.00	.00
Buồn bã	.00	.98	.00	.00	.00	.02

Giận dữ	.00	.00	.91	.00	.09	.00
Sợ hãi	.00	.07	.00	.93	.00	.00
Ghê tởm	.00	.02	.00	.15	.83	.00

Các cột “nhãn cảm xúc” bên trái bảng biểu là hình ảnh khuôn mặt với các biểu cảm mà Jarillo và Crivelli bày ra trước mặt các đối tượng tham gia thử nghiệm. Các hàng ngang là kết quả các đối tượng nhận diện các bức hình. Vậy là 100% với tổng số 113 trẻ em tiểu học người Tây Ban Nha xác định được chính xác gương mặt hạnh phúc. Nhưng chỉ có 58% số người Trobriand nhận diện đúng, trong khi 23% người Trobriand nhìn vào những bức ảnh mỉm cười và cho rằng đó là “trung lập”. Hạnh phúc là loại cảm xúc mà những người Trobriand và trẻ em Tây Ban Nha có sự đồng thuận cao nhất. Còn với các loại cảm xúc khác, ý kiến của người Trobriand về cách thể hiện chúng như thế nào ra bên ngoài có vẻ như hoàn toàn khác biệt so với chúng ta.

“Điều khiến chúng tôi ngạc nhiên nhất chính là thực tế cho thấy trong xã hội phương tây, những điều chúng ta nghĩ về một khuôn mặt thể hiện sự sợ hãi, về một người đang sợ hãi, hóa ra lại được những người đảo Trobriand nhìn nhận là một mối đe dọa nhiều hơn”, Crivelli nói. Để minh họa, anh làm bộ bắt chước khuôn mặt kinh hãi: mắt trợn trừng, gương mặt giống như trong bức tranh *Tiếng hét nổi* của danh họa Edvard Munch.

“Trong văn hóa của chúng ta, khuôn mặt của tôi có nghĩa là, ‘Tôi sợ hãi; Tôi sợ bạn.’” Crivelli nói tiếp. “Trong văn hóa của bạn, đó là... khuôn mặt của một người đang cố gắng hù dọa người khác... Điều đó hoàn toàn trái ngược [so với chúng ta]”.

Cảm thức sợ hãi, đối với người Đảo Trobriand, không khác biệt so với cảm giác mà bạn hoặc tôi cảm thấy. Họ cũng có cùng cảm giác nôn nao quặn ruột như chúng ta. Nhưng vì vài lý do nào đó, họ không thể hiện ra bên ngoài giống như cách chúng ta thể hiện.

Giận dữ cũng tệ như thế. Bạn sẽ nghĩ rằng tất cả mọi người trên thế giới hẳn sẽ biết một bộ mặt giận dữ thì trông như thế nào. Đó quả là một cảm xúc căn bản.

Đây là bộ mặt giận dữ, đúng không?



Đôi mắt chau lại. Môi mím chặt. Nhưng người Trobriand thì hoàn toàn *mù tịt*, không hiểu được sự giận dữ. Hãy nhìn vào bảng điểm mục gương mặt giận dữ. 20% gọi đó là khuôn mặt hạnh phúc. 17% cho đó là gương mặt buồn bã. 30% gọi đó là gương mặt sợ hãi. 20% nghĩ rằng đó là dấu hiệu của sự ghê tởm - và chỉ có 7% xác định đó là thứ mà hầu hết cả trẻ em Tây Ban Nha đều gọi được tên. Crivelli nói:

Họ đưa ra rất nhiều miêu tả khác nhau... Họ sẽ chỉ nói kiểu như, “Họ đang chau mày”. Hoặc họ sử dụng những câu thành ngữ như... “khi vò chín khúc”, rõ ràng được dịch ra thành “anh ta đang chau đôi mày”. Họ sẽ không ám chỉ rằng người trong ảnh đang giận dữ.

Để đảm bảo là những người Trobriand tham gia thử nghiệm không phải là những trường hợp đặc biệt, Jarillo và Crivelli sau đó di chuyển đến Mozambique để nghiên cứu một nhóm ngư dân sống tách biệt khác được biết đến với tên gọi những người Mwani. Một lần nữa, kết quả thu về đầy thất vọng. Về tổng thể người Mwani nhận diện gương mặt mỉm cười tốt hơn, nhưng họ dường như chịu chết với gương mặt buồn bã và giận dữ. Một nhóm khác, do Maria Gendron dẫn đầu, đến vùng núi phía tây bắc Namibia để xem liệu những người ở đây có phân loại các bức ảnh đúng như các biểu hiện cảm xúc của chủ thể hay không. Họ cũng bó tay.

Ngay cả các nhà sử học giờ đây cũng nhảy vào cuộc. Nếu bạn có chiếc máy thời gian để du hành về quá khứ và bày ra trước mắt người Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại những bức ảnh của người hiện đại đang cười toe toét, liệu họ có diễn giải được biểu cảm ấy theo cách chúng ta diễn giải không? Có thể là không. Như nhà cổ học Mary Beard đã viết trong cuốn sách *Nụ cười thời La Mã cổ đại*:

Không phải là người La Mã không bao giờ vén môi lên theo khuôn hình mà con người chúng ta ngày nay cho là mỉm cười; tất nhiên là họ có hành miệng cười. Nhưng kiểu hành miệng ấy không có ý nghĩa nhiều lắm trong cấp bậc ý nghĩa xã hội và cử chỉ văn hóa

ở Rome. Ngược lại, những cử chỉ khác, vốn có thể có rất ít ý nghĩa với chúng ta, lại giữ vị trí quan trọng đối với họ.

Nếu như bạn trình chiếu một đoạn phim *Những người bạn* cho người đảo Trobriand xem, họ sẽ thấy Ross cau mày với Chandler và cho rằng Chandler đang cáu giận còn Ross đang sợ hãi. Họ sẽ hiểu sai hoàn toàn cảnh huống đó. Và nếu bạn ném đoạn phim về thời La Mã cổ đại để nhà triết học Cicero cùng hoàng đế và một nhóm cận thần xem, họ sẽ nhìn những biểu cảm thái quá như nhăn mặt, nheo mày trên khuôn mặt các diễn viên và tự hỏi: *Của khi gì thế nhỉ?*

5. Được rồi. Vậy *trong cùng* một nền văn hóa thì sao? Nếu chúng ta giới hạn bản thân trong thế giới phát triển - tạm quên những người ngoại đạo và những người La Mã cổ đại đi - thì liệu các quy tắc tương ứng có còn hoạt động không? Không, vẫn không.

Hãy tưởng tượng cảnh huống sau đây. Bạn được dẫn đi dọc hành lang dài và hẹp tới một căn phòng tối. Ở đó bạn ngồi và nghe đoạn băng ghi âm một câu chuyện ngắn của Franz Kafka, tiếp sau đó là một bài kiểm tra trí nhớ về những gì bạn vừa được nghe. Bạn hoàn thành bài kiểm tra và quay trở ra hành lang. Nhưng trong khi bạn đang nghe truyện của Kafka, có một nhóm người hồi hải sắp đặt ngoại thất bên ngoài căn phòng. Hành lang thực ra được ghép lại bởi nhiều phần tạm thời. Giờ đây họ đã bố trí để tạo ra một không gian mở. Căn phòng có những bức tường xanh sáng. Một ngọn đèn duy nhất treo trên trần, chiếu sáng một chiếc ghế đẩu rục rở. Và ngồi trên ghế là bạn thân của bạn, trông rất nghiêm nghị. Bạn bước ra khỏi phòng, nghĩ rằng mình sẽ bước qua hành lang tối dài vừa nãy, thì đột nhiên, BÙM - một căn phòng không hề tồn tại trước đó giờ lại

chính mình hiện ra trước mắt. Và cô bạn thân đang mở to mắt chăm chăm nhìn bạn như một nhân vật trong bộ phim kinh dị.

Bạn có ngạc nhiên không? Tất nhiên là bạn sẽ ngạc nhiên. Và lúc ấy khuôn mặt của bạn trông thế nào? Ừm, bạn sẽ không thể giống một người đảo Trobriand trong hoàn cảnh đó, cũng không thể giống một cư dân La Mã cổ xưa. Nhưng trong nền văn hóa của chúng ta, tại thời điểm và địa điểm này, vẻ kinh ngạc trông như thế nào đã được định hình vững chắc. Có một ví dụ hoàn hảo cho tình huống này, cũng lấy từ tập phim *Những người bạn*. Joey, bạn cùng phòng của Ross, chạy vội sang nhà Monica và phát hiện ra hai cậu bạn thân đang giằng co như muốn giết nhau, và khuôn mặt của anh chàng đã thể hiện tất cả những gì bạn cần biết: AU 1 + 2 (cặp lông mày nhướn lên) cộng với AU 5 (mắt trợn ngược) cộng với AU 25 + 26, cho thấy hàm dưới hạ xuống. Bạn hình dung ra gương mặt Joey phải không? Sai.

Hai nhà tâm lý học người Đức, Achim Schützwohl và Rainer Reisenzein, đã tái tạo lại chính xác tình huống đó và trình chiếu cho 60 người xem. Trong thang điểm từ 1 tới 10, tất cả 60 người đều chấm điểm cảm xúc của mình là ngạc nhiên khi họ mở cánh cửa sau khi nghe truyện của Kafka là 8,14. Họ quá sốc kinh ngạc! Và khi được hỏi, hầu hết bọn họ đều tin rằng sự ngạc nhiên hẳn được khắc đầy trên khuôn mặt họ. Nhưng không hề. Schützwohl và Reisenzein đã đặt một máy quay trong góc, và họ sử dụng nó để giải mã các biểu cảm theo đúng cách mà Fugate đã giải mã trong tập phim *Những người bạn*. Chỉ có 5% trường hợp biểu lộ mắt trợn tròn, đôi mày nhướn lên và mồm há hốc. Trong 17% trường hợp họ nhận thấy có sự kết hợp của hai trong số các biểu cảm trên. Với các

trường hợp còn lại, họ nhận thấy không có các biểu cảm như thế, mà là một chút này, một chút khác - ví dụ như người nhú mày - thường thì bạn sẽ không liên hệ cử chỉ đó với ngạc nhiên chút nào^[22]”.

[22] . Con số 17% ở đây bao gồm cả ba người (5%) biểu lộ tất cả ba sắc thái. Chỉ có 7 người biểu lộ chính xác hai sắc thái. Đồng thời, mặc dù phần lớn những người được hỏi tin rằng họ đã biểu lộ trạng thái bất ngờ, một người có vẻ điềm tĩnh hiếm thấy khi nói rằng ông ta không nghĩ rằng sự kinh ngạc của ông được thể hiện chút nào ra bên ngoài.

“Những người tham gia trong tất cả các điều kiện đều đánh giá quá cao biểu hiện kinh ngạc của mình”, Schützwohl viết. Tại sao? Họ “suy luận rằng các biểu cảm trên khuôn mặt họ sẽ giống với biểu hiện kinh ngạc được lấy từ... niềm tin tâm lý phổ biến liên quan đến biểu cảm khuôn mặt”. Tâm lý phổ biến là kiểu tâm lý thô mộc mà chúng ta lượm lặt được từ các nguồn văn hóa như là các bộ phim hài kịch dài tập. Nhưng đó không phải là những gì diễn ra trong đời thực. Sự tương ứng chỉ là hoang đường - một ý tưởng mà chúng ta cóp nhặt được bởi vì xem quá nhiều chương trình truyền hình và đọc quá nhiều tiểu thuyết trong đó các nhân vật chính “há hốc mồm vì kinh ngạc” hoặc “mắt mở tròn vì ngạc nhiên”. Schützwohl tiếp tục: “Những người tham gia rõ ràng là đã lập luận rằng, bởi vì họ cảm thấy bất ngờ, và vì sự bất ngờ được liên hệ chặt chẽ với một số biểu hiện trên khuôn mặt, nên họ hẳn phải thể hiện sắc thái ấy trên khuôn mặt. Trong hầu hết các trường hợp, sự suy luận này là sai lầm”.

Tôi không nghĩ rằng sai lầm này - kỳ vọng rằng những gì biểu hiện ra bên ngoài cũng trùng khớp hoàn hảo với cảm xúc bên trong -

có gì quan trọng với bạn bè của chúng ta. Thấu hiểu một người nào đó là khi bạn hiểu ra rằng cảm xúc bên trong và biểu lộ bên ngoài của họ không nhất thiết tương ứng với nhau. Một lần, cha tôi đang trong phòng tắm của căn nhà gỗ mà cha mẹ tôi thuê để nghỉ dưỡng thì nghe thấy tiếng mẹ tôi hét lên. Ông chạy ra ngoài xem có chuyện gì thì bắt gặp một gã to lớn đang kề dao vào cổ mẹ tôi. Thế ông đã làm gì? Xin hãy nhớ cho đây là một người đàn ông bảy mươi tuổi, mình trần và ướt rượt từ trên xuống dưới. Ông giơ tay chỉ thẳng vào mặt kẻ tấn công và cất giọng nói to, rõ ràng: “Cút ra khỏi đây, NGAY”. Và gã thanh niên kia bỏ đi thật.

Trong thâm tâm, cha tôi sợ chết khiếp. Điều quý giá nhất trong đời ông - người vợ đầu gối tay ấp hơn nửa thế kỷ của ông - đang bị đe dọa, dao kề cổ. Nhưng tôi ngờ rằng nỗi sợ hãi không thể hiện ra trên khuôn mặt ông. Đôi mắt của ông không mở to kinh hãi, và giọng nói của ông không nháy vút lên một quãng tám. Nếu bạn quen biết cha tôi, hẳn bạn từng được chứng kiến ông trong những tình huống căng thẳng khác, và bạn sẽ đi đến một sự thấu hiểu rằng khuôn mặt “kinh hãi”, dù là bất cứ lý do nào, đơn giản là không nằm trong một phần sắc thái biểu lộ của ông. Trong khủng hoảng, ông chột trở nên bình tĩnh lạng người. Nhưng nếu bạn *không* quen biết ông, thì bạn sẽ nghĩ gì? Liệu bạn có kết luận ông máu lạnh? Vô cảm? Khi chúng ta đối đầu với một người lạ, chúng ta có một ý tưởng thay thế - một kiểu mẫu - cho trải nghiệm trực tiếp ấy. Và khuôn mẫu ấy thường là sai, sai quá thường xuyên.

Nhân tiện, bạn có biết những người Trobriand thể hiện sự kinh ngạc như thế nào không? Khi Crivelli xuất hiện, anh có mang theo một chiếc iPod nhỏ của hãng Apple, và những cư dân trên đảo xúm

quanh lại để ngắm nghía. “Họ tiến lại gần tôi. Tôi cho họ xem... Họ giật bản mình, nhưng họ không thể hiện như kiểu ‘Ói chà!’” Anh bắt chước khuôn mặt AU 1 + 2 + 5 mẫu mực. “Không. Họ làm thế này này». Và anh chặc lưỡi, đá lưỡi lên vòm họng. “Họ tạo ra tiếng *tặc, tặc, tặc*”.

6.

Đây là lời giải thích cho câu đố thứ hai, trong chương hai, về việc tại sao máy tính lại cho ra những quyết định cho phép tại ngoại tốt hơn so với các thẩm phán. Máy tính không thể nhìn thấy các bị cáo. Thẩm phán thì có, và dường như theo lô-gíc thì thêm thông tin phải khiến họ trở thành những người đưa ra quyết định giỏi hơn. Solomon, một thẩm phán của bang New York, có thể dò tìm trên gương mặt của người đang đứng trước mặt mình dấu hiệu của căn bệnh tâm thần - một cái nhìn lạnh lẽo, một thái độ hằn học, một đôi mắt lảng tránh. Bị can chỉ đứng cách ông không quá 3 mét và Solomon có cơ hội đánh giá con người mà ông đang cân nhắc. Nhưng tất cả những thông tin bổ sung ấy thực ra không hữu ích. Những người cảm thấy kinh ngạc không nhất thiết trông có vẻ kinh ngạc. Những người có vấn đề về kiểm soát cảm xúc không nhất thiết trông giống như những người có vấn đề về kiểm soát cảm xúc.

Vài năm trước có một vụ án nổi tiếng ở Texas trong đó một thanh niên trẻ tên là Patrick Dale Walker đã dí súng vào đầu bạn gái cũ - chỉ có điều khẩu súng bị kẹt khi anh ta bóp cò. Thẩm phán đã phán quyết mức tiền bảo lãnh tại ngoại là một triệu đô-la, sau đó hạ xuống 25.000 đô-la sau khi Walker bị giam bốn ngày trong tù, trên sàn lạnh, cho rằng như vậy là đủ để cậu ta “cóng”. Như thẩm phán giải thích về sau, Walker không có án tích gì trong lý lịch tư pháp,

“thậm chí không có cả vé phạt giao thông”. Cậu ta lịch thiệp: “Cậu ta là một chàng trai trẻ rất điềm đạm, cử chỉ bất thiệp. Cậu ta, như những gì tôi đánh giá, là một chàng trai rất thông minh. Cậu ta được chọn làm người đại diện lên đọc bài phát biểu tốt nghiệp. Cậu ta đã tốt nghiệp đại học. Và cô gái trong câu chuyện này là bạn gái đầu tiên của cậu ta”. Điều quan trọng nhất, theo như lời thẩm phán, Walker bày tỏ sự ăn năn hối lỗi.

Thẩm phán nghĩ rằng Walker là một trường hợp tương ứng. Nhưng liệu việc “thể hiện sự ăn năn hối lỗi” có nghĩa lý gì? Liệu anh ta thể hiện khuôn mặt buồn bã, đôi mắt sụp xuống, đầu cúi thấp, theo cái cách mà anh ta đã trông thấy người khác thể hiện sự hối lỗi đến hàng ngàn lần trên truyền hình? Và tại sao chúng ta lại nghĩ rằng nếu ai đó trình ra một bộ mặt buồn, mắt sụp xuống, đầu hạ thấp, thì sẽ có một làn sóng đổi thay nào đó thế chỗ cho những tâm địa xấu xa trong tim họ? Cuộc sống không phải là *Những người bạn*. Việc nhìn thấy Walker không giúp ích gì cho thẩm phán, thậm chí còn phản lại ông. Nó khiến ông giải thích gỡ tội cho anh ta nhằm xua đi một thực tế là Walker đã dí súng vào đầu bạn gái và không lấy được mạng của cô chỉ vì khẩu súng bị trục trặc kỹ thuật. Bốn tháng sau, trong khi được tại ngoại, Walker bắn vào đầu bạn gái cho đến chết.

Nhóm Mullainathan đã viết:

Bất kể những ẩn số khó nhận biết khiến cho các thẩm phán phán đoán chệch hướng là gì - đó có thể là các trạng thái nội tâm, ví dụ như tâm trạng, hoặc một yếu tố cụ thể trong vụ án nổi lên hoặc có sức nặng, ví dụ như diện mạo của bị cáo - chúng không phải một

nguồn thông tin mật và cũng chẳng khác gì một nguồn dự đoán trật. Những biến số khó nhận biết này tạo ra độ nhiễu, không phải tín hiệu.

Dịch ra là: Lợi thế mà vị thẩm phán có được so với máy tính thực ra không hẳn là một lợi thế.

Phải chăng chúng ta nên sử dụng nghiên cứu của Mullainathan để đi đến kết luận logic cuối cùng? Phải chăng chúng ta không nên cho bị cáo trình diện trước thẩm phán? Lẽ nào khi một người phụ nữ xuất hiện trong tòa án đầu trùm khăn niqab kín mít, thì phản ứng đúng đắn không phải là bác bỏ vụ kiện - mà phải là yêu cầu tất cả những người còn lại đeo mạng che mặt vào. Nếu lập luận như vậy, thì có lẽ cũng nên đặt câu hỏi liệu chúng ta có cần gặp trực tiếp người giữ trẻ trước khi thuê cô ta, hay liệu công ty của bạn có đúng không khi lên lịch phỏng vấn mặt đối mặt rồi mới quyết định gửi cho bạn thư mời làm việc.

Nhưng đương nhiên là chúng ta không thể xoay lưng với những cuộc chạm trán trực tiếp, phải không? Thế giới không thể vận hành nếu tất cả những trao đổi giá trị đều được thực hiện nặc danh. Tôi hỏi Thẩm phán Solomon chính câu hỏi này, và câu trả lời của ông rất đáng cân nhắc.

Malcolm Gladwell (MG): Thế nếu như ông không nhìn thấy bị cáo thì sao? Liệu điều đó có tạo ra sự khác biệt nào không?

Solomon: Liệu tôi có thích phương án ấy hơn không ư?

MG: Liệu ông có thích phương án ấy hơn không?

Solomon: Phần nào đó thì tôi sẽ muốn phương án ấy hơn, bởi vì khi ấy những quyết định khó khăn như quyết định nhốt ai đó vào tù

sẽ cảm thấy bớt nặng nề hơn. Nhưng điều đó không đúng... Ở đây là một con người bằng xương bằng thịt đang chuẩn bị đưa vào giam lỏng theo luật lệ của tiểu bang, và tiểu bang phải giải thích được tại sao lại tước đi quyền tự do của một con người chứ, phải không? Nhưng giờ tôi sẽ nghĩ về việc này như một công cụ thôi.

Vấn đề tương ứng rất cuộc cũng dừng lại ở một chỗ giống như vấn đề mặc định với sự thành thật. Các chiến lược mà chúng ta dùng để đối phó với những người xa lạ là cực kỳ thiếu sót, nhưng chúng cũng đồng thời cần thiết về mặt xã hội. Nhưng đòi hỏi về con người đồng nghĩa với việc chúng ta phải dung thứ một số lượng lỗi sai khổng lồ. Đó quả là nghịch lý khi trò chuyện với người xa lạ. Chúng ta cần phải nói chuyện với họ. Nhưng chúng ta lại rất tệ hại trong khoản này - và như sẽ được chứng kiến trong hai chương tiếp theo, chúng ta không thường xuyên trung thực với người khác về việc chúng ta tệ hại đến mức nào khi giao tiếp với người lạ.

Solomon: Vì vậy một mặt, tôi cho rằng có một phần trong tôi lên tiếng: “Ồ, phải. Ừm, sẽ là dễ dàng hơn nếu không nhìn thấy họ”, Nhưng ở đây tôi có một người đang nhìn mình và tôi đang nhìn họ. Gia đình của họ thì đang ngồi ở hàng ghế khán giả ra hiệu chào tôi trong quá trình tranh tụng, anh biết đấy, và anh ta có ba người thân ngồi ở phía sau. Điều đó có nghĩa là... Anh cần biết rằng quyết định của anh có ảnh hưởng tới người khác.

Và tuyệt đối không thể coi nhẹ việc đó được.

Chương bảy

MỘT GIẢI THÍCH “NGẮN GỌN” VỀ TRƯỜNG HỢP CỦA AMANDA KNOX

1 . Đêm 1 tháng 11 năm 2007, T đã bị sát hại bởi Rudy Guede. Sau một núi lập luận, đối chiếu và tranh cãi, tội lỗi của anh ta đã được định đoạt. Guede là một nhân vật mờ ám, từng lượn lờ quanh ngôi nhà ở thị trấn Perugia, Italia, nơi Kercher, một sinh viên nước ngoài đang sinh sống trong một chương trình trao đổi sinh viên quốc tế. Guede từng có tiền án. Hắn ta đã thừa nhận có mặt tại nhà Kercher vào đêm cô bị sát hại - và chỉ có thể đưa ra những lý do bất khả dĩ nhất trả lời cho câu hỏi tại sao. Hiện trường vụ án phủ đầy dấu DNA của hắn ta. Sau khi xác của cô gái được phát hiện, hắn lập tức trốn khỏi Italia sang Đức.

Nhưng Rudy Guede không phải là mối tập trung duy nhất của cảnh sát điều tra - cũng như của cơn sóng thần truyền thông báo chí sau khi vụ án mạng giết hại Kercher xảy ra. Thay vào đó, sự tập trung, lại đổ dồn về người bạn cùng phòng của Kercher. Tên của cô ấy là Amanda Knox. Cô gái này trở về nhà vào buổi sáng và phát hiện ra có vết máu trong phòng tắm. Cô và bạn trai, Raffaele Sollecito, đã gọi điện báo cảnh sát. Cảnh sát đến và phát hiện ra Kercher đã chết trong phòng ngủ; trong vòng vài giờ đồng hồ người ta đã đưa Knox và Sollecito vào diện tình nghi. Vụ án, theo như

cảnh sát phán đoán, dính líu đến ma túy - và nghi ngờ có sự dính líu của trò chơi tình dục-ma-men của bộ ba Guede, Sollecito và Knox, khi cuộc chơi bị đẩy đi quá đà. Cả ba bị bắt giữ, buộc tội, kết tội và vào tù - từng bước tuần tự diễn ra trong sự ám ảnh cực độ của báo chí lá cải.

“Một vụ ám sát luôn khiến mọi người chú ý. Một chút kích thích. Một chút bí ẩn. Một chút trinh thám”, nhà báo người Anh Nick Pisa phát biểu trong bộ phim tài liệu *Amanda Knox* - bộ phim được coi là một thư viện tư liệu khổng lồ về sách, khảo luận học thuật, bài báo tạp chí, phim ảnh và các tin tức truyền hình gắn chặt với vụ án. “Và bối cảnh chúng ta đang có ở đây là một thị trấn xinh xắn, đẹp như mơ nằm trên một ngọn đồi ở giữa nước Ý. Nó là một cuộc sát hại đặc biệt kinh hồn đáng tửm. Nào cắt cổ, bán khỏa thân, máu me tung toé khắp nơi. Ý tôi là, bạn còn đòi hỏi gì hơn thế ở một câu chuyện?”

Những câu chuyện tội phạm điển hình khác, ví như trường hợp của O. J. Simpson và JonBenét Ramsey, sẽ chỉ là cơn gió thoảng nếu như bạn quay trở lại tìm hiểu về nó trong năm hay mười năm nữa. Nhưng trường hợp của Amanda Knox lại khác. Ngay cả sau sự kiện người ta cũng hoàn toàn không thể lý giải nổi. Không hề có bất cứ bằng chứng nào tại hiện trường có liên hệ đến Knox hoặc bạn trai cô. Cũng như không có bất cứ một lý giải khả dĩ nào cho việc tại sao Knox - một cô gái mới lớn, nhút nhát, xuất thân từ gia đình trung lưu đến từ Seattle - lại có hứng thú tham gia vào trò chơi tình dục giết chóc với một thành phần bất hảo phức tạp mà cô gần như không quen biết. Cuộc điều tra chống lại cô sau này đã vén bức màn cho thấy một sự ngờ ngẩn kinh người. Bản phân tích bằng chứng

DNA được cho là thể hiện mối liên quan giữa cô gái và Sollecito với vụ án hoàn toàn là chấp ghép. Công tố viên của cô ấy đã vô trách nhiệm toàn diện, bị ám ảnh với các vụ phạm tội liên quan đến tình dục. Ấy vậy mà tòa án Tối cao Italia phải mất đến *tám năm* sau khi vụ án xảy ra mới tuyên vô tội cho Knox. Ngay cả khi ấy, rất nhiều người tưởng như thông thái, hiểu chuyện cũng không đồng tình. Khi Knox được thả tự do khỏi nhà tù, một đám đông giận dữ đã tụ tập tại quảng trường thị trấn Perugia để biểu tình phản đối sự phóng thích. Trường hợp của Amanda Knox rất là vô lý.

Tôi có thể cung cấp cho bạn bản phân tích từng lỗi sai trong cuộc điều tra vụ sát hại Kercher. Chúng có thể dày bằng cuốn sách này. Tôi cũng có thể giới thiệu cho bạn một số bài phân tích học thuật dễ hiểu nhất về những sai phạm pháp lý trong cuộc điều tra, ví dụ như bài viết kỹ lưỡng của Peter Gill “Phân tích và Hệ quả của những Sai phạm Công lý đối với Amanda Knox và Raffael Sollecito” trong số ra tháng 7 năm 2016 của tạp chí *Forensic Science International (Khoa học Hình sự Quốc tế)*, trong đó có những đoạn viết như sau:

Hình ảnh phóng đại DNA trong mẫu vật B cũng được coi là đối tượng để điện di chất mao quản. Biểu đồ điện di cho thấy đỉnh nằm dưới mức ngưỡng báo cáo và bản sao (allele) bất cân xứng ở hầu hết các điểm. Tôi đếm chỉ thấy có 6 allele nằm trên ngưỡng báo cáo. Biểu đồ điện di cũng cho thấy một phần danh sách DNA được tuyên bố là trùng hợp với của Meredith Kercher. Hệ quả là, mẫu vật B là ranh giới để diễn giải.

Nhưng thay vào đó, hãy cho phép tôi gửi tới bạn một lý thuyết đơn giản và ngắn gọn nhất trong tất cả những lý thuyết lý giải về trường hợp của Amanda Knox. Trường hợp của cô ấy là về sự tương ứng. Nếu bạn tin rằng về bề ngoài và hành động của một người lạ mặt là một đầu mối đáng tin cậy cho những gì họ cảm nhận - nếu bạn tin vào nguy biện *Những người bạn* - thì bạn sẽ mắc sai lầm. Amanda Knox là một trong số những sai lầm ấy.

2. Hãy quay trở lại, trong một chốc lát, với lý thuyết của Tim Levine mà tôi đã nói đến ở chương ba. Levine đã tạo lập một chương trình sắc sảo dành cho sinh viên đại học. Ông cho họ làm một bài kiểm tra kiến thức vui. Giữa chừng, giám thị phòng thi có việc rời khỏi phòng, để ngỏ đáp án trên mặt bàn. Sau đó, Levine phỏng vấn các sinh viên và hỏi thẳng xem liệu họ có gian lận không. Một số nói dối. Một số nói thật. Sau đó ông chiếu những đoạn phim phỏng vấn ấy cho mọi người và hỏi liệu họ có phát hiện ra sinh viên nào đang nói dối.

Các nhà khoa học xã hội đã thực hiện những phiên bản khác nhau của thí nghiệm này trong nhiều năm. Bạn có một một “người đưa tin” - một đối tượng - và một “giám khảo”, và bạn đo đạc mức độ chính xác của giám khảo trong nhiệm vụ xác định người đưa tin nói láo. Điều Levine khám phá được cũng chính là những gì mà các nhà tâm lý học vẫn luôn tìm thấy trong các trường hợp này, đó là hầu hết chúng ta đều rất kém trong khoản xác định đối trá. Trung bình, tỉ lệ mà các giám khảo phát hiện chính xác số người nói dối là 54% - chỉ nhỉnh hơn tỉ lệ may rủi chút xíu. Điều này đúng với bất kể thành phần giám khảo là ai. Sinh viên tệ hại. Điệp vụ FBI tệ hại. Sĩ quan CIA tệ hại. Luật sư tệ hại. Có chăng chỉ có vài “siêu thám tử”

đếm được trên đầu ngón tay là thắng được số đông. Nhưng những người có thể làm được việc đó thì rất hiếm có. Tại sao?

Câu trả lời đầu tiên chính là điều mà chúng ta đã nói đến trong chương ba. Chúng ta thiên kiến sự thật. Mặc dù ta biết điều đó là có lí, khi ta gạt bỏ nghi ngờ, quyết định đặt lòng tin và giả định rằng những người mà chúng ta gặp gỡ đều đang thành thực. Nhưng Levine không hoàn toàn hài lòng với lý giải đó. Vấn đề ở đây rõ ràng sâu hơn là sự mặc định với sự thành thật. Cụ thể, ông choáng váng khi phát hiện ra rằng những dối trá hầu hết chỉ được phát hiện sau khi sự kiện đã xảy ra nhiều tuần, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm trước đó.

Ví dụ, khi Scott Carmichael nói với Ana Montes trong cuộc họp đầu tiên, “Nghe này, Ana. Tôi có lý do để nghi ngờ rằng cô có dính líu đến hoạt động tổ chức phản gián chống phá”, cô ta ngòì đó nhìn ông ta như thể con nai bị đèn pha rọi thẳng vào mặt. Nếu thực sự vô tội, cô ta hẳn phải nói một điều gì đó - kể cả hét lên, để phản ứng. Nhưng Montes thì sao? Cô ta “không làm cái chớ gì ngoài ngòì im như tượng”.

Tuy vậy, trong khoảnh khắc ấy, Carmichael đã để sót manh mối. Montes bị lật tẩy chẳng qua vì may rủi, bốn năm sau thời điểm đó. Điều mà Levine tìm ra đó là chúng ta luôn luôn bỏ lỡ những manh mối cốt yếu trong khoảnh khắc ấy - và điều đó làm ông điên đầu. Tại sao? Điều gì diễn ra vào đúng khoảnh khắc một người nào đó nói một câu dối trá khiến ta bị chệch hướng *một cách đặc biệt*? Để trả lời cho câu hỏi ấy, Levine quay trở lại với các đoạn băng ghi hình.

Đây là một đoạn cắt trong số những đoạn băng ghi hình khác mà Levine đã chỉ cho tôi. Đó là một thiếu nữ - hãy gọi cô ta là Sally.

Levine lần lượt hỏi cô một loạt câu hỏi thẳng thắn, mọi chuyện diễn ra bình thường. Thế rồi khoảnh khắc cốt tử ập đến:

Người phỏng vấn: Nào, có hành vi gian dối nào diễn ra khi Rachel đi vắng không?

Sally: Không.

Người phỏng vấn: Cô đang nói thật chứ?

Sally: Vâng.

Người phỏng vấn: Khi tôi phỏng vấn bạn chơi của cô, tôi cũng sẽ hỏi cô ấy câu hỏi y hệt. Thế cô ấy sẽ nói gì?

Sally ngập ngừng, có vẻ không chắc chắn.

Sally: Có lẽ là... cũng thế.

Người phỏng vấn: Được rồi.

Khoảnh khắc Levine đặt câu hỏi: “Có hành vi gian dối nào diễn ra?” cánh tay và gương mặt của Sally bắt đầu ửng hồng. Gọi đó là ửng hồng vì xấu hổ có lẽ không thể hiện được hết trạng thái của cô khi ấy. Khuôn mặt của cô ấy xứng đáng mang ra minh họa cho cụm từ “đỏ mặt tía tai khi bị bắt quả tang tại trận”. Tiếp theo đó là câu hỏi cốt tử: “Bạn chơi của cô sẽ nói điều gì?” Sally ửng Hồng thậm chí không thể nói được một câu nghe có vẻ thuyết phục, “Cô ấy sẽ đồng tình với tôi”. Cô ấy âm ừ, rồi ừ hử, và rụt rè nói, “Có lẽ là... cũng thế”. Có lẽ là ư? Sally ửng Hồng chắc chắn là đang nói dối, và *tất cả những người* được mời làm giám khảo cho đoạn băng đều nhận ra là cô ấy nói dối.

Tiếp theo là đoạn băng ghi hình mà Levine chiếu cho tôi xem. Đó là một người phụ nữ ngồi một cúm rúm trong cả buổi phỏng vấn và tay không ngừng vuốt một lọn tóc. Hãy gọi cô ấy là Nelly Nơm Nớp.

Người phỏng vấn: Nào, lúc này Rachel được gọi ra khỏi phòng. Có hành vi gian lận nào diễn ra khi cô ấy vắng mặt?

Nelly Norn Norn: Thực ra bạn chơi của tôi đúng là có muốn nhìn vào bảng đáp án, nhưng tôi bảo không - kiểu như, “Tôi muốn xem tụi mình trả lời đúng được mấy câu” - bởi vì tôi không thích trò gian lận. Tôi nghĩ điều đó là sai trái, vì thế tôi không ăn gian. Tôi bảo cô ấy là không. Tôi đã nói: “Tôi không muốn làm thế”. Nhưng cô ấy lại bảo, “Ừm, tụi mình chỉ ngó một câu thôi”. Tôi vẫn cương quyết: “Không, tôi không muốn làm như thế”. Tôi không biết như thế có bị tính không, nhưng không, chúng tôi đã không gian lận.

Người phỏng vấn: Được rồi, cô có đang nói thật với tôi về chuyện gian lận không đấy?

Nelly Norn Norn: Vâng, chúng tôi không mà - cô ấy muốn... bạn chơi của tôi còn thành thực nói là: “Chúng ta chỉ ngó một câu thôi”. Tôi đã bảo lại: “Không, thế chẳng hay ho đâu, tôi không muốn làm thế”. Điều duy nhất mà tôi có nói về chuyện đó là: “Tôi hơi ngạc nhiên tại sao họ lại để toàn bộ tiền lại đây”. Tôi thật sự không lấy cắp cũng không ăn gian, tôi là một người đang hoang. Tôi chỉ hơi ngạc nhiên, bởi vì thường khi người ta để quên tiền, thì sẽ có người lấy mất - đấy là kiểu mọi người thường hay làm. Nhưng không, chúng tôi không gian lận. Chúng tôi cũng chẳng lấy cắp thứ gì.

Suốt buổi, cô ấy không ngừng cuộn tròn lọn tóc, nói lầy nói để, phòng thủ thái quá, giải thích vòng vèo, liên tục tỏ ra bồn chồn, và có phần rối rắm.

Người phỏng vấn: Được rồi, vậy nếu tôi gọi bạn chơi của cô vào phỏng vấn, cô ấy sẽ trả lời thế nào với câu hỏi đó?

Nelly Norem Nór: Tôi nghĩ cô ấy sẽ nói rằng cô ấy đã có ý muốn nhìn.

Người phỏng vấn: OK.

Nelly Norem Nór: Nếu cô ấy mà nói khác đi thì không hay chút nào đâu, bởi vì tôi đã bảo là: “Không, tớ không muốn gian lận tí nào”. Cô ấy chỉ bảo: “Tại sao không nhìn chỉ một câu thôi?” Cô ấy bảo: “Ừm, nhưng mà đáp án nằm ngay kia”, và tôi đã bảo: “Không, tớ sẽ không làm thế đâu. Tớ không phải kiểu người ấy. Tớ không làm những việc như thế”.

Tôi đã bị thuyết phục rằng Nelly Norem Nór đang nói dối. Bạn cũng có thể sẽ có kết luận tương tự, nếu bạn tận mắt chứng kiến hành động của cô ấy. *Tất cả mọi người* đều nghĩ rằng Nelly Norem Nór đang nói dối. Nhưng không! Khi bạn cùng chơi báo cáo lại với Levine, ông đã khẳng định từng lời Nelly Norem Nór đã nói là sự thật.

Levine phát hiện ra mẫu thức này lặp đi lặp lại. Ví dụ, trong một thí nghiệm, có một nhóm người được phỏng vấn mà ở đó 80% các giám khảo đoán sai. Và một nhóm khác có đến 80% giám khảo đoán đúng.

Vậy thì lời giải thích cho hiện tượng này là gì? Levine lập luận rằng đó là vì sự giả định về tính tương ứng trong hành động. Chúng ta có xu hướng đánh giá sự thành thật dựa trên hành vi. Những người tự tin, khéo ăn nói với một cái bắt tay thật chặt, người có vẻ thân thiện và hòa đồng được coi là đáng tin cậy. Những người thể hiện sự căng thẳng, láo liên, lập bập, gượng gạo với những lời giải thích vòng vèo, xoắn vặn thì không đáng tin cậy. Một cuộc khảo sát về thái độ trong tiềm thức được tiến hành vài năm trước, trong đó mời hàng ngàn người từ 58 quốc gia trên khắp thế giới, 63% người

được hỏi trả lời rằng mẹo mực mà họ thường dùng nhất để xác định một kẻ dối trá là “tránh nhìn thẳng”. Chúng ta nghĩ rằng những kẻ dối trá trong đời thực cũng hành xử như những kẻ dối trá trên phim truyền hình *Những người bạn* - phản chiếu nội tâm của họ bằng đôi mắt láo liên và né tránh.

Điều này - nói một cách lịch sự - là vớ vẩn. Những kẻ nói dối không có cái nhìn tránh né. Nhưng luận điểm của Levine đưa ra là niềm tin cứng đầu của chúng ta vào một bộ hành vi ứng xử không lời, gắn với tiềm thức giải thích cho hình mẫu mà ông tìm được trong các đoạn băng ghi hình về sự gian dối. Những người mà tất cả chúng ta đều đoán đúng là những người có sự *trùng khớp* - giữa mức độ trung thực đáng tin cậy với vẻ bề ngoài. Sally Ừng Hồng trùng khớp. Cô ấy hành động đúng như khuôn mẫu của một kẻ dối trá. Và thật tình cờ cô ấy cũng đang nói dối. Đó là lý do vì sao chúng ta tóm được cô ấy ngay. Trong tập phim truyền hình *Những người bạn*, khi Monica báo tin cho anh trai Ross về mối quan hệ yêu đương của mình, cô cầm lấy tay của Ross và bảo: “Em xin lỗi vì để anh biết chuyện bằng cách này. Em xin lỗi. Nhưng điều đó là sự thật, em cũng yêu anh ấy”. Chúng ta tin cô ấy ở giây phút ấy - rằng cô ấy thực lòng cảm thấy có lỗi và thực lòng cảm nhận tình yêu, bởi vì cô ấy trùng khớp hoàn hảo. Cô ấy đang thành thật và cô ấy trông thành thật.

Tuy nhiên, khi một kẻ nói dối hành động như một người trung thực, hoặc khi một người trung thực hành xử như một kẻ dối trá, chúng ta bị nhiễu sóng. Nelly Nơm Nớp là một trường hợp *lệch khớp*. Cô ấy trông như thể đang nói dối, nhưng cô ấy không nói dối. Chỉ là cô ấy đang lo lắng! Nói cách khác, con người là những chiếc

máy phát hiện nói dối tệ hại. Chúng ta là những bộ máy phát hiện nói dối tệ hại *trong tình huống những người chúng ta đánh giá lại lệch khớp.*

Vào một thời điểm trong quá trình đeo đuổi Bernie Madoff, Harry Markopolos tiếp cận một nhà báo tài chính lão luyện tên là Michael Ocrant. Markopolos thuyết phục Ocrant hãy nghiêm túc xem xét khả năng Madoff như một kẻ lừa đảo, đến mức Ocrant phải đặt lịch hẹn phỏng vấn trực tiếp với Madoff. Nhưng chuyện gì đã xảy ra sau đó?

“Điều khiến tôi ấn tượng không phải các câu trả lời, mà là toàn bộ hành vi của ông ấy”, nhiều năm sau Ocrant mới phát biểu.

“Gần như là bất khả khi ngồi đó với ông ấy và tin rằng ông ấy là một kẻ lừa đảo hoàn toàn. Tôi còn nhớ mình đã tự nhủ, *Nếu [nhóm của Markopolo] nói đúng và ông này đang chạy một chương trình lừa đảo Ponzi tầm cỡ, thì hoặc ông ta là diễn viên hạng nhất mình từng biết hoặc là một tên biến thái hoàn toàn.* Không hề có dù chỉ một chút gợi ý nhỏ cho thấy sự tội lỗi, hồ thẹn hay ăn năn. Ông ta rất điềm tĩnh và thể hiện rằng cuộc phỏng vấn này thú vị. Thái độ của ông ta là “Có người nào đầu óc tỉnh táo mà lại có thể nghi ngờ tôi được? Tôi không tin là mọi người quan tâm đến điều này”.

Madoff là một trường hợp lệch khớp. Ông ta là kẻ dối trá với diện mạo của một người đàn ông trung thực. Và Ocrant - ai mà biết được, ở mức độ trí tuệ nào đó, có điều gì đó không ổn - đã bị xoay chuyển sau cuộc gặp với Madoff cho nên ông ta không tiếp tục theo đuổi câu chuyện này nữa. Liệu bạn có thể trách cứ ông ta? Đầu tiên

là có sự mặc định với sự thành thật, điều đó khiến nghệ sĩ lừa đảo có bước khởi đầu thuận lợi. Nhưng khi bạn thêm vào một sự lệch khớp nữa, thì không khó để hiểu tại sao Madoff lại có thể lừa được nhiều người đến thế trong khoảng thời gian lâu như vậy.

Và tại sao có rất nhiều nhà chính trị người Anh từng gặp gỡ với Hitler lại đọc vị ông ta sai bét như vậy? Bởi vì Hitler cũng là một trường hợp lệch khớp. Hãy nhớ ấn tượng của Chamberlain về cách Hitler chào đón ông ta khi giơ cả hai tay ra để bắt, điều mà Chamberlain tin rằng Hitler chỉ dành riêng cho những người ông ta yêu quý và tin tưởng. Đối với rất nhiều người, một cái bắt tay nồng ấm và thịnh tình có nghĩa là chúng ta cảm thấy ấm áp và nồng nhiệt đối với người chúng ta đang gặp gỡ. Nhưng không phải với Hitler. Hắn là một người giả trá nhất nhưng hành động ra vẻ trung thực^(*).

^(*). Đây là một ví dụ khác: *Dzhokhar Tsarnaev*, một trong hai anh em người Chechen đã gài một loạt bom giết người tại giải Boston Marathon năm 2013. Vấn đề chính trong phiên tòa xử Tsarnaev đó là liệu hắn ta có thoát được tội chết không. Công tố viên Nadine Pellegrini đã lập luận đanh thép rằng hắn ta không thể thoát tội được, bởi vì hắn ta không ăn năn cho những hành vi của mình. Ở một thời điểm, Pellegrini trình ra cho bồi thẩm đoàn xem một bức ảnh của Tsarnaev ở trong tù, giơ ngón tay thối về phía máy quay ở góc phòng. “Hắn ta có một thông điệp cuối cùng cần gửi đi”, bà nói tiếp, miêu tả Tsarnaev là một kẻ “lãnh đạm, trâng tráo, và không thể thay đổi”. Trên tạp chí *Slate*, thời điểm gần đưa ra phán quyết, Seth Stevenson đã viết: Và dấu biết là mạo hiểm khi đọc kỹ quá vào dáng vẻ hay động tác, hắn là Tsarnaev không nỗ lực mấy để tỏ ra dằn vặt hay hối hận trước bồi thẩm đoàn. Hình ảnh truyền từ phòng xử án

đến phòng báo chí tác nghiệp không có độ phân giải cao đủ để tôi có thể dám chắc 100% khi nói điều này, nhưng: Tôi chắc chắn rằng khi Pelligini đưa ra tám ảnh Tsarnaev lật con chim, hắn đã cười khẩy.

Không có gì phải bàn cãi, sau đó Tsarnaev bị tuyên có tội và bị xử tử. Mười người trong tổng số mười hai thành viên bồi thẩm đoàn tin là hắn ta không hề có cảm giác tội lỗi.

Nhưng như nhà tâm lý học Lisa Feldman Barrett đã chỉ ra, tất cả những bàn luận về việc liệu Tsarnaev có cảm thấy hoặc không cảm thấy ân hận về hành động của mình là một ví dụ hoàn hảo cho sai lầm của tính tương ứng. Bồi thẩm đoàn cho rằng bất kể Tsarnaev cảm thấy thế nào trong tâm khảm đều sẽ tự động phát ra trên khuôn mặt, theo cách phù hợp với khuôn mẫu về xúc cảm thường được thể hiện ra bên ngoài của người Mỹ. Nhưng Tsarnaev không phải là người Mỹ. Trong cuốn sách có tên Cảm xúc được tạo ra như thế nào, Barrett viết:

Trong vụ đánh bom giải chạy Boston Marathon, nếu Tsarnaev cảm thấy hối lỗi về hành động của mình, thì biểu hiện ra bên ngoài sẽ trông như thế nào? Liệu anh ta có phải khóc oà lên? Cầu xin sự tha thứ của những nạn nhân? Hay thể hiện sự sai trái theo cách của anh ta? Có lẽ, nếu anh ta làm theo khuôn mẫu thể hiện sự ân hận của người Mỹ, hoặc nếu như đây chỉ là một phiên tòa trong một bộ phim của Hollywood. Nhưng Tsarnaev là một thanh niên trẻ Hồi giáo đến từ Chechnya... Văn hóa Chechen cho rằng đàn ông phải khắc kỷ khi đối diện với những chông gai. Nếu thua trận, họ phải dũng cảm chấp nhận sự thất bại, với tâm thế “sói Chechen”. Vậy nếu

Tsarnaev cảm thấy ân hận, anh ta hẳn sẽ phải giữ nguyên bộ mặt lạnh như đá.

3. Vậy trường hợp của Amada Knox thì sao? Cô ấy cũng là một ca lệch khớp. Cô ấy là một người vô tội hành xử như có lỗi. Cô ấy là một Nelly Nơm Nớp.

Knox đã tỏ ra - với những người không quen biết - thật rối loạn. Vào thời điểm xảy ra vụ án, cô gái ấy mới hai mươi tuổi và xinh đẹp, với gò má cao và đôi mắt xanh dương thăm thẳm. Biệt danh của cô ấy là “Foxy Knoxy” - “Knoxy Cáo Con”. Những tờ báo lá cải đã khai ra một danh sách những người đàn ông từng ngủ với cô ấy. Cô ấy là người đàn bà quyền rũ chết người - kinh nghiệm và dạn dĩ tình trường. Sau ngày người bạn cùng phòng bị sát hại dã man, cô ấy bị bắt gặp đi mua đồ lót màu đỏ trong một tiệm bán đồ lót cùng với bạn trai.

Trên thực tế, cái tên “Foxy Knoxy” chẳng liên quan chút nào đến chuyện tình dục. Nó có xuất hiện từ hồi cô ấy 13 tuổi, được các bạn trong đội tuyển bóng đá đặt cho để tả cách rê bóng tài tình của cô khi ở trên sân. Cô ấy đi mua đồ lót màu đỏ vài ngày sau khi bạn cùng phòng bị sát hại bởi vì căn hộ của cô ấy là hiện trường vụ án và cô ấy không được phép vào để lấy đồ. Cô ấy không phải là người đàn bà đáng sợ^[23]. Cô ấy là một cô gái mới lớn, vừa bước qua tuổi niên thiếu được vài năm, mặt còn bung ra sữa. Kinh nghiệm và dạn dĩ tình trường ư? Amanda Knox thực tế chính là một trường hợp của sự lệch khớp.

^[23] *Danh sách người yêu của Knox cũng không giống như nó được mô tả. Để dọa dẫm, cảnh sát Ý đã nói dối và bảo rằng cô ấy bị*

nhiễm HIV. Knox, sợ hãi và đơn độc trong nhà ngục, đã viết ra danh sách những bạn tình trong quá khứ để nghĩ xem làm sao chuyện ấy lại có thể xảy ra.

“Tôi là một đứa trẻ lập dị, kết bạn với tụi trẻ còn ham đọc truyện tranh manga, những đứa đồng giới bị ruồng bỏ, và những tay mê kịch nghệ”, Knox viết trong hồi kí, xuất bản năm 2011, mãi sau khi được trả tự do khỏi nhà tù Italia.

Ở trường trung học, cô ấy xuất thân trong gia đình trung lưu, nhận hỗ trợ tài chính, xung quanh là chúng bạn con nhà khá giả. “Tôi theo học lớp tiếng Nhật và thường hát rống ở các hành lang khi chuyển phòng giữa các tiết học. Bởi vì tôi biết mình không vừa vặn với môi trường xung quanh, tôi hành động như thể đây là mình, mặc dù tôi chưa bao giờ thực sự là mình cả”.

Những người trùng khớp thì hành động phù hợp với kỳ vọng của chúng ta. Ý đồ nhất quán với hành vi. Những người lệch khớp thì bối rối và khó lường: “Tôi làm những việc sẽ khiến hầu hết những bạn tuổi teen và phụ huynh cảm thấy xấu hổ - đi ra phố trong bộ dạng của người Ai Cập hoặc của một con voi - nhưng đó là những gì bọn trẻ cho là hay ho quá thể”.

Vụ sát hại Kercher khiến bạn bè của cô thay đổi cách hành xử. Họ đi lại khẽ khàng, hạ giọng xì xầm, thì thào thể hiện nỗi cảm thông. Knox thì không như thế.

Mời bạn nghe một loạt trích dẫn mà tôi lấy được - một cách ngẫu nhiên - từ cuốn sách *Chết ở Perugia* của nhà báo người Anh John Follain. Và hãy tin tôi, còn rất nhiều đoạn giống thế. Đây là đoạn Follain miêu tả diễn biến khi bạn bè của Kercher gặp gỡ Knox và Sollecito tại đồn cảnh sát ngày hôm sau vụ sát hại.

“Ôi Amanda. Tớ vô cùng xin lỗi!” Sophie kêu lên, và một cách tự nhiên, cô dang tay ôm bạn thật chặt.

Amanda không ôm lại Sophie. Thay vào đó, cô co người lại, buông xõng hai tay xuôi theo cơ thể. Amanda không nói gì.

Ngạc nhiên, Sophie rời bạn ra sau vài giây và lùi lại. Không hề có một dấu vết cảm xúc nào hiện ra trên khuôn mặt Amanda.

Raffaele tiến lại gần Amanda và cầm tay người yêu; cặp đôi chỉ đứng đó, tảng lờ Sophie và nhìn chăm chăm vào nhau.

Sau đó:

Amanda ngồi xuống, chân gác lên đùi Raffaele... hai người vuốt ve và hôn hít lẫn nhau; đôi khi còn cười.

Làm sao Amanda có thể hành động như vậy? Sophie tự hỏi bản thân. Chẳng lẽ cô ta không thèm quan tâm?

Và rồi:

Hầu hết tất cả bạn bè của Meredith Kercher đều nước mắt lưng tròng hoặc trông vô cùng tiều tụy, còn Amanda và Raffaele vẫn chụm môi hôn nhau chùn chụt hoặc gửi nhau những nụ hôn gió.

Và còn:

“Hy vọng là bạn ấy không phải chịu đau đớn”, Natalie nói.

“Cậu nghĩ cái gì vậy? Bọn chúng cắt cổ cậu ấy mà, Natalie. Cậu ấy chả chảy con bà nó hết máu cho đến lúc chết!” Amanda bóp chặt.

Những lời nói của Amanda khiến Natalie lạnh sống lưng; cô ấy ngạc nhiên vì Amanda nhắc đến những kẻ giết người, và còn bởi vì sự lạnh lùng trong giọng nói của bạn. Natalie nghĩ như thể là cái chết của Meredith không khiến Amanda bận lòng.

Trong một cuộc phỏng vấn với Knox, Diane Sawyer của Đài Tin tức ABC đã lật lại cuộc trao đổi cuối cùng trong đồn cảnh sát khi

Knox trả treo với bạn của Kercher và nói, “Cậu ấy chả chảy con bà nó hết máu cho đến lúc chết”.

Knox: Phải. Tôi rất giận dữ. Tôi hình dung, rồi nghĩ đến những gì Meredith hẳn đã phải chịu đựng.

Sawyer: Giờ cô cảm thấy ân hận vì hành xử như thế ư?

Knox: Phải, tôi ước mình có thể cư xử người lớn hơn khi ấy.

Trong một tình huống điển hình đòi hỏi sự cảm thông, Knox lại lớn tiếng và giận dữ. Cuộc phỏng vấn tiếp tục:

Sawyer: Các bạn có thể thấy rằng nó trông không giống sự đau buồn. Không ai đọc ra đây là sự tiếc thương.

Cuộc phỏng vấn được thực hiện sau khi việc xử án oan sai trong vụ sát hại của Kercher đã được làm rõ trắng đen. Knox đã được thả tự do sau 4 năm ngồi tù ở Italia bởi không hành xử theo cách mà chúng ta nghĩ rằng người khác phải thế sau khi bạn cùng phòng của họ bị sát hại. Ấy vậy mà Diane Sawyer đã nói điều gì với cô gái? Người phỏng vấn trách cứ cô ấy vì đã không hành xử theo cách mà chúng ta nghĩ rằng những người trong tình huống ấy phải thế sau khi bạn cùng phòng của họ bị sát hại.

Trong phần giới thiệu mở đầu cuộc phỏng vấn, người dẫn chương trình nói rằng vụ án của Knox vẫn còn gây tranh cãi bởi vì, một phần, “những biện hộ cho sự vô tội của cô ấy đối với nhiều người có vẻ quá lạnh lùng và tính toán hơn là thương xót” - điều này chẳng phải xem ra còn kỳ quặc hơn khi nói ra? Tại sao chúng ta lại kỳ vọng Knox phải tỏ ra ăn năn hối lỗi? Chúng ta đòi hỏi sự ăn năn từ người có lỗi. Knox chẳng làm gì cả. Nhưng cô ấy vẫn bị chỉ trích vì đã “lạnh lùng và tính toán”. Ở từng khúc ngoặt, Knox không tài nào thoát nổi sự kiểm duyệt chỉ vì sự *kỳ quái* của mình.

Knox: Tôi nghĩ rằng mỗi người có phản ứng khác nhau trước một sự việc kinh hoàng.

Cô ấy đúng! Tại sao lại không thể giận dữ khi phản ứng với một vụ sát hại, mà cứ phải là buồn bã? Nếu bạn là bạn của Amanda Knox, bạn sẽ không ngạc nhiên về phản ứng của cô ấy. Bạn đã từng trông thấy Knox đi xuống phố trong bộ dạng con voi. Nhưng với những người xa lạ, chúng ta không dung thứ cho những phản ứng cảm xúc nằm ngoài vòng kỳ vọng.

Bốn ngày sau khi thi thể của Kercher được phát hiện ra, trong khi chờ đợi để được cảnh sát thẩm vấn, Knox quyết định tập luyện cho giãn cơ. Cô tập xuống tăn, đứng lên ngồi xuống, hàng giờ đồng hồ. Cô cúi đầu chạm ngón chân, tay vươn quá đầu. Viên cảnh sát trực nói với cô, “Cô trông có vẻ thư giãn quá nhỉ”.

Tôi trả lời: “Tôi thường tập yoga”. Anh ta hỏi: “Cô dạy tôi được không? Cô còn làm được những gì nữa?” Tôi tiến thêm vài bước lại gần thang máy và thực hiện một cú xoạc. Tôi cảm thấy hài lòng vì mình vẫn làm được động tác này. Trong khi tôi đang ngồi dưới sàn, hai chân xoạc hai phía, thì cánh cửa thang máy mở ra. Rita Ficarra, viên cảnh sát đã trông thấy Raffaele và tôi hôn nhau ngày hôm trước, bước ra. “Cô đang làm cái gì thế?” cô ta hỏi, giọng chứa đầy sự bức bối^[24].

^[24] . Có vô số chi tiết giống như thế. Đối với công tố viên của vụ án, là lúc anh ta kể chuyện anh ta đưa Knox đến căn bếp để nhìn vào ngăn kéo đựng dao đĩa xem có thiếu thứ gì không. “Cô ta ép hai lòng bàn tay vào hai tai. Như thể có một ký ức của một tiếng

động, một âm thanh, một tiếng hét ủa về. Tiếng kêu của Meredith. Không nghi ngờ gì nữa, tôi đưa Amanda vào diện tình nghi”. Hoặ chuyện này. Vào bữa tối với bạn bè của Meredith trong một nhà hàng, Amanda đột nhiên thốt lên một câu hát. “Nhưng những gì gây cười ở Seattle lại nhận được những cái nhìn hổ thẹn ở Perugia”, cô viết. “Tôi không hề ý thức được rằng cùng một điệu bộ thì bạn bè của tôi ở nhà cảm nhận sự yêu thương nhưng thực tế lại có thể khiến những người khác khó chịu, những người có ít khả năng chấp nhận sự khác biệt”.

Điều tra chính của vụ án, Edgardo Giobbi, nói rằng anh ta nghi ngờ Knox ngay từ giây phút cô ấy bước chân vào hiện trường vụ án cùng anh ta. Cô ta xỏ đôi ủng bảo vệ vào, đánh hông một cái và nói: “Ta-da”.

“Chúng tôi bắt đầu thiết lập các giả thiết”, Giobbi nói, “bằng cách quan sát kỹ lưỡng phản ứng tâm lý và hành vi của các đối tượng khả nghi trong quá trình điều tra. Chúng tôi không cần phải dựa vào các loại điều tra khác”.

Công tố viên của vụ án, Giuliano Mignini, bỏ ngoài tai những lời chỉ trích, kêu gào về cách xử lý vụ án giết người do phòng ông thực hiện. Tại sao mọi người phải tập trung quá nhiều vào bản phân tích DNA? “Mọi mảnh chứng cứ đều có yếu tố bất trắc”, ông ta nói. Vấn đề thực sự ở đây là cô Amanda kỳ quặc. “Tôi phải nhắc nhở các bạn rằng hành vi của cô ta hoàn toàn không thể lý giải nổi. Hoàn toàn phi lý trí. Không nghi ngờ gì về điều này^(*)”.

^(*). Điều khiến tôi thấy đáng chú ý về Amanda Knox ấy là chính về “tượng trưng” của cô ấy, cái về “tượng trưng» thường ngày mà ta có thể bắt gặp ở bất cứ nơi đâu từ trường học cho tới nơi làm việc, đã

đẩy cô ấy vào sự chỉ trích mà Tom Dibblee đã viết trong những bài luận đánh giá nhận thức về trường hợp này. “Đây chính là kiểu tưng tưng làm dấy lên những ngờ vực và đàm tiếu, cái kiểu tưng tưng mà trong đời sống thường nhật sẽ chỉ đạo chúng ta lựa chọn xem có nên liên kết bản thân với những ai, và đối với những ai thì nên giữ khoảng cách”.

Từ Bernard Madoff cho tới Amanda Knox, chúng ta không đánh giá đúng đối với những trường hợp lệch khớp.

4. Một điều nhức nhối nhất trong những khám phá của Tim Levine là việc ông trình chiếu những đoạn ghi hình nói dối cho một nhóm đặc vụ hành pháp lão luyện - những người có đến mười lăm năm kinh nghiệm thẩm vấn hoặc lâu hơn thế. Trước đó ông đã trình chiếu cho những sinh viên luật và những người trưởng thành làm đủ mọi ngành nghề. Kết quả không được tốt lắm, nhưng có lẽ điều đó cũng nằm trong kỳ vọng. Nếu bạn là một nhân viên môi giới bất động sản hoặc triết gia, thì nhận biết sự lừa lọc trong một cuộc trò chuyện có thể không phải là việc mà bạn thường làm. Nhưng Levine nghĩ, những người mà nghề nghiệp của họ chính xác là hoạt động này thì kết quả đo được thu về sẽ chính xác hơn chẳng.

Ở khía cạnh nào đó, thì đúng là như vậy. Đối với những trường hợp “trùng khớp”, những nhà thẩm vấn lão luyện là hoàn hảo. Bạn hoặc tôi có thể đoán đúng 70-75% các trường hợp trong các đoạn băng ghi hình. Nhưng *tất cả mọi người* trong nhóm chuyên gia cấp cao nhiều kinh nghiệm của Levine nhận diện được *toàn bộ* các trường hợp. Tuy vậy, đối với những trường hợp lệch khớp, kết quả của họ lại cực kỳ tồi tệ: họ đoán đúng 20%. Và trong danh mục hẹp

hơn gồm những nhân vật thành thực-hành-động-như-kẻ-dối-trá, họ chỉ đoán đúng có 14% - con số thấp đến mức khiến tất cả những người vô tội bị lôi vào phòng thẩm vấn với một đặc vụ FBI phải rợn tóc gáy. Khi họ tiếp xúc với trường hợp Sally Ừng Hồng - một ca dễ - họ không mắc một lỗi nào. Nhưng khi đối diện với những trường hợp như Amanda Knox và Bernie Madoff trên thế giới, họ không được may mắn thế.

Điều này thật tai họa bởi vì chúng ta không cần các chuyên gia hành pháp giúp chúng ta xử lý những người lạ trùng khớp. Tất cả chúng ta đều giỏi nhận biết khi nào thì những người này đang tìm cách lừa lọc hay là đang nói sự thật. Chúng ta cần giúp đỡ với những trường hợp lệch khớp - những ca khó. Một nhà thẩm vấn được đào tạo cần phải có kỹ năng để lấy được những gì ẩn sâu dưới lớp tín hiệu rối loạn của hành vi, và thấu hiểu được khi nào thì Nelly Nơm Nớp đang cố thanh minh thanh nga và trở nên quá phòng vệ, đó chính là con người của cô ấy - một người lúc nào cũng thanh minh thái quá và phòng vệ thái quá. Nhân viên cảnh sát phải là người nhìn ra một cô gái lập dị ứng xử kỳ quặc trong nền văn hóa khác xa với nền văn hóa bản địa của cô ấy khi nói "Ta-da", và nhận ra rằng đó chỉ là một cô gái kỳ quặc đang ứng xử không phù hợp trong tình huống văn hóa khác biệt so với văn hóa của cô ấy. Nhưng đó không phải là những gì mà họ có được. Thay vào đó, những người đảm nhiệm trọng trách xác định vô tội hay có tội dường như cũng tệ, thậm chí tệ hơn những người bình thường khi đối diện với những trường hợp khó khăn nhất.

Liệu đây có phải là một phần lý do dẫn đến việc kết tội nhầm không? Liệu có phải hệ thống luật pháp hiện hành thiếu khả năng

một cách có hệ thống trong việc đảm bảo công lý cho những người lệch khớp? Khi thẩm phán phải đưa ra quyết định tại ngoại và hiệu quả quyết định thấp hơn tệ hại so với một chiếc máy tính, thì đây có phải là lý do? Liệu chúng ta có đang chuyển thẳng những người hoàn toàn vô hại vào tù trong thời gian chờ đợi phiên tòa chỉ đơn giản vì họ không có vẻ ngoài đúng đắn? Tất cả chúng ta đều chấp nhận sự bất toàn và thiếu chính xác của phán quyết hành pháp khi chúng ta tin rằng những lỗi lầm đó chỉ là ngẫu nhiên. Nhưng nghiên cứu của Tim Levine gợi ý rằng những lỗi sai đó không phải ngẫu nhiên - rằng chúng ta đã xây dựng một thế giới chống lại một tầng lớp cá nhân một cách có hệ thống, mặc dù họ không hề có lỗi, mà chỉ vì họ vi phạm những ý tưởng nực cười của chúng ta về sự tương ứng. Câu chuyện Amanda Knox đáng được kể lại không phải bởi vì nó là một trường ca phạm tội có-một-không-hai trên đời - một cô gái xinh đẹp, một thị trấn thơ mộng nằm trên một quả đồi ở Ý, một vụ giết người dã man. Nó đáng được kể lại bởi những gì đã diễn ra thì vẫn xảy ra như cơm bữa.

“Đôi mắt của cô ấy có vẻ không thể hiện bất cứ sự buồn bã nào, và tôi đã tự hỏi liệu cô ấy có liên quan đến cái chết của bạn tôi”, một người bạn của Meredith Kercher nói.

Amanda Knox đã nghe đầy *tai* điều này - những người hoàn toàn lạ mặt tỏ ra như thể họ biết cô là người như thế nào chỉ dựa trên những biểu cảm khuôn mặt của cô.

“Không hề có dấu vết nào của tôi trong căn phòng Meredith bị sát hại”, Knox nói, ở đoạn cuối của bộ phim tài liệu về Amanda Knox. “Nhưng các bạn đang cố gắng tìm câu trả lời trong mắt tôi...”

Các bạn nhìn tôi. Tại sao? Đôi mắt của tôi. Chúng không phải là tang chứng vật chứng”.

Chương tám

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: BỮA TIỆC SINH VIÊN

1 . Công tố viên: Vào một thời điểm trên đường đến khu nhà Kappa Alpha, anh đã quan sát thấy có điều gì đó bất thường?

Jonsson: Phải.

Công tố viên: : Anh đã trông thấy điều gì?

Jonsson: Chúng tôi trông thấy một người đàn ông nằm trên một... - hoặc một người nằm trên một người khác, tôi nên nói như thế.

Công tố viên: Và đây là ở đâu?

Jonsson: Rất gần nhà Kappa Alpha.

Palo Alto, California. Ngày 18 tháng 1 năm 2015. Thời điểm khoảng nửa đêm. Hai nghiên cứu sinh người Thụy Điển đang đạp xe ngang qua khu trường Đại học Stanford để đến bữa tiệc của hội nam sinh. Họ trông thấy một điều gì đó, giống như là hai người, đang nằm trên mặt đất, ngay bên ngoài khu nhà nam sinh nơi bữa tiệc đang diễn ra sôi nổi. Họ đi chậm lại để khỏi làm phiền cặp đôi. “Chúng tôi nghĩ rằng đó là giây phút riêng tư của họ”, một trong hai sinh viên, Peter Jonsson, sẽ nói khi anh ta ra làm chứng trước tòa.

Khi họ tiến lại gần hơn, họ trông thấy người đàn ông nằm trên. Và nằm bên dưới anh ta là một phụ nữ trẻ.

Công tố viên: Có gì với người nằm trên? Anh có trông thấy cử động hoặc chuyển động nào từ người này không?

Jonsson: Có. Ban đầu anh ta chỉ động đậy đôi chút. Và sau đó anh ta bắt đầu xô đẩy mạnh bạo hơn...

Công tố viên: Thế anh có trông thấy người nằm dưới làm gì không? Jonsson: Không gì cả.

Jonsson và cậu bạn, Carl-Fredrik Arndt, xuống xe và bước lại gần. Jonsson gọi to: “Này, mọi việc có ổn cả không đấy?” Người đàn ông nằm trên nhồm người dậy và ngẩng lên. Jonsson tiến lại gần hơn. Người đàn ông đứng hẳn dậy và bắt đầu lùi lại.

Jonsson nói: “Này. Anh đang làm cái quái gì thế?” Cô ấy bất tỉnh. Jonsson lại nhắc lại lần thứ hai: “Này! Anh làm đang làm cái quái gì thế?” Người đàn ông bắt đầu chạy. Jonsson cùng bạn đuổi theo và tóm được anh ta.

Người mà Jonsson tóm lại được là Brock Turner. Cậu ta 19 tuổi, tân sinh viên của trường Đại học Stanford và là thành viên đội tuyển bơi lội của trường đại học. Trước đó chưa tới một giờ, cậu ta gặp một cô gái trẻ tại bữa tiệc ở khu nhà Kappa Alpha. Sau này Turner khai với cảnh sát là họ đã nhảy cùng nhau, trò chuyện, ra ngoài với nhau, và cùng nằm ngả xuống. Người phụ nữ là sinh viên vừa mới tốt nghiệp đại học, sau này được biết đến, trong luật bảo vệ người bị tấn công tình dục, với tên gọi là Emily Doe. Cô đến bữa tiệc với một nhóm bạn. Giờ thì cô ấy nằm bất động dưới tán cây thông cạnh thùng chứa rác lớn. Váy của cô bị tốc lên quá eo. Quần lót nằm trên mặt đất bên cạnh. Phần áo váy bị kéo xuống một nửa, làm lộ một

bầu ngực. Khi cô được đưa tới bệnh viện vài giờ sau đó trong buổi sớm tinh mơ hôm sau, cảnh sát cho cô biết có thể cô đã bị tấn công tình dục. Cô gái không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Cô đứng dậy, đi vào nhà vệ sinh, và phát hiện ra quần lót của mình đã biến mất. Nó đã được giữ làm bằng chứng.

Công tố viên: Chuyện gì đã xảy ra sau khi cô vào nhà vệ sinh?

Doe: Tôi cảm thấy ngứa ngáy cổ và nhìn thấy những chiếc lá thông nhọn. Tôi đã nghĩ có khi mình bị ngã vào cây thông chẳng, bởi vì tôi không biết tại sao tôi lại ở đó.

Công tố viên: Trong nhà vệ sinh có chiếc gương nào không?

Doe: Có.

Công tố viên: Cô có nhìn vào mái tóc của mình ở trong gương không?

Doe: Có.

Công tố viên: Cô có thể miêu tả mái tóc của mình - tóc của cô lúc ấy trông như thế nào?

Doe: Rũ rượi và có những mảnh vụn lá tả.

Công tố viên: Cô có biết tại sao tóc tai của cô lại rối xòa như vậy không?

Doe: Không hề.

Công tố viên: Cô đã làm gì sau khi dùng xong nhà vệ sinh?

Doe: Tôi quay lại giường. Người ta cho tôi một chiếc chăn, tôi quấn nó quanh người. Và tôi ngủ tiếp.

2. Mỗi năm, trên thế giới, có vô vàn những cuộc gặp gỡ giống như cuộc gặp gỡ đã kết thúc thật kinh khủng trên thảm cỏ bên ngoài bữa tiệc sinh viên Kappa Alpha ở Đại học Stanford. Hai thanh niên trẻ không quen biết nhau gặp gỡ và chuyện trò. Có thể là một cuộc

trò chuyện chớp nhoáng. Hoặc có thể kéo dài hàng giờ. Họ có thể rủ nhau về nhà. Mọi sự có thể chỉ dừng ở đó. Nhưng tại một thời điểm nào đó trong một buổi tối như vậy, mọi sự có thể trở nên sai lầm trầm trọng. Theo ước tính cứ năm nữ sinh viên đại học Mỹ thì có một người từng là nạn nhân của tấn công tình dục. Một tỉ lệ khá các trường hợp tương tự hình mẫu này.

Thách thức của tất cả những trường hợp này là tái hiện lại cuộc chạm trán. Liệu cả hai phía có tự nguyện đồng thuận? Hay một bên phản đối, và bên còn lại phớt lờ sự phản đối đó? Hay là hiểu nhầm ý định của đối phương? Nếu giả định về tính tương ứng là một nguyên nhân khiến các nhân viên cảnh sát đưa ra nhận định về nghi phạm, hoặc thậm chí phán cố gắng “đọc vị” bị cáo, thì rõ ràng là nó cũng sẽ trở thành một vấn đề đối với thanh thiếu niên và những người trẻ tuổi định hướng một trong những vấn đề phức tạp nhất của loài người.

Hãy nhìn vào kết quả của một cuộc thăm dò vào năm 2015 của Washington Post/Quỹ Gia đình Kaiser đối với một ngàn sinh viên đại học. Các sinh viên được hỏi họ thấy trong số những hành vi sau đây thì hành vi nào “thiết lập đồng thuận *tiến thêm* tới hoạt động tình dục”.

1. Tự cởi bỏ quần áo của mình

	Có	Không	Tùy thuộc	Không ý kiến
Tất cả	47	49	3	1
Đàn ông	50	45	3	2
Phụ nữ	44	52	3	1

2. Lấy bao cao su

	Có	Không	Tùy thuộc	Không ý kiến
Tất cả	40	54	4	1
Đàn ông	43	51	4	2
Phụ nữ	38	58	4	1

3. Gật đầu đồng ý

	Có	Không	Tùy thuộc	Không ý kiến
Tất cả	54	40	3	3

Đàn ông	58	36	3	3
Phụ nữ	51	44	3	3

4. Nhập cuộc màn dạo đầu như là hôn hít hoặc vuốt ve

	Có	Không	Tùy thuộc	Không ý kiến
Tất cả	22	74	3	*
Đàn ông	30	66	3	*
Phụ nữ	15	82	3	*

5. Không nói “Không”

	Có	Không	Tùy thuộc	Không ý kiến
Tất cả	18	77	3	1
Đàn ông	20	75	4	1
Phụ nữ	16	82	2	1

Sự đồng thuận sẽ trở thành một vấn đề thặng thốn nếu như tất cả các sinh viên đều đồng ý rằng việc đi lấy một chiếc bao cao su có ý nghĩa ngầm ẩn là đồng ý quan hệ tình dục, hoặc nếu tất cả mọi người đều đồng ý rằng màn dạo đầu, ví dụ như hôn hít hoặc sờ soạng, *không* hàm chứa sự mời gọi một điều gì nghiêm túc hơn. Khi các nguyên tắc rõ ràng, mỗi bên liên quan có thể suy đoán dễ dàng và chính xác xem đối phương muốn gì từ cách mà anh ta/cô ta ứng xử. Nhưng kết quả thăm dò cho thấy không hề có nguyên tắc nào ở đây cả. Trong mọi tình huống, đều có những phụ nữ hiểu theo cách này, và những phụ nữ khác hiểu theo cách khác; một số đàn ông nghĩ giống một số phụ nữ này nhưng lại không giống một số phụ nữ khác; và một số lượng bối rối, ở cả hai giới, thì không hề có ý kiến.

29. Trong số những trường hợp sau đây, xin hãy cho biết bạn nghĩ trường hợp nào LÀ tán công tình dục, trường hợp nào KHÔNG LÀ tán công tình dục, hoặc không rõ ràng.

Hoạt động tình dục khi cả hai người đều chưa đưa ra thỏa thuận đồng ý rõ ràng

	Có	Không	Không rõ ràng	Không ý kiến
Tất cả	47	6	46	*
Đàn ông	42	7	50	1
Phụ nữ	52	6	42	-

Điều này có nghĩa là gì khi mà một nửa số nam thanh nữ tú đều “không rõ ràng” khi chưa có một thỏa thuận đồng ý hoạt động tình dục? Có nghĩa là họ chưa từng nghĩ về chuyện này trước đó? Hay có nghĩa là họ sẽ tùy cơ ứng biến theo diễn tiến của từng trường hợp? Liệu điều đó có nghĩa là một số trường hợp thì họ được phép cứ tiến hành mà không nhận được sự đồng ý rõ ràng, và trong một số trường hợp thì không? Amanda Knox khiến hệ thống pháp lý lúng túng bởi vì có sự ngắt liên kết giữa cách cô ấy hành động và cách cô ấy cảm nhận. Nhưng đây là sự thất bại xét trên khía cạnh của tính tương ứng. Khi một sinh viên đại học gặp gỡ một người khác - ngay cả trong những trường hợp cả hai đều bắt đầu với ý định tốt đẹp - thì nhiệm vụ suy đoán ý định tính dục dựa trên hành vi của đối phương về cơ bản là tung đồng xu may rủi. Đúng như nhà luật học Lori Shaw đặt câu hỏi, “Làm sao chúng ta có thể kỳ vọng các sinh viên tôn trọng các ranh giới khi mà không hề tồn tại một nhận thức chung xem ranh giới là những gì?”

Tuy vậy, trong các cuộc gặp gỡ, còn có yếu tố thứ hai, phức tạp xuất hiện. Khi bạn đọc báo cáo chi tiết về các trường hợp tấn công tình dục trong khuôn viên trường học mà gần đây đã trở nên phổ biến một cách đáng ngại, thì một hiện thực đáng chú ý đó là có bao nhiêu trường hợp xảy ra liên quan đến một cảnh huống gần giống nhau. Một cô gái trẻ và một thanh niên trẻ gặp gỡ tại một bữa tiệc, sau đó tiến tới sự hiểu lầm tồi tệ khi đọc sai ý định của đối phương - *và cả hai đều say xỉn.*

3. Luật sư bào chữa: Anh đã uống gì?

Turner: Tôi uống tầm năm chai bia Rolling Rock.

Brock Turner đã bắt đầu uống từ trước khi đến bữa tiệc Kappa Alpha. Cậu ta đã đến căn hộ của người bạn tên là Peter buổi chiều tối hôm đó.

Luật sư bào chữa: Ngoài năm chai Rolling Rock, anh có uống chút đồ uống có cồn nào ở nhà Peter không?

Turner: Có. Tôi có uống một chút whisky Fireball.

Luật sư bào chữa: Và đã uống hết bao nhiêu?...

Turner: Chỉ vừa hết một chai.

Khi Turner đến bữa tiệc, cậu ta tiếp tục uống. Ở California, giới hạn tiêu thụ đồ uống có cồn được phép đối với lái xe là nồng độ cồn trong máu không quá ,08; chỉ số cao hơn thì bạn bị coi là say xỉn. Đến tối đêm hôm đó nồng độ cồn trong máu của Turner đã gấp đôi chỉ số trên.

Emily Doe đến bữa tiệc cùng nhóm bạn - với em gái và các bạn của mình là Colleen và Trea. Trước đó, Trea đã uống nguyên một chai sâm-panh, một trong số những thứ khác nữa. Ở đó họ chào đón thêm cô bạn Julie nhập cuộc, và cô này trước đó cũng đã uống rồi.

Công tố viên: Trong bữa tối cô có uống gì không?

Julia: Có.

Công tố viên: Cô đã uống gì?

Julia: Nguyên một chai rượu.

Và rồi:

Công tố viên: Cô đã làm gì sau bữa tối?

Julie: Sau bữa tối [tôi] bắt Uber đến một nơi gọi là Griffin Suite...

Công tố viên: Và chuyện gì diễn ra ở Griffin Suite?

Julia: Một bữa tiệc trù bị.

Công tố viên: Đó là cái gì?

Julia:Ồ, xin lỗi. Đây là cách nói lóng. Là một bữa nhậu nhẹt nhỏ diễn ra trước bữa tiệc chính.

Sau khi tham dự tiệc trừ bị, Julia đến bữa tiệc Kappa Alpha, ở đó cô khám phá ra một chai vodka chưa mở nắp trong tầng hầm.

Julia: Tôi mở chai rượu, rót vào các chén và cùng nhau nâng ly.

Sau đó là Emily Doe.

Công tố viên: Và thế là cô bắt đầu bằng việc uống cạn các chén whisky, và sau đó là uống bao nhiêu - cô đã uống thêm bao nhiêu chén trước khi rời nhà?

Doe: Bốn.

Công tố viên: Và tất cả đều là cùng một loại rượu - các chén whisky giống loại mà cô đã uống trước đó?

Doe: Tôi uống 4 chén whisky và một ly sâm-panh.

Công tố viên: Được rồi. Vậy cô có biết vào khoảng thời gian nào thì cô đã uống 4 chén whisky và một ly sâm-panh?

Doe: Có lẽ trong khoảng 10:00 đến 10:45.

Sau đó cô và bạn bè cùng đến bữa tiệc.

Công tố viên: Được rồi. Vậy là sau khi các cô đến bữa tiệc, gặp gỡ và chào hỏi xung quanh một vòng, các cô làm gì?

Doe: Julia phát hiện ra một bịch vodka.

Công tố viên: Được rồi. Thế cô miêu tả về “bịch vodka” như thế nào?

Doe: Có lẽ, lớn cỡ này, loại bán trong Costco...

Công tố viên: Và chuyện gì đã xảy ra khi cô ấy giơ bịch vodka ra?

Doe: Tôi đã phóng tay rót rượu vào những chiếc cốc nhựa đổ dùng một lần.

Công tố viên: Được rồi. Có cách nào để đo được cô đã rót bao nhiêu rượu vodka vào cốc của mình không?

Doe: Tôi nghĩ là tôi cố gắng chừng, nhưng tôi không đo được. Tôi đổ rượu đến vạch dấu thứ hai trong cốc, mà tôi nghĩ là nó tương đương 2 đến 3 chén. Nhưng có khi phải đến 3 hay 4 chén, bởi vì vạch đó chỉ gần 150 ml.

Công tố viên: Và cô đang nói đến chiếc cốc nhựa đổ dùng một lần.

Doe: Vâng.

Công tố viên: Loại cốc mà ta hay thấy ở các bữa tiệc?

Doe: Phải...

Công tố viên: Được rồi. Nào, sau khi cô rót rượu vodka cho mình, cô đã làm gì?

Doe: Tôi đã uống nó.

Công tố viên: Cô uống như thế nào?

Doe: Chỉ... uống cạn.

Công tố viên: Uống cạn một hơi?

Doe: Khả năng cao là uống cạn một hơi. Vì tôi vốn đã cảm thấy ngà ngà rồi, vì phải say tôi mới có thể uống được như thế.

Và rồi:

Công tố viên: Cô có thể miêu tả mức độ say của cô ở thời điểm đó.

Doe: Ừm, cảm thấy đầu óc khá là trống rỗng. Tôi cảm thấy người như đi mượn, và tôi thấy chóng chóng, bập bênh, không chuẩn xác nữa. Chỉ đứng ở đây^[25].

[25] Vào thời điểm xảy ra sự cố, chỉ số nồng độ cồn trong máu của cô ấy là ,249. Chỉ số của anh ấy là ,171. Cô ấy vượt quá 3 lần ngưỡng cho phép. Anh ta vượt quá hai lần giới hạn cho phép. Những chỉ số nồng độ cồn trong máu này do chuyên gia ước tính dựa trên lời khai của nhân chứng.

Công tố viên: Cô có ý niệm gì về thời gian lúc ấy là lúc nào không? Doe: Có lẽ khoảng nửa đêm.

Đó là thời điểm Brock Turner tiếp cận Emily Doe. Anh ta nói thấy cô gái đang nhảy một mình. Anh ta tiến lại gần và bảo nói thích cách cô ấy nhảy. Cô ấy phá lên cười. Họ tán gẫu với nhau. Anh ta mời cô ấy nhảy. Cô ấy nói vâng. Họ nhảy khoảng 10 phút. Rồi họ bắt đầu hôn nhau.

Luật sư bào chữa: Được rồi. Cô ấy có vẻ hồi đáp và hôn lại anh không?

Turner: Có.

Luật sư bào chữa: Anh có trò chuyện gì thêm nữa với cô ấy mà anh còn nhớ được không?

Turner: Có. Tôi hỏi cô ấy có muốn về phòng ký túc của tôi không?

Luật sư bào chữa: Được rồi. Thế cô ấy có trả lời không?

Turner: Có.

Luật sư bào chữa: Cô ấy đã nói gì?

Turner: Cô ấy bảo, “Chắc chắn rồi”.

Luật sư bào chữa: Theo ước lượng, thì lúc đó là sau 12:30 một chút, đúng không?

Turner: Vâng.

Luật sư bào chữa: Anh có tìm hiểu xem họ của cô ấy là gì trong buổi tối hôm ấy không?

Turner: Có. Tôi có hỏi tên cô ấy khi chúng tôi nhảy với nhau, nhưng mà tôi không nhớ.

Anh ta nói anh ta vòng tay ôm cô gái và cả hai bọn họ rời khỏi bữa tiệc. Khi họ cùng đi bộ băng qua thảm cỏ phía sau tòa nhà, anh ta nói cả hai bị trượt ngã.

Turner: Cô ấy bước hụt chân và khụy ngã. Cô ấy bám vào tôi cho khỏi ngã, và khiến tôi cũng bị ngã xuống theo...

Luật sư bào chữa: Chuyện gì xảy ra sau đó?

Turner: Chúng tôi bật cười về chuyện ấy và tôi hỏi cô ấy có ổn không.

Luật sư bào chữa: Cô ấy có trả lời không?

Turner: Có. Cô ấy bảo cô ấy nghĩ vậy.

Luật sư bào chữa: Sau đó chuyện gì xảy ra?

Turner: Chúng tôi lại bắt đầu ôm hôn nhau.

Bình thường, trong một trường hợp tấn công tình dục, bên công tố sẽ trình ra những nhân chứng để nêu ra những câu hỏi về tính xác thực các câu trả lời của bị cáo. Nhưng chuyện này không xảy ra trong chuyện của *Mọi người với Brock Turner*. Vào thời điểm đó, Trea đã say xỉn đến độ em của Emily và cô bạn Collen đã phải đưa cô ta trở lại phòng ký túc xá của Julia. Bạn của Turner là Peter thậm chí còn không lết được đến buổi tiệc: anh ta đã quá say trước đó và được hai người bạn khác của Turner dìu về phòng ký túc xá. Giả định là sẽ phải có những người khác tại buổi tiệc có thể xác nhận hoặc phủ nhận câu chuyện của Turner. Nhưng vào thời điểm quá

nửa đêm, ánh đèn đã được chỉnh mờ dần, và mọi người còn mãi nhảy nhót trên bàn.

Vì thế chúng ta chỉ có lời khai của Turner.

Luật sư bào chữa: Chuyện gì xảy ra sau đó?

Turner: Chúng tôi hôn hít nhau thêm một lúc nữa, và sau đó tôi hỏi cô ấy có muốn tôi dùng tay với cô ấy không.

Luật sư bào chữa: Cô ấy có trả lời anh không?

Turner: Có.

Luật sư bào chữa: Cô ấy nói gì?

Turner: Cô ấy bảo có...

Luật sư bào chữa: Sau khi hỏi sự đồng thuận của cô ấy hay là sự cho phép được dùng tay với cô ấy, anh đã dùng tay quan hệ với cô ấy, chuyện gì xảy ra tiếp theo?

Turner: Tôi dùng tay quan hệ với cô ấy trong vòng một phút. Và tôi nghĩ cô ấy đạt cực khoái. Và rồi trong lúc ấy, tôi hỏi cô ấy có thích không, và cô ấy bảo, “Ừ, ờ”.

Và rồi:

Luật sư bào chữa: Sau đó, anh đã làm gì?

Turner: Tôi lại bắt đầu hôn hít cô ấy và rồi chúng tôi bắt đầu quan hệ bên ngoài với nhau.

Theo luật pháp của bang California, một người không có đủ khả năng đưa ra đồng thuận với một hoạt động tình dục nếu như họ hoặc là trong trạng thái hôn mê hoặc là quá say xỉn tới mức “không có khả năng chống cự”. Đây là phát biểu của nhà luật học Lori Shaw:

Sẽ không đủ khi nạn nhân bị say xỉn ở một mức độ nào đó, hoặc tình trạng say đó làm giảm thiểu sự ức chế tình dục của nạn nhân... Thay vào đó, trạng thái say xỉn và hệ quả của tinh thần thiếu tỉnh táo buộc phải lớn đến mức nạn nhân không còn khả năng đưa ra nhận định hợp lý liên quan đến vấn đề đó. Như một công tố viên California đã giải thích “nạn nhân say xỉn buộc phải “say quá cần câu” đến độ cô ấy không hiểu nổi mình đang làm cái gì hoặc chuyện gì đang diễn ra xung quanh. Đó không phải là tình huống mà nạn nhân chỉ đơn thuần là ‘uống quá chén.’”

Liệu Doe có tự nguyện tham gia vào thời điểm diễn ra hoạt động tình dục - và sau đó thì say không biết trời đất gì nữa? Hay là cô ấy đã rơi vào trạng thái không thể đưa ra sự đồng thuận tại thời điểm Turner thò ngón tay vào cửa mình của cô ấy? *Mọi người với Brock Turner* là một trường hợp về *chất uống có cồn*. Toàn bộ sự việc xoay quanh mức độ say xỉn của Emily Doe.

Cuối cùng, bồi thẩm đoàn quyết định chống lại Turner. Câu chuyện của anh ta đơn giản là không thuyết phục. Nếu - như Turner kể - giữa họ có một cuộc gặp gỡ nồng nàn, đồng thuận, thì tại sao anh ta lại bỏ chạy vào giây phút anh ta bị hai sinh viên cao học bắt gặp? Tại sao anh ta lại “quan hệ bên ngoài” với cô gái khi cô ấy đã hoàn toàn mê man? Ngay trước nửa đêm, Doe đã để lại một lời nhắn vào hộp thư thoại cho bạn trai. Đoạn ghi âm lời thoại được bật cho bồi thẩm đoàn cùng nghe. Cô ấy nói nhăng cuội không thể hiểu nổi. Nếu tiêu chuẩn luật pháp nêu rằng “‘say quá cần câu’ đồng nghĩa với việc không hiểu mình đang làm gì” thì cô ấy đúng là rất gần với định nghĩa ấy.

Trong phần tranh tụng trước toà, công tố viên trình cho bồi thẩm đoàn một bức ảnh của Doe, chụp lúc cô ấy nằm dưới mặt đất. Quần áo tốc lên quá nửa. Đầu tóc rối tung. Cô ấy nằm trên một thảm cỏ đầy lá thông. Một thùng chứa rác cỡ lớn ở hậu cảnh. “Không cô gái nào có tự trọng và ý thức được hành vi của mình lại muốn quan hệ tình dục tại một nơi như thế”, công tố viên nói. “Chỉ riêng tám ảnh này đã có thể chứng minh rằng anh ta đã lợi dụng một người không biết chuyện gì đang xảy ra”. Turner bị kết tội với ba tội danh liên quan đến việc dùng tay để quan hệ tình dục trái pháp luật: tấn công với chủ định hiếp dâm người bị say xỉn hoặc mất ý thức, quan hệ tình dục đối với người say xỉn và quan hệ tình dục với người mất ý thức. Anh ta bị tuyên sáu tháng tù giam và gắn với tội danh người tấn công tình dục trong suốt phần đời còn lại.

Câu hỏi *ai* trong trường hợp của Brock Turner là không có gì phải bàn cãi. Câu hỏi *cái gì* đã được bồi thẩm đoàn xác định. Nhưng vẫn còn đó câu hỏi *tại sao*. Làm thế nào mà một cuộc gặp gỡ trên sàn nhảy có vẻ vô hại lại kết thúc bằng một vụ án? Chúng ta biết là sai lầm khi tin rằng biểu hiện bên ngoài của con người tương ứng với những gì họ nghĩ bên trong, điều này dẫn đến tất cả những rắc rối trong ứng xử giữa những người xa lạ. Nó khiến chúng ta bị nhầm lẫn giữa vô tội và có tội và giữa có tội với vô tội. Trong những điều kiện lý tưởng, thiếu đi sự tường minh khiến cuộc chạm trán giữa một người đàn ông và một người phụ nữ trong một bữa tiệc trở thành một sự vụ rắc rối. Vậy thì chuyện gì xảy ra khi thức uống có cồn tham gia vào hỗn hợp vốn đã rắc rối này?

4. Dwight Heath là một nghiên cứu sinh khoa nhân loại học của Đại học Yale vào giữa những năm 1950 khi ông quyết định thực hiện

một chuyến thực địa phục vụ cho luận văn của mình ở Bolivia. Ông ta và vợ, Anna Heath, bay đến Lima cùng với cậu con trai nhỏ, sau đó chờ thêm năm giờ trong khi các kỹ sư cơ khí lắp thêm động cơ phụ trợ cho hệ thống máy bay. “Đây là những chiếc máy bay mà nước Mỹ đã vứt bỏ sau Thế chiến II”, Heath nhớ lại. “Chúng không được thiết kế để bay trên 3000m. Nhưng La Paz, địa điểm mà chúng tôi sắp đến nằm ở độ cao 3657m”. Khi họ bay về phía dãy Andes, Anna Heath kể rằng, họ nhìn xuống và trông thấy “mảnh vỡ của tất cả những chiếc máy bay mà động cơ phụ trợ bị hỏng” nằm dưới.

Từ La Paz, họ đi thêm 500 dặm sâu vào trong đất liền về phía tây của Bolivia, đến một ngôi làng nhỏ nằm ven biên giới có tên là Montero. Đó là một vùng đất thuộc Bolivia nơi Vịnh Amazon giao với vùng đất Chaco - một dải rừng già trải dài và một miền thảo nguyên ngút ngàn. Vùng đất này là nơi sinh sống của người Camba, hậu duệ lai của thổ dân châu Mỹ và những người Tây Ban Nha di cư. Người Camba nói thứ ngôn ngữ là sự pha trộn giữa ngôn ngữ địa phương của thổ dân Châu Mỹ và tiếng Tây Ban Nha thế kỷ XVII của người vùng Andalusia. “Đó là một điểm trống rỗng trên bản đồ”, Heath nói. “Sẽ có một đường tàu được xây ở đây. Sẽ có một đường cao tốc. Sẽ có một chính phủ của một quốc gia... sắp tới đây”.

Họ sống trong một căn nhà bé tí xíu nằm ngay rìa làng. “Ở đó không có đường đi, không có vỉa hè”, Anna Heath nhớ lại.

“Nếu trong làng có thịt, họ sẽ đứng ra phía trước, vậy là bạn biết ở đâu có thịt, và bạn sẽ đến cầm theo lá chuối trên tay, vì đó cũng chính là đĩa ăn của bạn. Trong làng, những ngôi nhà đất được trát vữa và lợp mái, có đình làng và ba cây cọ. Bạn nghe thấy tiếng bò

rồng. Các ông mục sư có một chiếc xe jeep. Có một vài phụ nữ phục vụ món cơm nấu trong một chiếc âu bự chẳng kèm nước sốt. Đó chính là nhà hàng. Một gã đàn ông bán cà phê người Đức. Năm chúng tôi đến Bolivia, tổng cộng có 85 người nước ngoài nhập cảnh vào đất nước này. Khi ấy nó chưa hề là một điểm nóng.

Ở Montero, gia đình nhà Heath thực hành nghiên cứu dân tộc học kiểu cổ điển - “thăm thấu hết những gì có thể”, Dwight nói, “học tất cả mọi thứ”. Họ thuyết phục người Camba rằng họ không phải là những người truyền giáo bằng cách công khai hút thuốc. Họ chụp hàng ngàn tấm ảnh. Họ đi dạo quanh làng và nói chuyện với bất cứ người nào đồng ý nói chuyện với họ, rồi Dwight trở về nhà và dành cả đêm gõ lại tất cả những gì ông ghi chép được. Sau một năm rưỡi, gia đình Heath gói ghém toàn bộ ảnh chụp và ghi chép và trở về New Haven. Dwight Heath bắt đầu ngồi viết luận văn - chỉ đến khi ấy ông mới nhận ra rằng mình gần như đã bỏ qua một hiện thực có thể coi là kỳ thú nhất về cộng đồng mà ông đã dày công nghiên cứu. “Mình có nhận ra là”, ông nói với vợ khi rà soát các ghi chép: “tất cả những ngày cuối tuần ở Bolivia, chúng ta đều ra ngoài uống rượu không?”

Mỗi tối thứ bảy trong suốt quãng thời gian ở đó, nhà Heath đều được mời tới các bữa nhậu. Chủ tiệc nhậu sẽ mua chai rượu đầu tiên và chuyển lời mời đến mọi người. Khoảng một tá khách mời sẽ kéo đến, và bữa tiệc bắt đầu - thường kéo dài đến tận sáng thứ hai khi họ phải đi làm trở lại. Thành phần của nhóm nhậu rất ngẫu hứng: đôi khi chỉ là những người đi ngang qua và được mời nhập hội.

Nhưng kết cấu của bữa nhậu thì nặng tính nghi lễ. Nhóm nhậu sẽ ngồi vòng tròn. Một người sẽ đánh trống hoặc chơi đàn ghi-ta. Một chai rượu rum có xuất xứ từ một trong những nhà tinh luyện đường trong khu vực và một chiếc chén thủy tinh nhỏ được đặt trên mặt bàn. Chủ xị sẽ đứng dậy, rót đầy chén rượu, sau đó tiến lại gần một người ngồi trong hội bàn tròn. Ông ta đứng trước “bạn nhậu”, gật đầu và nâng chén lên. Bạn nhậu mỉm cười và gật đầu lại. Chủ xị sau đó sẽ uống một nửa chén rượu và truyền tay cho bạn nhậu, người này sẽ uống cạn phần còn lại. Bạn nhậu này sẽ đứng dậy, rót đầy chén rượu và lặp lại nghi thức với một người khác trong bàn nhậu. Khi tất cả cùng quá mệt hoặc quá xỉn, họ sẽ cuộn mình lăn kên ra đất và ngủ một chập, rồi lại nhập cuộc khi tỉnh dậy.

“Thứ rượu mà họ uống kinh lắm”, Anna nhớ lại. “Thật sự, nước mắt của bạn sẽ tràn ra giàn giụa. Lần đầu uống rượu ấy, tôi đã nghĩ không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu mình nôn mửa ra giữa sàn. Cũng chả có người Camba nào nói thích thứ rượu này. Họ bảo mùi vị của nó chán khiếp. Nó nóng giã. Ngày hôm sau mồ hôi trên người họ cũng toát ra mùi rượu. Bạn có thể ngửi thấy rõ”. Nhưng nhà Heath quyết chơi tới bến.

“Chàng nghiên cứu sinh ngành nhân chủng học vào năm 1950 ấy cảm thấy anh ta cần phải thích nghi”, Dwight nói. “Bạn không muốn làm mất lòng ai, bạn không muốn từ chối điều gì. Tôi cắn răng và nhận uống những chén rượu ấy”.

“Chúng tôi không bị say xỉn”, Anna nói tiếp, “bởi vì chúng tôi không bị chúc rượu nhiều như những người xung quanh. Chúng tôi là những người lạ. Nhưng một đêm nọ, có một bữa tiệc rượu rất lớn - phải 60-80 người tham gia. Họ uống. Rồi ngất ra đấy. Rồi lại tỉnh

dậy và lại tiệc tùng một lúc. Và tôi nhận ra rằng, theo như cách uống của họ thì tôi có thể nhờ Dwight uống thay mình. Các ông chồng buộc phải đồng ý uống thay cho vợ. Và Dwight lúc ấy đang ôm trong tay một chiếc đèn cây hiệu Coleman, và tôi bảo, “Kìa Dwight, tay anh đang bị bỏng rồi kìa.” Cô ấy làm lại điều bộ của chồng bóc lớp da ở cẳng tay khỏi bề mặt nóng giãy của chiếc đèn. Và anh ấy bảo - với vẻ buông lơi - ‘Anh cũng đang bỏng giãy lên đây.’”

Khi gia đình Heath quay trở về New Haven, họ mang một chai rượu rum của người Camba đi phân tích thành phần và biết được rằng nó là loại rượu 90 độ. Đó là loại còn *phòng thí nghiệm* - nồng độ cồn mà các nhà khoa học sử dụng để bảo quản mẫu vật. Không ai uống cồn phòng thí nghiệm cả. Đây là phát hiện gây sững sốt đầu tiên trong nghiên cứu của Heath - và, đúng như dự đoán, đầu tiên không có ai chịu tin điều này.

“Có một nhà nghiên cứu về rượu hàng đầu thế giới ở trung tâm nghiên cứu Yale này”, Heath nhớ lại. “Tên ông ấy là Leon Greenberg. Ông ấy bảo tôi: ‘Này, câu chuyện hoang đường của anh nghe cũng hay đấy. Nhưng thật tình anh không thể nào từng uống cái của ấy được.’ Và ông ta châm chọc tôi vừa đủ để tôi sẽ phải phản ứng lại. Vì thế tôi bảo, ‘Anh muốn tôi uống cho anh xem phỏng? Tôi có một chai đây.’ Thế là vào một ngày thứ bảy, tôi uống một ít rượu trong tình trạng được điểm soát. Cứ hai mươi phút ông ta lại lấy mẫu máu của tôi, và, chán chán rồi, tôi đã uống thứ rượu ấy, đúng như tôi bảo là tôi đã uống”.

Greenberg đã bố trí một xe cấp cứu sẵn sàng đưa Heath về nhà. Nhưng Heath quyết định đi bộ. Anna đã chờ sẵn ở nhà trong căn hộ trên tầng ba có cầu thang bộ mà họ thuê trong một khu nhà hữu

ngộ cũ kĩ. “Tôi đứng chờ ở cửa sổ, đợi anh ấy về, và trông thấy một chiếc xe cứu thương đi chậm chậm trên đường, và cạnh đây là Dwight. Anh ấy vẫy tay, và trông ổn thỏa. Sau đó anh ấy trèo cầu thang được đến chiếu nghỉ thứ ba và bảo, ‘Á á, anh say quá’, rồi ngã sấp mặt xuống. Anh ấy nằm ngoài đó ba giờ liền”.

Ở đây chúng ta có một cộng đồng những người sống trong một khu vực nghèo khổ và kém phát triển của thế giới, những người tổ chức các cuộc nhậu nhẹt với rượu 90 độ còn *mỗi cuối tuần*, từ tối thứ bảy cho tới sáng thứ hai. Người Campa hẳn sẽ phải trả giá đắt vì cảnh quá chén của mình, phải không? Sai.

“Không hề có một tên biến thái nào - không một mống”, Dwight Heath nói. “Không tranh luận, không cãi cọ, không tấn công tình dục, không chửi nhau. Chỉ có hoặc là các cuộc đối thoại dễ chịu hoặc là sự im lặng”. Ông nói tiếp: “Chuyện nhậu nhẹt không làm gián đoạn công việc... Không có chuyện cảnh sát phải vào cuộc. Và cũng không có những kẻ nghiện rượu bao giờ”.

Heath gói gọn những tìm tòi của mình trong một bài báo mà giờ đã trở nên nổi tiếng trên *Tạp chí Hằng quý của Những Nghiên cứu về Rượu cồn*. Trong nhiều năm sau đó, vô số nhà nhân học khác cũng đồng thanh báo cáo điều tương tự. Rượu cồn đôi khi khiến người ta cao giọng, đánh nhau và nói những điều mà sau này họ sẽ cảm thấy ân hận. Nhưng cũng rất nhiều khi nó không tạo ra những điều như vậy. Người Aztec gọi đó là rượu thừa - thứ đồ uống có cồn truyền thống của người miền Trung Mexico - “bốn trăm thỏ” bởi vì dường như nó có thể tạo ra vô biên những kiểu hành vi đa dạng. Nhà nhân chủng học Mac Marshall đã chu du tới vùng đảo Nam Thái Bình Dương của người Truk và phát hiện ra rằng đối với những

thanh niên trẻ tuổi ở đó, sự say xỉn khiến họ trở nên hung dữ và loạn đả. Nhưng khi người dân đảo bước vào độ tuổi ngoài ba mươi, nó mang lại hiệu ứng trái ngược.

Ở Oaxaca, Mexico, những người Thổ dân Mixe được nhiều người biết tới với việc tham gia vào những cuộc đấu tay đôi hoang dã khi say xỉn. Nhưng khi nhà nhân học Ralph Beals quan sát các cuộc đánh nhau này, ông thấy họ không hề bị mất kiểm soát chút nào. Dường như tất cả họ đều làm theo đúng một kịch bản như sau:

Mặc dù tôi đã được chứng kiến vài trăm trận đánh nhau, tôi thấy không có vũ khí nào được sử dụng, dẫu cho hầu hết đàn ông đều có mã tấu và rất nhiều người có súng lục. Hầu hết các cuộc đánh nhau đều bắt đầu bằng cuộc “đấu võ mồm” của mấy anh say rượu. Khi lời qua tiếng lại đạt đến mức cao trào nào đó, tất cả mọi người đều xác định là sẽ có đánh nhau. Những người đàn ông giao nộp vũ khí của họ cho người xem, và rồi bắt đầu đánh nhau tay không, vung chân văng tay loạn xạ cho đến khi một người ngã xuống, [đến một lúc nào đó] người thắng sẽ nâng đối phương đứng dậy và thường thì họ sẽ vái chào tỏ lòng ngưỡng mộ lẫn nhau.

Chuyện này thật không có lý chút nào. Rượu là một loại độc dược nặng. Nó *giải tỏa ức chế*. Nó phá vỡ hệ thống giúp kiềm chế hành vi của con người trong khuôn khổ. Đó là lý do không đáng kinh ngạc khi say xỉn thường bị liên hệ thái quá với bạo lực, tai nạn xe cộ và tấn công tình dục.

Nhưng nếu như thói quen uống rượu dồn dập của người Camba có ít tác động phụ tới xã hội như vậy, và nếu như Thổ dân Mixe của Mexico luôn tuân theo một kịch bản ứng xử ngay cả ầu đã trong cơn say, thì nhận thức của chúng ta về rượu như một tác nhân có hại là không chính xác. Nó hẳn phải là một cái gì khác. Trải nghiệm của Dwight và Anna Heath ở Bolivia tạo đà cho một cách nghĩ lại hoàn toàn mới về những gì chúng ta hiểu về chất uống có cồn. Rất nhiều người nghiên cứu về rượu bia đã không còn coi đó là một tác nhân tệ hại. Họ nghĩ về nó như một tác nhân thiện cận.

5. Lý thuyết thiện cận lần đầu tiên được đề xuất bởi các nhà tâm lý học Claude Steele và Robert Josephs, và điều họ muốn nói khi dùng từ *thiện cận* là ảnh hưởng chính của rượu bia là làm hẹp lại các trường cảm xúc và tâm lý trong tầm nhìn của chúng ta. Theo ngôn ngữ của họ, nó tạo ra “một trạng thái thiện cận trong đó những khía cạnh dễ hiểu và tức thời của trải nghiệm lại gây ảnh hưởng bất cân xứng tới hành vi và cảm xúc”. Rượu khiến thứ ngay trước mắt trở nên nổi bật và thứ ở hậu cảnh trở nên mờ nhạt. Nó khiến những suy tính ngắn hạn bị thổi phồng, và những suy tính nhận thức, những cân nhắc dài hạn trở nên nhạt nhòa.

Đây là một ví dụ. Rất nhiều người đi uống khi họ cảm thấy tâm trạng xuống dốc bởi vì họ nghĩ rượu bia sẽ xua đi những muộn phiền. Đó chính kiểu suy nghĩ giải tỏa: đồ uống có cồn sẽ mở khóa cho tâm trạng hưng khởi. Nhưng nói thẳng là điều này không xảy ra. Đôi khi rượu bia khiến chúng ta thấy hưng phấn. Nhưng ở những thời điểm khác, khi một người bị căng thẳng uống rượu bia thì họ chỉ càng thêm muộn phiền. Lý thuyết thiện cận đã có câu trả lời cho câu hỏi này: nó phụ thuộc vào việc người căng thẳng, say xỉn ấy đang

làm gì. Nếu anh ta đang ở trong một trận bóng bầu dục và được bao quanh bởi những người hâm mộ cuồng nhiệt, thì sự phấn khích và cuồng loạn xung quanh sẽ tạm thời chiếm chỗ, đẩy những lo lắng tột độ ra khỏi đầu óc của anh ta. Trận đấu đang ở ngay trước mặt và là trung tâm. Những lo toan của anh ta thì không. Cũng vẫn là người đàn ông đó nếu ngồi lặng lẽ trong một góc quán, uống rượu một mình, thì anh ta sẽ càng trở nên tuyệt vọng. Giờ thì không có gì có thể đánh lạc hướng sự chú ý của anh ta nữa. Rượu đẩy người ta vào trạng thái yếu ớt, phụ thuộc vào phán xử của hoàn cảnh xung quanh. Nó đẩy tất cả những thứ khác ra ngoài ngoại trừ những trải nghiệm gần nhất trước mặt. [26]

[26] . Một nhóm nhà tâm lý học người Canada do Tara MacDonald đứng đầu đã đi tới một loạt quán bar và đề nghị các vị khách ở đó đọc một kịch bản ngắn. Họ tưởng tượng rằng họ gặp được một người quyến rũ tại một quán bar, dẫn anh ta hoặc cô ta về nhà, và cuối cùng là lên giường với nhau - nhưng họ nhận ra là cả hai không ai mang bao cao su. Các đối tượng khi ấy được hỏi hãy chấm điểm từ 1 (gần như bằng không) cho đến 9 (khả năng rất cao) cho đề xuất: “Nếu tôi ở trong tình huống đó, tôi sẽ quan hệ tình dục”. Bạn sẽ nghĩ rằng các đối tượng đã uống rất nhiều sẽ nhiều khả năng chọn tiến tới quan hệ tình dục - và đó chính xác là những gì đã xảy ra. Trung bình những người say rượu đạt điểm 5,36 trên thang điểm 9. Những người tỉnh táo đạt điểm 3,91, Những người uống rượu không thể cân nhắc được hết những hậu quả lâu dài của quan hệ tình dục không an toàn. Nhưng sau đó, MacDonald quay trở lại các quán bar và đập lên tay của các tũu khách dấu tem ghi chữ “AIDS nguy hiểm chết người”. Số người có dấu tem trên tay chọn phương án ít khả

năng sẽ quan hệ tình dục nhiều hơn chút xíu so với những người tỉnh táo: trước đó họ không thể tính toán thiệt hơn đủ để loại bỏ nguy cơ bị nhiễm AIDS. Khi các chuẩn mực và tiêu chuẩn được xác lập rõ ràng và hiển nhiên, những người uống có thể trở nên tuân thủ quy tắc hơn cả những người tỉnh táo trong cùng một tình huống.

Đây là một ví dụ khác. Một trong những quan sát trung tâm của lý thuyết thiên cận đó là sự say xỉn có những tác động mạnh nhất trong những tình huống “mâu thuẫn cao” - ở những chỗ có đến hai bộ thông tin cần cân nhắc, một gần và một xa, và chúng đối lập nhau. Vì thế, giả thử bạn là một diễn viên hài kịch chuyên nghiệp và thành công. Cả thế giới nghĩ rằng bạn hài hước. Bạn cũng nghĩ rằng mình hài hước. Nếu như bạn say rượu, không vì thế mà bạn nghĩ mình hài hước hơn. Không có mâu thuẫn nào về độ hài hước của bạn cần tới rượu để giải quyết. Nhưng giả sử bạn nghĩ rằng mình vô cùng hài hước nhưng thế giới nói chung lại không nghĩ vậy. Trên thực tế, bất cứ khi nào bạn cố gắng mua vui cho nhóm bạn bằng một câu chuyện buồn cười, thì sáng hôm sau lại có một đứa bạn lôi bạn ra một góc và ý nhị khuyên giải bạn đừng bao giờ lặp lại chuyện đó. Trong hoàn cảnh bình thường, ý nghĩ về cuộc trò chuyện khó xử với người bạn kia giữ cho bạn hành xử đúng đắn. Nhưng khi bạn đã say rồi thì sao? Thức uống có còn sẽ xua đuổi sự mâu thuẫn đi. Bạn sẽ không còn nghĩ về chuyện phản hồi cảnh báo tương lai liên quan đến các chuyện đùa vô duyên của mình nữa. Khi bạn đã say rồi, *sự thấu hiểu về bản chất con người bạn thay đổi.*

Đây chính là hàm ý tối quan trọng về sự say xỉn trong lý thuyết thiên cận. Ý tưởng về sự giải tỏa cũ ngụ ý rằng những gì được lật mở khi một người bị say xỉn là một kiểu dạng bộc bạch, một phiên

bản chất lọc của bản thể tỉnh táo - mà không chịu bất cứ sự tác động nhiều loạn nào của sự tử tế xã hội và chuẩn mực. Bản cứ việc là chính bạn. Giống như một câu ngạn ngữ đã nói, *In vino veritas: "Rượu chứa sự thật" hay là "Rượu vào, lời ra"*.

Nhưng điều đó là ngược đời. Các kiểu mâu thuẫn mà thông thường giúp chúng ta ứng xử chừng mực là một phần tối quan trọng trong cách chúng ta hình thành tính cách. Tất cả chúng ta đều xây dựng cá tính bằng việc xử lý mâu thuẫn của những vấn đề tức thời, gần gũi với những cân nhắc phức tạp hơn và mang tính lâu dài. Đó chính là đạo đức hoặc hiệu quả hoặc trách nhiệm. Bậc phụ huynh tốt là người sẵn sàng kìm nén những nhu cầu ích kỷ ngay trước mắt (nhu cầu được yên thân, được ngủ ngon) với những mục tiêu dài hạn hơn (như là nuôi dưỡng một đứa con ngoan). Khi đồ uống có cồn bóc đi những ràng buộc dài hạn đối với hành vi của chúng ta, nó giải phóng bản thể thực sự của chúng ta.

Vậy thì trên thực tế, những người Camba là ai? Heath nói rằng xã hội của họ được đánh dấu bởi một sự thiếu hụt duy nhất của cái gọi là "biểu đạt cộng đồng". Họ là những nông dân du canh du cư. Quan hệ bộ tộc thiếu gắn kết. Công việc lao động thường nhật của họ có xu hướng độc lập, kéo dài nhiều giờ. Họ chỉ có một vài hàng xóm láng giềng hoặc một nhóm cộng đồng nhỏ. Nhu cầu hàng ngày trong cuộc sống của họ khiến việc giao tế xã hội trở nên khó khăn. Vì thế vào những ngày cuối tuần, họ sử dụng năng lượng chuyển hóa của rượu để tạo ra "biểu đạt cộng đồng" vốn gần như thiếu vắng trong các ngày từ thứ hai tới thứ sáu. Họ sử dụng sự thiếu cận do rượu tạo ra để nhất thời tạo ra một thế giới khác cho mình. Họ đặt ra cho mình những luật lệ nghiêm ngặt: chỉ uống một chai rượu một

lúc, một loạt các nghi thức chúc rượu có tổ chức, tất cả ngồi thành vòng tròn, chỉ diễn ra vào cuối tuần, không bao giờ ngồi một mình. Họ chỉ uống trong một khuôn khổ cấu trúc, và cấu trúc của những cuộc uống rượu bàn tròn trong nội bộ những người Bolivia là thể giới của âm nhạc dịu nhẹ và cuộc chuyện trò thâm thi: trật tự, bằng hữu, định liệu, và thành nghi thức. Đây là một xã hội Camba mới, được vận hành với sự hỗ trợ của một trong những loại thần dược mạnh nhất trên thế giới.

Rượu không phải là một tác nhân lật tẩy. Nó là một tác nhân chuyển hoá.

6. Năm 2006, nước Anh cũng có phiên bản phiên tòa Brock Turner, một vụ việc thu hút dư luận liên quan đến nhà thiết kế phần mềm 25 tuổi tên là Benjamin Bree và một phụ nữ được định danh tại tòa là "M". Đó là ví dụ điển hình của một tình huống phức hợp được tạo ra bởi lý thuyết đồ uống có cồn thiên cặn.

Hai người gặp nhau lần đầu tiên tại căn hộ của anh trai của Bree và cùng nhau rời đi vào buổi tối hôm ấy. Trong quãng thời gian tối đó, M đã uống 1 lít rượu táo và bốn đến sáu ly rượu vodka pha với Red Bull. Bree đã uống một chầu trước đó, cũng nâng cốc đối ẩm với M không kém một ly. Dữ liệu từ các camera giám sát cho thấy hai người họ đã đi bộ trở về căn hộ của cô ấy, tay trong tay, vào khoảng một giờ sáng. Họ đã quan hệ tình dục. Bree nghĩ rằng đó là tình dục đồng thuận. M nói không phải. Anh ta bị kết tội hiếp dâm và bị tuyên án 5 năm tù - chỉ có điều phán quyết đã bị bác bỏ ở phiên phúc thẩm. Nếu bạn từng đọc về bất cứ sự vụ nào khác cùng loại, các chi tiết sẽ cực kỳ quen thuộc: đau đớn, ân hận, hiểu nhầm và giận dữ.

Đây là Bree, miêu tả góc nhìn của anh ta về câu chuyện.

Tôi thậm chí mong không phải ngủ trên sàn và tôi nghĩ tôi có thể nằm chung giường với cô ấy, mà sau này nghĩ lại thì dường như đó là một việc thật ngu ngốc.

Tôi không hề tìm kiếm tình dục, chỉ là một chiếc đệm và một người nằm cùng. Cô ấy tỉnh dậy và tôi nằm xuống bên cạnh cô ấy và dần dà chúng tôi bắt đầu ôm nhau và hôn nhau.

Điều đó có một chút bất ngờ, nhưng dễ chịu. Chúng tôi từ từ mê mẩn dạo đầu trong khoảng chừng ba mươi phút và có vẻ như là cô ấy cũng thích thú với điều đó.

Và sau đó, biên bản của tòa án:

Anh ta khẳng định cho rằng M có vẻ như mời gọi anh ta tiến tới, phát triển từ vuốt ve vờ về đến vuốt ve tính dục. Cô ấy không nói gì và không làm gì để ngăn anh ta lại. Anh ta nói với bồi thẩm đoàn rằng anh ta thấy cần chắc chắn về sự đồng thuận cho nên lý giải vì sao anh ta vuốt ve cô ấy lâu đến vậy. Bên nguyên không hề nói điều gì phản ứng phản đối màn dạo đầu kéo dài khá lâu này. Cuối cùng anh lần ngón tay vào trong chun quần ngủ của cô ấy, đó có thể coi là một cơ hội cho cô ấy nếu muốn ngăn anh ta lại. Nhưng cô ấy không chặn lại. Cô ấy dường như có hồi đáp đặc biệt khi anh ta thò tay vào bên trong quần ngủ. Sau khi mê mẩn sờ soạng, anh ta ra dấu để cô ấy cởi bỏ quần ngủ. Anh ta kéo quần của cô ấy xuống một chút, rồi cô ấy tự cởi nốt phần còn lại.

Bree nghĩ rằng anh ta có thể ngầm hiểu ý của cô M dựa trên hành vi của cô ấy. Anh ta nghĩ rằng cô ấy đồng tình. Cô ấy thì không. Dưới đây, trong cáo trạng của phiên tòa, là những gì cô M thực sự cảm thấy:

Cô ấy không hề biết cuộc giao hợp này sẽ kéo dài bao lâu. Khi nó kết thúc, cô ấy vẫn còn nằm quay mặt vào tường. Cô ấy không biết liệu kẻ kháng cáo trên thực tế có sử dụng bao cao su hay không, cũng như không biết anh ta có xuất tinh hay không. Sau đó anh ta hỏi cô ấy có muốn anh ta ở lại không. Cô ấy bảo “không”. Trong đầu, cô ấy đã nghĩ “cút ra khỏi phòng của tôi”, mặc dù cô ấy thực tế không hề nói ra điều ấy. Cô ấy không biết “phải nói gì hay nghĩ gì, liệu anh ta có quay lại và đánh mình không. Tôi nhớ anh bỏ đi, cánh cửa đóng lại”. Cô ấy ngồi dậy, khóa cửa lại và rồi quay trở lại giường, co rúm người, nhưng cô ấy không nhớ là mình nằm như thế trong bao lâu.

Vào lúc 5 giờ sáng, M gọi điện thoại cho bạn thân và oà khóc. Bree, trong lúc ấy, vẫn nghĩ mình hiểu đúng trạng thái nội tâm của M cho nên vài tiếng sau, anh ta gõ cửa nhà cô ấy và hỏi liệu cô ấy có muốn ra ngoài cùng đi ăn trưa với món cá tẩm bột và khoai tây chiên không.

Sau vài tháng ở tù, Bree được trả tự do khi phiên tòa phúc thẩm kết luận rằng không thể xác định được liệu hai người họ có hay không đồng thuận với nhau vào buổi tối hôm đó trên giường của M. “Cả hai người họ đều là người trưởng thành”, vị quan tòa viết:

Không có ai hành động uống quá mức pháp luật cho phép. Cả hai người họ đều tự do quyết định xem họ muốn uống bao nhiêu và uống với ai. Cả hai đều tự do, như mong muốn của họ, để giao hợp với nhau. Không có điều gì dị thường, đáng kinh ngạc hoặc thậm chí bất bình thường trong việc người đàn ông và đàn bà này

có đồng thuận giao hợp không, khi một người trong hai, hoặc cả hai đã tự nguyện tiêu thụ một lượng lớn chất uống có cồn trước đó... Thực tế cho thấy là có một số mảng hành vi của con người mà ở đó không thể áp dụng những cấu trúc tư pháp cụ thể^[27].

[27] . Liệu đồng thuận khi say xỉn có được tính là đồng thuận? Nó phải được tính, như kết luận của phiên tòa. Nếu không phần lớn những người vui vẻ quan hệ tình dục khi say xỉn đều phải bị bỏ tù bên cạnh một số ít người quan hệ tình dục khi say xỉn mà cấu thành hành vi tội phạm. Bên cạnh đó, nếu M có thể nói rằng cô ấy không chịu trách nhiệm cho những quyết định của mình bởi vì cô ấy say xỉn, thì tại sao Benjamin Bree không thể lập luận tương tự? Nguyên lý “đồng thuận khi say xỉn vẫn là đồng thuận”, như kết luận của phiên tòa, “có tác dụng như một sự nhắc nhở rằng khi một người đàn ông say xỉn có ý định thực hiện hành vi hiếp dâm, và thực hiện việc đó, thì anh ta không thể viện cớ rằng ý định của anh ta là ý định của người say”. Vậy thì phán quyết của tòa trong vụ Bree đặt ra vấn đề về sự đồng thuận ở California. Nếu một trong các bên tham gia thật sự rất say thì sao? Ừm, làm thế quái nào mà chúng ta có thể quyết định được “thật sự rất say” có nghĩa là gì? Chúng ta thực sự không muốn các nhà làm luật lại tạo ra một kiểu thuật toán quản lý phức hợp, nhiều tham số về việc khi nào thì chúng ta có thể hoặc không thể quan hệ tình dục trong không gian phòng ngủ riêng tư của chúng ta. Vị thẩm phán kết luận: “Những vấn đề không nổi lên từ những nguyên tắc pháp lí. Chúng nằm trong những tình huống thiên biến vạn hóa trong hành vi ứng xử của con người, thường diễn ra ở

những nơi riêng tư, không có các bằng chứng độc lập, và hệ quả là rất khó chứng minh loại tội phạm cực kỳ nghiêm trọng này.

Bạn có thể đồng tình hoặc không đồng tình với kết luận cuối cùng của phiên tòa. Nhưng rất khó để bất đồng với lập luận căn bản của chủ tọa - rằng thêm yếu tố rượu vào quá trình thấu hiểu ý đồ của các bên khiến cho một vấn đề khó khăn trở nên bất khả phân định, trắng đen rõ ràng. Đồ uống có cồn là một độc dược định hình lại người uống dựa trên những gì vây quanh môi trường trực tiếp của anh ta. Trong trường hợp người Camba, sự tái định hình cá tính và hành vi là rất ôn hòa. Môi trường trực tiếp của họ được xây dựng một cách cẩn trọng và kỹ lưỡng: họ muốn sử dụng rượu để tạo ra một phiên bản tạm thời của bản thân - và trong trí óc của họ, đó là một phiên bản tốt đẹp hơn. Nhưng khi những người trẻ tuổi trong xã hội chúng ta uống quá độ, họ không thực hiện điều đó trong một môi trường tuân thủ nghi lễ và được đoán định, được kết cấu thận trọng nhằm tái tạo những phiên bản tốt hơn của bản thân. Họ thực hiện điều đó trong sự hỗn loạn thăng hoa tình dục của các buổi tiệc và các quán bar.

Luật sư (LS): Anh quan sát thấy điều gì trong bầu không khí hiện hữu tại các bữa tiệc từng diễn ra ở nhà Kappa Alpha từ trước tới nay?

Turner: Rất nhiều người nhảy úp thìa và...

LS: Anh nói úp thìa có nghĩa là gì?

Turner: Là một cô gái nhảy uốn éo... xoay lưng lại với một người con trai, đứng phía sau và nhảy cùng cô gái.

LS: Được rồi. Vậy là anh đang miêu tả tư thế nhảy mà cả hai người cùng nhìn về một phía?

Turner: Vâng.

LS: Nhưng chàng trai ở phía sau cô gái?

Turner: Vâng.

LS: Thế cơ thể của họ gần nhau tới mức nào trong lúc nhảy úp thìa như vậy?

Turner: Họ chạm vào nhau.

LS: Đó có phải là chuyện phổ biến mà anh nhận ra ở các bữa tiệc này không?

Turner: Có.

LS: Thế mọi người có nhảy trên bàn không? Đó có phải là một chuyện phổ biến nữa không?

Turner: Có.

Đồng thuận là điều mà cả hai phía thỏa thuận với nhau, dựa trên giả định rằng mỗi một bên trong cuộc thỏa thuận này đúng là người mà họ nói rằng đó là chính họ. Nhưng làm thế nào xác định được sự đồng thuận khi mà, ở vào thời điểm xảy ra thỏa thuận, cả hai bên đều trượt quá xa so với bản thể thực sự của họ?

7. Điều xảy ra với chúng ta khi bị say xỉn là một tiến trình cụ thể mà rượu bia dẫn dắt, khi chất có cồn thẩm thấu qua các mô não bộ của chúng ta. Các hiệu ứng bắt đầu từ thùy trán, phần não bộ nằm ở phía trán chỉ đạo sự chú ý, động cơ, kế hoạch và học hỏi. Chén rượu đầu tiên “làm ấm” hoạt động ở vùng đó. Nó khiến chúng ta trở nên khờ dại hơn, làm giảm khả năng xử lý những quyết định phức tạp căng thẳng. Nó đánh vào trung khu tưởng thưởng của não bộ, các khu vực chỉ đạo hưng phấn, mang lại cho chúng một chút thăng hoa. Rồi nó tìm đường đến vùng hạt hạnh nhân. Nhiệm vụ của hạt hạnh nhân là cho chúng ta biết nên phản ứng thế nào với thế giới

xung quanh. Liệu chúng ta có đang bị đe dọa không? Chúng ta có nên sợ hãi? Đồ uống có còn làm chậm lại hoạt động của hạt hạnh nhân. Sự kết hợp của cả ba hiệu ứng này chính là lúc tâm nhìn thiên cận xuất hiện. Chúng ta không có đủ trí lực để xử lý những cân nhắc phức tạp, dài hạn. Chúng ta bị đánh lạc hướng bởi lạc thú bất ngờ mà rượu mang lại. Chiếc đèn báo động của thần kinh bị tắt. Chúng ta trở thành những phiên bản khác của bản thân, bám níu vào giây phút hiện tại. Rượu cũng tìm được đường tới tiểu não, bộ phận nằm ở phía tít sau của não bộ, phụ trách cân bằng và phối hợp. Đó là lý do vì sao bạn bắt đầu cảm thấy chên vênh và lão đảo khi nồng độ cồn trong máu tăng cao. Đó là những hiệu ứng xác định được khi bị say xỉn.

Nhưng trong một số tình huống cụ thể - đặc biệt nếu như bạn uống rất nhiều đồ uống có cồn một cách chóng vánh - thì một chuyện khác xảy ra. Rượu còn đánh thẳng vào hồi hải mã - các vùng nhỏ, trông giống xúc xích nằm ở hai phía của não bộ, chịu trách nhiệm hình thành các ký ức về cuộc sống của chúng ta. Khi nồng độ cồn trong máu đạt mức 0,08 - ngưỡng chính thức của say xỉn - các hồi hải mã bắt đầu gặp khó khăn. Khi bạn tỉnh dậy vào buổi sáng sau một bữa tiệc cốc-tai và nhớ mang máng là đã gặp ai đó nhưng không thể nhớ được tên của họ cũng như câu chuyện mà họ đã kể cho bạn nghe, đó là bởi vì hai ly whisky mà bạn uống như thường luồng đã chạm tới hồi hải mã. Uống thêm một chút nữa thì khoảng trống lại càng rộng hoác - tới một mức mà bạn chỉ nhớ được các mảnh ký ức về buổi tối hôm đó nhưng những chi tiết khác thì khó lòng mà gọi nhớ được.

Aaron White, thuộc Học viện Sức khỏe Quốc gia có trụ sở ở ngoại ô Washington, DC là một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về trạng thái “sập nguồn” - mất trí nhớ tạm thời khi say xỉn. Ông nói rằng không có bất cứ logic cụ thể nào đối với việc mảnh ký ức nào được nhớ, mảnh nào thì không. “Sự nổi bật cảm xúc không có tác động nào tới khả năng ghi nhận của hồi hải mã”, ông nói. “Điều đó có nghĩa là bạn có thể, nếu là một phụ nữ, tới dự một bữa tiệc và bạn nhớ rằng đã uống vài chén trong tầng hầm nhưng không nhớ đoạn bị cưỡng hiếp. Nhưng rồi bạn lại nhớ là mình đã bước lên xe taxi”. Ở ngưỡng tiếp theo - quanh mức nồng độ cồn trong máu là 0,15 - thì hồi hải mã đơn giản là tắt nguồn toàn bộ”.

“Trong trạng thái sập nguồn hoàn toàn, thuần túy”, White nói, “thì ở đó không có gì. Không có gì để gọi nhớ”.

Trong một nghiên cứu sớm nhất về sập nguồn khi say xỉn, nhà nghiên cứu về đồ uống có cồn tên là Donald Goodwin đã tập hợp 10 người đàn ông thất nghiệp trên phố St. Louis, cho mỗi người uống một phần khá khá rượu buốc-bông trong quãng thời gian kéo dài 4 giờ, sau đó cho họ thực hiện các bài kiểm tra trí nhớ. Goodwin viết:

Một trong những nội dung đó là đưa cho một người một chiếc chảo có đậy vung, gợi ý rằng nếu anh ta đói thì hãy mở vung ra xem có gì, và trong chảo có ba con chuột chết. Có thể khẳng định chắc chắn rằng những cá nhân tỉnh táo sẽ nhớ được trải nghiệm này, có lẽ là cho đến hết phần đời còn lại.

Nhưng với những người nốc rượu buốc-bông thì sao? Không gì cả. Không những trong ba mươi phút tiếp theo, mà đến tận cả buổi

sáng hôm sau. Sự kiện ba con chuột chết trong chảo không bao giờ được bộ não ghi lại.

Trong một trạng thái sập nguồn - trong cửa sổ say xỉn cực độ trước khi các hồi hải mã trở lại làm việc - những người say giống như những cái bóng vật vờ, đi qua thế giới mà không đọng lại bất cứ dấu vết nào.

Goodwin đã bắt đầu một bài luận về trạng thái sập nguồn bằng câu chuyện sau đây:

Một người đàn ông 39 tuổi là nhân viên kinh doanh tỉnh dậy trong căn phòng khách sạn lạ lẫm. Ông ta có chút biêng biêng của người say còn mọi thứ thì thấy hoàn toàn bình thường. Quần áo của ông ta treo trong tủ đồ khách sạn; ông ta đã cạo râu nhẵn nhụi. Ông ta mặc đồ vào và xuống sảnh. Hỏi chuyện nhân viên lễ tân, ông ta biết được mình đang ở Las Vegas và đã vào đăng ký nhận phòng từ hai ngày trước. Điều hiển nhiên là ông ta đã uống rượu, nhân viên lễ tân nói, nhưng ông ta không có vẻ bê bết say xỉn cho lắm. Hôm đó là thứ bảy ngày 14. ký ức cuối cùng mà ông ta nhớ được là ngồi trong một quán rượu ở St. Louis vào thứ hai, ngày 9. Như vậy ông ta đã uống suốt cả ngày hôm đó, và đã say xỉn, nhưng chỉ có thể nhớ mọi chuyện cho đến 3 giờ chiều hôm đó, rồi sau đó “giống như một bức màn kéo xuống”, bộ nhớ của ông ta trở nên trống trơn. Và tình trạng trống trơn ấy tiếp tục kéo dài khoảng 5 ngày sau. Ba năm sau, vẫn trống trơn. Ông ta cảm thấy kinh hãi với trải nghiệm đó đến độ không dám động vào đồ uống có cồn thêm một lần nào trong suốt hai năm tiếp theo.

Nhân viên kinh doanh đó đã rời khỏi quán bar ở St. Louis, ra sân bay, mua vé máy bay, bay tới Las Vegas, tìm một khách sạn, thuê phòng, treo đồ vào tủ, cạo râu, và rõ ràng là hoạt động một cách hoàn toàn bình thường trong thế giới, trong khi đó vẫn hoàn toàn ở trong trạng thái sập nguồn. Đó chính là cách thức hoạt động của sập nguồn. Ở vào ngưỡng nồng độ cồn trong máu khoảng 0,15, các hồi hải mã ngừng hoạt động và ký ức ngừng hình thành nhưng vẫn hoàn toàn có khả năng mà các bộ phận như thùy trán, tiểu não, hạch hạnh nhân của con người đó - cùng một lúc - vẫn có thể tiếp tục hoạt động tương đối bình thường.

“Bạn có thể làm bất cứ điều gì trong trạng thái sập nguồn”, White nói.

Chỉ là bạn sẽ không nhớ gì về điều đó. Có thể bạn vẫn đặt hàng trên Amazon. Mọi người kể chuyện này với tôi suốt... Mọi người có thể làm cả những việc rất phức tạp. Mua vé, di chuyển, đủ mọi việc trên đời, và không nhớ gì cả.

Điều này dẫn tới một chuyện, đó là rất khó để xác định được mà biết được, chỉ bằng cách nhìn, ai đó có đang trong tình trạng sập nguồn hay không. Giống như là cố gắng xác định xem một người có đang bị nhức đầu không bằng cách chỉ nhìn vào biểu lộ trên gương mặt họ. “Tôi có thể trông hơi say một chút, có thể trông hơi bơ phờ, nhưng tôi vẫn có thể nói chuyện với bạn”, White nói.

Tôi có thể thực hiện cả một cuộc trò chuyện với bạn. Tôi có thể đi lấy thêm đồ uống cho chúng ta. Tôi có thể làm những việc đòi hỏi một lượng lưu trữ thông tin ngắn hạn. Tôi có thể nói chuyện với

bạn về việc chúng ta trưởng thành cùng nhau thế nào... Ngay cả các bà vợ của những người nghiện rượu nặng cũng cho biết họ thực không thể biết được khi nào thì chồng của mình đang hay không đang ở trong trạng thái sập nguồn^[28].

[28] . Nhân tiện, cũng xin nói thêm là sẽ vô cùng khó khăn khi muốn nhận biết một người say rượu thuần túy. Một trường hợp xét nghiệm rõ ràng đó là các điểm kiểm tra nồng độ cồn của cảnh sát. Một nhân viên cảnh sát ra hiệu dừng một số xe trên một con đường đông đúc vào buổi tối muộn thứ sáu, nói chuyện với các tài xế, nhìn một vòng khắp xe - và sau đó yêu cầu bất cứ người nào mà họ nghi ngờ đã uống quá chén thổi vào máy đo nồng độ cồn để xác định xem họ có uống vượt mức cho phép khi tham gia giao thông không. Việc xác định xem người nào say đến độ phải thổi vào máy đo nồng độ cồn hóa ra là một việc làm cực kỳ khó khăn. Bằng chứng rõ nhất đó là quá nửa số tài xế say xỉn quá mức độ cho phép đều thoát khỏi các điểm kiểm tra dễ như bỡn. Một nghiên cứu ở Quận Cam, California, cho thấy có hơn 1.000 tài xế được hướng dẫn điều khiển xe vào bãi đỗ xe trong một buổi tối muộn nọ. Họ được yêu cầu điền vào bảng các câu hỏi về buổi tối mà họ vừa trải qua, sau đó được phỏng vấn bởi các sinh viên cao học đã được đào tạo để xác định mức độ say xỉn. Những tài xế đã trò chuyện thế nào? Đi lại ra làm sao? Liệu có mùi rượu trong hơi thở của họ không? Có bao nhiêu vỏ chai rượu hay lon bia trong xe của họ? Sau đó những người phỏng vấn sẽ đưa ra nhận định, các tài xế được lấy máu để đo nồng độ cồn. Và đây là số tài xế say xỉn đã được nhận diện chính xác bởi những người phỏng vấn: 20%.

Khi Goodwin thực hiện công việc mang tính tiên phong vào những năm 1960, ông giả định rằng chỉ có mỗi đồ uống có cồn khiến các bọm rượu bất tỉnh mà không nhớ điều gì. Sập nguồn rất hiếm. Các nhà khoa học viết về chúng trong các tạp chí y khoa theo cách mà họ viết về một chứng bệnh chưa từng được biết đến trước đó. Hãy quan sát kết quả của một trong những khảo sát đầy đủ đầu tiên về thói quen uống rượu ở trường đại học. Khảo sát được thực hiện vào cuối những năm 1940, đầu những năm 1950, ở 27 trường đại học trên toàn nước Mỹ. Các sinh viên được hỏi họ uống bao nhiêu, tính trung bình, “trong một lần ngồi xuống”. (Để đạt được mục đích của câu hỏi, lượng uống bao nhiêu được chia ra thành ba nhóm. “Ít hơn” nghĩa là không nhiều hơn hai ly rượu, hai lon bia hoặc hai cốc đồ uống pha trộn. “Trung bình” là từ ba tới năm lon bia hoặc ly rượu, hoặc từ ba tới bốn cốc đồ uống pha trộn. Và “Nhiều hơn” là bất cứ con số nào lớn hơn mức trung bình”.

	Bia	
	Nam giới (%)	Nữ giới (%)
Ít hơn	46	73
Trung bình	45	26
Nhiều hơn	9	1

	Rượu	
	Nam giới (%)	Nữ giới (%)
Ít hơn	79	89
Trung bình	17	11
Nhiều hơn	4	0

Rượu mạnh		
	Nam giới (%)	Nữ giới (%)
Ít hơn	40	60
Trung bình	31	33
Nhiều hơn	29	7

Với mức độ tiêu thụ như thế này, có rất ít người uống đủ nhiều để chạm tới ngưỡng sập nguồn.

Ngày nay, có hai điểm về biểu đồ trên đã thay đổi. Đầu tiên, những bọm rượu của ngày hôm nay uống nhiều hơn rất nhiều so với bọm rượu của năm mươi năm về trước. “Khi bạn nói chuyện với sinh viên [ngày nay] về bốn hay năm cốc đồ uống, họ sẽ tỏ ra kiểu như, ‘Xì, thế mới chỉ là màn dạo đầu nhập cuộc’”, nhà nghiên cứu về đồ uống có cồn Kim Fromme báo cáo. Cô cho biết danh mục uống “nặng đô” giờ đây thường bao gồm nhóm những người phải uống *hai mươi ly* trong một lần ngồi vào bàn nhậu. Sập nguồn, trước đây rất hiếm hoi, giờ đã trở nên thường xuyên. Aaron White đã khảo sát hơn 700 sinh viên ở Đại học Duke. Trong số những người uống của nhóm này, quá nửa đã từng trải qua tình trạng sập nguồn ở một thời điểm nào đó trong đời, 40% đã từng trải qua trạng thái sập nguồn trong một năm trước trở lại, và 1 người trong số 10 người được hỏi từng sập nguồn trong vòng hai tuần trở lại^[29].

^[29] . Trong một bài luận đáng chú ý đăng trên tờ *New York Time*, Ashton Carrick, một sinh viên của Đại học Bắc Carolina, đã miêu tả trò chơi uống rượu có tên là “giao bôi và cạ chén”. Hai người sẽ vòng tay lại với nhau cho đến khi họ uống đủ 5 chầu rượu. Cô viết: “Để tăng tính cạnh tranh, họ sẽ dùng bút đánh dấu vạch lên tay số

chén mà họ uống, thiết lập một tỉ lệ số lượng chén mà một người đã uống tính cho đến khi người đó xỉn hoàn toàn - tỉ lệ càng cao thì sự hãnh diện giữa đám thanh niên càng lớn”. Cô viết tiếp:

Cách thức mà chúng ta trong tư cách là sinh viên ứng xử với việc say xỉn của bạn bè cũng có một phần trách nhiệm làm cho nó trở nên phổ biến. Chúng ta thực sự nghĩ rằng chuyện đó hài hước. Chúng ta đùa cợt vào ngày hôm sau về chuyện bạn bè của chúng ta trông ngớ ngẩn thế nào khi ngủ vật trên sàn nhà vệ sinh hay tán nhảm trên ứng dụng Snap khi đang nháy nhót và ngả ngón với một gã trai bất kỳ nào đó, từ đó thừa nhận hành vi của họ là bình thường và cổ động họ tiếp tục hành động như thế. “Say quá cần câu” đã trở nên quá thông thường đến độ ngay cả khi bạn không hề say xỉn tới mức độ ấy, bạn cũng hiểu được vì sao người khác lại như vậy. Đó là một phương pháp giải tỏa căng thẳng được tất cả mọi người nhìn nhận chung là thế. Thể hiện bất cứ thái độ nào khác đối với say xỉn sẽ bị coi là kẻ cả, phán xét.

Thứ hai, khoảng cách trong lượng tiêu thụ đồ uống có cồn giữa nam giới và nữ giới so với thế hệ trước, đã thu hẹp một cách đáng kể - đặc biệt là giữa những phụ nữ da trắng (Xu hướng tương tự không thực sự thể hiện rõ giữa những người châu Á, người Mễ hay người Mỹ gốc Phi.)

“Tôi nghĩ vấn đề ở đây là ghi nhận quyền lực”, Fromme lập luận:

Tôi đã thực hiện rất nhiều cuộc tham vấn trong môi trường quân ngũ, và rất dễ để nhận ra rằng bởi vì trong quân đội, phụ nữ thực sự bị áp đặt các tiêu chuẩn y như với nam giới về khía cạnh thể lực tham gia doanh trại và huấn luyện. Họ đã phải rất nỗ lực để

nói rằng: “Chúng tôi giống như đàn ông và vì thế chúng tôi có thể uống ngang bằng đàn ông”.

Vì các lý do thể chất, xu hướng này đã đặt phụ nữ vào nguy cơ ngày càng gia tăng lớn dẫn đến sập nguồn. Nếu một người đàn ông Mỹ với cân nặng trung bình uống tám cốc trong bốn giờ - điều đó nghĩa là anh ta sẽ được liệt vào hạng mục người uống trung bình trong một bữa tiệc điển hình tại trường đại học - thì nồng độ cồn trong máu của anh ta sẽ là 0,107. Như thế là quá say để lái xe, nhưng còn khá xa mới đạt tới mức 0,15, mức tới hạn của trạng thái sập nguồn. Nếu một phụ nữ có cân nặng trung bình uống tám cốc trong vòng bốn giờ, thì ngược lại, cô ấy sẽ có nồng độ cồn trong máu là 0,175. Cô ấy rơi vào trạng thái sập nguồn^[30].

[30] . Không chỉ là vấn đề cân nặng. Ngoài ra còn có các sự khác biệt đáng kể khác trong cách hai giới chuyển hóa chất có cồn. Cơ thể phụ nữ chứa ít nước hơn cơ thể đàn ông, kết quả là lượng cồn có thể xâm nhập vào mạch máu của họ nhanh hơn rất nhiều. Nếu một phụ nữ có cân nặng 90 kg uống thi với một đàn ông có cùng cân nặng trong vòng bốn giờ, thì nồng độ cồn của anh ta sẽ là 0,107. Còn của cô ta sẽ là 0,140.

Sự thể còn tồi tệ hơn. Phụ nữ ngày càng uống nhiều rượu vang và rượu mạnh, thứ làm tăng nồng độ cồn trong máu lên nhanh hơn nhiều so với bia. “Phụ nữ cũng có xu hướng bỏ bữa hơn so với đàn ông khi uống”, White nói.

Có thức ăn trong dạ dày khi bạn uống sẽ giúp hạ thấp đỉnh nồng độ cồn trong máu khoảng $\frac{1}{3}$. Nói cách khác, nếu bạn uống khi

bụng rỗng, thì nồng độ cồn trong máu sẽ đạt mức đỉnh cao hơn và nhanh hơn. Nếu bạn uống rượu mạnh và rượu vang với cái bụng rỗng, thì nồng độ cồn trong máu sẽ đạt được cao hơn và nhanh hơn nữa. Và nếu như bạn là phụ nữ, với lượng nước trong cơ thể ít hơn thì đỉnh nồng độ cồn trong máu lại còn đạt được nhanh hơn nữa.

Vậy thì hệ quả của việc say mèm là gì? Điều đó có nghĩa là phụ nữ sẽ dễ rơi vào trạng thái tổn thương hơn. Phản ứng đầu tiên của bộ nhớ, bất cứ khi nào tiếp xúc với một người xa lạ, là phòng vệ. Chúng ta nói chuyện với một người tại một bữa tiệc trong vòng nửa giờ và suy tính đến những gì chúng ta biết được về người này.

Chúng ta sử dụng bộ nhớ để đánh giá xem người đối diện là người như thế nào. Chúng ta thu thập những thông tin họ kể với chúng ta, và thế là xong, và những cân nhắc này định hình phản ứng của chúng ta. Đó không phải là bài thực hành mà chúng ta không bao giờ mắc lỗi trong một số hoàn cảnh. Nhưng đó là bài thực hành cần thiết, đặc biệt là trong những vấn đề tại chỗ như là có nên theo người đó về nhà hay không. Nhưng nếu bạn không thể nhớ nổi bất cứ điều gì vừa thu thập được, rất có thể bạn sẽ không đưa ra được những quyết định có chất lượng tương đồng so với những quyết định đưa ra như khi hai hồi hải mã vẫn đang hoạt động bình thường. Bạn đã nhường quyền kiểm soát tình hình.

“Phải nhắc lại điều này một cách rất rõ ràng ở đây: Thủ phạm là những người phải chịu trách nhiệm vì đã thực hiện hành vi phạm tội của họ, và họ cần phải được đưa trước công lý”, nhà phê bình Emily Yoffe viết trên tờ *Slate*:

Nhưng chúng ta đã thất bại khi không cảnh báo cho phụ nữ biết rằng nếu họ thả lỏng bản thân vào trạng thái không phòng vệ, thì những chuyện tồi tệ sẽ xảy ra với họ. Những phụ nữ trẻ đang nhận được một thông điệp nhiễu loạn rằng quyền uống ngang bằng với đàn ông của họ là một vấn đề mang tính nữ quyền. Thông điệp nữ quyền thực sự ở đây phải là bạn sẽ đánh mất khả năng chịu trách nhiệm cho bản thân, bạn làm tăng khủng khiếp nguy cơ khiến bạn trở nên hấp dẫn với những kiểu người không đặt quyền lợi của bạn ở trung tâm. Đây không phải là đổ lỗi cho nạn nhân; mà là cố gắng ngăn việc có thêm những nạn nhân khác.

Và người lạ đã nói điều gì với bạn? Anh ta có thể không biết rằng bạn đang sập nguồn. Có thể anh ta ngã ngửa, cố động chạm vào bạn, và bạn đứng hình. Mười phút sau anh ta vòng trở lại, mơn trớn hơn một chút. Thông thường bạn sẽ cứng đờ người lại một lần nữa, bởi vì bạn có thể nhận ra hình mẫu của người lạ mặt này. Nhưng lần thứ hai này bạn lại không như thế, bởi vì bạn không hề nhớ lần đầu tiên. Và trên thực tế bạn không cứng đờ người theo cách để có thể khiến một người lạ mặt nghĩ rằng bạn đang không cởi mở với sự tiến tới của anh ta, trong hoàn cảnh giả định về sự tương ứng. Thông thường anh ta cũng sẽ cẩn trọng khi hành động dựa trên giả định là: sự thân thiện không đồng nghĩa với một lời mời gọi ân ái. Nhưng anh ta cũng đang say rượu. Anh ta đang chịu sự kìm kẹp của trạng thái thiếu cận rượu cồn, và các loại cân nhắc dài hạn mà trong tình huống khác có thể kiểm chế hành vi của anh ta

(chuyện gì xảy ra với mình ngày mai nếu như mình hiểu sai tình hình?) cũng trở nên nhạt nhòa trong mắt anh ta.

Liệu rượu bia có biến tất cả đàn ông trở thành quái vật? Tất nhiên là không. Lý thuyết thiên cận giải quyết một mâu thuẫn cao độ: nó loại bỏ những ràng buộc thứ bậc cao hơn đối với hành vi của chúng ta. Một người đàn ông trầm tĩnh, bình thường vốn rất e ngại khi biểu lộ cảm xúc lại có thể phun ra những chi tiết riêng tư của đời mình. Một người đàn ông không hài hước, bình thường vốn biết rằng mọi người không cho rằng những câu đùa của anh ta hài hước, lại có thể bất chợt đóng vai diễn viên hài kịch. Những chuyện đó vô hại. Nhưng đối với một thanh niên có xu hướng tình dục hung hãn - những người mà bình thường vẫn chế ngự các cơn bốc đồng bởi vì hiểu rằng những hành vi ấy rất không phù hợp - thì sao? Một phiên bản của lời nhắc nhở mà Emily Yoffe đã dành cho phụ nữ cũng có thể được gửi đến những người đàn ông:

Nhưng chúng ta đã thất bại khi không cảnh báo cho đàn ông biết rằng khi rơi vào trạng thái thiên cận, họ có thể làm ra những việc kinh khủng. Những thanh niên trẻ đang nhận được một thông điệp nhiều loạn rằng uống rượu bia quá chén là vô hại đối với đời sống xã hội. Thông điệp thực sự phải là khi đánh mất khả năng chịu trách nhiệm cho bản thân, bạn làm gia tăng khủng khiếp nguy cơ khiến bạn thực hiện một hành vi phạm tội tình dục. Ghi nhận vai trò tác động của rượu còn không phải là để gỡ tội cho hành vi của thủ phạm. Mà là cố gắng không để có thêm những thanh niên trẻ biến thành những kẻ phạm tội.

Một điều đáng chú ý là sức mạnh của trạng thái thiên cận đã bị đánh giá thấp đến mức nào. Trong một nghiên cứu của Washington Post/Quý Gia đình Kaiser, các sinh viên được đề nghị liệt kê những biện pháp mà họ nghĩ rằng sẽ có hiệu quả nhất trong việc giảm thiểu tấn công tình dục. Nằm ở ngay vị trí đầu danh sách, họ đề nghị có biện pháp trừng phạt nặng hơn đối với những kẻ tấn công tình dục, huấn luyện phòng vệ cho các nạn nhân và dạy đàn ông phải tôn trọng phụ nữ hơn. Bao nhiêu người nghĩ rằng sẽ “rất hiệu quả” nếu họ bớt chè chén hơn? 33%. Bao nhiêu người nghĩ rằng các biện pháp thắt chặt hơn nữa lượng tiêu thụ rượu bia trong khuôn viên trường sẽ là rất hiệu quả? 15%.^[31]

[31] . Người trưởng thành có suy nghĩ khá khác so với đối tượng sinh viên. 85% người trưởng thành nghĩ rằng “uống bớt đi” sẽ là rất hiệu quả trong việc giảm tấn công tình dục.

Đó là những góc nhìn đối lập. Sinh viên nghĩ rằng việc huấn luyện tự phòng vệ là ý tưởng rất hay, còn việc uống ít đi thì *không hẳn* là ý tưởng hay ho. Nhưng biết được các kỹ thuật tự phòng vệ liệu có ích lợi gì khi mà bạn đã say không biết trời đất gì nữa? Sinh viên nghĩ rằng thật là ý tưởng hay nếu đàn ông tôn trọng phụ nữ hơn. Nhưng vấn đề ở đây không phải là đàn ông ứng xử thế nào với phụ nữ khi mà họ đang hoàn toàn tỉnh táo. Vấn đề là họ đối xử với phụ nữ thế nào khi họ say xỉn, và đã bị rượu biến thành một người đánh giá thế giới xung quanh hoàn toàn khác so với khi họ tỉnh táo. Tôn trọng người khác đòi hỏi một sự cân nhắc đầy phức tạp trong đó một bên chấp thuận điều chỉnh ham muốn của bản thân, để tính đến những hậu quả lâu dài của hành vi, để nghĩ về một thứ gì khác

hơn là chỉ nghĩ đến những thứ xuất hiện ngay trước mặt họ lúc đó. Và đó chính xác là điều khiến sự thiện cận đi kèm với sự say xỉn làm cho điều này rất khó thực hiện.

Bài học về sự thiện cận ở đây thực sự rất đơn giản. Nếu bạn muốn mọi người hãy là chính mình trong các cuộc giao tế xã hội với một người lạ - để thể hiện những ham muốn của bản thân một cách thành thực và rõ ràng - thì họ tuyệt đối không thể để bị say mèm. Và nếu như họ *bị* say quá cần câu, thì nghĩa là họ đã phó mặc cho môi trường xung quanh, và môi trường tệ hại nhất có thể đó chính là nơi mà đàn ông và phụ nữ uốn éo úp thìa trên sàn nhảy và nhảy nhót trên mặt bàn. Một bữa tiệc sinh viên ở Kappa Alpha không phải là một bàn nhậu vòng tròn của người Camban.

“Con người học hiểu về sự say xỉn bằng những gì mà xã hội nơi họ sống nhập khẩu về cho họ, và họ hành động tương ứng với những hiểu biết ấy, họ trở thành bằng chứng sống cho những gì mà xã hội đã dạy họ”, Craig MacAndrew và Robert Edgerton kết luận như vậy trong bài luận *Hành vi của Người Say* kinh điển năm 1969. “Chính bởi các xã hội, cũng giống như các cá nhân, có đủ các kiểu hành vi say xỉn mà họ được cho phép làm, họ xứng đáng với những gì họ có”.

8. Vậy là: Trong bữa tiệc Kappa Alpha ở Stanford, vào thời điểm quá nửa đêm, Emily Doe rơi vào trạng thái sập nguồn. Đó chính là những gì xảy ra khi bạn có một bữa ăn tối nhẹ và cận nhanh 4 chén whisky, một ly sâm-panh, tiếp sau đó là 3-4 cốc vodka nhựa đổ loại dùng một lần.

Công tố viên: Ở một thời điểm nào đó, cô có nhớ chuyện em gái cô rời khỏi bữa tiệc không?

Doe: Tôi không nhớ.

Công tố viên: Điều tiếp theo mà cô nhớ được là gì, sau khi đi vệ sinh, quay trở lại hiên, uống bia, và trông thấy một số thanh niên đang uống bia cạn chén?

Doe: Tôi tỉnh dậy trong bệnh viện.

Emily Doe không có chút ký ức nào về việc gặp gỡ Brock Turner, không có ký ức về việc cô ấy có nhảy hay không với anh ta, không nhớ được là cô ấy có hôn hay không hôn anh ta, cũng như có đồng ý hay không đồng tình đi về phòng ký túc của anh ta, và không có ký ức gì về việc cô ấy có sẵn lòng hay không muốn tham gia vào hành vi quan hệ tình dục. Liệu cô ấy có chống cự khi họ rời khỏi bữa tiệc? Cô ấy có vùng vẫy không? Cô ấy có tán tỉnh anh ta không? Hay cô ấy chỉ tập tễnh bước theo anh ta, một cách mù quáng? Chúng ta sẽ không bao giờ biết được. Sau sự việc, khi đã già rượu, Doe nói cứng rằng không bao giờ có chuyện cô ấy tự nguyện rời bữa tiệc với một người đàn ông lạ. Cô ấy đang ở trong một mối quan hệ tình cảm nghiêm túc. Nhưng không phải là cô Emily Doe “thực sự” là người đã gặp gỡ Brock Turner. Mà đó là cô Emily Doe say xỉn và sập nguồn, và những bản thể say xỉn và sập nguồn của chúng ta không phải là một so với bản thể tỉnh táo.

Brock Turner tuyên bố rằng anh ta nhớ mọi chuyện xảy ra vào buổi tối hôm ấy, và rằng từng bước một trong suốt quá trình, Emily Doe là người tham gia tự nguyện. Nhưng đó là câu chuyện mà anh ta kể lại tại phiên tòa, sau nhiều tháng chuẩn bị và lên kế hoạch với các luật sư. Vào buổi tối bị bắt, anh ta ngồi thất thần trong phòng thẩm vấn tại đồn cảnh sát, anh ta không nhớ chắc một chút nào về cô gái có tên Emily Doe.

Hỏi: Thế các cô cậu đã này nọ với nhau ở đó trước khi hay là... - trước cả khi cậu trèo lên người cô ấy?

Turner: Tôi nghĩ thế. Nhưng tôi cũng không chắc chúng tôi bắt đầu hôn nhau lúc nào nữa.

Sau đó một nhân viên cảnh sát hỏi anh ta tại sao lại bỏ chạy khi bị hai sinh viên cao học phát hiện?

Turner: Tôi không nghĩ là mình đã bỏ chạy.

Hỏi: Cậu không nhớ là mình đã bỏ chạy à?

Turner: Không.

Hãy nhớ rằng những sự kiện trong câu hỏi kia *chỉ vừa* xảy ra trước đó vào buổi tối hôm đó, và ngay trong lúc anh ta trả lời câu hỏi, Turner vẫn còn đang suýt xoa vết thương ở cổ tay khi anh ta bị ghì xuống. Nhưng tất cả mọi chuyện đều đã biến mất.

Hỏi: Cậu có quay lại nhìn cô ấy trong khi có người tiến lại gần cậu và hỏi chuyện cậu?

Turner: Không.

Hỏi: Liệu có khả năng nào cô ấy đã bất động tại thời điểm đó không?

Turner: Thành thực mà nói, tôi không biết, bởi vì tôi chẳng nhớ chuyện gì cả. Tôi nghĩ tôi kiểu như mất điện ấy, ừm, kiểu như từ góc nhìn của tôi - như chuyện này nọ với cô ấy, đến chuyện, tôi bị máy gã kia ghì xuống đất. Tôi thực sự không nhớ mọi chuyện diễn ra thế nào.

Tôi nghĩ tôi kiểu như mất điện. Vậy là toàn bộ câu chuyện về tán tỉnh, hôn hít và Emily Doe đồng ý đi với anh ta về ký túc xá chỉ là chuyện hư cấu: đó là những gì anh ta hy vọng là đã xảy ra như vậy. Chuyện gì thực sự đã xảy ra sẽ mãi mãi là một bí ẩn. Có thể Turner

và Emily Doe chỉ đứng trên sàn nhảy, lải nhải cùng một thứ với người còn lại, lặp đi lặp lại, mà không hề nhận ra rằng họ đang bị mắc kẹt trong một vòng tròn vĩnh cửu, sập nguồn.

Đến cuối phiên tòa, Emily Doe đọc to một lá thư mà cô ấy viết gửi cho Brock Turner. Mỗi thanh niên và mỗi cô gái trẻ vẫn thường đến các quán bar hoặc dự các buổi tiệc sinh viên đều nên đọc lá thư của Emily Doe. Một lá thư dửng cảm và mạch lạc, và là lời nhắc nhở mạnh mẽ về những hậu quả của một cuộc tấn công tình dục: đó là những gì xảy ra giữa hai người lạ, thiếu vắng sự đồng thuận thực sự, tạo ra những sự đau đớn thực sự và tổn thương.

Cô ấy nói, những gì xảy ra tối hôm ấy đã xé nát cô ấy:

Sự độc lập của tôi, niềm hân hoan thuần khiết, sự dịu dàng và phong cách sống mà tôi từng sung sướng tận hưởng bỗng bị bóp méo không thể nhận ra được nữa. Tôi trở nên đóng kín, cáu giận, tự ti, mệt mỏi, bực bội và trống rỗng. Sự cô lập đôi lúc trở nên không chịu đựng nổi.

Trong công việc, cô ấy đến công sở muộn giờ, rồi ra ngoài và khóc ở cầu thang bộ. Hằng đêm, cô ấy khóc ròng cho đến lúc ngủ thiếp đi và buổi sáng thức dậy, cô phải chườm những chiếc thìa lạnh lên mắt để giảm sưng bọng mắt.

Tôi không thể ngủ một mình vào buổi tối mà không bật đèn lên, giống như một đứa trẻ năm tuổi, vì tôi bị bóng đè, có những cơn ác mộng bị sờ soạn mà tôi không tài nào tỉnh dậy nổi. Tôi làm mọi việc chờ cho đến khi thấy mặt trời mọc và tôi cảm thấy đủ an

toàn để ngủ. Trong suốt ba tháng liền, tôi lên giường ngủ vào lúc sáu giờ sáng.

Tôi từng thấy hãnh diện vì bản tính độc lập của mình; giờ đây, tôi sợ đi bộ một mình vào buổi tối, sợ tham dự các buổi giao thiệp xã hội, nhậ nhệ giữa những người bạn mà đáng lẽ tôi phải cảm thấy thoải mái khi ở cạnh. Tôi trở nên lệ thuộc vào người khác, luôn cần ở cạnh một ai đó, cần có bạn trai đứng bên cạnh, ngủ bên cạnh, bảo vệ tôi. Thật là ngược khi lại yếu ớt đến thế, khi sống dè dặt đến thế, lúc nào cũng cần được bảo vệ, sẵn sàng xù lông lên tự bảo vệ, sẵn sàng nổi giận.

Sau đó cô ấy đi đến câu hỏi về đồ uống có cồn. Liệu đó có phải là một *yếu tố* tác động đến chuyện đã xảy ra vào buổi tối hôm đó? Tất nhiên. Nhưng rồi cô nói:

Rượu không phải là người đã lột đồ tôi, đã thò tay vào cơ thể tôi, đã ấn đầu tôi xuống thảm cỏ, trong khi cơ thể tôi gần như lỏa lồ. Tôi thừa nhận uống quá nhiều là một sai lầm ngây dại, nhưng đó không phải là tội ác. Tất cả mọi người trong căn phòng này cũng đều từng có những lúc hối tiếc vì một buổi tối nào đó đã uống quá chén, hoặc có người thân quen từng hối hận vì uống quá nhiều vào một lúc nào đó. Ân hận vì đã uống nhiều không giống với ân hận vì tấn công tình dục. Cả hai chúng tôi đều say xỉn. Sự khác biệt ở đây là tôi không cởi quần dài và quần lót của anh, động chạm vào cơ thể anh một cách sai trái và bỏ chạy. Đó chính là sự khác biệt.

Bằng chính tuyên bố của mình tại tòa, Turner đã nói rằng anh ta hy vọng sẽ xây dựng được một chương trình cho sinh viên để “nói lên tiếng nói phản đối văn hóa uống rượu trong khu trường và tình dục bừa bãi đi kèm với đó”. Doe gay gắt:

Văn hóa uống rượu trong trường học ư? Đó là điều chúng ta đang kêu gọi chống lại ư? Anh nghĩ đó là điều mà tôi đã dành cả một năm qua để chiến đấu ư? Không phải nâng cao nhận thức về tấn công tình dục trong khu trường, hay cưỡng hiếp, hay học cách nhận ra sự đồng thuận. Văn hóa uống rượu trong trường học. Đặt chai Jack Daniels xuống. Đặt chai Skyy Vodka xuống. Nếu anh muốn nói với mọi người về chuyện uống rượu, thì đi mà nói ở các buổi trò chuyện tâm tình của hội những người nghiện rượu. Anh có nhận ra rằng, có vấn đề với việc uống rượu khác với việc uống rượu xong là dùng vũ lực để quan hệ tình dục với người khác? Hãy chỉ cho đàn ông biết cách tôn trọng phụ nữ, chứ không phải là uống ít đi.

Nhưng điều này xem ra không đúng, có phải vậy không? Dòng cuối cùng nên là “Hãy chỉ cho đàn ông biết cách tôn trọng phụ nữ và uống ít đi”, bởi vì hai thứ đó có liên hệ với nhau. Brock Turner bị đòi hỏi phải làm một việc tối quan trọng vào buổi tối hôm ấy - đánh giá sự ham muốn và động cơ của một người lạ mặt. Đó là nhiệm vụ khó khăn đối với tất cả chúng ta, trong những tình cảnh thuận lợi nhất, bởi vì giả định về sự tương ứng mà chúng ta dựa vào trong những cuộc chạm trán là vô cùng thiếu sót. Yêu cầu một người say xỉn và một thanh niên mười chín tuổi chưa trưởng thành làm điều đó, trong

cơn thác loạn tại một bữa tiệc sinh viên, là một lời mời gọi đến thăm họ.

Kết quả của cuộc chạm trán *Mọi người với Brock Turner* mang đến một thước đo công lý cho Emily Doe. Nhưng chừng nào chúng ta còn không chịu thừa nhận sự tác động của rượu bia đối với tương tác giữa những người xa lạ, thì buổi tối ở Kappa Alpha sẽ còn tiếp diễn. Và còn tiếp diễn nữa.

Công tố viên: Anh đã nghe đoạn thư thoại [của Emily] rồi, phải không?

Turner: Phải.

Turner đang được một công tố viên kiểm tra chéo. Người này đang ám chỉ đến cuộc gọi bập bùng mà Emily Doe đã gọi cho bạn trai vào một thời điểm nào đó sau khi cô ấy bị sập nguồn.

Công tố viên: Anh có đồng ý với tôi rằng trong đoạn thư thoại đó, giọng của cô ấy đã say mềm rồi phải không?

Turner: Phải.

Công tố viên: Đó là tình trạng của cô ấy vào buổi tối đó, phải không?

Turner: Phải.

Công tố viên: Cô ấy rất là say, phải không?

Turner: Cũng không khác với bất cứ người nào khác mà tôi từng chứng kiến.

PHẦN BỐN
NHỮNG BÀI HỌC

Chương chín

KSM: CHUYỆN GÌ XẢY RA KHI NGƯỜI LẠ LÀ MỘT TÊN KHỦNG BỐ

1 . “Ý nghĩ đầu tiên của tôi là hắn ta trông như một con quái rừng”, James Mitchell nhớ lại. “Hắn giận dữ, hung hăng, nhìn tôi chằm chằm. Tôi đang đóng vai trung lập, cho nên tôi nói chuyện với hắn, như là cách tôi đang nói chuyện với anh bây giờ. Tôi bỏ mũ trùm đầu của hắn ra và bảo, ‘Anh muốn tôi gọi anh là gì?’ ”

Người đàn ông trả lời bằng tiếng Anh lơ lớ, “Gọi tôi là Mukhtar. *Mukhtar* có nghĩa là *bộ não*. Tôi là chỉ huy của vụ tấn công 11/9”.

Thời điểm đó là tháng 3 năm 2003, tại một cơ sở quân sự mật của CIA nằm ở đâu đó “phía bên kia thế giới”, Mitchell nói. Mukhtar là Khalid Sheikh Mohammed - hay KSM, tên gọi khác của hắn - một trong những nhân vật cốt cán của Al Qaeda từng bị bắt giữ. Hắn bị lột trần, cả tay và chân đều bị còng, nhưng cứng đầu.

“Tới thời điểm ấy, người ta đã cạo trọc đầu và cạo nhẵn râu của hắn”, Mitchell nói. “Nhưng hắn vẫn là người rậm lông nhất mà tôi từng thấy trong đời, và hắn nhỏ bé, rất nhỏ bé. Bụng hắn to tướng, giống như bụng lợn ỉ vậy. Tôi đã nghĩ, chính gã này đã giết tất cả những người Mỹ đầy sao?”

Mitchell có vóc dáng của một vận động viên chạy bộ, cao lớn và mảnh dẻ, với mái tóc bạc hơi dài chải ngôi giữa và bộ râu được cắt tỉa cẩn thận. Ông nói giọng pha chút âm điệu của người miền Nam. “Trông tôi giống một ông chú nhỉ”, đó là cách ông tự mô tả bản thân, có lẽ hơi tự ti. Ở ông tỏa ra một cảm giác tự tin tự tại, như thể ông luôn có một đêm ngon giấc bất kể ngày hôm ấy ông đã làm gì với người khác, hay người khác đã làm gì với ông.

Mitchell là một nhà tâm lý học đã qua đào tạo. Sau sự kiện 11/9, ông và một đồng nghiệp khác, Bruce Jessen, được CIA mời về bởi kỹ năng đặc biệt của họ trong những cuộc thẩm vấn “cấp cao”. Jessen cao lớn hơn Mitchell, ít nói hơn, với mái tóc cắt kiểu quân đội. Mitchell nói rằng Jessen trông giống “một ông [Jean-] Claude van Damme già”. Jessen không phát biểu nơi công cộng. Nếu bạn săn lùng trên mạng Internet, bạn có thể tìm thấy một số đoạn video cung cấp bằng chứng mà ông và Mitchell đã đưa ra trong một vụ kiện tụng nảy sinh từ các cách thức thẩm vấn của họ. Mitchell điềm tĩnh, dài dòng, hầu như khinh khi trong suốt quá trình ấy. Jessen gằn giọng súc tích, và thận trọng: “Chúng tôi là những người lính, làm những công việc mà chúng tôi nhận được lệnh thực hiện”.

Nhiệm vụ đầu tiên của họ, sau khi hai tòa tháp đổ, là giúp thẩm vấn Abu Zubaydah, một trong những sĩ quan cao cấp hàng đầu của Al Qaeda bị bắt giữ. Họ sẽ còn trực tiếp thẩm vấn rất nhiều nghi phạm khủng bố “đáng giá” khác trong suốt tám năm tiếp theo ở khắp các căn cứ bí mật trên toàn thế giới. Trong số tất cả, KSM là con mồi lớn nhất.

“Hắn khiến tôi kinh ngạc bởi sự sáng láng của hắn”, Mitchell nhớ lại. Trong các buổi thẩm vấn, Mitchell sẽ hỏi hắn ta một câu, và KSM

sẽ trả lời: “Nếu là tôi thì tôi sẽ không hỏi câu ấy. Ông sẽ nhận được câu trả lời, ông sẽ thấy nó cũng hữu ích và ông sẽ nghĩ rằng đó là tất cả những gì ông cần. Nhưng thật sự câu hỏi mà tôi sẽ muốn hỏi là câu này này”. Mitchell nói rằng sau đó ông sẽ hỏi KSM đúng câu hỏi mà hẳn tự đặt ra, “và hẳn sẽ cung cấp một câu trả lời rất chi tiết và mang tầm vĩ mô toàn cầu hơn nhiều”. KSM sẽ kể chi tiết về thủ thuật giao chiến của khủng bố, về tầm nhìn chiến lược, về mục tiêu của các cuộc chiến hồi giáo. Nếu không bị bắt, KSM đã nắm sẵn trong tay tất cả các kế hoạch tiếp theo sau vụ 11/9. “Sự mô tả của hẳn ta về kỹ thuật và các cuộc tấn công sói-đơn-độc đều thật kinh hoàng”, Mitchell nói. “Sự thật là hẳn ngồi một chỗ và nghĩ về quy mô kinh tế khi nhắc đến chuyện giết người...” Ông ta lắc đầu.

“Hẳn thực sự làm tôi hãi hùng khi nói về Daniel Pearl. Chuyện đó là khiếp nhất... Tôi đã bật khóc và giờ vẫn khóc khi nghĩ lại, bởi vì nó thực sự kinh hoàng”. Daniel Pearl là phóng viên của tờ *Wall Street Journal* đã bị bắt cóc - và sau đó bị giết hại - ở Pakistan vào tháng 1 năm 2002. KSM tự nhiên đề cập tới Pearl chứ không ai hỏi, sau đó hẳn rời khỏi ghế ngồi và tái hiện lại - với một dáng vẻ mà Mitchell nghĩ rằng có chút thích thú - thủ thuật mà hẳn đã dùng để cắt cổ Pearl bằng một con dao. “Điều kinh khủng trong chuyện này là hẳn hành động như thể hẳn có một kiểu quan hệ thân thiết với Daniel. Hẳn cứ gọi anh ấy là ‘Daniel này, Daniel nọ’ bằng một giọng như thể họ không hẳn là tình thân mến thân, nhưng cũng là bạn bè quen biết hay gần như thế. Đó quả là thứ kinh sợ nhất”.

Nhưng tất cả những chuyện này đều là chuyện về sau - sau khi KSM đã hàng phục. Vào tháng 3 năm 2003, khi Mitchell và Jessen

lần đầu tiên chạm trán hắn - tên khủng bố bé nhỏ, rậm lông với cái bụng lợn ỉ ấy - mọi chuyện rất khác.

“Anh phải nhớ rằng vào thời điểm cụ thể ấy [chúng tôi] có trong tay quá trời bằng chứng cho thấy Al Qaeda đã bày ra một đợt tấn công tiếp nữa”, Mitchell nói.

Có rất nhiều tin ngoài lề. Chúng tôi biết rằng Osama bin Laden đã gặp gỡ các nhà khoa học người Pakistan, là những người đã chuyển giao công nghệ hạt nhân và [chúng tôi] biết rằng các nhà khoa học Pakistan đã nói với Bin Laden rằng: “Rào cản lớn nhất chính là tìm được nguyên liệu hạt nhân”. Bin Laden đã trả lời: “Thế nếu như chúng tôi đã có cái đó rồi thì sao?” Câu đó khiến toàn thể cộng đồng tình báo lạnh hết cả sống lưng.

CIA đã cho người đi khắp Manhattan với máy dò Geiger để lần tìm quả bom bẩn thỉu. Washington đặt trong trạng thái cảnh giác cao độ. Và khi KSM vừa bị bắt giữ, cảm giác khi ấy là nếu có người nào đó trên đời biết về những vụ tấn công được lên kế hoạch sẵn sàng này, thì người đó chính là hắn. Nhưng KSM không chịu nói, và Mitchell thì không lạc quan. KSM là một ca khó.

Đội thẩm vấn đầu tiên được cử đến tra khảo KSM đã thử tỏ ra thân thiện. Họ làm cho hắn cảm thấy thoải mái, pha cho hắn một ấm trà và hỏi những câu hỏi tử tế. Họ chẳng thu được gì cả. Hắn chỉ nhìn bọn họ và đung đưa cơ thể như con lắc.

Sau đó, KSM được giao vào tay một người mà Mitchell gọi là “cảnh sát trưởng mới của thị trấn”, một người thẩm vấn mà Mitchell cho rằng đã đi quá lần ranh nhục hình - trói nghiền KSM vào đủ loại

tư thế “căng cứng”, như là trói quặt tay hắn ra phía sau lưng, sau đó kéo chúng lên quá đầu, khiến đôi vai của hắn gần như bật ra khỏi khớp. “Ông ta bảo tôi rằng ông ta học được các cách thẩm vấn này ở Nam Mỹ..”, Mitchell nói. “Ông ta tham gia cuộc chiến trí lực với KSM. Tay cảnh sát trưởng mới này có một ý tưởng thế này, ông ta muốn được gọi bằng ngài. Đó là tất cả những gì ông ta tập trung vào”. KSM thì không hề có ý định gọi ai bằng ngài hết. Sau một tuần cố gắng, tay cảnh sát trưởng bỏ cuộc. Tù nhân được giao cho Mitchell và Jessen.

Những gì diễn ra tiếp theo chính là nguồn cơn của một cuộc tranh cãi lớn. Các phương pháp thẩm vấn được sử dụng với KSM đã trở thành chủ đề của các vụ kiện tụng, các cuộc điều trần tại quốc hội, và vô số tranh luận trong dư luận. Những người đồng tình gọi các cách thức đó là “những kỹ thuật thẩm vấn tăng cường” - EIT (Enhanced Interrogation Techniques). Những người ở phía ngược lại gọi đó là tra tấn. Nhưng chúng ta hãy cùng bỏ qua một bên những câu hỏi đạo đức rộng hơn trong giấy lát, và tập trung vào những gì mà cuộc thẩm vấn KSM có thể cho chúng ta biết về hai câu đố được xem xét từ đầu tới giờ.

Các màn lừa bịp của Ana Montes và Bernie Madoff, sự nhầm lẫn về Amanda Knox, những lời trần tình của Graham Spanier và Emily Doe là tất cả những bằng chứng cho vấn đề ẩn sâu bên dưới khi chúng ta cố gắng lý giải những người mà chúng ta không quen biết. Mặc định với sự thành thật là một chiến lược tối quan trọng, mà đôi lúc, và không thể tránh khỏi, dẫn chúng ta đi vào con đường lầm lạc. Sự tương ứng có vẻ như là một giả định tưởng như thông thường, nhưng té ra lại là một ảo ảnh. Tuy vậy, cả hai làm dấy lên cùng một

câu hỏi: một khi chúng ta chấp nhận những thiếu sót của mình, thì chúng ta phải làm gì? Trước khi quay trở lại với Sandra Bland để xem chính xác thì chuyện gì đã xảy ra bên lề đường cao tốc ở bang Texas, tôi muốn nói về một trường hợp mà có lẽ là một phiên bản cực đoan của vấn đề trò chuyện với người lạ: một tên khủng bố muốn giữ kín những bí mật, và một nhà thẩm vấn sẵn sàng vận dụng mọi thủ đoạn để moi cho được những bí mật ấy.

2. Mitchell và Jessen gặp nhau ở thành phố Spokane, Washington, đây là nơi cả hai đều là những nhà tâm lý học làm việc cho chương trình SERE (Survival, Evasion, Resistance, Escape - Sống sót, Lẩn trốn, Đối kháng và Đào thoát) thuộc lực lượng Không quân Hoa Kỳ. Tất cả các nhánh thuộc ngành quân đội Hoa Kỳ đều có chương trình SERE của riêng mình, trong đó huấn luyện những nhân vật chủ chốt cách ứng phó khi bị rơi vào tay kẻ địch.

Bài tập bắt đầu bằng việc nhân viên an ninh đột nhiên vây bắt các sĩ quan không quân, bất ngờ không báo trước, và mang họ đến một trung tâm giam giữ được tái dựng trông giống doanh trại giam giữ tù nhân chiến tranh của kẻ địch. “Người ta bỗng chặn họ lại và bắt giữ họ”, Mitchell nói. “Sau đó người ta bàn giao họ cho những người sẽ thực hiện bài kiểm tra mức độ sẵn sàng xung trận”.

Một bài tập huấn sẽ gồm một nhóm những sĩ quan bom mìn mang theo vũ khí hạt nhân. Mọi nhiệm vụ của họ đều gắn mác tuyệt mật. Nếu họ bị bắt giữ trong vùng địch, bạn có thể tưởng tượng những người bắt được họ sẽ phản ứng thế nào với những gì họ tìm thấy trong máy bay. Chương trình SERE được thiết lập để chuẩn bị cho phi hành đoàn đối phó với tất cả những gì có thể xảy ra.

Các đối tượng sẽ bị bỏ lạnh, bỏ đói, và bị mất ngủ - nhốt trong một chiếc hộp trong nhiều ngày. Sau đó mới đến màn tra hỏi. “Bạn sẽ xem xét liệu có thể cố gắng và nặn ra được chút thông tin gì từ họ”, Mitchell nói. Ông nói họ làm chương trình “rất thực tế”. Một kỹ thuật đặc biệt hiệu quả đã được phát triển tại SERE có tên là “táng tường”. Bạn quấn khăn quanh cổ một người nhằm nâng đỡ phần đầu của người đó, sau đó táng thẳng người đó vào một bức tường có kết cấu đặc biệt.

“Anh sẽ làm việc này với một bức tường giả”, Mitchell giải thích.

Có một quả lắc phía sau tường và nó tạo ra những tiếng động kinh hồn táng đờm và sẽ có rất nhiều thứ để mất ở đây, và đôi tai của bạn sẽ ù đặc đi. Bạn không làm việc này theo cách có thể khiến đối tượng bị tổn hại. Ý tôi là, nó giống như một chiếc thảm nơi người ta vật nhau, chỉ có điều là âm ỉ chói tai hơn. Nó không đau đớn, nhưng khiến người ta hoảng loạn. Nó làm rối loạn luồng suy nghĩ của anh, và anh sẽ mất cân bằng. Không chỉ là mất cân bằng về mặt thể chất - ý tôi là, đơn giản là anh mất cân bằng.

Trách nhiệm của Mitchell là ở đó để giúp thiết kế chương trình SERE, và điều đó có nghĩa là đôi khi ông ta cũng sẽ trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo. Ông kể rằng ông từng tham gia vào một phần huấn luyện của SERE liên quan đến một trong những mẹo mực cổ xưa nhất trong ngành tra khảo: người thẩm vấn không đe dọa đối tượng, mà đe dọa một đồng nghiệp của đối tượng. Theo kinh nghiệm của Mitchell, thì đàn ông và đàn bà phản ứng rất khác nhau với tình huống này. Đàn ông thường lật bài. Đàn bà thì không.

“Nếu bạn là một nữ phi công và họ bảo rằng họ sẽ làm một điều gì đó với viên phi công còn lại, thái độ của rất nhiều người trong số họ là, ‘Thật tệ vì anh bị rơi vào cảnh này,’ ông kể. “ ‘Anh làm việc của anh, tôi phải làm việc của tôi. Tôi sẽ bảo vệ bí mật. Tôi rất tiếc vì chuyện này xảy ra với anh, nhưng anh cũng đã biết trước điều này khi anh đăng ký tham gia.’” Lần đầu tiên chứng kiến điều này là khi ông thăm vấn những phụ nữ bị bắt giữ làm tù nhân chiến tranh trong Cơn bão Sa mạc.

Họ sẽ kéo lê những người phụ nữ này ra ngoài và đe dọa sẽ đánh họ mỗi khi những người đàn ông không chịu mở miệng. Và [những phụ nữ] rất giận dữ với cánh đàn ông vì đã không giữ được sự lì lợm, và họ bảo, “Có thể tôi sẽ bị đánh đập, có thể tôi sẽ bị quấy rối tình dục, nhưng chuyện đó chỉ diễn ra một lần. Bằng cách cho họ thấy rằng để lấy được chìa khóa vào vương quốc thì cứ việc lôi tôi ra ngoài, thì lần nào chuyện đó cũng sẽ xảy ra. Vì thế hãy cứ để tôi làm việc của tôi. Anh làm việc của anh”.

Trong bài huấn luyện SERE, Mitchell được ghép cặp với một phụ nữ, một sĩ quan không quân cấp cao. Những người thẩm vấn nói rằng họ sẽ tra tấn Mitchell nếu cô này không chịu khai ra. Đúng như được đào tạo, cô ta nói, “Tôi không nói”. Mitchell kể.

Họ nhét tôi vào một chiếc thùng 200 lít được chôn dưới lòng đất, đậy nắp và phủ đất lên trên. Trên nắp thùng, có một đường ống thoát nước... Một điều tôi không được biết đó là theo như cách mà họ đặt tôi trong thùng, thì ống thoát nước nằm ở tí trên, ngang với tầm mũi của tôi.

Nước từ từ được đổ đầy thùng.

Mitchell: Tôi biết chắc là họ sẽ không giết chết nhà tâm lý học tiếp theo đến thăm trường, tôi rất chắc chắn về điều đó, nhưng tôi không thể tin hoàn toàn được. Anh hiểu ý tôi không?

Malcolm Gladwell (MG): Ông cảm thấy như thế nào khi chuyện này xảy ra?

Mitchell: Tôi không thấy vui vẻ chút nào, bởi vì đầu gối của anh ép chặt vào ngực và anh không thể thoát ra được. Tay anh bị trói chéo căng gà. Anh không thể nhúc nhích. Họ đặt một sợi dây dưới móng anh và từ từ hạ anh vào trong thùng.

MG: Đến lúc nào thì ông được thả ra?

Mitchell: Tầm một tiếng sau.

MG: Mực nước cao tầm nào?

Mitchell: Cao ngang mũi tôi. Mực nước sát rạt vì thế anh thực sự không biết. Ý tôi là, đầu tiên là cao ngang cổ anh, sau đó dâng lên vòng quanh tai anh.

MG: Và ông ở trong bóng tối?

Mitchell: Ồ tất nhiên rồi... Có lẽ không đến một giờ, có lẽ là nhanh hơn thế. Tôi chắc là thế, nếu không chắc tôi đã bị hạ thân nhiệt. Tôi có cảm giác như một giờ. Lúc đầu khi họ hạ tôi vào thùng, tôi đã nghĩ, “Ồ, họ chuẩn bị cho mình vào thùng, để xem mình có bị chứng sợ không gian chật hẹp không đấy mà. Mình không bị chứng ấy. Chẳng có vấn đề gì với mình”. Ôi không! Họ nối đường ống nước, đập nắp thùng kim loại lại, và chèn những tảng đá lên trên nắp thùng.

MG: Họ có nói cho ông biết trước rằng họ sẽ làm gì không?

Mitchell: Họ vừa nói vừa thực hiện.

MG: Tất cả những gì họ làm đối với học viên ở SERE thì đều làm với ông?

Mitchell: Ồ vâng.

Đúng như cách Mitchell mô tả: “Rất nhiều người bị nhốt trong thùng”. Đến một thời điểm, việc đó trở thành một phần của khóa học cơ bản.

Mitchell: Tôi cũng tham gia cả khóa cao cấp nữa. Nếu như anh nghĩ khóa cơ bản đã là ghê ư... Còn lâu.

3. Đây là nơi chương trình “Thẩm vấn tăng cường” của CIA ra đời. CIA đến gặp Mitchell và Jessen và đề nghị họ tư vấn. Cả hai đã làm công việc này trong nhiều năm, thiết kế và áp dụng những gì họ tin là những kỹ thuật thẩm vấn hiệu quả nhất có thể tưởng tượng, và Cục An ninh muốn biết những cách nào thì hiệu quả. Vì thế Mitchell và Jessen lập ra một danh sách, đứng đầu danh sách là không cho ngủ, táng vào tường và xối nước. Xối nước là khi bạn bị đặt nằm trên một chiếc băng ca, đầu thấp hơn so với chân, một miếng vải buộc ngang mặt, và nước được xối vào miệng, vào mũi của bạn để tạo ra cảm giác như đang bị đuối nước. Trên thực tế, xối nước là một trong vài kỹ thuật mà Mitchell và Jessen *không* sử dụng ở SERE. Từ góc độ của Không lực Hoa Kỳ, xối nước là kỹ thuật tốt quá mức cần thiết. Họ đang cố gắng huấn luyện cho người của mình rằng phản tra tấn là hoàn toàn có thể, vì thế sẽ không có mấy giá trị nếu để họ đối diện với một kỹ thuật mà đối với hầu hết mọi người thì phản lại là bất khả thi^[32]. Nhưng sử dụng những biện pháp này với các nghi phạm khủng bố thì sao? Đối với rất nhiều người trong CIA, điều này là có lý. Như một bước thăm dò, Mitchell và

Jessen thử nghiệm trên bản thân họ trước, người này xối nước vào người kia - mỗi người trải qua hai cuộc, sử dụng những phương thức hung hãn nhất, liên tục dội nước 42 giây liền.

[32] . Tuy vậy, xối nước tại được sử dụng khá nhiều trong chương trình SERE của Hải quân Hoa Kỳ. Ở đó, triết lý huấn luyện hơi khác một chút. “Quan điểm của Hải quân đó là mọi người sẽ rơi vào hoàn cảnh với kỳ vọng là họ có thể giữ được mình, họ có thể cứng đầu. Khi chuyện đó [bị bẻ gãy] diễn ra với bạn, thì bạn sẽ rơi vào tuyệt vọng, và bạn sẽ không phản kháng nữa”, Mitchell nói. “Vì thế, điều mà họ cố gắng thực hiện trong trường Hải quân đó là cho mọi người thấy rằng sẽ có thời điểm bạn buộc phải đầu hàng. Nhưng nhiệm vụ của bạn với tư cách là người lính Hoa Kỳ đó là cưỡng lại bằng hết sức bình sinh và khả năng của mình”. Hải quân muốn cho quân nhân của mình thấy mọi việc có thể tồi tệ đến mức nào. Không quân thì cảm thấy rằng tốt hơn hết là người của họ không cần phải biết có thể loại tra tấn đó tồn tại.

“Chúng tôi muốn đảm bảo rằng các bác sĩ có thể phát triển một quy trình đảm bảo an toàn và những lính canh biết rằng họ cần phải làm gì, và chúng tôi muốn biết [những kẻ bị bắt giữ] sẽ trải nghiệm những gì”, ông ta nói.

MG: Vậy hãy miêu tả chuyện đó như thế nào.

Mitchell: Anh đã bao giờ đứng trên một tòa nhà cực kỳ cao và nghĩ rằng có thể anh sẽ nhảy xuống chưa? Chắc chắn là anh sẽ không nhảy, nhưng ý nghĩ về việc anh có thể sẽ nhảy ấy? Đó chính là những gì tôi cảm thấy. Tôi không cảm nhận là mình sẽ chết, mà tôi cảm thấy là tôi sợ rằng mình sẽ chết.

Khi Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cử hai luật sư đại diện cấp cao tới khu căn cứ thẩm vấn để xác nhận tính hợp pháp của các biện pháp thẩm vấn đang được đề cập, Mitchell và Jessen thực hiện xối nước với cả hai người họ luôn. Một trong hai luật sư, như ông nhớ, sau đó đã ngồi dậy, sậy tóc, và nói mỗi một câu: “Ừm, tởm đấy”.

Mitchell và Jessen phát triển một lộ trình. Nếu người bị thẩm vấn lưỡng lự trả lời câu hỏi, họ sẽ bắt đầu bằng “biện pháp tăng cường” nhẹ nhàng nhất. Nếu người bị thẩm vấn khẳng khẳng không đổi ý, họ sẽ nâng mức độ lên. Táng tường được yêu thích, cũng như không cho ngủ. Theo luật của Bộ Tư pháp, mức tối đa cho phép là 72 giờ liên tục không ngủ, nhưng Mitchell và Jessen thấy rằng điều đó không cần thiết. Điều họ ưa thích là cho người ta ngủ, nhưng không được ngủ đủ; tức là phá vỡ giai đoạn ngủ sâu REM (Rapid Eye Movements - Mắt chuyển động nhanh) một cách có hệ thống.

Xối nước là kỹ thuật cuối cùng được dụng tới. Họ sử dụng một chiếc băng ca y tế, để nghiêng 45 độ. Bộ Tư pháp cho phép họ xối nước mỗi quãng kéo dài từ 20 đến 45 giây liên tục, cách nhau ba lần thở, trong tổng cộng 20 phút. Họ ưa thích phương án một lần xối 45 giây, hai lần xối 20 giây, và quãng thời gian còn lại thì xối từ 3 đến 10 giây. “Mục đích chính”, Mitchell nói,

là bạn sẽ không muốn nước đi vào phổi của họ, bạn chỉ muốn nước vào đến xoang mũi. Chúng tôi không hứng thú với việc chìm chết người. Lúc đầu chúng tôi sử dụng nước từ chai một lít, nhưng các bác sĩ muốn chúng tôi sử dụng nước muối bởi vì có một số người uống nước và các bác sĩ không muốn [họ] bị ngạt nước.

Trước lần xối đầu tiên, họ lấy một chiếc áo phông màu đen và hạ nó xuống mặt của đối tượng bị thẩm vấn, bịt kín mũi của họ lại. “Chiếc áo vải được sẽ dịch chuyển thế này, Mitchell nói và bắt chước lại động tác hạ thấp chiếc áo xuống.

Và sau đó bạn nhấc mảnh vải lên, và hạ mảnh vải xuống, và bạn lại nhấc mảnh vải lên, và rồi lại hạ mảnh vải xuống, và lại nhấc lên, và lại hạ xuống.

Nghĩa là, khi bạn nhấc mảnh vải lên, người xối nước sẽ ngừng xối. Có một người đứng đó cầm đồng hồ đếm giây để tôi biết đã xối được bao nhiêu giây rồi. Chúng tôi cũng có một bác sĩ túc trực ở đó.

Căn phòng có rất đông người. Thông thường, trưởng khu căn cứ, nhà phân tích tình báo đảm trách trường hợp này, một nhà tâm lý học, và những thành phần khác sẽ có mặt ở đó. Một nhóm khác ở ngoài, quan sát tiến trình trên một màn hình TV: các chuyên gia CIA, luật sư, và các lính canh - một nhóm bự đủ thành phần.

Không có câu hỏi nào đặt ra trong quá trình này. Phần đó nằm ở đoạn sau.

Mitchell: Anh sẽ không hét vào mặt người bị thẩm vấn. Chính xác là, anh xối nước và anh nói với hắn bằng một tông giọng không-hấn-là-trò-chuyện, nhưng cũng không phải đe dọa: “Mọi chuyện không nhất thiết phải đi theo hướng này. Chúng tôi muốn thông tin để ngăn chặn các hoạt động trong lòng nước Mỹ. Chúng tôi biết anh không có tất cả mọi thông tin, nhưng chúng tôi biết là anh biết một

chút...” Tôi nói với hắn trong khi mọi chuyện vẫn đang diễn ra. “Mọi chuyện không phải diễn ra theo cách này. Đây là lựa chọn của anh”.

MG: Làm cách nào mà ông - nhìn chung, với tất cả sự hiểu biết - biết khi nào thì ông đã đi đủ những bước cần thực hiện?

Mitchell: Khi họ bắt đầu nói chuyện với anh.

Nói chuyện ở đây nghĩa là thông tin cụ thể - các chi tiết, tên tuổi, sự việc.

Mitchell: Anh đưa cho hắn ta một bức ảnh và hỏi: “Gã này là ai?” Hắn sẽ trả lời, “Ừm, gã này là người này, nhưng ông biết không, gã đứng phía sau này là người này, gã đứng phía sau kia là người kia, và đây là nơi hắn ta đã...”. Anh thấy đấy - nghĩa là hắn trả lời với những thông tin còn vượt trên cả câu hỏi.

Mitchell và Jessen tập trung vào yếu tố hàng phục. Họ muốn các đối tượng của mình nói và tình nguyện đưa thông tin, trả lời các câu hỏi. Ngay từ đầu với KSM, họ đã định ninh rằng họ cần phải dùng đến mọi loại thủ thuật trong trận địa của mình để hắn phải phun ra. Hắn không phải là một tên lính càn nhãi nhép trong Al Qaeda, mà là một kẻ có tiếng nói trọng lượng trong các hoạt động khủng bố. Lính trơn thì đơn giản. Họ biết rất ít để khai - và cũng chẳng mất mát gì mấy nếu khai ra những gì họ biết. Họ sẽ hợp tác với người thẩm vấn bởi vì họ nhận ra đó là cơ hội tốt nhất nếu muốn giành lại tự do.

Nhưng KSM biết rằng hắn sẽ không bao giờ được tự do dưới ánh mặt trời, vĩnh viễn không. Hắn không có động cơ để hợp tác. Mitchell biết tất cả những kỹ thuật thẩm vấn tâm lý được sử dụng bởi những người không tin vào phương pháp thẩm vấn tăng cường, và ông nghĩ chúng cũng không tệ đối với những trường hợp mà ông gọi là “những tên khủng bố thông thường bị bắt trên chiến trường, ví

dụ như những thánh chiến thường nhật đang chống lại người Mỹ”. Nhưng không phải là đối với những “gã cứng cựa”.

Và KSM là một gã cứng cựa như thế. Mitchell và Jessen có thể phải sử dụng táng tường và làm cho thiếu ngủ để bắt hắn nói bởi vì, thật kinh ngạc, xối nước không có tác dụng với hắn. Bằng cách nào đó KSM có thể mở được xoang mũi và nước xối vào mũi hắn thì sẽ tuôn ra đằng miệng. Không ai biết sao hắn có thể làm được như vậy. Mitchell cho rằng đây là một mẹo ảo thuật. Sau một vài lần xối, KSM đã bắt được nhịp xối nước. Hắn còn nhạo báng những người trong phòng khi đếm số giây còn lại bằng cách giơ ngón tay đếm ngược cho đến hết. Một lần, ngay giữa một lần thực hiện thủ thuật, Mitchell và Jessen vội ra khỏi phòng để trao đổi với một đồng nghiệp; khi họ quay trở lại, KSM đang ngáy khò khò. “Hắn đã ngủ gật”, Mitchell nói, cười lớn khi nhớ lại. “Tôi biết tôi đang cười vào một hình ảnh có thể là đáng sợ trong đầu mọi người, nhưng có cái của khi gì với cái đồ...” Ông lắc đầu trong sự kinh ngạc. “Tôi chưa bao giờ thấy chuyện này”, ông nói. “Để tôi nói cho anh nghe, khi CIA đã hết cách, họ gọi đến JPRA”. JPRA là một cục thuộc Lầu Năm Góc phụ trách điều hành các chương trình SERE do các chi nhánh thực hiện. Họ có một hồ sơ về thủ thuật xối nước. “Họ nói chuyện với một người phụ trách ở đó và người này nói thủ thuật hiệu quả 100% với các học viên của chúng tôi. Họ chưa từng nghe tới bất cứ trường hợp nào lại không đầu hàng”.

Mitchell và Jessen thẩm vấn KSM đủ một liệu trình trong vòng ba tuần. Cuối cùng hắn cũng ngừng chống cự. Nhưng sự hàng phục mà họ rất nhọc nhằn mới giành được từ KSM không có nghĩa là ca

này đã đến đoạn dễ như trở bàn tay. Trên thực tế, khó khăn mới chỉ bắt đầu.

4. Vài năm trước sự kiện 11/9, một nhà tâm lý học có tên Charles Morgan có mặt tại một cuộc hội thảo thần kinh học của quân đội. Ông này khi ấy đang nghiên cứu hội chứng căng thẳng sau sang chấn, cố gắng tìm hiểu tại sao một số quân nhân phải chịu hội chứng hậu chấn tâm lý và tại sao một số người khác, cũng trải qua cùng những thủ thuật y hết, nhưng lại bình an vô sự khi trở lại cuộc sống đời thường. Morgan đã nói chuyện với các đồng nghiệp về sự khó khăn khi xây dựng bộ câu hỏi bởi vì điều bạn thực sự muốn làm là xác định được một nhóm những người *trước khi* họ trải qua quãng thời gian chấn động và ghi lại được những phản ứng của họ trong thời gian thực. Nhưng làm sao bạn có thể làm được điều đó? Thời điểm hiện tại không có cuộc chiến nào đang diễn ra, cũng như ông khó lòng thu xếp để các đối tượng nghiên cứu ngẫu nhiên bị cướp dí súng vào mặt hay phải chịu đựng những sự tra tấn khủng khiếp. Morgan nói vui rằng ý tưởng hay nhất mà ông có thể nghĩ được đó là nghiên cứu các cặp đôi vào đêm trước ngày họ làm đám cưới.

Nhưng sau đó, một Đại tá quân đội tìm gặp Morgan và bảo: “Tôi nghĩ tôi có thể giải quyết vấn đề của anh”. Vị Đại tá từng làm việc tại một trường SERE ở Căn cứ Bragg, bang Bắc Carolina. Ông mời Morgan tới thăm căn cứ này. Đó là phiên bản quân đội của trường Không lực ở Spokane nơi Jessen và Mitchell từng làm việc. “Chuyện này đúng kiểu siêu thực”, Morgan nói. Quân đội đã xây dựng một bản sao của trại tù-nhân-chiến tranh - kiểu trại mà bạn có thể tìm thấy ở Bắc Triều Tiên hoặc một nơi xa xôi nào đó từ thời Liên Xô. “Tôi được dẫn đi thăm một vòng toàn bộ doanh trại trong lúc không

có hoạt động nào đang diễn ra, đó là một buổi sáng sương mờ và xám xịt. Nó gợi nhắc tôi đến một bộ phim chiến tranh nào đó mà bạn từng xem, chiếu cận cảnh một trại tập trung, nhưng không có ai ở đó cả”.

Morgan kể tiếp:

Mỗi một vòng huấn luyện luôn kết thúc bằng việc một cựu tù nhân chiến tranh đến nói chuyện với khóa học và nói: “Chuyện này đã xảy ra với tôi. Các bạn trải qua ba tiếng đồng hồ trong cái chuồng cọp bé tí đó. Còn tôi ở trong đó bốn năm. Đây là những cách mà kẻ địch cố gắng làm trò với tôi”.

Morgan kinh ngạc nhưng vẫn dè dặt. Ông quan tâm tới vấn đề căng thẳng hậu chấn. Trường đào tạo SERE là một cách tái tạo hiện thực của việc bị kẻ địch bắt giữ và thậm chí là như thế nào, nhưng nó vẫn chỉ là một sự tái tạo. Đến tối hôm ấy, tất cả những người tham gia chương trình vẫn đang ở Bắc Carolina, và họ vẫn đi ra ngoài, vẫn đi uống bia và xem một bộ phim với bạn bè sau khi xong việc: “Họ biết rằng họ đang tham gia một khóa học và đang trong kỳ huấn luyện. Thì làm sao mà việc ấy lại khiến họ căng thẳng được?” ông hỏi. Các huấn luyện viên của SERE chỉ mỉm cười trước câu hỏi ấy. “Sau đó họ mời tôi đến đây và nói tôi có thể theo dõi chương trình trong khoảng sáu tháng. Vì thế cứ mỗi tháng, trong vòng hai tuần, tôi lại đến, và tôi làm việc giống như một nhà nhân chủng học nhỏ bé đến ghi chép vậy”.

Ông bắt đầu theo dõi giai đoạn thẩm vấn của chương trình huấn luyện, lấy mẫu máu và nước bọt từ những quân nhân sau khi họ

được thẩm vấn. Sau đây là những kết quả mà Morgan mô tả, trên tờ tạp chí khoa học *Biological Psychiatry (Tâm lý Sinh học)*:

Sự căng thẳng thực tế của chương trình huấn luyện trong phòng thí nghiệm tạo ra một thay đổi nhanh chóng và sâu sắc hàm lượng hóc môn căng thẳng, hóc môn tình dục, và hóc môn tuyến giáp. Những sự thay đổi này đo được ở mức độ... [được] so sánh với những chỉ số được ghi nhận ở những cá nhân từng trải qua những căng thẳng thể chất như trải qua một cuộc đại phẫu thuật hoặc một trận đánh thực sự.

Đây mới chỉ là một cuộc thẩm vấn giả định. Mỗi chương trình kéo dài nửa giờ đồng hồ. Một số đối tượng trực thuộc đội đặc nhiệm Mũ Nồi Xanh và Các Lực lượng Đặc biệt - đều là đội ngũ đỉnh của đỉnh. *Và họ đã phản ứng như thể họ đang tham chiến thực sự.* Morgan choáng váng khi quan sát thấy hết người lính này tới người lính khác lần lượt bật khóc. “Tôi quá kinh ngạc khi chứng kiến điều đó”, Morgan nói. “Thật quá khó khăn cho tôi khi hình dung ra điều này”.

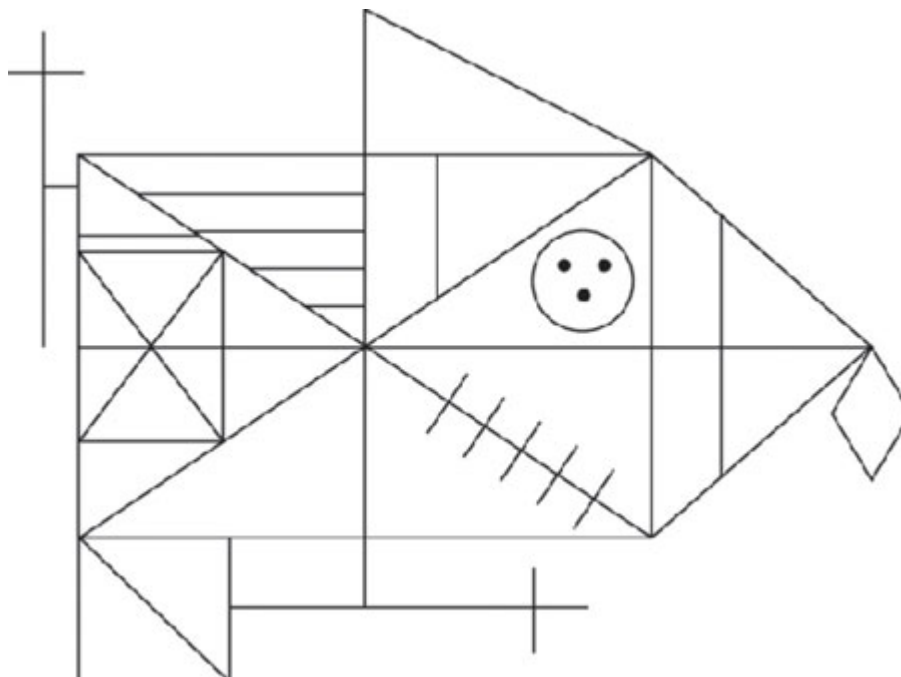
Ừm, tôi [đã] nghĩ, đây toàn là những người thực sự rần rỏi - hẳn chuyện này sẽ giống như chơi trò chơi vậy. Và tôi không hề lờng trước được việc phải chứng kiến mọi người căng thẳng hoặc bật khóc như vậy. Và lý do hoàn toàn không phải vì áp lực về thể chất, không phải vì có một ai đó đang tra tấn bạn.

Họ là những người lính - tuân thủ, kỷ luật, tinh thần cao - và Morgan nhận ra rằng chính sự bất an trong hoàn cảnh là thứ khiến

họ chao đảo nhất.

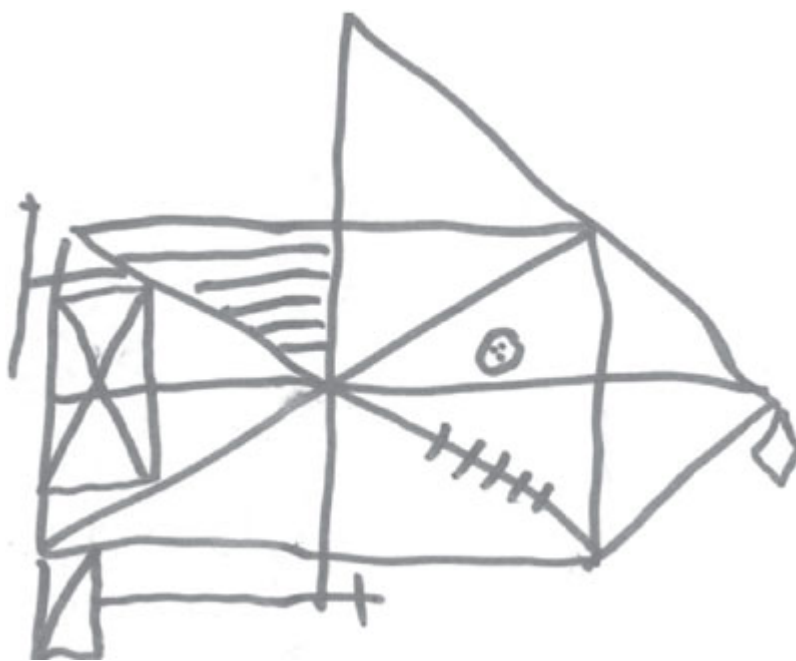
Rất nhiều người [trong số họ từng] luôn hành động theo kiểu, “Tôi cần biết nguyên tắc của cuộc chơi là gì, vì thế tôi biết mình sẽ phải làm gì để ứng phó”. Và tôi nghĩ phần nhiều của sự căng thẳng, như tôi dần hiểu ra sau một thời gian, là do bị điều khiển bởi một cảm giác nội tâm mang tính báo động thực sự, kiểu như, “Tôi không biết đáp án đúng ở đây là gì».

Sau đó ông quyết định cho các học viên SERE tham gia một bài kiểm tra vẽ tranh có tên gọi là Gương mặt Phúc tạp của ReyOsterrieth (Rey-Osterrieth Complex Figure). Bạn được giao cho một hình ảnh thế này:

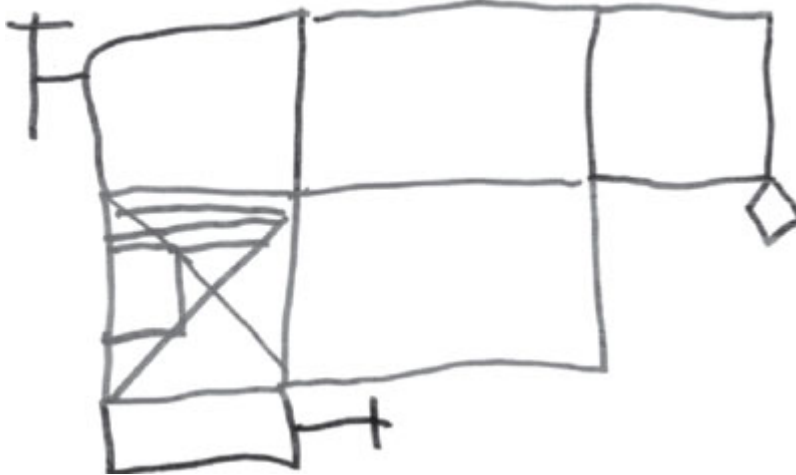


Đầu tiên bạn được nhìn bức hình. Sau đó bức hình gốc được cất đi và bạn phải vẽ lại bức hình bằng trí nhớ. Đa số người trưởng thành đều làm khá tốt nhiệm vụ này, và họ sử dụng chung một chiến

lược: bắt đầu vẽ từ phần viền ngoài của gương mặt, sau đó lấp đầy phía trong bằng các chi tiết. Ngược lại, trẻ em tiếp cận từng cụm một: các em vẽ ngẫu nhiên một cụm hình trong bức tranh, rồi dịch chuyển sang cụm tiếp theo. Trước khi bị thẩm vấn, các học viên SERE vượt qua bài kiểm tra dễ như trở bàn tay. Khả năng ghi nhớ nhanh chóng và tái hiện một hình ảnh phức tạp nói cho cùng chính là điều mà những quân nhân thuộc đội Mũ Nồi Xanh và Lực lượng Đặc biệt được đào tạo để thực hiện. Đây là một ví dụ điển hình của hình ảnh gương mặt Rey-Osterrieth đã được một người lính vẽ lại từ trí nhớ khi bị thẩm vấn. Họ là những người lính siêu hạng.



Nhưng hãy nhìn vào hình ảnh mà cũng chính người lính ấy đã vẽ sau 15 phút bị thẩm vấn:



Morgan nói, trong một phiên thử nghiệm, sau một bài thẩm vấn căng thẳng, 80% mẫu vẽ sẽ là những cụm hình ảnh “giống một đứa trẻ thiếu niên, nghĩa là phần thùy trán của bạn bị tắt ngóm một lúc”.

Đối với bất cứ ai ở trong ngành thẩm vấn, công việc của Morgan đầy phiền toái. Mục tiêu của cuộc thẩm vấn là làm sao để đối tượng phải nói - phải mở tung bộ nhớ của đối tượng và đăng nhập để lấy mọi thông tin bên trong. Nhưng nếu như quá trình làm cho đối tượng phải hàng phục lại trở nên căng thẳng với đối tượng đến mức gây ảnh hưởng đến những gì anh ta hoặc cô ta thực sự có thể nhớ được thì sao? Morgan đã chứng kiến những người trưởng thành bị biến thành trẻ em.

“Tôi chỉ có mặt ở căn cứ hôm ấy để thu thập mẫu nước bọt từ tất cả các học viên”, Morgan kể khi nhớ lại một trong những sự cố diễn ra trong thời gian ông bắt đầu làm việc với SERE:

Và khi tôi trở ra bởi vì giờ đây họ đã mở các cánh cửa, và các [thành viên] chương trình đều đang ở đó. Tất cả họ cùng cất tiếng chào tôi. Và khi tôi bước lại gần một vài học viên: “Thế nào, thật vui khi thấy cậu không ở trong những tình trạng tồi tệ kia”.

Tôi nhớ một trong số họ nói: “Ông xuất hiện ở đây từ bao giờ thế?” Và tôi sừng sốt: “Cậu nói gì vậy, tôi xuất hiện từ khi nào á? Tôi vừa mới thu thập mẫu nước bọt của cậu hai mươi phút trước. Tôi đã bảo cậu điền vào...”

“Tôi chả nhớ gì về chuyện đó”.

Tôi bảo: “Và tôi đã gặp cậu tối hôm trước khi cậu đang bị thẩm vấn”.

Họ đáp lời: “Không, chả nhớ gì cả”.

Tôi hướng mắt về phía một trong những giảng viên huấn luyện và nói: “Thật điên rồ!” Ông ta đáp: “Chuyện thường xuyên như cơm bữa. Họ thậm chí còn chẳng nhớ tôi, mà tôi chính là gã vừa mới hét vào mặt họ ba mươi phút trước”.

Morgan kinh ngạc đến độ ông quyết định thực hiện một bài kiểm tra ngắn tại chỗ. Ông tập hợp một đội ngũ gồm các giảng viên huấn luyện, sĩ quan và một vài nhân sự bên ngoài xếp thành hàng đứng cạnh nhau để nhận diện.

“Có ông bác sĩ của đơn vị cũng mới quay trở lại. Ông ấy vừa đi nghỉ phép về... Tôi bảo: ‘Hôm nay ông cũng đứng vào hàng luôn đi.’ Chúng tôi cho ông ấy đứng xếp hàng cùng những người khác”.

Sau đó Morgan đặt ra yêu cầu cho những người lính tham gia huấn luyện: “Chúng tôi rất quan tâm tới người điều hành doanh trại và là người đưa ra các hình phạt dành cho các anh. Nếu họ có mặt ở đây, xin hãy chỉ cho tôi họ là ai. Nếu họ không có mặt ở đây, chỉ cần nói, ‘Không có ở đây.’” Ông muốn họ nhận dạng người chỉ huy - người chịu trách nhiệm ở đây.

“Trong số 52 học viên, 20 người chỉ vào ông bác sĩ... Và ông ấy thất thanh: ‘Nhưng tôi có ở đây đâu! Tôi vừa đi nghỉ ở Hawaii về

mà!”^[33]

^[33] . Trong một nghiên cứu khác, quy mô lớn hơn, Morgan thu về dữ liệu 77 trong tổng số 114 người lính đã nhận diện nhầm những người thăm vấn mình trong một hàng người xếp hàng cạnh nhau - và chuyện này xảy ra 24 giờ sau cuộc thăm vấn! Khi những người lính được hỏi mức độ tự tin khi trả lời câu hỏi, không có mối quan hệ nào giữa sự tự tin và sự chính xác.

Nếu chỉ một người lính nhận diện sai, thì điều đó cũng có thể hiểu được. Con người có thể mắc sai lầm. Thế nên có thể hai người nhận nhầm, hoặc thậm chí là ba người thì cũng vẫn chấp nhận được. Nhưng có đến *hai mươi* người nhận diện sai. Nếu ra tòa, thì ông bác sĩ đáng thương chắc chắn sẽ bị nhốt lại sau song sắt nhà tù.

Sau sự kiện 11/9, Morgan vào làm việc cho CIA. Ở đó, ông cố gắng gây ấn tượng với các đồng nghiệp bằng tầm quan trọng của các phát hiện của mình. Cục tình báo có các điệp viên và các nguồn tin bí mật ở khắp nơi trên thế giới. Họ có nguồn tin thu thập được từ những người mà họ bắt giữ hoặc ép buộc để lấy tin. Những nguồn tin này là những người thường nói một cách rất tự tin. Một số cực kỳ đáng tin cậy. Một số trao những thông tin được coi là rất đáng giá. Nhưng điều mà Morgan muốn chỉ ra là nếu như những người đó chia sẻ những thông tin mà họ thu thập được trong khi phải chịu sức ép căng thẳng - nếu như họ từng trải qua những cơn ác mộng ở Iraq, ở Afghanistan hay Syria - thì những gì họ nói có thể là thiếu chính xác hoặc nhầm lẫn, và chính họ cũng không biết điều đó. Họ có thể nói, *Chính là ông bác sĩ! Tôi biết đó chính là ông bác sĩ*, trong khi ông bác sĩ còn ở cách đó cả nghìn dặm. “Tôi nói với những nhân

viên phân tích khác, ‘Anh biết đấy, kết luận ngầm ẩn trong sự việc này rất đáng báo động.’“

Vậy thì Charles Morgan đã nghĩ gì khi ông nghe được những điều mà Mitchell và Jessn thực hiện với KSM trong một căn cứ bí mật ở xa tít tắp nơi nào?

Tôi nói với mọi người - khi ấy tôi còn chưa làm cho CIA, và tôi bảo với mọi người khi tôi ở đấy - “Cố gắng moi tin từ một người mà các anh làm cho thiếu ngủ giống như việc các anh đang cố gắng bắt được tín hiệu tốt hơn từ chiếc đài mà các anh vừa đập nát bằng búa tạ vậy... Chuyện này với tôi không có lý chút nào”.

5. KSM đưa ra lời thú tội công khai đầu tiên vào buổi chiều ngày 10 tháng 3 năm 2007, vừa quá bốn năm sau khi hắn bị CIA bắt được ở Islamabad, Pakistan. Đó là phiên điều trần được tổ chức tại Khu căn cứ Quân sự Hải quân Hoa Kỳ ở Vịnh Guantánamo, Cuba. 8 người có mặt tại đó, bên cạnh KSM - một “người đại diện” được chỉ định cho tù nhân, một nhà ngôn ngữ học và các sĩ quan đến từ mỗi nhánh trong ngành quân sự Hoa Kỳ.

KSM được hỏi liệu hắn có hiểu bản chất của các thủ tục không. Hắn nói hắn có hiểu. Một bản ghi lại những cáo buộc chống lại hắn được đọc to lên. Thông qua người đại diện, hắn đưa ra vài chỉnh sửa nhỏ: “Tên tôi bị đánh vần sai trong bản Tóm tắt Chứng cứ. Nó phải là *S-h-a-i-k-h* hoặc *S-h-e-i-k-h*, nhưng không phải *S-h-a-yk-h*, như trong dòng tiêu đề”. Hắn yêu cầu dịch một câu trong kinh Koran. Một vài vấn đề khác mang tính thủ tục được bàn thảo. Sau đó người đại diện của KSM đọc bản thú tội của hắn:

Tôi, bằng văn bản này, tự nguyện thừa nhận và khẳng định những điều sau đây:

Tôi đã thề nguyện Bay'aat (nghĩa là thề trung thành) với Sheikh Usama Bin Laden để thực hiện các cuộc đánh bom cảm tử...

Tôi là Chỉ huy Chiến dịch của Sheikh Usama Bin Laden trong việc tổ chức, lên kế hoạch, giám sát, và thực hiện Chiến dịch 11/9...

Tôi là người trực tiếp chịu trách nhiệm, sau cái chết của Sheikh Abu Hafs Al-Masri Subhi Abu Sittah, quản lý và giám sát Tổ chức Công đoạn sản xuất Vũ khí Sinh học, như là bệnh than và các bệnh khác, và sau đó là giám sát Các chiến dịch Bom Bắn trên đất Mỹ.

Sau đó liệt kê từng chiến dịch của Al Qaeda mà hắn từng tham gia, theo lời hắn, hoặc là “thành phần chịu trách nhiệm, người lên kế hoạch chính, phụ trách huấn luyện, tài chính (thông qua Hội đồng Kho bạc Quân đội), người thực hiện, và/hoặc là một cá nhân tham gia”. Có 31 địa điểm trong danh sách: Tòa tháp Sears ở Chicago, Sân bay Heathrow, Tháp Big Ben ở London, vô số các đại sứ quán của Mỹ và Israel, các kế hoạch ám sát Bill Clinton và Giáo hoàng John Paul II, và còn nhiều, nhiều nữa, với những chi tiết khủng khiếp. Đây là một ví dụ, các điều số 25 đến 27:

25. Tôi chịu trách nhiệm giám sát kế hoạch tấn công các nhà máy điện hạt nhân cung cấp điện năng cho vài bang của Mỹ.

26. Tôi chịu trách nhiệm lên kế hoạch, kiểm tra và tài trợ tài chính để tấn công Trụ sở chính của NATO ở châu Âu.

27. Tôi chịu trách nhiệm lên kế hoạch, giám sát cần thiết để thực hiện Chiến dịch Bojinka, chiến dịch nhằm bắn hạ mười hai máy bay chở khách của Mỹ. Tôi trực tiếp theo dõi một chuyến bay khứ hồi, Manila đến Seoul, hãng bay Pan Am.

Bản thú tội kết thúc. Vị quan tòa hỏi KSM: “Trước khi phiên điều trần tiếp tục, Khalid Sheikh Muhammad, những lời thú tội vừa được đọc bởi người đại diện, có phải là lời của anh không?” KSM trả lời đúng, sau đó đi vào giải thích chi tiết, tường tận, đầy nhiệt huyết những hành động của mình. Hắn nói hắn đơn giản là một chiến binh, tham gia vào cuộc chiến, không khác gì những người lính khác:

Chiến tranh bắt đầu từ thời Adam, khi Cain giết hại Abel cho đến tận ngày nay. Con người sẽ không bao giờ ngừng giết hại lẫn nhau. Đó chỉ là một cách nói khác của ngôn ngữ. Người Mỹ khởi đầu Cách mạng Chiến tranh khi họ bắt đầu chiến tranh với người Mexico, sau đó là Chiến tranh Tây Ban Nha rồi Thế Chiến thứ nhất, Thế Chiến thứ hai. Các ông đã đọc lịch sử rồi thì biết. Các ông biết rằng chiến tranh không bao giờ kết thúc. Đó là cuộc sống.

Lời thú tội đáng giá của KSM là chiến công vang dội của Mitchell và Jessen. Người đàn ông này được giao cho họ vào năm 2003, đầy giận dữ và phản kháng, giờ đây đã sẵn lòng bỏ lại quá khứ phía sau lưng.

Nhưng sự hợp tác của KSM bỏ ngỏ một câu hỏi tối quan trọng, chưa được giải đáp: liệu những gì hắn nói có là *thật* không? Một khi con người trở thành đối tượng của sự căng thẳng như vậy, thì họ đã

bước vào lãnh địa của Charles Morgan. Liệu có phải KSM thú nhận hết tất cả các tội ác ấy chỉ để Mitchell và Jessen ngừng tra tấn? Bằng nhiều cách, Mitchell và Jessen đã ngắt quãng và không cho KSM ngủ cả tuần liền. Sau tất cả những hành hạ đó, liệu KSM có biết đâu là trí nhớ thực sự của mình nữa không? Trong cuốn sách *Tại sao Tra tấn Không Hiệu quả*, nhà khoa học thần kinh Shane O'Mara chỉ ra rằng kéo dài tình trạng thiếu ngủ "có thể tạo ra một số dạng thức tuân thủ bề mặt" - nhưng chỉ để đổi lại là "sự tái tạo cấu trúc dài hạn của hệ thống não bộ nhằm hỗ trợ chính những chức năng mà nhà thẩm vấn mong muốn có được quyền đăng nhập".

Cựu sĩ quan cao cấp của CIA Robert Baer đọc bản thú tội và kết luận rằng KSM đã "dựng chuyện". Một trong những mục tiêu mà hắn liệt kê là tòa nhà Plaza Bank nằm ở trung tâm Seattle. Nhưng Plaza Bank còn chưa được thành lập như một công ty cho đến tận vài năm sau khi KSM bị bắt giữ. Một sĩ quan CIA kỳ cựu khác, Bruce Reidel lập luận rằng ngay việc KSM rất khó hợp tác ngay từ đầu - sự thật là hắn sẽ không bao giờ được ra khỏi nhà tù - cũng là tác nhân khiến những lời thú tội của hắn trở nên đáng nghi ngờ. "Hắn chẳng còn gì trong đời ngoại trừ việc được nhớ tới như một tay khủng bố nổi tiếng", Reidel nói. "Hắn muốn khuếch đại tầm quan trọng của chính mình. Đó đã là một vấn đề ngay từ khi hắn bị bắt giữ". Nếu đảng nào hắn cũng phải dành suốt phần đời còn lại phía sau song sắt nhà tù, thì tại sao không tạo ra một màn kịch cho các cuốn sách lịch sử? Lời thú tội của KSM cứ kéo dài mãi mãi:

9. Tôi chịu trách nhiệm lên kế hoạch, huấn luyện, giám sát và tài chính cho Chiến dịch đánh bom và phá hủy kênh đào Panama.

10. Tôi chịu trách nhiệm giám sát và tài chính cho các cuộc ám sát một số tổng thống Mỹ, trong đó có cả Tổng thống Carter.

Còn gì mà KSM *không* vơ thành tích vào mình không?

Không có bất cứ chỉ trích nào trong số này đặt ra câu hỏi về việc liệu có cần thẩm vấn KSM. Sự thật rằng những người xa lạ rất là khó hiểu không đồng nghĩa với việc chúng ta không nên thử. Những kẻ lừa đảo đa cấp Ponzi và những tên tội phạm ấu dâm không thể được phép đi lại tự do. Cảnh sát Ý có trách nhiệm phải thấu hiểu Amanda Knox. Và tại sao Neville Chamberlain lại bỏ ra nhiều công sức đến gặp Hitler? Bởi vì dưới cái bóng phủ của một cuộc đại chiến thế giới, thì cố gắng làm hòa với kẻ thù cũng là một điều dễ hiểu.

Nhưng chúng ta càng nỗ lực làm cho người lạ bộc lộ bản thân hơn, thì họ càng trở nên mờ ảo. Chamberlain có thể đã tốt hơn nếu không bao giờ gặp Hitler. Ông ta nên ở nhà và đọc sách. Cảnh sát trong vụ Sandusky đã đi tìm kiếm nạn nhân của ông ta ở khắp chốn cùng nơi, nhưng chỉ nhận lại sự khó hiểu: các câu chuyện bị thay đổi; các cáo buộc nổi lên rồi lại biến mất; các nạn nhân mang chính con đẻ của mình đến gặp Sandusky vào phút trước, phút sau đã cáo buộc ông ta thực hiện những tội ác tà trời.

James Mitchell cũng ở cùng vị trí như thế. CIA có lý do để tin rằng Al Qaeda đã lên kế hoạch cho đợt tấn công thứ hai sau vụ 11/9, có thể có liên quan đến vũ khí hạt nhân. Ông *buộc* phải làm cho KSM mở miệng. Nhưng khi càng cố gắng bắt KSM phải nói, thì ông càng phải thỏa hiệp với chất lượng nội dung của cuộc trò chuyện. Ông có thể ép KSM mất ngủ cả tuần, để cuối cùng KSM cũng phải thừa nhận tất tần tật mọi tội ác từng xảy ra dưới ánh mặt

trời. Nhưng liệu có thật là KSM *thực sự* muốn cho nổ tung kênh đào Panama?

Bất kể chúng ta đang cố gắng tìm kiếm điều gì ở những người xa lạ thì đó cũng không phải là một cái gì hiện hữu. “Sự thật” về Amanda Knox, Jerry Sandusky hay KSM không phải là một cái gì cứng rắn và sáng loáng, để mà phát lộ khi chúng ta chịu khó đào bới đủ sâu và lục tìm đủ kỹ. Thứ mà chúng ta muốn tóm được ở một người xa lạ là rất mong manh. Nếu chúng ta vô tình dậm bước, nó sẽ vỡ vụn dưới gót chân ta. Và từ đó dẫn đến một ghi chú đáng nhớ thứ hai: chúng ta phải chấp nhận rằng cuộc kiếm tìm để thấu hiểu một người lạ có những giới hạn thực sự. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được toàn bộ sự thật. Chúng ta buộc phải biết hài lòng với sự bất toàn của nó. Cách đúng đắn để trò chuyện với những người lạ là nói chuyện với sự cẩn trọng và khiêm nhường. Có bao nhiêu cuộc khủng hoảng và tranh luận mà tôi mô tả đáng ra đã có thể được ngăn chặn nếu như chúng ta thuộc nằm lòng những bài học này?

Giờ đây chúng ta đã gần đến đoạn quay trở lại với sự kiện diễn ra vào ngày hôm ấy ở Prairie View, bang Texas, khi Brian Encinia dừng xe của Sandra Bland trên đường cao tốc. Nhưng trước khi quay lại, chúng ta còn một thứ cuối cùng phải cân nhắc - một hiện tượng đã bị chúng ta bỏ qua, không để tâm đến một cách thật lạ lùng, hiện tượng ghép cặp.

PHẦN NĂM
GHÉP CẶP

Chương mười

SYLVIA PLATH

1 . Mùa thu năm 1962, nhà thơ người Mỹ Sylvia Plath rời bỏ căn nhà nhỏ ở ngoại ô nước Anh để chuyển vào thành phố London. Cô cần một khởi đầu mới. Chồng cô, Ted Hughes, đã bỏ rơi cô chạy theo người đàn bà khác, để cô lại một mình với hai đứa con nhỏ. Cô tìm thấy một căn hộ trong khu dân cư Primrose Hill ở London - hai tầng trên của một tòa nhà liền kề. “Con đang viết thư cho mẹ từ London, con vui sướng đến nỗi không nói lên lời”, cô kể với mẹ. “Và mẹ biết không, đây là nhà của nhà thơ W. B. Yeats. Có một tấm biển nhỏ màu xanh dương phía trên cửa viết rằng ông ấy đã từng sống ở đây!”

Ở khu Primrose Hill, cô sẽ ngồi viết hàng giờ vào mỗi buổi sáng sớm trong khi các con còn đang say giấc. Sức làm việc của cô thật phi thường. Trong tháng 12, cô hoàn thành một tập thơ, và nhà xuất bản nói với cô rằng nó đáng giành được giải Pulitzer. Cô ấy đang tiến tới việc trở thành một trong những nhà thơ trẻ được ngợi ca nhất thế giới - thứ danh tiếng sẽ chỉ lớn dần lên theo thời gian trong những năm sắp tới.

Nhưng đến cuối tháng 12, một mùa đông lạnh giá chết chóc nhất tràn vào nước Anh. Đó là một mùa đông rét buốt nhất trong vòng 300 năm. Tuyết bắt đầu rơi và rơi không ngừng. Người ta trượt băng trên dòng sông Thames. Các đường ống nước đóng đá. Nhiều nơi

bị mất điện và người lao động đình công. Plath phải vật lộn với chứng trầm cảm suốt cả cuộc đời, và bóng tối ấy đã quay trở lại. Bạn của cô, nhà phê bình văn học Alfred Alvarez, đến thăm cô vào Đêm Giáng Sinh. “Cô ấy có vẻ khác lạ”, ông nhớ lại trong cuốn hồi ký có tên *The Savage God (Chúa tàn ác)*:

Mái tóc của cô, vốn thường được chải gọn búi tròn như các cô giáo tiểu học, nay xõa tung. Nó buông thẳng xuống ngang hông như một chiếc lều, khiến cho khuôn mặt nhợt nhạt và hình dong hốc hác của cô toát lên một vẻ hoang tàn, lơ đãng đáng kinh ngạc, giống như một nữ tu trút hết gan ruột sau những nghi lễ của giáo phái. Khi cô tiến tới ra cửa xuống dưới sảnh... mái tóc của cô ấy phảng phất một mùi rất nặng, gắt như mùi lông của loài thú.

Căn hộ của cô ấy trông rộng và lạnh lẽo, hầu như không có đồ đạc với rất ít sự trang hoàng Giáng Sinh cho các con của cô. “Đối với một người bất hạnh”, Alvarez viết, “Giáng Sinh luôn là thời gian tồi tệ: niềm hân hoan giả tạo khủng khiếp ập vào bạn từ mọi phía, rồn rảng những lời về lòng thiện, an lành và đầm ấm, tất cả khiến niềm cô độc và âu lo đặc biệt trở dậy. Tôi chưa từng khi nào chứng kiến cô ấy căng thẳng đến vậy”.

Mỗi người uống một ly rượu vang, và theo thói quen, cô đọc cho ông nghe bài thơ mới nhất của mình. Những lời lẽ thật đen tối. Một năm mới đến và thời tiết ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Plath ôm mối hận với người chồng cũ. Cô ấy cho người giữ trẻ nghỉ. Cô ấy đưa hai đứa con sang nhà của Jillian và Gerry Becker sống ở gần đó. “Tôi cảm thấy tệ hại”, cô nói. Cô ấy uống thuốc an thần, đi ngủ, và

thức dậy trong nước mắt. Đó là thứ năm. Vào thứ sáu, cô viết thư cho chồng cũ, Ted Hughes, mà sau này ông ta gọi đó là “một lời từ biệt”. Chủ nhật, cô ấy nài nỉ Gerry Becker chở cô và các con trở lại căn hộ của họ. Becker đưa cô về nhà vào lúc nhập nhoạng tối, rồi cô ấy cho các con đi ngủ. Sau đó vài giờ, cô ấy để một ít thức ăn và nước vào phòng các con, rồi mở cửa sổ phòng ngủ của chúng. Cô ấy viết tên và số điện thoại của bác sĩ rồi dán vào chiếc xe nôi để ngoài hành lang. Sau đó cô ấy gom khăn tắm, khăn lau bát và băng dính rồi phong kín cánh cửa phòng bếp. Cô ấy vặn mở ga của lò nướng trong bếp, chui đầu vào bên trong lò, và tự kết liễu đời mình.

3. Các nhà thơ thường chết trẻ. Đó không phải chỉ là một khuôn sáo. Tuổi thọ trung bình của các nhà thơ, tính theo nhóm, cách tuổi thọ trung bình nhóm các nhà viết kịch, tiểu thuyết gia và các nhà văn phi hư cấu một quãng đáng kể. Họ mắc các chứng “rối loạn cảm xúc” cao hơn so với các diễn viên, nhạc sĩ, các nhà sáng tác hay tiểu thuyết gia. Và trong tất cả các ngành nghề, các nhà thơ có tỉ lệ tự tử cao nhất và cách xa các nghề khác - tỉ lệ cao gấp năm lần dân số nói chung. Có một điều gì đó trong việc sáng tác thơ dường như hoặc là cuốn hút người thương tổn hoặc là mở ra những vết thương mới - và chỉ có một vài người mang trong mình trọn vẹn hình ảnh của một thiên tài với số mệnh bi đát như thế là Sylvia Plath^[34].

^[34] . “Một nhà thơ hẳn phải tự thích nghi, không ít thì nhiều về mặt ý thức, với những nhu cầu thiên bẩm của mình”. Stephen Spender, cũng là một nhà thơ thành danh, đã viết, “và vì thế những nét dị thường của các nhà thơ và trạng thái cảm hứng mà nhiều người nói đến cũng gần với điên loạn”.

Plath bị ám ảnh với tự tử. Cô ấy viết về nó, nghĩ về nó. “Cô ấy nói về tự tử bằng tông giọng không khác gì khi nói về hoạt động mạo hiểm, thử thách khác: một cách cấp bách, thậm chí mãnh liệt, nhưng tổng hòa lại thì không hề có vẻ đáng thương”, Alvarez viết. “Cô ấy dường như nhìn cái chết như một thách thức thể chất mà cô ấy phải, ít nhất một lần, vượt qua. Đó là một trải nghiệm có cùng tính chất như là khi... lướt xuống từ một sườn núi tuyết nguy hiểm mà không hề biết trượt tuyết cho đúng cách”.

Cô ấy đáp ứng tất cả các tiêu chí của người có nguy cơ tự tử cao. Cô ấy từng thử tự tử trước đó. Cô ấy từng là một bệnh nhân tâm thần. Cô ấy là một người Mỹ sống trong nền văn hóa nước ngoài - tách biệt khỏi gia đình và bạn bè. Cô ấy xuất thân từ một gia đình đổ vỡ. Cô ấy từng bị khước từ bởi một người đàn ông mà cô ấy ngưỡng mộ^[35].

^[35] . “Khi cô ấy tự tước đi mạng sống của mình ở tuổi ba mươi”, Ernest Shulman viết, “Sylvia phù hợp với vài tiêu chí dành cho những người có nguy cơ tự tử cao. Mặc dù những người từng thử tự tử chiếm 5% dân số, một phần ba trong số những vụ tự tử hoàn thành thì trước đó đều đã từng thử tự tử; Sylvia cũng được tính vào số này. Một tỉ lệ đáng kể trong số những người từng điều trị tâm thần tự tử; số này cũng bao gồm Sylvia. Những phụ nữ ly hôn có tỉ lệ tự tử cao gấp nhiều lần so với những người phụ nữ vẫn trong hôn nhân; Sylvia khi ấy đang làm thủ tục ly hôn. Người sống ở nước ngoài ở bất cứ nơi nào có tỉ lệ tự tử cao; Sylvia khi ấy đang sống ở nước Anh, xa những nơi chốn và những người thân thuộc. Những người tự tử có xu hướng sống tách biệt bởi ảnh hưởng của sự căng thẳng cao độ; điều này đúng với Sylvia. Những gia đình tan vỡ tạo ra

một tỉ lệ bất cân bằng trong số những người tự tử; Sylvia đến từ một gia đình tan vỡ”. Ông tiếp tục: “Cô ấy sẽ không bao giờ có thể chung đường với một người đàn ông mà người đó có được sự vĩ đại mà cô ấy dùng để nuôi dưỡng những giấc mộng huy hoàng của mình”. Đó là còn chưa kể đến Plath của những ngày thơ ấu, chịu cảnh đau buồn vì cha đã qua đời khi cô mới tám tuổi. “Nếu sự phát triển của một đứa trẻ bị ảnh hưởng bởi vì một nỗi tổn thương khôn nguôi, đứa trẻ ấy sẽ tàn phế trong việc thu nhận sự đồng cảm cần thiết để xây dựng một cá tính hợp nhất và duy trì những mối quan hệ tình cảm mạnh mẽ”, Shulman tiếp tục. “Sự ái kỷ của Sylvia chính là tác nhân hủy hoại cô ấy”.

Vào cái đêm Plath qua đời, cô ấy bỏ lại áo khoác và chìa khóa của mình ở nhà Becker. Trong cuốn sách về Plath (tất cả những người từng biết Plath, dẫu chỉ quen biết sơ sài, cũng đều viết ít nhất một cuốn sách về cô), Jillian Becker đã diễn giải đó như một dấu hiệu của quyết định cuối cùng của Plath:

Có khi nào cô ấy cho rằng Gerry hoặc tôi sẽ chạy sang nhà cô ấy trong đêm hôm ấy để trả lại áo choàng và chìa khóa không? Không. Cô ấy không kỳ vọng và không mong muốn được cứu thoát ở những giây phút cuối cùng khỏi cái chết đã được định trước của mình.

Bản báo cáo của nhân viên pháp y nói rằng Plath đã chui đầu vào bên trong lò nướng sâu hết mức có thể, như thể là cô ấy quyết chết cho bằng được. Becker tiếp tục:

Cô ấy bịt kín khe hở ở các cửa dẫn sang chiếu nghỉ và phòng khách, vặn các nút khí ga ở mức to nhất, cẩn thận gấp chiếc khăn lau bát và đặt nó xuống sàn lò nướng, rồi tỉ mỉ xếp chiếc khăn.

Liệu có còn chút nghi ngờ nào về ý định của cô ấy nữa không? Hãy xem những gì cô ấy viết vào những ngày trước khi tự kết liễu đời mình.

Người đàn bà thực hiện hoàn hảo.

Cái chết của mình.

Cơ thể nở nụ cười mãi nguyện...

Đôi chân trần của cô Như muốn nói rằng:

Chúng ta đã tới được tận đây, thế là hết.

Chúng ta nhìn vào những vần thơ của Sylvia Plath, lịch sử và hé nhìn một thoáng cuộc sống nội tâm của cô, và chúng ta nghĩ rằng chúng ta thấu hiểu cô ấy. Nhưng còn có một điều gì đó chúng ta đã bỏ quên - sai lầm thứ ba mà chúng ta mắc phải đối với những người xa lạ.

3. Những năm sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, rất nhiều hộ gia đình người Anh bắt đầu sử dụng hệ thống “khí đốt thành phố” dùng để nấu nướng và đun nước nóng sinh hoạt. Khí đốt được sản xuất từ than đá và là hỗn hợp của rất nhiều thành phần đa dạng: hydro, metan, carbon dioxide, nito, và quan trọng nhất là khí độc không mùi carbon monoxide. Nhân tố cuối cùng đã chính thức trao cho tất cả mọi người một phương cách đơn giản để thực hiện tự tử ngay trong ngôi nhà của họ. “Các nạn nhân phần lớn được tìm thấy trong tình trạng quần áo choàng hoặc chăn quanh đầu, và một đường ống dẫn khí ga từ vòi khí đốt được ghém bên dưới lớp khăn

quần”, một bác sĩ đã viết vào năm 1927, trong ghi nhận đầu tiên về nguyên nhân gây tử vong do khí đốt thành phố:

Trong nhiều trường hợp, người tự tử được tìm thấy ngồi trên ghế với một đường ống dẫn khí ga gần hoặc ngậm vào miệng, tay vẫn đang giữ đường ống ở tư thế đó; hoặc họ được tìm thấy nằm trên sàn nhà với phần đầu nhét sâu vào trong lò nướng.

Trong một trường hợp, người phụ nữ được tìm thấy với một chiếc mặt nạ được làm từ chiếc giỏ ủ ấm trà trùm lên mặt, đường ống khí ga được dẫn qua lỗ giỏ phía bên kia.

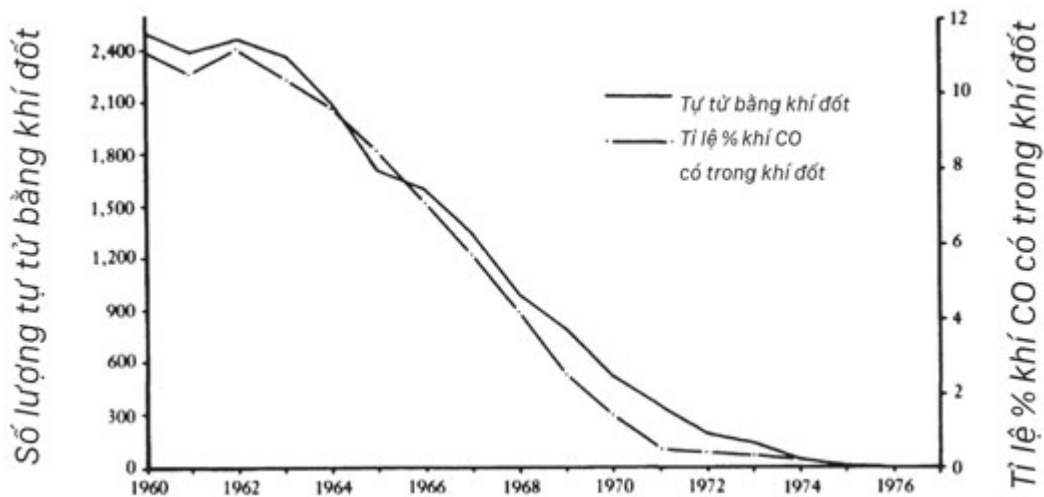
Năm 1962, năm mà Sylvia Plath kết thúc cuộc sống của mình, có 5.588 người ở nước Anh và xứ Wales tự tử. Trong số đó, 2.469 người - 44,2% - làm đúng như những gì mà Sylvia Plath đã làm. Khí độc carbon monoxide khi ấy là nhân tố hàng đầu gây tử vong ở Vương quốc Anh. Không nguyên nhân nào khác - không phải uống thuốc quá liều hoặc nhảy cầu - có thể sánh được.

Nhưng cũng trong cùng thời kỳ ấy, những năm 1960, ngành công nghiệp khí đốt của Anh quốc bắt đầu thực hiện một cuộc chuyển đổi. Khí đốt thành phố ngày càng đắt đỏ - và hại môi trường. Một trữ lượng lớn khí đốt tự nhiên được khám phá ra ở Biển Bắc, và quyết định chuyển đổi sử dụng từ khí đốt thành phố sang khí đốt tự nhiên trên toàn quốc được đưa ra. Quy mô của dự án này vô cùng lớn. Khí đốt tự nhiên được tạo ra từ thành phần hóa học khác hẳn so với khí đốt thành phố: nó đòi hỏi lượng oxy nhiều gấp hai lần để cháy sạch hơn, ngọn lửa dịch chuyển chậm hơn rất nhiều, và áp lực ga cần thiết phải lớn hơn. Những thực tế đó, kết hợp lại, có nghĩa là

kích cỡ và hình dạng của các cổng dẫn và thiết bị đốt bên trong các bếp nấu và bếp nướng trong mọi ngôi nhà trên nước Anh đều trở nên lỗi thời. Tất cả các thiết bị dẫn khí đốt ở nước Anh cần phải được nâng cấp hoặc thay thế: máy đo công -tơ-mét, bếp nấu, bình nóng lạnh, tủ lạnh, máy sưởi di động, bình sục, máy giặt, lò đốt, và các loại thiết bị khác. Các máy lọc mới cần phải được xây dựng, các đường ống dẫn ga cần phải được thiết kế mới. Một nhà chức trách vào thời điểm ấy, không hề phóng đại, đã gọi đó là “chiến dịch vĩ đại nhất trong thời bình được tiến hành trong lịch sử quốc gia này”.

Cả quá trình dài bắt đầu vào năm 1965 với dự án tiên tiêu được tiến hành trên một hòn đảo bé tí xíu cách London 30 dặm, với 7.850 khách hàng khí đốt. Tiếp theo là Yorkshire và Stafford. Sau đó là Birmingham - và dần dần tất cả các căn hộ, căn nhà, văn phòng và nhà máy trên khắp đất nước được chuyển đổi, lần lượt từng phần một. Quá trình kéo dài đến cả thập kỷ. Đến mùa thu năm 1977, quá trình cuối cùng cũng hoàn tất. Khí đốt thành phố - hydro, metan, cacbon dioxide, nito và carbon monoxide - được thay thế bằng khí đốt tự nhiên: metan, etan, propan, một lượng nhỏ khí nito, cacbon dioxide, hydro sunfua, và không có thành phần carbon monoxide. Sau năm 1977, nếu bạn nhét đầu vào trong một cái lò nướng và bật công tắc ga lên, thì điều tệ hại nhất có thể xảy ra là bạn sẽ hơi bị nhức đầu và mỗi cổ đôi chút.

Hãy nhìn vào số lượng các vụ tử bằng khí đốt thay đổi khi khí đốt thành phố được dần thay thế trong giai đoạn từ 1960 đến 1970.



Vậy thì đây là câu hỏi: khi cách thức tự tử số một tại nước Anh một thời trở nên bất khả thi về mặt sinh học, thì liệu những người muốn tự tử có chuyển qua cách thức khác để chết không? Hay là những người đáng lẽ sẽ nhét đầu vào lò nung giờ đây sẽ từ bỏ hoàn toàn ý định tự tử?

Giả định rằng người muốn chết sẽ đơn giản là chuyển qua một phương án tự tử khác được gọi là sự thay thế. Sự thay thế giả định rằng khi ai đó nghĩ đến việc làm một điều gì đó nghiêm túc như là quyết định tự tử, thì không gì cản bước được họ. Việc chặn một phương án cũng sẽ không tạo ra nhiều lắm sự khác biệt. Ví dụ như Sylvia Plath đã có một lịch sử bất ổn tâm lý dài. Cô ấy từng được điều trị trầm cảm bằng phương pháp sốc điện từ khi còn ở trường đại học. Cô ấy thực hiện cuộc thử tự tử đầu tiên vào năm 1953. Cô ấy trải qua sáu tháng trong viện chăm sóc tâm thần thuộc Bệnh viện McLen nằm ngay ngoại ô Boston. Vài năm sau, cô ấy lái xe lao tự do xuống một con sông - và rồi, đúng như kiểu phải thế, cô ấy viết một bài thơ về chuyện này:

Và cũng giống như loài mèo tôi có chín mạng để chết.

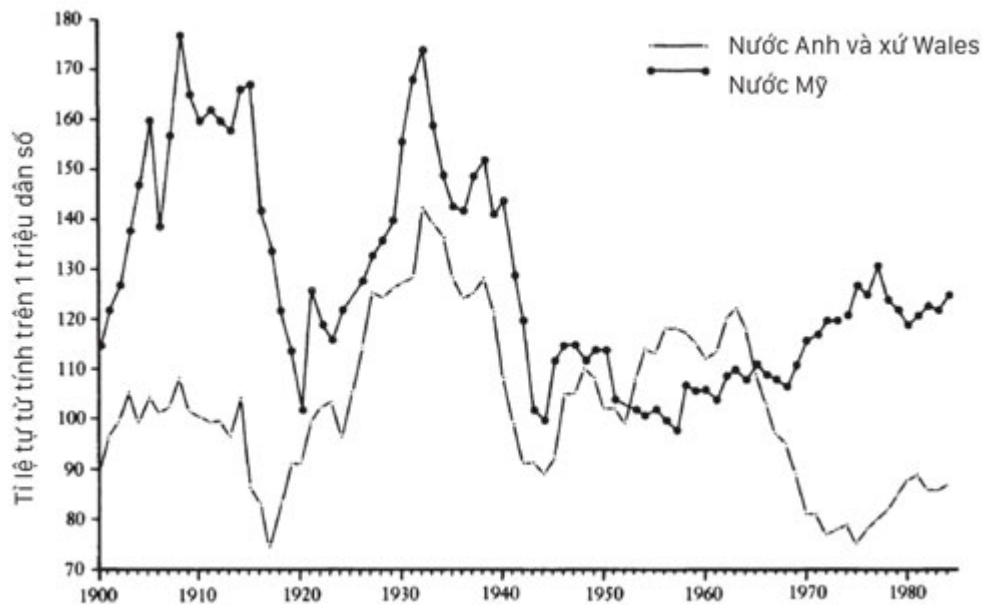
Đây là mạng Số Ba.

Cô ấy tỉ mỉ bịt từng khe hở trên cửa ra vào, vặn nút mở khí ga hết cỡ, và nhét đầu vào trong lò sâu hết mức có thể. Cô ấy đã hạ quyết tâm. Nếu không thể dùng lò nướng để tự tử, hẳn là cô ấy sẽ thử một cách khác?

Một giả thiết thay thế là tự tử là một hành vi được *ghép cặp* với một hoàn cảnh cụ thể. Ghép cặp là ý tưởng cho rằng các hành vi đều được liên hệ với những cảnh huống và điều kiện cụ thể. Cha tôi đã đọc cuốn sách *Hai kinh thành* của Charles Dickens cho tôi và anh em của tôi khi chúng tôi còn nhỏ, đến cuối truyện, khi Sydney Carton chết trong nhà của Charles Darnley, cha tôi đã gạt nước mắt. Cha tôi không phải là người mau nước mắt. Ông không phải là kiểu người mà cảm xúc bộc phát mỗi khi rơi vào một tình huống xúc cảm ý nghĩa. Ông không khóc khi xem các bộ phim bi kịch. Ông không khóc khi những đứa con của ông xa nhà vào đại học. Có lẽ lúc này lúc khác, cặp mắt của ông cũng có lúc rưng rưng nhưng sẽ không có ai khác ngoài mẹ tôi được chứng kiến. Để có thể khóc được, ông cần các con của mình ngồi im trên chiếc ghế sofa êm ái lắng nghe, và ông cần đọc sách của một trong những tiểu thuyết gia mãnh cảm nhất trong lịch sử. Chỉ cần gỡ đi một trong hai yếu tố đó thì sẽ không có thể trông thấy những giọt nước mắt của ông. Đó chính là sự ghép cặp. Nếu tự tử được ghép cặp, thế thì nó không chỉ đơn giản là hành động của những người trầm cảm. Nó là hành động của những người trầm cảm ở vào những khoảnh khắc cụ thể đối diện với sự tổn thương cực độ kết hợp với một phương thức gây tử vong cụ thể và sẵn sàng tiếp cận để thực hiện.

Vậy thì câu trả lời ở đây là gì - thay thế hay ghép đôi? Việc hiện đại hóa hệ thống khí đốt của nước Anh là một cách gần như hoàn hảo để thử nghiệm câu hỏi này. Nếu tỉ lệ tự tử đi theo con đường thay thế - nếu những người muốn tự tử quyết tâm đến thế thì khi bạn chặn một cách chết, họ sẽ chuyển sang cách khác - thì tỉ lệ tự tử phải duy trì tương đối ổn định qua thời gian, chỉ chao đảo đôi chút do những sự kiện xã hội lớn. (Ví dụ tỉ lệ các vụ tự tử có xu hướng giảm trong thời gian chiến tranh, và tăng lên vào thời gian khó khăn kinh tế.) Mặt khác, nếu tự tử là hiện tượng ghép đôi, thì nó sẽ phải tùy biến dựa vào sự sẵn có những phương pháp tự tử cụ thể. Khi một phương pháp tự tử mới và dễ dàng như là khí đốt thành phố xuất hiện trong cảnh huống, số lượng các vụ tự tử tăng lên; khi phương pháp đó bị cắt đi, thì số lượng tự tử phải giảm. Đường cong biểu đồ thể hiện số người tự tử trông phải giống như tàu lượn siêu tốc.

Xin hãy nhìn xem.



Đó đúng thật là một chiếc tàu lượn siêu tốc.

Nó lên tít cao khi khí đốt thành phố lần đầu tiên xuất hiện trong các hộ gia đình người Anh. Và nó đâm bổ xuống trong thời kỳ thay đổi sang khí ga tự nhiên bắt đầu từ năm 1960. Trong quãng 10 năm đó, khi khí đốt thành phố dần dần bị thay thế, hàng nghìn cái chết đã được ngăn chặn.

“Khí đốt [thành phố] có một đặc điểm nổi trội đặc biệt với tư cách là tác nhân gây tử vong”, nhà tội phạm học Ronald Clarke đã viết trong bài luận kinh điển năm 1988 chỉ ra lập luận đầu tiên phù hợp với hiện tượng ghép cặp:

Nó phổ biến rộng rãi (có mặt trong 80% hộ gia đình Anh quốc) và không đòi hỏi nhiều sự chuẩn bị hoặc sự hiểu biết sâu, nó trở thành lựa chọn dễ dàng cho những người ít dịch chuyển và cho những người đột ngột chịu đựng sự căng thẳng tột bậc. Nó không gây đau đớn, không gây biến dạng, và không tạo cảnh tượng

bung bét (điều mà phụ nữ đặc biệt muốn tránh)... Những cái chết do treo cổ, làm ngạt hay đuối nước, tất cả đều đòi hỏi phải lên kế hoạch kỹ càng hơn. Trong khi đó, cần nhiều dũng khí hơn mới có thể sử dụng những phương pháp bạo lực hơn như bắn súng, cắt cổ tay, đâm dao, đâm xe hơi và nhảy từ trên cao xuống hoặc nhảy vào mũi tàu hay xe buýt.

Đoạn văn chứa một điều gì đó dù là sự thật nhưng cũng quá sức kinh khủng, phải vậy không? Trong bài báo của Clarke không có đoạn nào ông viết bằng giọng cảm thông đối với sự tự tử, hoặc dừng lại để tìm hiểu về nguyên nhân sâu xa gây ra nỗi đau đớn của họ. Ông phân tích hành vi tự tử như cách một kỹ sư chăm chú quan sát một vấn đề kỹ thuật. “Toàn bộ ý tưởng này không được phổ biến lắm giữa những nhà tâm lý học và các nhà hoạt động xã hội”, Clarke nhớ lại:

Họ nghĩ rằng bài báo cực kỳ hời hợt, rằng những người đó cảm thấy không hài lòng và quy kết nó là một kiểu lãng mạn khi nghĩ rằng bạn có thể đối mặt với vấn đề này chỉ bằng cách đơn giản là làm cho nó trở nên khó thực hiện hơn. Tôi nhận về khá nhiều phản ứng từ người này người khác, nơi này nơi khác, đối với ý tưởng này^[36].

[36] . Tôi còn chưa đề cập tới ví dụ lớn nhất về sự bất lực của chúng ta khi cố gắng thấu hiểu rằng các mạng sống đang bị mất đi vì tự tử như thế nào: có gần 40.000 người tự tử mỗi năm ở Mỹ, một nửa trong số đó thực hiện bằng súng. Súng ngắn là phương thức tự tử được ưa thích ở Mỹ - và vấn đề ở đây là súng ngắn là có tỉ lệ gây tử vong đặc biệt. Súng ngắn chính là khí đốt thành phố của người Mỹ. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như nước Mỹ cũng làm điều mà nước

Anh đã làm, và bằng cách nào đó xóa bỏ phương tiện tự tử số một này? Thật không khó để tưởng tượng. Đó chính là tách cặp ý tưởng tự tử với phương thức thực hiện. Và trong số ít những người quyết tâm tìm đến cái chết sẽ buộc phải lựa chọn phương án ít gây chết người hơn, ví dụ như uống thuốc quá liều, vốn là phương thức gây tử vong kém 55 lần so với dùng súng. Ước tính bảo thủ nhất cho thấy thế giới giả định mà ở đó súng bị cấm sử dụng, nước Mỹ sẽ cứu được 10.000 mạng sống mỗi năm, chỉ bằng việc gây trở ngại với việc tự tử bằng súng. Như thế cũng là cứu được rất nhiều người.

Đây đơn giản không phải là cách mà chúng ta quen bàn luận khi nhắc đến tự tử. Chúng ta hành động như thể phương thức thực hiện là không liên quan. Khi khí đốt lần đầu được giới thiệu vào các hộ gia đình Anh quốc hồi những năm 1920, hai hội đồng chính phủ đã được thành lập để cân nhắc những yếu tố tác động do công nghệ mới này. Không có hội đồng nào nhắc đến khả năng là loại khí đốt này có thể dẫn đến việc gia tăng các vụ tự tử. Khi quan chức chính phủ Anh báo cáo về chương trình hiện đại hóa khí đốt vào năm 1970, họ chỉ ra một trong những khía cạnh tích cực của việc chuyển đổi sang khí đốt tự nhiên là sự sụt giảm các vụ tai nạn chết người. Nhưng họ không hề đề cập đến tự tử - mặc dù số lượng người tự kết liễu cuộc sống bằng khí đốt nếu đem so sánh với số người chết vì tai nạn do khí đốt thì cách nhau một trời một vực. Năm 1981, nghiên cứu đầy đủ mang tính học thuật nhất về đề tài này, *Lịch sử Công nghiệp Khí đốt Anh Quốc*, được xuất bản. Nghiên cứu đi vào chi tiết về từng phương diện từ quá trình hình thành và phát triển của khí đốt làm ấm và khí đốt đun nấu trong cuộc sống thường ngày

của nước Anh. Liệu nó có đề cập tới vấn đề tự tử, dù chỉ thoáng qua? Không hề.

Hoặc hãy cùng tìm hiểu câu chuyện trường kỳ không thể lý giải nổi của Golden Gate (Cầu Cổng Vàng) ở San Francisco. Kể từ khi thông cầu vào năm 1937, cây cầu này đã trở thành hiện trường của hơn 1.500 vụ tự tử. Không có nơi nào trên thế giới này từng chứng kiến nhiều người kết liễu đời mình như ở cây cầu này trong thời kỳ đó^[37].

[37] . Các vụ tự tử diễn ra trên Cầu Cổng Vàng với mức độ thường xuyên tệ hại khiến năm 2004, nhà làm phim Eric Steel đã đặt một chiếc máy quay ở hai đầu cầu và kết quả là quay được 22 vụ tự tử trong suốt một năm. Một vụ trong số đó được coi là điểm nhấn của bộ phim tài liệu ra đời sau đó của Steel có tên là Cây cầu, máy quay của ông đã ghi được hình ảnh của một người đàn ông 34 tuổi tên là Gene Sprague trong vòng 39 phút khi anh này đi đi lại lại dọc cây cầu trước khi quyết định nhảy xuống cái chết của mình. Nếu bạn đứng trên cây cầu này đủ lâu, bạn đừng ngạc nhiên nếu trông thấy một người đang cố gắng nhảy cầu.

Vậy lý thuyết ghép cặp nói với chúng ta điều gì về Cầu Cổng Vàng? Rằng có thể sẽ tạo ra một sự khác biệt lớn nếu như lắp thêm thanh chắn ngăn mọi người nhảy xuống, hoặc giăng một tấm lưới để đỡ lấy nếu lỡ có người nhảy cầu. Những người bị ngăn chặn không tự tử được trên cầu sẽ không đi tìm một địa điểm khác để mà nhảy xuống. Quyết định tự tử được *ghép cặp* với đặc thù của riêng cây cầu này.

Và quả không sai, đó chính xác là những gì diễn ra trong trường hợp này, theo một điều tra rất thông minh của nhà tâm lý học

Richard Seiden. Seiden đã theo dõi 515 người từng định tự tử ở cây cầu này giữa trong khoảng thời gian từ 1937 đến 1971, nhưng vì một lý do bất ngờ nào đó mà đã không thực hiện được. Chỉ 25 người trong số 515 người đó quyết chết bằng một cách khác. Đáng kinh ngạc hơn, những người muốn tự tử ở Cầu Cổng Vàng tại một thời điểm chỉ muốn nhảy khỏi Cầu Cổng Vàng chính tại thời điểm ấy mà thôi.

Vậy khi nào thì các nhà chức trách địa phương quản lý cây cầu ấy mới cũng quyết định lắp thêm một thanh chắn ngăn tự tử?

Năm 2018, hơn *tám mươi* năm sau khi cây cầu được khánh thành. Như John Bateson đã chỉ ra trong cuốn sách có tên *Cú nhảy cuối cùng*, cũng trong quãng thời gian đó, nhà chức trách quản lý cầu đã chi hàng triệu đô-la để xây dựng một tấm chắn giao thông bảo vệ những người đi xe đạp trên cầu, ngay cả khi không có người nào từng thiệt mạng vì bị xe cơ giới cán phải trên Cầu Cổng Vàng. Người ta cũng chi hàng triệu đô-la để xây dựng dải ngăn cách phân luồng giao thông ở phía bắc và phía nam, với lý do “an toàn cộng đồng”. Ở đầu cầu phía nam, nhà chức trách đặt thêm một tấm rào chắn hình nón 2,4 mét để ngăn rác thải ném xuống Pháo đài Baker, một khu doanh trại quân sự cũ nằm trên mặt đất phía dưới. Một tấm lưới bảo vệ cũng được dựng lên trong thời gian khởi dựng cây cầu - với chi phí khổng lồ - để đỡ các công nhân làm việc trên cầu không may ngã xuống. Tấm lưới đã cứu được 19 mạng sống. Sau đó nó bị hạ xuống. Nhưng đối với các vụ tự tử thì sao? Không gì cả cho đến hơn 80 năm sau.

Giờ thì câu hỏi là tại sao? Bởi vì những người quản lý cầu nhẫn tâm và vô cảm? Không hề. Đó là bởi vì đối với con người, rất khó

chấp nhận ý tưởng cho rằng một hành vi lại có thể ghép cặp chặt chẽ đến thế với một địa điểm. Qua nhiều năm, nhà chức trách quản lý cầu đã có lúc hỏi ý kiến công chúng xem họ có ủng hộ việc xây dựng một rào chắn ngăn tự tử không. Các bức thư đổ về thường rơi vào một trong hai hạng mục: Những người ủng hộ thường là những người có người thân từng tự tử trên cầu, đã có một chút hiểu biết về mặt tâm lý của hành vi tự tử. Kết quả cuối cùng - trên thực tế và chiếm đa số ý kiến - đơn giản là không chấp thuận ý tưởng ghép cặp ở đây.

Đây là một ví dụ nhỏ:

“Nếu một rào chắn trên cầu được dựng lên, thì tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ba tháng sau, một cá nhân có ý định tự tử sẽ đi về một đầu cầu với một khẩu súng ngắn, dí súng vào thái dương và bóp cò bởi anh ta cáu tiết vì không thể nhảy cầu. Đến lúc đấy thì làm gì với hàng triệu đô-la đã bỏ ra để dựng cái rào chắn vật lý kia?”

“Với những người đã có ý định tự tử thì họ không thiếu gì cách để thực hiện - uống thuốc ngủ, treo cổ, đuối nước, cắt cổ tay, nhảy từ bất cứ cây cầu hoặc tòa nhà nào. Chẳng phải là sẽ tốt hơn nếu sử dụng số tiền đó cho chăm sóc sức khỏe tâm thần của rất nhiều người thay vì lo lắng cho một vài người có ý định nhảy cầu?”

“Tôi phản đối việc xây dựng một tấm rào chắn bởi vì như thế là lãng phí tiền của mà lại không thu được lợi ích gì. Bất cứ ai bị ngăn nhảy khỏi Cầu Cổng Vàng sẽ đi tìm một cách thức khác, với những hậu quả tệ hại hơn, để mà kết liễu đời mình. Người nhảy xuống từ một tòa nhà cao tầng sẽ có nhiều khả năng giết chết một

người đang đi bộ dưới phố hơn là người nhảy từ trên cầu xuống dưới nước”.

“Việc này chỉ tốn thời gian và làm xấu cây cầu. Có biết bao nhiêu cách để tự tử. Bạn tước đi một cách chết với người này, thì họ sẽ đi tìm cách khác để chết”.

Theo một cuộc thăm dò toàn quốc, ba phần tư người Mỹ dự đoán rằng nếu một tấm rào chắn được dựng lên ở Cầu Cổng Vàng, thì hầu hết những người muốn tự tử bằng cách nhảy từ trên thành cầu xuống sẽ đơn giản là đi tìm một cách khác để kết liễu đời mình^[38]. Nhưng dự đoán đó là sai hoàn toàn. *Tự tử được ghép cặp.*

[38] . Trên thực tế, 34% số người được hỏi dự đoán rằng tất cả những người định nhảy cầu sẽ đơn giản là đi tìm một cách khác để chết.

Bộ đôi sai lầm đầu tiên mà chúng ta mắc phải khi đối diện với những người lạ - mặc định với sự thành thật và ảo tưởng về sự tương ứng - đều liên quan đến sự bất lực của chúng ta trong việc lý giải người lạ như một cá nhân đơn lẻ. Nhưng trên hết, những lỗi sai mà chúng ta chất chồng lên nhau khiến cho vấn đề của chúng ta với những người lạ càng trở nên khủng hoảng. Chúng ta còn không hiểu hết tầm quan trọng của *bối cảnh* mà ở đó một người lạ mặt đang hành động.

4. Đồn cảnh sát ở số 72 ở Brooklyn phụ trách dân cư xung quanh khu quần thể Nghĩa trang Greenwood, tính từ đại lộ Prospect ở phía bắc tới vịnh Ridge ở phía nam. Nằm kẹp giữa con đường dọc phía tây của nghĩa trang và bờ sông là một khu dân cư nhỏ hẹp với những con phố nằm hai bên, chạy xuôi về phía bờ sông. Một con đường cao tốc ngoằn ngoèo, gấp khúc chạy giữa. Ngày nay, khu

dân cư này đã được chỉnh trang. Nhưng ba mươi năm trước, khi David Weisburd dành một năm để đi khắp hang cùng ngõ hẻm của những con phố này, thì khu này có diện mạo hoàn toàn khác.

“Đó là một thế giới khác”, Weisburd nhớ lại. “Một nơi đáng sợ. Nếu đi vào một tòa nhà, anh có thể bắt gặp những chiếc tủ lạnh kê dọc hành lang, rác rưởi vứt bừa bãi khắp các hành lang. Sân sau của các tòa nhà chất rác cao một mét rưỡi. Còn những người trên phố thì có thể khiến anh kinh hồn bạt vía”.

Weisburd là một nhà tội phạm học được đào tạo bài bản. Ông đã hoàn thành luận án tại Đại học Yale về hành vi bạo lực giữa những người di cư ở vùng Bờ Tây ở Israel. Ông sinh ra tại Brooklyn. Sau khi rời khỏi Yale, ông nhận được việc trong dự án nghiên cứu chính khu nơi ông từng sinh trưởng.

Đối tượng nghiên cứu là đồn cảnh sát ở trên Đại lộ số Bốn, một đơn vị nhỏ, một đồn cảnh sát kiểu mới trông có vẻ như được thiết kế để chống lại cả một đạo quân xâm lược. Có tất cả chín sĩ quan cảnh sát, mỗi người được chỉ định tuần tra từ 10 tới 13 khu nhà. “Nhiệm vụ của họ là đi xung quanh các khu nhà được phân công và tương tác với người dân, và đưa ra những cách ứng phó khi có các sự vụ diễn ra”, Weisburd nói. Ông là người quan sát và ghi chép, chịu trách nhiệm viết ra tất cả những gì học hỏi được. Mỗi tuần bốn ngày, trong vòng một năm, ông đi theo những viên cảnh sát tuần tra. “Tôi luôn luôn mặc com-lê và đeo cà-vạt, và tôi được cấp một thẻ cảnh sát. Mọi người trên phố nghĩ rằng tôi là một thám tử điều tra, và tôi sẽ bảo: ‘Ồi, không’”.

Ông từng nghiên cứu tội phạm trong thư viện. Giờ đây ông có mặt ngoài hiện trường, đi sát cạnh cảnh sát tuần tra. Và ngay từ

đầu, có một điều khiến ông thấy thật lạ lùng. Từ trước tới nay, người ta vẫn luôn nghĩ rằng hoạt động tội phạm có sự gắn kết với một số khu dân cư nhất định. Ở đâu có những vấn nạn như nghèo đói, nghiện ngập và gia đình tan vỡ thì ở đó có tội phạm: Những hạn chế về điều kiện kinh tế và xã hội là cái nôi nuôi dưỡng cho tình trạng vô pháp, vô minh, vô trật tự.

Ở Los Angeles, khu dân cư kiểu ấy là khu South Central. Ở Paris là các khu ngoại ô. Ở London, là những nơi như Brixton. Nơi Weisburd đang ở là một phiên bản khu phố như thế của New York - chỉ duy có một điều là khu dân cư ấy không hề giống với những gì ông từng tưởng tượng: “Điều tôi phát hiện ra, khá là nhanh, rằng sau khi chúng tôi đã quen thuộc với toàn bộ khu vực, thì toàn bộ thời gian còn lại chúng tôi chỉ dành cho một hai con phố”, ông nói. “Đây là một khu dân cư thấp kém của thành phố [nhưng] trên hầu hết các con phố đều không có bóng dáng tội phạm”.

Sau một thời gian, ai cũng nhận ra là thật vô ích nếu cứ đi lại tuần tra toàn bộ khu vực, bởi vì hầu như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Ông không hiểu nổi điều này. Tội phạm là những người hoạt động ngoài vòng pháp luật. Họ bị thôi thúc hành động bởi những thế lực đen tối điều khiển: bệnh lý tâm thần, thói tham lam, tuyệt vọng, giận dữ. Wiesburd đã được dạy rằng cách tốt nhất để hiểu được tại sao tội phạm thực hiện những hành phi phạm tội đó là biết được họ là ai. “Tôi gọi đó là hình mẫu ma cà rồng”, Weisburd nói. “Có những người giống như là ma cà rồng. Họ buộc phải phạm tội. Đó là kiểu người có động cơ phạm tội rất cao, tất cả những thứ khác đều không quan trọng với họ”.

Vậy nhưng nếu các tội phạm hoạt động giống ma cà rồng, được hồi sức bởi động cơ không thể chối bỏ là phải tạo ra sự hỗn mang, thì khắp khu vực 72 phải ngập tràn các thành phần du thủ du thực ma cà rồng mới phải. Kiểu điều kiện xã hội nuôi dưỡng các ma cà rồng như thế có ở khắp mọi nơi. Nhưng thực tế thì không. Ma cà rồng chỉ hoạt động ở một vài con phố cụ thể. Và khi nói tới “con phố”, ý Weisburd muốn nói là từng lô nhà một - một khúc phố nhất định. Có thể có một khúc phố với rất nhiều tội phạm và ở khúc phố tiếp theo, chỉ qua một nút giao thông, thì ổn cả, đâu lại vào đấy.

Thật sự là như thế. Chẳng lẽ tội phạm không có chân sao? Không có ô tô? Không có thẻ tàu điện ngầm?

“Và vì thế bắt đầu hình thành trong đầu tôi một cách nghĩ khác về tội phạm”, Weisburd nói. “Giống như hầu hết những người khác, nghiên cứu của tôi là về *con người*. Tôi nói rằng, có lẽ chúng ta cần phải quan tâm tới điều đó hơn là *những địa điểm*”.

5. Sau khi kết thúc công việc ở Brooklyn, Weisburd quyết định lập nhóm với Larry Sherman, một nhà tội phạm học trẻ khác. Sherman cũng có những suy nghĩ tương đồng. “Tôi được truyền cảm hứng trong một lần nọ, khi quan sát bản đồ nhiễm bệnh AIDS của nước Mỹ”, Sherman nhớ lại, “trong đó vẽ ra 50 khu vực của 50 ngàn người, chiếm 50% số ca bị nhiễm AIDS ở Mỹ”. Với Sherman, bệnh AIDS không giống một loại bệnh truyền nhiễm phát tán rộng rãi và tự do khắp nơi. Với ông, bệnh này giống như một sự tương tác giữa một số kiểu người nhất định, ở một số địa điểm rất cụ thể, một dịch bệnh với logic của riêng nó.

Việc thu thập những loại dữ liệu này đủ để nghiên cứu thành phần địa lý cấu tạo của tội phạm không hề dễ dàng. Tội phạm luôn

được báo cáo bởi các đồn cảnh sát - theo khu vực địa lý chung chung nơi sự việc diễn ra. Nhưng Weisburd vừa mới đi tuần ở khu đồn cảnh sát 72, và ông biết rằng một khu vực không cụ thể không giúp ích gì cho họ cả. Họ cần *các địa chỉ hẳn hoi*. May mắn là Sherman quen biết ngài cảnh sát trưởng ở Minneapolis, và ông này sẵn lòng giúp đỡ. “Chúng tôi chọn Minneapolis bởi vì làm gì có nơi nào khác có được một người đủ điên rồ cho phép chúng tôi làm điều mình muốn làm?” Weisburd vừa nói vừa bật cười.

Sherman phân tích các con số và phát hiện ra một điều thật khó tin: 3,3% phân khúc đường phố trong thành phố là xuất phát điểm của hơn 50% các cuộc gọi cảnh sát. Weisburd và các sinh viên cao học của mình tại Đại học Rutgers sau đó dán một tấm bản đồ của Minneapolis lên tường và đính một mẫu giấy nhỏ vào tất cả những địa điểm họ phát hiện có tội phạm. Phát hiện đáng kinh ngạc giờ đây khó lòng có thể chối bỏ được. Kể từ những ngày tuần tra ở khu đồn 72, Weisburd đã biết là có sự tập trung tội phạm ở một số khu vực, nhưng không ngờ lại cô đặc đến mức này. “Khi Larry và tôi trao đổi về điều này, chúng tôi đều thốt lên: ‘Ôi Chúa ơi!’ ”

Ở Boston cũng vào thời điểm tương tự, một nhà tội phạm học khác thực hiện một nghiên cứu tương tự: Một nửa vụ phạm tội trong thành phố đến từ 3,6% khu phố trong thành phố. Thế là được hai ví dụ. Weisburd quyết định kiểm chứng ở bất cứ chỗ nào có thể: New York, Seattle, Cincinnati. Sherman thì quan sát ở thành phố Kansas, Dallas. Bất cứ khi nào có ai đó đặt câu hỏi, hai người bọn họ lại chạy số liệu. Và ở tất cả những nơi họ nhìn vào, họ đều thấy cùng một sự việc: Tội phạm trong tất cả các thành phố đều cô đặc ở một số rất ít các con phố. Weisburd quyết định thử nghiệm ở các thành

phố nước ngoài, ở những nơi hoàn toàn khác biệt về văn hóa, địa lý, kinh tế. Gia đình ông là người Israel, cho nên ông nghĩ đến Tel Aviv. Kết quả vẫn y nguyên. “Tôi thốt lên, ‘Ôi Chúa ơi. Hãy nhìn này! Tại sao không phải là 5% các con phố ở Tel Aviv sản sinh ra 50% các vụ phạm tội? Chuyện này vẫn đang diễn ra, ở những nơi vô cùng khác biệt.’” Weisburd ám chỉ chuyện này liên quan đến Luật Tập trung Tội phạm^[39]. Cũng giống như tự tử, tình hình phạm tội được gắn chặt với một số địa điểm và bối cảnh rất cụ thể. Kinh nghiệm của Weisburd khi đi tuần tra thời làm việc cùng khu đồn số 72 và ở Minneapolis không phải là cá biệt. Họ đã chụp được một thứ gì đó rất gần gũi với sự thật căn bản về hành vi của con người. Và điều đó có nghĩa là khi bạn đối mặt với một người xa lạ, bạn cần phải tự hỏi bản thân xem bạn đang gặp gỡ người lạ mặt này ở đâu và vào thời điểm nào - bởi vì hai yếu tố đó có thể có ảnh hưởng mạnh mẽ lên sự đánh giá của bạn về người lạ mặt này.

^[39] . *Hãy nhìn vào bản đồ Weisburd thực hiện ở thành phố Seattle. Những chấm là những khu “điểm nóng” tội phạm ở Seattle. Nếu bạn nói chuyện với một người nào đến từ thành phố Seattle, họ sẽ rằng thành phố của họ có những khu vực rất lộn xộn. Nhưng bản đồ của Weisburd sẽ cho bạn biết rằng tuyên bố trên không chính xác. Seattle không có những khu dân cư thấp kém; nó chỉ có một vài khu nhà có vấn đề nằm rải rác ở một số nơi trong thành phố. Vậy điều gì phân tách những khu nhà có vấn đề với phần còn lại của thành phố? Một loạt những yếu tố lộn xộn phối kết hợp với nhau. Dường như ở các điểm nóng có nhiều con đường giao cắt hơn, có nhiều ô nhà bỏ trống hơn, có nhiều trạm dừng xe buýt hơn, có nhiều dân cư không đi bỏ phiếu hơn, dường như hay ở gần một tòa nhà*

công cộng như là trường học. Danh sách các yếu tố thay đổi - một số rất dễ hiểu nhưng cũng có nhiều yếu tố khó hiểu - vân vân... Và bởi vì hầu hết các yếu tố ấy đều khá ổn định, nên các khu nhà này cũng thường không thay đổi mấy qua thời gian.

6. Trở lại với: Sylvia Plath. Trong cuốn tiểu thuyết ngắn, một dạng tự truyện, *The Bell Jar*, nhân vật chính của Plath, Esther Greenwood, là hiện thân của sự chìm dần vào điên loạn của cô. Và cách cô ấy nghĩ về tự tử chính xác như cách mà Ronald Clarke (người đã tìm ra mối liên hệ giữa khí đốt thành phố và tự tử) cho rằng cô ấy sẽ nghĩ như thế. Cô ấy đặc biệt nhạy cảm với câu hỏi cô ấy sẽ kết liễu cuộc sống của mình bằng cách nào. “Nếu anh từng nghĩ đến chuyện tự tử, thì anh sẽ làm thế nào?” Esther hỏi Cal, một chàng trai trẻ mà cô ấy nằm cạnh trên bãi biển.

Cal có vẻ hài lòng. “Tôi thường xuyên nghĩ về điều đó. Tôi sẽ làm nổ tung đầu mình bằng một khẩu súng”. Tôi thất vọng. Đúng kiểu đàn ông thì sẽ làm điều đó với một khẩu súng. Họa trời sập tôi mới chạm tay vào một khẩu súng. Và ngay cả khi đã cầm súng trên tay rồi, tôi cũng chịu chết không biết nên bắn vào phần nào trên cơ thể của mình.

Cũng trong buổi sáng hôm ấy, Esther đã thử treo cổ bằng chiếc dây lụa áo choàng tắm của mẹ nàng, nhưng không thành công. “Mỗi lần tôi buộc sợi dây quá chặt tôi cảm nhận được một cảm giác nóng bừng chạy lên tai và máu dồn lên mặt, hai tay tôi sẽ yếu đi và buông ra, và thế là tôi lại bình thường trở lại”. Cô và Cal bơi ra bờ vịnh. Cô ấy quyết định thử chết đuối - và chìm xuống đáy biển.

Tôi lặn xuống và lại lặn xuống lần nữa, nhưng mỗi lần tôi lại bật nẩy như một cái nút chai.

Tảng đá xám chế nhạo tôi, cơ thể tôi cứ nổi lên trong làn nước, dễ dàng như một chiếc phao.

Tôi biết khi nào thì tôi bị đánh bại.

Tôi bơi vào bờ.

Nhân vật chính của Plath không tìm kiếm cái chết. Cô ấy đang tìm kiếm *cách* để chết. Và không phải bất kỳ cách nào cũng được. Đó chính là vấn đề của ghép cặp: các hành vi rất cụ thể. Cô ấy cần tìm một cách thức phù hợp. Và vào một buổi tối lạnh lẽo tháng 2, phương thức phù hợp với Sylvia Plath vô tình lại nằm ngay trong căn bếp của cô.

Giá anh biết những lớp bọc bí ẩn giết chết ngày tháng em

Với anh chúng chỉ là chiếc màn tương ứng, khí trời trong suốt

Đây là bài thơ “Món quà sinh nhật”, được viết vào tháng 9 năm 1962, mở đầu cho những tháng ngày đau khổ cuối cùng của Plath ở London:

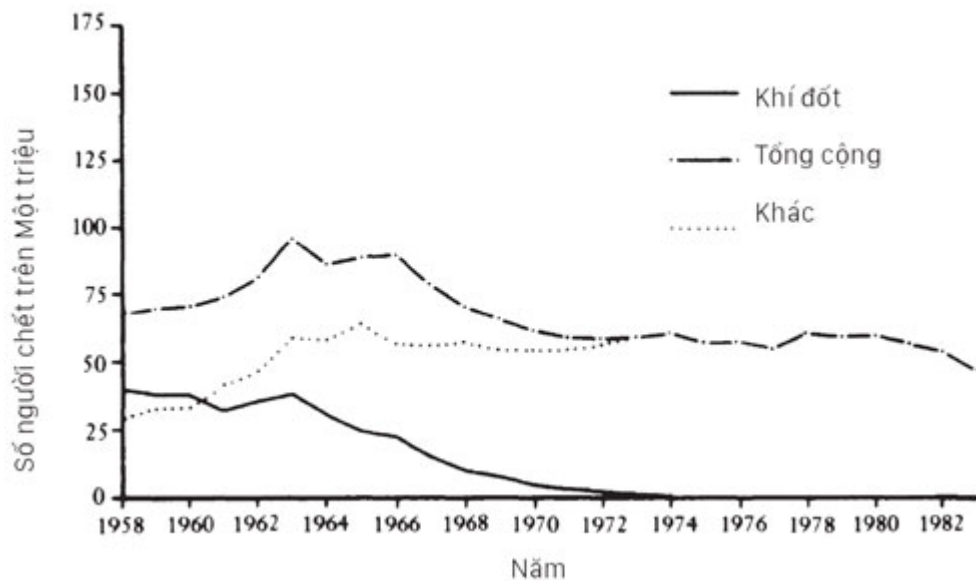
Nhưng chúa tôi, các đám mây trông giống những cục bông.

Cả một đạo quân. Chúng là carbon monoxide.

Êm ái, êm ái, ta hít vào lồng ngực,

Bơm đầy mạch máu với những vô hình...

Hãy nhìn lại biểu đồ cho thấy tỉ lệ tự tử từ năm 1958 đến năm 1982 của phụ nữ Anh quốc trong độ tuổi từ 25 đến 44 sau đây. (Plath qua đời ở tuổi 33.)



Đầu những năm 1960, khi Plath chết vì tự tử, tỉ lệ tự tử của phụ nữ trong tuổi của cô ở Anh quốc chạm tới con số đáng báo động 10/100.000 người - hậu quả của số người chết bi thảm bởi khí gas độc. Đây là tỉ lệ phụ nữ ở Anh Quốc tự tử cao nhất từ trước tới thời điểm đó. Đến năm 1977, khi chuyển đổi hoàn toàn sang khí đốt tự nhiên, tỉ lệ tự tử ở phụ nữ trong độ tuổi ấy giảm xuống còn gần một nửa. Plath đã rất không may mắn. Giá cô ấy sống cố thêm mười năm nữa, có lẽ sẽ không còn những đám mây “carbon monoxide” để cô ấy “êm êm... hít vào lồng ngực”.

7. Mùa thu năm 1958, hai năm sau lễ cưới, Sylvia Plath và chồng, Ted Hughes, chuyển tới Boston. Chỉ vài năm nữa sau thời điểm ấy cô ấy sẽ trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Plath khi ấy làm lễ tân trong một trung tâm điều trị tâm thần của Bệnh viện Tổng hợp Massachusetts. Buổi tối, cô ấy tham dự các buổi hội thảo viết lách của Đại học Boston. Ở đó, cô ấy gặp một nhà thơ trẻ khác tên là Anne Sexton. Sexton lớn hơn Plath bốn tuổi - lộng lẫy, quyến rũ và

xinh đẹp khác thường. Sau này Sexton được trao giải Pulitzer thơ dành cho cuốn sách *Live or Die (Sống hay Chết)*, tạo dựng cho cô danh tiếng là một trong những nhà thơ đương đại Mỹ nổi bật nhất. Plath và Sexton trở thành bạn bè. Sau mỗi giờ học, họ nấn ná ở lại trò chuyện với nhau, rồi đi uống cùng một nhà thơ trẻ khác, George Starbuck.

“Chúng tôi sẽ nhồi cả lên ghế trước trong chiếc xe Ford cũ kỹ của tôi, và tôi nhanh chóng hòa lẫn vào dòng xe để đến khách sạn Ritz”, Sexton nhớ lại, trong một bài luận viết sau cái chết của Plath.

Tôi đậu xe trái phép trong KHU VỰC BỐC DỠ rồi hớn hờ bảo họ: “Không sao đâu, tối nay tội mình cũng sẽ chỉ có bốc trở lên mà thôi!” Rồi chúng tôi rời đi, mỗi đứa một bên George, bước vào khách sạn Ritz và làm ba, bốn, năm chén martini.

Sexton và Plath đều rất trẻ, cùng có tài năng thiên bẩm và cùng bị ám ảnh về cái chết:

Thường xuyên, rất thường xuyên, Sylvia và tôi sẽ nói chuyện đến tận cùng nguồn lạch về những lần thử tử đầu tiên của chúng tôi; tận cùng, chi tiết và sâu thẳm trong lúc ăn khoai tây lát miễn phí. Nói cho cùng, tử tử là trái ngược với thơ ca. Sylvia và tôi thường xuyên nói về những điều trái ngược. Chúng tôi nói chuyện về cái chết với một sự căng thẳng tốt độ, cả hai chúng tôi đều bị cuốn về phía ấy như những con bướm đêm lao về phía bóng đèn điện.

Sexton xuất thân từ một gia đình có lịch sử mắc bệnh tâm thần. Cô ấy bị hành hạ do chứng thay đổi tâm trạng thất thường, biếng ăn tâm lý, trầm cảm và nghiện rượu. Cô ấy từng tự tử ít nhất năm lần. Cô ấy từng lấy nguyên một lọ thuốc ngủ Nembutal - loại thuốc có khả năng gây chết người nếu uống liều cao - từ tủ thuốc gia đình và luôn để phòng hờ trong túi xách. Như người viết tiểu sử của cô ấy là Diane Wood Middlebrook giải thích, Sexton muốn “được chuẩn bị để kết liễu cuộc đời bất cứ khi nào cô ấy có hứng”.

Những năm chớm tuổi bốn mươi, cô ấy rơi vào trạng thái xuống dốc. Tình trạng nghiện rượu của cô ấy trở nên tồi tệ hơn. Cuộc hôn nhân thất bại. Khả năng viết lách kém đi.

Buổi sáng ngày 4 tháng 10 năm 1974, Sexton ăn sáng cùng một người bạn cũ, sau đó ăn trưa với một người bạn khác, giống như lời vĩnh biệt.

Middlebrook viết:

Cô ấy tháo nhẫn ra khỏi các ngón tay, thả vào chiếc túi xách lớn, và lấy trong tủ chiếc áo choàng lông cũ của mẹ cô ấy. Dù đó là một buổi chiều có nắng, nhưng không khí có thoáng hơi lạnh. Lớp vải lót satin cũ hẵn đã ấm lên nhanh chóng khi áp vào làn da cô; cái chết đã bắt đầu cảm nhận một điều gì đó giống như một sự mời gọi, như chìm vào giấc ngủ trong những vòng tay quen thuộc.

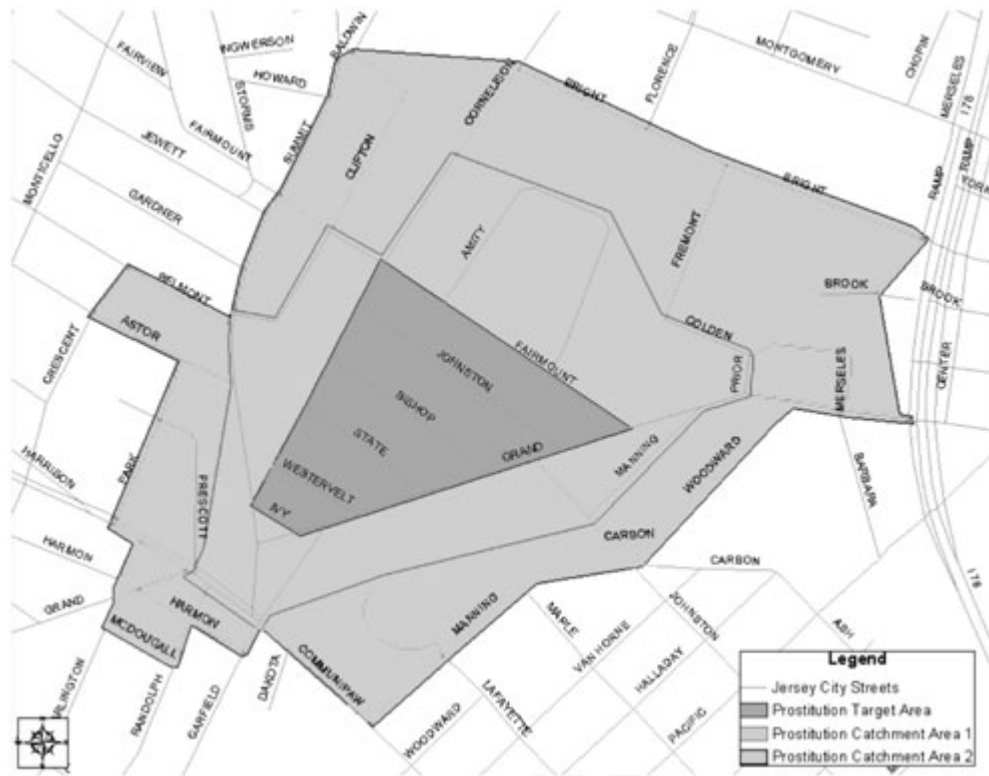
Cô ấy rót cho mình một ly vodka và bước đi mạng sống của chính mình. Cũng giống như cô bạn gái Sylvia Plath, Sexton sẽ mãi mãi được liệt vào danh mục những thiên tài với số phận bi thảm.

“Bất cứ ai đã hiểu rõ về Anne Sexton đều không hề ngạc nhiên khi biết tin cô ấy tự sát”, Middlebrook viết.

Tuy vậy, cho đến thời điểm này, tôi hy vọng là bạn vẫn chưa hài lòng với cách lý giải này về cái chết của Sexton. Nếu tự sát làm một hành động ghép cặp, vậy thì tính cách của Sexton và bệnh lý của cô ấy sẽ chỉ là một phần lý giải cho những gì đã xảy ra với cô ấy. Điều tương tự cũng đúng với Plath. Bạn của cô ấy là Alfred Alvarez tin rằng có quá nhiều người vẽ ra hình ảnh cô ấy như “một nhà thơ trong vai một nạn nhân hiến tế, dâng bản thân cho mục đích nghệ thuật của mình”, và ông ấy nói hoàn toàn đúng. Điều đó bóp méo con người thật sự của cô ấy: nó nói rằng danh tính của cô ấy bị gắn chặt với tình trạng tự hủy hoại bản thân của cô ấy. Ghép cặp buộc chúng ta phải nhìn một người lạ mặt trong toàn thể tính mơ hồ và tính phức tạp của cô ấy.

Weisburd có một tấm bản đồ, mà theo tôi nghĩ, giúp cho luận điểm này trở nên rõ ràng hơn. Đó là bản đồ thành phố Jersey, nằm ở bên kia bờ sông Hudson, đối diện với Manhattan.

Khu vực sẫm màu ở chính giữa - được bao quanh bởi đại lộ Corneli, phố Grand, và đại lộ Fairmount - là tụ điểm của các cô gái bán dâm, và tình trạng này đã kéo dài một thời gian. Một vài năm trước, Weisburd đã tiến hành một thử nghiệm trong đó ông chỉ định thêm 10 viên cảnh sát - là con số rất lớn - để tuần tra tăng cường quanh khu này. Không có gì kinh ngạc, số lượng gái bán dâm trong khu vực giảm xuống hai phần ba.



Tuy vậy, điều khiến Weisburd quan tâm nhất, đó là chuyện gì xảy ra với những phần sáng hơn trên bản đồ, ngay bên cạnh ô tam giác sẫm màu. Khi các cảnh sát ùa vào khu này, liệu những cô gái bán dâm có đơn giản là chuyển qua khu phố bên cạnh để hành nghề không? Weisburd bố trí những người quan sát được đào tạo cắm tại các khu vực này, và trò chuyện với các cô gái bán dâm. Liệu có sự thay thế ở đó không? Câu trả lời là không. Kết quả là đa số các cô gái này sẽ thử chuyển qua làm những việc khác - hoàn toàn rời khỏi ngành, thay đổi hành vi - chứ không đơn giản là đổi địa điểm làm việc. Họ không chỉ là ghép cặp với nơi làm việc. Họ *gắn chặt* với địa điểm ấy.

Chúng tôi gặp những người sẽ kể với chúng tôi rằng: “Tôi làm việc trong khu ấy. Tôi không muốn thay đổi vì như thế sẽ gây khó khăn

cho các khách hàng của tôi”. Hoặc, “Không, tôi sẽ phải gây dựng lại công việc kinh doanh”. Có rất nhiều lý do giải thích tại sao họ lại không muốn thay đổi. Một lý do khác có thể là: “Nếu tôi chuyển qua địa điểm khác, thì sẽ là nơi dành cho ma túy, để buôn bán ma túy. Ở đó đã có quá trời người rồi, họ sẽ giết tôi mất”.

Cách dễ dàng nhất để lý giải cho các cô gái bán dâm là cô ấy là người buộc phải kiếm tiền bằng tình dục - một tù nhân của hoàn cảnh kinh tế và hoàn cảnh xã hội. Cô ấy là một người khác so với những người còn lại chúng ta. Nhưng điều đầu tiên mà các cô gái bán dâm nói, khi được hỏi hãy giải thích cho hành vi của họ là gì? Rằng chuyển chỗ rất là căng thẳng, mệt mỏi - đó cũng là điều mà tất cả *mọi người* đều nói khi nhắc đến chuyển nhà.

Weisburd tiếp tục:

Họ nói về việc chuyển chỗ sẽ khó khăn như thế nào cho hoạt động kinh doanh của họ. Họ buộc phải xây dựng mọi thứ lại từ đầu. Họ nói về hiểm nguy và về những người mà họ không quen biết. Ý họ là gì khi nói đến *những người không quen biết*? “Ở đây, tôi biết người nào sẽ báo cảnh sát, người nào sẽ không”. Đó là một vấn đề rất lớn đối với họ... Khi họ hoạt động ở cùng một khu vực, họ bắt đầu dự đoán được hành động của những người xung quanh ở cấp độ chính xác cao. Chuyển sang khu vực mới? Bạn không biết những người ở đó như thế nào. Một người có vẻ ngoài đáng sợ có khi lại là người tốt. Người trông có vẻ tốt bụng, theo quan niệm của họ, có khi lại là kẻ xấu.

Người phỏng vấn hỏi: “Ừm, thế tại sao cô không di chuyển sang khu cách đây 4 lô thôi? Ở đó cũng có một tụ điểm cho các

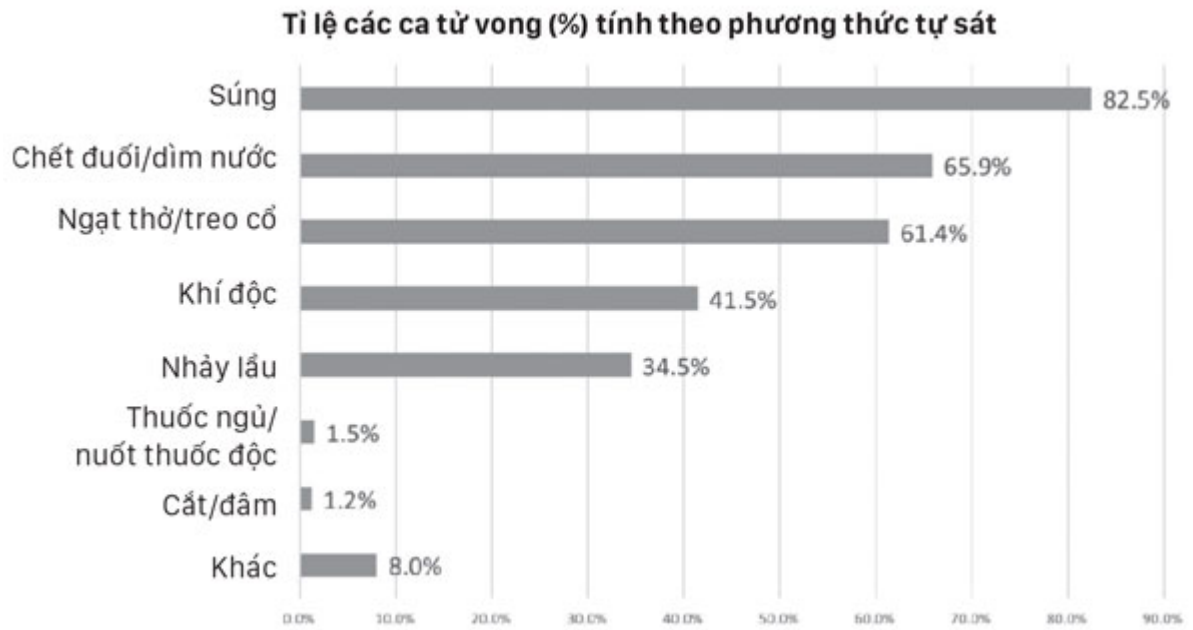
cô gái làng chơi khác. Câu trả lời của cô ấy là: “Hội con gái bên đây không phải kiểu của tôi. Tôi không cảm thấy thoải mái khi ở đó». Câu trả lời táng một cú trời giáng vào tôi... Ngay cả những người với những vấn đề khủng khiếp này, với những khó khăn lớn nhường ấy trong cuộc sống, vậy mà họ phản ứng với rất nhiều điều giống hệt như bạn và tôi khi cùng đối diện với những vấn đề ấy.

Một vài người trong số họ có con cái đang đi học ở các trường lân cận, có các cửa hàng thực phẩm mà họ hay đến mua sắm, có những người bạn mà họ muốn gần gũi, và có cha mẹ mà họ cần phải săn sóc - và kết quả là tất cả đều hợp thành đủ loại lý do để họ không di chuyển địa bàn sang khu khác. Công việc của họ, ở thời điểm đó, là bán dâm. Nhưng trước hết, họ cũng là những người mẹ, những người con, những người bạn và những công dân. Ghép cặp buộc chúng ta phải nhìn một người lạ trong tổng thể hỗn độn và phức tạp của cô ấy.

Liệu Sexton có quyết chí kết liễu đời mình bằng mọi cách có thể không? Không hề. Cô ấy sẽ không bao giờ sử dụng súng ngắn. “Chuyện Ernest Hemingway dùng súng bắn thẳng vào cổ họng là hành động dũng cảm nhất mà tôi có thể nghĩ được”, cô chia sẻ với bác sĩ tâm lý trị liệu. “Tôi lo lắng về những giây phút cận kề cái chết, nỗi sợ hãi cái chết. Tôi không lo lắng như thế nếu uống thuốc ngủ, nhưng với một khẩu súng, sẽ có một phút nào đấy mà nỗi sợ hãi kinh hoàng choán lấy cơ thể bạn. Tôi sẽ làm mọi thứ để trốn chạy khỏi cảm giác sợ hãi ấy”.

Phương thức mà cô ấy lựa chọn trước đó là thuốc ngủ uống kèm với rượu mạnh, mà cô ấy cho rằng đó là “lối giải thoát của phụ

nữ”. Hãy nhìn vào biểu đồ sau đây, so sánh các cách thức tự sát khác nhau tính theo tỉ lệ tử vong.



Những người tử vong do uống thuốc quá liều chiếm 1,5% trong tổng số thời gian. Sexton được ghép cặp với một phương thức tự sát có khả năng cao là sẽ không giết chết cô. Đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Cũng như rất nhiều người có xu hướng tự sát, cô ấy cũng mâu thuẫn sâu sắc với ý nghĩ tự tử. Hầu như tối nào cô ấy cũng uống thuốc ngủ, rón rén đi giữa lằn ranh uống đúng liều và uống quá liều nhưng chưa bao giờ vượt quá đường biên.

Tuy vậy, cái chết của Plath khiến Sexton suy nghĩ lại về các phương án của mình. “Tôi mê mẩn cái chết của Sylvia [Plath]: ý tưởng về một cách chết hoàn hảo”, cô nói với bác sĩ tâm lý. Cô ấy cảm thấy Plath đã chọn được một cách chết đẹp hơn, “đàn bà hơn”. Cô ấy đã ra đi trong dáng vẻ của “Người đẹp ngủ mê”, tuyệt đối tinh khiết ngay cả trong cái chết. Sexton cần một cách tự sát không đau

đón và không để lại dấu vết trên cơ thể. Năm 1974, cô ấy cảm thấy ý tưởng tự tử bằng khí thải xe hơi là phù hợp với những yêu cầu của mình. Đó sẽ là khí đốt thành phố của cô ấy. Cô ấy nghĩ về ý tưởng đó, và nói với bạn bè.

Vậy đây là cách mà Sexton đã dùng để kết liễu cuộc sống, sau khi tháo những chiếc nhẫn ra, và mặc vào chiếc áo choàng lông của mẹ. Cô ấy đi vào gara, đóng cửa lại, ngồi vào ghế trước của chiếc Mercury Cougar đời 1967 màu đỏ, rồi bật máy lên. Sự khác biệt giữa lựa chọn uống thuốc ngủ ban đầu và khí độc carbon monoxide là cách đầu tiên khó gây tử vong hơn nhiều còn carbon monoxide thì hiếm khi trượt. Cô ấy chết trong vòng mười lăm phút.

Nhưng ở đây câu chuyện của Sexton lại hội tụ với câu chuyện của Plath thêm một điểm nữa. Bắt đầu từ năm 1975 - một năm sau khi Sexton tự sát - các phương tiện cơ giới đưa vào bán ở Mỹ đều phải có bộ lọc khí thải xe hơi gắn sẵn vào hệ thống khí thải của xe. Một bộ lọc khí thải chính là một ngăn thứ cấp đốt cháy hết khí carbon monoxide và các khí thải độc hại khác trước khi truyền qua đường ống dẫn khí thải ra ngoài. Khí thải từ chiếc xe Cougar đời 1967 của Sexton có thể đậm đặc khí carbon monoxide. Đó là lý do vì sao cô ấy có thể ở trong gara đóng kín với động cơ xe bật lên và chết trong vòng mười lăm phút. Khí thải từ cũng loại xe đó phiên bản năm 1975 sẽ chỉ chứa một nửa lượng khí carbon monoxide so với chiếc xe cũ. Xe hơi ngày nay thải ra lượng khí carbon monoxide ít tới mức không cần phải đăng ký trong danh mục khí thải xe cơ giới. Ngày nay, sẽ khó khăn hơn rất nhiều nếu muốn tự sát bằng cách bật động cơ ô tô và đóng kín cửa gara.

Cũng giống như cô bạn Sylvia Plath, Sexton không may mắn. Cô ấy có cơn thất thường ghép cặp với một phương thức gây chết người, chỉ một năm trước khi phương thức ấy bị ngăn chặn để trở nên không dễ gây chết người như trước. Giá như những đau khổ của cô ấy chậm lại chừng mười năm, vào năm 1984 thay vì 1974, thì có lẽ cô ấy đã không ra đi sớm như vậy.

Chúng ta đã nghe lỏm được câu chuyện của hai nhà thơ trẻ tuổi xán lạn trong quầy bar ở khách sạn Ritz, khi họ hào hứng kể cho nhau nghe những lần thử tự sát, và chúng ta nói rằng hai người đó hẳn nào cũng vẫn sống. Sự ghép cặp lại dạy ta một điều ngược lại. Đừng trông thấy một người lạ mặt và nhảy cóc đến kết luận. Hãy nhìn vào cả thế giới mà họ đang sống.

Chương mười một

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: THỬ NGHIỆM Ở THÀNH PHỐ KANSAS

1 . Cách đây một thế kỷ, gương mặt huyền thoại trong ngành thi hành án của nước Mỹ có tên O. W. Wilson nảy ra ý tưởng “tuần tra dự phòng”^[40]. Wilson tin rằng việc thường xuyên có xe cảnh sát đi tuần theo lộ trình không định trước trên các tuyến phố xung quanh thành phố sẽ giúp giảm tội phạm. Bất cứ đối tượng nào có ý định phạm tội sẽ luôn băn khoăn liệu có chiếc xe cảnh sát nào đậu ngay ở góc phố sát gần hay không.

^[40] . Wilson thử nghiệm tuần tra dự phòng đầu tiên khi ông còn là trưởng đồn cảnh sát ở Wichita, Kansas. Ông tiếp tục giữ vị trí này ở thành phố Chicago.

Nhưng thử nghĩ mà xem. Giả sử khi đang đi dạo trên phố trong khu dân cư, chính bạn có thích cảm giác cảnh sát hiện diện ở ngay góc phố đằng kia không? Các thành phố rộng lớn, nhà cửa san sát. Điều hiển nhiên là một lực lượng cảnh sát - ngay cả lực lượng hùng hậu đến mấy - cũng khó lòng tạo ra được cảm giác rằng họ có mặt ở khắp mọi nơi.

Đây chính là câu hỏi mà Sở Cảnh sát thành phố Kansas phải đối mặt vào những năm 1970. Ban đầu, Sở cảnh sát tuyển thêm nhân viên, nhưng rồi lại bị chia rẽ bởi vì không biết triển khai thế nào. Liệu

họ có nên làm theo lời khuyên của Wilson - và điều động lực lượng tỏa ra khắp mọi ngõ ngách thành phố? Hay là chỉ định cảnh sát chỉ tuần tra ở một số khu vực cụ thể - như trường học hoặc các khu dân cư an ninh phức tạp? Để giải quyết bài toán này, thành phố quyết định thuê một nhà tội phạm học tên là George Kelling.

“Một nhóm thì nói cưỡi ngựa xem hoa trên phố không giải quyết vấn đề gì, không có tác dụng gì hết”, Kelling nhớ lại. “Nhóm khác thì bảo điều này là yếu tố chủ chốt. Là điểm mấu chốt của vấn đề. Tôi nhảy vào cuộc ở đoạn ấy”.

Ý tưởng của Kelling là lựa chọn ra 15 cảnh sát tuần tra khu vực phía nam của thành phố và chia họ ra làm ba nhóm. Đây là một khu vực rộng lớn: hơn 80 km², 150.000 dân, hỗn hợp cả khu dân cư an toàn lẫn khu dân cư mất trật tự, thậm chí có cả một vài trang trại ở ngoài rìa. Một nhóm trong số ba sẽ là nhóm kiểm soát. Các cảnh sát vẫn làm việc bình thường như cũ. Trong khu dân cư thứ hai, Kelling bố trí không có tuần tra dự phòng; các sĩ quan cảnh sát chỉ ứng phó khi có cuộc gọi. Còn ở khu dân cư số ba, ông điều động lực lượng nhiều gấp đôi, và ở một số điểm còn gấp ba lực lượng xe tuần tra trên phố.

“Chuyện như thế chưa từng diễn ra trong ngành cảnh sát”, Kelling nhớ lại. “Hồi đó là năm 1970. Chưa từng có sách vở nào viết về chiến thuật tuần tra... Đây là thời kỳ sơ khởi trong ngành cảnh sát”. Những người như O. W. Wilson có những ý tưởng và linh cảm. Nhưng công việc cảnh sát khi ấy được coi là một loại hình nghệ thuật, chứ không phải khoa học để mà có thể đưa lên đánh giá giống như là thử nghiệm một loại dược phẩm mới. Kelling biết rằng rất nhiều người nói thử nghiệm của ông sẽ thất bại, “rằng cảnh sát

chưa sẵn sàng cho nghiên cứu. Tôi sẽ không thể thực hiện được thử nghiệm. Họ sẽ ngầm phá hoại nó”. Nhưng Kelling đã có cảnh sát trưởng thành phố chống lưng. Cảnh sát trưởng đã dành thời gian dài trong sự nghiệp phục vụ cho FBI, và ông ấy choáng váng khi biết được các sở cảnh sát hiểu biết rất hạn chế về những gì họ đã làm. “Rất nhiều người trong sở cảnh sát”, vị cảnh sát trưởng sau này thừa nhận, “có cảm giác rằng chúng tôi được đào tạo, trang bị và điều động nhân sự để làm một việc mà ngay cả chúng tôi, cũng như chẳng có ai khác có mấy hiểu biết về nó». Ông bảo Kelling cứ tiếp tục triển khai thử nghiệm.

Kelly chạy thử nghiệm trong vòng một năm, tỉ mẩn thu thập từng chỉ số về tình hình tội phạm trong cả ba khu vực nghiên cứu. Kết quả là gì? Không gì cả. Trộm cắp trên cả ba khu dân cư đều giống hệt nhau. Cũng như tội phạm trộm cắp ô tô, cướp cửa và phá hoại. Cư dân ở các khu vực có xe cảnh sát đi lại như thoi đưa cũng không cảm thấy an toàn hơn người ở khu vực không có mấy cảnh sát tuần tra lai vãng. Thậm chí họ còn không nhận ra sự khác biệt. “Kết quả tất cả cùng chỉ về một hướng, là hệ thống bố trí tuần tra không tạo ra bất cứ sự khác biệt nào”, Kelling nói. “Không can hệ gì đến sự hài lòng của cư dân, không can hệ gì đến chỉ số tội phạm, nó chẳng có chút tác động nào”.

Tất cả các cảnh sát trưởng trên khắp cả nước đều đọc được kết quả này. Ban đầu, có những người không tin. Một số sở cảnh sát ở các thành phố vẫn tiếp tục làm theo cách của Wilson. Kelling nhớ rằng vị cảnh sát trưởng Los Angeles đã đứng lên trong buổi hội thảo toàn quốc của ngành cảnh sát và nói: “Nếu những phát hiện này là đúng, thì chúng tôi tất cả các cảnh sát ở thành phố Kansas ngủ gật

hết trong ca trực bởi vì tôi đảm bảo với các anh rằng ở Los Angeles không có chuyện như thế”.

Nhưng dần dà phản ứng cưỡng lại nhường chỗ cho sự hàng phục. Nghiên cứu chứng minh tội phạm bạo lực đã bắt đầu từ cách đó hai thập kỷ và liên tục tăng mạnh ở Mỹ khiến những người trong lực lượng hành pháp dần cảm nhận được rằng nhiệm vụ trước mắt họ ngày càng choáng ngợp. Họ từng nghĩ là có thể ngăn chặn tội phạm bằng cảnh sát tuần tra, nhưng giờ đây Sở cảnh sát thành phố Kansas đã thử nghiệm và cho thấy giả định đó chỉ hoàn toàn dựa trên chủ nghĩa phán đoán, tác dụng tuần tra hóa ra chỉ là ảo tưởng. Và nếu tuần tra không hiệu quả, thì là cái gì? Lee Brown, Cảnh sát trưởng của New York đã đưa ra câu trả lời phỏng vấn nổi tiếng giữa tâm đại dịch bạo lực, ông không làm gì khác ngoài giơ hai tay lên đầu hàng. “Các vấn đề xã hội của đất nước này đã vượt quá khả năng tự xử lý của cảnh sát”, Brown nói. Ông cũng đã đọc báo cáo ở thành phố Kansas của George Kelling. Thật tuyệt vọng. Bất kể thành phố có nhiều cảnh sát tới mức nào, Brown nói, “Bạn cũng sẽ không bao giờ có đủ người cho những kỹ thuật giữ trật tự kiểu truyền thống nhằm làm thuyên giảm tội phạm... Nếu bạn không thể bố trí một sĩ quan cảnh sát có mặt 24/24 ở tất cả các góc phố của thành phố, thì khả năng để một cảnh sát đi ngang qua một vụ phạm tội ngay lúc nó đang diễn ra là rất lớn”.

Năm 1990, Tổng thống George H. W. Bush tới thành phố Kansas. Ông dành một buổi sáng tới thăm khu dân cư nghèo nhất và bạo lực nhất thành phố, sau đó có bài phát biểu trước một nhóm cảnh sát địa phương. Ông cố tỏ ra lạc quan. Và ông thất bại. Tỷ lệ tội phạm giết người ở thành phố Kansas năm đó cao gấp ba lần so với

tỉ lệ trung bình trên toàn quốc. Nó sẽ còn tăng cao hơn nữa vào năm 1991, tiếp tục tăng vào năm 1992, và thêm một lần nữa vào năm 1993. Không còn gì để nói thêm nữa. Đến tận giữa bài phát biểu, Bush chỉ đang liệt kê những thứ tồi tệ diễn ra trên các con phố trong thành phố:

Một cậu bé 4 tuổi bị bắn chết trong một căn nhà bị tình nghi có chứa ma túy; một cậu bé 11 tuổi bị bắn gục bên ngoài một ổ ma túy khác, được cho là do cậu bé 14 tuổi đứng canh gác bắn; trong một quán bar ở trung tâm, một người mẹ bán con để đổi lấy ma túy; một quả bom phát nổ giết chết ba thế hệ trong một gia đình, bao gồm người bà và ba cháu nhỏ - các tin trên trang nhất quá khủng khiếp, bệnh hoạn và đáng căm phẫn.

Nhưng vào đầu những năm 1990, hai mươi năm sau thử nghiệm đầu tiên, thành phố Kansas quyết định thử lại lần nữa. Họ thuê một nhà tội phạm học trẻ tuổi xán lạn khác tên là Lawrence Sherman. Cũng như thỏa thuận mà họ đồng ý với George Kelling, họ cũng cho phép Sherman tự do hành động. Đã đến lúc thành phố Kansas thực hiện thử nghiệm số hai. Tại sao lại không chứ? Đảng nào thì mọi cách khác cũng không hiệu quả rồi.

2. Lawrence Sherman nghĩ rằng cần phải hướng sự tập trung vào kiểm soát súng. Ông tin rằng số lượng vũ khí được sở hữu trong thành phố là nguồn cơn của tình trạng bạo loạn bùng phát. Kế hoạch của ông là thử nghiệm một loạt ý tưởng theo thứ tự, đánh giá sát sao tính hiệu quả - cũng giống như những gì Kelling đã làm - và chọn ra phương án tốt nhất. Ông triệu tập cuộc họp kế hoạch với

một nhóm cựu cảnh sát cấp cao của thành phố. Họ chọn nhóm thử nghiệm Tuần tra Quận 144: một khu dân cư nhỏ, rộng 1,65 km² gồm toàn những hộ gia đình đơn lẻ, chạy từ phía nam Phố 39 đến phía tây Cao tốc 71. Quận 144 là khu vực tệ nạn ở thành phố Kansas từ đầu những năm 1990. Tỷ lệ tội phạm giết người ở khu vực này cao gấp *hai mươi lần* so với mức trung bình trên toàn quốc. Khu vực này trung bình mỗi ngày có một vụ bạo lực nghiêm trọng và 24 vụ bắn tĩa từ ô tô mỗi năm. Một phần ba số lô nhà bị bỏ trống. Chỉ vài tháng trước đó, một viên cảnh sát đi tuần ngang qua khu 144 thì nhìn thấy vài đứa trẻ chơi bóng rổ trên đường phố. Viên cảnh sát dừng lại, bước ra khỏi xe và yêu cầu các em ngừng chơi trên đường phố. Một đứa trong số đó ném thẳng quả bóng rổ vào đầu viên cảnh sát, còn hai đứa khác nhảy bổ lên người. Đây chính là một khu vực kiểu thế.

Ý tưởng đầu tiên của Sherman là cho các đội, mỗi đội gồm 2 cảnh sát, đi gõ cửa từng nhà trong khu dân cư trong thời gian ba tháng. Các cảnh sát sẽ tự giới thiệu về bản thân với người dân, trò chuyện với họ về vấn đề bạo lực liên quan đến súng, sau đó đưa cho họ tờ rơi có số điện thoại tổng đài miễn phí: nếu người dân nghe ngóng được vấn đề gì liên quan đến súng, họ được khuyến khích gọi ẩn danh đến số điện thoại này để báo tin. Mọi thứ diễn ra đúng như kế hoạch. Trong rất nhiều cuộc thăm viếng, các cảnh sát đi cùng một sinh viên cao học ngành tội phạm học, James Shaw - người có nhiệm vụ đánh giá tính hiệu quả của chương trình. Đôi khi các sĩ quan cảnh sát nán lại đến 20 phút, trò chuyện với những người trước đó chưa từng tiếp đón một cảnh sát nào lại gần cửa nhà họ trừ khi là để bắt giữ một ai đó. Trong báo cáo, Shaw viết rất hào hứng:

Cảnh sát đến từng nhà trong khu, có những nhà còn đến vài lần và trò chuyện với cư dân với cung cách thân thiện, không chút đe dọa. Đáp lại, người dân cũng niềm nở đón tiếp và mừng rỡ khi thấy cảnh sát lần lượt đến từng nhà một. Mọi người thường nói những câu như “Chúa phù hộ tất cả các anh, chúng ta đúng là nên có những chương trình như thế này”, hoặc “Cảm ơn Chúa! Tôi không bao giờ nghĩ có ngày các anh lại ghé thăm thế này».

Kết thúc chương trình, 88% người dân được cảnh sát đến thăm trả lời họ sẽ gọi cho đường dây nóng nếu phát hiện thấy súng ống hay điều gì bất thường. Vậy thì có bao nhiêu cuộc gọi tất cả - sau 858 cuộc gặp gỡ tận nhà người dân trong thời gian ba tháng? Hai cuộc. Tất cả đều báo tin có súng ở bên khu dân cư khác.

Vấn đề mà tất cả mọi người đều sớm nhận ra là không phải cư dân Quận 144 không muốn giúp đỡ cảnh sát. Họ rất muốn. Chỉ có điều là họ không bao giờ rời khỏi nhà của mình. “Bắt đầu có cảm giác như đang ở Beirut vậy”, một chủ nhà nói với Shaw, và nếu như bạn sợ hãi đến mức độ ấy, thì bạn sẽ chẳng bao giờ rời khỏi nhà nữa, vậy thì làm thế quái nào mà bạn biết ai có súng, ai không? Shaw viết:

Không giống như cư dân ở những khu dân cư khác trong thành phố, những người sống ở đây giống như con thú bị nhốt trong lồng trong chính ngôi nhà của họ; cửa sổ gắn song sắt đã trở nên thường tình. Cũng không ngạc nhiên khi thấy song sắt được gắn ở cả cửa sổ tầng hai. Tuy nhiên điều bất bình thường nữa là thực tế, tất cả các nhà trong khu đều kéo rèm cửa kín mít, kín như

bụng nhằm ngăn chặn bất cứ dấu vết nào của thế giới bên ngoài lọt vào. Những người già nhốt mình trong nhà và im lặng. Họ nghe thấy tiếng của thế giới bên ngoài, và đôi khi âm thanh bên ngoài nghe như tiếng của sự giao tranh. Nhưng họ không nhìn thấy điều gì cả.

Ý tưởng tiếp theo của nhóm là đào tạo các sĩ quan cảnh sát cách phát hiện các kiểu che giấu vũ khí. Người đưa ra ý tưởng này là một sĩ quan cảnh sát đến từ thành phố New York có tên là Robert T. Gallagher, người có 18 năm kinh nghiệm trong lực lượng cảnh sát, đã từng tước vũ khí của một số lượng người đáng kinh ngạc - 1.200 người. Gallagher có một giả thuyết phối kết hợp, là kết quả đúc kết sau nhiều năm thực địa: tội phạm đường phố nhìn chung thường hay nhét súng trong bụng (phía bên trái, nếu như hấn thuận tay phải), do đó nếu tinh ý sẽ nhận ra dáng đi của hấn thường hơi lệch một chút. Chân của bên giấu súng thường bước ngắn hơn so với chân không có súng, và ngược lại, tay bên có súng thường vung xa hơn so với tay còn lại. Khi bước lên lề đường hoặc bước ra khỏi ô tô, Gallagher tin rằng người mang súng thường vô thức liếc mắt về phía vũ khí hoặc điều chỉnh chúng.

Gallagher bay đến thành phố Kansas, cờ rong trống mở, một tháng sau khi thử nghiệm đường dây nóng thất bại. Ông tổ chức các buổi hội thảo. Ông trình chiếu các đoạn video. Các sĩ quan cảnh sát ghi chép đầy đủ. Chương trình truyền hình 20/20 cử một đội quay phim tới ghi hình kỹ thuật được thực hành trên các con phố ở thành phố Kansas. Không ai phát hiện ra điều gì. Chương trình 20/20 quay trở lại lần nữa. Vẫn không có gì xảy ra - không gì cả. Bất kể kỹ năng

thần kỳ mà Robert T. Gallagher sở hữu là gì, thì rõ ràng là chúng đã không được truyền sang cho các sĩ quan cảnh sát tuần tra của thành phố Kansas. Hai ý tưởng hay ho nhất nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực do súng gây ra đã thất bại. Họ chỉ còn một phương án cuối cùng.

3. Phương án giành phần thắng trong thử nghiệm kiểm soát súng ở thành phố Kansas lại đơn giản đến không ngờ. Nó dựa trên một đoạn diễn dịch nước đôi trong hệ thống hành pháp của nước Mỹ.

Tu chính án thứ Tư của Hiến pháp Mỹ bảo vệ công dân khỏi “bị khám xét và bắt giữ mà không có lý do chính đáng”. Đó là lý do tại sao cảnh sát không thể khám xét nhà bạn nếu như không có trát lệnh của thẩm phán. Tương tự như vậy trên phố, cảnh sát buộc phải có lý do chính đáng - “nghi vấn hợp lý” - để lục soát người bạn tìm khí giới^[41]. Nhưng nếu như bạn đang ngồi trong xe hơi, thì tiêu chuẩn đó không gây khó chút nào cho các nhân viên cảnh sát. Luật giao thông ở Mỹ (và trên thực tế là ở hầu hết các quốc gia) cho phép các cảnh sát có tới hàng trăm lý do để dừng một phương tiện cơ giới.

[41] . Để đối phó với tình huống khó khăn này, Gallagher đã phát triển đủ loại thủ thuật. Ông và đồng sự sẽ tiếp cận một người mà họ nghĩ rằng anh ta mang vũ khí. Họ sẽ dòn ép anh ta để buộc anh ta phải tỏ ra phòng vệ. Khi ấy Gallagher mới xưng danh: Cảnh sát đây.

“Khi anh chặn một người đàn ông có mang súng, 99/100 lần là họ sẽ có cùng một phản ứng”, Gallagher nói chuyện với một phóng viên cách đây nhiều năm. “Anh ta sẽ xoay người che bên cài súng để bạn không nhìn thấy - hoặc là xoay người vài centimét, xoay

hông thật nhanh, hoặc xoay hẳn nửa người. Bàn tay và cánh tay của anh ta sẽ tự nhiên vờ về phía khẩu súng”, trong một động tác phòng vệ bản năng. “Lúc này, bạn không cần phải chờ cho đến khi anh ta rút súng ra khỏi áo hay là tiếp tục che giấu vũ khí nữa”, ông ta nói. “Tới thời điểm đó thì bạn có tất cả các loại quyền trên đời này để thực hiện hành động lục tìm vũ khí”.

“Có rất nhiều lỗi vi phạm khi di chuyển: vượt quá tốc độ, vượt đèn đỏ. Có những lỗi vi phạm phương tiện di chuyển: đèn xi-nhan không hoạt động, lốp xe có vấn đề”, học giả luật học David Harris viết.

Và còn có các điều khoản bao trùm: luật cho phép cảnh sát dừng các tài xế dù cho họ đã chấp hành tất cả các quy định trong luật, nhưng cảnh sát vẫn có thể đánh giá là “thiếu thận trọng” hoặc “bất hợp lý” trong một số tình huống, hoặc mô tả hành vi phạm pháp bằng ngôn từ rộng, đa nghĩa đến mức vi phạm ấy hầu như luôn tồn tại song song với nhận định mang tính cá nhân vốn không thể tranh cãi của viên cảnh sát.

Thậm chí đã có một trường hợp lên đến tòa án tối cao trong đó một viên cảnh sát ở Bắc Carolina dừng xe một người mà anh ta cho là đối tượng khả nghi, viện lý do là một đèn phanh (đèn thắng) bị hỏng. Nhưng sau này người ta phát hiện ra là hoàn toàn được phép lái xe ở bang Bắc Carolina với một đèn phanh bị hỏng, miễn là chiếc đèn còn lại vẫn hoạt động. Vậy thì điều gì xảy ra sau khi người lái xe khởi kiện, với lý do là ông ta bị dừng xe trái phép? tòa án tối cao đưa ra phán quyết bênh vực viên cảnh sát. Chỉ cần viên cảnh sát

nghĩ rằng lái xe với một đèn phanh là vi phạm đã là đủ. Nói cách khác, các nhân viên cảnh sát ở Mỹ không chỉ giắt lưng danh sách vô số những lý do hợp pháp để yêu cầu dừng một phương tiện cơ giới; họ còn thoải mái thêm vào bất cứ lý do nào có thể nghĩ ra, miễn là họ cảm thấy có lý. Và một khi họ đã dừng xe được rồi, cảnh sát được phép khám xét chiếc xe theo luật, miễn là họ có lý do để tin rằng chủ phương tiện cơ giới đó có thể có vũ khí hoặc nguy hiểm.

Thành phố Kansas quyết định lợi dụng quyền rộng rãi này. Đề xuất của Sherman là sở cảnh sát cử ra bốn sĩ quan cảnh sát, chia vào hai xe tuần tra. Khu vực tuần tra của họ là Quận 144. Họ được yêu cầu không tuần tra ngoài khu vực đó. Họ được giải phóng khỏi tất cả các nhiệm vụ công vụ khác. Họ không phải trả lời điện đàm hay lao tới các hiện trường tai nạn. Họ được hướng dẫn rất rõ ràng: quan sát và tìm những tài xế mà họ tình nghi. Họ sử dụng bất cứ lý do nào tìm được trong bộ luật giao thông để dừng xe người bị tình nghi. Nếu vẫn cảm thấy nghi ngờ, họ sẽ lục soát xe và tước đoạt bất cứ vũ khí nào tìm thấy. Các cảnh sát làm việc từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng, bảy ngày một tuần, liên tục 200 ngày. Chuyện gì đã diễn ra? Bên ngoài Quận 144, nơi các đội cảnh sát khác hoạt động như bình thường, tình hình tội phạm vẫn cao như cũ. Nhưng bên trong Quận 144? Tất cả các chiến thuật mới được áp dụng đã giúp giảm thiểu tội phạm liên quan đến súng - bao gồm bắn, giết, bị thương - xuống *một nửa*.

Hãy nhớ, cho đến thời điểm đó cảnh sát đã làm mọi thứ có thể, chỉ còn nước đầu hàng. Đường dây nóng thì sao? Không có ai gọi. Phát hiện vũ khí che giấu thì sao? Một đội từ chương trình 20/20 đã quay đi quay lại hai vòng mà vẫn về tay trắng. Lee Brown, từ tít tận

thành phố New York, đã kêu trời vì cảnh sát bất lực với tình trạng tội phạm bạo lực nghiêm trọng. Tất cả mọi người đều nhớ thử nghiệm trước đó ở thành phố Kansas, thử nghiệm đã đẩy cộng đồng hành pháp vào cơn tuyệt vọng kéo dài hai mươi năm. Nhưng giờ đây cũng chính thành phố ấy đã trở lại, và lần này, họ trở về trong chiến thắng. “Không biết tại sao chúng tôi lại không nghĩ ra chuyện thực sự tập trung vào súng ống”, cảnh sát trưởng thành phố Kansas nói sau khi kết quả được thông báo. Ông vô cùng kinh ngạc, giống như tất cả những người khác, khi chứng kiến những thành quả đạt được chỉ bằng cách bố trí thêm hai xe tuần tra. “Chúng tôi thường tập trung vào điều tra những kẻ gây án sau khi tội ác diễn ra. Có lẽ giải pháp ngăn chặn súng ngay từ đầu là quá ư đơn giản đối với chúng tôi”.

Thử nghiệm đầu tiên ở thành phố Kansas kết luận rằng tuần tra dự phòng là vô dụng, rằng có thêm xe cảnh sát tuần tra cũng không mang lại sự khác biệt nào. Thử nghiệm lần hai ở thành phố Kansas đã sửa chữa lỗi sai ấy. Trên thực tế, thêm xe cảnh sát tuần tra có *tạo ra* sự khác biệt - miễn là các cảnh sát chủ động và dừng xe bất cứ ai họ cảm thấy nghi ngờ, bước ra khỏi xe của họ càng nhiều càng tốt, và tiến tới lục tìm vũ khí. Tuần tra hiệu quả nếu như cảnh sát *bận rộn*. Số liệu thống kê trong bản báo cáo cuối cùng về thử nghiệm quả khiến người ta trợn tròn mắt. Trong vòng bảy tháng, mỗi xe tuần tra trung bình ghi 5,45 phiếu phạt vi phạm giao thông mỗi ca trực. Họ bắt giữ trung bình 2,23 vụ mỗi tối. Chỉ trong vòng 200 ngày, bốn cảnh sát đã làm nhiều “công việc cảnh sát” hơn hầu hết các sĩ quan khác của thời kỳ đó đã làm trong toàn bộ sự nghiệp: 1.090 phiếu phạt giao thông, 948 lần dừng xe, 616 vụ bắt giữ, 532 vụ kiểm

tra, và thu giữ 29 khẩu súng. Cứ bốn mươi phút lại có một lần cảnh sát can thiệp. Vào một buổi tối bất kỳ trong khu vực nhỏ bé của Quận 144, mỗi xe tuần tra đã đi được 43,4 km. Các cảnh sát không đậu xe ở một góc phố và ngồi ăn bánh vòng. Họ liên tục di chuyển.

Các sĩ quan cảnh sát cũng là những người bình thường như tất cả chúng ta. Họ cũng muốn cảm thấy những nỗ lực của họ là đáng giá, rằng những gì họ làm có giá trị, và nỗ lực của họ sẽ được tưởng thưởng. Những gì xảy ra ở Quận 144 sau đó đã cung cấp chính xác những gì mà những người làm trong ngành lực lượng vũ trang vẫn luôn tìm kiếm: sự thừa nhận.

“Các sĩ quan cảnh sát tìm ra vũ khí nhận được sự tán thưởng từ đồng nghiệp, thậm chí tới mức việc tóm bắt được vũ khí trở thành tiêu chuẩn đánh giá mức độ thành công”, Shaw đã viết như vậy trong phần nhận xét về chương trình. “Các cảnh sát thường xuyên nghe thấy những lời tuyên bố như ‘Tối nay kiểu gì cũng phải tóm được súng cho coi’, hoặc ‘Tớ vẫn chưa tóm được khẩu súng nào; đêm nay sẽ là đêm huy hoàng ấy!’ “

Vào năm 1991, *Thời báo New York* đã chạy câu chuyện trang nhất về điều kỳ diệu ở thành phố Kansas. Larry Sherman nói rằng trong vài ngày tiếp theo, điện thoại của ông ấy rung không ngừng nghỉ: 300 sở cảnh sát trên toàn quốc tới tập đề nghị ông cho biết thông tin làm sao lại có thể đạt được thành tích ấy. Lần lượt từng sở cảnh sát trên khắp cả nước đã tiến hành theo chương trình. Một ví dụ điển hình, đó là đội Tuần tra Cao tốc bang Bắc Carolina đã tăng số vụ dừng xe giao thông từ 400.000 lên 800.000 trong vòng một năm, liên tiếp trong bảy năm sau đó.

Cục chống Tội phạm Ma túy cũng sử dụng "Chiến dịch Truyền dẫn" để giảng dạy cho hàng ngàn sĩ quan cảnh sát địa phương khắp trên cả nước Mỹ cách dùng phương tiện giao thông theo phong cách-Kansas để bắt giữ những kẻ vận chuyển ma túy. Các cảnh sát phụ trách nhập cư cũng bắt đầu sử dụng chiến thuật dùng phương tiện giao thông để bắt giữ những người nhập cư trái phép. Ngày nay, các cảnh sát trên khắp nước Mỹ đang tiến hành đầu đó vào khoảng hai mươi triệu cuộc dùng phương tiện giao thông mỗi năm. Điều đó có nghĩa là 55.000 cuộc dùng xe *mỗi ngày*. Trên khắp cả nước Mỹ, các cơ quan hành pháp đang cố gắng tái tạo điều kỳ diệu của Quận 144. Từ khóa ở trong câu này là *cố gắng*. Bởi vì trong quá trình chuyển dịch từ thành phố Kansas tới các phần còn lại của nước Mỹ, có một điều gì đó tối quan trọng trong thử nghiệm của Lawrence Sherman đã bị đánh mất.

4. Ông Lawrence Sherman người đến thành phố Kansas cũng chính là ông Larry Sherman, người từng làm việc với David Weisburd ở Minneapolis vài năm trước đó, thiết lập ra Luật Tập trung Tội phạm. Họ là bạn bè của nhau. Họ cùng giảng dạy tại trường đại học Rutgers, ở đó ông trưởng khoa của họ không ai khác chính là Ronald Clarke, người tiên phong trong việc nghiên cứu về vấn đề tự sát. Clarke, Weisburd và Sherman - ba người quan tâm tới ba lĩnh vực hoàn toàn khác nhau là khí đốt thành phố ở nước Anh, bản đồ tội phạm ở Minneapolis và súng ống ở thành phố Kansas - tất cả đều theo đuổi cùng một ý tưởng cách mạng đột phá về sự ghép cặp.

Và ứng dụng chính yếu của sự ghép cặp ở đây là gì? Rằng các đội hành pháp không nhất thiết phải bị chẳng hơn; mà họ cần tập

trung hơn. Nếu tội phạm hoạt động quá tập trung ở một vài điểm nóng, thì các khu vực trọng yếu đó của thành phố cần phải được bố trí cảnh sát dày đặc hơn bất cứ nơi nào khác, và chiến lược chống phá tội phạm của cảnh sát trong những khu vực đó buộc phải rất khác biệt so với những gì phần còn lại của thành phố, những địa điểm trải dài hầu như không có mấy tội phạm.

“Nếu tội phạm chỉ tập trung ở một vài con phố trong thành phố”, Weisburd đặt câu hỏi, “vậy thì việc gì anh phải lãng phí nguồn lực tung tóe khắp nơi? Nếu tình trạng tội phạm được ghép cặp với những địa điểm ấy thôi và tội phạm không dễ dàng chuyển chỗ, thì căn cứ lại càng thêm vững chắc”. Các nhà lý thuyết ghép cặp tin rằng họ đã giải quyết được vấn đề mà trước đó đã từng thất bại trong những ngày đầu thực hiện tuần tra dự phòng. Làm thế nào để bạn có thể tuần tra hiệu quả cả một khu vực thị thành rộng lớn chỉ với vài trăm nhân viên cảnh sát? Không phải là tuyển thêm nhiều cảnh sát hơn, hoặc là biến cả thành phố trở thành nơi bị theo dõi chặt chẽ. Bạn tuần tra hiệu quả bằng cách tập trung vào một vài điểm chính yếu cụ thể, nơi toàn bộ hoạt động tội phạm diễn ra.

Những hãy nghĩ lại con số thống kê ở Bắc Carolina. Nếu bạn tăng từ 400.000 vụ dừng giao thông lên 800.000 vụ mỗi năm trong vòng bảy năm tiếp theo, điều đó có giống như thi hành luật pháp tập trung và ráo riết không? Hay nghe như là Đội Tuần tra Cao tốc bang Bắc Carolina tuyển thêm rõ lắm cảnh sát và cho phép tất cả mọi người, ở mọi nơi, được dừng xe vô tội vạ những người điều khiển xe cơ giới? Bài học học thu về từ cộng đồng thi hành luật ở thành phố Kansas ấy là các đội tuần tra dự phòng sẽ hiệu quả nếu như họ hoạt động ráo riết hơn. Nhưng phần mà họ bỏ quên ở đây là tuần tra

ráo riết phải được thực hiện ở những nơi mà tội phạm diễn ra tập trung. Thành phố Kansas đã được *ghép cặp* với tình trạng tội phạm diễn ra ở đây.

Weisburd và Sherman nói rằng họ đã trưng bày các tấm bản đồ và các con số, cố gắng thuyết phục các đồng nghiệp tin vào Luật Tội phạm Tập trung, nhưng tác động dường như không đáng kể. Quay trở lại đồn cảnh sát số 72 ở Brooklyn nơi ông bắt đầu công việc, sau một ngày dài rong ruổi trong khu dân cư, Weisburd sẽ quay ra nhìn các sĩ quan cảnh sát đã đi cùng suốt cả buổi và hỏi: “Chẳng phải là lạ lùng khi chúng ta cứ trở đi trở lại cùng một số lô nhà nhỉ?” Còn họ sẽ nhìn ông bằng ánh mắt vô hồn.

“Hôm ấy tôi đang dự cuộc họp cùng một phó trưởng đồn [cảnh sát] người Israel”, Weisburd nhớ lại.

Một ai đó trong cuộc họp nói: “Ừm, David phát hiện ra là tội phạm đơn giản là không chạy lòng vòng từ góc này sang góc khác. Và điều đó gợi ý rằng các anh nên tập trung hơn vào một khu. Phó trưởng đồn quay lại nói: “Theo kinh nghiệm của tôi thì điều này không chính xác. Tôi không tin là thế”. Câu chuyện dừng ở đó».^[42]

^[42] . Một trong những cựu sinh viên của Weisburd, Barak Ariel, đã đẩy vấn đề tới mức thử nghiệm cưỡng lại ý tưởng ghép cặp ở khu vực Derry ở Bắc Ireland. Các sĩ quan thi hành luật ở Derry được yêu cầu xác định những khu vực phức tạp cụ thể trong khu vực tuần tra của họ mà họ nghĩ là sẽ cần bố trí thêm lực lượng cảnh sát hỗ trợ. Họ nghĩ chỗ nào cần tăng cường lực lượng thì đánh dấu vào chỗ ấy. Ariel băn khoăn: dự đoán của cảnh sát đối với khu vực “được đánh dấu” với những điểm nóng tội phạm thực sự đang diễn ra ở Ariel gần nhau tới mức nào? Tôi nghĩ bạn có thể đoán ra. “Phần lớn những

con phố được xếp vào hạng “đánh dấu” đều hoặc không phải là điểm nóng cũng như không nguy hại, kết quả tỉ lệ đánh dấu sai là trên 97%”, Ariel kết luận. Điều này có nghĩa là 97% các lô nhà được cảnh sát xác định là nguy hiểm và bạo lực hóa ra lại không nguy hiểm và bạo lực chút nào. Những cảnh sát thực hiện việc đánh dấu này không phải là những người chỉ ngồi sau bàn giấy, chỉ làm việc từ xa hay không bước chân xuống phố. Đó là địa bàn của họ. Những tội ác mà họ đã điều tra, những kẻ vi phạm mà họ đã bắt giữ. Ấy thế mà bằng cách nào đó họ cũng không nhìn được hình mẫu cơ bản trong những địa điểm của những người lạ mà họ đã bắt giữ.

Có vấn đề gì sai với ông phó trưởng đồn cảnh sát người Israel này vậy? Không có gì sai cả. Bởi vì phản ứng của ông ta cũng không khác gì phản ứng của cảnh sát tuần tra bang Bắc Carolina, hay các nhà chức trách quản lý Cầu Cổng Vàng, hay các học giả văn chương khi họ tự tin phát biểu về cuộc đời văn số của Sylvia Plath. Một điều gì đó về ý tưởng ghép cặp - một khái niệm cho rằng hành vi của một người lạ được gắn kết chặt chẽ với nơi chốn và hoàn cảnh - đã bị chúng ta loại trừ. Nó dẫn dắt chúng ta đến sự hiểu lầm đối với một trong những nhà thơ vĩ đại nhất của chúng ta, để trở nên thờ ơ với vấn nạn tự tử, và giao cho các nhân viên cảnh sát thực hiện những nhiệm vụ vô nghĩa.

Vậy thì chuyện gì xảy ra khi một nhân viên cảnh sát làm nhiệm vụ và mang sẵn trong đầu sự hiểu nhầm căn bản ấy - và thêm vào đó là vấn đề của mặc định với sự thành thật và mặc định với sự tương ứng?

Và giờ thì đến chuyện của Sandra Bland.

Chương mười hai

SANDRA BLAND

1 . Vào 4:27 phút chiều ngày 10 tháng 7 năm 2015, Sandra Bland bị Cảnh sát Tuần tra bang Texas dừng xe trên đường cao tốc FM 1098, Hạt Waller, tiểu bang Texas. Cô lái một chiếc xe Hyundai Azara màu bạc, biển số bang Illinois. Cô 28 tuổi và mới chuyển từ quê nhà ở Chicago đến khu này để bắt đầu công việc mới tại đại học Prairie View. Tên của nhân viên cảnh sát là Brian Encinia. Anh ta đỗ xe sau xe của cô, rồi tiếp cận chiếc Hyundai của Blanca một cách chậm rãi, bên lề đường, cúi xuống để nói chuyện với cô qua cửa kính mở bên ghế phụ.

Brian Encinia: Chào cô. Chúng tôi là Cảnh sát tuần tra cao tốc Texas, và lý do dừng xe của cô là cô đã không bật đèn xi-nhan khi chuyển làn. Cô có mang bằng lái và giấy đăng ký xe theo không? Có vấn đề gì không? Cô đến Texas được bao lâu rồi?

Sandra Bland: Tôi vừa mới tới đây hôm qua.

Encinia: OK. Cô có bằng lái xe không? *[Ngừng.]* OK, hiện giờ cô đang đi đâu? Hãy đợi tôi vài phút.

Encinia cầm bằng lái xe của Bland trở về xe ô tô tuần tra. Vài phút trôi qua. Sau đó anh ta quay lại, lần này tiếp cận xe của Bland từ bên người lái.

Brian Encinia: Được rồi, thưa cô. *[Ngừng.]* Cô ổn chứ?

Bland: Tôi đang chờ anh. Đây là công việc của anh thôi. Tôi đang chờ anh mà. Khi nào thì anh để tôi đi đây?

Encinia: Tôi chưa biết, dường như cô có vẻ rất khó chịu.

Bland: Phải. Tôi rất đang khó chịu đây. Tôi cảm thấy thật dở hơi khi phải nhận phiếu phạt thế này. Tôi chỉ đổi làn để nhường đường cho anh. Anh đang tăng tốc, bám sát xe của tôi, thế nên tôi chuyển làn để nhường đường và thế là anh dừng xe tôi. Nên là tôi hơi khó chịu đây, nhưng như thế cũng chẳng ngăn được anh ghi phiếu phạt cho tôi, thế nên là [*câm tiếng*] cái phiếu phạt.

Trong rất nhiều cuộc mổ xẻ phân tích về trường hợp của Bland, lỗi đầu tiên được xác định là của Encinia. Cơn giận dữ của Bland dần hình thành. Đáng ra anh ta có thể giải tỏa nó. Sau này, trong cuộc điều tra, có một điều nổi lên là Encinia không hề có ý định ghi phiếu phạt - mà chỉ là đưa ra cảnh cáo. Giá như anh ta nói với cô điều đó. Nhưng không. Đáng ra anh ta có thể giải thích, một cách nhẹ nhàng, là tại sao cô ấy nên bật xi-nhan. Anh ta có thể mỉm cười, nói một câu đùa với cô. *Ồ, thưa cô. Cô không nghĩ là tôi sẽ ghi phiếu phạt cho cô vì điều ấy đấy chứ, phải không?* Cô ấy có thể có điều gì đó muốn nói và muốn được lắng nghe. Anh ta có thể ghi nhận rằng anh ta có lắng nghe. Thay vào đó, anh ta chờ đợi trong một lúc lâu, đầy vẻ khó chịu.

Encinia: Cô nói xong chưa?

Đó là cơ hội thứ nhất bị bỏ lỡ. Và rồi đến dịp lỡ thứ hai.

Bland: Anh hỏi tôi có chuyện gì không ổn, thì đó, tôi nói rồi đấy.

Encinia: OK.

Bland: Giờ thì tôi nói xong rồi đấy.

Cô ấy đã xong. Bland đã tự nói ra điều ấy. Cô thể hiện sự bực bội. Sau đó cô rút ra một điều thuốc và châm lửa. Cô đang cố hạ nhiệt cơn giận. Trong đoạn video chúng ta không thể nhìn thấy chi tiết này, bởi vì chiếc máy quay gắn trên kính chắn trước của chiếc xe tuần tra; chúng ta chỉ nhìn thấy phần hậu xe của cô và Encinia, đứng cạnh cửa bên người lái. Nếu bạn dừng đoạn băng ở đó và chiếu cho 100 người xem, thì 99 người sẽ đoán là mọi chuyện dừng ở đó.

Nhưng không.

Encinia: Phiền cô bỏ điều thuốc xuống được không, làm ơn? Nếu cô không phiền!

Anh ta nói bằng giọng đều đều, từ tốn, quả quyết. *Cô làm ơn, nói với giọng sắc lạnh.*

Sai lầm số hai: đáng ra anh ta có thể dừng lại, để Bland lấy lại bình tĩnh.

Bland: Tôi đang ngồi trong xe của tôi. Tại sao tôi phải bỏ điều thuốc đi?

Cô ấy nói đúng. Một nhân viên cảnh sát không có thẩm quyền yêu cầu người khác không được hút thuốc. Anh ta có thể nói: “Phải. Cô nói đúng. Nhưng nếu không phiền cô có thể chờ cho đến khi chúng ta giải quyết xong mọi việc ở đây không? Tôi không thích mùi khói thuốc cho lắm”. Hoặc anh ta có thể lờ chuyện đó đi. Chỉ là một điều thuốc lá thôi. Nhưng không. Có điều gì đó trong giọng nói của cô khiến Encinia cảm thấy bị động chạm. Thẩm quyền của anh ta đang bị thách thức. Anh ta nổi quạu. Sai lầm số ba.

Encinia: Ừm, cô bước ra khỏi xe ngay.

Bland: Tôi không việc gì phải bước ra khỏi xe.

Encinia: Bước ra khỏi xe.

Bland: Nhưng tại sao tôi...

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Không, anh không có quyền. Không, anh không có quyền làm thế.

Encinia: Bước ra khỏi xe.

Bland: Anh không có quyền. Anh không có quyền làm việc này.

Encinia: Tôi có quyền, nào giờ thì bước ra hoặc không tôi sẽ phải kéo cô ra.

Bland: Tôi từ chối nói chuyện với anh, ngoài việc xưng danh.
[Nói chen ngang] Tôi bị buộc rời khỏi xe chỉ vì quên bật đèn xi-nhan à?

Encinia: Bước ra nếu không tôi sẽ kéo cô ra. Tôi đang yêu cầu cô tuân thủ pháp luật.

Sau vụ việc, trên một diễn đàn của cảnh sát, cũng có một vài người ủng hộ hành động của Encinia. Nhưng rất nhiều người phẫn nộ với hành vi cuối cùng này:

Cha nội, viết mẹ nó cái phiếu cảnh cáo cho xong rồi còn làm việc khác. Thật sự LÀ KHÔNG ĐÁNG... các anh lôi mấy người phụ nữ ra khỏi xe chỉ vì cái tội của các anh bị tổn thương vì cô ấy không run lên bần bật và không chịu vứt điếu thuốc đi ư???? Cho tôi hỏi lại câu này - giả sử cô ấy bước ra khỏi xe như anh ta yêu cầu... RỒI SAO NỮA? Chẳng lẽ các anh định quát mắng cô ấy chỉ vì điếu thuốc??? Kế hoạch của anh ta là gì vậy?? Mục đích của việc kéo cô ấy ra khỏi xe là gì?

Nhưng Encinia đã đưa ra mệnh lệnh của pháp luật, và cô ấy coi thường nó.

Encinia: Bước ra khỏi xe ngay nếu không tôi sẽ buộc cô ra phải ra.

Bland: Còn tôi sẽ gọi điện cho luật sư.

Encinia: Tôi sẽ lôi cô ra khỏi đây [Vươn tay vào trong xe.]

Bland: OK, anh định lôi cổ tôi ra khỏi xe của tôi ư? OK, được rồi. Encinia nhào người xuống, vươn tay vào trong xe của Bland và tóm lấy cô.

Bland: Nào thì cùng làm việc này.

Encinia: Phải, chúng ta sẽ làm việc này [Tóm lấy Bland]

Trong đoạn băng có âm thanh nghe như là tiếng tát, và rồi tiếng khóc của Bland, như thể cô vừa bị đánh.

Bland: Đừng có động vào tôi!

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Đừng động vào tôi. Đừng động vào tôi! Tôi không bị bắt giữ - anh không có quyền kéo tôi ra khỏi xe.

Encinia: Cô bị bắt giữ!

Bland: Tôi bị bắt giữ á? Vì tội gì? Vì tội gì? Vì tội gì?

Encinia: [Nói vào bộ đàm] 2547 Hạt FM 1098 [câm tiếng] cử thêm một đội nữa. [Với **Bland:** Bước ra khỏi xe! Bước ra khỏi xe ngay!

Bland: Tại sao tôi lại bị bắt giữ? Anh chỉ đang ghi phiếu phạt cho tôi vì tội không...

Encinia: Tôi nói là bước ra khỏi xe!

Bland: Tại sao tôi lại bị bắt? Anh vừa mở cửa xe của tôi -

Encinia: Tôi đang yêu cầu cô thi hành luật pháp. Tôi sẽ kéo cô ra khỏi đây.

Bland: Ra là anh đang đe dọa sẽ kéo tôi ra khỏi xe của tôi à?

Encinia: Bước ra khỏi xe!

Bland: Và rồi anh định sẽ [nói chen ngang] tôi?

Encinia: Tôi sẽ cho cô mở mắt! Bước ra! Ngay [Rút khẩu súng phun hơi và chỉ về phía Bland]

Bland: Khoan. Khoan. [Bland bước ra khỏi xe]

Encinia: Bước ra. Ngay. Bước ra khỏi xe!

Bland: Chỉ vì không bật đèn xi-nhan? Anh làm tất cả những điều này chỉ vì người ta quên không bật đèn xi-nhan?

Encinia: Bước ra đằng kia.

Bland: Phải. Rồi, chuyện này sẽ phải ra tòa, để rồi xem.

Encinia: Cứ việc.

Cuộc đối đầu diễn ra thêm vài phút nữa. Bland càng lúc càng trở nên nóng giận hơn. Encinia còng tay cô. Đơn vị thứ hai đến hiện trường. Tiếng gào thét và giã giụa tiếp tục diễn ra - và cứ thế.

Encinia: Dừng lại! Dừng ngay lại! Cô ngừng chống đối ngay.

Nữ cảnh sát: Hãy ngừng chống đối, thưa cô.

Bland: [Khóc] Chỉ vì cái phiếu phạt chó chết, mà đúng là đồ chó. Mà là đồ chó.

Nữ cảnh sát: Không, tại cô đó. Cô không nên chống trả.

Encinia: Quỳ xuống!

Bland: Chỉ vì đèn xi-nhan!

Encinia: Cô đang giằng co đấy, cô đang giã giụa đấy, cô đang chống đối.

Bland: Chẳng phải điều đó làm anh thích thú sao? Bắt một phụ nữ chỉ vì cái phiếu phạt giao thông. Hẳn là anh thấy dễ chịu lắm, đúng không sĩ quan Encinia? Giờ thì anh đúng là đàn ông đích thực

đấy. Anh vừa đánh tôi, đè đầu tôi xuống đất. Tôi bị động kinh đấy, thẳng chớ chết ạ.

Encinia: Tốt. Tốt.

Bland: Tốt hử? Tốt hử?

Bland bị bắt giam vì tội danh chống đối người thi hành công vụ. Ba ngày sau người ta thấy cô ấy đã chết trong buồng giam, treo cổ bằng sợi dây thòng lọng làm từ một chiếc túi bóng. Sau cuộc điều tra chớp nhoáng, Encinia bị sa thải với lý do vi phạm Khoản 5, Mục 05.17.00 của Hướng dẫn Thi hành Cảnh sát Tuần tra bang Texas:

Một nhân viên của Sở Cảnh sát Vì An toàn Cộng đồng cần phải lịch sự với người dân và với những nhân viên khác. Một nhân viên cần phải lịch thiệp trong khi thi hành nhiệm vụ, cần phải kiểm soát hành vi và thể hiện sự kiên nhẫn, hiểu biết. Nhân viên cảnh sát không được tham gia vào những cuộc tranh cãi ngay cả khi bị kích động mạnh mẽ.

Brian Encinia là kẻ bắt nạt máu lạnh. Bài học rút ra từ sự vụ diễn ra vào buổi chiều ngày 10 tháng 7 năm 2015 là khi nói chuyện với những người lạ, cảnh sát cần phải tỏ ra tôn trọng và lịch thiệp. Vụ án kết thúc. Phải không?

Sai.

Đến thời điểm này, tôi nghĩ chúng ta có thể làm tốt hơn thế.

2. Cuộc dừng xe đang lưu hành giao thông ở thành phố Kansas là cuộc tìm kiếm mò kim đáy bể. Nhân viên cảnh sát sử dụng lý do nào đó để khám xét tìm kiếm thứ gì hiếm hoi - súng hoặc ma túy. Khi ý tưởng được tĩa tốt hoàn hảo ở thành phố Kansas bắt đầu đầu lan

tỏa khắp thế giới, có một điều rõ ràng ở đây là kiểu hành pháp này đòi hỏi một tâm thế mới.

Ví dụ, nhân viên kiểm tra hành lý xách tay ở sân bay cũng là một thành phần tham gia vào cuộc kiểm tìm mìn kim đáy bể. Và lúc này lúc khác, Cục An ninh Vận tải (TSA) tổ chức thanh kiểm ở những sân bay khác nhau. Họ lén bỏ một khẩu súng hoặc một quả bom giả vào một kiện hành lý. Liệu chúng có bị phát hiện không? Có đến 95% số lần diễn ra thử nghiệm, súng và bom đều không được phát hiện. Kết quả này không phải vì nhân viên sân bay lười biếng hoặc thiếu năng lực. Mà là bởi vì cuộc tìm kiếm mìn kim đáy bể này đại diện cho một thách thức trực diện đối với khả năng của con người là mặc định với sự thành thật. Một nhân viên sân bay nhìn thấy cái gì đó, và trông nó có thể đáng nghi. Nhưng khi cô ấy nhìn lên đoàn lữ hành với những khuôn mặt rất bình thường đang nhẩn nại chờ di chuyển, và nhớ rằng trong suốt hai năm làm nghề này cô chưa bao giờ phát hiện được một khẩu súng thật. Cô ấy biết, trên thực tế, là trong một năm tài khóa điển hình, TSA rà soát 1,7 tỷ kiện hành lý xách tay, và chỉ tìm được có vài ngàn khẩu súng ngắn. Nghĩa là tỉ lệ tìm thấy súng là ,0001% - số liệu cho thấy nếu tiếp tục làm công việc này trong vòng 50 năm nữa, cô ấy cũng sẽ không bao giờ tìm thấy một khẩu súng nào. Vì thế cô ấy nhìn lại đồ vật đáng nghi do thanh tra TSA gài vào, rồi bỏ qua.

Để các cuộc dừng xe đang lưu thông ở thành phố Kansas trở nên hiệu quả, cảnh sát giao thông không được tư duy theo cách đó. Anh ta phải nghi ngờ điều tồi tệ ở tất cả những chiếc xe anh ta tiếp cận. Anh ta buộc phải *ngừng* mặc định với sự thành thật. Anh ta phải suy nghĩ như là Harry Markopolos.

Cẩm nang dành cho hệ thống cảnh sát hậu-Kansas được gọi là *Thủ thuật Tuần tra Tội phạm*, do Charles Remsberg viết. Nó ra đời vào năm 1995 đã vạch ra cụ thể chi tiết những điều kiện đòi hỏi ở một sĩ quan cảnh sát tuần tra mới, không mặc định với sự thành thật. Theo Remsberg, nhân viên cảnh sát cần phải chủ động và “vượt trên tầm chiếc phiếu phạt”. Điều đó có nghĩa là, trên hết, hãy hình thành cái mà Remsberg gọi là “những điểm nhột tò mò” - những điểm bất thường làm tăng khả năng nguy cơ phạm tội. Một tay đua mô-tô trong khu dân cư lộn xộn dừng xe ở đèn đỏ và nhìn chăm chăm xuống một thứ gì đó trên ghế ô tô cạnh chỗ anh ta đứng. Đó là cái gì? Cảnh sát phát hiện ra một mẫu giấy gói thò ra giữa khung của một chiếc xe thể thao bóng loáng không tí vết. Đó có thể là đầu mẫu của một gói hàng được giấu kín? Trong vụ dừng xe tai tiếng ở Bắc Carolina, khi viên cảnh sát dừng xe một tài xế vì một bên đèn phanh bị hỏng - với suy nghĩ, dẫu không chính xác, rằng dấu hiệu này là phi phạm luật giao thông của bang Bắc Carolina - nhưng điều khiến anh ta dấy lên nghi ngờ là vì người lái xe này có vẻ “cứng đờ và căng thẳng”. Những tên tội phạm lợc lõi sẽ rất cẩn thận để không mắc phải những lỗi vi phạm giao thông hai năm rõ mườì. Cho nên cảnh sát giao thông buộc phải rất sáng tạo với việc nhìn vào đâu để tìm kiếm điều gì: vết nứt trên kính chắn gió, đổi làn không bật xi-nhan, bám sát quá gần.

“Một viên cảnh sát”, Remsberg viết, “biết rằng một trong những kẻ buôn ma túy nổi nhất trong thành phố của anh ta đang có mặt ở một con phố trên con đường cụt, anh ta chỉ đậu xe ở đó và quan sát. Thường thì các lái xe sẽ tiến quá sát trước khi nhìn thấy xe [tuần tra] của cảnh sát, sau đó sẽ dừng đột ngột (vi phạm dừng xe không an

toàn trên phố), hoặc lật đật lùi xe (vi phạm lùi xe không an toàn trên phố). ‘Đó là hai vi phạm’, viên cảnh sát nói, ‘trước cả khi cần bám theo chiếc xe đó.’“

Khi áp sát chiếc xe đã dừng, viên cảnh sát với những kỹ năng mới được đào tạo phải luôn cảnh giác với những manh mối dù nhỏ nhất. Những kẻ vận chuyển ma túy thường sử dụng mùi thơm để che đậy mùi ma túy. Nếu có đồ ăn nhanh còn thừa trong xe, điều đó cho thấy tay tài xế đang vội và không muốn rời khỏi phương tiện (cũng như bọc hàng có giá trị) mà không có người trông coi. Nếu ma túy hoặc súng được giấu trong ngăn chứa bí mật, thì có thể sẽ có dụng cụ trên ghế sau. Thế còn đồng hồ công tơ mét thì sao? Số kilômét có cao bất thường so với một chiếc xe sản xuất năm ấy không? Có lốp xe mới trên chiếc xe cũ? Một chùm chìa khóa tra ở ổ khóa hay chỉ có một chiếc chìa khóa duy nhất, như kiểu chiếc xe này được dùng riêng vào công việc này cho người tài xế này? Liệu có quá nhiều hành lý cho một hành trình đường như ngắn ngủi? Hay là có quá ít hành lý cho một hành trình mà tay lái xe nói rằng đó là một chuyến đi dài? Nhân viên cảnh sát được hướng dẫn khi dừng xe điều tra là kéo dài cuộc nói chuyện càng lâu càng tốt. Anh đến từ đâu? Anh đang đi đâu đây? Chicago à? Anh có người thân ở đó à? Họ ở chỗ nào? Anh ta quan sát xem người lái xe có lập cập, có lo lắng, có trả lời mâu thuẫn hay câu trả lời có phù hợp với những gì anh ta nhìn thấy không. Viên cảnh sát đang cố gắng quyết định xem bước tiếp theo là gì và có nên lục soát chiếc xe không.

Hãy nhớ rằng rất nhiều người tham gia giao thông có mang theo thức ăn trên xe, có túi thơm, có đồng hồ công-tơ-mét chỉ số kilômét cao, có lốp xe mới trên chiếc xe cũ, và có thể mang quá nhiều hành

lý hoặc quá ít hành lý nhưng không mang theo súng và ma túy. Nhưng nếu cảnh sát đang tìm kiếm tội phạm như mò kim đáy bể, thì anh ta phải chiến đấu chống lại những tính toán mang tính lý trí, những kiểu tính toán khiến hầu hết chúng ta tin rằng thế giới này là một nơi chôn đáng tin cậy.

Vậy thì có chuyện gì với Brian Encinia? *Anh ta là một cảnh sát không mặc định với sự thành thật.* Đây là một ngày bình thường trong cuộc đời làm cảnh sát của anh ta, được lựa chọn ngẫu nhiên: ngày 11 tháng 9 năm 2014.

3:52 chiều. Bắt đầu ca trực. Anh ta dừng một tài xế xe tải và ghi phiếu phạt vì xe kéo không có miếng dán phản quang đúng quy định.

4:20. Anh ta dừng xe của một phụ nữ vì biển số xe không treo đúng quy cách.

4:39. Anh ta dừng xe một phụ nữ khác vì lỗi biển số xe.

4:53. Anh ta phát hiện một tài xế hết hạn đăng ký, dừng xe này và tiếp đến, vạch ra thêm lỗi biển số quá hạn.

5:12. Anh ta dừng xe một phụ nữ vì lỗi vượt quá tốc độ (vượt quá dưới 10% tốc độ cho phép).

5:58. Anh ta dừng xe một người vì lỗi vượt quá 10% tốc độ cho phép. 6:14. Anh ta dừng xe một người đàn ông vì hết hạn đăng ký, sau đó viết ba phiếu phạt vì lỗi bằng lái xe và có một chai đồ uống có cồn mở nắp trong xe.

8:29. Anh ta dừng xe một người đàn ông vì “đèn xi nhan không hợp quy chuẩn” và “đèn hông không hợp quy chuẩn”.

Danh sách còn dài. Mười phút sau, anh ta dừng xe một phụ nữ vì đèn pha không hợp quy cách, sau đó thêm hai phiếu phạt lỗi vượt

tốc độ dưới 10% trong vòng nửa giờ tiếp theo. Lúc 10 đêm, anh ta dừng một xe vì lỗi “dây an toàn”, và đến cuối phiên trực, anh ta dừng thêm một xe vì lỗi đèn hông không hợp quy chuẩn.

Trong danh sách đó, chỉ có một lỗi rõ ràng - cuộc dừng xe ở phút 5:58 chiều vì lỗi vượt quá 10% tốc độ cho phép. Bất cứ nhân viên cảnh sát nào cũng sẽ phản ứng với lỗi ấy. Nhưng rất nhiều lỗi khác mà Encinia bắt trong ngày hôm đó được liệt vào hạng mục cảnh sát hiện đại, chủ động. Bạn dừng xe tài xế lái xe tải bởi vì lỗi miếng dán phản quang không đúng quy cách, hoặc người khác vì lỗi “đèn hông không hợp quy chuẩn” khi mà thực sự bạn đang tìm kiếm một điều gì khác - khi bạn chủ động tìm kiếm, giống như Remsberg đã đặt tên, cái gọi là “vượt trên tám phiếu phạt”.

Một trong những lời khuyên chủ chốt đối với các cảnh sát tuần tra chủ động giúp bảo vệ họ khỏi những cáo buộc thiên kiến hoặc phân biệt chủng tộc đó là họ nên cẩn thận khi dừng xe tất cả mọi người. Nếu bạn định sử dụng những lý do nhỏ nhất, gây khó dễ để dừng xe một người nào đó, thì phải đảm bảo là bạn hành động nhất quán. “Nếu bạn bị buộc tội là phân biệt chủng tộc hoặc kiếm cớ để dừng xe người khác, thì bạn có thể mang sổ sách ghi chép danh mục các cuộc dừng xe hàng ngày ra tòa và tài liệu sẽ chứng minh việc bạn dừng xe các phương tiện cơ giới dựa trên những lý do ‘khắt khe’ đó là một phần trong cách thức thi hành nhiệm vụ của bạn”, Remsberg viết, “chứ không phải là một cuộc dừng xe có tính ngoại lệ, đặc biệt nổi bật, sáng chói trong hồ sơ dừng xe của bị can”.

Đó chính xác là điều mà Encinia đã làm. Anh ta đã trải qua một ngày làm việc như ngày 11 tháng 9 năm 2014. Anh ta đã dừng xe một số người vì lỗi tấm chắn bùn không hợp quy cách, lỗi không cài

dây bảo hiểm, lỗi lẩn lờn và lỗi không chấp hành quy định đèn chiếu sáng của phương tiện cơ giới. Anh ta đã nhảy tanh tách ra khỏi xe tuần tra như con chuột trong trò chơi Đập Chuột. Chỉ mới tại nhiệm chưa đầy một năm, anh ta đã viết 1.557 phiếu phạt. Chỉ hai mươi sáu phút trước khi dừng xe của Sandra Bland, anh ta đã dừng xe của ba người khác.

Vậy nên, Encinia phát hiện ra Sandra Bland vào buổi chiều ngày 10 tháng 7. Trong bản khai nhận ghi được tại cuộc điều tra của văn phòng Tổng Thanh tra thuộc Sở An toàn Cộng đồng bang Texas, Encinia nói rằng anh ta trông thấy Bland bỏ qua một tấm biển báo dừng xe khi rời khỏi đại học Prairie View. Đó là điểm nhốt đầu tiên. Nhưng anh ta không thể dừng xe cô ở thời điểm đó bởi vì tấm biển báo nằm trong địa phận trường đại học. Nhưng khi cô ấy rẽ vào đường liên bang 1098, anh ta bám theo. Anh ta nhận thấy cô đi xe biển số bang Illinois. Đó là điểm nhốt số hai. Một người đến từ đầu kia của đất nước làm gì ở phía Tây Texas này?

“Tôi quan sát tình trạng của chiếc xe, như loại xe, kiểu mẫu, có gắn biển số không, bất cứ đặc điểm nào khác”, Encinia khẳng định. Anh ta đang tìm một lý do để dừng xe của cô. “Trong quá khứ, có khi nào anh tăng tốc để kiểm tra tình trạng xe của họ không?” Người thẩm vấn, Cleve Renfro, hỏi Encinia. “Tôi có, thưa ông”, Encinia trả lời. Đối với anh ta, đó là tiêu chuẩn công việc hàng ngày.

Khi Bland trông thấy Encinia từ gương chiếu hậu, thấy xe của anh ta đang áp sát ngay phía sau lưng, cô chuyển làn để nhường đường cho anh ta vượt. Nhưng cô không bật xi-nhan chuyển làn. Xong phim! Giờ thì Encinia đã có lý do hợp lý: Điều 7, điểm C, Mục 545.104, phần (a) trong Luật Giao thông Texas, ghi rằng “Người điều

khiến phương tiện giao thông phải sử dụng đèn báo hiệu được phép ở Mục 545.106 để ra tín hiệu quay xe, chuyển làn, hoặc bắt đầu tham gia giao thông từ vị trí đậu xe”. (Trong trường hợp Bland chột nhớ ra và sử dụng đèn hiệu vào thời khắc cuối cùng, ngay trước khi chuyển làn, thì Encinia vẫn có một điều khoản dự phòng: phần (b) của Mục 545.104 ghi rằng “Người điều khiển phương tiện giao thông có ý định quay xe sang phải hoặc trái phải bật tín hiệu liên tục trong khoảng cách tối thiểu 30 mét khi xe đang di chuyển trước khi được phép đổi hướng”. Anh ta có thể dừng xe cô vì lỗi không bật đèn xi-nhan và anh ta cũng có thể dừng xe cô vì lỗi bật đèn xi-nhan không đủ lâu.)^[43]

[43] . Đây là lý do vì sao Bland lại bức tức đến vậy, tất nhiên. “Tôi Tôi cảm thấy thật dở hơi khi phải nhận phiếu phạt thế này. Tôi chỉ đổi làn để nhường đường cho anh. Anh đang tăng tốc, bám sát xe của tôi, thế nên tôi chuyển làn để nhường đường và thế là anh dừng xe tôi”, cô ấy nói. Dịch nghĩa là: một chiếc xe cảnh sát tăng tốc sau lưng cô ấy. Cô ấy tránh đường để nó đi, như tất cả các phương tiện đều thế, và giờ cũng chính viên cảnh sát ấy, người vừa ép cô ấy chuyển làn lại ghi phiếu phạt vì lỗi chuyển làn không đúng quy cách. Encinia là người gây ra lỗi ấy.

Encinia bước ra khỏi xe tuần tra và chậm rãi tiếp cận chiếc Hyundai của Bland bên cửa sổ ghế lái phụ, hơi cúi xuống để nhìn xem có điều gì đáng chú ý trong xe của cô. Anh ta quan sát nhanh: Có gì bị thiếu không? Có đồ ăn nhanh để dưới sàn không? Có túi thơm nào treo ở gương hậu không? Có dụng cụ nào trên ghế sau không? Chỉ có một chìa cắm vào ổ khóa không? Bland vừa lái xe từ Chicago đến Texas; tất nhiên là cô có gói đồ ăn để trên sàn xe.

Trong những trường hợp thông thường, hầu hết chúng ta nhìn vào cảnh đó sẽ gạt nghi ngờ sang một bên. Nhưng Brian Encinia là một cảnh sát thể hệ mới. Và chúng ta đã quyết định rằng chúng ta thà để những nhà lãnh đạo và người bảo hộ của chúng ta làm theo nghi ngờ của họ hơn là bỏ qua. Encinia cúi người xuống, nói cho cô ấy biết lý do dừng xe, và - ngay lập tức - sự nghi ngờ của anh ta tăng lên.

3. Renfro: Được rồi. Sau khi anh yêu cầu Bland trình bằng lái xe, anh hỏi cô ấy đang đi đâu, và cô ấy trả lời: “Điều đó quan trọng gì”. Anh viết vào báo cáo, “Ở thời điểm đó, tôi đã thấy, dựa trên hành vi đáng ngờ của cô ấy, có điều gì không ổn”.

Trong phần cung cấp lời khai, Encinia giờ đây đang bị nhà điều tra liên bang Cleve Renfro hỏi cung.

Renfro: Hãy giải thích để ghi vào hồ sơ điều gì anh thấy là không ổn.

Encinia: ... Đó là ngôn ngữ cơ thể và hành vi hung hãn. Nó thể hiện ra là cô ấy không ổn.

Brian Encinia tin vào sự tương ứng - rằng hành vi của một người là chỉ dẫn đáng tin cậy cho cảm xúc và cá tính của họ. Đó là điều mà chúng ta vẫn dạy bảo cho nhau. Nói chính xác hơn, đó là điều mà chúng ta đào tạo các *cảnh sát*. Chẳng hạn, chương trình đào tạo có tầm ảnh hưởng nhất trong ngành hành pháp có tên là Kỹ thuật Reid. Nó được 2/3 các sở cảnh sát liên bang Mỹ sử dụng - đây là còn chưa kể FBI và vô số những lực lượng vũ trang khác trên toàn thế giới - và hệ thống Reid được xây dựng *trực tiếp* trên ý tưởng về sự tương ứng: Khi đối phó với những thành phần không quen biết, nó hướng

dẫn cảnh sát sử dụng cử chỉ như một chỉ dẫn để đánh giá vô tội hay là có tội.

Đây là những gì sách hướng dẫn sử dụng hệ thống đào tạo Reid đã viết về sự giao tiếp bằng mắt:

Trong văn hóa phương Tây, nhìn thẳng vào mắt nhau (duy trì trạng thái giao tiếp bằng mắt) thể hiện sự cởi mở, trung thực và đáng tin cậy. Những đối tượng lừa đảo thường không nhìn thẳng vào mắt người thẩm vấn; họ nhìn xuống sàn, nhìn sang bên cạnh hoặc nhìn lên trần nhà như thể cậy nhờ sự chỉ dẫn từ một đấng thần linh nào đó khi trả lời các câu hỏi...

Ngược lại, các đối tượng trung thực không có vẻ phòng vệ trong ánh mắt hoặc hành động và có thể dễ dàng duy trì trạng thái giao tiếp bằng mắt với người thẩm vấn.

Sách hướng dẫn thời kỳ sau ở thành phố Kansas, *Chiến thuật Tuần tra Tội phạm*, hướng dẫn cảnh sát dừng xe để thực hiện một cuộc “thẩm vấn ngầm”, dựa trên những gì họ có thể thu thập được từ những quan sát ban đầu đối với đối tượng nghi vấn.

Khi bạn ngầm phân tích câu chuyện, cử chỉ ngôn ngữ và điệu bộ cơ thể của họ để tìm kiếm dấu hiệu lừa dối, bạn sẽ phải thể hiện là bạn không có chút nghi ngờ nào về họ nảy sinh trong đầu... Càng không để họ phát hiện ra thực tế là bạn đang đánh giá họ, xem xét phương tiện của họ và lý do họ có mặt trên đường, thì càng có nhiều khả năng họ sẽ để lộ ra, một cách tự nhiên, những chứng cứ phạm tội.

Vậy thì đó chính xác là điều mà Encinia làm. Anh ta để ý thấy Bland giậm chân, di chân xuống sàn xe. Vì thế anh ta bắt đầu kéo dài tương tác giữa họ. Anh ta hỏi cô đến Texas lâu chưa. Cô ấy trả lời: “Vừa tới đây ngày hôm qua”. Cảm giác không bình thường của anh ta lại tăng lên. Cô ấy đi xe biển số Illinois. Cô ấy làm gì ở Texas này?

Renfro: Anh có băn khoăn về sự an toàn ở thời điểm ấy không?

Encinia: Tôi biết là có điều gì đó sai sai nhưng tôi không biết là sai ở chỗ nào. Tôi không biết liệu có hoạt động tội phạm nào đang diễn ra, đã diễn ra, hay là không.

Anh ta quay trở lại xe tuần tra để kiểm tra biển số và đăng ký xe, và khi nhìn lên và quan sát Bland qua chiếc gương chiếu hậu trên xe của cô, anh ta trông thấy cô “liên tục thực hiện một loạt hành động đáng ngờ, lúc ẩn lúc hiện trong gương”. Đây là điểm quan trọng, và nếu không có nó thì sẽ không giải thích được điều kỳ lạ nếu như chỉ xem đoạn video. Tại sao ở lần đầu tiên Encinia lại tiếp cận chiếc xe từ bên ghế phụ, nhưng lần thứ hai lại tiếp cận chiếc xe từ phía người lái? Đó là bởi vì anh ta bắt đầu lo lắng. Như anh ta đã viết trong bản báo cáo: “Chương trình huấn luyện an toàn cảnh sát đã dạy tôi rằng sẽ dễ dàng hơn cho người vi phạm nếu họ cố bắn tôi từ phía ghế phụ của xe”.

Renfro: Vậy anh giải thích để ghi hồ sơ tại sao từ chuyện “đây là một cuộc dừng xe giao thông thông thường với một người nóng nảy mà theo quan điểm của anh là không hợp tác hoặc quá nóng giận” đến đoạn anh nghĩ rằng anh cần phải tiếp cận ở phía người lái do đã được huấn luyện về việc cảnh sát có thể bị bắn.

Encinia: Vâng. Bởi vì khi ngồi trong xe tuần tra, tôi đã nhìn thấy vài động tác của cô ấy, với về phía bảng điều khiển, phía bên phải, và phần ấy cũng biến mất không nhìn thấy.

Suy nghĩ tức thời của anh ta là *Liệu cô ấy có đang với tay lấy vũ khí không?* Vì thế nên anh ta tiếp cận một cách thận trọng.

Encinia: Cửa kính xe của cô ấy không dán giấy kính màu vì thế tôi có thể nhìn thấy xem cô ấy có thể cầm cái gì trên tay, liệu cô ấy có phải xoay vai hay không. Thế nên đó là lý do vì sao tôi chọn hướng tiếp cận ấy...

Trong đầu Encinia, hành vi của Bland phù hợp với hồ sơ của một tội phạm nguy hiểm tiềm năng. Cô ấy nóng giận, bực tức, cáu kỉnh, đối đầu, hung hăng. Anh ta nghĩ cô đang che giấu điều gì đó.

Đây chính là suy nghĩ sai lầm tệ hại trong hầu hết các trường hợp. Con người không hề tương ứng. Nhưng khi nào thì kiểu tư duy này trở nên nguy hiểm nhất? Là khi những người như chúng ta quan sát lệch khớp: khi họ không ứng xử như cách mà chúng ta cho là họ cần phải ứng xử như thế. Amanda Knox là một người lệch khớp. Ở hiện trường vụ án, khi cô ấy đi đôi ủng bảo vệ, đánh hông và nói: "Ta-đa". Bernie Madoff là trường hợp lệch khớp. Ông ta là một kẻ biến thái ăn vận như một quý ông.

Thế còn Sandra Bland thì sao? Cô ấy cũng là một trường hợp *lệch khớp*. Trong mắt của Encinia, cô ấy là một tội phạm. Nhưng cô ấy không phải là tội phạm. Cô ấy chỉ bực bội. Phân tích mổ xẻ sau cái chết của cô ấy, người ta mới phát hiện ra rằng trong suốt quãng đời trưởng thành, cô ấy đã có đến 10 lần chạm trán với cảnh sát, trong đó 5 lần bị cảnh sát giao thông dừng xe, với số tiền phạt lớn đáng kinh ngạc là gần 8.000 đô-la. Một năm trước cô ấy từng tự tử

không thành sau khi bị sảy thai. Cô ấy có nhiều vết sẹo chạy dọc một cánh tay. Trong một đoạn video “Tiếng nói Sandy” hàng tuần, chỉ vài tháng trước khi cô ấy chuyển đến Texas, Bland đã bóng gió nhắc đến những rắc rối của mình:

Xin thứ lỗi. Tôi xin lỗi, các ông Hoàng, bà Chúa của tôi. Đã hai tuần thật dài trôi qua. Tôi mất tích. Nhưng tôi sẽ thành thật với các cậu. Tôi hiện đang chịu đựng một thứ mà một vài người trong số tất cả chúng ta đều đã từng trải qua... Có thể đó là một chút trầm cảm hay rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý. Vài tuần trở lại đây tôi thực sự căng thẳng...

Vậy là ở đây chúng ta có một người đang gặp rắc rối với tiền sử về sức khỏe và tâm lý, một người đang cố gắng làm lại cuộc đời. Cô ấy chuyển đến một thành phố mới. Cô ấy bắt đầu một công việc mới. Và ngay khi vừa bước vào ngưỡng cửa mới trong cuộc đời, cô ấy bị cảnh sát dừng xe - lặp lại cảnh huống đã khiến cô ngập trong nợ nần trước đó. Và vì cái gì chứ? Chỉ vì không bật đèn tín hiệu chuyển làn khi nhường đường cho một cảnh sát đang tăng tốc sau lưng. Đột nhiên sự khởi đầu mới mong manh của cô ấy bị đe dọa. Trong ba ngày bị nhốt trong tù trước khi tự kết liễu cuộc đời, Sandra Bland đã quẫn trí, quệt nước mắt liên hồi, liên tục gọi điện thoại hết cuộc này tới cuộc khác. Cô ấy đang trong khủng hoảng.

Nhưng Encinia, với tất cả những tự tin sai trái mà niềm tin vào sự tương ứng trao cho chúng ta, đã đọc vị cảm xúc và thái độ của cô ấy như là những bằng chứng của một điều gì ám muội.

Renfro hỏi về khoảnh khắc quyết định - khi Encinia yêu cầu Bland bỏ điều thuốc xuống. Tại sao anh ta không nói đơn giản như: “Này, khói thuốc của chị phả vào mặt tôi rồi”?

Encinia: Tôi muốn đảm bảo là cô ấy vứt điều thuốc đi mà không ném vào mặt tôi hoặc chỉ là tôi muốn cô ấy vứt điều thuốc đi.

Renfro hỏi tiếp tại sao, nếu là trường hợp ấy, anh ta không cần lập tức nói lý do tại sao cô ấy bị bắt.

Encinia: Vì tôi đang cố gắng tự bảo vệ và kiểm soát cô ấy.

Anh ta khiếp sợ cô ấy. Việc khiếp sợ một người lạ mặt vô tội cầm trên tay một điều thuốc chính là cái giá bạn trả cho việc không mặc định với sự thành thật. Đó là lý do vì sao Harry Markopolos cố thủ trong nhà, trang bị vũ khí đến tận răng, và chờ đợi Ủy ban Chứng khoán và Sàn giao dịch Mỹ (SEC) ập vào.

Renfro: Tôi chưa hỏi anh điều này ở đoạn trước, nhưng giờ tôi sẽ hỏi. Khi cô ấy bảo là, “Nào thì cùng làm việc này”, anh trả lời là, “Chúng ta sẽ làm việc này”. Ý của anh là gì khi nói thế?

Encinia: Từ hành động nghiêng người của cô ấy, và giờ thì cô ấy giơ tay về phía tôi, ngay cả khi không phải là cảnh sát, nếu tôi thấy ai đó đưa tay về phía mình, thì hẳn là sẽ có va chạm hoặc khả năng tổn hại xảy ra cho tôi hoặc cho người khác.

Renfro: Có lý do nào khiến anh không chỉ tóm lấy cô ấy?

Encinia: Thưa, có.

Renfro: Tại sao?

Encinia: Cô ấy đã vung tay về phía tôi một lần. Giờ thì không có lý do gì cô ấy không vung tay lần nữa, có thể là để vô hiệu hóa tôi.

Một nhà điều tra khác lên tiếng.

Louis Sanchez: Anh sợ à?

Encinia: Sự an toàn của tôi bị đe dọa hơn một lần.

Và rồi:

Sanchez: Tôi không muốn nhét chữ vào mồm anh, nhưng sau khi chuyện này xảy ra, nhịp tim của anh vẫn đập nhanh như thế trong bao lâu, khi lượng adrenaline tăng cao? Khi nào thì anh bình tĩnh trở lại sau sự việc đó?

Encinia: Có thể là trên đường về nhà, tức là khoảng vài giờ sau đó.

Đó là chuyện thường tình, trong nghiên cứu tình huống Bland, khi vẽ ra Encinia là một cảnh sát lạnh lùng, vô cảm. Nhưng cách nhân vật hóa đó đánh mất điểm máu chốt. Một người lạnh lùng, vô cảm là người thờ ơ với cảm xúc của người khác. Encinia không thờ ơ với cảm xúc của Bland. Khi tiếp cận cô, một trong những lời đầu tiên anh ta hỏi là: “Có gì không ổn à?” Khi quay trở lại xe của cô sau khi đã kiểm tra bằng lái, anh ta hỏi lại: “Cô có ổn không?” Anh ta để ý tới cảm giác khó chịu của cô ngay lập tức. Chỉ là anh ta diễn dịch sai hoàn toàn cảm giác ấy nghĩa là gì. Anh ta bị thuyết phục rằng anh ta đang rơi vào một tình huống đối đầu đáng sợ với một người phụ nữ nguy hiểm.

Và sách *Chiến thuật Tuần tra Tội phạm* hướng dẫn các sĩ quan cảnh sát làm gì trong những tình huống này? “Rất nhiều cảnh sát ngày nay dường như e ngại nắm quyền kiểm soát, ngần ngại khi bảo ai đó phải làm gì. Mọi người được phép di chuyển như họ muốn, được đứng ở nơi họ muốn, còn cảnh sát phải cố gắng thích nghi với những gì đối tượng tình nghi làm”. Encinia quyết định không để điều đó xảy ra.

Encinia: Nào, giờ cô có thể bước ra khỏi xe... Bước ra nếu không tôi sẽ lôi cô ra. Tôi đang yêu cầu cô tuân thủ luật pháp.

Mục tiêu của Brian Encinia là vượt lên trên chiếc vé phạt giao thông. Anh ta có rất nhiều điểm nhốt tò mò cao độ. Anh ta nắm rõ tất cả những thủ thuật quan sát đối tượng và thẩm vấn ngầm. Và khi tình huống dường như vượt khỏi tầm kiểm soát, anh ta kiên quyết dẫn tới. Nếu có điều gì đi chệch đường ray vào ngày hôm ấy ở trên đường cao tốc với Sandra Bland, thì đó không phải là vì Brian Encinia không làm theo những gì được huấn luyện. Mà là ngược lại. Đó là bởi vì anh ta đã làm chính xác những gì được huấn luyện.

4. Ngày 9 tháng 8 năm 2014, một năm trước khi Sandra Bland chết trong phòng giam ở Prairie View, Texas, một thanh niên người Mỹ gốc Phi mười tám tuổi tên là Michael Brown đã bị một cảnh sát da trắng ở Ferguson, Missouri bắn chết. Brown là đối tượng tình nghi trong một vụ cướp ở tiệm tạp hóa gần đó. Khi Darren Wilson - viên cảnh sát - đối đầu với anh ta, hai người đã giằng co. Brown với tay qua cửa kính bên ghế phụ vào trong xe tuần tra và đâm anh ta. Rốt cuộc Wilson bắn sáu phát vào Brown. Mười bảy ngày biểu tình liên tiếp nổ ra. Các công tố viên từ chối buộc tội chống lại cảnh sát Wilson.

Ferguson là trường hợp mở đầu cho một quãng ngừng kỳ lạ trong đời sống nước Mỹ khi mà các hành vi của cảnh sát đột nhiên thu hút sự chú ý và trở thành tâm điểm. Và đáng ra nó phải có tác dụng như một lời cảnh báo. Bộ Tư pháp Mỹ lập tức cử một nhóm điều tra đến Ferguson - và báo cáo của họ, được xuất bản sáu tháng sau đó, là một tài liệu kỳ thú. Một trong những lãnh đạo của nhóm điều tra Bộ Tư Pháp là luật sư Chiraag Bains, và Bains nói

rằng điều khiến ông choáng váng là sự phẫn nộ trong vụ Ferguson không phải chỉ vì cái chết của Brown - có một điều gì đó thậm chí lớn lao hơn Brown. Họ giận dữ vì kiểu cách hành xử này của cảnh sát đã tồn tại nhiều năm trong thành phố. Và Sở cảnh sát Ferguson là tiêu chuẩn vàng trong ngành cảnh sát ở thành phố Kansas. Đó là nơi mà toàn bộ triết lý hành pháp của lực lượng vũ trang là bắt dừng càng nhiều người càng tốt bằng càng nhiều lý do càng tốt.

“Điều này rất là báo động”, Brains nhớ lại.

Một cảnh sát nói: “Tất cả là vì các phiên tòa». Một cảnh sát khác nói: “Phải, mỗi tháng họ sẽ tổng kết, cấp trên của chúng tôi sẽ viết lên bảng danh sách các cảnh sát và số phiếu phạt họ đã xuất ra trong tháng đó”. Chúng tôi hiểu rằng năng suất chính là mục tiêu.

Ferguson có nguyên một sở cảnh sát đầy những Brian Encinina. Bains nói tiếp:

Họ biết rằng công việc của họ là viết phiếu phạt và bắt những người chưa trả tiền phạt, tiền phí. Đó chính là cơ sở để đánh giá chất lượng công việc.

Bains nói rằng có một vụ việc gây choáng váng nhất với ông. Vụ đó liên quan đến một thanh niên da đen chơi bóng rổ ở một sân chơi. Sau khi chơi xong, anh ta ngồi trong ô tô để hạ nhiệt thì có một xe cảnh sát tấp vào phía sau xe anh ta. Viên cảnh sát tiếp cận từ bên người lái và yêu cầu trình thẻ căn cước, gán cho người lái xe tội quấy rối tình dục trẻ em.

Tôi nghĩ [viên cảnh sát] đã nói điều gì đó ám chỉ điều đó, kiểu như: “Đằng kia có những đứa trẻ đang chơi và cậu có mặt trong công viên, cậu là gì, một kẻ ấu dâm?”... Viên cảnh sát yêu cầu anh ta bước ra khỏi xe và người thanh niên nói: “Này, tôi không làm gì hết. Ý tôi là, tôi có quyền được hiến pháp bảo vệ. Tôi chỉ đang ngồi nghỉ ở đây sau khi chơi bóng».

Viên cảnh sát, trên thực tế, đã rút súng nhắm vào và đe dọa người thanh niên, kiên quyết bắt anh ta ra khỏi xe. Cuối cùng vụ việc kết thúc ở chỗ viên cảnh sát viết liền tám phiếu phạt khác nhau trong đó bao gồm cả việc không cài dây bảo hiểm, trong khi anh ta chỉ ngồi trong ô tô đậu trong công viên, không có bằng lái xe và có một bằng lái xe hết hạn. Viên cảnh sát đã khéo viết được hai phiếu phạt như thế.

Người thanh niên thậm chí còn bị một phiếu phạt vì “khai man” bởi vì nói tên anh ta là “Mike” trong khi trên giấy tờ thì viết là Michael.

Rốt cuộc anh ta phải mang rất nhiều án tích trong một thời gian khá dài. Chuyện xảy ra là anh ta bị buộc tội vi phạm tám lỗi theo Luật của Thành phố Ferguson và tội cố gắng chống đối người thi hành công vụ. Cuối cùng, anh ta bị bắt giữ trong lần đó. Hậu quả là anh ta bị mất việc làm, nơi anh là một nhà thầu cho chính phủ liên bang. Cuộc bắt giữ ấy đã thực sự đảo lộn cuộc đời của anh ta.

Cuộc bắt giữ Mike chính là sao y bản chính của vụ Sandra Bland, chẳng phải thế sao? Một sĩ quan cảnh sát tiếp cận một thường dân, viện những nguyên cớ lỏng lẻo nhất, để tìm kim nơi đáy bể - và kết quả là có biết bao nhiêu người vô tội bị bắt giữ trong làn sóng ngờ vực, nơi lòng tin giữa cảnh sát và cộng đồng bị phá hủy. Đó chính là lý do vì sao người ta biểu tình trên đường phố ở Ferguson: hết năm này qua năm khác các sĩ quan cảnh sát vẫn còn nhàm lẫn một vận động viên bóng rổ với một kẻ ấu dâm^[44].

[44] . Có bằng chứng rõ ràng cho thấy người Mỹ gốc Phi thường bị nhắm làm đối tượng bị dừng phương tiện giao thông hơn người Mỹ da trắng, điều đó có nghĩa là sự bất công cụ thể từ hiện tượng báo động giả này không chia đều cho tất cả các thành phần công dân. Nó tập trung vào những người dân vốn đã phải chịu thiệt thòi từ những bất công khác.

Đó là tất cả các vụ việc xảy ra ở Ferguson, Missouri hay Prairie View, Texas rồi phải không? Tất nhiên là không. Hãy nhớ lại số lần dừng xe tăng kính hoàng mà Đội Tuần tra Cao tốc bang Bắc Carolina đã thực hiện. Trong bảy năm, mỗi năm tăng từ 400.000 lên 800.000 cuộc dừng giao thông. Nào, có phải vì đúng là trong khoảng thời gian đó các chủ phương tiện giao thông ở Bắc Carolina đột nhiên vượt đèn đỏ nhiều hơn, uống rượu khi lái xe nhiều hơn, và chạy quá tốc độ thường xuyên hơn không? Tất nhiên là không. Mà là vì cảnh sát liên bang đã thay đổi chiến thuật. Họ thực hiện quá trời các cuộc lần tìm kim đáy bể. Họ hướng dẫn các sĩ quan cảnh sát loại bỏ khuynh hướng tự nhiên của con người là mặc định với sự thành thật - và luôn tưởng tượng ra những điều tồi tệ nhất: rằng người phụ nữ trở về sau cuộc phỏng vấn xin việc có thể có vũ khí và

nguy hiểm, hoặc chàng thanh niên ngồi nghỉ trong xe hơi sau trận bóng rổ có thể là một kẻ ấu dâm.

Chính xác thì Đội tuần tra Cao tốc Bắc Carolina tìm thấy thêm được bao nhiêu súng và ma túy trong số 400.000 cuộc lục tìm mà họ thực hiện thêm? Mười bảy. Có đáng để bới vết tìm lông và gây phiền toái cho 399.983 người như Mike và Sandra để chỉ tìm ra được 17 “quả táo thối” không?

Khi Larry Sherman thiết kế thử nghiệm súng ở thành phố Kansas, ông đã ý thức rất rõ vấn đề này. “Anh không thể bảo các bác sĩ hãy ra ngoài và tóm được ai thì mổ người nấy để xem họ có sỏi thận hay không”, Sherman nói. “Bạn cần làm rất nhiều chẩn đoán trước khi thực hiện bất cứ thủ thuật nguy hiểm nào. Và việc dừng-xe-khám-xét là một thủ thuật nguy hiểm. Nó có thể sản sinh ra thái độ thù địch với cảnh sát”. Đối với Sherman, lời thề Hippocrates trong y học - “Một là, không gây tổn hại” - cũng cần được áp dụng nghiêm ngặt tương tự đối với lực lượng thi hành luật pháp. “Tôi thậm chí còn tự mua một bức tượng chân dung Hippocrates để nhắc nhở mình mỗi ngày rằng chúng ta phải giảm thiểu tối đa hoạt động cảnh sát gây hại”, ông nói tiếp. “Chúng ta phải thừa nhận rằng với tất cả những gì cảnh sát làm, theo cách nào đó, là xâm lấn tự do của một ai đó. Và vì thế, vấn đề ở đây không chỉ là chuyện đặt cảnh sát vào những điểm nóng, mà còn là tìm ra một điểm cân bằng vừa đủ để xâm lấn tự do của người khác nhưng được không quá đà - dù chỉ một ly cũng không”.

Đó là lý do tại sao các sĩ quan cảnh sát tham gia thử nghiệm của Sherman ở thành phố Kansas được đào tạo đặc biệt. “Chúng tôi biết rằng chiến thuật cảnh sát chủ động là một nguy cơ mang tính chính

trị đối với cảnh sát và tôi nhắc đi nhắc lại, nhân mạnh không ngừng vào điều đó”, Sherman nói^[45]. Thậm chí một điều chủ chốt hơn nữa, đó là lý do vì sao thử nghiệm súng ở thành phố Kansas chỉ gói gọn trong Quận 144. Đó là *địa bàn tội phạm*. “Chúng tôi đã thực hiện một nỗ lực nhằm tái cấu trúc lại các điểm nóng”, Sherman nói. Trong khu dân cư phức tạp nhất của thành phố, ông còn đào sâu vào một điểm nữa, xa hơn, là áp dụng phương pháp phân tích sàng lọc mà ông và Weisburd đã sử dụng ở Minneapolis để xác định được chính xác con phố cụ thể diễn ra tội phạm tập trung nhất. Sau đó các cảnh sát tuần tra được yêu cầu tập trung năng lượng vào những địa điểm đó. Sherman sẽ không bao giờ lục tìm vũ khí ráo riết trong một khu dân cư không nằm trong khu vực chiến đấu.

[45] . Trong những dự án sau này với Sở cảnh sát Scotland Yard ở London, khi cảnh sát cố gắng làm thuyên giảm làn sóng giết chóc bằng dao ở thanh thiếu niên, Sherman khẳng định đề nghị cảnh sát tuần tra đưa một tấm thẻ cho tất cả những người họ gặp gỡ và trò chuyện.

“Có lúc họ thực hiện đến 500 cuộc dừng trong một tối”, Sherman nói, “và họ sẽ nói với tất cả những tài xế trong buổi tối hôm ấy rằng: ‘Đây là tên của tôi, đây là số hiệu cảnh sát của tôi. Nếu anh có bất cứ phàn nàn hoặc câu hỏi gì về bất cứ điều gì tôi đã làm, anh có thể làm theo hướng dẫn trong tấm thẻ này.’”

Trong Quận 144, “vấn đề kiểu Mike và Sandra” không tự nhiên biến mất. Nhưng mục tiêu của việc gói gọn thử nghiệm súng ở thành phố Kansas chỉ trong những con phố lộn xộn nhất, nằm trong khu dân cư bất ổn nhất của thành phố khiến cho “cái bể nơi họ tìm kim” đơn giản là thu hẹp lại rất nhiều, và làm cho cái giá phải đánh đổi

giữa việc chiến đấu chống lại tội phạm và gây phiền toái cho một số người vô tội trở nên dễ dàng hơn một chút. Trong một cộng đồng dân cư bình thường, để cảnh sát hung hãn và ráo riết được như ý muốn của Sherman thì họ sẽ chỉ mời gọi rắc rối. Nhưng mặt khác, đối với những người đang phải sống trong cảnh khổ sở ở khu vực chỉ chiếm từ 3-4% trên tổng số các con phố, nơi tội phạm là một đại dịch - nơi có thể có từ 100 đến 200 cuộc gọi mỗi năm - thì lý thuyết ghép cặp gợi ý một điều rằng bài tính ở đây có thể sẽ khác.

“Ở những điểm nóng thì hoạt động của cảnh sát là gì? Bạn sẽ bảo với cảnh sát: ‘Hãy đến 10 con phố trên tổng số 100 con phố ở khu dân cư đó và dành thời gian ở đây’. Đó chính là những nơi mọi rắc rối nảy sinh”, Weisburd nói. “Và nếu bạn làm như thế, khả năng cao là dân cư ở khu ấy sẽ bảo: ‘Vâng, tự do bị xâm lấn cũng đáng thôi bởi vì tôi không muốn ngày mai bị bắn bôm trên phố.’”

Câu hỏi đầu tiên dành cho Brian Encinia là: anh ta có làm việc đúng đắn? Nhưng câu hỏi thứ hai cũng quan trọng không kém: anh ta có ở đúng chỗ?

5. Prairie View, Texas, nơi Sandra Bland bị yêu cầu dừng xe, đôi khi được miêu tả là khu “rìa” của Houston, như thể là vùng ngoại ô. Nhưng không phải. Houston ở cách đó gần 100 km. Prairie View là vùng nông thôn.

Thị trấn rất nhỏ: có không tới vài nghìn người, các con phố ngắn chạy song song với những ngôi nhà trang trại. Trường đại học nằm ở cuối một con đường chính, đường FM 1098, tiếp giáp với phần phía tây của khuôn viên trường. Nếu bạn lái xe một vòng quanh trường trên đường vành đai, bạn sẽ trông thấy một nhà thờ Tân giáo nhỏ bên trái, sân bóng bầu dục của trường bên phải, và sau đó là rất

nhiều khu đồng cỏ, thi thoảng có ngựa và bò nhẩn nha ăn cỏ. Hạt Waller - Prairie View thuộc địa phận này - chủ yếu là nơi những người thuộc đảng Cộng hòa, da trắng, tầng lớp trung lưu và lao động sinh sống.

Renfro: Được rồi, hãy nói cho tôi nghe về khu vực này. Đây có phải là khu vực tội phạm cao?

Encinia: Vùng đó trên đường FM 1098 là khu vực nhiều hoạt động tội phạm và ma túy. Theo kinh nghiệm của tôi với khu vực này, trong nhiều tình huống tương tự mà tôi được chứng kiến, tôi đã gặp những người liên quan đến ma túy, vũ khí và những người bất hợp tác.

Encinia tiếp tục kể rằng anh ta đã thực hiện nhiều cuộc bắt bớ vì “truy nã, ma túy, và vũ khí, hầu như [tất cả] đều nằm trong khu vực này”.

Tuy vậy, dữ liệu chính thức về Encinia lại không thể hiện điều gì như thế. Từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến sự vụ của Sandra Bland vào ngày 10 tháng 7 năm 2015, anh ta dừng 27 phương tiện trên đoạn đường cao tốc kéo dài một dặm đó. Sáu trường hợp trong số đó là vượt quá tốc độ. Đó là những cuộc dừng xe theo đúng luật: chúng ta có thể giả định rằng bất cứ nhân viên cảnh sát mẫn cán nào từ thời kỳ trước ở khu vực thành phố Kansas cũng sẽ bắt dừng các xe này. Nhưng số lượng lớn các cuộc bắt giữ còn lại chỉ là những lần Encinia “thả câu”. Tháng 3 năm 2015, anh ta dừng một người đàn ông da đen vì “không lái xe trên một làn”. Năm lần anh ta yêu cầu dừng xe vì vi phạm điều khoản “FMVSS 571.108”, mục hướng dẫn lái xe an toàn của liên bang quy định cách sử dụng đèn tín hiệu giao thông, chiếu sáng biển số xe và đèn phanh. Tệ nhất

trong danh sách là hai trường hợp lái xe khi say rượu, nhưng xin hãy nhớ đây là con đường tiếp giáp với khuôn viên một trường đại học.

Thế đấy! FM 1098 không phải là “khu vực nhiều hoạt động tội phạm, ma túy”. Bạn có thể sẽ phải đi thêm ba dặm nữa đến Laurie Lane - một khu nhà di động dài nửa dặm - thì may ra mới tìm được điều gì đó, nhưng vẫn còn lâu mới có thể gọi đây là một điểm nóng.

“Tại sao anh lại dừng xe những người ở những nơi không có tội phạm?” Weisburd nói. “Điều đó với tôi mà nói thật là vô nghĩa lý hết sức”.

Sherman thì thấy thật kinh hãi. “Vào thời điểm đó trong ngày, dừng xe [Sandra Bland] vì lỗi đổi làn là điều không thể lý giải nổi”, ông nói. Sherman nói, ngay cả trong thời kỳ đầu thử nghiệm tìm súng ở thành phố Kansas - trong khu vực dân cư lộn xộn gấp 100 lần so với Prairie View - các sĩ quan cảnh sát cũng chỉ dừng xe vào buổi tối. Đó là thời gian duy nhất trong ngày tỉ lệ tội phạm đủ cao để cảnh sát phải hoạt động ráo riết. Sandra Bland bị dừng xe ngay giữa ban chiều.

Brian Encinia có thể đã phóng đại sự nguy hiểm của khu vực để giải thích cho hành vi của anh ta đối với Sandra Bland. Tuy nhiên, dường như khả năng cao là anh ta chưa từng bao giờ biết đến việc *suy nghĩ* tội phạm là một vấn đề gắn bó chặt chẽ đến thế với một địa điểm.

Vậy thì vấn đề ở đây là Brian Encinia rốt cuộc đã có mặt tại một địa điểm mà đáng ra anh ta không nên có mặt, dừng xe một người mà đáng ra không nên bị dừng, rút ra những kết luận mà đáng ra không bao giờ nên nghĩ đến. Cái chết của Sandra Bland là chuyện

xảy ra khi một xã hội không biết cách trò chuyện với những người xa lạ.

6.

Từ đầu tới giờ đây vẫn luôn là cuốn sách về một câu đố hóc búa. Chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài trò chuyện với những người lạ, đặc biệt là trong xã hội hiện đại, trong thế giới không biên giới. Chúng ta không còn sinh sống trong những ngôi làng nữa. Các nhân viên cảnh sát dừng xe những người họ không biết. Các sĩ quan tình báo phải đối phó với giả trá và bất định. Những người trẻ tuổi muốn đến những bữa tiệc rõ ràng là để gặp gỡ những người lạ mặt: đó chính là một phần tạo nên sự phấn khích cho những cuộc gặp lãng mạn. Thế nhưng chúng ta lại vụng về trong những nhiệm vụ cần thiết nhất này. Chúng ta nghĩ mình có thể chuyển hóa người lạ mặt, mà không phải đánh đổi hoặc hy sinh gì, trở nên thân thuộc và quen biết, và chúng ta không thể làm được điều đó. Vậy chúng ta phải làm gì?

Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách không bắt lỗi lẫn nhau chỉ vì mặc định với sự thành thật nữa. Nếu bạn là cha mẹ của một đứa trẻ bị người lạ lạm dụng - ngay cả khi bạn có mặt trong căn phòng - thì điều đó cũng không biến bạn trở thành một phụ huynh tồi tệ.

Nếu bạn là hiệu trưởng một trường đại học và bạn không nghĩ đến tình huống xấu nhất khi đọc báo cáo mù mờ về một nhân viên do bạn quản lý, thì điều đó cũng không biến bạn trở thành tội phạm. Giả định những điều tốt đẹp nhất về người khác là một phẩm chất để tạo ra xã hội hiện đại. Những tình huống khi niềm tin tự nhiên của chúng ta bị xâm phạm đều là thảm kịch. Nhưng phương án thay thế

- từ bỏ niềm tin như một cơ chế phòng vệ chống lại những kẻ săn mồi và lừa đảo - thì còn tệ hại hơn.

Chúng ta cũng nên chấp nhận những giới hạn khả năng khi phải giải mã người xa lạ. Câu chuyện thẩm vấn KSM có hai mặt. James Mitchell và đồng nghiệp Bruce Jessen đều bị thôi thúc bởi ham muốn làm cho KSM mở mồm. Mặt khác, Charles Morgan lo ngại về cái giá phải trả khi bắt người khác mở miệng: nếu như trong hành động ép buộc tù nhân phải khai báo, bạn đã phá hoại bộ nhớ của anh ta và buộc anh ta phải nói những điều ít đáng tin hơn thì sao? Kỳ vọng giản dị hơn của Morgan là một hình mẫu tốt cho tất cả những người còn lại. Sẽ không có cơ chế hoàn hảo nào để CIA lật tẩy những viên gián điệp trong vỏ bọc, hoặc để các nhà đầu tư phát hiện kẻ lừa đảo và gian lận, hoặc để cho bất cứ một ai trong số chúng ta có thể nhìn thấu, sáng rõ rành mạch, vào bên trong đầu óc của những người mà chúng ta không quen biết. Điều đòi hỏi ở chúng ta là phải dằn nén và khiêm nhường. Chúng ta có thể lấp thêm rào chắn trên các cây cầu để gây khó khăn hơn, không để những ham muốn nhất thời trở thành mãi mãi. Chúng ta có thể hướng dẫn cho những người trẻ biết rằng kiểu cách uống rượu vô lối ở các bữa tiệc sinh viên có thể khiến nhiệm vụ đọc vị người khác trở nên bất khả. Có những dấu hiệu để lý giải một người xa lạ. Nhưng sử dụng những dấu hiệu ấy như thế nào đòi hỏi sự cẩn trọng và chú ý.

Tôi đã nói ngay từ đầu cuốn sách này là tôi không sẵn lòng bỏ cái chết của Sandra Bland sang một bên. Cho đến bây giờ tôi đã xem không biết bao nhiêu lần đoạn băng ghi hình cuộc đối đầu của cô ấy với Brian Encinia - và mỗi lần xem tôi lại càng giận dữ hơn bởi cái cách mà sự kiện này được “giải quyết”. Nó đang được xử lý trở

thành một điều gì đó nhỏ hơn rất nhiều so với tầm vóc thực sự của vấn đề: một viên cảnh sát kém cỏi và một cô gái trẻ da đen giận dữ. Đó không phải là bản chất của vấn đề. Điều sai trái diễn ra vào ngày hôm đó trên đường FM 1098 ở Prairie View, Texas, là một thất bại liên tiếp. Một ai đó đã viết ra một bản hướng dẫn huấn luyện ngu ngốc cổ vũ Brian Encinia nghi ngờ bất cứ người nào gặp, và anh ta thuộc nằm lòng điều đó. Một ai đó ở địa vị cao hơn trong đội Tuần tra Cao tốc Texas đã đọc sai những chứng cứ và nghĩ rằng áp dụng phương pháp dừng xe đang lưu thông của thành phố Kansas ở khu dân cư ít tội phạm là một ý tưởng hay ho. Tất cả mọi người trong thế giới của ông ta đều hành động dựa trên tiên giả định rằng những người điều khiển phương tiện cơ giới qua lại trên các con đường ở bang Texas đều có thể được nhận dạng và phân loại dựa trên những yếu tố cơ bản như tông giọng, hành động bồn chồn và giấy gói đồ ăn nhanh. Và phía sau mỗi một ý tưởng này là các giả định mà rất nhiều người đều đồng tình - và chỉ có rất ít người nghĩ tới việc cân nhắc lại các giả định đó.

Renfro: Được rồi. Nếu Bland là một phụ nữ da trắng, liệu chuyện tương tự có xảy ra?

Đó là đoạn cuối của cuộc lấy lời khai. Encinia và người thẩm vấn bắt lực khi cố tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra vào ngày hôm ấy.

Encinia: Màu da không quan trọng... Chúng tôi dừng các phương tiện vì họ vi phạm luật giao thông, chứ không dựa trên chủng tộc hay giới tính. Chúng tôi dừng những hành vi vi phạm.

“Chúng tôi dừng những hành vi vi phạm”, có lẽ là điều trung thực nhất được thốt lên trong toàn bộ cuộc nói chuyện. Nhưng thay vì hỏi

tiếp câu hiển nhiên tiếp theo - *tại sao* chúng ta lại dừng tất cả những vi phạm? - thì Renfro lại bỏ phí cơ hội.

Renfro: Anh nghĩ rằng một người đang trong cơn giận dữ sẽ làm gì khi anh hỏi “Cô có ổn không?” Và khi cô ấy trả lời, thì anh lại quay lại với câu hỏi “Cô nói xong chưa?” Ý tôi là, làm sao lại dựng lên được sự liên quan ở đây?

Renfro rần rỏi nhưng thấu hiểu, giống như một người cha đang mắng đứa con nhỏ vì cậu ta thất lễ với khách đến nhà ăn tối vậy. Hai người họ đã đồng thuận khi đóng gói cái chết bi thảm của Sandra Bland như một cuộc chạm trán cá nhân đi chệch hướng, và giờ đây họ đi đến đoạn Renfro chỉ trích Encinia vì hành vi không đúng mực trên bàn ăn.

Encinia: Không có lúc nào tôi tỏ ra thiếu lịch sử hoặc cố đánh giá thấp bất cứ phản ứng nào của cô ấy. Tôi chỉ hỏi là cô ấy đã nói xong chưa, muốn chắc chắn là cô ấy có được điều mà cô ấy cần, và theo cách đó, tôi có thể kết thúc cuộc dừng xe và/hoặc xác định được điều gì có thể xảy ra hoặc không xảy ra trong khu vực.

Renfro: Có công bằng không khi cho rằng cô ấy có thể hiểu câu hỏi của anh theo nghĩa châm biếm?

Encinia: Điều đó có thể, thưa ông. Nhưng đó không phải là ý của tôi.

Ồ, vậy nghĩa là lỗi của cô ấy, phải thế không? Rõ ràng là Bland đã hiểu nhầm ý đồ của anh ta. Nếu bạn mù tịt trong việc hiểu các ý tưởng ẩn sâu dưới các lỗi lầm mà chúng ta mắc phải ở những người lạ - cũng như các thể chế và thủ tục mà chúng ta xây dựng từ các ý tưởng đó - thì rồi tất cả những gì còn lại đều thuộc về cá nhân: Người Leo Núi nhẹ dạ, Graham Spanier thiếu cảnh giác, Amanda

Knox hiểm ác và Sylvia Plath bạc mệnh. Giờ là Sandra Bland, người mà - cho đến cuối của cuộc khám nghiệm nhìn lại lần dừng xe định mệnh trên đường cao tốc FM 1098 - bằng cách nào đó lại trở thành kẻ xấu trong câu chuyện.

Renfro: Có khi nào anh hồi tưởng lại quá trình huấn luyện của mình, cho đến thời điểm đó, và nghĩ rằng có lẽ anh đã dừng xe một đối tượng chỉ đơn giản là không thích các cảnh sát không? Điều đó có khi nào nảy ra trong đầu anh?

Encinia: Thưa có... Đó có thể là một khả năng, rằng cô ấy không thích các nhân viên cảnh sát.

Bởi vì chúng ta không biết cách nói chuyện với người lạ, vậy chúng ta sẽ làm gì khi câu chuyện với người lạ trở nên tồi tệ? Chúng ta đổ lỗi cho người xa lạ.

LỜI CẢM ƠN

Đọc vị người lạ, cũng như tất cả các cuốn sách khác, là kết quả của một nỗ lực nhóm, và tôi thật biết ơn vì những cộng sự của tôi là những người tuyệt vời nhất. Thật hạnh phúc khi được làm việc với mọi người ở Little, Brown: biên tập viên xán lạn Asya Muchnick, nhà vô địch Reagan Arthur, và tất cả những người khác đã ủng hộ cuốn sách này từ khi bắt đầu: Elizabeth Garriga, Pamela Marshall, Allan Fallow và vô số những người khác ở nhà xuất bản tốt nhất nước Mỹ này. Helen Conford của nhà xuất bản Penguin UK đã nói một câu đậm chất Anh quốc nhất từ trước tới giờ: “Quá trời những ‘đường ray thứ ba’ đầy nguy hiểm! Tôi thích đấy!” Xin đặc biệt cảm ơn Eloise Lynton, người xác minh dữ kiện không biết mệt mỏi của tôi, Camille Baptista, người đã trả lời hàng triệu câu hỏi của tôi, và người đại diện của tôi, Tina Bennett, nếu không có cô ấy thì giờ này hẳn tôi vẫn còn đang kỳ cạch ngồi viết trong một tầng hầm không lò sưởi nào đó. Rất nhiều bạn bè đã dành thời gian đọc bản thảo và đưa ra lời khuyên cho tôi: Adam Alter, Ann Banchoff, Tali Farhadian, Henry Finder, Mala Gaonkar, Emily Hunt, tất cả mọi người trong nhà Lyntons, Brit Marling, Kate Moore, Wesley Neff, Kate Taylor, Lily và Jacob Weisberg và Dave Wirtshafter.

Hy vọng là tôi không kể sót ai.

Lời cảm ơn đặc biệt, như thường lệ, là dành cho mẹ tôi, người đã dạy tôi cách hành văn mạch lạc và đơn giản. Thật buồn vì cha tôi đã qua đời trước khi tôi kịp hoàn thành cuốn sách. Nếu không ông hẳn sẽ đọc rất tỉ mỉ, gật gù khi gặp một đoạn vừa ý, và rồi sẽ nói một điều gì đó sâu sắc hoặc hài hước. Hoặc có thể là cả hai. Cuốn sách tự nó đã chưa thể hoàn hảo vì thiếu đi sự đóng góp của ông.

GHI CHÚ

Đọc vị người lạ được viết trong thời gian ba năm. Trong thời gian nghiên cứu của mình, tôi đã thực hiện vô số các cuộc phỏng vấn và đọc hàng trăm cuốn sách và bài báo. Trừ những trường hợp được chú dẫn khác đi, các đoạn trích dẫn trong cuốn sách được trích từ các cuộc phỏng vấn của tôi.

Danh sách trích dẫn sau đây không phải là toàn bộ những nguồn thông tin có ảnh hưởng tới tư duy của tôi. Đây chỉ đơn giản những nguồn thông tin mà tôi đánh giá là quan trọng nhất. Một điều gần như chắc chắn là tôi hẳn sẽ bỏ sót một số nguồn tin. Nếu bạn tìm thấy bất cứ điều gì nằm trong số đó hoặc ví dụ nào mà rõ ràng là tôi nhầm lẫn, xin hãy liên hệ với tôi theo địa chỉ lbpublicity.generic@hbgusa.com và tôi sẽ vui vẻ sửa chữa lại bản ghi.

MỞ ĐẦU: “HÃY BƯỚC RA KHỎI XE!”

Trường hợp của Sandra Bland là chủ đề của bộ phim tài liệu do HBO sản xuất năm 2018, *Say Her Name: The Life and Death of Sandra Bland* (*Hãy gọi tên cô ấy: Cuộc sống và Cái chết của Sandra Bland*), đạo diễn và sản xuất bởi Kate Davis và David Heillbroner. *Hãy gọi tên cô ấy* được tạo ra với sự phối hợp toàn diện của gia đình của Bland, và nó đã tái hiện rất sắc nét cuộc sống của cô ấy và bắt được phần tâm hồn của cô. Tuy nhiên, nó nêu lên một số nghi

vấn - và cũng là những nghi vấn dấy lên từ rất nhiều góc ngách trên mạng internet - rằng có một điều gì đó đáng ngờ trong cái chết của Bland. Tôi cho rằng những nghi vấn ấy là không thuyết phục, và *Hãy gọi tên cô ấy* không trình được bất cứ chứng cứ thực sự nào để hỗ trợ cho những nghi vấn ấy. Trường hợp đau lòng của Sandra Bland, như bạn cũng vừa đọc xong, là phức tạp hơn - và, đáng buồn là, nó mang tính hệ thống - hơn thế.

“Con ở đây chỉ để ngợi ca Chúa...”: “Sandra trò chuyện trong ngày sinh nhật!” vào ngày 7/2/2015”, YouTube, 7/2/2015, truy cập ngày 10/1/2019, <https://www.youtube.com/watch?v=KfrZM2Qjvtc>. **Đã có vài triệu lượt xem trên YouTube, ở dạng thức này hoặc dạng thức khác**: Xem đoạn phim của Sở An toàn Cộng đồng Texas (963k lượt xem), video của WSJ (42k lượt xem), đoạn video thứ hai của WSJ (37k lượt xem), cộng với những trang web không có tính năng đếm lượt xem như nytimes.com và nbc.com

Bản sao chép chi tiết “chỉ vì không bật đèn xi-nhan”: “Cuộc dừng xe đang lưu thông của Sandra Bland” Sở An toàn Cộng đồng bang Texas, YouTube, 2015, <https://www.youtube.com/watch?v=CaW09Ymr2BA>.

Michael Brown bị bắn cho tới chết: Rachel Clarke và Christopher Lett, “Chuyện gì đã xảy ra khi Michael Brown gặp Cảnh sát Darren Wilson”, CNN, 11/11/2014, <https://www.cnn.com/interactive/2014/08/us/ferguson-brown-timeline/>.

Ở Baltimore, một thanh niên trẻ da đen tên Freddie Gray...Scott bị giết chết vào ngày 4 tháng 4 năm 2015: Peter Herman và John Woodrow Cox, “Mồi lửa Freddie Gray: Anh ấy là ai,

vì sao bị chết, tại sao lại nhiều giận dữ đến vậy? *Washington Post*, 28/4/ 2015, <https://www.washingtonpost.com/news/local/wp/2015/04/28/a-freddie-grayprimer-who-was-he-how-did-he-why-is-there-so-much-anger>. Về Philando Castile, xem Mark Berman, “Cảnh sát Minnesota bị tuyên tội giết người vì bắn chết Philando Castile trong sự vụ trên Facebook”, *Washington Post*, November 16, 2016, https://www.washingtonpost.com/news/post-nation/wp/2016/11/16/prosecutors-to-announceupdate-on-investigation-into-shooting-of-philando-castile/?utm_term=.1e7914da2c3b. Về Eric Garner, xem Deborah Bloom và Jareen Imam, “Một người đàn ông New York chết sau khi bị cảnh sát ghì cổ”, CNN, 8/12/ 2014, <https://www.cnn.com/2014/07/20/justice/ny-chokehold-death/index.html>. Về Walter Scott, xem Michael Miller, Lindsey Bever, và Sarah Kaplan, “Làm thế nào một đoạn video trên điện thoại có thể kết tội giết người đối với một cảnh sát ở Bắc Charleston, S.C”, *Washington Post*, April 8, 2015, https://www.washingtonpost.com/news/morning-mix/wp/2015/04/08/how-a-cell-phone-video-led-to-murder-charges-against-a-cop-in-bắc-charleston-s-c/?utm_term=.476f73934c34.

“Chào buổi sáng... và vẫn bị giết hại”. “Tiếng nói Sandy— 8/4/2015 (Mạng sống người da đen đáng giá)”, YouTube, 8/4/ 2015, <https://www.youtube.com/watch?v=CIKeZgC8IQ4>.

Cuộc chạm trán giữa Cortés và Montezuma: William Prescott, *History of the Conquest of Mexico (Lịch sử Chinh phạt của Mexico)* (New York: Thư viện Modern Library, 1980).

“Khi chúng tôi nhìn thấy nhiều thành phố”: Bernal Diaz del Castillo, *The Discovery and Conquest of Mexico (Sự phát hiện và chinh phạt của Mexico)* (London: George Routledge & Sons, 1928), trang 270, <https://archive.org/details/in.ernet.dli.2015.152204/page/n295>.

Đoạn miêu tả cuộc gặp gỡ đầu tiên đến đoạn, “Phải, chính là ta”: Hugh Thomas, *Conquest: Cortés, Montezuma, and the Fall of Old Mexico (Chinh phạt: Cortés, Montezuma và sự sụp đổ của Mexico Cũ)* (New York: Simon & Schuster, 1995), trang 279.

“vô số phòng ở bên trong... áo choàng lông trắng tinh đáng thèm muốn”: Thomas, *Conquest (Chinh phạt)*, trang 280.

Ý tưởng Montezuma coi Cortés là một vị thần (phần ghi chú): Camilla Townsend, “Burying the White Gods: New Perspectives on the Conquest of Mexico”, (Chôn cất những vị thần Trắng: Góc nhìn mới về cuộc chinh phục của Mexico) *American Historical Review* 108, Số 3 (2003): 659–87.

“Để dịch được chính xác một thứ ngôn ngữ như thế... hàng phục của người Tây Ban Nha”: Matthew Restall, *When Montezuma Met Cortés: The True Story of the Meeting That Changed History (Khi Montezuma gặp Cortés: Câu chuyện thật về cuộc gặp làm thay đổi lịch sử)* (New York: Harper Collins, 2018), trang 345.

Nếu bạn quan tâm tới câu chuyện về **Cortés-Montezuma**, tôi nhiệt liệt đề xuất bạn đọc hai nguồn cuối cùng trong số những nguồn tin này. Cuốn sách của Restall quả là rất tài tình. Còn Townsend là một nhà sử học hiếm có nhất trên đời, có khả năng viết về lịch sử

học thuật cho các tạp chí hàn lâm nhưng khi đọc lên dường như được viết cho tất cả những người đọc như chúng ta.

CHƯƠNG MỘT: SỰ TRẢ THÙ CỦA FIDEL CASTRO

“Tôi là một nhân viên thuộc Tình báo Cuba. Tôi là một sĩ quan chỉ huy tình báo”. Lời khai này được trích dẫn từ Brian Latell, *Castro’s Secrets: Cuban Intelligence, the CIA, and the Assassination of John F. Kennedy* (Những bí mật của Castro: Tình báo Cuba, CIA và kẻ Ám sát John F. Kennedy (New York: Palgrave Macmillan, 2013), trang 26.

vị cựu đội trưởng trạm Havana: Herald Staff, “Hoạt động gián điệp được vinh danh trong bảo tàng ở Havana”, *Miami Herald*, 16/7/2001, [http:// www.latinamericanstudies.org/ espionage/spy-museum.htm](http://www.latinamericanstudies.org/espionage/spy-museum.htm).

cho đến khi liệt kê đến hàng tá những tên: Benjamin B. Fischer, “Rắc rối kép: CIA và các Điệp viên Hai mang trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh”, Tạp chí Quốc tế về Tình báo và Phản gián 21, số 1,(2016): 48–74.

có những giải thích chi tiết cho biết nhân viên CIA sẽ sử dụng chiếc ghế băng nào trong công viên: I. C. Smith, *Nội gián: Một nhân vật cấp cao tiết lộ tẩy các điệp viên, dối trá và thói quan liêu bên trong FBI* (Nashville: Nelson Current, 2004), trang 95–96.

một đặc vụ CIA nhét tiền mặt: Herald Staff, “Hoạt động tình báo được vinh danh trong bảo tàng ở Miami”, *Miami Herald*, 16/7/2001.

“chúng tôi ở vào một tình thế... những thông tin sai lệch”.: Đây là Fischer trích dẫn lời của Markus Wolf, với Anne McElvoy, *Người đàn ông không có khuôn mặt: Tự truyện của điệp viên bậc thầy vĩ đại nhất của Cộng sản* (New York: Times Books/Random House, 1997), trang 285.

CHƯƠNG HAI ĐỀ HIỂU VỀ QUỐC TRƯỞNG

Phần nội dung về Chamberlain và Hitler được chắt lọc từ một số nguồn, nhưng chủ yếu vẫn là cuốn sách tuyệt hay của David Faber *Munich, 1938: Appeasement and World War II (Munich, 1938: Nhân nhượng và Thế chiến II)* (New York: Simon & Schuster, 2008), trang. 272–96; “rất bất thường... chết sững”, trang 229; rằng 70% người dân nghĩ rằng chuyến đi của Chamberlain là “một điều tốt lành cho hòa bình” và nâng ly chúc sức khỏe Chamberlain, từ trang 284–85; bài phát biểu của Chamberlain ở Sân bay Heston Airport và phản ứng của công chúng về bài phát biểu, trang 296; “không có dấu hiệu điên loạn mà rất nhiều hứng khởi”. trang 302; “giữa một cuộc tụ tập xã hội và một cuộc ẩu đả”. trang 300; “thái độ hòa trộn giữa kinh ngạc, ghê tởm và cảm thông”, trang 40. Faber đang trích dẫn lại lời của nhà ngoại giao người Anh Ivone Kirkpatrick khi nhắc đến sự kiện này trong cuốn hồi ký của ông, *The Inner Circle (Vòng trong)* (London: Macmillan & Company, 1959), trang 97; và “ông ta có thể sẽ phá rào trở nên điên loạn”. trang 257.

Những người sai lầm về Hitler là những người đã trò chuyện với ông ta hàng giờ đồng hồ. Tôi nghĩ rằng điều này cũng có lý ở một điểm: bạn cần phải đối diện với một kẻ lừa đảo trước khi

bạn có thể bị hấn ta lừa đảo. Mặt khác, những nhân vật đồng cấp với Hitler tất cả đều là những người thông minh, nhiều kinh nghiệm trong hoạt động ngoại giao, với rất nhiều nghi hoặc khi bước vào cuộc gặp gỡ. Tại sao bất kể những thông tin thêm thắt mà người ta thu lượm được từ các cuộc gặp gỡ mặt đối mặt với Hitler lại không dẫn đến một sự cải thiện của tính chính xác khi đánh giá về hấn ta? Cũng mời xem *Munich, 1938* của Faber, trang 285, 302, 351; chuyến thăm viếng thứ ba và cũng là cuối cùng đến Đức, trang 414; “Quốc trưởng Hitler đang nói sự thật”, trang 302; “Sáng nay, tôi đã có một cuộc nói chuyện nửa với Thủ tướng Quốc trưởng Hitler, và đây, tờ giấy có cả chữ ký tên ông ấy và tên của tôi”. trang 4; “lên giường ngủ một giấc thật bình an”, trang 5-7.

Phản về sự ngưỡng mộ của King đối với Hitler (trong ghi chú), xem *W. L. Mackenzie King's Diary (Nhật ký của W.L. Mackenzie King)*, 29/6/1937, Cục lưu trữ Quốc gia Canada, MG 26 J Serie 13, <https://www.junobeach.org/canada-in-wwii/articles/aggression-and-impunity/w-l-mackenzie-kings-diary-june-29-1937/>.

“Tuỳ theo cảm hứng, ông ta có thể rất hài hước”,: Diana Mosley, *A Life of Contrasts: The Autobiography of Diana Mosley (Một cuộc đời đầy đối lập: Tự truyện của Diana Mosley)* (London: Gibson Square, 2002), trang 124.

“Đứng ở lưng chừng bậc tam cấp... một thợ sơn tường”,: Neville Chamberlain viết thư gửi Ida Chamberlain, 19/9/1938, trên kệ Robert, *The Neville Chamberlain Diary Letters: Volume Four: The Downing Street Years, 1934–1940 (Những lá thư Nhật ký của Neville Chamberlain: Tập Bốn: Những năm tháng sống ở Phố Downing, 1934-1940)* (Aldershot, UK: Ashgate, 2005), trang 346; “Nói ngắn

gọn... lời hứa của mình”, trang 348; “Về bề ngoài của Hitler... tình bằng hữu đặc biệt thân tình”, and “Hitler liên tục hét lên... mang theo mình”. Thư Neville Chamberlain gửi Hilda Chamberlain, 2/10/ 1938, trang 350.

Một phần khá nhiều nội dung về chuyến thăm của Halifax tới Berlin là ở đây: Lois G. Schworer, “Lord Halifax’s Visit to Germany: November 1937”, (Chuyến thăm của Ngài Halifax tới Đức: Tháng 11 năm 1937,) *The Historian* 32, Số. 3 (Tháng 5/1970): 353–75.

Hitler thậm chí còn đặt biệt danh cho Henderson: Peter Neville, *Hitler and Appeasement: The British Attempt to Prevent the Second World War (Hitler và Chính sách Nhân nhượng: Nỗ lực của nước Anh nhằm ngăn Chiến tranh Thế giới thứ Hai)* (London and New York: Hambledon Continuum, 2006), trang 150.

“Hitler cũng ghét chiến tranh như bất cứ người nào”: Abraham Ascher, *Was Hitler a Riddle? Western Democracies and National Socialism (Liệu Hitler là một ẩn số? Dân chủ Phương Tây và Chủ nghĩa Quốc xã)* (Stanford: Stanford University Press, 2012), trang 73.

Göring “yêu động vật và trẻ em... để dạy dỗ cho trẻ nhỏ”, (phần ghi chú): Ngài Nevile Henderson, *Failure of a Mission: Berlin 1937–39 (Thất bại của một Sứ mệnh: Berlin 1937-39)* (New York: G. P. Putnam and Sons, 1940), trang 82.

Anthony Eden... nhìn thấy sự thật ở ông ta: Xem D. R. Thorpe, *The Life and Times of Anthony Eden, First Earl of Avon (Cuộc đời và các thời đại của Anthony Eden, Bá tước đầu tiên của Avon) 1897–1997* (New York: Random House, 2003).

Về nghiên cứu của Sendhil Mullainathan, xem Jon Kleinberg, “Human Decisions and Machine Predictions”, (Các quyết định của Con người và các Dự đoán của Máy tính) NBER Working Paper 23180, tháng 2 năm 2017; đây là phiên bản trước của Kleinberg, “Human Decisions and Machine Predictions” (Các quyết định của Con người và các Dự đoán của Máy tính), *Tạp chí hàng Quý của tờ Economics* 133, số 1 (Tháng Hai 2018): 237–93.

Pronin đề nghị họ điền vào chỗ trống: Emily Pronin, “You Don’t Know Me, But I Know You: The Illusion of Asymmetric Insight”, (Anh không biết tôi, nhưng tôi biết anh: Ảo giác của Sự thấu hiểu bất cân xứng), *Tạp chí về Nhân cách và Tâm lý xã hội* 81, số 4 (2001): 639–56, APA PsychNET.

Tôi trích dẫn một phần kết luận của Pronin. Nhưng toàn bộ kết luận rất đáng đọc để cân nhắc:

Niềm tin cho rằng chúng ta hiểu người khác hơn là họ hiểu chúng ta - và rằng chúng ta có thể có những sự thấu hiểu về họ mà họ không biết (nhưng không phải theo chiều ngược lại) - dẫn dắt chúng ta đến việc cất tiếng nói khi đáng lẽ nên lắng nghe và chúng ta trở nên thiếu kiên nhẫn hơn cần thiết khi mà người khác đang bày tỏ niềm tin rằng họ mới là những người bị hiểu lầm và bị đánh giá một cách thiếu công bằng. Những niềm tin tương tự cũng có thể khiến chúng ta chần chừ không muốn tiếp nhận lời khuyên từ những người khác, những người không biết các suy nghĩ, tình cảm riêng tư của ta, sự diễn giải của ta đối với các sự kiện, hoặc động cơ của ta, nhưng tất cả đều sẵn lòng đưa ra lời khuyên cho người khác dựa trên những quan điểm của mình về hành vi của người khác trong quá khứ, mà không hề chú ý đầy đủ tới suy tư của họ, tình cảm của

họ, sự diễn giải và động cơ của họ. Quả thực, những định kiến được ghi lại ở đây có thể tạo ra một rào cản đối với loại trao đổi thông tin, và đặc biệt là loại trao đổi cần được lắng nghe cẩn thận và đầy tôn trọng, điều có thể tiến một bước dài nhằm xoa dịu những cảm giác thất vọng và phẫn nộ đi kèm với những mâu thuẫn cá nhân và mâu thuẫn qua lại trong nhóm.

Đó là những lời thông tuệ.

CHƯƠNG BA: NỮ HOÀNG CUBA

“Tổ quốc hay là chết, lữ chó”: Bản sao chép được lấy từ bộ phim tài liệu *Shoot Down (Bắn hạ)*, đạo diễn bởi Cristina Khuly (Palisades Pictures, 2007). Thông tin Juan Roque là người Cuba tuồn tin bên trong Hội Anh em Cứu trợ cũng được lấy từ bộ phim tài liệu này.

Chính phủ Hoa Kỳ đã có nguồn tin về việc “sự giận dữ của Cuba ngày càng tăng cao đối với Hội Anh em Cứu trợ” một thời gian trước khi cuộc bắn hạ diễn ra và đã cảnh báo cho tổ chức, chủ yếu được trao đổi trực tiếp với lãnh đạo của tổ chức này, Joe Basulto. Trong suốt mùa hè và mùa thu năm 1995, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và Cục Hàng không Liên bang (FAA) đã công khai đưa ra các tuyên bố và cảnh báo tổ chức này rằng không một kế hoạch bay nào tới Cuba được chấp thuận. Tới một thời điểm, FAA còn cố gắng thu hồi bằng lái của phi công Basulto. Các cảnh báo của chính phủ chậm lại vào mùa thu 1966, tuy vậy, là bởi vì các nhà chức trách cảm thấy rằng cảnh báo nhiều “chỉ tổ chọc giận Basulto hơn là làm cho anh ta dịu xuống”. Đến cuối thời kỳ này, chính quyền Clinton và Hội Anh em

Cứu trợ ở vào tình thế kỳ quặc bởi vì chính sách “chân ướt, chân ráo” năm 1995 của Clinton, điều đó buộc những người Cuba tị nạn phải hồi hương.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã biết đến đe dọa bắn hạ sau cuộc gặp với Chuẩn Đô Đốc Eugene Carroll vào ngày 23, nhưng chính phủ không liên lạc với Hội Anh em Cứu trợ. Thay vào đó, Bộ Ngoại giao cảnh báo FAA vào đêm trước khi xảy ra vụ tấn công rằng “dường như có khả năng là [Hội Anh em Cứu trợ] sẽ cố tình bay trái phép vào không phận của Cuba vào ngày mai”. Đáp lại, FAA thu xếp cho các trung tâm tín hiệu đặc biệt chú ý tới các chuyến bay qua eo biển Florida. Tuy nhiên, khi máy quét tín hiệu phát hiện ra những chiếc MiG vào ngày 24, không hề có một cảnh báo nào được truyền đi cho phi công. Bất chấp thực tế là các máy bay chiến đấu F-15 đã sẵn sàng hành động, lệnh tiến lên để bảo vệ các máy bay này đã không bao giờ được đưa ra. Chính phủ Hoa Kỳ sau này đổ lỗi cho vấn đề thông tin liên lạc khi thất bại trong việc bảo vệ các phi công của Hội Anh em Cứu trợ. Basulto, người sống sót sau vụ việc này, đã cho rằng vụ tấn công này là kết quả của sự thông đồng giữa lãnh đạo Cuba và chính phủ Hoa Kỳ. Phần nội dung này được trích dẫn từ cuốn sách của Marifeli Pérez-Stable, *The United States and Cuba: Intimate Enemies (Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và Cuba: Những kẻ thù Kế cận* (New York: Routledge, 2011), trang 52.

Đây là một tiết lộ đáng xấu hổ: Scott Carmichael, *True Believer: Inside the Investigation and Capture of Ana Montes, Cuba's Master Spy (Người Tin tưởng thực sự: Bên trong cuộc Điều tra và Bắt giữ Ana Montes, Bạc thầy Gián điệp Cuba* (Annapolis: Naval Institute Press, 2007), trang 5.

“CNN phỏng vấn Chuẩn Đô đốc **Eugene Carroll** - Hải quân Hoa Kỳ”, CNN, 25/2/1996, Bản sao chép #47-22, <http://www.hermanos.org/>

[CNN%20Interview%20with%20Admiral%20Eugene%20Carroll.htm](http://www.hermanos.org/CNN%20Interview%20with%20Admiral%20Eugene%20Carroll.htm).

Biệt danh của Montes là “Nữ hoàng Cuba”; DIA tìm thấy các mật mã trong túi xách tay của cô ta và đài phát trong tủ quần áo; và trích dẫn “Những chỉ huy của cô,... làm việc cho Havana”, đều là của Jim Popkin, “ ‘Nữ hoàng Cuba’ Ana Montes gây tổn thất trong vai trò gián điệp. Khả năng là bạn chưa từng nghe nói về cô ta», *Washington Post*, ngày 8/4/2013.

Để xem bản danh sách đầy đủ của **các thí nghiệm lừa gạt của Tim Levine**, xem “Lừa gạt và Phát hiện lừa gạt”, <https://timothy-levine.squarespace.com/deception>, truy cập lần cuối ngày 7/3/2019.

Để xem **đoạn video của “Philip”** và các đối tượng phỏng vấn khác, xem T. R. Levine, *NSF funded cheating tape interviews (Các đoạn băng phỏng vấn đánh lừa do NSF tài trợ)* (East Lansing, Mich.: Đại học Bang Michigan, 2007–2011).

Levine cho mọi người xem **hai mươi hai người nói dối và hai mươi tư người nói thật**. Người xem xác định được chính xác những người nói dối 56% số lần xem. Xem Thí nghiệm số 27 trong Chương 13 của Timothy R. Levine, *Duped: Truth-Default Theory and the Social Science of Lying and Deception (Hai mặt: lý thuyết Mặc định với sự thành thật và Khoa học Xã hội của Dối trá và Lừa gạt)* (Tuscaloosa, AL: University of Alabama Press, 2019). Con số trung bình của các phiên bản tương tự của cùng một thí nghiệm do các nhà tâm lý học khác thực hiện là 54%. C. F. Bond, Jr. and B. M.

DePaulo, “Accuracy of deception judgments”, (Độ chính xác của các đánh giá lừa gạt) *Review of Personality and Social Psychology* 10 (2006): 214–34.

Câu trả lời của Tim Levine được gọi là “Lí thuyết Mặc định với sự thành thật”: Timothy Levine, “Truth-Default Theory (TDT): A Theory of Human Deception and Deception Detection”, (Lí thuyết Mặc định với sự thành thật (TDT): Một lý thuyết về Sự lừa dối của Con người và Phát hiện sự Lừa dối”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Tâm lý Xã hội* 33, số 4 (2014): 378–92.

Thí nghiệm tuân lời của Stanley Milgram: Stanley Milgram, “Behavioral Study of Obedience”, (Nghiên cứu Hành vi của Tuân lời”, *Tạp chí Tâm lý học Bất thường và Xã hội* 64, số 4 (1963): 371–78.

Nội dung về bài học thứ hai rút ra từ thí nghiệm của Milgram phần lớn được lấy từ cuốn sách của Gina Perry, *Behind the Shock Machine: The Untold Story of the Notorious Milgram Psychology Experiments (Phía sau Máy Sốc Điện: Câu chuyện Chưa kể về những Thí nghiệm Tâm lý học Milgram Tai tiếng)* (New York: The New Press, 2013); “hiền và cam chịu”, trang 55–56; “ có lẽ nào mình đã giết chết người đàn ông ngồi trên chiếc ghế đó», trang 80; “Có thể chuyện này thực sự là thật”, trang 127–29.

số liệu thống kê đầy đủ từ thí nghiệm của Milgram: Stanley Milgram, *Obedience to Authority: An Experimental View (Tuân phục cấp Thẩm quyền: Một góc nhìn thí nghiệm)* (New York: Harper Torchbooks, 1969), trang 172.

CHƯƠNG BỐN: CHÀNG THẬM NGỐC

Nguồn của các trích dẫn sau đây là thuộc về Ủy ban Giao dịch và Chứng khoán Hoa Kỳ, Văn phòng Điều tra, “Điều tra về Thất bại của SEC trong việc lật tẩy hoạt động Lừa đảo Ponzi quy mô lớn của Bernard Madoff - Phiên bản Công khai”, 31/8/ 2009, www.sec.gov/news/studies/2009/oig-509.pdf: “đã nói với chúng tôi một cách chắc chắn” and “ông ta để anh rể”, trang 146; “Không có gì bất ổn”, trang 149; “Tôi đi đến kết luận... chúng ta có thể tìm được”, trang 153; “Tôi không bao giờ... kẻ lừa đảo”, trang 158; “Sollazzo... .. nực cười.’ ” trang 211; “Mọi sự đáng lẽ dễ dàng... là trường hợp đó”, trang 427; “Đấy không phải là khoa học tên lừa... các phương án mưòi tỉ đô-la”, trang 155.

“Tôi đóng gói... các cấp độ ưu tiên cho bọn họ”: “Mở đầu tuyên bố của Harry Markopolos”, Public Resource Org, YouTube, video dẫn nguồn của C-SPAN, 4/2/ 2009, <https://www.youtube.com/watch?v=AFgzN3ppbE&feature=youtu.be>, ngày 8/3/2019.

Thông tin tiểu sử Markopolos: Harry Markopolos, *No One Would Listen: A True Financial Thriller (Không ai lắng nghe: Một vụ án tài chính rùng rợn thật sự)* (Hoboken, N.J.: John Wiley & Sons, 2010), trang 11; phần nội dung cố gắng tiếp cận Spitzer với tập phong bì màu nâu, trang 109–111.

“một vấn đề quan trọng đối với chúng ta... khi làm ăn kinh tế”, đều được lấy từ Chương 11 trong cuốn sách của Timothy R. Levine, *Duped: Truth-Default Theory and the Social Science of Lying and Deception (Hai mặt: lý thuyết Mặc định với sự thành thật và Khoa học Xã hội của Dối trá và Lừa gạt)* (University of Alabama Press, 2019).

“ ‘Phần lớn các sĩ quan... nhân viên đủ tiêu chuẩn” và “Chi cục... thùng sà”” Nội dung và trích dẫn trong phần ghi chú về cuộc tìm diệt tên chuột chũi nằm vùng trong CIA của Angleton lấy từ cuốn sách của Tom Mangold, *Cold Warrior: James Jesus Angleton - The CIA's Master Spy Hunter (Chiến binh Lạnh: James Jesus Angleton - Cuộc săn lùng Điệp viên Bạc thầy của CIA)* (New York: Simon & Schuster, 1991), trang 263–264.

CHƯƠNG NĂM NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: CẬU BÉ TRONG PHÒNG TẮM

Nguồn của những dữ liệu sau là từ *Tài sản cộng đồng Pennsylvania vs. Graham Basil Spanier* tập. 1 (21/3/2017): bản sao ghi đoạn McQueary trả lời: “Công tố viên: Bụng áp lưng? trang 105–8; lời làm chứng của cha của McQueary, trang 141-42; bản sao ghi McQueary trả lời đến đoạn “ ông ta kiểu như rất buồn bã”, trang 115-16; công tố viên đọc cáo trạng cuối cùng, trang 86-87; Dranov đặt câu hỏi bởi hội đồng bảo vệ, trang 155, 163-65; Wendell Courtney làm chứng, trang 17475, 189; trích dẫn lời của Tim Curley và John Raykovitz (phần ghi chú), trang 381, 203; Gary Schultz làm chứng, trang 442.

Sandusky trả lời phỏng vấn Costas: “Phỏng vấn Sandusky về cáo trạng lạm dụng tình dục năm 2011, NBC News, 21/6/2012, <https://www.nbcnews.com/video/sandusky-addresses-sex-abuse-allegationsin-2011-interview-44570179907>, truy cập lần cuối 12/3/2019.

“Cha sẽ lôi kéo từng đứa trẻ... đứa nào vào với đứa nào”: Malcolm Gladwell, “Nhìn thẳng”, *The New Yorker*, 24/9/2012, <https://www.newyorker.com/magazine/2012/09/24/in-plain-view>.

“Họ nhận đỡ đầu cho rất nhiều trẻ em... một phần danh tính của ông ta”: Joe Posnanski, *Paterno* (New York: Simon & Schuster, 2012), trang 251.

“Tôi cứ đi đến đâu... một phần của con người tôi”: Jerry Sandusky, *Touched: The Jerry Sandusky Story (Chạm: Câu chuyện của Jerry Sandusky)* (Champaign, Ill.: Sports Publishing Inc., 2000), trang 33, 210.

“Nếu Sandusky phong thánh cho ông”: Jack McCallum, “Lời cuối: Jerry Sandusky, Người đứng đầu đội Linebacker U, chia tay Penn State sau 32 năm làm việc tận hiến cho một kiểu huấn luyện khác”, *Sports Illustrated*, 20/12/1999, <https://www.si.com/vault/1999/12/20/271564/last-call-jerry-sandusky-the-dean-offlinebacker-u-is-leaving-penn-state-after-32-years-to-devote-himself-to-a-different-kind-of-coaching>.

“Hơn một lần gặp gỡ trong hành lang nhà nghỉ... những cặp mắt công chúng nhìn vào”: Bill Lyon, “Huấn luyện viên phòng ngự của Penn State, Jerry Sandusky chính là Pied Piper của thời đại ông”, *Philadelphia Inquirer*, 27/12/1999.

“Đây không phải hành động bất thường đối với Sandusky” (phần ghi chú): *Tài sản cộng đồng v. Gerald A. Sandusky*, 11/6/2012, trang 53; Brett Swisher Houtz làm chứng, 11/6/ 2012, trang 70; Dorothy Sandusky làm chứng, 19/6/2012, trang 257.

Người mẹ nói với bác sĩ tâm lý trị liệu của con trai bà... “cậu bé may mắn nhất thế giới”: Theo một trong số rất nhiều ghi nhận

sau vụ án, “Cậu bé nói không muốn “gây rắc rối” cho Sandusky và rằng Sandusky hẳn là không có ý xấu trong hành động của ông ta. Cậu bé không muốn bất cứ ai nói chuyện với Sandusky bởi vì ông ta có thể sẽ không mời cậu đi xem bóng nữa”. Freeh Sporkin & Sullivan, LLP, Báo cáo của Hội đồng Điều tra Đặc biệt Về những Hành vi của Đại học *Pennsylvania State University liên quan đến lạm dụng tình dục trẻ em do Gerald A. Sandusky thực hiện*, 12/7/2012, <https://assets.documentcloud.org/documents/396512/report-final-071212.pdf>, trang 42; “không có chút tính dục nào trong hành động đó”, và “Thành thật với Chúa, là không có gì xảy ra hết” trang 43-46.

Thông tin tiểu sử của Aaron Fisher và cảm thấy có gì **không ổn về một số hành vi của Sandusky** Aaron Fisher, Michael Gillum, and Dawn Daniels, *Không Im lặng Nữa: Cuộc chiến của nạn nhân số 1 đòi tìm công lý chống lại Jerry Sandusky* (New York: Ballantine Books, 2012).

Fisher gặp gỡ bác sĩ tâm lý liên tục: Mark Pendergrast, *The Most Hated Man in America: Jerry Sandusky and the Rush to Judgment (Người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ: Jerry Sandusky và Cuộc chạy đua Phán xử)* (Mechanicsburg, Penn: Sunbury Press, 2017), trang 90, 52, 55; Fisher thay đổi câu chuyện, trang 59; “Myers nói... chỉ để kiểm chác”, trích dẫn từ thẩm vấn của Cảnh sát Bang Pennsylvania với Allan Myers, tháng 9 năm 2011, trang 147; phần ghi chú liên quan đến báo cáo của công tố viên về Allan Myers là của Anthony Sassano, Báo cáo Bổ sung về Allan Myers, 11/4/2012, Cảnh sát Penn State, trích dẫn ở trang 168 cuốn

sách của Pendergrast. Chép toàn bộ đoạn văn trong cuốn *Người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ* như sau:

“Corricelli chỉ ra rằng Luật sư Shubin đã cho anh ta biết rằng Myers có liên quan tới anh ta trong các hoạt động tình dục bằng miệng, hậu môn và kỹ thuật thực hiện bởi Sandusky”, Sassano viết trong bản báo cáo. “Shubin cho Corricelli xem ba trang tài liệu với ngụ ý đó là những gì Myers nhớ được về quan hệ tính dục của anh ta với Sandusky. Corricelli xem xét các tài liệu và chỉ cho thấy rằng anh ta nghi ngờ tài liệu được viết bởi Anthony Shubin. Tôi chỉ ra rằng tôi không muốn có một bản sao tài liệu có nghi ngờ là được viết bởi Luật sư Shubin”. Sassano kết luận: “Tại thời điểm này, tôi cho rằng sẽ không có thêm cuộc điều tra nào liên quan đến Allen Myers nữa”.

Đọc thêm những tranh cãi về việc ký ức bị kìm nén sau khủng hoảng (trong ghi chú), ví dụ, xem C. J. Brainerd and V. F. Reyna, *The Science of False Memory (Khoa học của ký ức Giả)* (Oxford: Oxford University Press, 2005); E. F. Loftus and K. Ketcham, *The Myth of Repressed Memory: False Memories and Allegations of Sexual Abuse (Bí ẩn về ký ức bị Kìm nén: Những ký ức Giả và các Cáo buộc về Lạm dụng Tình dục)* (New York: St Martin’s Press, 1994); R. J. McNally, *Remembering Trauma (Nhớ về Khủng hoảng)* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 2003); R. Ofshe and E. Watters, *Making Monsters: False Memories, Psychotherapy, and Sexual Hysteria (Tạo ra những con Quái vật: ký ức giả, Tâm lý trị liệu, và Rối loạn Tính dục)* (New York: Scribner, 1994); D. L. Schacter, *The Seven Sins of Memory: How the Mind Forgets and*

Remembers (Bây lỗi chết người của ký ức: Cách Tâm trí Quên và Nhớ) (Boston: Houghton Mifflin, 2001).

“Tôi liên hệ với ông... Jerry Sandusky và một đứa trẻ”,: Geoffrey Moulton, Jr., *Báo cáo gửi Tổng Trưởng lý về Cuộc điều tra về Gerald A. Sandusky*, 30/5/2014, Appendix J, http://filesource.abacast.com/commonwealthofpa/mp4_podcast/2014_06_23_REPORT_to_AG_ON_THE_SANDUSKY_INVESTIGATION.pdf.

Hãy rõ ràng ở đây. Trường hợp Sandusky là rất *kỳ quặc*. Kể từ khi Sandusky bị bắt giữ và kết tội, một nhóm nhỏ người vẫn khẳng định cho rằng ông ta vô tội. Người lên tiếng mạnh mẽ nhất là người dẫn chương trình truyền thanh mục trò chuyện John Ziegler, một nhà báo nghiêng về bảo thủ. Ziegler có liên quan đến ba người khác trong trang web www.framingpaterno.com, trong đó dành nguyên một mục để chỉ ra những điểm sơ hở trong quá trình tố tụng chống lại Sandusky.

Như tôi đã đề cập trong phần thảo luận của tôi về trường hợp Sandusky, Ziegler là một trong những người lập luận một cách thuyết phục rằng có ít nhất năm tuần trống giữa ngày McQueary phát hiện ra Sandusky trong nhà tắm và thời điểm anh ta báo cáo với ai đó trong ban lãnh đạo của Penn State về việc này. Xem John Ziegler, “Bằng chứng mới cho thấy ngày 29/12/2000, chứ không phải ngày 9/2/2001, mới là Ngày Đúng trong lời khai của McQueary Episode”, *Dựng tội cho Joe Paterno* (blog), 9/22018, <http://www.framingpaterno.com/new-proof-december-29-2000-not-february9th-2001-was-real-date-mcqueary-episode>. Ziegler nghĩ rằng đây là bằng chứng cho thấy McQueary không hề nhìn thấy điều mà anh ta

nghĩ là mình đã nhìn thấy. Tôi nghĩ rằng nó gợi ý một điều - trong hoàn cảnh mặc định với sự thành thật - đó là McQueary có những *ngghi ngờ* với những gì anh ta nhìn thấy. Thiết nghĩ không phải nói thêm, rằng có hai cách diễn giải sự việc này là hoàn toàn khác biệt.

Ziegler đã che giấu một số sự thật khác, mà vì thời lượng và tính tập trung, tôi không thể viết thêm vào trong chương đó của cuốn sách. (Trường hợp Sandusky là một cái hang thỏ cực cực sâu và xoáy.) Theo như những gì Ziegler đưa tin, có ít nhất một vài nạn nhân của Sandusky không đáng tin cậy. Họ dường như có vẻ bị thôi thúc bởi số tiền thỏa thuận lớn mà Penn State đồng ý chi trả cho các nạn nhân và tiêu chí lỏng lẻo mà trường đại học sử dụng để quyết định xem ai sẽ được chi trả.

Trong quá trình tìm hiểu về chương này, tôi đã liên lạc vài lần với Ziegler và trò chuyện với ông ta qua điện thoại. Ông ta đã chia sẻ một cách hào phóng một số lượng các tài liệu với tôi - trong đó bao gồm cả nội dung viết tay của một nhà điều tra tư tên là Curtis Everhart. Tôi không bị thuyết phục với kết luận cuối cùng của Ziegler - rằng Sandusky vô tội. Nhưng tôi đồng tình với ông ta ở một điểm, đó là trường hợp này có rất nhiều điểm mờ ám và bất bình thường hơn so vụ án thông thường đề cập. Nếu bạn muốn lần xuống hang thỏ sâu về trường hợp Sandusky, có lẽ bạn sẽ muốn bắt đầu với Ziegler.

Ý kiến bảo thủ thứ hai (và có lẽ là chính thống hơn) trong trường hợp Sandusky là của tác giả Mark Pendergrast, người đã xuất bản cuốn sách: *Người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ: Jerry Sandusky và Cuộc chạy đua Phán xử* vào năm 2017. Pendergrast lập luận rằng Sandusky là trường hợp ví dụ điển hình của “hoảng

loạn đạo đức” và sự sai lệch trong trí nhớ của con người. Tôi rút ra nhiều dữ liệu trong cuốn sách của Pendergrast trong phần nội dung viết về Aaron Fisher và Allan Myers. Một điểm đáng chú ý về cuốn sách của Pendergrast mà tôi phải đề cập đến, đó là bìa bốn của cuốn sách, trong đó đã trích dẫn câu nói của hai trong số những chuyên gia về trí nhớ có tầm ảnh hưởng và được tôn trọng nhất trên thế giới: Richard Leo của Đại học San Francisco, và Elizabeth Loftus của Đại học California ở Irvine.

Đây là điều mà Loftus đã nói: *“Người đàn ông bị căm ghét nhất nước Mỹ kể một câu chuyện thực sự đáng chú ý. Trong số tất cả những bài báo truyền thông về vụ của Sandusky đã được ghi nhận, thật kinh ngạc khi không có bất cứ người nào lưu ý hoặc viết về những điều này, bao gồm tất cả những phần “kí ức” được khơi gợi thông qua trị liệu và kiện tụng. Người ta có thể nghĩ rằng sự điên loạn thuần túy của quá nhiều những điều này cuối cùng cũng sẽ phải lộ diện qua thời gian”*.

Tôi phải nghĩ thế nào bây giờ? Tôi chịu không biết. Tôi sẽ để cho những người khác vật lộn với chiếc la bàn đạo đức, giữa chúng có mâu thuẫn và phỏng đoán và khó hiểu trong trường hợp của Sandusky. Điều tôi quan tâm đơn giản là thế này: nếu như trường hợp này rối rắm đến vậy, thì thế quái nào mà chúng ta lại đi nhốt Spanier, Curley, và Schultz phía sau song sắt?

“người sinh viên cao học đó”... những gì anh ta trông thấy”.”: Cáo trạng của Sandusky trước tòa án Tối cao, 5/11/2011, <https://cbsboston.files.wordpress.com/2011/11/sandusky-grand-jury-presentment.pdf>, trang 6–7.

Email của McQueary gửi Jonelle Eshbach được đăng bởi Ray Blehar, một blogger ở khu vực Đại học Penn State. Ray Blehar, “Sửa lại hồ sơ: Phần 1: Báo cáo nhân chứng của McQueary 2001”, *Dặm thứ 2 - Vụ bê bối Sandusky (SMSS): Tìm kiếm Sự thật qua Màn sương Lừa dối* (Blog), 9/10/ 2017, <https://notpsu.blogspot.com/2017/10/correctingrecord-part-1-mcquearys-2001.html#more>.

Phát biểu của Rachael Denhollander: “**Rachael Denhollander** nói lời phát biểu cuối cùng đầy sức mạnh của nạn nhân gửi Larry Nassar”, YouTube, 24/1/2018, <https://www.youtube.com/watch?v=7CjVOLToRjk&t=616s>.

“Và tiếc thay, tôi đã đúng... cái hồ sâu nhất, tối nhất và trốn ở đó”: “Nạn nhân sống sót sau lạm dụng tình dục năm 1997 tố cáo, MSU không làm gì cả”, YouTube, 19/1/2018, https://www.youtube.com/watch?v=OYJlx_3hbRA.

“Điều này chứng tỏ... để đẩy bác sĩ của vào vòng lao lý”: Melissa Korn, “Sếp của Larry Nassar ở Đại học Bang Michigan State nói vào năm 2016 rằng ông ta không tin các cáo buộc lạm dụng tình dục”, *Wall Street Journal*, 19/3/ 2018, <https://www.wsj.com/articles/deanscomments-shed-light-on-culture-at-michigan-state-duringnassars-tenure-1521453600>.

Trích dẫn từ chương trình podcast *Believed*: Kate Wells và Lindsey Smith, “Các Phụ huynh” *Believed*, NPR/Michigan Radio, Podcast audio, 26/11/2018, <https://www.npr.org/templates/transcript/transcript.php?storyId=669669746>.

“Ông ấy cũng làm thế với tớ suốt mà!”: Kerry Howley, “Tất cả mọi người đều tin Larry Nassar”, *New York Magazine/The Cut*,

19/11/2018, <https://www.thecut.com/2018/11/how-did-larry-nassar-deceiveso-many-for-so-long.html>.

“Tôi đã phải đưa ra một lựa chọn... tâm hồn đen tối và đố vỡ của ông”: “Bạn thân trọn đời, người bảo vệ lâu năm lên tiếng chống lại Larry Nassar”, YouTube, 19/1/2018, <https://www.youtube.com/watch?v=H8Aa2MQORd4>.

“Tôi đã đặt câu hỏi rõ ràng... tránh xa ông ta hết mức có thể”: Allan Myers trả lời phỏng vấn Curtis Everhart (Điều tra viên Bảo vệ Tội phạm), 9/11/ 2011.

Lần duy nhất Myers từng xuất hiện... ông ta không nhớ 34 lần: *Tài sản cộng đồng vụ Gerald A. Sandusky* (Phúc thẩm), 4/11/2016, trang 10.

“Các bạn có chắc... như thế trước đây” và “Tất cả các bạn ở đây... sẽ luôn ở bên cạnh bạn”: Jeffrey Toobin, “Cựu Chủ tịch Penn State Graham Spanier lên tiếng”, *The New Yorker*, 21/8/2012, <https://www.newyorker.com/news/news-desk/former-penn-state-presidentgraham-spanier-speaks>.

CHƯƠNG SÁU: NGỤY BIỆN “NHỮNG NGƯỜI BẠN”

Hội thoại trong phim truyền hình *Những người bạn*, “Tập phim với cô gái tấn Joey” (tập 15, mùa 5), đạo diễn bởi Kevin Bright, NBC, 1998.

Đây là hệ thống được phát triển bởi nhà tâm lý học huyền thoại (phần ghi chú): Paul Ekman và Wallace V. Friesen, *Hệ thống Mã hóa Hành động Khuôn mặt, phần 1 và 2* (San Francisco: Phòng thí nghiệm tương tác con người, Khoa Tâm lí, Đại học California, 1978).

Trong cuốn sách thứ hai, *Trong chớp mắt* (Little, Brown and Company, 2005), tôi đã dành một thời lượng lớn của chương sáu, “Bảy giây ở khu Bronx: Nghệ thuật tinh tế đọc suy nghĩ”, để bàn về phần việc của Paul Ekman, một trong những nhà tâm lý học quan trọng nhất của thế kỷ trước. Ông là người đồng phát minh ra FACS, phương tiện mà tôi đã đề nghị Jennifer Fugate sử dụng để phân tích tập phim trên của bộ *Những người bạn*. FACS đã trở thành tiêu chuẩn vàng để thấu hiểu và phân loại cách con người thể hiện cảm xúc được biểu hiện trên khuôn mặt. Điểm đóng góp khoa học chủ yếu của Ekman đó là chứng minh cho ý tưởng về “hiển lộ” - rằng các cảm xúc chúng ta cảm nhận thì thường xuyên, một cách không tự nguyện, thể hiện trên khuôn mặt của chúng ta ở một vài cơ mặt cấu hình cụ thể. Và nếu như bạn được đào tạo trong ngành “ngôn ngữ” của khuôn mặt và có cơ hội để phân tích tỉ mỉ các đoạn video quay các biểu hiện khuôn mặt của một người chia thành từng mi-li-giây, bạn có thể xác định được những cấu hình đó.

Đây là những gì tôi đã viết ở phần này *Trong chớp mắt*: Bất cứ khi nào chúng ta trải nghiệm một trạng thái cảm xúc cơ bản nào, cảm xúc đó tự động thể hiện ra bằng các cơ trên mặt. Phản ứng này có thể lưu lại trên khuôn mặt chỉ trong một phần nhỏ của giây và chỉ có thể bị phát hiện bằng các cảm ứng điện gắn trên khuôn mặt. Nhưng thực ra nó vẫn luôn hiện diện ở đó». Ekman đã đưa ra hai tuyên bố liều lĩnh. Đầu tiên, đó là cảm xúc có thể được biểu hiện trên khuôn mặt - rằng nếu như bạn cảm nhận được nó, bạn sẽ thể hiện nó. Và thứ hai, những kiểu biểu hiện cảm xúc ấy có tính toàn cầu - tức là tất cả mọi người, ở bất cứ đâu, đều sử dụng khuôn mặt của họ để thể hiện cảm xúc của họ theo cùng một cách.

Những đề xuất này luôn luôn khiến các nhà tâm lý học không dễ chịu. Nhưng kể từ khi *Trong chớp mắt* ra đời, đã có nhiều phản ứng nổi lên trong cộng đồng tâm lý học phản đối ý kiến của Ekman.

Ví dụ, tại sao Ekman lại tin rằng các cảm xúc mang tính toàn cầu? Trong những năm 1960, ông và hai đồng nghiệp đã du hành đến Papua New Guinea, được trang bị một chồng ảnh ba mươi bức ảnh. Các bức ảnh chụp khuôn mặt của người phương Tây đang biểu hiện khuôn mặt tương ứng với các cảm xúc cơ bản: giận dữ, buồn bã, thèm muốn, kinh tởm, ngạc nhiên, hạnh phúc và sợ hãi.

Bộ lạc ở New Guinea mà nhóm của Ekman tới thăm được gọi là người Fore. Trước đó chỉ tầm mười hai năm trước, về cơ bản họ vẫn còn đang sống như trong thời Đồ Đá, hoàn toàn cách biệt với phần còn lại của thế giới. Ý tưởng của Ekman đó là nếu như người Fore có thể xác định được sự giận dữ hoặc ngạc nhiên trong các khuôn mặt trong các bức ảnh dễ dàng như bất cứ người nào ở Thành phố New York hay London, thì các cảm xúc hẳn là phải mang tính toàn cầu. Đúng như vậy, họ có thể làm được điều đó.

“Khám phá của chúng tôi ủng hộ gợi ý của Darwin cho rằng các biểu hiện cảm xúc trên khuôn mặt là tương đồng giữa con người với nhau, bất kể văn hóa, bởi vì đó là nguồn gốc của tiến hóa”, Ekman và các đồng nghiệp đã viết trong một bài báo được xuất bản trên tạp chí *Khoa học*, một trong những tạp chí học thuật uy tín nhất. (Xem P. Ekman, “Những Yếu tố Văn hóa Bẩm Sinh về các Cảm xúc Biểu hiện trên Khuôn mặt”, *Khoa học* 165, [1969]: 86-88.)

Ý tưởng này - cho rằng có một bộ phản ứng cảm xúc của con người mang tính toàn cầu - là nguyên tắc nằm sau toàn bộ danh mục các phương tiện mà chúng ta sử dụng để thấu hiểu những

người lạ. Đó là lý do vì sao chúng ta có máy xác định nói dối. Là lý do tại sao các cặp đôi yêu nhau hay nhìn đắm đuối vào đôi mắt của nhau. Đó là lý do vì sao Neville Chamberlain thực hiện chuyến viếng thăm táo bạo của mình để gặp Hitler ở nước Đức. Và là lý do tại sao Solomon nhìn kỹ khuôn mặt của các bị cáo trong các trường hợp bạo hành trẻ em.

Nhưng ở đây có một vấn đề. Ekman phụ thuộc quá nhiều vào những gì ông chứng kiến với người Fore. Trong khi bài thực hành nhận diện cảm xúc mà ông thực hiện với họ lại không đưa ra được kết luận rất ráo như là ông tuyên bố.

Ekman tới New Guinea với một nhà tâm lý học khác, Wallace Friesen, cùng một nhà nhân chủng học tên là Richard Sorenson. Cả Ekman lẫn Friesen đều không biết nói ngôn ngữ của người Fore. Sorenson biết chút đỉnh để có thể hiểu và nói những câu đơn giản nhất. (Xem James Russell, “Liệu có tồn tại Sự Nhận diện Cảm xúc Toàn cầu từ Biểu hiện Khuôn mặt? Một Nhận định về Nghiên cứu Liên Văn hoá”, *Psychological Bulletin* 115, số 1 [1994]: 124.) Vậy là họ ở đó, bày ra những bức ảnh chụp khuôn mặt của những người da trắng đang biểu hiện khuôn mặt cho những người địa phương xem - và họ hoàn toàn phụ thuộc vào người phiên dịch. Đơn giản là họ không có cách nào để chất lọc được những gì một người bộ lạc nghĩ về chuyện gì đang diễn ra trong mỗi bức ảnh một cách tinh khiết mà không bị gây ảnh hưởng. Làm sao họ có thể hiểu được thí nghiệm này? Họ buộc phải làm cho mọi thứ thật đơn giản. Vì thế Ekman và nhóm của ông đã sử dụng một cái gọi là là “lựa chọn cưỡng ép”. Họ cho mỗi người Fore xem lần lượt bức ảnh này rồi đến bức ảnh khác, và với mỗi hình ảnh thì họ hỏi người xem lựa

chọn câu trả lời đúng từ một danh sách ngắn các cảm xúc. Bức ảnh bạn đang xem thể hiện sự giận dữ, buồn tủi, thèm muốn, kinh tởm, ngạc nhiên, hạnh phúc hay sợ hãi? (Người Fore thực sự không hề có từ ngữ nào để mô tả *kinh tởm* hoặc *ngạc nhiên*, vì thế ba nhà nghiên cứu đã phải ứng biến: *kinh tởm* là *một điều gì bốc mùi thối khắm*; *ngạc nhiên* là *một điều gì mới mẻ*.)

Nào, thế lựa chọn cưỡng ép có phải là một phương pháp tốt không? Ví dụ, giả thử như tôi muốn tìm hiểu xem bạn có biết thành phố nào là thủ đô của Canada. (Một con số đáng kinh ngạc người Mỹ, theo kinh nghiệm của tôi, là chịu chết với câu hỏi này). Tôi có thể hỏi thẳng thừng bạn là: Thủ đô của Canada là gì? Đó là một câu hỏi *lựa chọn tự do*. Để có thể trả lời chính xác, bạn thực sự phải biết thủ đô của nước Canada. Còn đây là phiên bản lựa chọn cưỡng ép của câu hỏi trên.

Thủ đô của Canada là?

Washington, DC

Kuala Lumpur

Ottawa

Nairobi

Toronto

Bạn có thể đoán ra, phải không? Chắc chắn không phải là Washington, DC. Ngay cả một người không hiểu biết lắm về địa lý có thể cũng sẽ biết rằng đó là thủ đô của nước Mỹ. Nó cũng có thể không phải là Kuala Lumpur hoặc Nairobi, bởi vì những cái tên ấy đơn giản là *nghe không giống Canada*. Vậy là đáp án thu hẹp xuống hai lựa chọn Toronto hoặc Ottawa. Ngay cả khi bạn không có khái niệm gì về thủ đô của Canada, bạn cũng vẫn có 50% cơ hội trả lời

đúng câu hỏi này. Vậy thì đó có phải là những gì đã diễn ra với bản khảo sát của Ekman đối với người Fore không?

Sergio Jarillo và Carlos Crivelli - hai nhà nghiên cứu mà tôi viết trong Chương Sáu của cuốn sách này - bắt đầu hành trình nghiên cứu của mình bằng cách tái hiện lại kết quả tìm kiếm của Ekman. Ý tưởng của họ là: sửa chữa những lỗ hổng trong cách thức thực hiện của ông ấy và xem kết quả có như cũ không. Bước đầu tiên của họ là lựa chọn một bộ lạc tách biệt - Người trên đảo Trobriand - những người có ngôn ngữ và văn hóa mà ít nhất một trong hai người họ hiểu rất rõ (Jarillo). Đó là lợi thế đầu tiên của họ so với Ekman: họ biết rất nhiều về những người mà họ đang làm nghiên cứu so với nhóm của Ekman. Họ cũng quyết định sẽ không sử dụng “lựa chọn cưỡng ép”. Họ sẽ sử dụng một phương pháp tự do lựa chọn kỳ quặc hơn nhiều. Họ bày ra một loạt các bức ảnh chụp khuôn mặt (với những người trông vui vẻ, buồn bã, giận dữ, sợ hãi và kinh tởm) và hỏi, “Trong số này cái nào là mặt buồn bã?” và rồi họ lại hỏi người tiếp theo, “Cái nào là khuôn mặt giận dữ?” Và cứ thế. Cuối cùng, họ ghi lại được toàn bộ các câu trả lời.

Và điều họ phát hiện ra là gì? Đó là khi bạn tái hiện lại thí nghiệm nền tảng của Ekman - chỉ có điều lần này, cẩn thận và kỳ quặc hơn nữa - những trường hợp mang tính toàn cầu biến mất. Chỉ trong vòng vài năm qua, cánh cổng lũ đã được khai mở, đó là nguồn nghiên cứu mà tôi mô tả trong chương này.

Sau đây là vài điểm bổ sung:

Bài báo nguyên bản của Ekman trên tạp chí *Khoa học*, ngấm lại, là có chút lạ lùng. Ông lập luận rằng điều ông tìm thấy ở người Fore là bằng chứng của tính phổ biến toàn cầu. Nhưng nếu bạn xem xét

dữ liệu của ông, nó dường như không giống với việc ông đang miêu tả hiện tượng phổ biến toàn cầu.

Những người Fore thật sự rất giỏi khi xác định chính xác các gương mặt vui vẻ, nhưng chỉ có một nửa trong số họ xác định gương mặt “sợ hãi” là biểu hiện của sự sợ hãi. 45% trong số họ nghĩ rằng gương mặt ngạc nhiên là gương mặt sợ hãi. 66% họ đọc gương mặt buồn bã là giận dữ. Đây mà là hiện tượng phổ biến toàn cầu ư?

Crivelli đã đưa ra một nhận xét rất sâu sắc khi chúng ta nói về những người (như Ekman), những người rất thiên vị với ý tưởng phổ biến toàn cầu. Rất nhiều người trong số họ thuộc về một thế hệ lớn lên trong một thế giới hậu Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Họ sinh ra trong một thế giới bị ám ảnh với sự khác biệt của loài người - trong đó người da đen thường bị cho là thấp kém hơn về mặt di truyền và người Do Thái có số phận đáng bị hủy hoại và săn lùng - và vì thế họ bị hấp dẫn mạnh mẽ hơn về phía lý thuyết cho rằng tất cả con người chúng ta là như nhau.

Tuy nhiên, còn một điều quan trọng nữa phải nhắc đến đó là nhiệm vụ của những người mang ý tưởng phản-phổ biến *không phải* là để phủ nhận các đóng góp của Ekman. Tất cả những ai từng làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu cảm xúc con người, theo một số khía cạnh quan trọng, đều đứng trên đôi vai của ông. Những người như Jarillo và Crivelli chỉ đơn giản lập luận rằng bạn không thể hiểu được cảm xúc của một người mà không tính đến yếu tố văn hóa của người đó.

Để trích dẫn lời của nhà tâm lý học Lisa Feldman Barrett - một trong những người đứng đầu nhóm thách thức góc nhìn của Ekman

- “các cảm xúc... được làm ra chứ không phải bị kích hoạt”. (Xem cuốn sách của bà *How Emotions Are Made (Các cảm xúc được làm ra thế nào)* [New York: Houghton Mifflin Harcourt, 2017], trang xiii.) Mỗi một người trong số chúng ta, trải qua thời gian sống trên cuộc đời, đã tự xây dựng cho mình một bộ tổ chức hoạt động cho gương mặt, dựa trên nền văn hóa và môi trường mà ta sống. Khuôn mặt là một biểu tượng cho sự khác biệt giữa con người với nhau, chứ không phải là sự tương đồng giữa chúng ta, đó chính là một vấn đề lớn nếu xã hội của bạn đã tạo ra những nguyên tắc để thấu hiểu những người lạ dựa trên việc đọc các gương mặt.

Để tổng kết lại dòng nghiên cứu mới này, xem L. F. Barrett và các tác giả khác, “Emotional expressions reconsidered: Challenges to inferring emotion in human facial movements”, (Những biểu hiện cảm xúc cần xem lại: Thách thức thấu hiểu cảm xúc trên chuyển động gương mặt con người) *Ấn phẩm Khoa học Tâm lý vì Lợi ích Cộng đồng* (trên báo chí), cũng như cuốn sách *Cảm xúc* của Barrett (nguồn đã dẫn ở trên).

Các bức ảnh nụ cười Pan-Am và nụ cười Duchenne: Jason Vandeventer và Eric Patterson, “Differentiating Duchenne from nonDuchenne smiles using active appearance models”, (Sự khác biệt giữa nụ cười Duchenne và nụ cười không-Duchenne sử dụng mẫu bề ngoài hoạt động) *2012 IEEE Hội thảo Quốc tế lần 5 về Sinh trắc học: lý thuyết, Ứng dụng và Hệ thống* (2012): 319–24.

Các đơn vị Hệ thống Giải mã Hành động Gương mặt mà Ross sử dụng để nhìn qua cánh cửa: Paul Ekman và Erika L Rosenberg, *What the Face Reveals: Basic and Applied Studies of Spontaneous Expression Using the Facial Action Coding System (FACS)* (Gương

mặt Lật mở Điều gì: Những nghiên cứu cơ bản và ứng dụng của Hệ thống Giải mã Hành Động Gương mặt (FACS), Tái bản lần hai (Oxford University Press: New York, 2005), trang 14.

một kiểu biến báo của trái tim: Charles Darwin, *Biểu hiện Cảm xúc của Con người và Động vật* (London: J. Murray, 1872). Ekman đã viết rất kỹ về những đóng góp của Darwin trong việc tìm hiểu biểu hiện cảm xúc. Xem Paul Ekman, ed., *Darwin and Facial Expression (Darwin và Biểu hiện Khuôn mặt)* (Los Altos, Calif.: Malor Books, 2006).

Nguyên đơn là Ginnah Muhammad (phần ghi chú): *Ginnah Muhammad v. Enterprise Rent-A-Car*, 3-4 (Quận 31, 2006).

Trong phần mở đầu nghiên cứu của Jarillo-Crivelli về những người trên đảo Trobriand, xem Carlos Crivelli và các tác giả khác, “Đọc Cảm xúc từ những Khuôn mặt trong Hai Cộng đồng người Thổ dân», *Tạp chí Thí nghiệm Tâm lý: Tổng hợp 145*, số 7 (tháng 7/2016): 830-43, doi:10.1037/xge0000172. Biểu đồ so sánh mức độ thành công của người Trobriand và học sinh ở Madrid cũng lấy từ nguồn này.

vài tá đoạn băng ghi hình các đấu sĩ judo: Carlos Crivelli và các tác giả khác, “Liệu các nụ cười có phải dấu hiệu của hạnh phúc? Các biểu hiện tự nhiên của những người chiến thắng môn judo”, *Tiến hóa và Hành vi Con người* 2014, doi:10.1016/j.evolhumbehav.2014.08.009.

ông xem các đoạn băng ghi hình những người thủ dâm: Carlos Crivelli và các tác giả khác, “Hành vi Gương mặt khi Trải nghiệm Hứng khởi Tình Dục”, *Tạp chí Hành vi Không ngôn ngữ* 35 (2011): 63–71.

Bức ảnh giận dữ: Job van der Schalk và các tác giả khác, “Chuyển động Gương mặt, Tìm kiếm địa điểm: “Xác thực Bộ Thể hiện Gương mặt Linh hoạt của Amsterdam”, *Cảm xúc* 11, số 4 (2011): 912. Công thông tin nghiên cứu.

Nghiên cứu Namibia: Maria Gendron và các tác giả khác, “Nhận thức Cảm xúc từ Biểu hiện Gương Mặt không phải hiện tượng Hoàn cầu về Văn hoá: Bằng chứng từ một nền văn hóa hẻo lánh”, *Cảm xúc* 14, số 2 (2014): 251–62.

“Không phải là người La Mã... quan trọng nặng nề đối với họ”: Mary Beard, *Laughter in Ancient Rome: On Joking, Tickling, and Cracking Up (Nụ cười ở Rome Cổ đại: Đùa giỡn, Cù buồn và Nhoẻn miệng* (Oakland: University of California Press, 2015), trang 73.

Hai nhà tâm lý học người Đức... thực hiện trên 60 người: Achim Schützwohl và Rainer Reisenzein, “Những biểu hiện khuôn mặt khi phản ứng với sự kinh ngạc lớn vượt quá tầm nhìn trong lĩnh vực: Một thử nghiệm đáng kinh ngạc lý thuyết của Darwin”, *Tiến hóa và Hành vi Con người* 33, số 6 (Tháng 11/2012): 657-64.

“The participants... biểu cảm khuôn mặt”, Schützwohl rút ra kết luận từ nghiên cứu trước đó: R. Reisenzein và M. Studtmann, “Về biểu hiện và trải nghiệm kinh ngạc: Không có bằng chứng phản hồi dương mặt, nhưng có bằng chứng về hiệu ứng tự bộc lộ bản thân”, *Cảm xúc* số 7, (2007): 612-27.

Walker bắn vào đầu bạn gái của mình cho đến chết: Associated Press, “‘Một đứa trẻ rất thông minh’ bị bỏ tù, lần này vì giết hại một người bạn”, *Spokane (Wash.) Spokesman-Review*, May 26, 1995,

[http:// www.spokesman.com/stories/1995/may/26/real-smart-kid-jailedthis-time-for-killing-friend/](http://www.spokesman.com/stories/1995/may/26/real-smart-kid-jailedthis-time-for-killing-friend/).

“Bất kể những ẩn số... độ nhiễu, không phải tín hiệu”: Kleinberg và các tác giả khác, “Những quyết định con người”, tài liệu đã dẫn.

CHƯƠNG BẢY: MỘT GIẢI THÍCH (NGẮN GỌN) VỀ TRƯỜNG HỢP CỦA AMANDA KNOX

“Một vụ ám sát... ở một câu chuyện?”: *Amanda Knox*, đạo diễn bởi Rod Blackhurst và Brian McGinn (Netflix, 2016). Đồng thời, cũng theo bộ phim tài liệu này: Danh sách những người yêu của Knox (phần chú thích); “Cô ấy bắt đầu đánh... nghi ngờ Amanda” (phần chú thích); “Mọi mảnh bằng chứng... không nghi ngờ về điều này;” và “Không có bất cứ dấu vết... không phải là tang chứng vật chứng”.

“Hình ảnh phóng đại DNA... ranh giới để diễn giải”, Peter Gill, “Phân tích và Ý nghĩa Những điểm sai phạm công lý trong trường hợp của Amanda Knox và Raffaele Sollecito”, *Tạp chí Khoa học Hình sự: Tổng hợp* 23 (Tháng Bảy 2016): 9–18. Elsevier, doi:10.1016/j. fsigen.2016.02.015.

Những giám khảo xác định chính xác những kẻ nói dối: Levine, *Duped (Bản Sao)*, chương 13.

Levine tìm ra quy luật này: Điều này ám chỉ đến thí nghiệm số 27 trong cuốn sách *Duped* của Levine, 13. Đồng thời, xem Timothy Levine, Kim Serota, Hillary Shulman, David Clare, Hee Sun Park, Allison Shaw, Jae Chul Shim, and Jung Hyon Lee, “Thái độ của

người thực hiện: Những khác biệt cá nhân về độ tin cậy của người thực hiện có tác động mạnh mẽ tới các phán quyết phát hiện lừa dối”, *Tạp chí Nghiên cứu Giao tiếp Con người* 37 (2011): 377-403. Đồng thời đây cũng là nguồn thông tin về khả năng thể hiện của những nhà thẩm vấn được đào tạo đối với các trường hợp trùng khớp và lệch khớp.

Trong một thí nghiệm về các thái độ đối với lừa dối: Nhóm Nghiên cứu Lừa dối Toàn cầu, “Một thế giới dối trá”, *Tạp chí Tâm lý học Liên-Văn hóa* 37, số 1 (Tháng 1/ 2006): 60–74.

“Gần như là bất khả khi... quan tâm đến điều này”:: Markopolos, *Không ai chịu lắng nghe*, trang 82.

“Và dấu biết là mạo hiểm... Tsarnaev đã cười khẩy”. (phần chú thích): Seth Stevenson, “Nụ cười khẩy của Tsarnaev”, *Slate*, 21/4/2015, <https://slate.com/news-and-politics/2015/04/tsarnaev-trialsentencing-phase-prosecutor-makes-case-that-dzhokhartsarnaev-shows-no-remorse.html>.

“Trong vụ Đánh bom Giải chạy Boston Marathon... giữ nguyên bộ mặt lạnh như đá”:: Barrett, *Các cảm xúc được làm ra như thế* nào, trang 231.

“Tôi làm những việc...cho là hay ho quá thể”: Amanda Knox, *Chờ đợi để được lắng nghe: Hồi ký* (New York: Harper, 2013), trang 11–12; “ ‘Cô trông có vẻ thư giãn quá nhỉ.’...chứa đầy sự bực bội”, trang 109; “Nhưng những gì gây cười...chấp nhận sự khác biệt hơn”. (phần chú thích), trang 26; khoảnh khắc “Ta-đa” trang 91.

Lắng nghe một loạt những câu trích dẫn: John Follain, *Chết ở Perugia: Từ vụ án mạng của Meredith Kercher đến cáo buộc giết*

người của Raffaele Sollecito và Amanda Knox (London: Hodder and Stoughton, 2011), trang 90–91, 93, 94.

Diane Sawyer phỏng vấn: “Phỏng vấn Amanda Knox: độc quyền với Diane Sawyer”, ABC News, 2013, <https://abcnews.go.com/2020/video/amanda-knox-speaks-diane-sawyer-exclusive-19079012>.

“Điều khiến tôi thấy đáng chú ý...thì nên giữ khoảng cách” (phần chú thích): Tom Dibblee, “Về hiểu nhầm: Trường hợp của Amanda Knox”, *Los Angeles Review of Books*, 12/8/2013, <https://lareviewofbooks.org/article/on-being-off-the-case-of-amanda-knox>.

“Chúng tôi đã bắt đầu thiết lập...các loại điều tra khác”: Ian Leslie, “Amanda Knox: Điều gì trên khuôn mặt?” *The Guardian*, 7/10/2011, <https://www.theguardian.com/world/2011/oct/08/amanda-knoxfacial-expressions>.

“Đôi mắt của cô ấy... liên quan đến cái chết của bạn tôi”, Nathaniel Rich, “Ác mộng không điểm dừng của Amanda Knox”, *Rolling Stone*, 27/6/2011, <https://www.rollingstone.com/culture/culture-news/the-never-ending-nightmare-of-amanda-knox-244620/?print=true>.

CHƯƠNG TÁM: NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: BỮA TIỆC SINH VIÊN

Lời chứng và miêu tả vụ việc lấy từ *Nhân dân v. Turner*, tập. 6 (18/3/2016), trang 274-319. Emily Doe làm chứng về việc tỉnh dậy trong bệnh viện, tập 6, trang 445; Brock Turner làm chứng về lượng

rượu anh ta uống, tập 9 (23/3/2016), trang 836, 838; cảnh sát ước lượng nồng độ cồn trong máu của Turner, tập 7 (21/3/2016), trang 554; Julia làm chứng về lượng rượu cô ta uống, tập 5 (17/3/2016), trang 208-9, 213, nồng độ cồn trong máu của Doe và Turner (mục chú thích), tập 7, trang 553-54; Doe làm chứng về lượng rượu cô ta uống, tập 6, trang 429, 433-34, 439; Turner làm chứng về hành động tình dục tăng tiết, tập 9, trang 846-47, 850-51, 851-53; kết luận cuối của bồi thẩm đoàn, tập 11, 28/3/2016, trang 1072-73; Turner làm chứng về việc nhảy úp thìa, tập 9, trang 831-32; Doe làm chứng về việc sập nguồn, tập 6, trang 439-40; Turner làm chứng về việc sập nguồn, tập 11, trang 1099-1100; Turner làm chứng về thư thoại của Doe, tập 9, trang 897.

Một ước tính cho thấy... nạn nhân của tấn công tình dục: Con số này được hỗ trợ bởi hàng tá những nghiên cứu từ năm 1987, trong đó có bản điều tra năm 2015 của *Washington Post/Kaiser Family Foundation* poll. Một nghiên cứu năm 2015 do Hiệp hội các trường đại học Hoa Kỳ (AAU) cho thấy 23% sinh viên nữ bị tấn công tình dục trong khi đang học đại học. Một nghiên cứu năm 106 do Bộ Tư pháp công bố cho thấy con số thậm chí còn cao hơn, mức 25.1% hoặc một phần tư. Xem David Cantor và các tác giả, “Báo cáo về điều tra môi trường trong trường đại học Mỹ về tấn công tình dục và tình dục trái phép”, Westat, 2015, https://www.aau.edu/sites/default/files/%40%20Files/Climate%20Survey/AAU_CampusClimate_Survey_12_14_15.pdf; Christopher Krebs et al., “Campus Climate Survey Validation Study Final Technical Reports”, U.S. Department of Justice, 2016, <http://www.bjs.gov/content/pub/pdf/ccsvsfr.pdf>.

Thăm dò về mức đồng thuận và định nghĩa tấn công tình dục: Bianca DiJulio và các tác giả, “Thăm dò về tình trạng tấn công tình dục ở sinh viên đại học hiện tại và gần đây”, *Washington Post/Kaiser Family Foundation*, 12/6/2015, trang 15– 17, <http://files.kff.org/attachment/Survey%20Of%20Current%20And%20Recent%20College%20Students%20On%20Sexual%20Assault%20-%20Topline>.

“Làm sao chúng ta...nhận thức chung xem chúng là những gì?”: Lori E. Shaw, “Điều IX, Tấn công tình dục, và các vấn đề đồng thuận: Đường ranh giới mờ nhạt - khi nào “Có” nghĩa là “Không”? *Tạp chí Luật học Indiana* 91, số 4, bài 7 (2016): 1412. “Sẽ không đủ khi... ‘uống quá chén’” trang 1416. Shaw trích dẫn từ *Nhân dân v. Giardino* 98, Cal. Rptr. 2d 315, 324 (Cal. Ct. App. 2000) và Valerie M. Ryan, “Những cuộc gặp gỡ say xỉn: Xác định trách nhiệm trong Luật về Cường hiếp”, 40 CAL. W.L. REV. 407, 416 (2004).

Câu chuyện của Dwight Heath ở Bolivia được tôi kể lần đầu tiên trong bài báo “Những trò chơi quanh chén rượu”, *Tạp chí The New Yorker*, 15/2/2010, <https://www.newyorker.com/magazine/2010/02/15/drinking-games>.

Health viết... giờ là một bài báo nổi tiếng: Dwight B. Heath, “Những kiểu uống rượu của người Camba ở Bolivia”, *Tạp chí hàng Quý Nghiên cứu về Rượu cồn* 19 (1958): 491–508.

“Mặc dù tôi...ngưỡng mộ lẫn nhau”: Ralph Beals, *Ethnology of the Western Mixe* (New York: Cooper Square Publishers Inc., 1973), trang 29.

Lí thuyết thiên cận lần đầu tiên được đề xuất, Claude Steele and Robert A. Josephs, “Tính thiên cận của rượu cồn: Phần thưởng

và những ảnh hưởng nguy hiểm”, *Tạp chí Tâm lý Hoa Kỳ* 45, số 8 (1990): 921–33.

Một nhóm các nhà tâm lý học Canada... tình táo trong cùng tình huống (phần ghi chú): Tara K. MacDonald và các tác giả khác, “Tính thiện cận của rượu cồn và sử dụng bao cao su: Liệu ngộ độc rượu có liên hệ với những hành vi hồ đồ?”, *Tạp chí Nhân cách và Tâm lý xã hội* 78, số 4 (2000): 605-19.

“Tôi thậm mong...cô ấy cũng thích thú với điều đó”: Helen Weathers, “Tôi không phải kẻ hiếp dâm... chỉ là một tên ngốc”, *Daily Mail*, 30/3/2007, www.dailymail.co.uk/femail/article-445750/Im-rapist-just-fool.html.

“Anh ta khẳng khẳng...cô ấy tự cởi nốt phần còn lại”: *R v Bree* [2007] EWCA Crim 804 [16]–[17]; “Cô ấy không hề biết... như thế trong bao lâu”, [8]; “Cả hai người họ đều tự do ...cấu trúc tự pháp cụ thể”, [25][35]; những trích dẫn khác (phần ghi chú), [32], [35], [36].

Bài kiểm tra trí nhớ với ba con chuột chết: Donald Goodwin, “Chứng mất trí nhớ vì rượu”, *Sự nghiện* (1995): 90, 315-17. (Ngày nay, không có bất cứ hội đồng đạo đức nào chấp nhận kiểu thí nghiệm này). Câu chuyện về người đàn ông làm nghề kinh doanh trải qua năm ngày sập nguồn cũng được lấy từ nguồn này.

Các trạm kiểm tra người say hay tỉnh (phần ghi chú): Joann Wells và nhóm tác giả, “Các tài xế uống rượu thoát tội ở các trạm kiểm tra”, *Tạp chí Nghiên cứu về Rượu bia*(1997): 58, 513-17.

Một trong những khảo sát đầy đủ nhất về tình trạng uống rượu trong trường đại học: Robert Straus và Selden Bacon, *Uống*

rượu ở trường đại học (New Haven: Yale University Press, 1953), trang 103.

Aaron White gần đây đã khảo sát hơn 700 sinh viên Duke: Aaron M. White và nhóm tác giả, “Mức độ phổ biến và tương quan giữa uống rượu và sập nguồn của các sinh viên đại học: Kết quả khảo sát qua thư điện tử”, *Tạp chí Sức khỏe các trường Đại học Hoa Kỳ* 51, số 3 (2002): 117–31, doi:10.1080/07448480209596339.

Trong một bài luận đáng chú ý (phần chú thích): Ashton Katherine Carrick, “Uống đến sập nguồn”, *New York Times*, 19/9/2016, www.nytimes.com/2016/09/19/opinion/drinking-to-blackout.html.

Khoảng cách tiêu thụ rượu giữa đàn ông và phụ nữ...đã bị thu hẹp: William Corbin và nhóm tác giả, “Sự khác biệt về sắc tộc và thu hẹp khoảng cách giới tính trong sử dụng rượu ở sinh viên đại học”, *Tạp chí Tâm lý học về hành vi gây nghiện*, 22, số 2 (2008): 240-48, <http://dx.doi.org/10.1037/0893-164X.22.2.240>.

Không chỉ là vấn đề về cân nặng (phần ghi chú): “Số đo cơ thể” Trung tâm Thống kê Quốc gia, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ, 3/5/2017, <https://www.cdc.gov/nchs/fastats/body-measurements.htm>.

Còn có những điểm khác biệt ý nghĩa khác (phần chú thích): Các số liệu sử dụng máy đo nồng độ cồn được tìm thấy trên mạng tại địa chỉ http://www.alcoholhelpcenter.net/program/bac_standalone.aspx.

“Phải nhắc lại điều này...ngăn có thêm những nạn nhân khác”: Emily Yoffe, “Nữ sinh viên đại học: Đừng để say”, *Slate*, 16/10/2013, slate.com/human-interest/2013/10/sexual-assault-and-drinking-teachwomen-the-connection.html.

Người trưởng thành có suy nghĩ khác (phần ghi chú): Số liệu thống kê lấy từ *Washington Post/Kaiser Family Foundation* poll.

“Con người học hiểu...xứng đáng với những gì họ có”: Craig MacAndrew và Robert B. Edgerton, *Thành tố tạo thành sự say xỉn: Một giải thích mang tính xã hội* (Chicago: Aldine Publishing Company, 1969), trang 172-73.

“Sự độc lập của tôi...không phải là cách uống ít đi”: Tuyên bố hùng hồn của nạn nhân, trang 7-9, <https://www.sccgov.org/sites/da/newsroom/newsreleases/Documents/B-Turner%20VIS.pdf>.

CHƯƠNG CHÍNH: KSM: CHUYỆN GÌ XẢY RA KHI NGƯỜI LẠ LÀ MỘT TÊN KHỦNG BỐ?

“Gọi tôi là Mukhtar...vụ tấn công 11/9”: James Mitchell, *Thẩm vấn Tăng cường: Bên trong Bộ não và Động cơ của những kẻ Khủng bố Hồi giáo muốn phá hủy nước Mỹ* (New York: Crown Forum, 2016), trang 7. các phần của các đoạn phim: Sheri Fink và James Risen, “Các nhà tâm lý học mở một cánh cửa nhìn vào các cuộc thẩm vấn tàn bạo của CIA”, *New York Times*, 21/6/2017, <https://www.nytimes.com/interactive/2017/06/20/us/cia-torture.html>.

Theo trang Wikipedia: “Xối nước, hay còn được gọi là ngộ độc nước, mất nước, sặc nước hoặc nhiễm độc nước [,] là một rối loạn có thể gây tử vong đối với chức năng của não bộ mà hệ quả là khi các chất điện giải cân bằng trong cơ thể bị đẩy ra ngoài giới hạn an toàn do uống quá nhiều nước”.

“Sự căng thẳng thực tế...một trận đánh thực sự”,: Charles A. Morgan và nhóm tác giả, “Hồ sơ nội tiết tố ở người trải qua quá trình huấn luyện sinh tồn trong quân đội”, *Biological Psychiatry* 47, số 10 (2000): 891901, doi:10.1016/s0006-3223(99)00307-8.

Hình vẽ Rey-Osterrieth trước và sau khi thẩm vấn: Charles A. Morgan III và nhóm tác giả, “Căng thẳng làm giảm khả năng hoạt động của bộ nhớ và khả năng tái tạo hình ảnh ở những người lính đặc nhiệm”, *Biological Psychiatry* 60, số 7 (2006): 722–29, doi:10.1016/j.biopsych.2006.04.021. Hình vẽ Rey-Osterrieth lần đầu được phát triển bởi Andre Rey và xuất bản trong bài báo của ông, “Thí nghiệm tâm lý học trong những trường hợp hậu sang chấn (các vấn đề), *Archives de Psychologie* 28 (1941): 215-85.

Trong một nghiên cứu khác, quy mô lớn hơn (phần ghi chú): Charles Morgan và các tác giả “Tính chính xác của bộ nhớ của các nhân chứng đối với những người trải qua căng thẳng cao độ”, *Tạp chí Quốc tế về Luật pháp và Tâm lý học* 27 (2004): 264-65.

KSM đưa ra lời thú tội đầu tiên: *Verbatim Transcript of Combatant Status Review Tribunal Hearing for ISN 10024*, 10/3/2007, http://i.a.cnn.net/cnn/2007/images/03/14/transcript_ISN10024.pdf.

“có thể tạo ra một số dạng thức...quyền đăng nhập”: Shane O’Mara, *Why Torture Doesn’t Work: The Neuroscience of Interrogation (Tại sao tra tấn không hiệu quả: Khoa học Não bộ về thẩm vấn* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 2015), trang 167.

KSM đã “dựng chuyện”: Robert Baer, “Tại sao lời thú tội của KSM nghe giả dối”, *Time*, 15/3/2007,

<http://content.time.com/time/world/article/0,8599,1599861,00.html>.

“Hắn ta chẳng còn gì...vấn đề ngay từ khi hắn bị bắt giữ”:
Adam Zagorin, “Liệu có thể tin lời thú tội của KSM?” *Time*,
15/3/2007, <http://content.time.com/time/nation/article/0,8599,1599423,00.html>.

CHƯƠNG MƯỜI: SYLVIA PLATH

“Con đang viết thư cho mẹ từ London... ông ấy đã từng sống ở đây!”: Sylvia Plath viết cho Aurelia Plath, 7/11/1962, trong cuốn sách của Peter K. Steinberg và Karen V. Kukil, *Những lá thư của Sylvia Plath Tập II: 1956–1963* (New York: Harper Collins, 2018), trang 897.

“Cô ấy có vẻ khác lạ...chưa từng thấy cô ấy căng thẳng đến vậy”: Alfred Alvarez, *The Savage God: A Study of Suicide (Chúa Tàn ác: Một nghiên cứu về Tự tử)* (New York: Random House, 1971), trang 30-31; “Cô ấy dường như nhìn cái chết... trượt tuyết cho đúng cách”, trang 18-19; “một nhà thơ trong vai một nạn nhân hiến tế, dâng bản thân cho mục đích nghệ thuật của mình”, trang 40.

Các bài thơ của Plath: “Người đàn bà thực hiện hoàn hảo...thế là hết” từ bài thơ “Edge», trong *Tuyển tập những bài thơ của Sylvia Plath*, biên tập bởi Ted Hughes (New York: Harper Perennial Modern Classics, 2008), trang 272; “Và giống như loài mèo... thứ ba”, từ bài “Lady Lazarus», trang 244–45; và “*Giá anh biết những lớp bọc... Bơm đầy mạch máu với những vô hình..*”. từ bài thơ “Món quà sinh nhật” trang 207.

các nhà thơ có tỉ lệ tự vẫn cao nhất và cách xa các nghề khác: Mark Runco, “Tự tử và Sáng tạo”, *Nghiên cứu về Cái Chết* 22 (1998): 637–54.

“Một nhà thơ hẳn phải tự thích nghi” (phần ghi chú): Stephen Spender, *The Making of a Poem (Quá trình sáng tác một bài thơ)* (New York: Norton Library, 1961), trang 45.

“Cô ấy sẽ không bao giờ...tác nhân hủy hoại của cô ấy”. (phần ghi chú): Ernest Shulman, “Những nhân tố tổn thương trong vụ tự tử của Sylvia Plath”, *Nghiên cứu về cái chết* 22, no. 7 (1988): 598–613. (“Khi cô ấy kết liễu đời mình . . . một gia đình tan vỡ” [phần ghi chú] cũng lấy từ nguồn này.

“Có khi nào cô ấy...tì má lên chiếc khăn ”: Jillian Becker, *Giving Up: The Last Days of Sylvia Plath (Từ bỏ: Những ngày cuối cùng của Sylvia Plath)* (New York: St. Martin’s Press, 2003), trang 80, 291.

“Các nạn nhân...trên đỉnh của chiếc giở”: Douglas J. A. Kerr, “Chất độc Carbon Monoxide: Tầm quan trọng về Y tế-Pháp luật tăng tiến của nó”, *Tạp chí Y Khoa Anh Quốc*, số 3452 (5/3/1927): 416.

Tỉ lệ tự tử ở Vương Quốc Anh vào năm 1962: Ronald V. Clarke và Pat Mayhew, “Câu chuyện tự tử bằng khí ga của người Anh và ứng dụng trong ngành tội phạm”, ấn phẩm *Tội ác và Công lý* 10 (1988): trang 88, doi:10.1086/449144; đoạn “Mỗi quan hệ giữa tự tử bằng khí đốt ở Anh và xứ Wales và thành phần khí CO trong khí đốt dân dụng, 1960-77”, trang 89; đoạn “Số liệu thô tỉ lệ tự tử (trên 1 triệu dân) ở Anh Quốc và xứ Wales và Hoa Kỳ, 1900– 84”, trang 84; “Khí đốt [Thành phố] có những đặc điểm vượt trội độc đáo... trước mũi tàu hỏa hoặc xe bus”, trang 99, đoạn “Những người tự tử ở Anh

và xứ Wales sử dụng khí ga gia dụng và những phương thức khác dành cho phụ nữ trong độ tuổi từ 25 đến 44”, trang 91.

“Chiến dịch vĩ đại nhất trong thời bình được tiến hành trong lịch sử quốc gia này”: Malcolm E. Falkus, *Luôn chịu áp lực: Lịch sử khí đốt ở Bắc sông Thames từ 1949* (London: Macmillan, 1988), trang 107.

Chuyển đổi từ khí đốt thành phố sang khí đốt tự nhiên: Trevor Williams, *A History of the British Gas Industry (Lịch sử ngành công nghiệp khí đốt của Anh Quốc)* (Oxford: Oxford University Press, 1981), trang 190. sự bất lực của chúng ta khi cố gắng thấu hiểu rằng các mạng sống đang bị đánh mất vì tự tử như thế nào (phần ghi chú): Ví dụ, xem Kim Soffen, “Để giảm thiểu số người tự tử, hãy nhìn vào bạo lực do súng”, *Washington Post*, 13/7/2016, <https://www.washingtonpost.com/graphics/business/wonkblog/suicide-rates/>.

câu chuyện trường kỳ không lý giải nổi ở Cầu Cổng Vàng: John Bateson, *The Final Leap: Suicide on the Golden Gate Bridge (Cú nhảy cuối cùng: Tự tử trên Cầu Cổng Vàng)* (Berkeley: University of California Press, 2012), trang 8; lịch sử tấm chắn tự tử (hay là sự thiếu thốn rào chắn) trên cầu, trang 33, 189, 196.

rốt cuộc quay được 22 cuộc tự tử (phần ghi chú): Bộ phim tài liệu của đạo diễn Eric Steel có tên *Cây cầu* (More4, 2006).

Seiden theo dõi 515 người: Richard H. Seiden, “Giờ họ ở đâu? Một nghiên cứu tiếp theo về những người từng muốn tự tử trên Cầu Cổng Vàng”, *Tự tử và Hành vi đe dọa mạng sống* 8, số 4 (1978): 203-16.

“Nếu một rào chắn vật lý...được thay thế bằng cái khác”: Cả năm câu trích dẫn lấy từ những bình luận công khai về đề xuất của Sở Giao thông về việc làm lưới chắn tự tử: http://goldengatebridge.org/projects/documents/sds_letters-emails-individuals.pdf.

Trong một khảo sát toàn quốc... đơn giản là sẽ kết liễu cuộc đời họ bằng cách khác: Matthew Miller và các tác giả, “Niềm tin vào tính không thể tránh khỏi của tự tử: Kết quả từ một cuộc khảo sát toàn quốc”, *Tự tử và Hành vi đe dọa mạng sống* 36, số 1 (2006).

Weisburd dành một năm để đi khắp hang cùng ngõ hẻm: David Weisburd và nhóm tác giả, “Những thách thức trong tuần tra khu vực: Quan sát đối với một dự án tiền tiêu”, *Tạp chí Cảnh sát Hoa Kỳ* 7, (1988): 29-50.

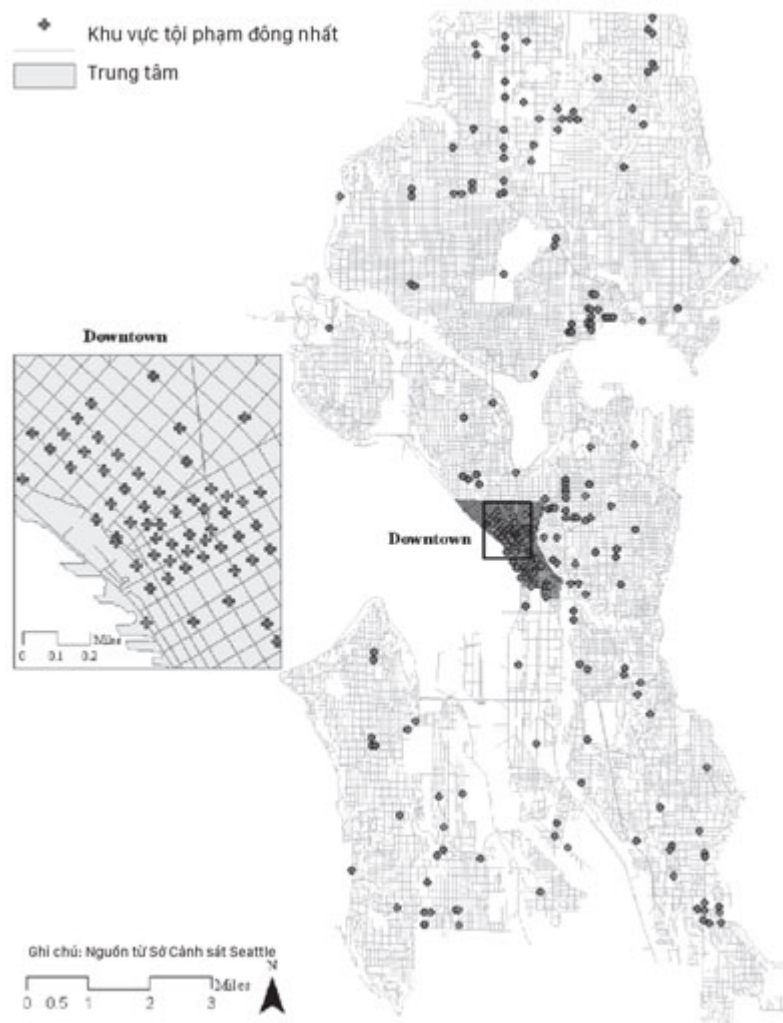
Sherman cũng có những suy nghĩ tương đồng: Larry Sherman và nhóm tác giả, *Ngăn chặn Tội phạm dựa trên Bằng chứng* (London: Routledge, 2002). (Cả Sherman và Weisburd đều có bút lực dồi dào. Tôi đăng kèm ở đây một ví dụ nhỏ công việc của họ ở đây; nếu bạn thấy thú vị, thì còn rất nhiều nội dung như thế này để bạn tìm đọc thêm!)

“Chúng tôi chọn Minneapolis”: L. W. Sherman và nhóm tác giả, “Những điểm nóng cho những trộm tội phạm: Hoạt động thường ngày và tính tội phạm của địa điểm”, ấn phẩm *Tội phạm học*(1989): 27–56.

Một nửa số tội phạm trong thành phố [Boston]: Glenn Pierce nhóm tác giả, “Tính chất công việc cảnh sát: chiến lược và thủ thuật ứng dụng”, *Trung tâm Nghiên cứu Xã hội Thực hành Đại học Northeastern*, tháng 11 năm 1988. Mặc dù các tác giả không lường

trước được rằng dữ liệu của họ hỗ trợ Luật Tập trung Tội phạm, Weisburd đã ghép các mảnh ghép lại khi ông nhìn vào kết luận của họ.

Weisburd vẽ hình mẫu tội phạm ở Seattle:



Xem Hình 2 trong David Weisburd và nhóm tác giả, “Thấu hiểu và Kiểm soát Điểm nóng Tội phạm: Tầm quan trọng của kiểm soát xã hội chính thống và phi chính thống”, *Khoa học Ngăn ngừa* 15, số 1 (2014): 31-43, doi:10.1007/s11121-012-0351-9. Bản đồ cho thấy tội phạm qua các giai đoạn từ 1989 đến 2004. Để tìm hiểu thêm về

nghiên cứu của Weisburd về tội phạm và địa điểm, xem David Weisburd và nhóm tác giả, *The Criminology of Place: Street Segments and Our Understanding of the Crime Problem (Tội phạm học về Địa điểm: Các khúc phố và Sự hiểu biết của chúng ta về Vấn đề Tội phạm)* (Oxford: Oxford University Press, 2012), và David Weisburd và nhóm tác giả, *Place Matters: Criminology for the Twenty-First Century (Địa điểm là Quan trọng: Tội phạm học cho Thế kỷ Hai Mươi Một)* (New York: Cambridge University Press, 2016).

Không lâu sau khi tôi gặp Weisburd vào năm 2018, ông sắp xếp cho tôi một ngày để thực địa cùng một đồng nghiệp của ông, Claire White. Hai người họ đang thực hiện một dự án nghiên cứu “điểm nóng” trị giá nhiều triệu đô-la ở Baltimore từ năm 2012 - nghiên cứu 450 khúc phố phố chạy ngang dọc khắp thành phố. “Một điều đã hình thành chắc chắn đó là tội phạm cực kỳ tập trung”, White giải thích. “[Weisburd] đã cho chúng ta thấy ở vô số các thành phố là đủ loại dữ liệu khác nhau. Câu hỏi lớn ở đây là tại sao? Có điều gì về những địa điểm này mà lại thu hút lượng tội phạm đông đặc đến vậy?”

White và Weisburd thuê 40 sinh viên tham gia làm phỏng vấn. Họ điều các sinh viên này mỗi ngày đi ra ngoài để thu thập và ghi chép lại tình hình của 450 khúc phố, thu thập càng nhiều thông tin càng tốt mà họ lấy được từ người dân sinh sống ở đó. “Chúng tôi đòi hỏi những dữ liệu mà chúng tôi gọi là hiệu lực tổng hợp, tính sẵn sàng can thiệp”, White nói. “Nếu có những đứa trẻ hư đang trèo lên nóc một chiếc xe đậu trên phố, thì những người sống xung quanh sẵn sàng lên tiếng ở mức độ nào? Nếu một trạm cứu hỏa bị đóng

cửa, thì cư dân xung quanh có sẵn lòng làm một điều gì đó về việc này? Những kiểu sẵn sàng can thiệp như thế cũng tương tự như đối với lòng tin. Bạn có tin hàng xóm của mình không? Bạn có chia sẻ những giá trị giống với hàng xóm của mình không?... Chúng tôi có những câu hỏi về cảnh sát: Bạn có nghĩ cảnh sát đối xử công bằng với bạn không? Bạn có nghĩ cảnh sát đối xử với mọi người bằng sự tôn trọng không?”

Vì mục đích so sánh, một số khúc phố sẽ được tính là “điểm lạnh”, được tính là những khúc phố với ít hơn bốn cuộc gọi cảnh sát một năm. Một điểm nóng là bất cứ nơi nào có nhiều hơn mười tám cuộc gọi cảnh sát một năm. Hãy nhớ trong đầu rằng Baltimore là một thành phố từ thế kỷ mười tám - các khúc phố cực kỳ ngắn. Vì thế con số tối thiểu là 18 cuộc gọi cảnh sát một năm là tính trong một khúc phố mà bạn có thể đi bộ không quá một phút. White nói một vài con phố trong nghiên cứu có đến trên *sáu trăm cuộc* gọi đề nghị cảnh sát trong vòng một năm. Đó chính là điều mà Weisburd muốn nói đến khi nhắc đến Luật Tội phạm Tập trung. Hầu hết các con phố không có cuộc gọi nào. Một lượng nhỏ các con phố là nơi diễn ra hầu hết các tội phạm trong khu vực.

White và tôi bắt đầu cuộc đi tuần ở Tây Baltimore, không xa tính từ trung tâm thành phố. “Đây nổi tiếng là một trong những khu vực tội phạm cao nhất. Đó là nơi Freddie Gray bị bắt giữ và trở thành nơi các cuộc bạo loạn diễn ra”, bà nói, ám chỉ vụ án năm 2015 của một thanh niên người Mỹ gốc Phi chết khi đang bị cảnh sát bắt giữ, trong những hoàn cảnh gây nghi ngờ, dẫn đến những cuộc biểu tình giận dữ. “Nếu bạn đã xem *The Wire*, thì bạn sẽ biết Tây Baltimore nghĩa là gì”. Khu vực này là một khu vực điển hình của một thành phố già

phía tây bắc: các con phố hẹp, các tòa nhà gạch đỏ. Một vài con phố được chỉnh trang, một số thì không. “Có vô số những khu vực mà khi bước vào, bạn lập tức cảm nhận được mình đang ở trong một khu phố đáng yêu, phải không? Bạn cảm thấy dễ chịu”, White nói, khi bà tiếp tục lướt xe tiến vào tâm của khu dân cư. “Thế rồi bạn vào một góc và thế là bạn đang ở trên một con phố mà tất cả mọi thứ đều được đóng rào chắn. Đó là một thành phố ma. Bạn băn khoăn không biết có ai sống trên con phố này không».

Bà dẫn tôi đến khúc phố đầu tiên được nghiên cứu và đậu xe ở đó. Bà muốn tôi đoán xem khúc này là một điểm nóng hay một điểm nguội. Ở góc phố có một nhà thờ thế kỷ mười chín cầu kì, và phía sau nó là một công viên nhỏ. Khúc phố có những nhà thiết kế kiểu Âu châu duyên dáng. Mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ. Tôi nói tôi nghĩ hẳn đây phải là một điểm nguội. Bà lắc đầu. “Đây là một con phố đầy bạo lực”.

Bà lái xe đi tiếp.

Đôi khi danh tính của một con phố bộc lộ rõ ràng: một khu nhà bần thiêu với một quán rượu ở một góc và dịch vụ bảo kê Slick Rick ở đầu còn lại và nó là một khu chính xác như vẽ bề ngoài - một điểm nóng kếp, nơi hoạt động của cả tội phạm và ma túy. “Có những điểm mà mọi thứ sáng rõ như ban ngày, phải không?” White hỏi tôi. “Anh bước ra khỏi ô tô và mọi người trên phố bắt đầu hét lên mã số của cảnh sát đang tiến vào”. Bà bắt đầu cười. “Tôi rất thích đi cùng các nhà nghiên cứu thực địa như thế này, khi họ kể, ‘Đấy là mã số của *chúng ta* đang được kêu trên phố đấy’. Một lần, ngay giữa ban ngày ban mặt, các nhân viên nghiên cứu hiện trường của White thấy mình

đang kẹt giữa một cuộc đấu súng; không có gì mơ hồ ở những khúc phố này.

Nhưng lại có những con phố dẫn xuống cấp nhưng lại hoàn toàn ổn. Một lần, giữa một đoạn đường đặc biệt ảm đạm, chúng tôi bắt gặp một ốc đảo nhỏ: hai con phố liên tiếp có những bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận và những ngôi nhà mới sơn. Một tòa nhà lớn bỏ hoang có treo một tấm biển trên cửa sổ, ám chỉ đến đoạn Kinh Thánh John 14:2,3: “Trong nhà của cha tôi có rất nhiều phòng”. Phải đó là bằng chứng trớ trêu thể hiện chức năng hay rối loạn chức năng?

Tôi hỏi White giải thích xem có mẹo nào để phát hiện ra một khúc phố thuộc dạng nào không. Đôi khi bà có thể. Nhưng thường là không. “Chính xác là như vậy”, bà nói, “Môi trường xung quanh không luôn cho bạn biết chuyện gì đang xảy ra. Trong nghiên cứu tiên tiêu của chúng tôi, trong những con phố chúng tôi chọn là một điểm nóng bạo lực. Cảnh sát và người sàng lọc phản ứng kiểu như, ‘Làm gì có chuyện đây là điểm nóng tội phạm’. Tất cả các ngôi nhà đều được chăm sóc kỹ lưỡng. Một con phố xinh đẹp. Tôi đến và kiểm tra để đảm bảo chắc chắn là mình không bị nhầm lẫn. Tôi nghĩ có khi là có điều gì nhầm lẫn với dữ liệu của chúng tôi. Tôi gặp người cảnh sát đã tuyên bố không có chuyện đây là điểm nóng, nhưng nó đúng là một điểm nóng. Không phải lúc nào bạn cũng xác định được”.

Bài học rút ra từ buổi chiều lái xe vòng quanh Baltimore với Claire White đó là thật sự rất dễ để mắc sai lầm về những người lạ. Baltimore là một thành phố nơi mà tỉ lệ giết người cao gấp nhiều lần so với mức trung bình của toàn quốc. Điều đơn giản nhất trên thế giới này đó là nhìn vào những tòa nhà bị bỏ hoang và nghèo đói và

những tay buôn bán ma túy gọi tên số hiệu cầu bạn, sau đó coi tất cả các khu vực và mọi người trong khu vực là cùng một ruộc. Nhưng quan điểm của Luật Tội phạm Tập trung đó là hầu hết các con phố trong “các khu vực đó” đều hoàn toàn bình thường. Điểm nóng chỉ là *một điểm*, không phải là một khu vực. “Chúng ta hướng sự tập trung của mình vào tất cả những người xấu”, White nói về tai tiếng của Baltimore, “nhưng trên thực tế, ở đó hầu hết là những người tốt”. Sự vô tri của chúng ta đối với những gì không quen thuộc chính là nhân tố thổi bùng sự sợ hãi của chúng ta.

“Cal có vẻ hài lòng... tôi bơi vào bờ”: Sylvia Plath, *The Bell Jar* (London: Faber and Faber, 1966), trang 175, 179, 181. tỉ lệ phụ nữ ở Anh Quốc tự tử cao nhất từ trước tới thời điểm đó: Xem Hình 3 trong Kyla Thomas và David Gunnell, “Tự tử ở Anh Quốc và xứ Wales 1861-2007: Một phân tích xu hướng thời gian” *Tạp chí Quốc tế Dịch tễ học* 39, số 6 (2010): 1464-75, <https://doi.org/10.1093/ije/dyq094>.

Bản đồ Thành phố Jersey của Weisburd: Xem hình 2 trong David Weisburd và nhóm tác giả, “Liệu tội phạm có chuyển sang phố bên cạnh? Một nghiên cứu kiểm soát về sự rải rác và lan tỏa khi kiểm soát tội phạm”. *Tội phạm học* 44, số 3 (08, 2006): 549–92. doi: <http://dx.doi.org.i.ezproxy.nypl.org/10.1111/j.1745-9125.2006.00057.x>.

“Tôi đạp xe trái phép...lao về phía bóng đèn điện”: Anne Sexton, “The Barfly Ought to Sing”, ấn phẩm *TriQuarterly* số 7 (1996): 174–75, trích dẫn trong Diane Wood Middlebrook, *Anne Sexton: Một tiểu sử* (New York: Houghton Mifflin, 1991), trang 107. Đồng thời cũng từ cuốn tiểu sử của Middlebrook biography: “được

chuẩn bị để kết liễu đời mình”, trang 165; “Cô ấy tháo nhẫn ra khỏi các ngón tay...vòng tay quen thuộc” và “ngạc nhiên bởi vụ tự tử của cô ấy”, trang 397; “Chuyện Ernest Hemingway...cảm giác sợ hãi ấy”, “lối giải thoát của phụ nữ”, “Tôi mê mẩn...cái chết hoàn hảo» và “người đẹp ngủ mê», tất cả đều ở trang 216.

Biểu đồ phương thức tự tử tính theo tỉ lệ tử vong: “Các phương thức tự tử tính theo mức độ tử vong”, Harvard T. H. Chan, Trường Y tế Công cộng, 6/1/2017, <https://www.hsph.harvard.edu/means-matter/means-matter/case-fatality>, truy cập ngày 17/3 2019.

“Kẻ buồn giấc ngủ, kẻ buồn cái chết...Đang ăn kiêng cái chết”: Anne Sexton, “Sự nghiện”, trong *Tuyển tập các bài thơ* (New York: Open Road Media, 2016), trang 165.

Hãy nhìn vào việc các cuộc tự tử bằng carbon monoxide thuyên giảm qua các năm tính từ sau năm 1975. Giống hệt như biểu đồ số vụ tự tử ở nước Anh vào thời điểm khí đốt thành phố bị kết liễu. Xem Hình 4 trong Neil B. Hampson và James R. Holm, “Tự tử bằng carbon monoxide đã giảm nhờ kiểm soát khí thải ô tô, Undersea and Hyperbaric Medical Society, Inc. 42 (2): 159-64, tháng 3 năm 2015.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT: NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG: THỬ NGHIỆM Ở THÀNH PHỐ KANSAS

“Rất nhiều người... biết về điều này”: George Kelling và nhóm tác giả, “Thử nghiệm Tuần tra Dự phòng ở Thành phố Kansas: Một báo cáo tổng hợp” (Washington, DC: Police Foundation, 1974), p. v, <https://www.policefoundation.org/wp-content/uploads/>

2015/07/Kelling-et-al.-1974-THE-KANSAS-CITY-PREVENTIVE-PATROL- EXPERIMENT. pdf.

“Các vấn đề xã hội...đang diễn ra là rất nhỏ”.: Alan M. Webber, “Tội phạm và Quản lý: Phỏng vấn Cảnh sát trưởng New York Lee P. Brown”, *Harvard Business Review* 63, số 3 (Tháng Năm-Sáu 1991): 100, [https:// hbr.org/1991/05/crime-and-management-an-interview-with-newyork-city-police-commissioner-lee-p-brown](https://hbr.org/1991/05/crime-and-management-an-interview-with-newyork-city-police-commissioner-lee-p-brown).

“Một cậu bé 4 tuổi...bệnh hoạn và đáng căm phẫn”: George Bush, “Phát biểu với Lực lượng hành pháp ở thành phố Kansas, Missouri”, 23/1/1990, trong *George Bush: Các bài phát biểu trước công chúng của Tổng thống Hoa Kỳ, 1/1-30/1/1990*, trang 74.

Mô tả về lực lượng tuần tra Quận 144 của thành phố Kansas được lấy từ Lawrence Sherman và các tác giả, “Thí nghiệm Súng ở Thành phố Kansas”, Học viện Tư pháp Quốc gia, tháng 1 năm 1995, [https:// www.ncjrs.gov/pdffiles/kang.pdf](https://www.ncjrs.gov/pdffiles/kang.pdf), chiến lược mới giảm một nửa tội phạm súng ở Quận 144, Phụ lục 6, số liệu tính trong 200 ngày của Thí nghiệm tìm súng, trang 6.

“Cảnh sát đến từng nhà... ‘anh lại ghé qua thế này’”: James Shaw, “Cảnh sát khu vực chống lại tội phạm: Bạo lực và Vũ khí (trích luận văn Tiến sĩ, Đại học Maryland College Park, 1994), trang 118; “Không giống các khu dân cư... không thấy điều gì cả”, trang 122– 23; dữ liệu trong 7 tháng của thí nghiệm tìm súng thành phố Kansas, trang 136; “Cảnh sát phát hiện ra... ‘đêm nay sẽ là đêm ấy!’ “ trang 155–56.

“Khi anh chặn một người đàn ông... thực hiện hành động lục tìm vũ khí”. (phần ghi chú) Erik Eckholm, “Ai mang súng? Các dấu hiệu trong ngôn ngữ cơ thể”, *New York Times*, 26/5/1992,

<https://www.nytimes.com/1992/05/26/nyregion/who-s-got-a-gun-clues-are-in-the-body-language.html>.

“Và rồi có các điều khoản bao trùm... không thể tranh cãi của viên cảnh sát”: David A. Harris, “Lái xe khi là người da đen và tất cả những vụ vi phạm giao thông: tòa án tối cao và các cuộc dừng viện có”, *Tạp chí Luật Tội phạm và Tội phạm học* 87, số 2 (1997): 558,

<https://scholarlycommons.law.northwestern.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=6913&context=jclc>.

Tòa án Tối cao ra phán quyết bênh vực cho cảnh sát: *Heien v. Bắc Carolina*, 135 S. Ct. 534 (2014), <https://www.leagle.com/decision/insco20141215960>.

“Tôi không biết tại sao... quá đơn giản cho chúng tôi”: Fox Butterfield, “Một cách để bắt được người mang súng: Đoạt súng”, *New York Times*, 20/11/1994, <https://www.nytimes.com/1994/11/20/us/a-way-to-get-the-gunmen-get-the-guns.html>.

Năm 1991 trên *New York Times*: Don Terry, “Cảnh sát thành phố Kansas săn đuổi “những kẻ xấu”,’ 10/9/1991, <https://www.nytimes.com/1991/09/10/us/kansas-city-police-go-after-own-bad-boys.html>.

Về việc gia tăng các cuộc dừng giao thông ở Bắc Carolina trong đầu những năm 2000, xem Deborah L. Weisel, “Chúng tộc và dân tộc trong các cuộc dừng giao thông ở Bắc Carolina, 2000–2001: Xem xét bằng chứng”, Hiệp hội Cảnh sát Bắc Carolina, 2014, <http://ncracialjustice.org/wp-content/uploads/2015/08/Dr.-Weisel-Report.compressed.pdf>.

Một trong những cựu sinh viên của Weisburd (phần ghi chú): E. Macbeth and B. Ariel, “Sự đoán sơ bộ so với thống kê dựa trên địa điểm về các điểm nóng tội phạm và các địa điểm xấu ở Bắc Ireland”, *Justice Quarterly* (tháng 8 năm 2017): 22, <http://dx.doi.org/10.1080/07418825.2017.1360379>.

CHƯƠNG MƯỜI HAI: SANDRA BLAND

“Cha nội... kéo cô ấy ra khỏi xe là cái gì?”: Nick Wing và Matt Ferner, “Đây là những gì cảnh sát và những người ủng hộ của họ nói về vụ bắt giữ Sandra Bland”, *HuffPost*, 22/7/2015. https://www.huffingtonpost.com/entry/cops-sandra-bland-video_us_55afd6d3e4b07af29d57291d.

“Một nhân viên của Sở Cảnh sát... bị kích động mạnh mẽ”
Sở tay Hướng dẫn Sở An toàn Cộng đồng Texas, Chương 5, Điều Section 05.17.00, <https://www.documentcloud.org/documents/3146604DPSGeneralManual.html>.

Các cuộc tìm kim đáy bể của TSA: Văn phòng Báo chí DHS, “Thông cáo Báo chí DHS 2014 về Số liệu thống kê Đi lại và Thương mại”, 23/1/2015, <https://www.dhs.gov/news/2015/01/23/dhs-releases-2014-travel-and-trade-statistics>, tháng 3 năm 2019.

“vượt trên tám phiếu phạt” và những trích dẫn khác của Remsberg: Charles Remsberg, Thủ thuật dừng xe tội phạm: *Dừng xe, tìm ma túy và cảnh sát sống sót* (Northbrook, Ill.: Calibre Press, 1995), trang 27, 50, 68. Cũng từ nguồn này: “Nếu bạn bị buộc tội... trường hợp bị cáo», trang 70; “che giấu thẩm vấn” và “Trong khi bạn

lặng im phân tích... chứng có phạm tội”, trang 166; và “Quá nhiều cảnh sát... điều mà nghi phạm làm”, trang 83–84.

lái xe “cứng đờ và căng thẳng”: *Heien v. North Carolina*, 135 S. Ct. 534 (2014), <https://www.leagle.com/decision/insco20141215960>.

Khi anh ta tiếp cận chiếc xe dừng bên đường: Gary Webb, “DWB: Lái xe khi là người da đen”, *Esquire* 131, số 4 (Tháng Tư 1999): 118–27. Bài báo của Webb thực sự là tài liệu đầu tiên ghi lại việc sử dụng kỹ thuật của cảnh sát thành phố Kansas ngày càng gia tăng. Bài báo thật sự rất tuyệt - và sồn da gà. Tại một thời điểm, ông ngồi lại với một cảnh sát ở Florida tên là Vogel, một người năng nổ cổ vũ cho các cuộc tìm kiếm chủ động. Vogel tự hào về giác quan thứ sáu của mình trong việc phát hiện những tên tội phạm khả nghi. Các dữ liệu khác [Vogel] nói như là đồ trang sức như hoa tai, vòng mũi, vòng mí mắt... Tất cả đều là những mẫu số chung của những người dính dáng đến phạm tội. Hình xăm cũng được liệt kê vào đây, đặc biệt là hình xăm “lá cần sa”. Các tấm đề can dán ở tấm cản xe cũng cho anh ta cảm nhận về tâm hồn của người lái xe. “Miếng dán hình đầu lâu xương chéo chẳng hạn - hầu hết những người đi những kiểu phương tiện ấy đều dính dáng tới ma túy”.

Xin vái cả nón. // Hãy tha cho tôi.

một ngày trong sự nghiệp của Brian Encinia: Nhân viên *Los Angeles Times* Staff, “Trích lục cảnh sát tuần tra Brian Encinia”, *Los Angeles Times*, 9/8/2015, <http://spreadsheets.latimes.com/citationstrooper-brian-encinia/>.

“Tôi kiểm tra... thừa vâng” (và tất cả những phân tích dẫn hỏi đáp giữa Encinia/Renfro): Phỏng vấn Cleve Renfro (Trung úy Sở An toàn Cộng đồng Texas, 8/10/2015. Phần âm thanh lấy được từ

KXAN-TV

ở

Austin,

<https://www.kxan.com/news/investigations/trooper-firedfor-sandra-bland-arrest-my-safety-was-in-jeopardy/1052813612>, tháng 4 năm 2019.

“Một người điều khiển phương tiện giao thông phải sử dụng đèn tín hiệu...”: quy định An toàn đường bộ Texas, Điều 7: Phương tiện tham gia giao thông, mục C: Luật đường bộ, Chương 545: Điều khiển và Sử dụng Phương tiện cơ giới, Khoản 104, 106, trang 16, <https://statutes.capitol.texas.gov/?link=TN>.

“Trong văn hóa phương Tây... người điều tra” John E. Reid và nhóm tác giả, *Kỹ thuật cơ bản REID: Điều tra tội phạm và Thú tội* (Sudbury, Mass.: Jones and Bartlett Publishers, 2005), trang 98.

Cẩm nang REID ngập tràn những thủ thuật phát hiện nói dối mà nói thẳng ra là vớ vẩn. Ví dụ “hệ thống” Reid dạy người thẩm vấn cần phải cảnh giác với những đầu mối phi ngôn ngữ, trong đó có tác dụng “phóng đại” những gì đối tượng nói. Khi nói tới các đầu mối phi ngôn ngữ, họ muốn nói là dáng vẻ và điệu bộ của tay, và những thứ tương tự. Như trong cẩm nang tuyên bố ở trang 93, “vì thế những biểu hiện thông thường, ‘hành động nói lên nhiều điều hơn lời nói,’ và ‘nhìn thẳng vào mắt tôi nếu anh đang nói sự thật.’”

Nếu bạn chồng tất cả những tài liệu khoa học kiểu này lên nhau thì chúng có thể chất cao hơn núi. Đây là một trong những bài phê bình yêu thích của tôi, từ Richard R. Johnson, một nhà tội phạm học ở Đại học Toledo. (Nghiên cứu của Johnson có thể được tìm thấy ở đây: “Chủng tộc và sự Phụ thuộc của Cảnh sát vào những đầu mối Phi Ngôn ngữ ở Đối tượng Khả nghi”, *Cảnh sát: Policing: Tạp chí*

Quốc tế về Chiến lược và Quản lý Cảnh sát 30, số 2 [Tháng Sáu 2007]: 277-90.)

Johnson quay lại và xem lại các tập phim tài liệu kéo dài nửa giờ có tên gọi *Cóm*. Bạn có thể vẫn còn nhớ chương trình này: lên sóng lần đầu vào năm 1989 và ngày nay vẫn còn phát sóng, được coi là một trong những chương trình dài nhất trong lịch sử truyền hình Mỹ. Một đội quay phim sẽ đi cùng với một cảnh sát và ghi hình - theo kiểu *thực tế*, không có lời dẫn truyện - bất cứ điều gì diễn ra vào ca trực hôm đó. (Nó hấp dẫn một cách kỳ lạ, mặc dù người ta có thể dễ dàng quên mất rằng những gì họ xem trong một tập phim điển hình *Cóm* đều được biên tập kỹ càng; cảnh sát không bận rộn đến mức ấy.) Johnson xem 480 tập phim cũ của *Cóm*. Ông quan sát tương tác giữa cảnh sát và người dân trong đó hình ảnh của người dân hiện trên khuôn hình, từ ngực trở lên, trong vòng ít nhất sáu mươi giây. Ông tìm thấy 452 đoạn phim như thế. Sau đó ông chia các đoạn băng ra thành hai đối tượng “vô tội” và “ngghi phạm”, dựa trên những thông tin được cung cấp trong chương trình. Liệu người mẹ này, trên tay vẫn bồng đứa con nhỏ, có đúng là vừa bị trộm đột nhập nhà không? Hay cậu thanh niên vội bỏ chạy khi vừa trông thấy cảnh sát kia có bị tóm lại cùng nữ trang của người phụ nữ nằm trong balo của cậu ta? Sau đó ông phân loại các đoạn băng thêm một lần nữa theo tiêu chí sắc tộc - da trắng, da màu và người có nguồn gốc Mexico.

Cũng cần phải chỉ ra rằng có một số lượng nghiên cứu nhỏ hơn đối với những cái được gọi là manh mối tội phạm. Nhưng nghiên cứu của Johnson đặc biệt bởi vì nó không phải được thực hiện trong phòng thí nghiệm tâm lý của trường đại học. Mà là ở đời thực.

Hãy bắt đầu với điều mà rất nhiều cảnh sát tin rằng đó là dấu hiệu quan trọng nhất của kẻ phạm tội - giao tiếp bằng mắt. Kỹ thuật đào tạo Reid - cuốn cẩm nang hướng dẫn được sử dụng rộng rãi nhất trong các lực lượng hành pháp ở Mỹ - viết rất rõ về điều này: Những người nói dối nhìn đi chỗ khác. Những người nói thật duy trì giao tiếp bằng mắt.

Vậy thì Johnson tìm thấy điều gì khi soi chiếu ý tưởng này trong ánh sáng của những tình huống thực tế - những tương tác thực trong chương trình *Cóm*? Liệu những người vô tội có nhìn thẳng vào mắt cảnh sát nhiều hơn so với những người phạm tội?

Johnson tính toán tổng số giây duy trì giao tiếp bằng mắt trên một phút ghi hình.

Trên thực tế, những người da màu hoàn toàn vô tội ít nhìn vào *mắt cảnh sát* hơn những người da màu là nghi phạm của một vụ phạm tội. Giờ hãy nhìn vào những người da trắng:

Điều đầu tiên ghi nhận được ở đây là người da trắng trên *Cóm* về tổng thể là nhìn thẳng vào mắt cảnh sát nhiều hơn rất nhiều so với người da đen. Trên thực tế, những kẻ tình nghi phạm tội da trắng sử dụng hầu hết thời gian, nhiều nhất trong bốn nhóm, nhìn thẳng vào mắt cảnh sát. Nếu bạn sử dụng thước đo nhìn thẳng vào mắt người khác như một dấu hiệu để đánh giá tính khả tín của một người, thì bạn sẽ nghi ngờ những người da đen nhiều hơn rất nhiều so với những người da trắng. Tệ hại hơn, bạn sẽ trở nên nghi ngại tất cả những người Mỹ gốc Phi *hoàn toàn vô tội*.

Hãy xem xét tiếp biểu hiện khuôn mặt. Kỹ thuật Reid dạy các sĩ quan cảnh sát rằng các biểu hiện khuôn mặt cung cấp những dấu hiệu đáng giá bộc lộ nội tâm của người bị tình nghi. Liệu tôi có bị

phát hiện không? Liệu tôi có sắp bị lật mặt không? Như trong cảm nang đã ghi rõ:

“Thực tế đơn thuần của một số kiểu biểu hiện có thể là gợi ý cho sự thiếu trung thực, trong khi một số biểu hiện khác có thể là gợi ý cho sự thành thực (Reid và nhóm tác giả, Những kỹ thuật căn bản của Reid, trang 99).

Đây chính là phiên bản của ý tưởng chung trong đó nêu rằng một ai đó phạm lỗi hoặc cảm thấy bị đe dọa, họ mỉm cười rất nhiều.

Các khảo sát dành cho cảnh sát cho thấy mọi người trong lực lượng hành pháp cho rằng “cười nhiều” là dấu hiệu cho thấy có điều gì bất thường ở đây. Sử dụng ngôn ngữ của trò chơi xì tố, thì hành vi này được coi là “tó”. Đây là một bản phân tích nụ cười của Johnson đối với chương trình *Cóm*. Lần này tôi đính kèm thêm dữ liệu của Johnson đối với những người gốc Mexico.

Một lần nữa, nguyên tắc cơ bản chỉ dẫn cho rất nhiều cảnh sát lại cho kết quả hoàn toàn ngược lại. Những người cười nhiều nhất hầu hết là những người Mỹ gốc Phi vô tội. Những người cười ít nhất là những nghi phạm người gốc Mexico. Kết luận duy nhất khả dĩ trong biểu đồ này khi xuất hiện trên chương trình *Cóm*, là người da đen cười rất nhiều, người da trắng cười ít hơn một chút, và người gốc Mexico hầu như không cười cợt gì cả.

Hãy thực hiện thêm một khảo sát: trả lời nhất gừng. Nếu ai đó đang cố gắng giải thích, và liên tục ngập ngừng, ngắc ngứ khi nói, chúng ta cho đó là dấu hiệu của lảng tránh và lừa gạt. Đúng không? Vậy thì dữ liệu trong *Cóm* nói điều gì?

Những nghi phạm Mỹ gốc Phi trò chuyện rất trôi chảy. Những người gốc Mexico thì à hừm à hằm, cà lăm nhất. Nếu bạn làm theo

những gì cảm nang Reid chỉ dẫn, bạn sẽ bỏ tù ông người Mẽ vô tội và bị lừa gạt bởi ông người Mỹ gốc Phi có tội.

Liệu điều này có nghĩa là chúng ta cần những bộ nguyên tắc diễn giải cụ thể hơn cho các sĩ quan cảnh sát? *Hãy coi chừng gã da đen ăn nói trơn tru như mỡ. Người da trắng nào mà không mỉm cười hẳn là có âm mưu mờ ám chi đây.* Không! Cách đó cũng không hiệu quả, bởi vì còn vô số những ẩn số mà Johnson chưa lật mở được.

Ví dụ, hãy xem loạt câu trả lời tạo thành các con số trung bình. Giao tiếp bằng mắt của những người Mỹ gốc Phi vô tội nằm trong khoảng 7-49,41 giây. Những người vô tội da đen hầu như không bao giờ duy trì giao tiếp bằng mắt và những người vô tội da đen giao tiếp bằng mắt rất nhiều. Khung cho những người vô tội da đen mỉm cười là từ 0-13,34. Những người da đen vô tội cười rất nhiều - 13,34 lần một phút. Nhưng cũng có những người da đen không cười bao giờ. Khung dành cho những người da trắng vô tội “ăn nói cà lăm” là từ ,64-9,68. Như vậy là có những người da trắng à hằm, à hừm căng thẳng như thiếu niên, nhưng cũng có những người da trắng ăn nói trơn tru như Winston Churchill. Bài học duy nhất rút ra được ở đây là có vô vàn phản ứng của con người khi đề cập đến chuyện khi nào thì họ cười, họ cười ít hay nhiều, họ có nhìn vào mắt bạn không, hay là họ ăn nói có trôi chảy không. Và nỗ lực tìm ra một hình mẫu trong kiểu hành vi ấy là hoàn toàn bất khả thi.

Ấy khoan! Tôi còn chưa kể đến một đầu mối to đạ trong kỹ thuật Reid nữa: hãy nhìn những đôi tay!

Trong một câu trả lời, đôi tay của một đối tượng có thể thực hiện một trong ba điều sau. Chúng có thể không can dự và không di chuyển, và đó là dấu hiệu cho thấy đối tượng thiếu tự tin trong khi

trả lời câu hỏi hoặc đơn giản là không đang nói đến một điều gì đó được cho là rất quan trọng. Đôi tay có thể cách xa cơ thể và có những chuyển động, hay còn được gọi là minh họa. Cuối cùng, đôi tay có thể chạm vào một phần nào đó trong cơ thể, hành vi này được cho là một hành vi thích nghi (Reid và các tác giả, trang 96).

Tiếp theo, cầm nang đưa ra lý giải về việc các loại chuyển động khác nhau của đôi tay có thể cho chúng ta biết điều gì về đối tượng, họ đang nói sự thật hay là không. Kỹ thuật Reid cho rằng có một kiểu mẫu đối với chuyển động của tay. Thật ư? Đây là dữ liệu chuyển động tay của Johnson. Lần này tôi đính kèm một dải các câu trả lời - câu trả lời ngắn nhất được ghi lại nằm trong cột thứ hai và dài nhất nằm trong cột thứ ba. Hãy nhìn xem:

Động tác tay tính theo phút

Nếu bạn có thể hiểu được những con số này muốn nói điều gì, thì bạn thông minh hơn tôi rồi đấy.

Nhân tiện, điều kỳ cục nhất trong số tất cả những ám ảnh của kỹ thuật Reid là điều này: “Những thay đổi trong hành vi đôi chân - dù là đột nhiên chuyển động hoặc dừng lại - xảy ra trong quá trình trả lời một câu hỏi có thể là dấu hiệu đáng chú ý thể hiện sự lừa lọc... Đôi chân tham gia vào sự thay đổi đáng kể về một cách đáng kể được gọi là “đôi chân trên ghế”. Với hành vi này, đối tượng chống thẳng chân xuống đất và cơ bản là đẩy người thẳng lên, hơi nhích mông khỏi ghế để đổi sang tư thế mới. Sự thay đổi tư thế trên ghế theo cách này là những dấu hiệu tốt cho thấy họ đang nói dối khi chúng diễn ra ngay trước hoặc xảy ra đồng thời với câu trả lời của đối tượng”. (Reid và nhóm tác giả, Khái quát về Kỹ thuật Reid, trang 98).

Gì cơ? Chính tôi, thật vô tình lại là kiểu người thường xuyên căng thẳng đôi chân. Tôi đôi chân khi phấn khích, hoặc khi căng thẳng, hoặc khi uống quá nhiều cà phê. Thế quái nào mà thói quen ấy lại liên quan đến việc tôi nói dối hay là nói thật?

Một điểm nữa ở kỹ thuật Reid. Hãy để tôi trích dẫn ca thán của Brian Gallini trong bài báo điểm-luật đầy trần trụi, “‘Khoa học’ Cảnh sát trong Phòng thẩm vấn: Bảy mươi năm sử dụng các Phương pháp Thẩm vấn Giả-Tâm lý để moi những lời thú tội”, *Tạp chí Luật* 61 (2010): 529. Đoạn văn miêu tả một nghiên cứu được hoàn thành bởi Saul Kassin and Christina Fong: “‘Tôi vô tội!’: Những ảnh hưởng của đánh giá về sự thật và giả dối được đào tạo trong phòng thẩm vấn”, *Luật và Hành vi Con người* 23, số 5 (Tháng 10/1999): 499–516.

Cơ bản hơn, các Giáo sư Kassin và Fong đã ghi hình một nhóm người tham gia thẩm vấn được thực hiện dựa trên phương pháp Reid nhằm xác định xem liệu những người này có tham gia vào một vụ án giả lập hay không. Một nhóm người không được huấn luyện và một nhóm người được đào tạo theo phương pháp Reid cùng xem các đoạn video và đưa ra ý kiến về (1) mỗi đối tượng có tội hay vô tội, và (2) sự tự tin của mình trong quá trình giải thích có tội hoặc vô tội. Kết quả như đã được dự đoán và cũng rất gây bức xúc: Đầu tiên, tỉ lệ đánh giá chính xác chỉ tương đương tung đồng xu may rủi. Thứ hai, “những người được đào tạo sử dụng những dấu hiệu ngôn ngữ và phi ngôn ngữ không cải thiện tính chính xác khi đánh giá». Trong một nỗ lực nhằm giải thích tại sao những người được đào tạo lại không cải thiện tính chính xác trong đánh giá, các tác giả chỉ rõ: “Không có bất cứ một cơ sở thực nghiệm vững chắc nào cho đề

xuất rằng có cùng một bộ những dấu hiệu giống nhau đáng tin cậy để phân biệt giữa tội phạm và người vô tội bị buộc tội với những tội danh mà họ không phạm phải”.

Cuối cùng, các tác giả báo cáo rằng những người tham gia thử nghiệm quá tự tin với đánh giá vô tội hoặc có tội của họ. Đây là lời của các tác giả:

[Chúng tôi] nhận thấy giữa những người tham gia đã qua huấn luyện và những người không qua huấn luyện thì tính chính xác trong đánh giá và độ tin cậy không có mối liên hệ nào đáng kể, bất kể là việc đánh giá mức độ tin cậy được đưa ra trước, sau hay là trong nhiệm vụ. Bằng chứng xa hơn cho những vấn đề nhận thức tổng hợp trong lĩnh vực này là xếp hạng tin cậy chắc chắn có liên hệ với số lượng lý do (bao gồm cả những lý do dựa trên phương pháp Reid) được sử dụng làm cơ sở cho các phán đoán, một cách đánh giá phụ thuộc khác không ước đoán được độ tin cậy. *Được đào tạo có hiệu ứng ngược cụ thể trong vấn đề này. Đặc biệt, đối với những người được đào tạo khi so sánh với những người không qua đào tạo, những đánh giá về sự thật và lừa dối của họ kém chính xác hơn. Tuy vậy họ tỏ ra tự tin hơn và có những lý do cụ thể cho những đánh giá sai lầm của mình.*

“Xin thứ lỗi... vài tuần qua...”: “Tiếng nói Sandy Ngày 1/3/2015”, YouTube, đăng ngày 24/7/2015,, https://www.youtube.com/watch?v=WJw3_cvrcwE, truy cập ngày 22/3/2019.

Báo cáo của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ về Ferguson, Missouri: Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Tiểu ban Quyền công dân, “Điều tra về Sở Cảnh sát Ferguson”, 4/3/2015,

https://www.justice.gov/sites/default/files/opa/pressreleases/attachments/2015/03/04/ferguson_police_department_report.pdf.

Người Mỹ gốc Phi thường bị coi là đối tượng dừng giao thông nhiều hơn đáng kể (phần ghi chú): Charles R. Epp, Steven Maynard-Moody, và Donald Haider-Markel, *Làm sao Cảnh sát Dừng xe xác định được chủng tộc và quốc tịch* (Chicago: University of Chicago Press, 2004).

Dữ liệu thống kê Đội Tuần tra Cao tốc bang Bắc Carolina: “Mở dữ liệu cảnh sát: Bắc Carolina”, <https://opendatapolicing.com/nc/>, truy cập tháng 3 năm 2019.

FM 1098 không phải là khu vực “tội phạm cao, nhiều ma túy”: Bản đồ tội phạm này thể hiện số liệu của Hạt Waller County data từ năm 2013 đến năm 2017 được thu thập bởi trang thu thập dữ liệu tội có trụ sở đóng tại Baltimore SpotCrime, nguồn dữ liệu lấy từ các sở cảnh sát địa phương.

Còn nhiều điều tréo ngoe gây ra bởi những cuộc săn lùng tìm kim đáy bể: phụ nữ tuổi trung niên, ở hầu hết các quốc gia đều được khuyến khích chụp nhũ ảnh thường xuyên. Nhưng ung thư vú rất hiếm gặp. Thực tế, chỉ dưới 0,5% phụ nữ chụp nhũ ảnh mắc căn bệnh này. Vì thế tìm kiếm bệnh nhân ung thư vú là kiểu săn lùng tìm kim đáy bể.

Nhà dịch tễ học Joann Elmore gần đây đã tính toán xem con số này thực sự có nghĩa là gì. Bà nói, hãy tưởng tượng một nhóm bác sĩ đọc x-quang chụp nhũ ảnh của 100.000 phụ nữ. Theo thống kê, sẽ phải có 480 ca ung thư trong số 100.000 phụ nữ đó. Các bác sĩ tìm được bao nhiêu trong số này? 398. Tin tôi đi, đối với một nhiệm vụ khó như là đọc nhũ ảnh, thì như thế là rất khá.

Nhưng trong quá trình đưa ra được những chẩn đoán chính xác này, các bác sĩ x-quang cũng sẽ đồng thời phải chạy đủ 8.957 ca dương tính giả. Đây chính là kiểu hoạt động của các cuộc săn lùng tìm kim đáy bể: nếu bạn biết mức độ một người có súng trong hành lý là hiếm tới mức nào, thì rốt cuộc bạn sẽ phải lật mở rất nhiều hành lý chỉ để tìm thấy những chiếc máy sấy tóc.

Nào giờ giả sử bạn muốn tầm soát được các bệnh nhân ung thư tốt hơn. Có thể tìm ra được 398 ca trên tổng số 480 ca vẫn là chưa đủ tốt. Elmore đã thực hiện phép tính thứ hai, lần này sử dụng một nhóm bác sĩ đọc x-quang với trình độ cao cấp hơn. Họ rất cảnh giác và rất cẩn trọng - với mức độ nghiêm chỉnh như Brian Encinia trên đường cao tốc. Các bác sĩ này xác định được chính xác 422 ca trên tổng số 480 ca - tốt hơn rất nhiều rồi! Nhưng có bao nhiêu ca dương tính giả đòi hỏi sự chú ý cực kỳ sát sao? 10.947. Tương ứng là hơn hai ngàn phụ nữ hoàn toàn khỏe mạnh đã bị gấn cờ mắc căn bệnh mà họ không mắc, và có thể phải nhận những điều trị không cần thiết. Những bác sĩ x-quang cao cấp tìm được nhiều khối u hơn không phải vì họ đọc chính xác hơn. Họ làm tốt hơn bởi vì họ nghi ngờ nhiều hơn. Nhìn ai ở bất cứ đâu họ cũng thấy đó là bệnh nhân ung thư.

Nếu bạn là phụ nữ, thì bạn muốn nhóm bác sĩ x-quang nào sẽ đọc phim chụp nhũ ảnh của bạn? Bạn có lo lắng hơn về tỉ lệ nhỏ nhoi mà bạn có thể sẽ mắc bệnh ung thư nhưng bị bỏ qua, hay là băn khoăn với một xác suất lớn hơn rất nhiều rằng bạn được chẩn đoán ung thư nhưng thực tế là không? Không có câu trả lời đúng hay sai cho câu hỏi đó. Những người khác nhau sẽ có những thái độ khác đối với sức khỏe của họ, cũng như với các nguy cơ. Điều tiên

quyết ở đây là bài học mà các con số đã dạy cho chúng ta về các cuộc tìm kiếm mò kim đáy bể. Tìm kiếm một điều gì hiếm hoi đi kèm với một cái giá phải trả.